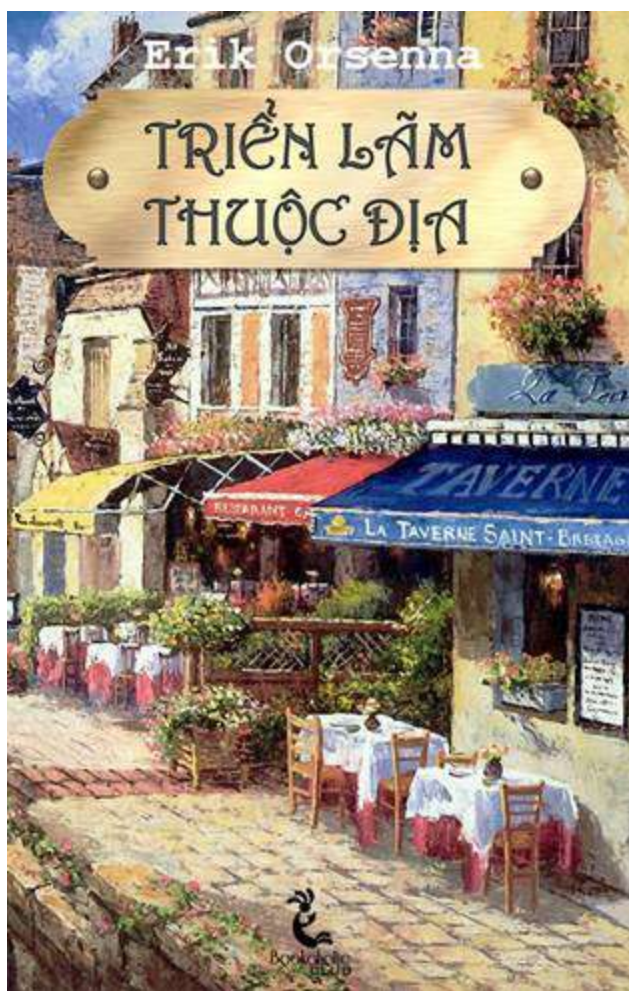


Erik Orsenna

TRIỂN LÃM THUỘC ĐỊA



Borlani
EDIZIONE



TRIỂN LÃM THUỘC ĐỊA

Erik Orsenna

Making Ebook Project

BOOKAHOLIC CLUB





Tên sách: **TRIỂN LÃM THUỘC ĐỊA**

Tác giả: **Erik Orsenna**

Dịch giả: Trịnh Xuân Hoàn, Nguyễn Mạnh Trường

Nguyên tác: *L'Exposition coloniale*

Nhà xuất bản: Văn học

Năm xuất bản: 1993

Số trang:

Tập 1: 414 trang

Tập 2: 511 trang

Khổ: 13 x 20 cm

Đánh máy:

Tập 1: **Van Nguyen, Thảo Nguyễn, Vân Anh, Trần Hà Sơn, Quang Vinh, Hạnh Mai, Thanh Tùng, Yến Chi**

Tập 2: **Tuyết Mai, Kim Yến, anlac, Phương, Ngọc Dung, Mai Hương, Thanh Tuyền, Như Nguyệt, Vy Duyên, Mai Anh**

Kiểm tra: **Quang Hải, Vy Duyên**

Chế bản ebook: **Thảo Đoàn**

Ngày thực hiện: 17/01/2011

Making Ebook Project #81 – www.BookaholicClub.com

Bạn đang đọc ebook **TRIỂN LÃM THUỘC ĐỊA** của tác giả **Erik Orsenna** do **Bookaholic Club** chế bản theo **Dự án chế bản Ebook (Making Ebook Project)**.

Mong rằng ebook này sẽ mang đến cho bạn một tác phẩm Văn học hay, giàu giá trị biểu cảm và nhân văn, với chất lượng cao. Chúng tôi luôn cố gắng mang đến những chế bản ebook tốt nhất, nếu trong quá trình chế bản có lỗi sai sót nào mong bạn góp ý và cho chúng tôi biết những ebook mà đang mong muốn.

Making Ebook Project của **Bookaholic Club** là một hoạt động phi lợi nhuận, nhằm mục đích mang đến những chế bản ebook hay, có giá trị với chất lượng tốt nhất mà chúng tôi có thể với Cộng đồng đọc - người Việt. Tuy nhiên, nếu bạn có khả năng xin hãy đọc tác phẩm này bằng sách trước hết vì lợi ích cho Nhà xuất bản, bản quyền tác giả và góp phần phát triển xây dựng nền Văn hóa đọc.

**Hãy chỉ đọc chế bản này trong điều kiện bạn không
thể tìm đến ấn phẩm sách.**

MỤC LỤC
GIỚI THIỆU TÁC GIẢ
GIỚI THIỆU TÁC PHẨM

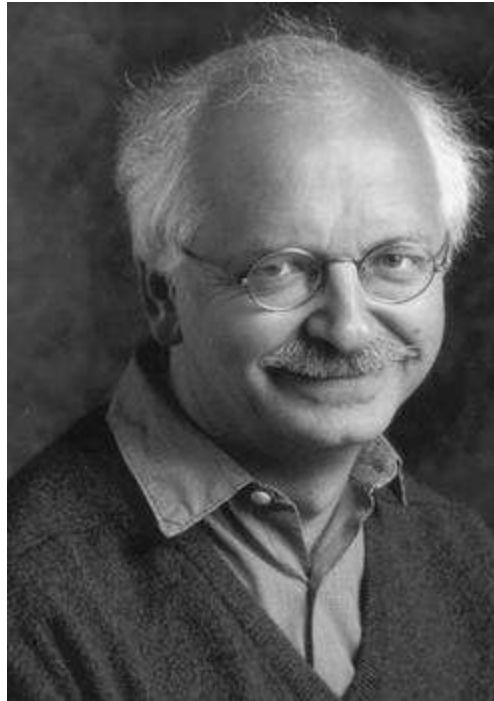
TẬP 1
PHẦN MỘT

TẬP 2
PHẦN HAI

PHẦN BA

PHẦN KẾT

GIỚI THIỆU TÁC GIẢ



Erik Orsenna tên thật là Erik Arnoult, sinh ngày 22 tháng 03 năm 1947 tại Paris, là một chính trị gia, đồng thời là tiểu thuyết gia người Pháp.

Một số tác phẩm của ông:

1973 *Loyola's blues*

1977 *La Vie comme à Lausanne*

1977 *Espace national et déséquilibre monétaire*, dưới tên thật là Erik Arnoult

1980 *Une comédie française*

1988 *L'Exposition coloniale*

1992 *Besoin d'Afrique*, với sự cộng tác của Éric Fottorino và Christophe Guillemin

1993 *Grand amour*

1996 *Histoire du monde en neuf guitares*, với Thierry Arnoult

1996 *Mésaventures du Paradis, mélodie cubaine*, với Bernard Matussièrè

1997 *Deux étés*

1998 *Longtemps*

2000 *Portrait d'un homme heureux : André Le Nôtre*

2001 *La grammaire est une chanson douce*

2003 *Madame Bâ*

2004 *Les Chevaliers du subjonctif*

2005 *Portrait du Gulf Stream*

2006 *Voyage au pays du coton*

GIỚI THIỆU TÁC PHẨM

Louis muốn làm chánh tham biện thuộc địa. Thực ra, đó là mong muốn của bà Marguerite, mẹ anh... Đến lúc lên đường, anh không còn thấy “nơi đó” kỳ lạ, mà chỉ thấy kinh khủng... Những xứ sở xa xôi mà người ta thềm muốn bỗng trở nên đáng sợ và Louis từ chối ra đi... Sau này, anh trao lại cho Gabriel, con trai mình, sứ mệnh thực hiện mơ ước của bà nội. “Triển lãm thuộc địa” là câu chuyện về nước Pháp đầu thế kỉ 20 được thổi phồng qua góc nhìn hạn hẹp. Đó là câu chuyện về một kỹ sư, say mê cây cao su, nhựa cao su và những chiếc lốp xe.

Well Leon dịch

***Xuất bản với sự hợp tác của Đại sứ quán Pháp tại Cộng Hòa
Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam và Bộ Văn Hóa – Thông tin Pháp***

Tặng Catherine C.

TẬP 1

Ai đã sáng tạo ra các nhân vật Tristan và Yseut, có lẽ, lúc cuối đời, đã đi ngang qua trước ngôi nhà có các cửa chớp khép kín và đã ngoảnh mặt nhìn chỗ khác...

Aragon

Mở đầu là cửa hiệu sách.

Tôi đề cập đến thời mà sách vở vẫn còn được coi trọng. Một thời kỳ lùi quá xa với lịch sử của chúng ta, phân cách chúng ta qua hai cuộc xung đột mang tính chất thế giới, vài cuộc thử nghiệm diệt chủng, thiết lập, thổi chí, tháp Eiffel và một số các sự kiện khác ít quan trọng hơn.

Như vậy mở đầu là cửa hiệu sách. Tôi đã được thụ thai chính tại đây, giữa môi trường thuận lợi cho những tính cách thích đi đó đây, những mẩu chuyện về các cuộc hành trình, những tấm bản đồ, những cuốn sổ tay vệ sinh nhiệt đới. Bố mẹ tôi mới làm quen với nhau chưa được bao lâu, nhưng nổi đắm say hai người dành cho nhau thật mãnh liệt. Do đang sống ở nhà bà nội, bố không thể đưa mẹ về chỗ mình. Hơn nữa, bố tôi ghét đồng quê và do chỗ người vợ chưa cưới của ông khước từ những cuộc du ngoạn bằng xe ngựa thuê và đến những phòng thuê từng ngày một nên chỉ còn mỗi cửa hiệu.

- Hành động mà nhờ nó con có được cuộc đời đã xảy ra quá nhanh gọn, - mãi nhiều năm sau này ông mới thổ lộ với tôi. – Nếu bố đã giữ được lâu hơn thì chắc con đỡ bị bé nhỏ. Nhưng bố có các tình tiết được giảm nhẹ tội, cửa sắt không hạ, một vị khách có thể xộc vào bất cứ lúc nào... Bố xin lỗi con.

Những lời xin lỗi đã được chấp thuận. Vĩnh biệt vẻ oai vệ! Ta chẳng nói đến nữa.

Mở đầu là cửa hiệu sách. Chính từ đây, Louis, bố tôi, đã tới bệnh viện khi đến đúng thời hạn. Quanh bên chúng tôi, các bà xơ từ thiện đi đi, lại lại, vỗ nhẹ các cặp má, làm dịu những tiếng kêu khóc, yêu cầu cho đưa nước sôi tới, trao bình sữa và bô, luôn miệng tạ ơn Chúa, như ta thường thấy diễn ra ở các nhà hộ sinh. Thờ ơ trước cảnh ồn ào náo nhiệt này, bố Louis cúi người bên nôi tôi, ghé miệng vào sát tai.

- Ông nên để cháu bé ngủ yên.- một xơ nói.

- Ông không bị cảm đấy chứ? – Một xơ khác bảo.

- Thưa ông, mong ông đừng làm cháu bé bị mệt – bà xơ thứ nhất lại lên tiếng bảo.

Nhưng cháu bé không bị mệt. Nó vẫn được ấp ủ, có điều theo một cách khác. Hơi ấm của lòng mẹ tiếp theo sự âu yếm dịu dàng trong lời nói của cha. Và những cảm giác mới lạ khác nhau, không kém phần ngọt ngào, đôi lỗ tai nhỏ bé, trung khu của thính giác, có thể gây cho tâm hồn nhiều vui thích như toàn bộ da thịt. Sự thật này được năm tháng khẳng định.

Các xơ từ thiện lo ngại cho sức khỏe của tôi:

- Thưa ông, tôi xin ông, thưa ông, trẻ sơ sinh cần tĩnh lặng.

Các xơ thì biết gì?

Do chỗ người nói chuyện không cần bận tâm ngay cả đến sự hiện diện của các xơ, các xơ liền cầu cứu hai anh trực phòng. Họ lôi ra khỏi phòng chàng Louis vẫn lẩm bẩm câu chuyện của mình. Gần đâu đây, sản phụ thiếp ngủ.

Cô gái được gọi là Sản phụ hần đã hút về mình tất cả giấc ngủ có được trong khu vực Paris, vì Louis, khi quay về nhà, không tài nào chợp mắt nổi, anh chong chong thao thức. Ta có con trai, ta có một đứa con trai, điệp khúc này như ánh mặt trời sưởi ấm lòng anh. Nửa đêm, đang đắm mình trong hồi ức của Christophe Colomb, Louis chợt tự hỏi: điều gì làm con người hạnh phúc hơn, có một đứa con trai hay phát hiện ra châu Mỹ? anh hoang mang khi nghe có tiếng gõ cửa hiệu sách ở dưới nhà.

- Thưa ông, thưa ông...

Một trong hai anh chàng trực phòng, cái tay lực lưỡng nhất, đã thô bạo tổng khử anh rời khỏi phòng, đang í ới gọi qua cửa.

- Mời ông lại ngay cho, mời ông lại ngay đi...

Louis vội nhảy bổ xuống.

- ...Con trai ông cứ gào khóc hoài, bác sĩ trưởng khoa nghĩ rằng gào mãi thế cháu có thể chết mất.

- Từ bao lâu rồi?

- Dạ, từ lúc ông rời khỏi phòng.

Hai người vội lao tới bệnh viện. Các xơ đứng đợi ngoài hành lang, tay lần tràng hạt bằng gỗ hoàng dương.

- Mời ông vào đây, nhanh lên, lạy Đức Jésus, Marie, Joseph, ông vào nhanh lên...

Louis ngồi xuống và vừa mở miệng bắt đầu kể những câu chuyện của mình thì chú thính giả bé bỏng liền im bật, nhìn cặp môi méo xệch và mép dúm lại, tất cả các xơ đang có mặt đều nhất trí cho rằng đây là nụ cười đầu tiên. Từ lúc đó, chẳng ai còn nghĩ cách tổng khử người nói chuyện nữa. Họ còn cấp cho anh một chiếc giường xếp và một chiếc áo sơ mi theo quy định, rộng thùng thình, dài, màu trắng, vạt trái in hình Sacré – Coeur màu đỏ. Bố tôi phải ngừng kể một lát để xỏ áo. Lập tức những tiếng gào thét của tôi lại dội lên...

Để hai bố con tôi được tự do tâm sự, người ta đã ngăn cho hai bố con tôi một tấm bình phong đen thường dùng để cách ly những người hấp hối với thế giới bên ngoài. Do đó, trong căn phòng công cộng rộng, chúng tôi nghe nổi lên quanh mình những bài kinh cầu siêu và những lời cầu nguyện cho người chết. Dĩ nhiên, phần lời đệm đó không gây hại cho niềm hạnh phúc của cả ba người: tôi – Gabriel - đứa trẻ sơ sinh, Louis - người kể chuyện và mẹ tôi - sản

phụ, giữa lúc đó đã thức giấc và chăm chăm nhìn chồng không rời mắt. Các xơ thay phiên nhau lần lượt bước vào căn buồng chúng tôi, viện lý do lấy tin (bà và ông đều ỉn cả chứ? Ông và bà cần gì không?). Thật ra, họ làm ra vẻ như muốn có ý kiến và định giải đáp một câu hỏi mang tính thần học: tôi bật khóc khi bố tôi vừa ghé vào tai tôi nói, liệu đây có phải là một điều diệu kỳ không? Một số người sẵn sàng chấp nhận điều đó và cảm tạ Đấng Tối Cao đã chọn tu viện hèn mọn của họ để tỏ rõ tất cả Lòng Khoan Dung của Người... Nhưng đại đa số nữ tu sĩ cho rằng đây là loại các sự kiện thuộc kẻ hơi hạ cấp và người ta có thể gọi là ái tình, không thể hơn thế nữa.

Mãi đến tận cuối đời mình, bố Louis của tôi vẫn nhắc đi nhắc lại rằng, tại nơi đó, giữa các bà xơ ở Saint- Vincent-de-Paul, bố đã được hưởng những giờ phút tốt đẹp nhất. Các xơ đã ân cần chăm sóc, chăm chút từng li từng tí và thậm chí sùng kính bố tôi (bởi vì giả thuyết về điều kỳ diệu không hoàn toàn loại bỏ, có lẽ cũng còn do ông đẹp trai và trẻ trung biết bao, chưa đầy mười tám cái xuân xanh). Họ bỏ qua cho bố tôi mọi ý thích thất thường, lo sợ ông bỏ về và tôi lại làm huyên não âm ỉ. Và bố Louis đã lợi dụng tình thế đó, ngay sáng hôm sau, miệng vừa kể chuyện cho con trai, ông vừa ca cẩm đủ mọi thứ bệnh và có trời mới biết nỗi sức tưởng tượng về nỗi khắc khoải của ông thật phong phú biết nhường nào. Lúc thì ông kêu mình bị đau nhức cơ gian sườn, lúc thì kêu tay trái như bị kiến cắn râm ran, ruồi lọt vào mắt, và quãng chín giờ ông lại kêu hai móng ê ẩm... Mỗi lần ông kêu ca, người ta lại phải mời bác sĩ đến để an ủi ông:

- Không, thưa ông, ông hoàn toàn khỏe mạnh.

- Ông thề đi! - Bố Louis yêu cầu.

- Có Chúa chứng giám, tôi xin thề đấy.

Và thế là chứng bệnh ám khó xác định đành lòng thuyên giảm và để bố tôi được yên vài giờ.

Ngày hôm thứ mười, sáng ra đã thấy có mấy người đến phòng ở của nhân viên gác cổng, nơi dùng làm chỗ cấp cứu.

- Ở đây có bán sách về du lịch không?

- Không, thưa ông, đây là bệnh viện.

- Nhưng người ta đã cho tôi địa chỉ hiệu sách nhà Ambroise – Paré, lần hai, hành lang Velpeau.

Bố Louis khi thu xếp nhặt nhạnh áo quần vào cái đêm đầy xúc động nọ, vẫn còn tranh thủ thời gian dán lên cửa cửa hiệu địa chỉ mới của mình.

- Quả thật, thưa ông, ông đã vượt quá giới hạn- giám đốc bệnh viện nói với bố tôi.

- Không buôn bán, tôi lấy gì mà sống?

Một lần nữa bên hành chính lại phải nhượng bộ. Và các hành lang màu lục nhạt của nhà hộ sinh phải chứng kiến cảnh khách quen thuộc lũ lượt kéo tới: các chú choai choai đỏ mặt hau háu những tên sách dâm dục, các giáo sư bần khoản về những chi tiết đề cập đến vương quốc ở Mali (1240-1599) các người lính cưỡi lạc đã chẳng mấy mong muốn lên đèn hai năm giữa Tenéré mà không mang theo bản đồ, cuối cùng, hạng người sau chót, ưa thích cửa hiệu sách hơn hết, những cặp vợ chồng viên chức trước khi lên đường yêu cầu lời khuyên về vệ sinh, cách ăn mặc, cách chống muỗi và những loài cắn đốt người.

Thực tế, nghề của bố tôi là như vậy: người bán sách chuyên về các chuyến du lịch thám hiểm.

Hỡi ôi! Đành phải dứt áo ra đi. Một đêm trăng tròn năm 1882, sớm mất chín tháng, hễ đã kích lệ nghị lực của dân Paris. Một đám đông sản phụ ứa vào lấn chiếm bệnh viện. Louis đứng dậy, rất miễn cưỡng và không phải là không chóng mặt vì đã phải nằm lâu đến

như vậy, há miệng ra nói, nói hoài. Ông lên tiếng gọi. Nhưng vô ích. Các xơ chạy tắt tả ngược xuôi từ đầu phòng này sang đầu kia, cắt nhau khâu lại vết mổ ở bụng, tắm rửa cho các trẻ sơ sinh nhóp nhúa, yêu cầu mời bác sĩ tới: lại một ca phải mổ!

Sản Phụ là người đầu tiên đã chuẩn bị xong xuôi. Bà đẩy cánh cửa kính, phía sau nó. Louis miệng vẫn tiếp tục kể những câu chuyện tôi thích nghe, tay cởi bỏ chiếc áo sơ mi có in hình Sacré-Coeur ở vạt bên trái và bắt đầu cạo râu. Sản Phụ ôm chiếc bụng không còn mang thai:

- Em đi đây, anh Louis. Anh Louis, em không thể sống bên anh cũng như bên mẹ anh. Anh Louis, anh nên lường thứ cho em. Hai ta còn rất trẻ. Chẳng ai sẽ bị giày vò. Tạm biệt anh, anh Louis!

Đạo đó, hiếm thấy có những phụ nữ có chồng mà bỏ đi. Nhưng trong giấc ngủ, mẹ tôi đã tôi luyện những quyết định rất cứng rắn ấy. Sau này khi phát hiện ra một số về kỳ quặc trong cách đối xử của bố, tôi không thể không nhận thấy rằng mẹ đã có lý. Tuy vậy tôi vẫn không giữ được chút kỷ niệm nào về nụ hôn trên trán mà mẹ tôi đã áp môi hôn cũng như không một ký ức nào về cái lạnh khi mẹ tôi khép cánh cửa kính để mãi mãi từ giã căn phòng quét màu xanh nhạt của chúng tôi và bỏ đi theo tiếng gọi của một định mệnh mà mãi tận ngày nay tôi không biết rõ. Có lẽ mẹ tôi là một trong những người đàn bà già nua ở Cannes hoặc Nice vẫn thần thơ lê bước mãi bước hoài dọc bờ biển, và đôi chân mỗi ngày một uể oải chậm chạp hơn do tuổi tác. Tại mảnh đất này của nước Pháp, có biết bao người già cả thuộc tất cả các quốc tịch, nên rất có khả năng gặp lại tại đây bố mẹ mình đã bị mất tích.

Vậy là hai chúng tôi lẻ loi ra đi, cả hai, bố tôi và tôi. Louis bé Gabriel và ghé vào tai bé trò chuyện. Các xơ từ thiện chào tạm biệt chúng tôi, mắt không nhìn hai bố con vì họ đang bận, người lom khom cúi trên những chiếc bụng, đầu ở giữa những đôi chân giang rộng, ngay lối vào của vực thẳm mà họ hình như muốn lao vào, trở về với những bào thai. Thế nhưng tại sao các xơ cứ khư khư đội trên đầu mấy thứ khăn mũ đó, những con chim trắng lớn nhất thường bất tiện cho một cuộc hành trình tương tự, ừ nhỉ, tại sao?

Tôi còn biết bao nhiêu câu hỏi khác liên quan đến những bước đầu này và trước hết là câu hỏi này: bố tôi đã kể cho tôi nghe những câu chuyện gì? Bố tôi luôn khẳng định với tôi rằng bố chỉ nói tới phụ nữ thôi. Những người này khá phức tạp, con biết đấy. Gabriel, bố không muốn lãng phí thời gian. Nhưng biết làm sao được? Bố tôi chưa bao giờ có được những mối quan hệ vững chắc. Dẫu sao, từ hồi ấy, tôi chịu một tật điếc kỳ lạ đối với tất cả những gì không liên quan tới phụ nữ. Với những câu chuyện tình, với tiếng sột soạt của áo dài hoặc của bút tất, thính giác của tôi thật đặc biệt, thật huyền diệu. Với những điều còn lại, tôi cứ phải căng tai: tất cả những tiếng động khác của Tạo Hóa dội tới tôi từ một chốn xa xăm tựa hồ như đã gần bị nhạt nhòa.

Tiếp tục, tiếp tục, câu chuyện còn dang dở và tôi còn biết bao điều muốn kể, xứ Braxin, cao su, hai chị em, Đông Dương, thành viên, Clermont-Ferrand. Trường đua xe đạp mùa đông, biết bao tình tiết bạn cần biết, bao chỉ dẫn cần thiết cho vụ kiện của tôi.

PHẦN MỘT

Thiên Hương hoàng đế

I

Tôi tên là Gabriel, con trai người bán sách Louis, cháu bà bán sách Marguerite và cũng như tất cả các người bán sách chúng tôi đánh vật với sách.

Trong cuộc chiến đấu này, Gabriel đóng vai trò của nó, gắng làm hết sức mình, mặc dù tuổi còn rất nhỏ. Nó quá sợ lại bị đưa đi gửi chỗ chị vú nuôi, một con người vô nhân đạo, chẳng bao giờ kể chuyện và thản nhiên chịu đựng những tiếng la hét inh ỏi nhất của trẻ con nhờ mấy viên sáp nhét sâu vào lỗ tai, tận giữa chiếc sọ dừa vô nhân đạo của chị ta...

Hiệu sách đầy ắp và ngọn triều vẫn tiếp tục. Tệ hơn, ngọn triều dường như càng dâng cao từ ngày thiết lập nền Cộng hòa, một chế độ, như người ta biết, tán thưởng sự giáo dục quần chúng thông qua đọc sách.

Gabriel cố trở thành một người hữu ích, chú giúp tháo cời các bó sách, chú chuyển từng cuốn cho bố khi Louis xướng tên:

- Cherbuliez Victor: *Thiên hướng của bá tước Ghislain*; Hanoteau Louis – Joseph: *Ngữ pháp tiếng Tamachek*; Garnier Francis: *Chuyện thám hiểm Đông Dương* (lần xuất bản mới, 3 tập. Sao lại không là 8 tập?); d'Ivoi Paul: *Trung sĩ Simplet qua các thuộc địa Pháp*; Foa Edouard: *Những cuộc đi săn lớn của tôi ở Trung Phi*.

- Thế mà mẹ cứ tưởng ngày thứ Hai chẳng có hàng nhận. - bà nội Marguerite lẩm bẩm.- Hôm nay bao nhiêu xăngtimét?

- Bốn mươi ba ạ. - Louis tay đo chồng sách bằng thước vải thợ may, miệng đáp.- Chẳng biết tống vào chỗ nào...

- Con dồn chặt nữa đi. - bà nội ngập ngừng nói, giọng rất dịu dàng.-mẹ cũng chẳng biết nữa, con thử ép mạnh xem.

- Mẹ ạ, cứ nguyên thế này đã chẳng phải là những dây sách nữa, mà là những chiếc kích. Thêm một tờ giấy nữa, cả cái nhà này sẽ bừa tung mất.

- Không thể thế được. Các hiệu sách khác hẳn có mẹo xếp sách theo một kiểu gì đấy chứ. Ngành nghề nào mà chẳng phải có mẹo. Ta thử hỏi xem sao. Có lẽ là những chiếc tủ sách quay chẳng?

Ngày tháng của chúng tôi cứ trôi qua như vậy, một khi đêm xuống, chính những đứa trẻ ngoan và ít hiếu động nhất lại đi ngủ muộn nhất. Vậy nên, chú nằm duỗi dài trên tấm thảm phòng khách, khuất sau chiếc ghế bành, người gần như bị ngọn lửa lò sưởi hun bỏng.

- Rõ ràng là sách làm cho cuộc sống chật hẹp lại, như hôn nhân vậy. - bố tôi nói.

- Anh thì biết gì về hôn nhân?

Bà và bố chẳng ai có kinh nghiệm về chuyện này. Hai người lao vào những so sánh khá phù phiếm: đời sống chung có chật hẹp hơn đời sống đơn độc không? Dần dần tôi đi vào giấc ngủ. Sau đó, cái lạnh đánh thức tôi dậy. Lửa ở lò sưởi đã tắt nhưng cuộc tranh luận gia đình vẫn tiếp tục.

- Sách lại còn tinh quái và sinh sôi mạnh hơn cả lũ chuột nữa. Một ngày nào đó e phải diệt chuột. - bố tôi nói.

- Nói gì kinh thế Louis!

Nhưng nỗi kinh tởm của bà nội Marguerite chỉ là giả vờ. Câu nói của bố làm bà yên tâm hơn.

- Sẽ thật buồn khổ, Louis của mẹ, nếu như anh cứ bị trói chặt vào sách.

- Chẳng có nguy cơ đó đâu, mẹ ạ.

- Anh sẽ chẳng còn muốn ra đi nữa đâu. Sách nặng lắm đấy! Louis, anh hãy thề với mẹ đi, điều quan trọng nhất của đời anh bao giờ cũng vẫn là đi sang các thuộc địa.

Và bố đã thề...

Tôi còn nhớ: buổi tối bao giờ cũng kết thúc bằng những lời thề thốt, theo thói quen thông thường giữa mẹ và con.

- Mà này, ta quên chưa đưa thằng bé vào giường!- Bố hoặc bà kêu lên.

Và để tạo can đảm cho mình trước khi thiếp đi trong cõi tối đen, tôi nghĩ rất lung đến cái bờ cõi Đế quốc, nơi mà luôn luôn ấm nóng như trước một chiếc lò sưởi và luôn luôn có đủ chỗ để xếp tất cả mọi cuốn sách của mình. Sau đó bố Louis đến ôm hôn tôi, đánh thức tôi dậy, thì thăm bên tai tôi:

- Lớn nhanh lên nào, Gabriel, bố cần đến con, hãy lớn nhanh, bà Marguerite tính ngang ngạnh chẳng yên ổn với bà được đâu, hãy giúp bố Gabriel, bố cũng chẳng già hơn con bao nhiêu và hơn nữa, bố đợi con đấy.

Không nên đòi hỏi những dung thứ cho tâm trạng bực bội, một khi yêu cầu về các kệ sách được đặt ra quá gay gắt, đối với nỗi căm ghét về sự việc đã được thuật lại. Hoàn toàn ngược lại. Những thói quen tốt ở bệnh viện vẫn tiếp diễn. Bây giờ với sự hỗ trợ của sách. Hầu như hàng ngày, Louis và Marguerite, hai người bán sách, lục lọi trong kho hàng phình to của họ và này, bà nói lúc bố và bà trở về nhà, cháu hãy nghe câu chuyện mà ta đã tìm thấy cho cháu. Và Gabriel lắng nghe, hết sức lắng nghe, dồn tụ mọi sức lực để nghe đến mức là một thời gian dài, nó quên cả học nói.

- Ngày xưa, - bà nội Marguerite bắt đầu. (Liền ngay sau đó bà ngừng lại, báo trước cho người nghe:) Cháu nên nhớ rằng đây không phải là những chuyện cổ tích đâu nhé, Gabriel, đây là những chuyện có thật.

Vì Gabriel đâu có được quyền nghe chuyện những nàng tiên, cả chuyện con rồng, chuyện đội lốt lừa lẫn chuyện các chú bé tí hon...

- Một đứa trẻ trước hết cần phải học hiểu thực tế, - bà nội Marguerite nói, - một đứa trẻ cần đi trên cái gì vững chắc để lớn lên...

Gabriel thú thực. Chú chẳng còn nhớ những chuyện có thật, không đếm xuể của thời ấy. Ta dẫn chuyện sau đây, làm thí dụ. Đây là một chuyện chú ưa thích. Tháng nào chú cũng đòi kể.

- Nếu như cháu ngoan, - bà nội Marguerite đáp.

“Ngày xưa ngày xưa, có một anh chàng tên là Jones, chỉ lớn tuổi hơn cháu chút đỉnh thôi. Anh ta có một mong ước trong đời: lọt vào cung điện Buckingham và chiêm ngưỡng hoàng hậu Victoria. Mười lăm tuổi, anh ta cải trang thành thợ cạo ống khói và ở lì ba ngày liền trong lâu đài lớn. Anh nấp dưới các gậm giường, tự nuôi sống bằng các thức ăn thừa. Anh ngồi trên gai, hàng giờ ngắm nghía cuộc sống thường ngày của hoàng hậu rồi bỏ đi, mà không bị ai hỏi han gì cả. Hai năm sau, anh trèo vượt bức tường ngoài vườn, lọt vào lâu đài qua một cửa sổ ngỏ, nằm nấp dưới gậm một tràng kỷ rộng, nơi các vị thượng khách ngồi. Nhân đó anh nghe lỏm được cuộc trò chuyện, thấp thoáng nhìn thấy những chiếc giày thon nhỏ của hoàng hậu, ngoài ra không thấy gì khác, Gabriel ạ, vì các bà hoàng mặc váy rất dài. Anh nghe tiếng công chúa khóc. Nhưng khốn thay, một quan hầu phòng phát hiện ra Jones. Anh bị phạt ba tháng trừng giới. Trong thời gian bị giam cầm, anh tỏ ra ngoan ngoãn, hiền lành đến mức là hôm được tha, viên quản trại bảo: “Chúc may mắn, ông Jones, chúng tôi coi như ông đã lành bệnh”. Nhưng hôm sau, người ta lại thấy Jones trước điện Buckingham. Quản trại trừng giới rất thất vọng khi thấy anh ta quay lại giữa hai nhân viên cảnh sát. Ông liền thử những cách điều trị khác, nhưng vô hiệu. Vừa rời khỏi

trại, ông Jones đã quay ngay về cung điện Buckingham. Từ đó trở đi, các nhà báo bám sát gót anh và mỗi cuộc anh tới gần cung điện lại lôi kéo cả đám đông tới. Những nhà hát ca vũ nhạc (đó là những phòng lớn, Gabriel ạ, đầy những khói và các câu chuyện bịa đặt) đề nghị Jones kể lại các bí mật của hoàng hậu. Nhưng anh từ chối, cháu cũng đã đoán vậy. Nhà chức trách rất lung túng, cháu hiểu chứ? Trước hết, ông Jones chẳng làm điều gì xấu. Thậm chí có thể coi anh đã nêu gương, chắc hẳn một tình yêu thực sự của một thần dân đối với bà hoàng hậu của mình dễ thương là tình yêu như vậy. Sau bao cuộc bàn cãi, nhà chức trách quyết định đưa anh lên chiếc *Warspire*, một chiếc tàu thủy ít khi ghé vào cảng nước Anh. Người ta nghĩ rằng giữa cảnh đại dương, anh rũ bỏ được ý nghĩ vẫn ám ảnh mình. Nhưng, sau một năm chu du, vừa chân ướt chân ráo đến cảng Portsmouth, anh ta vội lao lên tàu hỏa đi London. Người ta phải cấm anh lên đất liền. Năm 1844, lúc đêm, anh ngã xuống biển quăng giữa Tunis và Alger. Một ngày kia cháu sẽ đọc tờ *Times*, Gabriel, đó là tờ báo hay nhất thế giới. Viên sĩ quan vớt anh chàng Jones đã kể lại cuộc thẩm vấn:

- Vì sao ông lao xuống biển, ông Jones?

- Để được thấy bùng lên ánh sáng của chiếc phao.

- Cháu nghĩ xem, Gabriel, “để được thấy bùng lên ánh sáng của chiếc phao”. Có thể, một ngày kia, cả cháu nữa, cháu cũng sẽ yêu các bà hoàng hậu, Gabriel ạ, và ánh sáng của họ.

Bà nội Marguerite đều kết thúc các chuyện của mình như vậy: Có thể một ngày kia, cả cháu nữa, cháu sẽ như tướng Bugeaud? Hoặc Lapérousse? Hoặc Magellan, Alexandre? Christophe Colomb? Fernand Cortes? Hoặc như các viên phó của họ? Chẳng có gì phải xấu hổ, Gabriel ạ, khi được phục vụ một thiên tài.

Bấy nhiêu số phận làm tôi chóng mặt. Tôi có trước mặt những Gabriel khác, tất cả những Gabriel có thể có được, một danh mục hấp dẫn những Gabriel như có cơn gió lật giở từng trang. Có lẽ chính vào lúc đó sức lớn của tôi chậm lại, như để trì hoãn giờ phút

của sự lựa chọn tế nhị kia. Và lại, một sự tràn đầy như thế đã gây ra những phân vân, không thuận lợi cho cái mà người ta gọi là tính cách. Về phương diện này, cách giáo dục của bà nội Marguerite thường chẳng mấy thành công.

Nơi duy nhất không bị sách xâm chiếm là chiếc tủ buýp phê, hòm di vật của chúng tôi, trên đó chễm chệ, ở một độ cao đến mức Gabriel phải nhảy lên mới trông thấy, ba thành viên quan trọng nhất của gia đình Orsenna (không kể những người đang sống).

Ta bắt đầu bằng những người trùng tên với tôi, ông nội Gabriel của tôi gọi là Gabriel Đệ Nhất để tránh sự nhầm lẫn giữa hai người, một hidalgo^[1] thực thụ, qua bức ảnh cổ, ánh mắt rầu rĩ và má hóp, bận đồ tang nghiêm nghị, khoanh tay trước tán hải kịch tế nhạt nhèo của thế giới, thoát nhìn, ông nội là một nhân vật không mấy vui vẻ, mối tình duy nhất của bà nội Marguerite và ngắn ngủi biết bao: một tuần lễ.

Bà nội Marguerite gặp ông ở Paris vào một ngày tháng Tám năm 1862, trong lúc trốn tránh cơn nóng bức, nàng đáp tàu du lịch trên sông, không có một bà già nào đi kèm.

Ông đứng đấy, người tựa trên mũi tàu, vận tang phục màu đen và vẻ mặt buồn rầu đến nỗi đã làm cho cô gái mười chín tuổi vừa mới từ Lyon lên để hoàn thiện việc học hành, thoát đầu đã bị nỗi tò mò khơi gợi. Và, hôm sau, kiếm cớ để vắng mặt, cô gái kể lể với ông bác giám hộ và kể chuyên cảm cồng những chuyện lằng nhằng, bảo là cô muốn đi cho tiền kẻ khó hoặc thăm bệnh viện từ thiện Hôtel-Dieu, thực ra cô trở lại tàu. Ông hidalgo vẫn đứng nguyên chỗ, luôn đưa mắt lặng ngẫm màu sẫm dòng sông, chẳng buồn ngoảnh nhìn các kỳ quan, mặc dù chúng nối tiếp nhau diễn qua ngay bên cạnh; Louvre, Viện Hàn lâm Pháp, Conciergerie, Tòa Thị Chính. Và cứ thấy ông ta tỏ vẻ rất khinh khỉnh trước những kỳ quan mà cả thế giới ghen tỵ với chúng ta, mà Marguerite nổi bực. Nổi bực này không tự dịu vơi đi sau hai, ba giờ, như những cơn bực dọc bình thường, mà đọng lại trong người cô gái, dưới làn áo lót, giữa khoảng bụng và lớp xương sườn, nhóm lên một hòn than hồng nhỏ, nó khiến cô gái đêm thì không ngủ và ngày thì không thể nghĩ tới bất cứ chuyện gì khác. Đến nỗi vào buổi chiều ngày thứ Năm đi trên tàu du lịch, cô gái liền “nhảy tùm xuống nước”, nếu có thể nói thế, đã đến gần nhân

vật kia và, bằng một giọng nghiêm khắc khiến ông ta giật mình, cô lên tiếng hỏi:

- Chắc hẳn ông không ưa thành phố chúng tôi?

Sự việc sau đó, do tính ưu sầu và sự ngượng ngùng dễ hiểu đối với những chuyện riêng gia đình, tôi sẽ chỉ kể tóm lược.

Ông hildago đứng dậy, tự giới thiệu, Sénor Orsenna, lưu vong... (ồ, xin lỗi, cô gái nói)... quê quán ở Veracruz. Thành viên ban tham mưu của tổng thống Miramon. Bị kẻ tiếm vị Juarez đuổi khỏi Mêhicô cùng với tổng thống. Ông ta mời cô gái ngồi chỗ ông vừa đứng dậy, đi tìm một chiếc ghế khác cho mình và bắt đầu giảng giải cho cô gái nghe tình hình rầm rối ở đất nước ông. Tim Marguerite đập mạnh. Cô gái có cảm tưởng chiếc tàu du lịch vĩnh viễn rời khỏi tuổi thơ và thành phố Lyon để đi vào thế giới người lớn, những cuộc chiến tranh người lớn, cuộc đời người lớn. Và khi tàu vòng qua mũi phía Đông đảo Cité, ông hildago thuật lại kế hoạch của Napoléon III, nhằm dẹp bỏ tham vọng của Hoa Kỳ, tạo ra ở Mêhicô một vương quốc lớn Thiên chúa giáo, với quận công nước Áo là Maximilien làm hoàng đế... Chính vì vậy vận mệnh đất nước tôi tùy thuộc vào nước Pháp, cô hiểu chứ, thưa cô? Rồi ông hildago nói lời từ biệt, tàu cập bến. Suốt đêm, Marguerite không màng đến ngủ, tự lặp lại với mình những cái tên mà trước đây cô chưa từng nghe, Miramon, Juarez, Maximilien, cô gái ngồi dậy, viết tất cả những âm tiết xa lạ ấy lên một tờ giấy để nhớ cho kỹ để ngày mai khỏi tỏ ra là quá kém hiểu biết, rồi cô gái đi nằm lại và cuối cùng ngủ thiếp trong nỗi buồn của ánh mắt chàng hildago. Cô trở lại, hiển nhiên là thế. Ông ta đã ở đấy, vẫn chỗ cũ, nhưng vẻ mặt đã thay đổi, hầu như cười hân hoan gặp lại cô gái. Ngày này sang ngày khác, ông ta lao vào cả một chuỗi dài những dự định sắp đặt cho thời kỳ sau nội chiến, cô sẽ sang sống với tôi bên ấy, ở Mêhicô, trong một ngôi nhà lớn mát mẻ, ở đấy bây trẻ không sợ đêm tối... Và trong lúc nói, Sénor Gabriel Orsenna tìm thấy lại một sinh khí xứng đáng hơn với vùng nhiệt đới, ông chuôi tay, chuôi tay ra mãi. Nhiều lần như vậy và mau chóng trở nên thân mật đến mức là viên thuyền trưởng tàu du lịch sau khi đặt hồi lâu lên bàn cân cái nguy cơ mất những người khách tốt như vậy và nguy cơ

bị đóng cửa vì cảnh sổ sàng cứ như thể một nhà thổ hạng tồi, viên thuyền trưởng vẫn không rời tay lái, đã yêu cầu cặp tình nhân xử sự đúng mức hơn một chút, Marguerite đỏ mặt như một cô gái thành Lyon có thể đỏ mặt thời bấy giờ, lát sau thì cô lại đỏ tía lên. Nhưng nỗi xấu hổ bao la mà cô cảm thấy lại như ngọn gió thổi bùng đám lửa cháy trong cô. Khi anh chàng hildago báo tin ngày mai sẽ lên đường, cô gái liền bảo anh chàng hildago đến với cô. Và Louis ra đời từ đó.

Và sau này, mỗi lúc con trai cô hoặc người khác có hỏi tại sao bà không bao giờ muốn yêu lần nữa. Bà Marguerite trả lời khi nào cũng ngần ấy lời: anh ấy là tất cả, nỗi buồn và niềm vui, biển màu ngọc lam và bụi đường, niềm căm ghét bọn côn đồ Mỹ và lòng kính trọng Viện Hàn lâm Pháp, chiến tranh và những ngôi nhà mát mẻ, nhu cầu của vương quốc, phong vị những con tàu, anh ấy là một bàn tay và một cơ thể, tôi đã sống trong con tàu Noé của tình yêu, tại sao các người lại muốn tôi đi tìm, sau cơn hồng thủy, mảnh tình vương lại đó đây?

Đấy, vì thế mà tôi mang cái tên là Gabriel, như ông hildago họ. Còn cái tên Orsenna, gốc Mêhicô, lúc này tôi vẫn tự hỏi chẳng rõ tại sao bà nội Marguerite lại chiếm được nó. Giữa bà và con người lưu vong không hề có lễ cưới. Tuy nhiên giấy tờ của tôi đều hợp lệ: Orsenna Gabriel, con trai của Orsenna Louis, cháu của bà Orsenna Marguerite... Rồi chúng ta sẽ rõ, bà tôi không có ai sánh nổi trong những cuộc chiến đấu oanh liệt với chính quyền. Và bà đã thắng trong mọi cuộc.

Nửa năm sau, vào ngày cuối cùng của bảy ngày ân ái, một bức thư buồn, rất buồn đã tới tay bà sau một hành trình kỳ quặc, cuộc hành trình đầy ắp nỗi buồn: Puebla (Mêhicô), thành phố Mêhicô (Mêhicô), Veracruz (Mêhicô), Bordeaux (Pháp), Paris (Pháp), Compiègne (Pháp) nơi Napoléon III thiết triều đình, Lyon (Pháp) nơi Marguerite đã trở về để chuẩn bị hành trang về nhà chồng (và báo tin cho gia đình). Marguerite sống một tháng rùng rợn với bức thư từ xứ nhiệt đới ấy, đã bị mờ nhiều lần qua các đợt kiểm duyệt và lúc này

vẫn còn phong kín. Khoảng một tháng sau, mặc dù chẳng để thời gian đọc hết (Hỡi ôi, thưa cô, anh tôi từng nói nhiều đến cô, hỡi ôi, trong trận bao vây...) cô gái biết rằng mình chẳng còn có gì nữa hết trên đời, chẳng còn tình yêu, chẳng còn chồng, chẳng còn lễ cưới, chẳng còn cha cho đưa bé mà cô đang mong đợi, kết quả của bảy ngày chung sống.

Trên chiếc tủ buýp phê không chỉ thấy chễm chệ ông Gabriel Đệ Nhất. Bên phải ông là hoàng đế bị truất Napoléon, nhân vật thứ ba của dòng họ. Napoléon nhìn tôi với ánh mắt hoài nghi, ngay cả vào những ngày nắng đẹp.

- Các hoàng đế đều vậy cả đấy, - bà nội Marguerite giải thích, - họ nhìn thế gian vào phía mặt trái của nó, vậy thì cháu hiểu...

Điều đó chẳng làm tôi yên lòng.

Theo bà nội Marguerite, Napoléon III rất quan tâm đến việc ăn uống của tôi.

- Ăn đi, - bà bảo, - nếu không Ngài không hài lòng đâu.

Tôi vội ngón ngay lập tức thêm một thìa hoặc thêm một miếng thịt nữa. Do vậy má phồng căng, vì chẳng thể nuốt nổi dưới ánh mắt thăm vắn gắt gao đó. Chính do vị hoàng đế bị truất, tôi đã phải ngậm cả bữa ăn trong miệng, xúp hoặc cháo bột sắn, các lát thịt gà giò, những cục tròn tròn nóng giãy (khoai tây làm bánh nhân thịt) những cục pho mát *ricotta*^[2] (Marguerite chưa tìm ra cửa hiệu bán pho mát của Mêhicô; bà nghĩ rằng pho mát *ricotta* là bước đầu rèn luyện tốt) và những chiếc túi rỗng nhỏ trông như mấy bùi dái (một so sánh bước vào thế giới của Gabriel qua trường tiểu học), những quả mơ khô. Và rồi khuôn mặt tôi cứ mỗi ngày một tròn trặn. Do Napoléon III, tôi mang nỗi đau nhức nhối nhất đời tôi: không được phú một khuôn mặt hốc hác, theo kiểu Don Quihotte hoặc Greco.

- Hiệp sĩ mặt tròn của tôi, - bố Louis mỉm cười nói, khi kể về cậu con trai Gabriel của mình và không hề nghĩ bậy.

Ở phía bên kia hoàng đế, đứng trông đợi và không chút rụt rè e sợ là Eduardo G.Orsenna, bố chàng hildago, một kỷ niệm duy nhất của Mêhicô để lại cho Marguerite thông qua mối tình của mình khi ra đi, một chú bé đội chót vót chiếc mũ cối lớn và nheo nheo mắt, chắc hẳn do ánh nắng nhiệt đới.

- Cứ theo điệu bộ ông ta mà xét đoán, ông ta chỉ quan tâm tới mẹ lười lớn, - bố Louis giải thích.

- Mẹ lười lớn là gì, bố? – Gabriel hỏi.

- Cũng tương tự như tôn giáo ấy mà. – bố Louis đáp.

- Louis, mẹ van con! – Bà nội Marguerite thốt kêu lên.

Và, suốt trong nhiều ngày, người ta không nhắc tới ông Eduardo G.Orsenna, vị tổ tiên người Mêhicô, mà thực ra chưa một ai biết rõ và chắc hẳn ông ta rất sửng sốt thấy mình đang ở đây, tại một gia đình xa lạ, cách xa Caraibes như vậy, trong một làng mù sương ở Levallois.

II

Marguerite yêu mến thành phố của mình. Bà kể lại về thành phố trong những bước đầu. Những thời oanh liệt khi đồng ruộng Pennet còn là vùng đất bỏ không, một loại khi di dân ở mấy cửa ô Paris, nằm bên kia các chiến lũy.

Thoạt đầu là bùn lầy, ngay cả vào mùa hè, sau đó là việc xây dựng các đường phố, chợ búa, rồi cuộc tranh giành trường học, kể thì muốn trường học phải mang tính chất tôn giáo, người lại không, cháu rõ chứ? Những cuộc quyên góp liên miên, một ngày dành góp cho nhà thờ, ngày mai lại quyên góp cho bên cứu hỏa. Mãi sau người ta mới treo các ngọn đèn đường, đấy là do thận trọng. Cả cháu nữa, cháu cũng sẽ thích tạo dựng một thành phố, đúng không nào? Dạ, thưa vâng ạ. – Garbriel đáp. – Làng Levallois không lớn, hai bà cháu thường đi qua lại những điểm cũ xưa. Nhiều người chào hỏi họ. Chào bà, bà Orsenna, con trai bà khỏe chứ ạ? Đối với Garbriel, ấn tượng thật dịu ngọt: một vòng quanh cơ ngơi, một cảm giác về vương quốc.

Chiều tối, Louis hỏi:

- Mẹ có dám chắc rằng những cuộc dạo chơi ấy thực sự có lợi cho sức khỏe của cháu bé không?

Bà nội Marguerite chẳng thanh minh gì hết. Bà có những kỷ niệm của mình chớ che. Nhưng bố Louis đã có lý: không khí nồng nặc mùi xú uế có thể có được, những thứ hôi thối đủ loại. Người ta hẳn cảm thấy khó chịu với Neuilly, do gió lùa thốc. Khi một ai đã biết rõ Levallois trước đây sẽ thấy không khí ngày nay hình như chân không, đã được khử trùng, hoàn toàn không có chút tạp chất nào.

Trước tiên là nước phân, Levallois đúng là những chuồng bò và tàu ngựa. Phần lớn các xà ích ở Paris đều gửi tạm ngựa của họ vào các tàu này. Ta cũng nên thông cảm với họ, thuê nhà *intra muros*^[3], họ biết cho các con vật bốn chân của mình trú ngụ nơi nào? Các

con vật đủ loại, ngựa Ả Rập, ngựa Bắc Phi, ngựa pesơrông, xin miễn kể tiếp, tôi biết cách nhận ra chúng ngay cả qua thính giác, tiếng vó của chúng... Dù lông của chúng thuộc loại nào, sắc hồng hoặc lốm đốm, lang trắng hồng bờm đen hoặc loại hồng mượt, ngay trong giờ đầu tiên, chúng tè tồ tồ, sau đấy là những mụ bò sữa phiêu bạt tới Levallois cũng liền bắt chước theo. Chúng đái xong, thường ỉa luôn. Sáng ra, khi mở cổng, khi hé mở cửa sổ, cái mùi súc vật thum thum nồng nặc từ các nơi ấy xộc vào mũi ta .

- Rõ ràng là, - Louis bảo, - Gabriel gặp may hơn Chúa Hải Đồng. Tất cả những loài có vú đó chăm chút lo cho cháu... Máng tàu ở Nazareth chẳng là gì so với máng ở chỗ ta (v.v...)

- Ăn nói hay nhỉ, anh Louis, - bà nội Marguerite đáp.

Bà nội vội vã mặc quần áo cho tôi, rồi hai bà cháu rời khỏi nhà .

Chỗ thăm viếng đầu tiên bao giờ cũng là xưởng sản xuất ký ninh tại phố Voltaire. Bà nội Marguerite muốn kiểm tra xem nhịp độ sản xuất có bị tụt không: chừng nào bà thấy cột khói kia bốc cao, lòng dạ bà yên tâm cho Đế quốc của chúng ta. Đấy là bằng chứng chứng tỏ các kiều dân của chúng ta lần chiếm được những vùng đất mới. Gabriel không san sẻ niềm phấn chấn của mình với cột khói đó, có vị như rau diếp xoắn nấu chín, như quả mã tiền. Người ta biết rõ những vi trùng nhiệt đới: nếm vị đắng của thuốc ký ninh, người ta liền thu xếp khăn gói ngay không kịp đòi lại tiền thừa. Những chạng khác cũng chẳng ngọt bùi gì, nhà máy Larming (sản xuất chất kiềm dễ bay hơi, sunfat amoni) làm mũi cay xè, nước Javel Corbière – Esnault, chỉ cần đi dọc tường bao quanh nhà máy thì suốt cả ngày hôm đó ta có cảm giác như bị biến thành lớp gạch mới lau chùi sạch bóng; nền của Holstein toát lên vị nhạt nhẽo đáng sợ hoặc vécnì và thuốc nhuộm Gautier- Bouchard hăng hắc làm chảy nước mắt như hành.

Thỉnh thoảng, chúng tôi lại thấy Esun Guy, người đưa thư theo phái Bonaparte, túi khoác ngang vai, xuất hiện sau chỗ ngoặt một khối nhà. Cuộc trò chuyện bắt đầu.

- Bà còn nhớ cái dạo quảng trường Châteaudun vẫn mang tên quảng trường Nữ Hoàng Hortense chứ? Tôi cứ muốn trả lại quách những bức thư ngày nay! Địa chỉ lạ lùng, bà nghĩ sao?

Âm mưu theo phái Bonaparte này chẳng bao giờ kéo dài quá lâu. Do tính chất bắt buộc của công việc (đúng trưa tôi phải phát hết số thư này) và hơn nữa bà Marguerite cũng có công việc của mình. Bà vận hỏi những người lính canh gác, những người gác cổng:

- Có tuyển dụng thêm được ai không?

Bà cứ làm như chàng hidalgo của bà, một ngày nào đó, sẽ đặt chân đến Levallois và yêu cầu có việc làm, đây là một trong những biện pháp để bà đỡ cảm thấy cô đơn.

Gabriel kéo tay bà nội, dẫn bà tới xem những cảnh chú ưa thích, các xưởng Bribant nơi người ta nấu dầu bò và cừu. Chẳng ai thấy chúng được chở tới. Chắc là về đêm, để không gây khó chịu một ai. Chúng được đem đi đầy các xe chở hàng, nhỏ một thứ nước màu xám, dầu thì còn mất, dầu khác chẳng còn, cả một đồng trống hieu và quánh như keo, kéo theo cả bầy mèo, quạ, chó gào rống... Chúng được đưa về Paris nơi tìm ra những kẻ ham chuộng...

Chiều tối, sau các cuộc đi chơi đó, bà nội Marguerite dùng một loại bánh nhỏ bằng cây cắm quỳ, mùi thơm khá bền, phát minh cuối cùng của hãng Oriza sát lên hai má và cổ Gabriel.

- Như thế này bố cháu sẽ không thể bảo Levallois hồi thối.

Khi đẩy cửa, Louis hít hít, mỉm cười, nói về chuyện khác. Bố luôn rất coi trọng những trò hề.

Những chỗ tồi tệ nhất là dòng sông Seine. Từ mạn ấy bốc lên những mùi ám rất lâu, một thứ mát mẻ giả tạo hòa trộn mùi thối rửa, một bầu không khí của căn hầm với bao mùi hấp hơi đủ loại. Sương mù thường thấy trên mặt sông càng làm tăng thêm cái cảm giác này của cuộc sống ở tầng hầm. Từ tháng Mười đến tháng Ba, ít khi thấy bầu trời. Người ta tưởng tượng ra những công trình xây dựng ở trên Lavallois, một thành phố khác, những tầng lầu chói chang dưới ánh

nắng, các bà mặc áo tắm, các con tàu căng buồm. Những ngày mù sương, sương thực sự, bố Louis như người điên, bố đóng kín các cửa trong nhà, cấm không được ra ngoài, chẳng là nhà ở kề bên dòng sông nên bố hoảng sợ. Để đi đến cửa hiệu sách, bố mang theo la bàn, bố đã vạch trên mặt kính của la bàn, bằng bút chì xanh lơ tô đậm, những góc không xảy ra nguy cơ bắt trắc, Đông- Bắc, Đông, Đông – Nam. Các góc khác đều bị gạch bỏ bằng bút chì đỏ.

Gia đình Orsenna chỉ đi về hướng có nước vào những ngày trời rất đẹp. Bà Marguerite đã giải thích cho đứa cháu nội hướng đi: về mạn này là biển. Sau đó, hai bà cháu men theo con đường kéo thuyền, đến tận xưởng đóng tàu Cavés được chia ra làm hai khu vực: khu vực nồi hơi (một nghề đáng khinh, một nghề không mùi mè, được nhận biết qua các tiếng ồn ào, do búa chùy nện vào tôn) và khu vực đóng tàu, nhận biết được qua mùi gỗ sồi cháy. Thợ mộc dùng lửa uốn gò, từng chiếc từng chiếc sườn thân tàu. Tàu thuyền đủ loại nằm ngổn ngang trên bãi cỏ. Chúng chờ thủy triều dâng ngang tầm để rời khỏi chỗ.

Chắc là Levallois đã bốc mùi. Và bốc mùi nồng nặc suốt vụ hè hoặc những tuần lặng gió. Người ta bảo vào thời nay, mùi vị của địa phương đã được tẩy sạch nhiều. Rất tiếc! Tiếc thật! không khí phảng phất một thứ mùi giữa mùi súc vật chết trương và hóa chất thải, một sự mập mờ giữa hương thơm dịu mát của nước hoa Oriza và vị đắng ngòm của ký ninh, một sự bốc men, một niềm cuồng điên muốn sáng tạo không ngừng và mặc, nếu nó nồng nặc mùi như vậy, nó phảng phất một làn hơi ráo riết của công nghiệp và phong phú đối với khứu giác mà tôi phải xin ngả mũ và nuôi tiếc.

Đúng thời thơ ấu, Gabriel đã hít thở mùi hôi thối của chính thế kỷ XIX. Những xú khí đó đã nuôi dưỡng chú. Đừng trông chờ chú bỏ nó.

Tôi còn nhớ tới những cuộc dạo chơi khác. Vào những ngày rất đẹp trời, hai bà cháu tôi đã rời Levallois và lân la tới các nghĩa trang,

Auteuil, Montmartre và thậm chí cả nghĩa trang Père – Lachaise khi trời thực sự tịch không một bóng mây. Hai bà cháu tôi đi thờ thần giữa các phần mộ. Tôi mới biết đọc.

- Cháu để ý đọc họ tên nhé,- bà nội Marguerite bảo tôi, - mắt bà không được tinh như mắt cháu, nếu gặp một mộ chí nào có ghi Gabriel, nhớ báo bà nhé.

Tôi đảo mắt ngó nhìn bà, bà nội phải tập tễnh chạy mới theo kịp tôi, bà nội lụ khụ, bà đi không có mục đích rõ ràng, thờ thần giữa các phần mộ, hai tay thọc trong túi váy, khuôn mặt và ánh mắt xanh lơ của bà lẩn sâu dưới vành mũ đen tuyền... Tôi thầm nghĩ là bà nội đã già rồi, tại sao bà nội lại già lụ khụ như vậy giữa các nghĩa trang đó? Chẳng còn chút gì lưu lại hình dáng chàng hidalgo của bà. Tôi cho rằng bà nội sẵn lòng đánh đổi ngôi mộ có thật của Gabriel Đệ Nhất, thức sự có thật lấy niềm hy vọng mong manh là chàng vẫn còn đang sống.

Trên đường về (cứ mỗi kilômét lại uống nước cam thảo hoặc nước dừa), bà nội giả thích tôi nghe những suy tư của bà về cái chết.

- Cháu Gabriel ạ, tất nhiên là ông không nằm ở đây, những người chết không giống ta đâu, họ đi đây đó khắp nơi. Để bà nói cháu nghe một điều bí mật- bà nội hạ thấp giọng, - tất cả các nghĩa trang đều liên lạc với nhau.

III

Thứ hai nào bà nội Marguerite cũng đến văn phòng thuộc địa, về bề ngoài trông như một bộ mà dạo đó đặt tại quảng trường Concorde, chỉ có vài phòng làm việc tối tăm, do bên Hải quân nhượng quyền.

- Đối xử với Đế quốc của ta thế này thì quả là thảm hại..., - mỗi lần đến thăm bà nội lại bảo như vậy, do đó bà đã trở nên nổi tiếng.

- Ôi thưa bà, - viên tùy viên có bộ mặt xanh xám trả lời, anh ta được giao cho phụ trách việc chỉ dẫn.

Cuộc trao đổi chớp nhoáng này là những lời thu gọn của một cuộc đàm thoại trước đây dài hơn, nhưng cứ dần dần bị lược bớt.

Để bạn hiểu rõ những mối lo lắng của bà nội Marguerite Orsenna, tôi xin thuật lại dưới đây trọn vẹn:

- *Đây, tôi muốn cậu con trai Louis của tôi tham gia vào công cuộc mở rộng nước Pháp.*

- *Dạ thưa bà, ý kiến ấy đem lại vinh dự cho bà.*

- *Có trường thuộc địa chưa, thưa ông?*

- *Dạ, thưa bà, có rồi, đấy là Trường Cao Miên trước đây.*

- *Thủ tục xin học thế nào?*

- *Dạ, cần phải được sự đồng ý của ông bộ trưởng quốc vụ khanh. Xin bà điền cho tờ mẫu khai in sẵn này và một tháng nữa mời bà quay lại đây.*

Thời hạn đã hẹn trôi qua, bà nội Marguerite quay lại.

- Dạ, thưa bà, tôi phải thú thực... (Nói đến đây, anh chàng tùy viên chớp chớp mắt và hạ giọng). Thưa bà, không có cơ may nào rồi, gia đình bà bị coi là theo phái Bonaparte.

Bà nội Marguerite nổi cơn tam bành.

- Tôi chẳng quý báu gì cái Đế quốc này đang dẫm đạp dưới chân các vị hoàng đế của mình đâu nhé.

Các viên chức đảo mắt nhìn quanh, những chiếc cặp xếp giấy tờ màu nâu đen, kể các tên bằng tiếng nước ngoài (Bingeroille, Porto Novo, Niamey), họ thăm tra xem không ai có thể tố giác họ, khẳng định lại niềm tin của họ vào nền Cộng hòa, nhưng phải thú nhận là, nhất định rồi, ở đây có một mâu thuẫn nào đó.

- Thôi được, thế khi nào mới mở Trường Cộng hòa đích thực, nghĩa là, nếu tôi hiểu thật rõ nền Cộng hòa, muốn vào học phải qua một kỳ thi loại khó và giấu tên?

- Thưa bà, sắp rồi, chắc hẳn chẳng bao lâu nữa. Ông bộ trưởng quốc vụ khanh rất tán thành chuyện đó.

Do đó, bà nội đã trở thành một vị khách thân quen gần gũi hơn, đại loại một viên chức ngoài biên chế, một người nhà. Bà nội được mời dự các buổi tiệc rượu mừng. Và có Trời mới biết được trong những năm đó, những buổi tiệc rượu mừng có được tổ chức thường xuyên không. Để mừng anh chàng tùy viên thăng bậc (dạ thưa bà Orsenna, từ nay trở đi tôi có văn phòng có thể tiếp đón riêng mình bà). Tiệc rượu mừng Để chào nước Lào ra nhập Đế quốc. Tiệc rượu mừng Nhân việc thiết lập Guinée thuộc Pháp và Côte- d'Ivoire cũng vậy, tiệc rượu mừng. Tiệc rượu mừng đám cưới của chàng tùy viên cũ, trong suốt buổi lễ thân tình (tôi cho rằng tốt hơn hết không nên đưa nhà tôi tới dự), nhà tôi chẳng quen biết một ai, nhưng nhà tôi tha thiết nhờ tôi chuyển lời chào hỏi tới bà...), anh chàng cứ cặp kè

bên bà nội Marguerite và khẩn khoản yêu cầu bà vẫn tới thăm, dù cho Trường sẽ mở, sắp mở thôi. Tiệc mừng liên tục, bốn lễ tiệc trong vòng gần một năm, để mừng sự thất bại của quốc vương độc ác ở Dahomey, để mừng sự biến hóa của văn phòng đồng lý thành Bộ thuộc địa hoàn toàn tách hẳn (bây giờ chúng ta đã đạt tới đỉnh cao trách nhiệm này, ông bộ trưởng mới đã tuyên bố, tôi hy vọng rằng các quý vị hiểu rất rõ, hội hè phải được tổ chức ít hơn. Nước Pháp và thế giới chăm chăm theo dõi hành vi của chúng ta).

Nhưng đã trở thành quen lệ rồi, không còn cách gì ngăn được các buổi tiệc mừng. Người ta khép các cửa sổ kỹ hơn, và kéo các rèm vì bà con đồng bào đã bắt đầu lên tiếng phản đối: các nhân viên ở bộ phận thuộc địa tiệc tùng bù khú trong khi các miền bị xâm chiếm của chúng ta, Alsace và Lorraine, đang chịu đau khổ. Người ta còn gửi cả kiến nghị và mang khẩu hiệu xuống đường biểu tình. Dừng ngay cảnh hoang phí, đồng ý dành cho Alsace, không đồng ý dành cho Bắc Bộ Việt Nam. Nhưng chẳng lẽ lại không chào mừng xứng đáng lễ lên đường của phái bộ Marchand và của nền bảo hộ Madagascar?

Khi về nhà, vẻ hoan hỉ, gò má ửng đỏ, bà nội Marguerite không chào ai cả, bà đi thẳng về phòng mình và khóa chặt cửa lại. Cả nhà nghe tiếng bà nói, hàng giờ liền trong đêm tối, báo cho chàng Gabriel Đệ Nhất của bà, ông nội chưa từng được gặp mặt của tôi, những tin tức cuối cùng ở Levallois và của Đế quốc Pháp, một ngày rất gần đây, sẽ đủ mạnh để liên minh với Mêhicô, đẩy lùi bọn Mỹ (những tên côn đồ mới phát). Nhưng chẳng mấy chốc, giọng nói đã cất cao, và cuộc trò chuyện bị hỏng to. Bà mắng chửi chàng hidalgo của mình đã sớm vội vã ra đi như vậy. Bảy ngày. Cứ như thế trong bảy ngày người ta có thể có kinh nghiệm về một người đàn bà, một cô nàng người Lyon, ngây thơ trong chuyện chăn chiếu thì có thể đấy, nhưng không ai sánh bì được trong việc bếp núc. Và để gọi chàng ta quay về, bà gào lên gọi cho chàng nghe rõ tên những món ăn nổi tiếng vùng Saône và Rhône, chếp bỏ lò, gà giò Célestine, cải củ....

- Bà nội có lý đấy, - bố Louis khẽ rĩ tai bảo tôi, - bà nội con nói có lý đấy, một người đàn bà đòi được hưởng nhiều hơn bảy ngày. Đạo đức giả, có vậy ông nội mới không quyến luyến gắn bó.

IV

Bà nội Marguerite đó. Những người tôn sùng Đế chế đều vậy cả. Bất kỳ lúc nào, bà nội tôi cũng có thể bắt tôi đứng áp bức tường phía Đông trong nhà bếp, lưng quay về hướng Paris, nơi đã ghi số đo chiều cao của tôi, kèm theo ngày đo (1m 10, ngày mừng 1 tháng Sáu năm 1890; 1m 12 ngày 13 tháng Ba năm 1891).

- Thằng cháu này chẳng thấy cao lớn gì cả thế này?

Và thế là bà nội lại thay thầy thuốc, do đó hai bà cháu lại đành phải cuốc xa hơn nữa khỏi Levallois và bắt tôi nuốt những chế độ ăn uống ngày càng lạ lẫm. Khi, cuối cùng, lễ ăn mừng tôi cao một mét hai mươi được tổ chức thì tôi đang ăn theo chế độ, sáng cần tây (cháu Gabriel này, ăn thế sẽ bỏ cơ bắp, cốt khung của cơ thể đấy), bữa trưa đậu lăng (có chất sắt, một cốt khung khác, Gabriel, cháu cứ trông tháp Eiffel ấy), khoảng năm giờ chiều, uống nước trà (nó tránh không gây béo vô tích sự, Gabriel ạ, nhưng cần thận đấy, pha loãng thôi), khoảng hai mươi giờ, uống dầu cá (cháu Gabriel này, thành thật mà nói, uống nó khó chịu đấy, nhưng không phải vô lý mà bà đã bảo cháu uống, cơn buồn nôn sẽ làm giãn cơ bắp và góp phần thúc đẩy sự phát triển cơ thể cháu).

Một lát sau, bà nội Marguerite lại đổ lỗi cho các loại thuốc phải chịu trách nhiệm về sự chậm phát triển của tôi. Bà nội có tất cả các loại thuốc, những thuốc vãi thợ may, những thuốc đo chiều cao, những thuốc dây của người đo đạc... Bà nội đem chúng đến Sèvres, giấu không để bố Louis biết. Tôi hết lòng giúp bà nội. Những chiếc thước, đến là nặng.

- Cháu này, nhà ta nóng hết chỗ nói. Bà có cảm giác các thước bị giãn. Chính vì vậy cháu không nhón được.

Các viên chức của Viện Trọng lượng và Đo lường đã đón tiếp hai bà cháu tôi rất thân ái.

- Những người như hai bà cháu bà thật là đẹp, những kẻ si mê chân lý. Hơn nữa đây là một bài học tốt về sự chuẩn xác dành cho chú bé.

Họ đưa các thước đi đo với mẫu chuẩn, một lát sau họ quay lại.

- Ổn cả, có lẽ trừ cái này, bằng vải. Quả là nó có hơi dài hơn tí chút. Chắc trong khi bà đi vắng, chú bé đã lôi nó ra nghịch. Phải khuyên chú chấm dứt ngay trò nghịch đó.

- Các vị khuyên tôi nên giữ ở nhiệt độ nào?

- 20o

- Độ ẩm bao nhiêu?

- 60%

- Cháu thấy đấy, - bà nội Marguerite bảo lúc quay về nhà, - chúng ta đã xử sự đúng khi đưa thước đi kiểm tra.

Chúng ta chẳng nên mắc chứng hoang tưởng tự đại. Gabriel không phải là lý do độc nhất gây thất vọng cho bà Marguerite. Mọi thứ đều gợi lên cho bà nỗi thương xót đến sự bé nhỏ của nước Pháp: bề rộng của sông Seine (cháu Gabriel này, cháu có thể hình dung được rằng người ta chẳng bao giờ nhìn thấy bờ bên kia sông Amazone), lượng nước mưa (ít hơn 100 mm một giờ, đừng nói với bà đấy là một trận mưa), độ lớn của trứng (cháu Gabriel này, rõ ràng là mấy ả gà vùng ôn đới không biết đẻ rồi).

Nhưng nỗi đau buồn lớn nhất của bà nội là tám bản đồ thế giới vẽ hai bán cầu. Đang hân hoan vui vẻ sau bữa tiệc mừng, ấy thế mà

chỉ cần thoáng trông thấy tấm bản đồ này là bà nội lại đắm mình trong nỗi đắng cay.

- Cháu Gabriel này, cháu ngó thử coi, cái chấm màu hồng này chẳng là gì nếu đem so với nước Mỹ hoặc nước Nga. Vả chẳng, bấy lâu nay Đế quốc của chúng ta chững lại. Rõ ràng là, cháu Gabriel tội nghiệp của bà, cháu phải giữ gìn nước Pháp đấy.

Một quyền kế thừa như vậy đề kể cũng hơi trĩu nặng đôi vai.

Còn những lý do khác về vóc dáng bé nhỏ của tôi. Bố Louis và bà nội Marguerite còn phải tốn nhiều công sức, tôi cảm thấy chỗ thiếu kém ở trên đầu mình, một khoảng trống, một sự lạnh lẽo, ở ngay trên đầu tôi, ngay tại vị trí trong nhánh phả hệ của tôi, lẽ ra sản phụ trẻ đã ngự chiếm, ngay cả sản phụ này cũng đã bỏ trốn khỏi bệnh viện để mặc chúng tôi giữa đám bà xơ từ thiện đội mũ vành vĩnh và những sản phụ khác om sòm kêu thét. Một loại khoảng trống, một ngày nào đấy, sẽ ngốn nuốt tôi. Thôi, thôi, khoảng trống sẽ bảo, chấm dứt cái trò làm ra vẻ như đang sống đi. Gabriel, một chú bé không mẹ, chẳng bao giờ lìa khỏi côi hư vô.

Trong những điều kiện như vậy, tốt hơn hết không nên lớn phồng và nên ở tầng bên dưới.

Sau này, mãi sau này, chỉ mới cách đây dăm năm, ngoài thềm chan hòa ánh nắng, trên đường Saint-Germain, nơi hai bố con tôi ngồi uống rượu buagơi để chào mừng ngày một trăm năm giải phóng Paris, bố Louis mới bảo tôi:

- Con ạ, bố đã làm hết tất cả để thay mẹ con. (Bố nói chậm rãi. Rượu buagơi khơi gợi câu chuyện, nhưng không tạo điều kiện dễ dàng cho cách diễn đạt. Bố cầm tay tôi). Gabriel con, bố đã làm tất, bố đã làm tất cả, tất tần tật. Bố hy vọng rằng con đã nhận thấy?

Gabriel đã nhận thấy.

Gabriel không chỉ nhận thấy mà còn tạo điều kiện, nếu tôi được phép nói ra, làm câu chuyện tình khó tin của bố tôi thêm ly kỳ. Tuy đã mượn các vú nuôi (toàn những kẻ vô nhân đạo), bà nội Marguerite và bố Louis vẫn thay phiên nhau chăm giữ tôi. Nhưng một ông bố, suốt ngày đau khổ với một đứa trẻ nhỏ thì làm được những gì? Các ông bố không thích đi dạo, các ông bố không thích những trò chơi xây đắp. Vì tôi, nhờ tôi mà bố Louis đã bắt đầu thừa nhận.

Hồi đầu, bố Louis khóa cửa nhốt tôi trong phòng. Nhưng tôi không chịu khuất phục mấy chị vú vô nhân đạo để yên nơi lưu đày đó. Tôi òa khóc. Bố Louis liền lập tức xuất hiện, ngang bụng cuốn một chiếc khăn tổ ong kỳ cục. “Ngoan nào, ngoan nào, Gabriel”, - bố tôi nựng, rồi để tôi được ở bên cửa sổ, bên bố và bà nội.

Chú ý, xin đừng tưởng rằng bé Gabriel bị quăng một cách thiếu thận trọng cho bản chất cay nghiệt và rục rỡ của giới tính. Bước đầu rèn luyện của chú được thực hiện tuần tự, thoát đầu thông qua tai. Đôi chân nhỏ bé của chú chưa đủ sức mang nổi chú, chú nằm trên lớp đệm bằng lông chim trong nôi, được ngăn bằng một lớp song bằng gỗ liễu gió nâu, điểm những tiếng lú lo tán thành nào là được, được – được đấy, nào là không phải vậy, để đấy ôi! để đấy, ôi! ôi! Để đấy mà! Sau đó là thị giác, khi chú Gabriel đứng dậy được.

Nhưng, vào năm ấy, mùa xuân đến chậm, các nhà lực sĩ thường ở bên dưới chần bằng lông chim hơn, hãn hữu và chốc lát mới mon men đến bên thành nôi hoặc đứng trên tấm thảm con. Phải đợi tới đang độ mùa hè mới được chứng kiến cảnh tượng đầy đủ hiện còn bị che khuất: những người phụ nữ tóc dài và búi tóc bị xổ; ngay vào đầu, cuộc đấu hơi căng, tuy được kẹp cả đồng kẹp tóc, chúng vẫn xổ tung ra. Hơn nữa, cái cảnh kích động này thường bị kẻ khó tính gây gián đoạn:

- Kia, ai thế? – Nàng khách được mời bỗng gào lên, khi cuối cùng nhận ra sự hiện diện của tôi.

- Con trai anh đấy mà, em yêu.

- Không, em không thể được nữa đâu. Ánh mắt đứa trẻ nhỏ đó, làm em ớn lạnh.

- Thôi mà, em yêu, vào tuổi ấy... - bố Louis đáp.

- Quả thật, anh có một gia đình kỳ cục, - nàng nọ vừa mặc quần áo vừa lẩm bẩm, - Và khi em bảo kỳ cục ...

Bằng cách nào, bố Louis đã gặp được tất cả những phụ nữ ấy?

Ngay với câu hỏi đầu tiên này, chú Gabriel hay ghen đã tìm ra ngay được lời giải đáp: nhờ có cửa hiệu sách. Các bà các cô được những vị thị trưởng, các vị tổ chức du lịch, các cơ quan nơi bà nội Marguerite dính mấy tờ quảng cáo, cứ đi để đến lân la nắm tình hình, các bà các cô này sắp phải lên đường

Họ e lệ đẩy cửa:

- Những thuộc địa, nguy hiểm không anh?

Những bà những cô không phải lên đường thì tỏ vẻ tự tin hơn: anh có quyền sách về sự thay đổi của môi trường không? Dần dà câu chuyện chuyển sang hình thức bóng gió. Bố Louis chẳng bị lâm vào cảnh bất công, sự chuyển hướng này, điều kiện cần nhưng còn xa mới đủ, được sự tò mò của mấy bà mấy cô đến thăm tạo điều kiện thuận lợi hơn, bao giờ cũng vẫn là những câu hỏi tương tự:

- Ở đẳng đó, *thực sự* nóng bức à?

- Dân bản xứ *thực sự* man dại à?

Điều bí mật xuất hiện từ đây.

Bố Louis đã bằng cách nào để biến hóa, hầu như lần nào cũng vậy, cái hoàn cảnh lập lờ nước đôi ấy thành một câu hỏi trắng trợn: ngày mai chị sẽ tới chỗ tôi chứ? Câu hỏi này, chú Gabriel, người rất

ghen với bố, sau bao năm, bao năm điều tra vẫn chịu bó tay không giải đáp được. Chú không tài nào đoán ra.

Ta phải nói thêm một sự thật nữa, đành đành hòng thú nhận rằng nó cũng cứng như miếng bánh phải nuốt vào những tối viêm họng: ông bố tôi, ông thật bảnh trai và cao lớn. Đôi mắt hạt dẻ và đôi má trái ngược hẳn với má tôi, bị hóp, đôi má như bị miệng hút vào do đó trông ông có vẻ man dại. Tôi chưa nói hết. Dù phải trả giá thế nào, tôi vẫn mô tả hết. Vẻ man dại và dịu dàng vì trong các hôm ấy, ở mạn dưới, như để kéo trễ môi, mỗi bên có một chiếc lúm đồng tiền. Tóm lại, khuôn mặt của bố tôi dâng hiến cho phụ nữ mọi ước muốn: dữ dội và dịu dàng, hứa hẹn bao ve vuốt, nhưng có thể tàn nhẫn. Phần còn lại trong giải phẫu cơ thể của bố tôi, bạn sẽ chẳng biết tí gì hơn nữa. Phải giữ đạo làm con. Bạn chẳng nên thất vọng, mong bạn coi trọng nỗ lực tôi vừa cố dốc sức thổ lộ khi thừa nhận nỗi ghen của tôi và nên thỏa mãn đến đấy thôi.

Thỉnh thoảng, khi về nhà, bà nội Marguerite chạm trán một vị khách nữ được mời tới đang đứng trước gương chăm lại chút phần trên mũi lúc sắp rời khỏi nhà hoặc, còn tồi tệ hơn, đang yêu cầu bố Louis siết chặt chiếc corxê.

- Ôi! Xin lỗi bà, - người bạn nữ của bố tôi lắp bắp. - Ôi! Xin lỗi.

À nọ vội vã thu dọn các thứ của mình (không sao cả, cô em, - bà nội Marguerite bảo) và chuồn thẳng.

- Mẹ, mong mẹ hiểu cho con, - bố Louis lắp liếm, - ở đằng ấy, tại các nước thuộc địa, con sẽ không có được sự lựa chọn này. Dưới chí tuyến, mọi phụ nữ đều giống nhau. Đại loại như thời tiết. Ở đằng ấy không có các mùa.

- Nhưng mẹ có bảo gì đâu, anh tồ của mẹ.

Bà nội Marguerite đồng tình. Bà nhìn mọi thứ yên vị, mọi sự kiện diễn ra tại số nhà 12 trên đường phố Corneille vừa được xây dựng bằng cặp mắt kiêu hãnh rất hiền hậu của Đấng Sáng Tạo: tự hào một cách thỏa đáng.

Ngày nay, tôi hiểu ra tại sao mẹ tôi chạy trốn: một người đàn bà hợp pháp, dĩ nhiên, thiếu không trung trong bầu Sáng Tạo này.

Tôi vẫn còn nhớ những ngày chủ nhật và trí nhớ của tôi cũng có giá: mọi thứ trôi qua, thời gian, tiền bạc, dòng sông Seine. Sáng tinh mơ, bố Louis bước vào phòng tôi:

- Con chuẩn bị, ta đi nhé!

Tôi tự hỏi hồi lâu không biết bố Louis định đi đâu: vào rừng, đến nhà thờ? Dẫu sao tôi vẫn mặc vội áo xống và hai cha con rời khỏi nhà giữa buổi ban mai, người huýt sáo, kẻ tung tăng. Cho yên tâm, cha con tôi định bụng đi xà lan. Nhưng các xà lan ngựa kéo đầy ắp những người say mê trò cược cá ngựa đã không buồn ghé vào bờ. Chúng tôi đành đi bộ đến Longchamp.

- Rảo căng lên, bố Louis giục, - ta bị lỡ cuộc đầu mất.

Bố tôi tự nói với bản thân mình. Đây là lúc nói về các dự kiến bất động sản của bố tôi:

- Nếu, cuối cùng, ta không đi tới các thuộc địa, bố, bố sẽ chắc chắn dọn đến ở trên đồi Saint-Cloud. Từ các ban công phía Đông, chỉ cần dùng ống nhòm có thể thấy những con ngựa về đích.

Với bố Louis, xã hội ở trường đua là một loại xã hội kiểu mẫu: những gì ta có thể làm được tốt ở dưới trần gian này, trái đất và người có sao thì như vậy. Vừa bước qua cửa bán vé, bố vung tay chỉ đám đông, cây cối, bãi cỏ, nơi cân các đô kê, mũ của phụ nữ, các khán đài...

- Cuộc sống phải như thế này, Gabriel ạ.

Chắc chắn là bố Louis đã có lý. Chúng ta sẽ có những cái tên phóng khoáng hơn: Val d'Amour hoặc Vigne d'Or^[4]. Chúng ta sẽ mặc áo quần theo sắc của chủ: luật chơi sẽ rõ ràng hơn. Thế rồi, bất cứ giờ nào, ta cũng có thể đánh cược một cuộc đua mới, bắt đầu lại từ đầu. Mỗi lần bố con tôi nói về ngựa, bố tôi lại trịnh trọng nhìn tôi: có lẽ bố Louis mong đợi tôi giúp bố thay thế thế gian này bằng một trường đua ngựa. Do đó, chúng tôi chẳng bao giờ đề cập đến đề tài này nữa. Chắc bố tôi bị thất vọng. Tôi đã không trợ giúp bố Louis được mấy trong công việc của ông. Trong các cuộc đua, bố tôi cứ mím chặt môi, bỗng chốc trở nên nhợt nhạt tựa hồ ông sắp bật khóc. Bố Louis siết tay tôi mỗi lúc một chặt khi tốp ngựa đua lần lượt dần dần tiến về đích. Gabriel hòa tiếng hò hét của mình với đám đông. Gia đình Orsenna còn thừa thời gian để bị thua hai, ba cuộc trước lúc đến giờ ăn trưa. Vả lại bữa ăn chỉ thích hợp sau cuộc đua cuối cùng, “để dòng người rút đi”. Đám đông từ từ rời bỏ trường đua ngựa, một số đi khuất vào rừng trở về Auteuil hoặc Neuilly, số khác quay ra mạn bờ sông. Hai bố con tôi có thói quen thường tạt vào quán cà phê dựng tạm vào các ngày Chủ nhật, nằm ngay sau cối xay gió.

- Thế nào, ta uống mừng là đã có đường dây mách giúp cách đánh cược chứ? - Các bạn đánh cá cược của hai bố con tôi hỏi.

- Xem ra ông bạn đây đã biết cách kéo dài thời gian, - chủ quán nói.

- Đúng, thời gian, như mấy chú ngựa đua cừ của tôi, lần này, lẽ ra phải rảo vó...

Mấy tay dân ngoại ô Paris, khi sà vào các bàn bên đã tỏ vẻ mừng rỡ như hai bố con tôi là không ở trong nội thành: ít ra bọn ta, bọn ta có thể đợi “để dòng người rút đi”.

Sắp hết giờ chuyển xà lan ngựa kéo cuối cùng. Bố Louis giúp chủ quán tháo dỡ các lọng che, xếp ghế lên chiếc xe ngựa con.

Nước sông Seine có màu đen, chiếc xà lan ngựa kéo lúc cặp bờ bên này, lúc cặp bờ bên kia để đón khách, toàn khách quen, nên ỉ ạch chẳng thấy tiến được mấy.

- Nước chảy xiết quá, không sao, - bố tôi bảo.

- Nếu họ không mở cửa cống ở Suresnes vào tất cả các tối thứ Bảy thì đâu đến nổi, - người thu vé nói.

Hai bố con tôi về tới Levallois vào lúc trời tối. Chúng tôi xuống xà lan ngay cạnh xưởng đóng tàu Cavé. Trong bóng đêm tàu bè nằm trên cạn có hình thù thật kỳ dị. Xà lan ngựa kéo đi tiếp về Clichy, Gennevilliers, Nord. Còn lại hai bố con tôi giữa các mùi vị. Bố Louis để tay trên vai tôi. Bố rút rất nhanh tay lại.

- Bố ngốc thật, bắt con phải gánh thêm một sức nặng nữa. Thế nào, Gabriel, đây đúng là lúc con lựa chọn để nhón phỗng phao chứ?

Bố Louis chưa tới ba chục tuổi. Tôi đã quá tuổi bắt đầu có lý trí^[5].

Gabriel có nhiều chú ngựa khác trong ký ức của mình và một trường đua ngựa khác, ngay trên điểm này, bên bờ sông Seine. Sát ngay cạnh xí nghiệp xe đạp Clément Bayard. Hội đồng thị chính đã cho xây dựng nó để tạo cho thị trấn chúng tôi một chút vẻ hào nhoáng. Xin bà con hãy cảm ơn bầy ngựa, các tổ quảng cáo đã thông báo vậy, chúng làm cho đất đai của ta có giá. Bố Louis bỏ ngoài tai: bố chẳng muốn giá cả bất động sản xoay xỏa trên lưng chú ngựa thuần chủng. Một lần nữa, bố đã không nhầm. Tham vọng về trường đua ở Levallois chuyển hướng đột ngột. Một trường đua ngựa rất phù du. Đường đua 2.400 mét chỉ tồn tại trong mười năm. Người ta đã xóa nó, ngay vào năm 1900...

Chính tại đây, “Câu lạc bộ nước kiệu ở Levallois” đã tổ chức một cuộc đua mang tính chất dung tục đến nỗi làm bố Louis lợm giọng buồn nôn: đại tá Cody, biệt hiệu Buffalo Bill, đua với Meyer, nhà vô địch nổi tiếng, người thứ nhất cưỡi ngựa, người thứ hai cưỡi xe đạp (nhãn hiệu Clément). Tiền đặt: 10.000 frăng.

Báo chí phấn khởi đưa tin cuộc thách đố: “Chủ nhật này, tại Levallois, tính truyền thống liệu có cưỡng lại nổi tính hiện đại không? Tờ báo của chúng tôi xin lĩnh trách nhiệm: Chủ nhật tại Levallois, kỹ thuật của con người sẽ hạ thấp con vật.”

Tất nhiên bố Louis đã không bận tâm tới “cái trò lố lăng” này. Hôm đó, bố ru rú tại phố Corneille. Với ai? Chắc hẳn với một cô khách mời hay gây ồn ào, cô Isabelle hay cô Claudine thợ đóng sách, những cô ta có thể yêu mà không gây náo động tới các vị hàng xóm sống gần các sân vận động. Vào những buổi tối dự đấu, lúc gần tới đích, các cô cứ gào tướng lên, bạn rõ rồi đấy...

Trong đời mình, chú Gabriel ít được biết ngày lịch sử.

- Người dân Levallois ủng hộ công nghiệp hiện đại.
- Dân Neuilly, vốn là những người ham thích đua ngựa vượt rào, cổ vũ con vật.
- Những người khác *fifty-fifty*^[6].

Còn chú, Gabriel ghét cay ghét đắng Buffalo Bill do đã từng được nghe các câu chuyện của bà nội Marguerite kể (tay đại tá Cody này là một tên người Mỹ đáng nguyên rủa, một tên sát hại những người da đỏ và người Mêhicô, v.v) nên chỉ quan tâm tới chiếc xe đạp, chú sững sờ trước cảnh nhà vô địch Meyer ngón các vòng đua, lặng lẽ, nhẹ nhàng như lướt, như mơn man mặt đất.

Chú kéo tay áo bà nội.

- Bà ơi, ông Meyer làm thế nào mà cứ như bay nhảy thế, bà?

- Đây là nhờ chất cao su, cháu ạ. Bánh xe của ông ấy cuốn quanh một lớp cao su...

Khi quay về nhà, chú Gabriel nhìn nhận với con mắt khác quả bóng bằng mút đỏ mà chú đã từng coi khinh.

Nhờ có cuộc họp mặt ấy của Câu lạc bộ ngựa nước kiệu, nên chú Gabriel có thể xác định chính xác ngày tháng mở đầu thiên hướng của chú về cao su: 1893, năm chú được mười tuổi, ta có thể dễ dàng lần tìm ra ngày đó qua báo chí đương thời. Và tôi cho rằng chính bố Louis đã tìm được một cái tên để đặt cho tôi khi ông đến ôm hôn tôi vào buổi tối: Gabriel tròn trĩnh, ngủ say đi con, Gabriel, con nầy cho chắc từ giấc mơ này sang giấc mơ kia, Gabriel tròn trĩnh của bố.

Nhưng thôi, ta tạm rời chú Gabriel có mặt khắp nơi và quay về với sự việc: tuy nhà vô địch Meyer đã cố hết sức, chiếc xe đạp vẫn bị đánh bại, Buffalo Bill và con ngựa của ông ta đã thắng. Đêm đó, niềm hân hoan của bầy ngựa thật lớn, ngựa trong thị trấn nhiều vô kể. Đúng, đêm đó chúng ăn mừng chiến thắng của chúng. Chúng hí vang, thở mạnh, đá hậu, thoát ra ngoài, lồng chạy trên các đường phố và đáai tồ tồ như thác chảy tại các ngã tư, nước đáai khai hơn và nhiều hơn ngày thường. Dân Levallois tuy quen với sự hiện diện của những con vật bốn chân này mà họ thu được không những chỉ phần lớn thu nhập của mình, thêm vào đấy còn một số lợi ích phụ nữa, đã không thể chộp mất được vào cái đêm nhộn nhạo đó và thế là, hôm sau hai mươi bảy người đã đến gặp thị trưởng, đưa đơn phản đối, đòi không được biến Levallois thành một chuồng ngựa hỗn loạn lớn nhất của nước Cộng hòa.

Ít lâu sau, hậu thế phải chịu trách nhiệm phúc đáp nguyện vọng của họ.

Khi ngựa biến mất, nhường chỗ cho các xe “ô tô”, chúng để mặc con người một mình đối mặt với đất đai, không nguồn thu nhập nào khác ngoài tốc độ gây náo động. Để đổi lại, du khách mất một phần cảm xúc và các chuyến đi mất vẻ nồng ấm, nồng ấm do cặp mông bốc khói, còn phía trước là sự lắc lư do con vật đang chạy nước kiệu.

V

Chúng tôi ngồi nhà một số ngày. Một mình, Louis và Gabriel. Chẳng có khách nữ được mời. Louis chuẩn bị cho kỳ thi tuyển. Một kỳ thi tuyển xa vời vợi. Kỳ thi tuyển vào một trường còn đang thành lập. Thật ra, bố đọc sách, tất cả các loại sách sẵn có nói về các thuộc địa. Hơn nữa, khi đọc hết loại sách này, Louis chuyển sang đọc tất cả các loại khác, tất cả những sách mà một cửa hiệu sách nhận được từ khắp các nhà xuất bản.

- Đây không phải là cách chuẩn bị một kỳ thi tuyển, - bà nội Marguerite bảo.

Louis hoàn toàn nhất trí:

- Nếu vậy mẹ cho con chương trình các môn thi. Nhưng mẹ có chắc là khi trường được thành lập, con không quá già chứ?

- Mẹ sẽ xin cho con một đặc cách.

Và thế là bà nội Marguerite lại mở đợt vây hãm Bộ.

Năm tháng trôi qua. Gabriel đã lớn lên cùng thời gian mà không hề nhận biết. Cặp má chú đã thay đổi. Các chú lính chì nhường chỗ cho các chú ngựa gỗ. Dấu hiệu không bác được, chứng tỏ tuổi trưởng thành đang xích gần. Nhưng Louis, chắc do ngại không muốn nêu những điểm cố định cho cậu con trai đang già đi, nên thường kể cho chú nghe vắn những câu chuyện cũ vào vắn một thời điểm, ngay sau bữa ăn chiều:

“Câu chuyện về người đi tìm xứ sở bất tử.

Đây là câu chuyện kể về một người có bà mẹ rất già và đi tìm cho mẹ một xứ sở bất tử (bà nội Marguerite chưa già đâu, Gabriel ạ. Nhưng bố con mình cũng vậy, một ngày nào đó, bố con mình sẽ đi tìm cho bà nội một xứ sở như vậy).

Thôi được rồi. Người con trai lên đường để đi tìm xứ sở đó. Khi anh đến một vùng, nếu bắt gặp các nấm mồ, anh ta liền bỏ đi ngay. Anh đi khắp nơi, nhưng chẳng nơi nào không có mộ. Lúc đó, một người hỏi anh:

- Anh đi đâu mà đi miết đi hoài vậy? Anh cứ đi, liên tục, đi khắp đó đây bỏ mặc mẹ già sống một mình?

Đây là câu hỏi hay, Gabriel ạ, chẳng bao giờ bố con mình bỏ mặc bà nội Marguerite sống một mình. Chẳng bao giờ. Thôi được rồi. Anh con trai đáp:

- Tôi đi tìm một xứ không thấy có các mộ.

- Nếu vậy, - người nọ nói, - anh trả công cho tôi, tôi lo tìm cho anh một chốn không thấy có mộ.

- Bác hãy chỉ cho tôi một nơi bất tử, - người con hiếu thảo đáp, - tôi xin biếu bác toàn bộ tiền bạc của tôi.

Hai người cùng nhau lên đường, họ đến một vùng quả thực chẳng thiếu một thứ gì trừ các nấm mồ. Họ bắt lạc đà của mình quỳ xuống và ngủ lại chỗ mấy người dân trong vùng. Hôm sau, bác đưa đường bảo người cùng đi:

- Bây giờ anh trả công cho tôi đi, tôi đã chỉ cho anh xứ sở không có mộ.

Anh con trai biếu bác ta toàn bộ tiền bạc của mình. Bác đưa đường nhận tất cả số tiền rồi biến mất. Người con hiếu thảo đón mẹ đến xứ sở này. Và hai mẹ con sống thanh thản trong xứ sở không

có mộ. Nhưng một hôm, anh con trai đi dạo ở các miền xung quanh, để mẹ ngủ ở chỗ các chủ nhà. Các vị này thấy bà mẹ ngủ, họ cắt cổ bà, xẻ thịt chia nhau và để phần một suất cho anh con trai. Khi anh quay về họ liền bảo:

- Mẹ anh sắp chết, chúng ta cắt cổ bà, chia nhau thịt. Đây là suất để phần anh.”

Tôi đã sưu tầm lại được câu chuyện đó. Nó nằm trong cuốn *Ngữ pháp tiếng Tamachek*, do Louis - Joseph Hanoteau biên soạn, ông là một vị tướng và người uyên bác, sinh và mất ở Decize (1814-1897), nhưng sống cả đời ở Algérie, vì ông chỉ có một mối quan tâm duy nhất trên đời này, đó là những người sẫm mình màu xanh. Ông nói tiếng, biết rõ phong tục của họ, thậm chí đọc được các câu ít khi gặp và tối nghĩa ghi trên đá của họ. Có lẽ ông thấy thích là một người dân có nước da xanh và dân du mục hơn là một người Pháp và một vị tướng?

VI

- Sao mặt trăng không rơi, bố? - Chú Gabriel hỏi.

- Câu hỏi này chứng tỏ con đã là người lớn rồi đấy, - Louis đáp.

Về rất xúc động, bố Louis gạt tất cả sách và bản đồ để trên mặt bàn sang một bên, kéo chiếc ghế đầu cho cậu con trai, trải một tờ giấy lớn, cầm bút chì vạch lên giấy những hình cầu, những đường clip, những hình trăng lưỡi liềm và bắt đầu lờ mờ giải thích, liên tiếp đề cập đến sự hình dung thế giới của người Cổ đại, những nỗi thống khổ của Galilée, sự rơi của các trái táo, chuyển động của nước thủy triều, v.v... Khoảng tám giờ, bà nội Marguerite thò đầu vào gọi hai bố con ăn tối.

- Chắc con chưa nhận thấy rằng bố đang trình bày với con những vấn đề nghiêm túc, - bố Louis nói.

Sau đó là những sơ đồ, những con tính xem ra chẳng liên quan gì tới mặt trăng. Rõ ràng là bố Louis đã thất bại.

- Con hiểu chưa, - bố Louis bí quá nên hỏi dồn, con hiểu chưa, con có chắc là đã hiểu rõ rồi chứ?

Chú Gabriel gạt đầu. Để bố vui lòng. Thật lòng mà nói, chú chẳng hài lòng chút nào về thông lượng của những giải thích. Gabriel đã có sẵn câu trả lời, giản đơn hơn nhiều. Và không thể bác bỏ vào đâu được, câu trả lời như thế này: một đêm, một người nào đó đã ném xuống đất quả bóng bằng cao su, giống quả của chú, nhưng màu trắng và to đùng. Người nọ ném mạnh đến nỗi quả bóng bật lên tận trời. Vấn đề còn lại chỉ là tìm ra tên nhà vô địch tạo được sự nảy lên đó. Có vậy thôi mà, bố Louis, việc gì phải phức tạp hóa như vậy. Bây giờ con đang đói rồi, bố, phần tiếp theo những câu chuyện của bố, ta có thể gác lại ngày mai, được không, bố?

Sau đó, qua cửa hé mở, tuy đang cởi quần áo, chú Gabriel vẫn nghe rõ tiếng bố Louis:

- Con sợ rằng thằng bé không có đầu óc khoa học.

- Nó có, như con nói, đầu óc khoa học, thì sao nào, Savorgnan de Brazz? - Bà nội Marguerite đáp. - Chuyện đó không gây trở ngại cho nó tiến vào rừng rậm.

VII

Chiều tối đó, hai cha con ngồi bên nhau trên chiếc tràng kỷ Mêhicô trong phòng khách bố trí theo kiểu Mêhicô, tại phố Corneille (Levallois). Chiếc tràng kỷ Mêhicô là chiếc ghế như thế nào? Bằng da nức mùi xi, bà nội Marguerite tuần nào cũng đánh xi. Một phòng khách bố trí theo kiểu Mêhicô là như thế nào? Một căn phòng hidago Gabriel Đệ Nhất sẽ thích nếu cuối cùng ông từ Puebla quay trở lại: những bức tranh vẽ các dãy núi màu đất son và các nhà thờ màu trắng treo trên tường, roi ngựa cán bạc treo trên lò sưởi, thảm sắc đỏ và xanh lá cây thêu hình chim (con báo, con rắn, hoặc rùa, khó xác định rõ), trên chiếc bàn nhỏ có chai rượu tequila chưa mở, ba tháng thay một lần v.v... Để lôi kéo người đã khuất, bà nội Marguerite có một chiến thuật giản đơn: để tạo được niềm tin, không nên làm họ bối ngỡ. Mọi thứ đều sẵn sàng để đón tiếp ông nội Gabriel Đệ Nhất. Nhưng, hỡi ôi, Gabriel Đệ Nhất không buồn quay về. Những cạm bẫy ma dục dằng nhất, kiên nhẫn nhất, đúng theo kiểu Mêhicô nhất chưa từng bị chướng ở thế giới cổ xưa đều không có tác dụng.

Chiều tối hôm đó, hai bố con ngồi bên nhau. Hai cây đèn nền chân sứ (sản phẩm của Veracruz) được thắp sáng, dấu hiệu của một buổi lễ lớn.

- Đứng vào vội, đứng vào vội, - cứ năm phút bà nội Marguerite lại từ trong bếp quát vọng ra.

Vào những khi có lễ lớn, hai bố con tôi đều buộc phải ngồi ở phòng khách bố trí theo kiểu Mêhicô, cấm không được vào nhà bếp. Đúng là những buổi lễ lớn được tạo nên ở trong ấy, giữa đồng xoong chảo và bếp lò.

Sau đó, nhắm mắt lại, bà nội Marguerite bảo. Hai bố con tôi nghe rõ tiếng của tủ buýp phê kêu cọt kẹt, các ly kêu lanh canh, tiếng vải

sột soạt (đây là chiếc khăn trải bàn có thêu lông, bố Louis khẽ nói). Nhắm mắt lại! Những bước chân bước ra xa dần. Từ khoảng xa xa dội lại chỗ hai bố con tôi tiếng vài sột soạt, tiếp đến một tiếng nữa (thôi đúng rồi, bà nội thay áo: như ta thấy đấy, chẳng thấy gì trong hoạt động của chiếc áo dài có thể là lạ lắm với bố Louis). Xong rồi, hai bố con mở mắt được rồi đấy. Bước chân quay ra, đem theo một mùi nước hoa quyến chút mùi sôcôla từ trong bếp ủa ra theo.

Thị giác khẳng định thính giác và khứu giác: quả đúng là một lễ lớn chưa từng thấy trong gia đình Orsenna. Vượt cả lễ Giáng sinh, cả lễ mở cửa hiệu sách. Và cả lễ đón bè bạn trên Bộ vào một ngày Chủ nhật tháng Sáu. Bộ đồ ăn được bày gấp đôi. Trên bàn có hoa (cỏ chân ngỗng). Ly nước, ly rượu số 1, ly rượu số 2, cốc để cao. Thật sang trọng. Trứng. Cá Nantua. Thịt bê tươi kem theo kiểu Orloff. Sáu loại pho mát, bày theo hình sáu cạnh, mỗi cạnh một loại pho mát: Pont-l'Évêque, pho mát minxte, pho mát Tom của Allues, pho mát picodon của Dieulefit, pho mát cừu của tu viện ở Belloc (xứ Basque), pho mát sữa đông vùng Vendée. Cuối cùng là bánh ngọt: hình trái đất bằng sôcôla. Ăn xong miếng bánh. Bà nội Marguerite đứng dậy, bà dùng mũi dao gỗ vào miệng chiếc cốc để cao đầy rượu sâm banh của bà:

- Gabriel, cháu ôm hôn bố cháu thật chặt đi. Bố cháu ĐÃ ĐẬU. Một người bạn ở trên Bộ đã cho biết kết quả kỳ thi tuyển. Ngày mai sẽ có thông báo. Con thấy không, anh Louis, mẹ đã có lý khi cứ một mực khẳng định như vậy. Cuối cùng trường đã mở, trường thuộc địa ấy. Và con được nhập học.

Một niềm tự hào mênh mông, nước mắt lưng tròng, một buổi tối vẻ vang trong gia đình Orsenna.

Ngày xưa ngày xưa, vào cuối thế kỷ trước, có một gia đình hạnh phúc.

Bố Louis hạnh phúc. Thu lu trong trường của mình (một tòa nhà có kiến trúc theo kiểu Moro, đại lộ Observatoire), bố chẳng muốn rời nó: ở đây, bố bảo, tôi chờ cậu con trai tôi. Cháu sắp đến với tôi. Hai người, cuộc sống sẽ dễ chịu hơn. Bố Louis hạnh phúc, qua giờ học này đến giờ học nọ, các giáo sư đã dẫn dắt bố dạo quanh thế giới. Ở Lào, thứ Hai, “Hệ thống liên minh giữa các bộ lạc Mèo”. Ở châu Phi, thứ Ba, “Những vấn đề tưới nước ở tại Sahel”. Quay trở về Paris, thứ Tư, “Bộ luật hành chính áp dụng cho người bản xứ, luật 1887”. Các trò đừng quên rằng, một khi ở rừng rú, thầy giáo nhắc nhở khi sự chú ý bị lơ là, các trò phải có trách nhiệm về luật pháp. Và buộc phải tôn trọng nó. Do đó, các trò cố nghe cho rõ, “Luật 1887 giới hạn những hình phạt có thể bắt người dân bản xứ phải bị tù giam mười lăm ngày và nộp phạt một trăm quan chỉ với mười sáu tội có thể phạt sau đây: 1)không đóng thuế và không chịu thực hiện nghĩa vụ lao động; 2)từ chối không trình diện khi viên chức hành chính triệu tập; 3)trong khi hội hè, bắn một phát súng cách dưới năm trăm mét ngôi nhà của viên chức hành chính; 4)thiếu tôn kính trong lời nói hoặc hành vi đối với một quan chức người Pháp; 5)giấu hoặc che giấu tài sản khi phải thống kê; 6)cho một kẻ tội phạm nướng náu; 7)phá hỏng hoặc rời chuyển những tín hiệu đường sá; 8)vứt lung tung các súc vật chết; 9) chôn ngoài những nơi và hố đã quy định; 10)phát biểu trước đám đông những lời nói gièm pha mang tính chất ám chỉ thiếu tôn trọng một quan chức người Pháp; 11)từ chối không cung cấp những số liệu thống kê hoặc chủ ý cung cấp những số liệu sai; 12)vắng mặt trước tòa, trước một quan chức thực thi cuộc điều tra tư pháp; 13)không cứu giúp khi gặp trường hợp lâm nguy; 14)không thực hiện, trong trường hợp có bệnh dịch, những biện pháp y tế cho viên chức hành chính đã chỉ thị; 16)bỏ mặc các đàn gia súc đi lang thang và không chịu lừa về. “Và thứ Năm dành cho Đông Dương”. “Trồng cây cao su trong vùng Sài Gòn”...

Bố Louis đã tìm được nơi nướng náu và tự nguyện ở lại đấy, giữa các bức họa phúng dụ, cho đến khi tôi tới. Bố dẫn dắt tôi trong quá trình học tập. Rồi đây hai bố con tôi sẽ lên đường, hai quan chức tại các nước thuộc địa được cử về cùng một nơi, bất chấp những điều quy định và nhờ một sự vi phạm mới do bà nội Marguerite moi được. Tôi tin chắc rằng bố đã dành hàng giờ để hình dung chúng tôi

ngồi bên nhau dưới gốc cây gòn, quây quanh giữa đám các cặp vợ chồng chưa cưới và phán xét họ. Phán xét khoan dung. Theo đúng cung cách của hai bố con tôi, chẳng liên quan gì tới Napoléon. Một bộ luật riêng của Orsenna.

Gabriel hạnh phúc và trang nghiêm, chú chiếm đoạt tuổi tác. Chú thậm chí hau háu chiếm đoạt tất cả những tuổi có thể có được ở quanh mình, chú mong ước tích lũy năm tháng không chỉ để có thể đến sống bên bố tại tòa nhà có kiến trúc theo kiểu Moro, mà còn để tới lượt mình, lao vào các chuyện tình dan díu. Về phương diện này, tham vọng của chú được bà de Lafayette, Lamartine và Alexandre Dumas nuôi dưỡng đã trở nên không còn giới hạn nữa:

a) Chứng minh với bố Louis rằng tình yêu duy nhất còn lâu mới tốt hơn vô vàn tình nhân.

b) Chứng minh với bà nội Marguerite rằng Tình yêu không nhất thiết phải bị chôn chặt ở Puebla (Mêhicô) mới đâm hoa kết quả dài lâu.

c) Chứng minh với cả thế giới rằng, tóm lại, những kẻ béo tròn cũng có cơ may với phụ nữ.

Do đó, một lối hồng được hình thành giữa hai tiết học, chú lọt qua kẽ này, chạy băng qua vườn Luxembourg và lọt vào tuổi xuân, tuy, trước đấy mấy phút, ở trường lixê Montaigne, chú vẫn còn là một chú bé. Thời đó, khu Latin chứa đựng tất cả những gì tạo dựng tuổi tác cho một thiếu niên vừa từ ngoại ô bước chân tới. Những bàn cà phê có thể chống khuỷu tay với điều kiện kiễng chân, để ợt, chỉ cần kín đáo nhòm mông khỏi ghế và luồn vào giữa khoảng cách vừa tạo ra đó hoặc chân phải co rút lên, hoặc một tấm áo bành tô dày. Các câu chuyện trong quán cà phê, nơi mọi người cứ chín giờ đồng hồ lại thay nhau đổi ca, qua đó người ta biết được tên của các nhà thầu khoán lao vào cái công trường rộng lớn này: Bonnal, Thiers, Tocqueville, Guesde, Marx. Người tán thành sửa sang từ từ, kẻ chủ

trương đập phá tất để bắt đầu lại từ số không. Rượu sưởi ấm bụng. Các cô gái, thường là các cô có tóc hung đỏ, tới quán cà phê và chấp nhận, vào những ngày túng quẫn hoặc buồn phiền, một con người bé nhỏ tiến họ và lợi dụng cầu thang dốc đứng và hẹp để luồn tay vào chỗ phạm tội chết người nhưng cũng chính là chỗ cần huấn luyện các động tác tuyệt đối cần thiết cho Mỗi Tình Lớn.

Sau những vụ táo tợn ấy, chú Gabriel quay trở lại vườn Luxembourg, miệng la hét inh ỏi rằng ta chỉ mới mười ba tuổi, ta chỉ mới mười ba tuổi, làm các bà vú phải cau mày, trẻ nhỏ òa khóc và chim câu vụt bay rời khỏi chỗ đậu thường ngày: đầu bằng đá cẩm thạch của các bà hoàng nước Pháp. Chú hồn hèn quay về trường lixê, về chỗ ngồi đúng lúc bị truy hỏi bài số học.

Qua khỏi phút chốc khó chịu đó, chú Gabriel kể cho bố nghe những tin cuối cùng. Giáo viên dạy địa lý, người thừa kế phương tiện tra tấn khoa học, có tính tình tự do. Bố chẳng ngạc nhiên sững sốt chuyện gì hết. Cả sự ồn ào lẫn những chiếc máy bay giấy (báo hiệu), lẫn những tiếng tôi gõ đều đều vào bức tường cuối phòng. Như ta đã biết, Trường thuộc địa ở sát ngay cạnh trường lixê Montaigne. Và theo sự kháu trừu thông thái của chúng tôi, bố Louis và tôi, và do lựa chọn kỹ vị trí của chúng tôi, phòng bố con tôi sát vách tường nhau. Liên hệ với nhau bằng morxo là điều dễ như bốn đối với bố con tôi. Sau bao năm tháng và bây giờ bố Louis đã khuất bóng, tôi xin mạn phép nói thẳng: những cuộc trao đổi của hai bố con tôi rất kỳ cục, không lịch sự lắm. Những lúc nói, chuyện nọ sợ chuyện kia cũng như những chuyện hoàn toàn mang tính chất ẩn ý chẳng phải là hiếm hoi... Từ đó suy ra rằng tôi không phải đang nói chuyện với bố tôi, mà với một người khác, người quản lý chi tiêu của trường lixê Montaigne hoặc một trong những ông hoàng Đông Dương, sẽ là người quản lý tương lai Đế quốc của chúng ta, luồn lọt vào các bí mật của chúng ta, lợi dụng sự tiếp tay của chúng ta... Tôi không biết nữa, tôi không muốn biết, tôi không muốn có kết luận gì. Thần chết có mặt tại đây để làm chuyện đó, mỗi người mỗi nghề.

Nhưng bà nội Marguerite là người hạnh phúc nhất. Viễn cảnh chuyển lên đường đi xa, tiến về các nước nhiệt đới kích thích niềm hạnh phúc. Từ sáng đến tối, bà luôn chân luôn tay. Bà hớn hở trong những công việc chuẩn bị.

Gia đình chúng tôi bắt đầu rất sớm cảnh chia tay.

- Mẹ cho rằng đã đến lúc rồi à? - Bố Louis hỏi (đấy là vào tháng Mười, còn cả năm trời trước kỳ thi mãn khóa và nhận chức bổ dụng).

- Đúng, chúng ta không lãng quên một ai. Mới lại, việc lên đường, cái đó cũng như một căn hộ, cũng phải đến ở chứ.

Bà nội Marguerite lại khôi phục lại cái cây phả hệ của dòng họ tôi. Chúng tôi leo thăm tất cả các nhánh cành, từng cành một.

Chủ nhật nào gia đình Orsenna cũng rời khỏi nhà ngay lúc rạng đông. Trên đường ra bến xe khách, bà nội cho biết chương trình: hôm nay tới chỗ các dì “đằng bác Jo của bà”. Các dì đều ở khu IX, khu nhà hát, những đại lộ, các tác gia, - bà nội Marguerite phán xét, - đằng bác Jo đều vậy cả, đều sống trong nghệ thuật.

Bà nội bấm chuông. Trong nhà nháo nhác, trong nhà dội ra những tiếng “nhưng mà” chắc có ý muốn biết xem ai tới vào giờ này và sau đó tiếng chân chị vú tắt tả chạy ra. Một lát sau mới thấy một bà dì xuất hiện. Mặc áo choàng ngủ.

- Xin lỗi, tối qua nhà có khách. Chị và các cháu đến chơi thế này quý hóa quá. Như vậy là sắp lên đường à? Thế cũng có lý đấy. Nước Pháp chật hẹp dần. Cứ như tối qua ấy, căn phòng gần như vắng tanh chẳng có ai. Thứ Bảy nhé! Thôi, ta chẳng nhắc đến chuyện đó nữa...

Các dì rót rượu portô mời. Riêng Gabriel được mời uống nước lựu, vào giờ nào cũng vậy, chắc là do thói quen với cảnh sân khấu,

nước uống đều cùng màu với cánh rèm màu đỏ trên sân khấu. Các dì đỡ cầm chú và hỏi:

- Cháu không sợ sự tử đầy chứ?

Gabriel nhìn những cặp vú của họ.

Sau đề tài về các nước thuộc địa, thường là bao giờ cũng khơi gợi hứng thú, câu chuyện trở nên nhạt nhẽo. Chúng tôi ra về sớm. Gabriel sẽ ngồi ngủ gật nếu không có tiếng cười rúc rích và động tác luôn thay đổi liên tục như thế chân (những cặp đùi thon dài) của các dì: bắt chéo, bỏ xuống, rồi lại bắt chéo, tấm áo choàng ngủ hé mở.

Có tiếng ho từ phòng bên vọng sang, cơn ho rũ rượi của người hút thuốc vừa tỉnh giấc. Các dì tiễn chúng tôi xuống tận thêm nghỉ. Các dì cúi xuống chúc chúng tôi may mắn và biết đâu, thành đạt rồi, các cháu sẽ quay về thăm khu IX cổ lỗ của các dì: Nhà tập thể dục sắp bán. Cháu nghĩ sao về nhà hát lớn Orsenna? Mấy dì tựa người vào thành cầu thang. Vú về các dì ló ra khỏi những chiếc áo choàng ngủ màu hoa cà hoặc màu cây vân anh. Các dì không giống nhau, tuy vậy, mỗi khi hai nửa mặt trời trắng ánh lên cùng một kiểu giữa cảnh mờ tối nơi cầu thang thì mắt tôi cứ dán chặt vào đấy. Tôi suýt bị ngã mấy lần.

- Cháu Louis này, - một dì kêu to bảo, - phải chú ý thằng bé đấy. Mắt nó cứ để đi đâu ấy.

Chưa đầy nửa năm sau, ngạch chính trong dòng họ đã vơi hết. Những nhánh bên cũng có sức quyến rũ: các người làm nghề thủ công, mấy nhà sáng tạo ở rải rác trong các khu XI, khu XII, hoặc vùng vành đai thành phố. Nhánh này trong dòng họ sản sinh những người làm nghề chân tay. Tôi được mọi người chỉ bảo cho những bí quyết nghề nghiệp. Sang các nước thuộc địa, cháu có thể sử dụng chúng. Chúng tôi được mời ở lại ăn tối.

- Đừng về vội, thằng bé đang ham. Phải chờ sản phẩm đầu tay, phải khởi động.

Chúng tôi ôm hôn nhau giữa những tiếng ồn ào. Chúng tôi gào lên khi chia tay:

- Đi đi, thận trọng nhé và nhớ gọi ta khi nào xây dựng nhà máy, tôi sẽ đi chứ không phải bà đâu, bà Madeleine, đúng không?

Tôi chẳng còn nhớ rõ chuyên môn của từng người. Tôi chỉ có thể nói rằng họ không ở trong ngành giao thông cũng như ngành ô tô lẫn đường sắt. Nói một cách khác, họ đã từng là hàng xóm của chúng tôi ở Levallois. Nhưng ai là người sản xuất đồ chơi và ai là người lắp đặt máy giặt?

Tôi chỉ còn nhớ đây là một chiếc máy lớn duy nhất, được khảo sát hết sức tỉ mỉ hết Chủ nhật này qua Chủ nhật khác... Cuối cùng, cây phả hệ của chúng tôi phong phú về dây chằng hơn là lá và cành.

Chúng tôi không quên một ai: ngay cả những người họ xa, những người sống sờ khi thấy chúng tôi xuất hiện, những người đa nghi (chúng đến không biết có phải để vùi tiền không?) những người châm chọc (ông cháu, chà, đã biết lợi dụng ngọn cờ hiệu nhỏ thu hồi được sau cái chết của...). Giọng nói cất lên, bảo tôi đợi ở ngoài phố...

Gia đình chúng tôi mất cả một năm ròng vào chuyện thám hiểm này, chúng tôi bị lạc giữa các địa chỉ và các phương tiện giao thông từ Ivry đến Lilas, từ Genevillier đến Montrouge, chúng tôi đi vơ vẩn từ bến này đến bến kia.

- Thế còn việc học hành của con ở Trường? - Bố Louis càu nhàu.

Hai bà cháu tôi phải lôi bố đi, lòng xấu hổ thay cho bố: Không có cội rễ thì học hành để làm gì? Con sẽ quên hết thôi.

Bà nội vui tính của tôi nháy mắt với tôi: bố cháu mới là đứa con hiếu thảo biết bao!

Chú Gabriel hoàn toàn tán thành với bà. Thường là, sau này, khi đứa con đến tuổi chín chắn, vai trò bố con đảo lộn ngược lại, con phải gánh chịu trách nhiệm về bố mình. Bố Louis trở thành đứa con đầu lòng của tôi, tôi chưa đầy mười lăm tuổi. Tôi được chấp thêm cánh chỉ là để che chở cho bố. Có lẽ phải tìm nguồn gốc sự hoán vị sớm này qua các biểu thời gian của Trường thuộc địa. Tôi rời khỏi trường lixê sớm. Ngày nào tôi cũng đến đón bố Louis. Tôi đứng dưới các gốc cây dẻ, giữa các bà vợ chưa cưới và đám phụ huynh, chờ bố Louis. Bố tôi chạy ra khỏi trường. Tôi hỏi bố tôi học hành thế nào.

Vào tháng Tư, bà nội Marguerite tuyên bố đã mãn nguyện. Bây giờ thì chúng ta có thể yên tâm lên đường. Chúng tôi chào tạm biệt nước Pháp bằng cách nào đây? Thứ Bảy, một thời gian sau lễ Phục sinh, bà nội Marguerite kéo hai bố con tôi đến Angers. Tại sao lại Angers? - Rồi bố con anh sẽ rõ, - bà nội nhắc đi nhắc lại. Bố Louis và tôi đinh ninh là chúng tôi đi chào tạm biệt một người bà con cuối cùng, một vị họ mệnh, một vị chủ tộc mà chúng tôi sẽ đến chào chia tay cuối cùng để được ban phước lành trước khi lên đường. Hai bố con tôi đoán mãi không ra... Trên tàu, hai bố con chơi trò đoán đố:

- Thôi đúng rồi, con đã nghĩ ra rồi, chúng ta đi một vòng quanh mấy lâu đài ở sông Loire. Một ý hay, đấy là trái tim của nước Pháp, ở bên kia, chúng ta sẽ thiếu vắng chúng, nhất là Chambord. Con đoán trúng không, mẹ?

- Sau anh sẽ rõ.

- Hay chúng ta đến chào tạm biệt ngôi nhà của Banzac ở Tours?

- Tại sao không là ngôi nhà của Rabelais ở Denvinière, quanh vùng Chinon?

(Từ sau những vụ đột nhập vào khu Latin, Gabriel tự cho mình ra dáng là một anh chàng rồi).

- Sau anh sẽ rõ.

Dẫu sao, chúng tôi cũng không thăm Angers. Vừa tới nơi, bà nội Marguerite liền đẩy hai bố con tôi nhồi nhét lên một chiếc xe ngựa nhỏ đi về hướng phía Nam. Tiếc rằng Angers là một thành phố xem ra khá đẹp và yên tĩnh, chỉ được tạo dựng qua sắc độ hai màu, màu trắng của tường và màu sẫm của mái nhà, màu kem hơi ngả vàng của đá phần nằm dưới lớp màu đen của đá tảng lợp mái. Còn về tòa lâu đài, bố Louis mô tả với tôi, chỉ mỗi mình bố được thấy qua chiếc cửa bé tí: tròn, Gabriel ạ, con sẽ thích nó đấy. Những thông tin ít ỏi. Ngay tận ngày nay tôi vẫn chưa đoán ra nổi.

Hai hoặc ba tiếng đồng hồ sau, người đánh xe cho ngựa dừng lại trước một ngôi nhà thấp, cửa rộng mở, bên phải cấm một chiếc cành cây, có tiếng khế ồn ào từ bên trong ngôi nhà dội ra. Bốn phía tứ bề trải rộng khuất tầm mắt toàn là vườn rau, đâu đâu cũng thấy vườn rau, vườn rau, vườn rau có thể gây nên cái chết cho một người ăn chay vì lá nào lá nấy xem ra đều ăn được cả, chúng được chăm sóc hơn bất kỳ khu vườn rau nào, và san sát hơn bất kỳ trong một vườn kính nào, những vườn rau lại tự động không hề thấy bóng một ai khom lưng trên các luống, tựa như thiên nhiên ở trong vùng luôn biết rõ phải làm gì và khi nào thì làm. Xa hơn một chút, một màu xám trải ngang tầm mắt đất, chỗ giới hạn mực nước dâng, dòng sông Loire đang trôi xuôi.

- Ta vào đây, - bà nội Marguerite báo.

Một lát sau, bắt đầu mở màn vũ hội thăm thiết nhất về lòng biết ơn mà chắc chưa bao giờ Gabriel được dự. Một phụ nữ ngồi sau bàn thu tiền kêu lên: đến rồi! Và thế là chủ quán vội chạy ra, ông có mái đầu hói, nước da phớt hồng, nhưng đôi bàn tay tái nhợt đến dễ sợ, lúc giờ cao lên trời, lúc bắt chéo để trên bụng. Các vị đã về! Một phụ

nữ người Lyon đã quay về! Khi nhận được thư của bà, tôi không tin. Xin nhiệt liệt chào mừng, chào mừng bà cùng hai bạn của bà.

Trong lúc chủ quán mời chúng tôi ngồi bên một chiếc bàn, trông ra dòng sông và sai thay khăn trải bàn, khăn trắng nhất, làm ơn cho khăn trắng nhất ấy và mang hoa ra, bà nội Marguerite kể cho hai bố con tôi nghe chuyện viếng thăm đầu tiên là từ cách đây bốn chục năm, đến cùng cụ nội, khi cụ còn là chủ tịch Hội những người sành ăn ở Saône. Bà nội Marguerite ghé vào tai hai bố con tôi và khế bảo: chớ nên cho rằng kỹ thuật nấu ăn ở đây ngon hơn ở Lyon đấy nhé, nhưng dẫu sao Loire cũng là nước Pháp, ông ấy sẽ giải thích rõ với hai bố con anh...

Sau đấy ông chủ quán luôn ở bên ba chúng tôi cho mãi tận lúc rời quán. Ông quần quanh bên bàn, đích thân phục vụ, đưa các đĩa qua trước ánh đèn, để chúng tôi hít ngửi trước khi bày xuống bàn, hỏi ý chúng tôi trước khi chúng tôi đưa một miếng lên miệng... một sự ân cần rất khó chịu, ê ẩm kéo dài nếu không có kèm theo, bằng giọng bình tĩnh, không điệu bộ, sự mô tả toàn bộ mùa xuân ở Saumur, những tuần lễ tháng Tư đáng tự hào với mọi thứ cùng rộ vào một lúc: cá hồi, rau chút chút, sương đêm, củ cải mới và hành tăm, bơ trắng, sao, các vị chưa bao giờ được nghe nói tới bơ trắng à? Nửa ly dấm từ rượu vang, nửa kia là rượu vang trắng, hai thìa bơ, muối và hạt tiêu, với món này chẳng cần loại Loire. Các vị chắc sẽ bảo rằng tất cả các nước trên thế giới đều có ngọn lửa lom dom và người dân có đôi cổ tay khá mềm mại để đánh bơ theo đúng nhịp độ mong muốn. Thế nào? Các vị đã quên bém cái chủ yếu, trái tim của bơ trắng: phải ngâm hành tăm vào hai nửa ly dấm và rượu đã... Bà nội Marguerite và ông chủ quán mỉm cười, về kẻ cả, chà! Bọn trẻ này...

Chúng tôi nán lại ba ngày giữa các khu vườn này: Gennes, Les Rosiers, Chènehutte Samur. Mặt trời lại ló, và nước sông Loire đã rút, cát thế chỗ dần mực nước. Tối có tiếng gõ cửa:

- Nếu mai có măng tây, tôi sẽ để dành các vị chứ?

Đây là loại măng trắng, nẩy mầm ngay trong buổi sáng, cắt trước buổi trưa, trước khi ánh nắng chói sáng và còn dễ tan trong miệng cả thân lẫn búp.

- Mỗi thứ mỗi thời, bà nội Marguerite nói. - Ở Pháp là rau. Đắng ấy là lúa. Chẳng nên hòa trộn lẫn tất cả với nhau, trong một cuộc sống.

Đây là một nhân vật trọng qui cách. Bà nội sẽ không thể tìm được một người cùng hợp với mình để đón lên con tàu Noé. Vào lúc lên đường, ngay miếng đầu tiên, chú Gabriel nhận thấy cá măng chẳng ngon, không thể sánh bì với loại cá chó.

Trên tàu quay về, bà nội Marguerite bảo:

- Bà cứ nghĩ không biết chuyến đi này có phải là một ý hay không?

Chúng tôi im lặng không nói thêm lời nào cho đến tận Paris. Gia đình Orsenna chẳng còn tin chắc lắm vào thiên hướng thuộc địa của họ nữa.

VIII

Mãi sau này, khi Giải phóng, bố Louis và tôi, chúng tôi nói với nhau khá nhiều về phụ nữ, những phụ nữ thời đó.

- Thế gian được làm lại, - bố Louis láy lại, - phải thắm nhủ tất với bản thân, không thể xây dựng lại thế gian chỉ bằng những quá khứ trong suốt...

Tôi chẳng dám tin rằng bố tôi có lý. Nhưng tôi lắng nghe, lắng nghe bố nói. Rượu vang Bordô đã giành được những năm tháng tuyệt vời, vào khoảng 45, 47, 49. Người ta có thể ngồi hàng giờ tại các quán, uống rượu vang Bordô và lắng nghe bố mình, người bạn tốt nhất của bố mình, nói và đưa mắt qua cửa sổ im lặng ngó nhìn trời xanh. Ta còn thời gian để nói năng mà, nói một mình, khi rượu vang không còn được ngon nữa, khi các ông lớn sẽ chẳng còn.

- Có một cô nàng, - bố Louis kể - tên là Odile, nàng thường hỏi về con. Và con có biết vào lúc nào không?

- Không, con không biết ạ.

- Nếu vậy thì vào lúc, con biết không? Vào ngay giữa cuộc. Bố nghe rõ tiếng thở thở của cô nàng: thế Gabriel ra sao rồi? Cô nàng thấy bố trả lời không ra hơi, qua quýt, nên liền nói: Đứt hơi chẳng phải là lý do để xin lỗi đâu. Cô nàng đã ra lệnh cho bố phải yêu quý con hơn nữa.

Tôi mỉm cười cảm ơn bố Louis:

- Cảm ơn bố, đây là một câu chuyện hay.

Tôi, nói chẳng bao giờ, chẳng bao giờ đã động đến các buổi đến thăm của một cô người Ireland, cô O'Mahogany. Cô đến tìm tôi suốt

trong thời gian học tập, bố rõ chứ, bố Louis, như hiện trạng của bố, bố có quyền được biết rõ: thứ Ba đầu tháng nào cô ta cũng ở đấy. Cô đã cho con được quyền chọn ngày: thứ Hai hoặc thứ Ba, ngày nào cậu thấy buồn chán nhất, thời gian nào cậu cần đến tôi nhất? Hai chúng tôi đã thỏa thuận vào ngày thứ Ba, chẳng phải canh chừng gì hết, không thể là thứ Năm và cũng chẳng thể thứ Bảy, còn thứ Hai, nỗi buồn của trẻ thơ không tạo được đà, vẫn còn hơi hướng của ngày Chủ nhật. Không, nỗi buồn chỉ cao điểm vào ngày hôm sau, thứ Ba. Thứ Ba hàng tháng, cô Mahogany cao to, có mái tóc hung đều có mặt tại đấy.

Tôi vượt qua suốt năm tháng học tập nhờ dưới sự chở che của cô ta. Khi một cái tát sắp giáng xuống tôi, khi một tên lớn tuổi (một kẻ bình thường) chặn tôi ở góc sân, hấn đứng sững người, tay dừng lại cách mũi tôi hai xăngtimét, do chột nghĩ tới sự hiện diện của cô nàng có mái tóc hung vào các thứ Ba đầu tháng. Cô chỉ nổi giận mỗi một lần. Hôm đó, cô thấy tôi khóc, máu rỉ quỵện dưới lỗ mũi, ngay tại chỗ sau này rìa sẽ mọc.

- Tên nào? - Cô ta hỏi.

Tôi giờ tay chỉ tên võ sĩ có quả đấm quyết định, một tên mới đến không biết rõ quy định những ngày thứ Ba đầu tháng. Cô ta tiến lại gần hấn, hấn đang mãi uốn éo ở giữa sân, một vị trí cấm tuyệt đối các vị phụ huynh.

Các giám thị sững sờ nhìn cô ta còn bọn học sinh giạt cả ra. Cô ta khinh bỉ nhìn tên võ sĩ có quả đấm quyết định. Nhìn từ đầu xuống chân, từ chân lên đầu và dừng lại hồi lâu nơi đường xẻ trước quần, hàng chục người làm chứng đều xác nhận chuyện này suốt bao năm, bao năm ròng.

- Khi đánh một đứa trẻ, có nghĩa là làm nó còi cọc đi, nghe rõ chứ, làm nó còi cọc đi và chẳng bao giờ, chẳng bao giờ lớn được.

Sau đó cô ta cầm tay tôi và kéo đi ăn trưa. Không hề có giấy phép được viết chính thức ra giấy, chẳng hề có sự vi phạm nào, thế nhưng cô ta không bao giờ bị vặn hỏi và tất nhiên cô ta cũng chẳng thể có giấy phép nào cả. Từ đó tôi rút ra một sự thật ít cần trong cuộc đời hàng ngày, cho dù cả những ngày thứ Ba, nhưng tôi quý trọng: giáo giới rất sợ những phụ nữ tóc hung.

Hai chúng tôi gọi món không thay đổi.

- Cậu thích món ăn của xứ sở tôi không? - Cô ta hỏi.

- Có, có ạ.

- Vậy thì ta gọi cá tuyết chấm đen, trứng chần.

Cô ta quan tâm đến chuyện học hành của tôi. Vừa ngồi chưa nóng ghế cô đã gọi cho xin ít giấy. Tôi còn nhớ những bữa ăn trưa ngắn ngang những hình vẽ, những hình hình học.

- Thế nào Gabriel, cậu có quan tâm đến lượng giác không?

- ?

- Rất cần đấy, Gabriel, rất cần để đoán chiều cao mọi vật mà không phải dịch chuyển. Và những bán cầu ở Magdebourg?

Tôi không chú ý nghe, tôi chăm chăm dán mắt vào đôi tay ốp vào nhau theo hình cầu, đôi tay của Magdebourg, Magdebourg ở đâu nhỉ?

- Do có chân không, rõ chứ Gabriel, ngay cả buộc ngựa rồi cho chúng kéo mà cũng không tách đôi được.

Cô Mahogany rõ ràng là thích các môn khoa học tự nhiên. Cô đoán tôi sẽ trở thành một nhà bác học như Fleming của bên cô, cô láy lại, hoặc Arago của Pháp. Cô ta không động viên tôi nhiều lắm

về môn tiếng Anh, còn thời gian, Gabriel, đây là chỗ chứa đựng những bí mật của tôi. Tất nhiên chỉ riêng trong lĩnh vực này thôi, Gabriel đã dồn nhiều nỗ lực. Cô ta cũng còn quan tâm đến sức khỏe của tôi, quan tâm hơn bố nhiều, bố Louis. Cô cố giữ cho tôi tránh các vi khuẩn có đặc thù là trở dậy khi thiếu tình yêu, cậu hiểu chứ, Gabriel, khi làm chuyện này mà không có chút tình cảm gì. Đây là một chuyên gia về đề phòng, ít ra về từ ngữ, cô biết tất cả các từ, cô đỏ mặt khi thốt ra những từ đó: redanhgôt Anh, capôt Anh, quần áo Anh làm yên lòng, cậu thấy kỳ cục là tại sao của Anh lại là tôi, một người Ireland, cô nói tiếp: túi phòng, chôm an toàn, capôt giữ sức khỏe, áo phòng, dải băng an toàn, găng tình yêu. Cô ta bắt tôi hứa. Khi vào cuộc, Gabriel, cậu hứa đấy nhé... cậu biết rõ bây giờ chúng được làm bằng cao su, chấm dứt những thứ túi da rồi, cậu làm ơn hứa đi...

- Con đã ngủ với cô ta rồi à?

Con trai bố, nói đúng ra, không phải là một kẻ quyến rũ, bố Louis. Dù cho vì chuyện đó bố đã lặng lẽ, nhưng chắc chắn khinh bỉ suốt bao năm, bao năm ròng, những cuộc đi dạo, những kỳ nghỉ và các bữa ăn tối. Nếu ngày nay hai bố con có thể ngang hàng trò chuyện với nhau, chính là do một hoàn cảnh độc lập với ý chí của hai bố con nhưng cũng nhờ nó bố mới hạ cố lùi xuống ngang tầm con, một hoàn cảnh đồng ý là tàn nhẫn, nhưng phải thú nhận là mang tính người: cái chết của bố và hiện trạng sống của con. Thôi được rồi. Nếu vậy con có hai thông tin để thông báo với bố:

1) Con trai bố, nói đúng ra, không phải là một kẻ quyến rũ chuyên nghiệp (dù cho, cuối cùng, con đã suốt đời dần dần, từng bước, từng bước, vào các giấc mộng của hai chị em mà ta sẽ nói tới sau này, bố đừng lo), đưa con trai không phải là kẻ quyến rũ của bố chiều thứ Ba đầu tháng nào và thậm chí sáng thứ Ba, còn kéo cả sang ngày thứ Năm sau đó, ê ăm kéo suốt tận tới khi mãn khóa học, đã phải chịu đựng cuộc tra hỏi vui tai này, thậm chí ở trong lớp, trong lúc học, ngoài hành lang bằng đủ sắc giọng, dịu dàng hoặc nạt nộ, ngoài sân vào giờ ra chơi, bố cho con năm phút tính theo chiếc đồng

hồ mới của bố để trả lời: nào, đừng giờ trò đều cáng nữa, nào, nói nghe xem, con đã ngủ với cô ta rồi à?

2) Chưa bao giờ, ở trên cao thiên đường, dưới đất địa ngục, bố nghe rõ chứ? Chưa bao giờ cô ta nói về bố với con. Thế mà bố đâu có ở xa, ngay tại trường kề bên, trong căn phòng bên cạnh, ở bên kia bức tường khi cô ta đến tiễn con, cô chỉ cần một động tác, đẩy cửa, bấm chuông, kêu tên bố, nhưng đã chẳng làm gì. Ngay trong suy nghĩ, con cho rằng cô ta bố trí để bố ở đó, kề ngay cạnh bên, để bố nghe rõ, cốt chứng tỏ rằng cô ta yêu con chứ không yêu bố.

... Giữa hai bố con mình chẳng có gì, một khoảng trống Magdebourg, bố Louis ạ, cho dù nhờ bố con mới biết cô gái, cho dù cô đã chiếm một trang trong cuốn danh mục những vị hôn thê chưa cưới bị lãng quên của bố. Chẳng có gì. Giữa hai bố con mình chẳng có gì. Phải chấp nhận sự thật không thể chối cãi này. Từ nơi hiện nay của bố, bố nhìn nhận rõ những sự khác biệt, bố Louis, bố phân biệt rõ những hạng người vô hình trước con mắt của những kẻ đang sống. Giữa những người chỉ nghĩ tới phụ nữ, có hai loại người, đúng không nào, bố Louis, những người quyến rũ, như bố, loại người này biết mở đầu, rồi đến những người ghi khắc, như con, loại này không bao giờ biết chấm dứt, hai chúng ta mỗi người đều có suất của mình về phụ nữ, bố Louis, mỗi người theo cách riêng của mình, bố trả lời con đi, việc chia này theo bố là đúng, phải không bố? Chắc chắn là đúng, không phải là một bài toán. Nhưng chính xác, chính xác với những gì chúng ta đã sống? Sự im lặng của bố nói lên điều gì? Đường ranh giới không chạy qua nơi con đã hoạch định? Sẽ có thể có một bên là những người quyến rũ, - ghi khắc và bên kia là những người ghi khắc - quyến rũ. Bố và con, chúng ta phủ nhận giả thuyết này, phải không, bố Louis, thật quá buồn, phản dân chủ.

IX

Ba chiếc rương được chuyển đến nhà vào một buổi chiều, cuối tháng Năm.

- Mỗi người một chiếc, - bà nội Marguerite bảo. - Nhưng Gabriel sống chưa được mấy, có ít thứ để xếp sắp, cháu cho mẹ con ta để nhờ một số thứ, đúng không nào, Gabriel?

Đây là những thùng gỗ lớn màu đen, đóng đai bằng gỗ sáng màu, được đặt trong phòng khách bố trí theo kiểu Mêhicô, tại ngay vị trí của chiếc tràng kỷ Mêhicô đã bị tống ra ngoài hiên để hư hỏng chờ người đến mua. (Tuy một sáng chủ nhật, cả nhà đã nguệch ngoạc viết những tờ thông báo nhỏ dán tại cửa hàng thịt, cửa hàng bánh, cửa hàng kem sữa, quán cà phê - gỗ - củi của người xứ Auvergne, nhưng chẳng thấy ma nào tới hỏi mua. Chắc hẳn chẳng ai thích những tràng kỷ Mêhicô. Vài tuần sau do bị nắng ngoài trời, chiếc tràng kỷ đã bạc màu, không còn giữ được sắc độ Mêhicô nữa. Louis và Gabriel bí mật giấu bà nội Marguerite muốn xóa quách cái tính từ Mêhicô trên các tờ thông báo nhỏ. Nhưng chúng đã bị bóc. Thay vào đây là những tờ khác: hai con mèo vằn như hổ, giường Bretagrie ghép kín...).

Ba chiếc rương được chuyển tới đã hoàn tất giai đoạn đi chào chia tay của chúng tôi. Hay nói đúng hơn, chúng mở màn cho một giai đoạn mới, đau đớn hơn nhiều, giai đoạn lựa lọc. Lựa lọc, trong số có thể mang đi, lấy hai hay ba thứ trợ giúp cuộc sống (ít ra là cuộc sống ở các nước thuộc địa).

Ai nấy bí mật lựa chọn. Nhưng chú Gabriel rình mò, nhưng chú Gabriel trở dậy vào ban đêm, rón rén vào phòng đã có đạo được bố trí theo kiểu Mêhicô và hé mở từng xăngtimét, từng xăngtimét những nắp rương chú muốn biết bố và bà nội mình ưa thích gì nhất trên đời?

Louis, thoát đầu định mang theo những tấm kính, những âm bản, lưu lại hình các vị hôn thê chưa cưới, các khách nữ yêu quý. Bố đã lót cực kỳ cẩn thận đầy rương và lót xen kẽ: một lớp ảnh một lớp giấy báo vò. Không thể không gây nên tiếng ồn kinh khủng giữa trời đêm thanh vắng, tiếng sào sạo khủng khiếp vò những tờ báo *Figaro* cũ, khi định bụng được thấy lại nụ cười của các quý bà trẻ này. Gabriel khẳng khẳng không chịu. Dẫu sao, các nàng cũng thuộc về phần đời chú. Trong giây lát, chú thấy bố Louis đứng sau lưng mình.

- Các cô đều xinh đẹp, đúng không? Bố hứa với con, hãy còn các cô khác...

Người quyền rũ và cậu con trai mình đã cùng nhau có một quyết định vò xé con tim là không đem theo ảnh nữa. Chú Gabriel đã hào phóng nhường một phần rương cho bố. Thôi chẳng nên, chúng không chịu nổi sự lộn xộn trong chuyến đi.

- Con thấy đấy, Gabriel, phụ nữ vừa rất mảnh dẻ dễ vỡ, đồng thời lại rất nặng.

Chúng được lôi ra từng chiếc một, giữa tiếng rền rĩ của các tờ *Figaro* và được xếp đồng lên rìa mặt lò sưởi. Như vậy có thể coi sự lựa chọn của bố Louis là biểu hiện của một sự ưu tiên thực sự? Hoặc một sự nhẫn nhục? Tôi lên danh sách kiểm kê: kính râm, tranh vẽ Dieppe vào mùa Đông, sách chỉ dẫn về pho mát ở Pháp, chương trình của Longchamp, tên các con ngựa (Val d'Ajone, Schéhérazade, Margot 2, Fleur de Seine, chú đã khẳng định rằng đây là những âm tiết có ích tại các nước thuộc địa). Và trong một góc, giấu rất kỹ, gần như không thể nào thấy được, có bức ảnh một thân hào mà Gabriel phải dành hàng tuần để nhận dạng. Một sinh viên trẻ chuẩn bị thi thạc sĩ về sử học cuối cùng đã cho chú biết rằng đây chắc chắn là ảnh của một người trong dòng họ Rothschild, nhánh bên đảng người Anh giàu có nhất.

Nhờ vậy tôi đã phát hiện một mơ ước của bố tôi: trở nên giàu có. Ước mơ, hỡi ôi, chẳng bao giờ thực hiện được, thậm chí cũng chẳng mon men tới gần được, tuy đã bao lần mưu toan thử tài, mà nhiều lần ngao ngán, như câu chuyện vô sĩ này sẽ chứng tỏ.

Còn Gabriel, chú chẳng hề do dự một giây. Từ sau lễ Giáng sinh, khoáng thế, chú đã nâng các tham vọng của tình ái của mình lên hạng hai, do không có bạn gái để chia sẻ, chú lao vào tấn công một nhiệm vụ cực kỳ to lớn: cách tân thế giới. Và lại hai mục tiêu này, ái tình và cách tân, chú coi như bổ sung cho nhau, sự hiểu biết về mục tiêu đầu hỗ trợ cho mục tiêu thứ hai nảy nở.

- Phải loại những cái hào nhoáng mang tính chất tôn giáo khỏi các tình cảm của chúng ta, phải để các ý tưởng chính theo kịp tiến bộ của Khoa học và Công nghệ... hôm nay, vấn đề là ở chỗ phải chỉnh đốn lại cái mớ lộn xộn về tinh thần.

Những sở thích riêng của chú cùng cả loạt hậu quả là như sau: tăng cường đọc một cách nghiêm túc, nước da tái nhợt hơn, và quyết định chuẩn bị, dù chỉ qua thư tín, cho kỳ thi tuyển tuyệt vời vào Trường Cao đẳng sư phạm, nguồn gốc, tinh cốt và nơi nuôi dưỡng mọi trí tuệ. Có thể coi thời kỳ này là thời kỳ dậy thì của Gabriel. Chú dịu dàng là vậy, cho tới lúc đó, chú trầm tĩnh và tự lự là vậy, thế rồi chú trở nên thô bạo, ngạo mạn. Chỉ cần người ăn kẻ ở trong nhà sơ suất một chút, lẽ ra phải bỏ hai cục đường chứ không phải một, một cơn gió lùa làm cửa sổ bật mở, chú liền xa xả nói bà nội và bố chẳng ra sao.

- Quả thật, cháu chưa vượt qua lứa tuổi thần học! (Và Gabriel ngược mắt nhìn trời để kiểm tra khoảng trống trên cao).

- Sống vào năm 1900 mà lại trùu tượng như vậy! (Và Gabriel nhún vai, cử chỉ cách tân và công nghiệp hóa mà chú đang theo đuổi).

Trước những cặp mắt hốt hoảng của bà nội và bố (chẳng còn hiểu thằng bé ra sao? Ý nó muốn nói gì? Đây là một cử chỉ mã hóa?), chú bắt đầu ghim đóng, gần như la liệt khắp nhà, ngay cả tại phòng trước đây là phòng khách bố trí theo kiểu Mêhicô và thậm chí cả ở nhà tiêu, những tiểu dẫn sự phạm, những lời trích trong lời bình lớn.

“Ở giai đoạn thần học, trí tuệ con người, hướng chủ yếu các công việc tìm tòi nghiên cứu của mình vào bản chất sâu kín của bản thể, nguyên nhân đầu tiên và cuối cùng của mọi hiệu quả giáng vào nó, nói tóm lại, hướng vào những kiến thức tuyệt đối, nảy sinh những hiện tượng được coi là sản phẩm, qua hành động trực tiếp và liên tục, của tác nhân siêu tự nhiên ít nhiều nhịp nhàng, mà sự can thiệp tùy tiện giải thích tất cả những dị thường bề ngoài của vũ trụ”.

(Trong phòng bà nội Marguerite, ngay bên dưới bức thánh giá bằng đồng sừng sững chìa ra trên chiếc giường độc thân).

“Ở giai đoạn thần học, thực ra chỉ là một sự thay đổi đơn thuần giai đoạn đầu, những tác nhân siêu tự nhiên được thay thế bằng những sức mạnh trừu tượng, những thực thể thực (sự trừu tượng được nhân cách hóa), cố hữu với những bản thể khác nhau của thế giới, và tưởng tượng như có khả năng tự sản sinh ra tất cả những hiện tượng quan sát được, lúc đó việc giải thích dựa vào việc gán ghép cho mỗi hiện tượng một thực thể tương ứng”.

(Trên tủ buýt phê, tất nhiên là đóng bằng đinh sau những tấm ảnh gia đình).

“Cuối cùng, ở trạng thái tích cực, trí tuệ con người nhận biết rằng không thể đạt được những khái niệm tuyệt đối đã từ bỏ không tìm kiếm nguồn gốc và việc sử dụng vũ trụ kín của các hiện tượng, để chỉ chú tâm phát hiện, do biết kết hợp tốt việc suy luận và quan sát, những quy luật hiệu dụng của chúng, nghĩa là những mối quan hệ bất biến của chúng về tính kế thừa và tính đồng dạng”.

(Trên tường nhà tiêu, sau dây giặt kéo nước, ngang tầm quả đấm nắm giặt có dán một bản nhiều lần phải dán lại, vì bình đựng nước dội ở nhà tiêu bị rò, thoát đầu tờ giấy rộp lên rồi rách toang).

- Ta làm gì với nó đây, - bố Louis hỏi. - Mẹ thấy liệu cái trò điên rồ này có kéo dài không?

- Một chút không khí của vùng nhiệt đới sẽ làm nó đầu vào đầy thôi mà, - bà nội Marguerite đáp. - Dẫu sao, mẹ thấy thích cháu nó như thế này. Con cứ thử tưởng tượng xem, nếu thằng bé chạy rong các quán cà phê và phải lòng một ả chỉ cần một ly rượu ápxanh là chịu ngủ với nó thì sẽ ra sao?

Bà nội hoàn toàn yên tâm khi kiểm tra phòng Gabriel, bà phát hiện bản Tín điều của kẻ phá rối dán tại một chỗ, khuất phía trên chiếc bàn đêm.

“Ở mỗi pha và mốt nào đấy trong sự tồn tại của chúng ta, cá nhân hoặc tập thể, ta phải luôn áp dụng công thức thiêng liêng của những nhà thực chứng: Tình yêu nguyên tắc, Trật tự về nền tảng và Tiến bộ về mục đích.

Vì tình yêu tìm kiếm trật tự và thúc đẩy đến sự tiến bộ; trật tự củng cố tình yêu và dẫn dắt tiến bộ; cuối cùng, tiến bộ phát triển trật tự và đưa trở lại với tình yêu. Như vậy, cách cư xử; sự triu mến, sự tự biện và hành động cũng phục vụ cho Vĩ nhân mà mỗi cá tính có thể trở thành một bộ phận bất diệt”.

- Lại đây, Louis, - bà nội gọi, - lại đây, mẹ cho con xem cái này.

Tại chỗ đó, chẳng dễ gì có thể đọc nổi bản Tín điều. Hai mẹ con phải nằm dài ra giường, khom người và vắn cổ. Gabriel đã bắt gặp bà nội và bố trong tư thế ấy, một tư thế mà không chỉ những nhà thực chứng mới thấy lập lờ. Lẽ ra chú kêu lên:Ồ! rồi kín đáo khép cửa lại. Nhưng chú lại muốn vĩnh tai nghe.

- Con thấy có điều gì chỉ trích chuyện này không? - Bà nội Marguerite hỏi.

- Có lẽ, không biết nói thế nào nhỉ, hơi bị giam hãm, - bố tôi đáp.

- Mẹ, mẹ tán thành về tổng thể.

Hai mẹ con nói chuyện, giọng ngắt quãng, hỏn hển, tắc nghẹn vì đang ở mép đê và do đang cúi dốc đầu máu dồn lên tai. Gabriel sử dụng cách diễn đạt sùng sốt này để bộc lộ niềm xúc cảm của một tín đồ mới:

- Tốt rồi. Mình đã thuyết phục được bà nội và bố.

Và ta hiểu rằng Gabriel đã không do dự xếp xuống dưới đáy rương của chú:

1) 6 tập khổ 8 phôi ô *Giáo trình triết học thực chứng* (Paris, Bachelier, 1880).

2) *Hệ thống chính trị thực chứng hoặc chuyên luận xã hội học thành lập tôn giáo về bản chất loài người*, bốn tập khổ 8 phôi ô, Paris, Mathias (1851-1854).

- Hy vọng rằng chỉ có vậy, - bà nội Marguerite nói.

Chắc bà nội nghĩ tới những người khuôn vác bản xứ tội nghiệp đi hàng một trong rừng rậm, bị Auguste Comte đè nặng trĩu.

- Hãy còn một cuốn nữa, bà ạ, - Gabriel bảo.

Và bà nội Marguerite phải nhượng bộ, lòng những tò mò trước tên hoặc nói cho đúng hơn, trước đề mục của sách: *Sách giáo lý Cơ đốc giáo thực chứng hoặc trình bày sơ lược tôn giáo thế giới, mười một cuộc trao đổi một cách có hệ thống giữa một phụ nữ và một*

giáo sĩ có tính nhân đạo, 1 tập, khổ 12 phôi li ô, Paris, trong tác phẩm của tác giả.

- Sang bên đó cháu cho bà mượn cuốn này nhé, - bà nội Marguerite bảo.

Gabriel hớn hờ.

Bà nội Marguerite đã bỏ nhiều thời gian để xếp đầy rương. Bà đóng cửa hiệu sách sớm và chạy đến các cửa hàng may mặc ở Levallois và các vùng phụ cận. Trên các quả đồi, tại Puteaux, Suresnes, Saint-Cloud, Sèvres, Meudon nhan nhản những bà gia công. Sáng ra ta thấy họ xuống đồi, kéo về Paris, mắt thâm quầng, tay xách các va li: kết quả lao động trong đêm của họ. Họ ngồi được sao hay vậy trên các xe khách để còn có thể khâu tiếp. Hành khách bình phẩm về dáng và màu sắc của những chiếc áo dài. Nhưng bà nội Marguerite chỉ có một yêu cầu: phải thoáng nhẹ.

- Chị biết không, trời nóng...

Người ta đưa bà xem mẫu, bà đều từ chối.

- Chị có loại nào thoáng nhẹ hơn không?

Bà nội kiên nhẫn lại nói:

- Dẫu sao tôi cũng không thể mang theo những thứ hàng len và nhung được. Chị muốn giết tôi à?

Nhưng các bà thợ may không hề tinh thông xử sở nhiệt đới. Chính bà nội tôi phải đích thân đi lùng loại vải thích hợp, thao thao kể những câu chuyện về các chuyến đi và tiết nóng bức. Gabriel nghe thấy bà nội cầu nhàu về các nhà văn, các phóng viên kể đông dài chuyện săn hổ, kích thích các móng vuốt, cỡ súng săn mà lại bỏ qua chất vải, tựa hồ loại làm nên lớp da thứ hai của con người là

chẳng đáng bận tâm! Bà nội tìm được niềm vui hạnh phúc của mình trong các tài liệu xuất bản của Anh chuyên đăng những cuộc di chuyển của nữ hoàng Victoria.

- Đây là một phụ nữ hiểu rõ cách ăn mặc!

Những thợ dệt người Ấn Độ hình như đã tạo ra một phép lạ về sự thoáng mát và thanh cao, một thứ lụa óng chưa từng thấy, được gọi là tútxo, vải ở Tussah.

- Tôi muốn may một chiếc áo dài bằng tútxo, - bà nội tôi đặt hàng.

Thợ may chỗ chúng tôi chưa bao giờ được nghe nói tới thứ hàng đó. Họ rút rè đề xuất loại vải pha, lanh pha bông, bà ạ, dưới trời nóng, không loại vải nào sánh được đâu và chúng tôi sẽ thêu hình nổi trên cổ áo bà.

- Tôi muốn may một chiếc áo dài bằng tútxo, - bà nội tôi khẳng định.

Chiều tối, bà nội trở về tay không, vẻ mệt mỏi. Bà nội buông mình ngồi xuống chiếc ghế tràng kỷ nguyên trước đây theo kiểu Mêhicô.

- Louis này, mẹ cứ tự hỏi không biết nước Pháp thực sự có một tương lai thuộc địa không. Cứ xem người Anh đấy: họ đã tìm được loại hàng dệt thích hợp. Chính qua chi tiết lớn này, người ta nhận biết những dân tộc xứng danh một Đế quốc.

- Chúng ta có những phương pháp của ta, - bố Louis chặn lời.

- Con có thấy hôm nay trời quá, quá nóng không?

- Ấm hơn thì có, mẹ ạ.

- Cho dù chúng ta sống xa sông?

- Cho dù như vậy, mẹ ạ.

Tiếng bà nội và bố lọt đến tai Gabriel đã bị nghẹt, sàng lọc. Những tiếng rì rào, không sinh động mấy. Cửa sổ rộng mở, nhưng kéo rèm đôi. Ngoài trời còn sáng, ánh sáng của một ngày đầu tháng Sáu dài vô tận. Màu vàng và rồi chuyển sang xanh lơ, rồi xám, cuối cùng đen. Ngoài kia, Levallois xông mùi nồng nặc như mọi khi. Mùi xú uế đạt đến cao độ vào mùa hè, ngấp nghé sắp đổ tới. Đôi lúc, bà nội Marguerite ngừng lời, khẽ thì thầm, cháu ngủ rồi à, Gabriel? Gabriel nín thở, không đáp. Và rồi câu chuyện lại tiếp tục ngoài hành lang.

- Con có cho rằng con người có thể luyện thích nghi với cái nóng được không? - Bà nội Marguerite hỏi.

- Chủ yếu là phải luyện ăn mặn, - bố Louis đáp.

Cuối cùng đêm tối bắt đầu buông phủ.

Cùng lúc đó, do Trường thuộc địa sắp công bố kết quả các kỳ thi cuối cùng và những chứng bệnh sẽ gặp, một làn sóng sách y học trào về Levallois: B.s. A. Le Dantee, *Tập giải yếu bệnh lý ngoại lai* (Nhà xuất bản O. Doin); B.s. A. Legrand, *Vệ sinh cho các đội quân người Âu tại những xứ nóng* (Nhà xuất bản O. Doin); B.s. Just Navarre, *Sổ tay vệ sinh thuộc địa* (Nhà xuất bản O. Doin); B.s. Ad Nicolas, *Công trường đào đắp đất tại những xứ có nhiều đầm lầy gây bệnh sốt rét* (Nhà xuất bản G. Masson), v.v... bà nội Marguerite định trả lại những sách này: chúng ta đâu có phải là một bệnh viện! Nhưng bố Louis không tán thành ý kiến đó, cho rằng hiệu sách phải đón nhận mọi chân dung của thực tế, ngay cả thực tế chán ngấy. Và bố tỏ vẻ lơ đãng giở mấy cuốn sách mỹ miều ấy gồm những trang đặc kín những lời giáo huấn.

“Giun Guinée: loại giun này dài 50 xăngtimét, thường thấy ở lớp da các chi dưới và bìu dái (Louis, mẹ xin con, - bà nội Marguerite bảo) và vùng vai của những người xách nước. Dân bản xứ dùng

một chiếc que nhỏ rất khéo léo cuốn đầu giun gấp bỏ nó. Họ ngừng cuốn khi cảm thấy giun bị cuốn khá chặt vào que để nó khỏi bị đứt, những ngày sau đó họ lại tiếp tục cuốn cho tới khi nào gấp bỏ hết”.

- Rùng rợn quá, - bà nội Marguerite bảo, - con làm ơn đừng đọc nữa.

- Không sao đâu mẹ, chỉ cần cuốn nhẹ nhàng thôi mà. Chúng ta sẽ tuyển một anh bồi rất kiên nhẫn, - và rồi bố lại đọc tiếp. - Nào, nào, không biết nên hiến các quý vị một điều gì nữa đây? Bệnh viện Veruga ở Péron? Chúng ta chưa có thuốc địa ở các dãy Andes? Như vậy bệnh này chẳng liên quan tới ta. Mụn phương Đông? Không quan trọng, một thứ phát ban nhẹ. À! Bệnh Ainhum. Xin nghe đây: “Nó chỉ ăn ở phần gốc các ngón chân cái và thít chặt chúng cho tới khi tiện đứt hẳn”.

- Chắc con cho đó là những điều khôi hài? Nếu con thấy thích, - bà nội Marguerite bảo, - con cứ đọc tiếp, mẹ đi ngủ đây.

- Một, một căn bệnh nữa, để con đọc nó kết thúc cho tối nay, bệnh ghẻ cóc: “Bệnh dễ truyền và hay bị lây, do ruồi truyền, bệnh tạo nên trên da một lớp mụn dày đặc. Vào một vài giai đoạn phát triển các mụn này trông sần lên như da cóc, do đó người ta gọi bệnh này là ghẻ cóc” (bây giờ đúng là mùa của bệnh này, bố Louis bình phẩm, giọng khôi hài đặc trưng của bố). Mẹ nghe đoạn này nhé, mẹ nghe này, một sự chính xác tuyệt vời: “Người ta cho rằng ghẻ cóc là một triệu chứng của bệnh giang mai, nhưng không phải”. Tuyệt, hà! hà! hà! Khả năng sinh sản tuyệt vời của cuộc sống trần gian!

Bà nội Marguerite đã khép mạnh cửa.

X

Cái cảnh đạo diễn nhỏ này, thoát đầu chỉ để cười một chút cho vui, liền nhanh chóng trở thành một cơn ác mộng. Tối nào những con quỷ cũng xuất hiện từ mấy cuốn sách y học nhiệt đới ấy để hành hạ bố Louis. Càng gần tới ngày lên đường tang tóc, bố càng ít ngủ. Vừa đặt mình nằm, bố liền vùng dậy và lao vào buồng tắm hiện đại (niềm tự hào của bà nội Marguerite) cứ như thể buồng tắm, một nơi trong nhà gần giống bệnh viện hơn cả, là chốn điện thờ mà vì trùng không dám bén mảng tới. Bố ở lì tại đó suốt đêm, dưới ánh sáng chập chờn của chiếc đèn dầu lớn, người thu lu trên tấm thảm xanh, ngón trở tay phải bấu chặt cổ tay trái để nghe mạch, mắt lúc nào cũng cúi gằm trên những trang sách đầy những mô tả rừng rợn, tứ chi bị ăn cụt, ruột bị giun đục khoét, lúc chăm chăm nhìn chiếc gương tròn gắn trên bồn tắm bằng đồng đỏ để dò xét nỗi sợ và vẻ mặt rầu rĩ của mình, người lạnh run, tuy nhiệt độ tháng Sáu rất dễ chịu và vì vậy bố phải đắp một chiếc chăn của nhà binh (tại sao lại là chăn của nhà binh? Hình như do có màu kaki thì phải) chốc chốc lại thò tay ra khỏi chăn giờ cặp nhiệt độ lên xem, rồi lằm bằm, 37 độ, ổn rồi, trừ cơn sốt, mình đã thấy xuất hiện mọi triệu chứng, cơn sốt cũng sắp xuất hiện...

Và khi Gabriel rón rén bước vào, tay phe phẩy quạt khói đèn dầu, giờ tay sờ người vị quan chức thuộc địa đang run lẩy bẩy, hỏi xem quan có cần gì không, gọi bà nội Marguerite tới hoặc mời bác sĩ, thì Louis đáp, giọng hấp hối, không, giọng rất chậm rãi, Gabriel, con, đừng, ổn cả thôi, con thấy đấy bố sắp chết và nhất là đừng nói gì với bà nội Marguerite đấy nhé...

Sau hai tuần lễ kiên cường, hai tuần lễ chiến đấu không khoan nhượng chống đạo quân bệnh tưởng, cuối cùng bố Louis đã chịu thua. Như thường lệ, lúc ba giờ sáng, Gabriel vào buồng tắm xem sao. Bố Louis bị muỗi châu đốt (chắc bố quên khép các lá cửa con), bố đưa đèn dầu dò khắp các cánh tay, miệng lằm bằm: trời, trời ơi.

À! Gabriel con đấy à? Con đây, bố ạ. Gabriel con? Dạ, bố. Gabriel, bố biết rằng, hai bố con sẽ làm bà nội buồn phiền vô hạn (bố nói cứ như người đang hấp hối, giọng bị các tiếng thở dài làm ngắt đoạn), nhưng theo con, với hiện trạng của bố, ta khởi hành lúc này thì có phải là sáng suốt không?

– Bố nói đúng đấy, bố Louis. Như vậy thì đúng là điên rồ. Ở đây sức khỏe của bố rất yếu... Bố sẽ không chịu nổi với bệnh tật ở bên ấy đâu. Ta ở lại thôi, bố Louis, ta ở lại...

Khi trả lời như vậy, Gabriel đã làm dấu thánh hai lần: với tư cách một nhà thực chức (nhiệm vụ của nhà thực chứng là cách tân hành tinh và đặc biệt là những chốn kém phát triển trên hành tinh); với tư cách một chàng si tình tương lai. Tính chuộng cái lạ. Qua các sách đọc, chú nhận thấy hầu như tất cả các nhân vật được phụ nữ sủng ái đều có tóc sẫm màu: d'Artagnan; le Cid, Casanova, Figaro, Fabrice del Dongo, v.v... tất cả họ đều có mái tóc sẫm màu. Tại sao của lạ tóc hoe vàng ấy lại hiếm gặp trong văn học, trong khi đó phục nữ tóc hoe vàng nhan nhản và chiến thắng? Với một người tóc hoe vàng như Gabriel, thuộc địa là một mối lợi bất ngờ có khả năng phú cho chú phong thái của lạ đó có thể làm một bà bạn đời quên mất rằng chú không phải là một kẻ có mái tóc sẫm màu khác biệt với tất cả các kẻ quuyến rũ khác.

Nhưng Gabriel là một cậu con trai ngoại lệ, một người bạn, quý vị nghe rõ chứ? Một bạn thân của bố mình.

- ... Không, bố Louis, - cậu con trai ngoại lệ nói tiếp, - bố xin từ chức đi, bố từ bỏ con đường công danh này đi, kệ bà nội Marguerite, bố không khỏe để có thể chịu đựng được ở xứ nhiệt đới đâu.

– Bố nhận thấy cả con cũng vậy, con cũng muốn ở lại. Bố thấy yên lòng. Bố chẳng muốn tước bỏ của con một hành trình lớn. Mới lại, nước Pháp cũng cần được cách tân.

Và, trong nháy mắt, bố Louis đã khỏi bệnh: Bố hất bỏ chiếc chăn kaki, vùng dậy không quản ngại căn bệnh truyền nhiễm đã ôm chầm cậu con trai và hai bố con quay ra phòng trước đây là phòng khách bố trí theo kiểu Mehico, rót rượu snap, một loại rượu trắng của những vùng bị bỏ lỡ.

– Con thấy đấy, Gabriel, căn bệnh thực sự của chúng ta, căn bệnh trầm trọng thực sự của gia đình Orsenna, đó là bệnh mơ mộng. Chúng ta có gì là thực tế, Gabriel? Con, chất cao su, bố, các nàng khách mời, bà nội Marguerite, căn phòng khách bố trí theo kiểu Mehico... Như vậy chưa đủ để sống một cuộc sống thực sự, Gabriel, chúng ta chập chờn trong các giấc mơ.

– Bố nói bố đấy. Con, con rất hiện thực. Con nghiên cứu triết học thực tiễn nhất thế gian. Con sẽ gặp một người phụ nữ có thực và bằng xương bằng thịt, con sẽ yêu nàng và nàng sẽ yêu con. Người phụ nữ duy nhất, không phải như tất cả những người bố quen biết...

– Con lại nói chuyện phi thực tiễn rồi. Gabriel tội nghiệp của bố. Người đàn bà duy nhất là một con người ít có thực. Khi con sống với một người phụ nữ, con sẽ bao bọc nàng trong các giấc mơ, con là con của bố, con cũng như bố, con không thể khác được, con vây hãm nàng trong những giấc mơ của con với các người phụ nữ khác, tội nghiệp cho người phụ nữ duy nhất của Gabriel, tội nghiệp cho Gabriel. Không, không, hãy tin bố, Gabriel, đây là điều nghiêm trọng, gia đình ta đang làm mồi cho các giấc mơ. Những giấc mơ tốt lành và những giấc mơ xấu. Những căn bệnh tưởng và những tình cảm thực. Đây là những kẻ thù thực sự của ta. Và vật lộn với các giấc mơ thật gian khổ. Chúng ta sẽ hỗ trợ nhau, hợp nhất sức của ta. Hãy hứa với bố là thực tiễn hơn. Gabriel, thề với bố là con sẽ cố thử đi, con. Về phần bố, bố sẽ làm với hết khả năng, Gabriel? Hứa nhé! Bây giờ ta đi ngủ, phải sung sức để sáng mai có thể xông trận tấn công các giấc mơ.

Gabriel đã lùng tìm nó khắc nơi, chiếc máy sản sinh các giấc mơ và cứ nghĩ rằng đã tìm thấy, tại đó, sau tấm gương, sau các khuôn mặt có thật và những khuôn mặt giả, những khuôn mặt mà ta thực sự có, đang nhìn ta, mắt mở tròn trĩnh, vẻ động lòng thương, đúng đấy, anh bạn, anh bạn có vẻ mặt đó, và những khuôn mặt giả , những khuôn mặt giả và đẹp, đến thay thế những khuôn mặt thật, khi ta vừa chột nhắm mắt.

Có lẽ tất cả các tuổi thơ đều như vậy: chưa làm quen với khuôn mặt của mình và chính nỗi chán ghét đó đã khởi động chiếc máy sản sinh các giấc mơ, ở nơi đó, mặt kia tấm gương, giữa các mùi trong nhà tắm, khăn rửa mặt ẩm ướt và thuốc đánh răng.

XI

Một người đàn ông ngồi trên chiếc ghế bành cuối cùng trong phòng khách được bố trí theo kiểu Mehico, găng tay để trước mặt, trên đùi ông ta, găng tay có màu vàng nhạt không hợp với dáng vẻ chung béo lùn, hồng hào. Bà nội Marguerite đứng trước mặt ông ta, ngắm nhìn móng tay.

– Gabriel, cháu ra ngoài một chút nhé!

Căn phòng chìm trong im lặng khi Gabriel rời khỏi phòng và áp tai vào lỗ khóa của có lẽ để nghe trộm, những ký ức đâu có thể tự nuôi dưỡng.

– Thế nào, anh Orsenna, cái chuyện từ chức này, anh có thể giải thích với mẹ anh và với bản thân tôi nghe được không?

Người đàn ông có đôi găng tay vàng nhạt nói với Louis bằng một giọng nghiêm khắc giả dối và chuệch choạc; người ta đã đoán ra những chỉ thị hậu thuẫn rất chính xác về lòng khoan dung. Bố tôi, một lần nữa lại có một linh cảm cực mạnh. Tôi vẫn còn lưu trong đầu tiếng rít đó. Tôi gìn giữ nó như một thánh tích, cái khoảnh khắc dừng cảm ở bố tôi và như ta đã biết đấy, không phải là một phẩm chất đặc trưng của bố tôi:

– Tôi không đi.

– Thế anh có thể cho biết lý do tại sao không? Đúng, tại sao?

Suốt toàn bộ cuộc đời chung sống của bố tôi và tôi, gã có đôi găng màu vàng nhạt là nguyên mẫu của dòng giống bị hai bố con chúng tôi phỉ nhổ: những-kẻ-thực-hiện-các-công-trình-thanh-lọc-thấp-hèn.

Bố tôi nhấn lại là tôi không đi.

Tai tôi không bỏ sót gì cả, sự im lặng của bà nội Marguerite, đôi tay bà nội chà vào nhau lẫn tiếng kêu rầm rắc của chiếc ghế bành Mehico khi gã có đôi găng tay đứng dậy.

– Trong trường hợp như vậy, tôi sẽ đi. Như các bạn anh mà vào giờ này họ đang lên tàu. Nhưng anh cũng biết rồi đấy, tàu thủy lúc nào cũng sẵn. Thế nào, thực sự không hối tiếc gì chứ? Thôi được, thưa bà, tôi xin có lời bày tỏ lòng tôn kính của tôi với bà.

Nhờ đôi tai trung thành của tôi, trí nhớ tôi được nuôi dưỡng bởi nào là chiếc hôn tay lúc ra về của gã có đôi găng màu vàng nhạt, nào là những tiếng cọt kẹt đủ loại: tiếng cửa mở, tiếng bánh xe lăn, tiếng cộp cộp của vó ngựa nện trên mặt đường lát đá (mới lát) ở phố Cormeille. Tôi đứng thẳng người và lùi lại thật đúng lúc. Bố tôi mở cửa và ôm vai tôi. Qua cánh cửa sổ rộng mở vào giữa tiết hè, chúng tôi đưa mắt nhìn cả bầu đoàn thể tử rời xa dần.

– Con thấy không, Gabriel, đây là chiếc xe ngựa công vụ của Trường thuộc địa. Nó phục vụ khắp mặt. Và cả gã nữa, đây là bản chất tương đương về bản chất con người với chiếc xe đó. Gã cũng phục vụ khắp mặt. Gã chờ những hạt cát kể từ khi chiếc nồi hơi ngừng hoạt động vào tháng Một, đến một học sinh người Việt nam kiểu mẫu đã đột ngột òa khóc suốt buổi lễ nửa đêm. Tại sao một người theo đạo Phật lại òa khóc nức nở vào đêm Giáng sinh? Mau chóng làm sáng tỏ ngay cho tôi rõ chuyện đó. Nghề của gã là như vậy đấy, giải đáp vô vàn câu hỏi tương tự mà ông hiệu trưởng vẫn hỏi hàng ngày. Do đó phải tha thứ cho gã, Gabriel con, nên thận trọng tránh xa gã và loại người như gã, nhưng phải tha thứ cho gã, Gabriel con, tha thứ cho gã.

XII

Sau khi bố Louis xin từ chức, chúng tôi cấm cung trong nhà cả tháng Tám năm 1900, cửa kín then cài như những kẻ thất tình. Chúng tôi nghe thấy tiếng những bức thư luồn dưới kẽ cửa và người qua đường hỏi nhau không biết ngôi nhà trống có bán không. Bà nội Marguerite cấm không cho chúng tôi ra ngoài: vì mọi người cứ ngỡ chúng tôi đã lên đường, không được để ai biết chuyện... Mỗi mình Gabriel được phép lén lọt ra ngoài lúc trời tối. Chú bước đi như một bóng ma, như chú nghĩ những bóng ma bước đi như thế nào, len lén sát tường để mức suýt húc sừng cả đầu. Chú lẩn khỏi Levallois, đi đến tận Neuilly, đồng bằng Monceau để mua bánh mì, dầu, các thực phẩm thiết yếu. Chú phát hiện các khu không có có mùi gì, mọi thứ ở đây đều đắt hơn, nhưng xa lạ với gì đình Orsenna. Lúc quay về, không khí lại nồng mùi ngựa như mọi khi. Và bà nội Marguerite im lặng.

Bà nội đưa về phòng mình những kỉ niệm Mehico, thanh kiếm, tấm ảnh của Gabriel Đệ Nhất, của Eduardo G., người say mê mẽ câu lớn. Bà nội ngồi lì suốt ngày trên giường. Bà cứ nhìn đôi tay. Và im lặng.

Bố Louis chẳng quá lo lắng, nhưng khi Gabriel báo cho bố nhận rõ điều kỳ diệu, Louis thốt kêu lên, mở cửa, chú ý chăm sóc bà nội, bố đi mời bác sĩ. Điều kỳ diệu đó, Gabriel đã vô tình phát hiện ra, một ngày tương tự như mọi ngày khác, chú rình mò theo rồi bà nội qua ổ khóa cửa. Bà nội chỉ có những cử chỉ không có gì đáng nói, đứng dậy rời khỏi giường ra hé mở cửa sổ. Thế nhưng, những động tác bình thường thường ngày này, đột nhiên xem ra lạ thường, tựa hồ như thoát ra từ một giấc mơ và buộc phải lại quay trở về trong giấc mơ. Mấy phút sau, Gabriel tự hỏi lý do của cảm giác mộng mơ. Lát sau, chú vỡ lẽ. Chú hiểu rõ rằng bà nội Marguerite, cuộc đời bà nội Marguerite không còn gây tiếng ồn ào nữa. Cả những chiếc lò xo giường lẫn quả đấm cửa sổ sẽ không kêu cọt kẹt nữa, cũng như sàn

nhà không còn kêu răng rắc, trước đây, giường, đấm cửa sổ, sàn nhà là ba ồ gây tiếng ồn ào thực sự.

Vừa được thông báo, thoát đầu bố Louis không muốn tin và rồi rất miễn cưỡng phải thú nhận điều hiển nhiên: đúng, cuộc đời bà nội Marguerite không còn gây tiếng ồn ào nữa. Lúc đó, bố thốt kêu lên và muốn mời bác sĩ. Gabriel níu giữ bố đúng lúc: bác sĩ thì làm gì được trong những trường hợp này? Sẽ kể bệnh gì với bác sĩ? Bà nội và mẹ chúng tôi vị đau bệnh im lặng? Cuộc đời bà nội và mẹ chúng tôi bị mất tiếng?

Hai bố con nhất trí tán thành là để sau này sẽ mời bác sĩ đến khám và bàn luận rất lâu về bản chất ngoài dự kiến của nỗi buồn cô thế, một ngày nào đó, ngổn ngấu nghiêng mọi tiếng ồn của một cuộc đời, một cuộc đời mà từ nay về sau ngân vang một cách vô dụng vì chẳng còn ai có mặt tại đó trên trái đất để đồng tai chú ý tới bà nội. Không, chứng bệnh tương tự không nằm trong phạm vi y học, dù cho đó là y học nhiệt đới. Và hai bố con quyết định giữ kín nét độc đáo mang tính gia đình có thể ảnh hưởng tới bước đường công danh của con, bố Louis bảo, nếu người ta biết được... con thấy rõ điều bố đã nói với con, Gabriel, gia đình ta bị ốm, ốm nặng.

XIII

Phải cảnh giác các xứ sở ôn hòa. Nước Pháp cũng có những rừng rậm của nó. Từ bên ngoài, người ta chẳng hề nhận thấy gì. Người ta sẽ nói tới các trường lixê, những mặt tiền thanh cao, những lá cờ, các nét chữ lớn khắc trên đá (Cộng hòa Pháp, Tự do, v.v...), những vĩ nhân tạc bằng đá đang chăm chú theo dõi tương lai, từ trên các ổ cao, các chú chim câu nhút nhát ngự trú trên đầu các vĩ nhân bằng đá và giật nảy mình mỗi khi nghe trẻ nhỏ la hét, chúng kéo theo cút bới nhoét chỗ này chỗ kia... khách bộ hành đi tới đi lui phố Saint-Jacques, hít mạnh làn không khí giàu chất ozon, lòng không chút ngờ vực.

Mãi ngày nay, Gabriel còn nhớ tới chiếc cánh cửa với một sự chính xác nhức nhối. Sáng nào nó cũng hiện chú một cách lố bịch quanh co: nào, lần này thì mình vào, nào, mình gắng lên, mình đếm một, hai, ba, Ồn rồi mình vào đây... Đây chỉ là một tấm cửa bình thường, bằng gỗ thông màu sẫm đến ngang cửa, phần còn lại lắp kính, có tay nắm đồng hơi trễ, như mọi cánh cửa khác, một cánh cửa bình thường. Chẳng có gì đáng khiếp sợ, thậm chí còn có vẻ thân ái, chắc chắn là tiếc những lời tử tế ập xuống đầu Gabriel khi chú vừa lọt qua cửa.

- Ở này, chú tròn trĩnh. Ôi! Sao nó cứ tái mét thế này!

- Xanh vì mất ngủ đây mà!

- Tất nhiên rồi, nó sợ, nó chẳng thể nào theo kịp đâu!

- Vậy thì đây là một lời khuyên mang tình bè bạn, Gabriel, vì sức khỏe của cậu, bỏ quách đi.

Những lời dịu dàng cứ ào ào tuôn ra chỉ lắng dịu đôi chút khi tới được chỗ của mình. Nhưng nó không thể lắng được trước một

sự chú ý nhường ấy. Đây là giờ họp chợ, một phiên chợ rất đặc biệt. Chợ sập, chỉ rất những tin thất thiệt. Ở này, mình tìm thấy một bài sáng suốt viết về Kant, khổn nổi nó không có tại thư viện Orléans và mình không thể mượn được; cậu có muốn biết bảng giờ tàu không, Gabriel? Để dịch Tite-Live, mình có lời khuyên, tra từ điển Trévoux, tập VIII (từ điển này chỉ có bảy tập)... chỉ là những lời dối trá, đầy cạm bẫy. Vì đây là luật rừng thẳm, một đối thủ, gặp trường hợp tốt nhất thì cũng bị nản chí, còn gặp trường hợp xấu nhất thì bị trì hoãn...

Chúng ta hãy còn đang ở những món khai vị. Chuông đã điểm. Thầy giáo bước vào. Và điều tồi tệ nhất bắt đầu, buổi chơi trò dết thẳm. Thầy giáo tập trung những tay tinh hoa cự phách quanh tôi, sẵn sàng cả chưa nào?

Được rồi, tốt lắm. Những em khác cố thỉnh thoảng đưa ra một ý nhé! Gabriel, ngoài một số cuồng tưởng về phụ nữ ra, chỉ thực sự hiểu rõ Auguste Comte. Chú hốt hoảng nghe thấy các bạn xoắn vặn những quan điểm, thêu dệt những hệ thống, tái dựng các gia đình, Rousseau là con trai Aristote đúng hơn là cháu Sénèque... Không có Spinoza, Kant đã là người theo thuyết Thomas... Homère thuộc về Scudéry như Horace thuộc về bà de Lafayette... Gặp cơn nóng ngọt ngạt phả quanh, những cây phả hệ phát triển tốt, nảy nở. Phải vật lộn để phát triển. Phải đánh nhau tranh giành một điểm có nước. Trong điều kiện này, bầu không khí nhanh chóng bị ngọt ngạt. Sau đó, do nghề nghiệp, Gabriel đã biết tới nhiều cánh rừng nhiệt đới chứ không chỉ những cánh rừng nhỏ, Amazonie, Annam... Vậy chú dứt khoát: những quan điểm lộn xộn khó lọt lách hơn cả những cánh rừng sù vẹt... Không phải ai cũng chia sẻ ấn tượng đau buồn này. Bạc tinh hoa, nó rú gọi hạnh phúc, nó chuyển từ sợi dây leo này sang sợi kia. Nhưng những kẻ lam lũ, bò sát, hít thở mỗi lúc một khó, rứt rứt yêu cầu mở cửa sổ.

- Để lớp dự bị Đại học Sư phạm văn của trường Henri-VI họ chớp mắt ý của chúng ta à? Rất cảm ơn. Tốt hơn hết hãy nghe mẹ Arnauld de Port-Royal đọc Dante. Theo Saint-Beuve, v.v...

Và trên xe khách đưa tôi trở về Levallois, tôi lập bản kiểm kê kiến thức của mình. Ba ý khá rõ ràng về Kant, sáu, nhưng hơi xoàng, về Platon, còn về Pascal thì nghèo nàn (hai ý). Bàn cùng về Grotius (mỗi một ý). Tất nhiên là trừ Auguste Comte mà tôi biết gần như lâu lâu, nhưng tôi đã không hề được chút chiếu cố nào... Thế mà, theo lời các nhà chuyên môn, chú không đáng để dự thi tuyển nếu không có một lượng dự trữ ít ra hai chục quan điểm độc đáo của mỗi tác gia trong chương trình...

Như vậy là một chú thiếu niên chứ chưa hẳn là một kẻ bị đánh bại tìm lại được gia đình, bố Louis là người che-chở-phụ-nữ và bà nội Marguerite bà-không-gây-ồn, trước khi biến lẫn về phòng mình, nơi những thang âm của chú đang đợi: cuốn sách nhỏ tẻ ngắt bằng tiếng Latin, dịch không dùng từ điển được số dòng tối đa của Cicéron, dịch đến kiệt sức, đến khi lịm đi vào giấc ngủ. Nếu bạn bắt đầu mơ bằng tiếng Latinh, bạn có thể coi là đã đi đúng đường...

Sau này, tôi thường kể lại cho mấy người bạn nước ngoài nghe câu chuyện về học kỳ ba tháng cuối năm 1900 ấy, câu chuyện về thiên hướng thui chột của tôi về tri thức. Họ nhìn tôi, sửng sốt, hỏi:

- Nhưng anh phải chuẩn bị kỳ thi tuyển kỳ lạ nào đã buộc anh tôi rèn như vậy?

- Thi tuyển kiến thức chung.

- À! Chỉ có nước Pháp mới bày ra những cuộc thi trường tự. Bình tĩnh, Gabriel, bình tĩnh đi, - những người bạn nước ngoài bảo. - Và ta uống chúc mừng nước Pháp của anh, thật cảm động... Sao anh lại có thể yêu, yêu một mối tình nồng thắm như vậy, thuật ngữ tiếng Pháp của anh gọi là gì nhỉ, à! phải rồi, anh vừa nói xong cái “kiến thức chung”?

Năm mươi năm sau, Gabriel đồng tai: trời mưa. Một tháng Chạp sầu thảm. Và ngòi bút lạo xạo trên trang giấy trắng. Bạc tình hoa thờ hờn hển. Hôm đó là một đoạn của Virgile: dịch ra thể thơ Alexandrin Pháp giàu vần điệu cảnh cô đơn tuyệt vọng của một bậc vương giả tên là Didon, nữ hoàng Carthage và yêu cuồng say một hành hương người Thổ Nhĩ Kỳ: *uritur infelix Dido totaque vagatur...*

Bạc tình hoa cầu nhàu, các bị lúng túng như gà mắc tóc trong những trạng thái tâm hồn Địa Trung Hải này. Các vị chỉ lần mò từng bước từng bước một vào cái mớ ngổn ngang u sầu đó. Ta nghe rõ tiếng các vị thờ dài, lật mở, lần dò các trang rồi tức giận đóng lại các cuốn từ điển, tựa hồ như tất cả mọi dạng u buồn có thể chất chứa trong cuốn từ điển.

Đột nhiên, có tiếng chân dội đến chỗ chúng tôi. Thoạt đầu xa vời, mỗi lúc một gần. Bạc tình hoa ngẩng đầu lên. Vào một thời điểm này của buổi chiều, không biết ai đến quấy rối việc rèn luyện mang tính quốc vương qua bản dịch tiếng Latin? Qua bức tường ngăn lớp học với hành lang được lắp kính ở phần trên, người ta nhận ra ngay mái đầu rụng hết tóc của ông hiệu trưởng.

Cửa bật mở, bạc tình hoa đứng nghiêm.

- Các em ngồi xuống, thầy đến không lâu đâu. Các em dịch gì vậy? Virgile? Tốt lắm, Virgile. Khá học đấy! Đối thủ của các em ở trường li xê Henri-IV hôm nay đang lao vào Sénèque, dễ hơn. Các em tiếp tục rèn Virgile đi. Được rồi. Thầy không nán lại lâu đâu. Thầy phải đọc các em nghe thư khẩn của trường khu giáo dục. Cứ như thể trường khu giáo dục không biết các em đang chuẩn bị CUỘC thi tuyển không bằng. CUỘC thi tuyển! Mà thôi, lệnh là lệnh, đây, thầy tóm tắt lại...

Thầy hiệu trưởng luôn dùng ngôn ngữ nhát gừng, quân sự khi nói với các lớp dự bị. Cuộc thi tuyển chẳng phải là một cuộc chiến sao?

- ... Đây, Nước Cộng hòa Brésil mới đây chọn Auguste Comte là người thầy về tư tưởng. Một ý kỳ cục. Xét cho cùng, dấu sao cũng là tử tế với nước Pháp. Nhưng không một ai trong quan chức người Brésil biết về Auguste Comte. Do đó, nước Brésil yêu cầu ta hỗ trợ về mặt phương pháp giáo dục. Giữa các nước cộng hòa với nhau, phải có sự hỗ trợ. Các nước như thế chẳng nhiều lắm đâu. Tóm lại, các em có muốn giảng dạy về Auguste Comte cho các đại sứ ở châu Âu không? Chính phủ ta đã quyết định nên bắt đầu từ các vị đó. Chắc là để giảm bớt kinh phí cho việc đi lại. Do đó, chắc trong kỳ nghỉ lễ Giáng sinh, hẳn là sẽ có mười ngày cấp tập về thuyết thực chứng? Các em không thấy hứng thú à? Tất nhiên là không? Chẳng một ai? Thầy hiểu rõ các em, các em đang chuẩn bị CUỘC thi tuyển. Các em có lý đấy. Thầy sẽ gửi bản báo cáo phúc đáp trình bày mọi tình tiết lên trưởng khu giáo dục. Trường Henri – IV còn đi trước các em môn tiếng Hy Lạp. Chớ quên chuyện đó. Thôi, tạm biệt các em và chúc các em dịch tốt Virgile...

Thầy hiệu trưởng chuẩn bị rời khỏi lớp thì có tiếng rì rầm chẳng là gì với Gabriel, tiếng rì rầm yêu cầu chú bỏ tay xuống, ích lợi gì đâu, Auguste Comte? Cậu cần quái gì đến cái ông đại sứ của cậu? Brésil ở đâu? Tiếng rì rầm chứng tỏ rằng tôi không phải là một đối thủ nguy hiểm, tôi không còn thuộc dòng giống những người đem lại phước lành nổi tiếng, mà chỉ là một học sinh tương lai của Trường Sư Phạm... Dù thế nào đi nữa, người tình nguyện vẫn hiện diện, tay mạnh dạn giơ cao, nụ cười gượng trên môi, mày cau lại vẻ quả quyết. Thầy hiệu trưởng vội lao tới chỗ thầy giáo. Một cuộc trao đổi hỏa tốc. Không cần phải qua trường sư phạm, chỉ cần nắm được nội dung là đủ. Em nào vậy? Orsenna. Liệu em ấy có nhiều triển vọng trong thi tuyển không? Không hề có chút triển vọng nào. Tốt lắm! Em ấy có biết chút ít về Auguste Comte chứ? Đấy là sở trường của em ấy?

Và thế là thầy hiệu trưởng liền ngọt ngào và tươi cười thoăn thoắt tiến đến bên người tình nguyện ấy.

– Hoan hô, Orsenna! Thầy thông báo ngay với thầy trưởng khu giáo dục.

Năm mươi năm sau, tôi đóng tai, tôi lắng nghe tiếng cửa lớp khép lại, bước chân thầy hiệu trưởng đi xa dần, những lời chúc tụng mĩ mai, phải phạt, cái ông đại sứ của cậu, Gabriel, nếu ông ta học hành chẳng ra gì. Tôi nghe giọng gay gắt của thầy giáo. Nào, các em, các em quay về với Virgile đi. Tôi lắng nghe sự im lặng dần dần quay về với với tiếng ngòi bút rào rào trên giấy trắng trắng và những tiếng thở dài lại nổi lên, tôi nghe rõ trong lòng tôi khẽ rầm rì: Brésil, Brésil âm tiết của gió nổi, của tàu nhỏ neo, của ngọn lửa lại bùng lên, đi đây đó là tùy em, thầy giáo bảo, nhưng đừng làm ảnh hưởng đến các bạn khác.

Bộ Ngoại giao trải thảm nhung đỏ. Trong căn phòng tổ chức buổi đón tiếp nhỏ, có treo một bức thảm màu nâu sẫm viền đường chỉ kim tuyến gọi lại khu rừng rậm xưa kia, ám ảnh đầy quỷ dữ và cây cỏ. Sàn nhà bóng lộn như mặt gương. Qua dãy cửa sổ hẹp, người ta nhìn thấy rõ bãi trước trải sỏi, một bãi cỏ hình bán nguyệt. Hai người làm vườn cào dọn những chiếc lá cây vô hình. Quanh tôi có khoảng hai chục bạn đồng sự thực chứng đứng câm lặng và người cứng đờ, rất trẻ, tụ tập ở đây như để làm mồi cho một bữa ăn của con yêu tinh.

Chúng tôi là món quà tặng của nước Pháp. Gabriel trầm nghĩ. Một nước Pháp tha thiết lập quan hệ ngoại giao với yêu tinh?

Một cánh cửa bật mở. Người đón khách có đeo dây kim tuyến cất cao giọng. Ngài bộ trưởng. Và ngài Théophile Delcassé đi sau hai người đón khách có đeo dây kim tuyến nữa bước vào phòng.

- Cảm ơn, các bạn nhỏ, - ngài nói

Ngài đi đi lại lại bên chúng tôi, bắt tay.

- Chúc các bạn may mắn, các bạn nhỏ, - ngài nói.

Và rồi ngài quay vào trong Bộ.

Một tùy viên phân phát cho chúng tôi một chiếc phong bì đề tên từng người. Các bạn có thể mở phong bì ra. Mọi thứ đều đã được chuẩn bị xong: vé, hộ chiếu, lệnh đi công tác, nơi đến, ngay cả những nhãn đề dán trên va li. Gabriel phải đi London, 14 Pelham Crescent SW8. Tốt rồi, người tùy viên bảo. Món quà tặng của nước Pháp được tiến tới lối ra vào. Những nhà thực chứng rón rén bước, vì sàn nhà trơn như mặt gương. Chúc may mắn, anh ta nói. Anh ta nói y như ngài bộ trưởng, cùng một giọng, cùng một văn phong. Anh ta còn nói tiếp “các bạn nhỏ”, nhưng giọng thấp nhỏ, vì anh ta đã quay vào, vì anh ta như người không dám mượn ý phục của kẻ khác. Khách bộ hành thấy chúng tôi bước xuống các bậc thềm danh dự. Trời lạnh và khô ráo.

Trên tàu Gabriel lên tiếng hỏi:

- Bố Louis, bố có cho rằng ở những nước lớn, người ta cũng mơ mộng khi có mọi điều kiện thực tiến ngay trong tầm tay không?

Ngày 20 tháng Chạp năm 1900, ngày xưa ngày xưa, có một ông bố phải dừng cảm chịu đựng cuộc hành trình tới Havre (nước Anh, chắc chắn là tốt đối với căn bệnh của chúng ta, Gabriel, ổn định nhanh cuộc sống của con, bố và bà nội sẽ sang), chịu đựng những hình ảnh cuối cùng của Gabriel: gửi hành lý, kiểm tra hải quan, lên cầu tàu, đưa con đi khuất vào bụng con tàu đang từ từ rời khỏi bến cảng. Ngày xưa ngày xưa có một ông bố cứ nhỏ dần, nhỏ dần dưới những đôi cánh chim mòng biển. Và trong đám một số ít người, tôi nhận ra, ở ngay sát mép bến, một cánh tay giơ vẫy tạm biệt và một cánh tay khác cũng vẫy, động tác cứng đờ hơn, dùng mu bàn tay vẫy như đang xua những kẻ quấy rầy. Tội nghiệp bố Louis đã phải đương đầu với những bóng ma của chúng tôi. Sản phục và Bufalo Bill, Levallois và khu vườn Luxembourg, bà nội Marguerite, bà im lặng, và phòng khách bố trí theo kiểu Mehico.

Tôi bỏ mặc bố Louis xoay sở với thời thơ ấu của tôi.

Lúc đó Gabriel, hiệp sĩ mặt tròn, rời đuôi tàu, rời xa những dây chảo loáng nước cuộn tròn như con sên, những hành khách đã xanh mặt vì say sóng và đi dọc theo dây xuống cứu nạn tróc sơn tiến về đằng mũi. Trước mặt chú, phía đầu kia trời mù là London, thành phố lớn nhất thế giới, thủ đô của Thực tại.

CHÍNH TRỊ

Khi rời nước Pháp và để hồ sơ của bố được đầy đủ, con không muốn bỏ sót một điều gì, cũng như một ai. Do đó ta mới lên tàu, với tư cách vị khách vào giờ chót, Maximilien, vị quận công trẻ, người được Napoléon III đưa lên ngôi ở Mehico.

Bố Louis thường nói với tôi về quận công:

– Ngài không hề yêu cầu gì ở ai cả, con rõ không, trừ Adriatique mà Ngài bắt gặp qua cửa sổ của Ngài, gây cho Ngài cảm hứng văn thơ tạm được:

Ồ! Để ta bước tiếp con đường thanh bình

đường mòn tắm tối cụt lối dưới các cụm sim.

Tin ta, đường Khoa học và việc tôn thờ Nàng Thơ tuyệt đẹp hơn ánh ngời chói của vàng và của mũ miện.

Hắn phu nhân Charlotte của Ngài, sinh tại Cobourg-Gotha, là một người có tham vọng, nhưng đấy là một tội lỗi đáng yêu của phần lớn các bậc phu nhân các quận công.

Bà nội Marguerite nghiêm khắc hơn. Bà nội để tay lên vai tôi, trịnh trọng nhìn tôi và bảo:

– Cháu, một vị hoàng đế trao tặng cháu ngôi báu, cháu hãy biết tỏ ra xứng đáng...

Hồi ơi Maximilien đâu có được những đức tính của Gabriel Orsenna. Ngài không biết cai trị cái xứ Mehico bất trị. Quân đội của ta bỏ rơi ngài.

– Cháu không thấy chuyện người Pháp quay về Pháp là bình thường à, Gabriel? - bà nội Marguerite hỏi.

Và thế là người Mehico xử bắn Maximilien.

– Tất nhiên là buồn rồi, nhưng phải thừa nhận rằng hoàng đế của ta chẳng có lỗi gì trong chuyện này, - bà nội Marguerite bảo, - Người đã tạo cơ hội cho ông ta...

Sau này tôi được biết phần tiếp theo câu chuyện đáng buồn của ông ta.

Tuy đã chết, Maximilien nghĩ rằng có thể lấy lại cuộc đời ông yêu mến. Thực ra, cương vị một bóng ma khá thích hợp với ông. Một bóng ma có thể mơ thơ ca không viết ra những vần thơ sẽ bị nhạo báng. Ông có thể sống tại Adriatique những ngày đẹp trời và khi sương mù ẩm ướt kéo về thì lại chuyển sang nghỉ ngơi ở nơi khác. Ông có thể yêu vợ, dịu dàng, nhẹ nhàng không bị kích thích bởi tham vọng bẩm sinh của tất cả những ai tên là Charlotte, sinh tại Cobourg – Gotha.

– Nhưng, bây giờ làm ơn hãy để cho tôi được yên. - Bóng ma Maximilien bảo.

Thế nhưng người ta đã không để ông được yên.

Sau khi ông qua đời, hàng ngàn bè bạn đã kéo đến bên ông. Những người bị công phẫn trước thái độ của Bonaparte III, những người hổ thẹn là người Pháp. Mọi người đều nồng nhiệt và có thiện ý. Nhưng thật ồn ào! Trong số họ chỉ có mỗi họa sỹ Manet tỏ ra có thái độ dễ chịu và có ích. Thay vì hò hét, ông bộc lộ nỗi phẫn uất của mình trong nghệ thuật. Do vậy, vào năm 1868, ra đời một bức tranh ảm đạm và khỏe khoắn vẽ đội xử bắn, súng ống, tên chỉ huy cuộc hành hình, một vài nhân vật không quan trọng và vị hoàng đế trong một khoảng thời gian ngắn của Mehico, áo sơ mi trắng phanh rộp, hờ hững. Suốt trong thời gian bức tranh được thai nghén,

Maximilien cố kìm không lại thăm ông họa sĩ. Khi tác phẩm vẽ xong, Maximilien được mời tới. Thế là cái chết hiện diện ở đây, ngay trước mặt ông, lại một lần nữa, buổi sáng lạnh giá đến tối, cái chết của ông bị đóng đinh căng trên vải vẽ như con bọ hung bị ghim trên lie, cái chết của ông lại bị giết một lần nữa, mỗi lần theo một kiểu, chỉ thiếu những thứ đồ linh tinh theo kiểu Mehico của buổi sáng đó, hai, ba con chim ưng, núi lửa hộ mệnh, người nghệ sĩ đã rất có lý khi chỉ lưu lại cái chủ yếu. Do vậy Maximilien đã nhảy múa, lượn lờ trong xưởng họa, cảm ơn Manet, nhờ anh mà cái chết của tôi mới chết được, anh xếp đặt tôi một cách lỏng lẻo trong ký ức con người, tôi phải ôm hôn anh mới được và Maximilien hôn lên trán nhà sáng tạo, một cái hôn đầy hơi ấm, đầy tình bằng hữu mà bóng ma có thể truyền cảm.

Hỡi ôi, mấy tháng sau, Manet thấy dần đo ngại ngùng, Maximilien của ông không đạt. Ông bỏ Maximilien khỏi bức tranh. Người ta tưởng tượng thấy nỗi thất vọng của kẻ bị xử bắn. Tất nhiên, ông có thể hy vọng phục sinh một Maximilien đẹp hơn, dữ dội hơn. Nhưng vị cố hoàng đế Mehico hơi có tính nghệ sĩ, ông đã rõ đầu óc những người này ra sao, tính nông nổi này làm nảy sinh một tính nông nổi khác, hỡi ôi, hỡi ôi, thời vận của ta đã qua, ông tự bảo và thốt lên một tiếng thở dài sườn sượt. Tóm lại, có lẽ khoảng trống đó sẽ kích thích sự tò mò (hơn) hẩn như bộ mặt thật của ta?

Hỡi ôi, hỡi ôi, mấy năm sau, Manet qua đời. Những người thừa kế của ông tranh giành các bức họa ông vẽ. Và cắt ra làm 4, đúng, cắt ra làm bốn mảnh, cái chết của Maximilien mà rồi các mảnh bị tản mát tứ phía.

Mãi sau này, Edgar Degas xuất hiện. Phải chăng là để tưởng nhớ Maximilien? Chắc có lẽ nói cho đúng ra là để tưởng nhớ Macet (hỡi ôi). Edgar Degas săn lùng và thu hồi được từng mảnh, từng mảnh một. Cái chết của Maximilien, không có Maximilien, lại được tụ hội.

Hỡi ôi, Degas qua đời. Một lần nữa, Maximilien lại run rẩy. Nhưng bảo tàng mỹ thuật National gallery để mắt chăm giữ. Tại cuộc bán đấu giá lớn vào năm 1919, bảo tàng này đặt mua bốn mảnh cái chết

của Maximilien để từ đó (đến vĩnh viễn?) tập hợp lại trên một bức tường tại London (Trafalgar Square).

Thế mà bố lại muốn tôi theo phái Bonaparte?

Vậy đây, nếu thêm vị hoàng đế trong khoảnh thời gian ngắn Maximilien vào danh sách khách đi tàu thì vừa đủ. Để bố tự rút ra kết luận và phác họa chân dung của Gabriel vào cuối năm 1900, về mặt chính trị mà nói. Dừng cảm lên, bố. Tôi, tôi đi tiếp cuộc hành trình của mình.

Thực vật học

Bão táp. Gió Tây-Nam nổi lên dữ dội. Chính xác theo công tơ của Beaufort, tốc độ gió vượt quá cấp 10. Chim mòng không đùa giỡn nữa, không vật lộn, trôi giạt từ Tây Ban Nha sang Laponie, người ta thấy chúng lướt qua rất nhanh, trên con tàu chao đảo. Mặt biển màu xanh lá cây thông dồn ồ ạt trắng xóa. Mạn phía sau, bờ biển nước Pháp khi ẩn khi hiện. Cảm giác vắng bóng thật khó chịu khi ta yêu mến xứ sở của ta. Mạn trước, ta lao mãi vào khoảng xám: lúc thì màu xám của sóng sủi bọt, lúc thì nền trời nhạt màu...

Ngay khi vừa tăng cường những vật ngăn giữ, ngay khi cơn chấn động vừa dội lên, tất cả những hành khách biết phải trái đều muốn quay về.

- Thuyền trưởng, chúng tôi yêu cầu cho tàu quay trở lại!
- Thuyền trưởng, ông dìm chết chúng tôi mất!
- Thuyền trưởng, ông coi chừng đấy, tôi là người có thể lực!

Nhưng, tiếc thay cho những kẻ nhát gan sợ sệt, người chủ duy nhất trên con tàu có thân hình vạm vỡ và nước da đỏ au điển hình của giống người Armoric, cái nhánh phương Tây và cái thân rắn chắc như đá hoa cương của dòng giống Aryens đó, mà một trong những đặc tính tinh thần cơ bản là không bao giờ thay đổi ý kiến. Chính vì vậy người Bretagne được các chủ tàu luôn quý trọng. Dù thời tiết thế nào, họ cũng kiên quyết không chịu quay trở lại. May mà trái đất tròn, một khi ra đi người ta sẽ không thấy lại họ nữa... Từng người, từng người một, những kẻ phản đối thôi không gõ gõ cửa kính phòng lái nữa, họ mỗi lúc một nhột nhạt tái mặt và, sau lần thử thách cuối cùng về phẩm giá, họ vội vã đưa tay lên miệng và ba chân bốn cẳng chạy tới bờ thành tàu gần nhất. Đúng lúc đó, chuông

báo giờ ăn nổi lên. Gabriel gắng gượng tới phòng ăn, đôi lúc chú phải bò bằng cả chân tay, lúc khác lại bị hất tung lăn lông lốc.

Phòng ăn vắng tanh, ghế xích chặt xuống sàn. Chai lọ ở quầy giải khát ca vào nhau kêu lách cách. Chiếc gạt tàn lớn quảng cáo cho một hãng thuốc lá cứ trượt từ bên mặt bàn này sang bên kia, đến nàng Suze cũng chịu không thể mô phỏng được, hết sang mạn trái rồi lại sang mạn phải. Các nhân viên phục vụ bám chặt vào mấy tấm cửa, chào đón những con người dửng dưng cảm với một vẻ nhiệt tình kín đáo của người gác cổng cho một câu lạc bộ Anh: Xin mời ông, thưa ông, ông dùng một chút rượu khai vị chứ ạ? Thế mà hôm nay tôi cứ nghĩ là sẽ không có khách...

Những nụ cười tòng phạm ấy; niềm tự hào ấy (thuộc về dòng quý tộc của ngành hàng hải, những người không bị say sóng), tôi thường động lòng nghĩ lại; chúng đánh dấu giới hạn cuối cùng của một thời thơ ấu. Sau đó, ngay sau đó, bắt đầu cuộc phiêu lưu của tuổi thanh niên.

Chẳng là có một gia đình gồm bốn thành viên lão đảo xuất hiện nơi lối đi từ mũi đến lái tàu, ông bố, bà mẹ và hai cô con gái nhỏ, họ nắm chặt tay như bị buộc chặt vào nhau... Gabriel chọn một bàn mạn mép phải. Bốn thành viên lão đảo bước rón rén sang ngồi ở mạn bên kia, điều đó chứng tỏ họ là những người được giáo dục đến nơi đến chốn, kín đáo và tôn trọng người khác.

- Chúng ta mời cái ông không bị nôn kia sang ngồi ăn trưa cùng bàn với ta được không ạ? - Cô gái ít tuổi nhất nói.

- Ann! - ông bố kêu lên. - Xin ông tha lỗi cho cháu, chắc cháu bị mệt, sáng nay cháu ngủ dậy rất sớm.

Vào những lúc khác, chắc chắn Gabriel sẽ đỏ mặt, lắp bắp nói dăm ba lời ngoại giao, cúi gằm mặt vào đĩa đang ăn dở. Nhưng tiếng gió gào, mấy hớp rượu vang Médoc và có thể cũng do việc

mới được gia nhập hàng ngũ quý tộc (trong ngành hàng hải) đã làm chú cảm thấy mạnh dạn hẳn lên. Chú đứng dậy, nghiêng đầu:

- Hỡi ôi, thưa ông, cô đây đã nói trước hộ tôi, vì bản thân tôi cũng muốn mời gia đình cùng ăn mừng chuyến vượt biển. Tôi xin tự giới thiệu: Orsenna Gabriel; nhân viên ngoại giao tập sự.

Sau mấy lời chào hỏi xã giao, bị khó chịu ngắt quãng khi phòng ăn của chúng tôi rơi hẫng xuống dưới đáy một con sóng làm dạ dày đột ngột cứ rục lên, ông bố quyết định mời Gabriel ngồi vào bàn cùng gia đình.

Từ trước tới nay, Gabriel chỉ biết mỗi gia đình mình. Và gia đình chúng tôi ít giao tiếp, chỉ là một sự vươn dài của bản thân, về phía thượng lưu và về phía hạ lưu, một thứ phụ thuộc mạn nông và vương vís.

Còn ở đây, bên kia chiếc bàn bị rung bần bật làm xáo trộn lung tung, một ông lạ mặt, lạ hoắc, một ông lạ mặt có ánh mắt tươi cười ẩn sau cặp kính tròn đang chìa tấm danh thiếp:

Markus V. Knight

Giám đốc âm nhạc

Thường trú tại London: 17 Arblay Street.

Ở đây, giữa cơn bão này, một cánh cửa mở ra đón một đoàn rong rã lộng lẫy, theo thuật ngữ của khách sạn người ta gọi là đoàn tùy tùng.

– Anh có chú ý kỹ không, anh Gabriel? Anh cho phép tôi gọi anh là Gabriel, giám đốc âm nhạc chứ không phải ông bầu đâu. Cầu trời giải thoát cho chúng ta khỏi những tay bầu, nổi nhơ nhuốc của nền nghệ thuật chúng ta. Không, giám đốc âm nhạc, nghĩa là người luôn

đi đó đây, phát hiện các tài năng, vừa được báo cho biết một nốt nhạc đúng ở một nơi nào đó, tôi liền tức tốc tới ngay...

- Cũng nên giải thích với anh Gabriel của chúng ta rõ rằng tài năng càng ít được biết tới, hợp đồng của chúng ta càng thuận lợi, - bà mẹ nói, giọng rất dịu dàng.

Hai cô gái nhỏ phì cười. Ông giám đốc âm nhạc nhồm dậy, giang rộng tay: tôi xin im, anh Gabriel, bây giờ anh biết rõ về số phận của tôi: tính hám tiền thuộc về tôi, còn tính háu ăn thuộc về ba mẹ con, vì giả cứ thử nuôi kém xem, ba vị phụ nữ mỹ miều ngồi quanh anh đây sẽ hét toáng lên ngay. À mà này, anh Gabriel, anh chơi vĩ cầm hay dương cầm?

Quá muộn, quá muộn để đáp lại.

Gabriel bị ngã.

Do xúc động, do chỉ mãi giữ không bị đổ mặt, một công việc mà ai cũng biết là rất phải tập trung, anh đã quên không bấu chặt tay ghế. Tàu bị lệch hướng nên anh ngã lăn quay ra sàn.

- Chúng ta sẽ chết trước khi sang tới bên đó, - bà mẹ kêu to.

- Chán quá và chết giẫm! - Ann, cô bé đã mời tôi, kêu lên.

- Anh không bị gãy xương chỗ nào chứ? - Cô bé kia, cô cả, hỏi. Môi dưới của cô run run, như người sắp khóc.

Còn Gabriel, anh thấy đầu gối đau dữ dội. Vả chăng, tận bây giờ vẫn còn thấy rõ sẹo của vết thương lịch sử đó ^[7].

Gabriel chuệnh choạng lại leo ngồi lên ghế.

Suốt diễn biến đó, ông giám đốc âm nhạc ngồi im không nhúc nhích. Ông bắt tiếp câu chuyện tựa như đã không có chuyện gì xảy

ra:

- Như vậy là anh, anh Gabriel, anh không chơi cả vĩ cầm lẫn dương cầm à?

- Hối ôi, thưa ông...

Ông giám đốc âm nhạc cúi xuống bên Gabriel và thì thầm vào tai anh những lời pha trộn kỳ lạ vừa mang tính tâm sự lại vừa mang tính các câu hỏi rất soi mói:

- Anh cũng thấy đấy, tôi không tôn trọng họ lắm đâu. Đúng vậy, từ năm nay tôi chưa thấy ai có thể chấp nhận được. Nhưng rồi anh sẽ rõ, họ cứ nghĩ mọi chuyện đều dễ dàng, tựa hồ các bậc kỳ tài mọc ra dưới mỗi vó chân ngựa bước. Nhưng còn anh, Gabriel, anh cho phép tôi, anh định kín đáo kiếm nhiều tiền bằng cách nào? Tin tôi, phải có đủ hai điều kiện cùng một lúc, nhiều tiền là cần thiết, nhưng chưa hẳn đã đủ đâu. Quan trọng là phải kín đáo. Phụ nữ không ưa những cố gắng lộ liễu. Đúng, nhiều tiền kiếm ra được một cách kín đáo. Đây là bí quyết trong quan hệ tốt với các bà các cô. Tôi đã phải trả giá đắt mới biết được điều đó. Một ngày nào đó tôi sẽ kể anh nghe chuyện này...

Phía bên kia bàn, ba người nữ đang miệt mài làm rằm. Chốc chốc một người dừng lại, ngẩng đầu, trân trân liếc nhân vật của chúng ta trước khi tiếp tục làm rằm và cười như nắc nẻ. Rõ ràng là họ không nghe những lời gièm pha ấy của cánh đàn ông, họ có chuyện thú vị khác. Vững dạ, Gabriel đưa ra một số thông tin hết sức cần thiết về công việc của mình.

- Tôi nghiên cứu triết học thực chứng.

- Anh bạn trẻ này, tôi xin nói thẳng ra rằng triết học làm tôi lo ngại, thực chứng làm tôi vững dạ...

Cho dù ngờ nghệch về những chuyện đời, Gabriel vẫn nghĩ rằng mình sẽ bị phản ứng như vậy. Mọi ông bố, đặc biệt và chủ yếu là những ông bố có dính đến nghệ thuật, muốn chọn cho con gái họ những người bạn trai có nghề nghiệp vững chắc. Biết làm sao được?

- Đừng hiểu sai đấy, - ông giám đốc âm nhạc nói tiếp, - tôi rất có thiện cảm với anh và chủ yếu là cái thiên hướng.

Gabriel gật đầu. Anh tán thành. Không có thiên hướng, cuộc đời bồng bênh. Anh vừa tìm được thiên hướng của mình: mãi mãi đi theo gia đình này, đi khắp nơi.

Người ta bung ra món đùi cừu nấu sốt bạc hà.

- Kể từ chí năm nay, đây là chuyến vượt biển tồi tệ nhất, - người phục vụ nhận xét, giọng tự hào, - và phụ lặn bị gãy tay...

Ba người nữ, do mãi tập trung vào thao tác ăn trưa do hoàn cảnh tạo nên khá nguy hiểm nên lúc này thôi không dò xét nữa. Họ chăm chăm nhìn vào đĩa thức ăn của mình, vào miếng ăn họ lóng ngóng xúc rồi đưa lên miệng và trò chuyện về lễ Giáng sinh, về những món quà họ sẽ được tặng, phải không, bố Markus? Bố có nghe mẹ con con nói không, bố? Có chứ, tất nhiên là có chứ, mong sao con tàu này hạ cố đi đến nơi về đến chốn. Gabriel lợi dụng sự ngơ ngốt này để tìm hiểu mối tình của mình. Mãi lúc này, anh vẫn chưa liếc nhìn họ. Anh thầm nhắc nhở, điều huyền diệu đang ở đây, bên kia bàn. Và anh đã để dành điều huyền diệu đó, y nguyên tại nơi của nó, bên kia bàn, vì sợ thất lễ. Anh chăm chú nhìn các điểm của trần thế ở bên cạnh điều huyền diệu, ở phía trên, phía dưới. Nhưng không lần nào thẳng chính diện. Không lần nào đương đầu với điều huyền diệu. Còn bây giờ, đã đến lúc rồi. Nào, Gabriel nhủ thầm. Anh cố hết sức bình sinh. Nào! Và thế là anh đưa mắt lần đầu tiên nhìn họ và rồi một lần nữa, và rồi lại một lần nữa... và như vậy, từng phần từng phần một, chiếc má, chiếc trán, một bên thái dương có nước da trong trẻo, một chiếc môi hồng dỗi, lớp lông tơ màu vàng nơi sau

gáy, một dáng vẻ sợ sệt khi siết co các ngón tay, chế giễu khi cau mày, những mảng mảnh đã đi vào cuộc đời của Gabriel như vậy đó và dần dần chắp lại trong lòng anh. Ấn tượng ban đầu không lừa dối. Đúng là có điều huyền diệu ở bên kia bàn. Một điều huyền diệu đáng lo ngại. Họ còn tồi tệ hơn như đã được báo trước, xinh đẹp hơn, giễu cợt hơn, đắm say hơn, ôm đồm muốn đưa mọi việc lại gần hơn, cái gì cũng hòa, hòa mãi. Những kẻ sẽ trốn tránh mãi cũng nhiều hơn.

Ngày nay, anh chàng già Gabriel kể lại với bạn câu chuyện này phải quên đi buổi làm quen thân thiết với từng người, anh chàng phải khóa chặt từng cái từng cái một những chiếc giềng riêng biệt của kỷ niệm để tìm lại được cái rõ ràng của buổi chiều ngày 20 tháng Chạp năm 1900 ấy: họ bổ sung tiếp cho nhau. Với tuổi tác cũng vậy, ta có thể nói họ chỉ là một con người ở ba giai đoạn cuộc đời, lúc sáu – bảy tuổi nàng là Ann, mười tuổi nàng có cái tên mà Gabriel vẫn chưa được biết, ba mươi tuổi (cùng lắm là ba mươi một) nàng trở thành bà V. Knight. Hoặc màu tóc, khuôn mặt hai bím tóc hoe, khuôn mặt tròn (cô gái út), những mớ tóc cuộn trên tai màu nâu đỏ, hơi nặng nề, gài hai bên khuôn mặt bầu dục như trong bức họa của thành phố Sienne (cô gái đầu lòng), một lùm xoăn đen (tàu lúc lắc thế này, cho phép được bỏ mũ nhé? - Mẹ, như vậy trông mẹ sẽ xấu đấy. - Ann, mẹ van con). Và Gabriel đỏ mặt, lại đỏ mặt một lần nữa, khi người mẹ rất trẻ tháo từng chiếc, từng chiếc cặp to tướng giữ đứng nguyên cái công trình bằng nhung và lông vũ.

Những chi tiết khác của ba nhân vật nữ khó sắp xếp hơn: chúng hình như có cuộc sống riêng của chúng. Tất nhiên, không vất bỏ phần thuộc về gia đình Knight.

Tuy nhiên, chúng đòi lại một chút quyền tự do. Tôi muốn nói đến lúm đồng tiền của Ann, một lúm nhỏ xíu, để xem ở bên nào nào? Đúng rồi, tôi thấy lại rồi, ở cằm bên phải, mỗi lần Ann nghiêm mặt một chút (những lúm đồng tiền hiếm, sau này những chuyên gia về lúm đồng tiền nói với tôi: những lúm đồng tiền “bình thường” thì thấy xuất hiện khi cười hoặc cố định hẳn). Thế mà các cô chị cả, ta đốt cháy các giai đoạn, tôi rất có thể gọi cô là Clara, lẫn bà mẹ, đều

không có chút lúm đồng tiền nào. Hoặc giả, vì tôi vừa gọi nhớ tới Clara, cái cổ của cô ta: dài hiếm thấy (cô mới được mười tuổi, tối đa mười hai), trắng, ẻo lả đến nỗi Gabriel xác định nó là một vật lạ trên đời, một bộ phận cơ thể cô ta đã sáng tạo ra để tiện sử dụng, một khoảng cách, giữa đầu và mình, lúc là dải phòng cháy, *no man's land*^[8] khi Clara ngồi thẳng, lúc là một vòm cầu khi cô cúi xuống đuổi đón một miếng vừa xúc đặc biệt bất kham do con tàu bị trùng trùng.

Và Gabriel muốn ồ! Từng bước từng bước một (ta nên nhớ rằng anh không biết tí gì, đúng là không biết tí gì về đàn bà con gái, ngoại trừ mấy vụ ở khu Latin), ồ! Thận trọng để khỏi bị đổ mặt, Gabriel muốn hình dung nét giống nhau khác, những nét thân thiết hơn khi một vật, một vật nặng mà anh chợt nghĩ rằng rất có thể là chiếc gạt tàn thuốc lá to tướng đập vào chiếc giày cao cổ ngắn bên phải của anh. Nhưng không phải, chiếc gạt tàn trôi giạt về phía đầu phòng đằng kia. Rồi sao, sao nữa?

Rồi sau đó sự tồn tại buộc phải ngừng. Đèn tắt, mọi tạo vật của Tạo Hóa rời khỏi vị trí chúng đã được phân định từ bao lâu nay, từ khi có nền văn minh, những tiếng ồn ào man dại từ đâu nổi lên; cốc và chai đập vào thành tàu vỡ loảng xoảng, đồ đạc không bắt chắc vào tàu xô dịch lung tung cày cọ sàn; còn con người, thủy thủ, chủ hoặc khách, họ đã mất tất cả vẻ uy nghiêm. Bằng chứng? Hai thủy thủ chịu trách nhiệm dập tắt đám cháy mới nổi lên đang bò lồm cồm tới chiếc bếp nướng tôm hùm vừa bị lật nhào. Chiếc rương Le Havre – Newhaven từ nãy đến giờ cứ rập rình trên sóng lừng. Ngồi rạp ở mạn cạy tàu và hơi nôn nóng muốn đứng dậy, Gabriel và cái gia đình kỳ diệu của anh cố sức bám chắc vào ghế bành của mình. Bữa trưa đã biến mất, đùi cừu, bạc hà, xúp khoai tây, đĩa, khăn ăn, muối, hồ tiêu đã nhập cụm vào đồng đồ vỡ, ở đằng kia, trong góc trùng trùng phòng ăn. Chỉ còn lại mỗi chiếc khăn trải bàn ố một vệt dài màu hạt dẻ, màu của nước sốt. Và, suốt trong những giây phút nguy kịch dài vô tận, Gabriel đã coi sự kéo dài này là một di tích cảm động, hữu ái đời thường. Ta muốn sống, anh âm thầm gào lên, ta muốn sống, bây giờ không phải là lúc chết một khi điều huyền diệu lộ hiện trước mặt ta, ở bên kia bàn ăn. Cuối cùng chiếc rương quay

về, chậm rãi, bất đắc dĩ, quay về với những tình cảm thẳng đứng tốt đẹp nhất. Tóm lại, lại đứng dậy được.

- Thế nào? - Ông giám đốc âm nhạc hỏi

- Con đói. - Ann đáp.

Tình yêu mạnh hơn cái chết. Gabriel, thoát nạn, qua được cơn bão ngày 20 tháng Chạp năm 1900 mà ký biên niên khí tượng học có ghi lại, có thể làm chứng cho điều đó.

Để lấp liếm những bối rối vật vãnh, Gabriel lảng xảng hỏi hỏ, anh tham gia vào những việc khẩn cấp cứu nguy, dưới cặp mắt tin tưởng của ông giám đốc âm nhạc, ông ta tự nhủ rằng quả thật, ở anh, chàng Gabriel dễ thương này, phần cấu thành thực chứng gây yên lòng đã thắng thứ nguyên triết học đáng lo ngại. Nửa giờ sau, một khoanh đùi cừu mới, nóng vừa phải, tưới nước sốt bạc hà có thể so bì với khoanh lúc này, hình như còn sánh đặc hơn, xúp khoai tây hầm nóng hơn, nghiền nát hơn lúc trước, nằm trên mấy đĩa đợi bà. Elizabeth thiện ý, vì bà mẹ huyền diệu tên là Elizabeth, lúc này đang dùng góc khăn ăn gột vết bẩn trên áo len đỏ Anh đang mặc. Và Gabriel biết điều tự nhủ là không thể ăn trước bà V. Knight được.

Mấy phút sau, cuối cùng vết bẩn biết rằng mình đang quấy rầy nên lùi biến mất. Bà Elisabeth chúc mọi người ăn ngon miệng và thế là cuộc trò chuyện lại được chấp nối. Người bạn và mấy người bạn nữ huyền diệu của Gabriel chỉ quay về London mấy ngày (Hỡi ôi, ngàn lần hỡi ôi, hy vọng rằng tất cả những chấn động của biển cả này sẽ làm hư hỏng vài cơ quan nào đó trong cơ thể ông giám đốc âm nhạc.Ồ! Không bị nặng lắm, chỉ cốt giam chân ông để lại sức, cứ cho là một tháng để tôi có đủ thời gian bám rễ vào gia đình huyền diệu này). Sau đấy, họ sẽ đi khai phá miền Bắc Hungari (Anh biết Budapest chứ, anh Gabriel?), miền Tây Tchecoslovaquie, miền Nam Ba Lan, họ được báo cho biết đám người kéo vĩ cầm tương lai, ở rải rác mấy vùng nông thôn và cả “một chú bé tung hứng thần

diệu trên phím đàn” (đấy là cách nói riêng của đích ông giám đốc âm nhạc) ở vùng giữa Choim và Brest-Litzeck.

- Anh bạn Gabriel có học thức thân mến, anh giải thích thế nào về dữ kiện địa lý, miền Trung Âu là chiếc nồi lớn của âm nhạc. Đôi lúc, vợ con tôi và tôi cứ muốn thay đổi lúc nào trời cũng lạnh, lúc nào cũng xe kéo trượt tuyết, xúp khoai tây... Chúng tôi đã thử đến Địa Trung Hải, lần hồi đi dọc vùng biển, tai động cao. Bản tổng kết thương mại và âm nhạc, con số không. Chẳng có gì hiến tặng thánh giả thanh tao những khúc báo kính đơn điệu, những tiếng ve rên rỉ, khó chịu của đàn măngđôlin...

- Dẫn sao nước Italia. - nhà triết học thực chứng đánh liều nói...

Sai lầm, sai lầm chết người.

- Chắc anh muốn nói tới nhạc kịch. - ông giám đốc âm nhạc nói, giọng đột nhiên trở nên băng giá.

- Không, dạ không đâu. - Gabriel đáp. Loft, Vivaldi.

Muộn quá rồi, hổ to rồi. Cả bốn người nhìn chăm chăm Gabriel, vẻ sừng sốt, khiếp đảm, tựa hồ như chính tay anh đã giết chết Beethoven. Gia đình Knight ghét cay ghét đắng nhạc kịch. Gabriel chẳng bao giờ, chẳng bao giờ đề cập đề tài này nữa.

Gabriel chẳng bao giờ biết rõ lý do gây nên chứng sợ này. Chắc đấy là một chuyện dan díu của ông giám đốc âm nhạc với một *giọng nữ*, lỗi lầm của ông đã được lượng thứ, chôn chặt qua năm tháng im lặng mà cái thằng nhóc ngốc nghếch Gabriel này lại làm sống lại? Hoặc bà Elizabeth không cưỡng nổi sự cám dỗ của tên giọng nam cao? Cũng có thể do những chuyện khiếm nhã mang tính nghề nghiệp, một hợp đồng không được tôn trọng chẳng hạn. Các ca sĩ thích hủy hợp đồng vào giây chót, khi nhà hát đã chật kín người, màn sắp kéo và người thay chẳng tìm thấy ở nơi nào. Như vậy ai

chịu trách nhiệm, ai phải thông báo cái tin hết sức không vui giữa tiếng huýt sao ầm ĩ của khán giả, ai phải hoàn lại tiền vé? Ông bầu, cho dù ông ta có đổi danh nghĩa là giám đốc âm nhạc. Nhưng tôi hình dung ra, chứ tôi chẳng biết tí gì cả. Gia đình Knight biến mất hút cùng đem theo bí mật của mình. Năm mươi năm sau, tôi chẳng mở lại cuộc điều tra ^[9].

Biển đã lặng. Những vách đá mênh mông màu trắng của nước Anh từ lúc này đã che gió và nhạc kịch đã phá hủy tất. Gabriel thử ước đoán đề tài câu chuyện nêu những câu hỏi mỗi lúc một độc đáo: các bác đã nhận biết tài năng như thế nào? Vĩ cầm có khó hơn dương cầm không? Nhưng chẳng ai trả lời anh. Các thành viên trong gia đình Knight giả vờ như không nghe thấy gì, giả vờ đưa mắt qua lỗ cửa kính tròn nhìn ngắm chim mòng hoặc một số cảnh bờ biển, ồ! Tháp cổ thời Trung cổ, tôi đã quên bém mắt nó rồi, ồ! Lại những ngôi nhà giống hệt nhau... chẳng ai chú ý bận tâm đến anh. Điều huyền diệu đã cao chạy xa bay, chắc lẫn vào bão táp, về nơi bên kia chân trời, tại nơi không có nhạc kịch.

- Có lẽ ta chỉ còn đủ thời gian thu xếp hành lý. - ông giám đốc âm nhạc nói khi đứng dậy (và ông chìa tay cho Gabriel). - Tạm biệt anh bạn trẻ, rất vui được làm quen với anh và chúc anh gặp may với môn triết học của anh.

Nói xong, ông ta rời phòng ăn. Sau đó đến lượt bà mẹ và cô gái lớn chưa rõ tên, bà ta mỉm cười với anh rất tử tế nhưng đã không hề cho một địa chỉ nào, điều huyền diệu nhất đã mất linh nghiệm. Không có Ann, cô bé ban phước lành và đáng nguyên rủa, ban phước trọn vẹn cũng đáng nguyên rủa muôn đời, vì không có cô, không có cái câu ngắn ngủi nói khi đi ngang qua cửa cô, nói chơi chơi, mời anh tới thăm chúng tôi. 21 Sloane Street, bố tôi chẳng bao giờ có mặt ở văn phòng của mình, thì cuộc đời Gabriel đâu có là một bãi chiến trường, một sự vắng bóng và thiên đường.

Và thế là họ biến mất. Thời gian Gabriel tìm thấy hai chiếc va li của anh, họ đã biến mất. Gấu chiếc váy xanh nước biển, hai chiếc tất màu trắng đột ngột xuất hiện bên kia ô cửa kính tròn. Một cô gái rất trẻ bước trên cầu tàu vào bến. Sau đó chẳng còn gì nữa. Gabriel đã chạy khắp nơi, gặng hỏi, gọi tên ông Knight, vặn hỏi hải quan, các ông có thấy gia đình Knight đâu không? Không thấy gì. Đứa cháu nội bà Marguerite đã để buột mất điều huyền diệu của mình như bà nội.

Một nhân viên cảnh sát mũi lòng xúc động gần như phải dìu Gabriel ra tàu hỏa và mãi sau này, lần tàu dừng ở Croydon, anh mới hoàn hồn. Anh liền lấy từ trong vali ra quả bóng bằng mút ưa thích của mình và bắt đầu bài luyện bóng. Trên bất kỳ buồng ngăn nào của bất kỳ nước nào khác, chắc người ta đã ôm chặt anh chàng thiếu niên gàn gàn này và kêu tướng lên anh chàng là một kẻ điên. Nhưng nước Anh là nước có lòng khoan dung. Những người cùng buồng ngăn với Gabriel quan sát cảnh đó, lòng không chút bực bội. Một thanh niên để râu và hút tẩu, loại người muốn già đi qua những vật dụng của mình, ngừng rít tẩu một lát và bảo: này. Những hành khách khác quay về phía người vừa nói, ánh mắt họ để lộ vẻ thấy chướng, hình như về chuyện muốn len vào đời tư người khác của chàng thanh niên nọ.

Gabriel lọt vào London (Ga Victoria) trong tình cảnh như vậy, anh vừa đi vừa đập bóng và sẵn sàng đương đầu với trở ngại thứ hai.

II

Ta không thể coi toàn bộ những thứ bao gồm tay, chân và cõil lòng được che phủ màu đen, trường hợp tốt nhất là màu xám, là cơ thể người phụ nữ, toàn bộ những thứ ấy có cuộc đời riêng, quá riêng tư và đau buồn dưới ánh mắt xanh của bà nội Marguerite. Hẳn là Gabriel đã ẩn mình giữa những cánh tay ấy, trong cõil lòng ấy hàng ngàn và hàng ngàn lần. Nhưng một bà nội không có cơ thể. Bố Louis cũng chẳng có cơ thể. Các ông bố chẳng có cơ thể. Người ta ngạc nhiên là bố mẹ chúng ta khuất bóng, vậy thì cái chết của bố mẹ chỉ là một sự trừng phạt những đứa con thờ ơ như chúng ta. Có lẽ nếu chúng ta chú ý hơn nữa tới cơ thể bố mẹ, bố mẹ chúng ta sẽ không khuất bóng. Hoặc quá cố ít hơn.

Cơ thể đầu tiên Gabriel quan tâm, cơ thể đầu tiên không cười nhạo anh, không chạy trốn anh. Cơ thể đầu tiên đón tiếp anh, chấp nhận ánh mắt, những cuộc viếng thăm, những câu hỏi của anh. Cơ thể đầu tiên để mặc anh muốn làm gì thì làm, đó là London. Anh lao vào nói, nhưng một chàng sinh viên y khoa thất vọng lao vào việc giải phẫu. Do Sứ quán Brésil vắng vẻ do chờ mọi người, trừ người gác cổng bạch tạng đã đi nghỉ lễ Giáng sinh, Gabriel đã rào cản bước ngang dọc. Anh lang thang và dẫn đo ngày và đêm. Vào bất kỳ giờ nào. Khắp tứ phía, vào mọi thời tiết. Xác định vị trí các ký hiệu và hé mở các cửa. Dán tai xuống đất và áp tai vào các bức tường. Anh còn gõ gõ những chỗ nối của thành phố, để kiểm tra những phản xạ. Do đó đã xảy ra mấy vụ xô xát tại East End và bị bắt giữ ở công viên Hyde. Nhưng anh chàng bạch tạng đã can thiệp, nhanh chóng giải thoát anh. Gabriel đành lòng thốt kêu lên à! Anh cũng vậy à? Người Anh và người Brésil rất dễ tính trong những vấn đề thuần phong mỹ tục.

Và buổi tối, khi đã hiểu thấu đáo sơ đồ London, Gabriel phát hiện sự cuồng say rất đặc thù của người làm bản đồ. Tôi khuyên anh cứ thử xem. Cảm giác khá lý thú. Khi anh so lại trên tám bản đồ những

phát hiện trong ngày, trái tim anh đập chậm hơn, nhưng mạnh hơn, lòng anh cảm thấy tự hào, thế là anh là người chủ tuyệt đối những phố phường anh đã phác họa, các quảng trường, các bờ sông, thế là anh là cái thần của nơi chốn.

Gabriel đã rất nhanh chóng phân biệt rõ ba thành phố kề cận nhau gộp lại tạo thành London. Ở phía Đông là cảng. Trung tâm là các nhà băng, ở phía Tây, khu vực nhà ở. Vô vàn những thứ khác nhau trên khắp hành tinh dồn về phía Đông. Trung tâm, các nhà băng chuyển đổi mọi thứ thành sự giàu sang. Phía Tây, người giàu sang về sống tại đó. Phía Tây, nhan nhản những vật và người nghèo khó còn nghèo khó hơn cả những vật đón họ trong cư trú của mình. Ở trung tâm, ngự trị giấy tờ, vì các chủ nhà băng quan tâm trước hết đến sự vệ sinh, không có chuyện gì vội vã hơn là chuyển đổi tiếng vỗ bập bênh hồi hám của các vật thành những tín phiếu không mùi. Ở phía Tây, các khu vườn nơi người giàu rong chơi phát triển tốt.

Và Gabriel đi từ thành phố này của London sang thành phố khác, luôn thay đổi không ngừng hình bóng để giữ được bí mật và hòa vào đám đông. Đôi lúc anh chỉ cần một thứ vô nghĩa là đủ để thay đổi hình dáng. Một chiếc khăn quàng cổ, một chiếc mũ cát kết dẹt và anh là một công nhân bốc dỡ ở phía Đông. Chiếc mũ lò xo lén lút bật ngược lên khi đi dọc tháp London và Gabriel bước vào Cité nhưng một chàng thực tập môi giới và đến đầu phố Fleet street, lợi dụng một góc tối, sau khi khoác mảnh che ngực bằng ngà thì anh đã là người phụ hầu phòng của một gia đình đáng tôn kính tại phía Tây, tại Belgravia Kensington hoặc Chelsea. Sự nguy trang không ngừng này làm lòng anh tràn đầy tự hào. Anh có cảm giác bản thân mình là tấm gương lấp lánh phản chiếu mọi vẻ mặt của London và chỉ có bằng cách khéo léo dàn dựng kế hoạch. Đây, - một hôm anh bảo Hội Địa lý khi đưa Hội, nói đúng ra, một bức chân dung hơn là tấm bản đồ, - đây là bức chân dung thật sự của London.

Niềm say mê môn vẽ bản đồ không bao giờ nguội lạnh ở tôi. Càng có tuổi, tôi càng nhận thấy mỗi thiện cảm có phương pháp này tạo dựng tư cách của một con người, một môn khoa học rất cao, một

loại hình sinh lý học thực sự về nơi chốn. Một ngày nào đó, tôi sẽ mô tả Cannes, bạn sẽ như người từ trên trời rơi xuống, bạn không thể tin được...

III

Sáng ngày 31 tháng Chạp, Gabriel tỉnh giấc vì một bài hát nào đó. Nhịp điệu ê a, rồi đột nhiên nhấn lệch, một sự chuyển giọng khó tin về nguyên âm, vài âm gió bị lướt vội, nhưng tiếng của bãi biển dưới bước chân trần, một cảm giác pha trộn giữa mặt trời với nỗi buồn nhớ mặt trời.

– Đây là tiếng Brésil. - Gabriel thầm bảo

Và anh nhảy ra khỏi giường. Ông đại sứ nói oang oang. *Coma vai?* Chúc mừng lễ Giáng sinh. Chuyển đi của anh thế nào? Và các mối tình của anh? Có tin gì từ Rio?

Gabriel khẩn trương mặc vội áo quần, có tiếng gõ cửa phòng anh. Anh chàng bạch tạng cất tiếng bảo:

- Ngài Reinaldo Aristides đang đợi anh.

Gabriel thắt xong cravat và ngắm soi kỹ vào chiếc gương nhỏ, chẳng rõ mình đã nghiêm chỉnh đúng mức chưa? Nhưng anh không hề có chuẩn mực nào để so sánh. Một nhà thức chứng trông như thế nào nhỉ? Lẽ ra trước đây mình đã phải quan tâm đến chuyện này. Thôi mặc xác. Và thế là anh chạy bộ xuống thang.

Căn phòng phủ nhung màu đỏ sẫm gần như lẫn dưới lớp tranh vẽ. Vô vàn tranh vẽ cảnh nhiệt đới. Gabriel ngắm kỹ những cây to tướng, những ngôi nhà thờ rườm rà với cột và thiên thần nhỏ, những khu chợ chen chúc đầy người da đen, những người đẹp với nước da quá bột bết gặp vào buổi dạo lúc chiều tà, trong khi đó phía xa xa, hai chiếc thuyền buồm quay về cảng...

– Nước Brésil kính chào, - một giọng rất êm dịu từ trong bóng tối dội ra (Ông đại diện Reinaldo Aristides Lima không thích ánh sáng).

Gabriel bước lên, miệng không chủ định lấp bắp thốt lên những từ anh cho là đúng nghi thức, xin kính chào, thưa ngài, xin cho phép tôi, tôi có ý muốn nói nước Pháp, xin kính chào, thưa ngài... Một khuôn mặt như mồm cá lớn một mỗi, ngời sáng do nụ cười rất đơn đả lộ rõ dần. Kỳ lạ, chính mái tóc đen, quá đen làm bật sáng chứng hói của ông ta. Mấy ngón tay ông mũm mĩm đang mân mê một thanh đoản kiếm nhỏ sáng loáng. Ông ta nói tiếng Pháp hoàn hảo, thứ tiếng Pháp được phủ vải kỹ chỉ mang ra dùng vào những dịp cầu hôn, những buổi đón tiếp ở Học viện.

- Ông Orsenna, niềm tin triết học của ông hẳn rất vững chắc nên ông đã nhận lời đương đầu với những khắc nghiệt của khí hậu đó để đem lại cho chúng tôi lời hay ý đẹp. Một thái độ dũng cảm nhường ấy khiến tôi phải thẳng thắn: tôi đứng về phía kia. Tôi thú thật với ông rằng, sau khi Dom Pedro II thất thủ, tôi vẫn chờ đợi, hy vọng hoàng đế sẽ quay về. Do bản chất phù du, tôi tin những người Cộng hòa. Nhưng trật tự mới cứ ì ra, trách nhiệm công việc buộc tôi phải học hỏi những cách thức cách tân, có thể rất tốt, nhìn nhận thế giới. Mong ông nhận cho lòng biết ơn của tôi.

Ông ta đứng dậy, chìa tay cho tôi:

- Chúng ta có thể bắt đầu học buổi đầu tiên, sau một giờ nữa. Ông thấy có tiện không?

Và khi tiễn Gabriel, ông ta dừng lại trước một tủ kính.

- Đây là bộ sưu tập của tôi, ông có quan tâm đến dao rọc giấy không, ông Orsenna?

Chắc bị ảnh hưởng bởi bầu không khí ngoại giao của nơi đây, Gabriel đáp rằng một độc giả như anh thì không có thái độ thờ ơ được.

Do đó ông đại diện đã ôm hôn tôi vào lòng. Mãi sau này Gabriel đã hiểu rõ ý nghĩa của cái ôm hôn đó. Ở châu Mỹ-Latin, đây chỉ là một biểu hiện lịch sự đơn thuần. Nhưng vào cái ngày 31 tháng Chạp năm 1900, anh cứ tưởng rằng đây là sự triu mến.

Phải hiểu rõ tâm trạng của anh. Bị tước bỏ mất gia đình Knight, anh hoàn toàn cảm thấy cô đơn giữa London, thiếu thốn mọi sự nhiệt tình. Thái độ của anh đối với Reinaldo Aristides Lima đại loại là một sự tỏ tình với Brésil, với các nhà ngoại giao bị lưu đày, với nhung đỏ. Ông đại sứ thậm nhủ rằng nhà cộng hòa trẻ, rất trẻ này quả là khá dễ thương.

Tình bạn của họ bắt đầu từ buổi sáng đó, từ buổi nhảm lẫn đó. Một tình bạn mà mấy ngày sau Gabriel đã có bằng chứng, khi được mời đến đứng vào rặng sáng buổi lễ, như mọi ngày thứ Hai, một thợ cắt tóc tới cắt mái tóc đen, chẳng bao giờ đen hẵn của một người sáu chục tuổi – có khi còn hơn thế nữa! - Ông Reinaldo (tôi mời anh tới chỗ tôi, anh Gabriel). Một tình bạn duy trì được đúng 3 tháng 9 ngày, tới ngày xảy ra cái chết bi thảm, mà hỡi ôi, dầu sao tôi cũng nên kể lại.

Tòa đại sứ đại loại là một nhà trọ gia đình. Và cũng như trong nhà trọ mang tính chất gia đình, nó bao trùm đồng thời tình cảm lưu đày, màu sắc những đồ gỗ thuê mượn hoặc mua lại của mấy vị mới rút đã nhượng, mùi nhà bếp tường ám hơi nước xốt. Tật sính những điều đơn đặt, niềm say mê cuộc sống bên ngoài, một sự mong đợi thư từ với vẻ hơi thiếu kín đáo, vài ước mơ thăng chức tan vào sự nhẩn nhục chung, cảm giác sống với tập đăng quảng cáo, giữa những con người kỳ dị (một cô gái say mê thể thao đã quá lứa, một gã độc thân chai sạn, một bà dâm đảng vợ một vị tham tán, nhân viên mật mã thu thập tư liệu để viết cuốn tiểu thuyết sắp tới...) và nhất là, hai câu hỏi: đây có thực sự là một gia đình không? Đây có đúng là một cuộc sống thực không?

Trong ngôi nhà trọ ở phố Curzon này, khu trú tại London, phần còn lại là Brésil, thiếu vắng người chủ gia đình. Ông Rio muốn bộc lộ nỗi bất hòa của ông với nữ hoàng Victoria về vụ việc này hoặc vụ việc kia của thế giới? Hoặc giả đạo lý nhiệt đới mách bảo bà hoãn lại việc bổ nhiệm tể nhị này để sau sẽ xét? Dầu sao ông đại sứ nước Cộng hòa Brésil tại Anh quốc vẫn chưa có mặt ở đây. Đứng đầu nhà trọ mang tính chất gia đình chỉ là một vị đại biện. Ông Reinaldo Aristides Lima rất nhút nhát và biết rất nhiều ngoại ngữ, để khỏi phải ngồi vào chiếc bàn làm việc nặng nề bằng gụ dành cho ông ta, ông ta thăm nhủ, người đại diện toàn quyền duy nhất, nên đã ngồi làm việc tại chiếc bàn đồ thờ nhỏ xíu chất đồng các hồ sơ kê lộn vào giữa cửa sổ và chiếc tủ kính.

- Nếu cuối cùng ông là đại sứ thì sao? – Sau này Gabriel hỏi khi hai người đã quen thân nhau.

- Lúc đó tôi sẽ chuyển chỗ. Nhưng rất ít có khả năng. Đây là hai số phận khác nhau. Tin tôi, anh Gabriel, tôi chẳng phàn nàn gì. Mỗi người có một độ cao. Và tôi đã hơn bao giờ hết, vươn gần sát đỉnh cao.

Quả đúng vậy, bàn đồ thờ của ông ta mấp mé chiếc bàn bỏ trống.

- Đây là nơi trao tặng huân chương – anh chàng bạch tạng thăm thì bảo Gabriel khi dẫn anh tới phòng khách danh dự.

Cả sứ quán đang đợi, ngồi theo cấp bậc, từ Reinaldo Aristides đến chị nấu ăn Maria, bỏ ngang qua tham tán thứ nhất Gabeira húng hắng ho trong chiếc khăn mùi soa lụa, tham tán thứ hai Victor Neves, một con người rất dữ dội, tùy viên làm theo hợp đồng. Xavier Guimaraes, bác làm vườn kiêm quản gia Eduard, người chẳng liên quan gì tới đất nước Brésil, mọi người ngồi ngay ngắn trên những chiếc ghế thép vàng dành cho các buổi nghi lễ.

- Ông Orsenna, chúng tôi xin nghe ông, ông mấp mé chức đại sứ Lima nói và giơ tay khuơ theo động tác của một nhạc trưởng.

Gabriel hăng giọng và nhận thấy không một thánh giả nào của anh được báo là phải ghi chép, nên anh liền tuân luôn:

- Isidore, Auguste, Marie, Francois-Xavier Comte, sinh ngày 13 tháng Giêng năm 1798 tại Montpellier, trong một gia đình theo đạo thiên chúa và phái quân chủ (ông đại biện gật đầu). Vào năm 1814, được Daniel Encontre, giáo sư toán học siêu việt và chủ nhiệm khoa thần học đạo Tin Lành ở Montauban chuẩn bị nên ông đã đậu Trường đại học bách khoa. Trường này bị coi là theo phái Cộng hòa và Bonaparte (tốt lắm, ông đại diện nói). Auguste Comte do đó đã dự định xây dựng một trường bách khoa mới tại Hợp Chúng Quốc Mỹ, vì, trong tư tưởng của ông, những người dân chủ cần toán học (nhưng chúng ta có cần nền dân chủ không? Ông đại diện khẽ thì thầm). Song ý tưởng đó không thành. May thay cho lịch sử triết học. Vì nhờ vậy Auguste Comte bắt đầu xây dựng hệ thống của ông. Ông bác bỏ mọi sự tuyệt đối, tổng hợp của Montesquieu, d' Almbert và Rousseau, thuyết thực chứng...

Do thận trọng về mặt khoa học, Gabriel quyết định nhanh chóng lãng xa những giai thoại tiểu sử mà chỉ giữ những nét tư tưởng thuần túy. Sau mười lăm phút ngồi nghe, vị tham tán thứ nhất nổi cơn ho dữ dội nên đã rời khỏi phòng khác. Một lát sau Maria lẫn mất không phải là không có lý do, vào một buổi sáng ngày 31 tháng Chạp, một chị nấu ăn có tất cả mọi quyền hành. Số cử tọa còn lại ngồi ngủ, kín đáo, trang nghiêm, như những nhà ngoại giao đã biết cách xử thế với chuyện đó. Duy nhất có tùy viên thứ hai Victor và vị đại biện vẫn dán mắt vào nhà hùng biện.

Đúng mười một giờ, ông đại biện giơ tay lên. Gabriel dừng lại giữa câu:

- Sự phân biệt nêu ở trên đủ để giải thích tại sao đến lúc gần như cả thế giới đều tin rằng cần phải bắt nguồn từ cái chung và ngược lại ngày nay người ta cần phải bắt nguồn...

- Tôi cảm ơn ông, vị đại biện nói, chúng tôi cảm ơn ông. Ngày mai chúng ta sẽ tiếp tục. Cùng một địa điểm, cùng một giờ. Nhưng tôi không rõ tất cả những điều này có liên quan gì tới đất nước của chúng tôi, nước Brésil.

Sau buổi lên lớp thẩm họa này, ta cần phải hình dung rõ căn phòng trắng đáng buồn của Gabriel, những cuốn sách khó tiêu đáng buồn của Auguste Comte xếp trên chiếc giường khung đồng, những trang giấy chuẩn bị bài đáng buồn nằm ngổn ngang trên chiếc bàn lung lay tuy đã tìm mọi cách chêm chêm, chiếc cửa sổ cánh sập đáng buồn, Saint-Sylvestre năm 1900 buồn chán đáng buồn.

Có tiếng gõ cửa.

Không đợi Gabriel mở cửa, tham tán thứ hai Victor bước vào. Miệng nhoẻn cười, cặp kính tròn, nước da tái nhợt, tóc đen nháy như than, đường ngói chải thẳng tắp ở giữa mái tóc. Ông ta chạy bổ tới bên nhà hùng biện và nắm tay anh:

- Tôi cảm ơn ông, tôi cảm ơn ông. Đây chính là những tư tưởng nước Brésil mới đang cần.

Victor nắm chặt tay phải, đấm đấm vào không trung: đây là những quan điểm có thể từ đó xây dựng một nước cộng hòa. Gabriel thở dài:

- Tôi rất xúc động. Nhưng tôi đã thấy kết quả rồi đây: thất bại hoàn toàn.

- Ông mong đợi ở điều gì khác? Giới hạn ngoại giao nước tôi đã bị những năm tháng sống dưới thời đế quốc làm cho bại hoại.

Gabriel lại ngồi xuống giường và lắc đầu:

- Không phải chuyện đó, tôi đã làm cho họ chán ngấy. Họ ngáp, mọi người hoặc hầu như tất cả mọi người đều ngáp, số còn lại ngủ

thiếp . Kết quả mới thật là đẹp.

- Chính vì vậy mà tôi muốn... Một lời khuyên... Ông cho phép chứ? Đế quốc đã tạo nên những thói xấu, lòng khát khao những câu chuyện, những chuyện vui, những giai thoại, những tinh thần của hoàng đế, những cơn sốt của nữ hoàng, những nỗi buồn phiền của Đại bàng con... Ông rõ ý tôi chứ? Vào lúc thuận lợi, nước Brésil có các cuốn tiểu thuyết. Do đó mong ông thiên về lời kể chuyện.

- Ông nghĩ vậy?

- Tôi tin chắc như vậy. Nhưng tôi không bị thất vọng. Dần dần nước Brésil sẽ nhận ra rằng chỉ có những tư tưởng mới đẹp. Chúng ta sẽ tách ra khỏi cái vỏ bọc mơ mộng. Chế độ cộng hòa là một thể chế không có lịch sử. Chỉ gồm những con người tự do và những cuộc tranh luận ý tưởng. Đây không phải là ý của ông sao?

Thành thực mà nói, Gabriel chưa bận tâm suy nghĩ nhiều lắm tới nền Cộng hòa. Để thành thật hơn nữa, chắc hẳn anh thích có một nền cộng hòa khá bí hiểm, một nền cộng hòa có không ít ảnh hưởng. Nhưng nhiệt tình của ông bí thư đã làm cho anh thấy phần chần.

Người ta có cảm giác, theo lời ông ta, nước Brésil là một nước mới, vừa lột khỏi lòng mẹ như nước Mỹ ở thế kỷ trước, và người ta muốn làm gì thì làm

- Như vậy là, Auguste Comte đã có dự kiến về Trường Đại học bách khoa ở Mỹ?

Và thế là Gabriel phải kể về chi tiết mơ ước lớn ấy của năm 1816. Nghe xong mỗi câu, Vicor lại gật đầu. Đúng, phải xây dựng Trường Đại học bách khoa ở Brésil. Phải, những môn toán là bước đầu luyện tốt cho nền dân chủ...

Sau đó hai người bạn siết chặt tay nhau. Victor quay về với những công việc ngoại giao của ông ta.

Và Gabriel đã có một ý nghĩ khờ dại, vào lúc ba giờ chiều, ý nghĩ lố bịch và tự phụ là đương đầu với các tinh tú mà, rõ ràng rằng, ngày hôm đó đem lại vận hạn cho anh. Nói một cách khác, anh đi tới phố Sloane, số nhà 21, địa chỉ mà Ann đã khinh khỉnh rỉ tai anh trước khi hòa vào đám đông. Phố Sloane là một phố lớn đẹp chạy ngược dòng sông Tamise về phía công viên Hyde và số 21 là một ngôi nhà màu kem có cột lớn ở mỗi bên cổng ra vào. Căn cứ vào biển con trên các chuông gọi cửa, gia đình huyện diệu sống ở lầu ba. Bà mẹ trẻ. Élisabeth, ra mở cửa cho anh.

Bà ta rất nhanh miệng thốt lên :

- A! Anh đây à, anh Gabriel? Tiếc quá! Các cháu đi hết cả rồi. Sáng mai chúng tôi phải có mặt tại Anvers. Do lễ nhạc về Mozart mà chồng tôi hằng mong đợi. Tôi ra nhà ga với bố con chúng bây giờ. Tôi khóa cửa đây. Tạm biệt anh Gabriel. Anh nhớ quay lại nhé! À mà này, nếu có thể anh xách hột tôi cái túi này xuống nhà, anh để nó giữ giùm tôi dưới chân cửa cầu thang. Anh hứa với tôi là sẽ quay lại chứ anh Gabriel

- Dạ, khi nào?

- Tôi không rõ nữa, thật khó trả lời anh. Với ông Markus, chẳng cần biết trả lời thế nào. Có thể sau đây một tháng. Anh cứ ngó các cửa sổ. Từ ngoài phố thấy chúng rất rõ. Nếu có gì động đậy, anh cứ lên. Thế nào, anh hứa nhé? Thôi, tạm biệt anh, anh Gabriel?

Khi bà Élisabeth đóng cửa, Gabriel bước xuống, bước xuống, không ngừng bước xuống. Anh cứ bước xuống mãi cho tới khi nghe thấy nổi lên phía sau mình một giọng nói:

- Anh vẫn còn ở đấy, đấy chứ?

Bà Élisabeth nhìn anh chòng chọc. Và nhà thực chứng của chúng ta có vẻ thất vọng đến nỗi bà Élisabeth phải thốt kêu lên:

- Thôi được rồi, anh Gabriel tội nghiệp, anh tiễn tôi ra nhà ga. Như vậy, anh nghĩ rằng sẽ dễ chịu hả?

Trên xe ngựa, bà ta cứ nhắc đi nhắc lại: anh Gabriel tội nghiệp và cầm tay anh:

- Vì anh say mê hai cô con gái của tôi nên tôi phải giải thích anh rõ : thứ nhất lúc nào cũng sợ sệt, còn thứ hai thì chẳng bao giờ. Chẳng dễ dàng gì đâu, anh Gabriel tội nghiệp, tôi chẳng muốn khuyên bảo anh nhưng đành vậy, sự vắng mặt này là tốt cho anh, anh hãy lợi dụng dịp này để tập dạn dày dờn chút. Chẳng dễ dàng gì đâu, ô! không đâu, anh Gabriel tội nghiệp. Cũng may là chúng còn rất trẻ. Đúng, anh còn thời gian để dạn dày trước khi gặp lại chúng. Anh hứa chứ?

Xe rẽ trái, ngoặt sang phố Pimlico, Bà Élisabeth ngồi nhích lại. Gabriel cảm thấy chân, hông, tay bà áp sát người anh. Bà ta quay sang phía anh. Bà ta ôm anh vào lòng. Bà ta nhìn thẳng vào mắt anh, đôi mắt mà anh cảm thấy hổ thẹn, đôi mắt của một chú học trò rầu rĩ, đôi mắt anh rất muốn đem đổi ngay lấy đôi mắt của kẻ quyền rũ, như kim loại và cười cợt, nhưng ở Pimlico, chẳng ai đem mắt đi đổi.

- Anh Gabriel, trước khi tất cả những chuyện sắp diễn ra được bắt đầu, tôi muốn hỏi anh, với anh, người đàn bà là thế nào?

Gabriel nghe rất rõ tiếng bánh xe gỗ lăn trên mặt đường, sau đó tiếng bà Élisabeth, tôi hỏi anh đấy, người đàn bà là thế nào? Xe dừng lại. Quanh họ, mấy phu khuân vác gào lên tàu nào? Các bác có biết đường số mấy không ? Họ đã tới nơi. Bà ta bảo, ôm hôn tôi đi, anh Gabriel.

Nhưng chính bà ta lướt môi trên miệng anh.

Gabriel đứng một mình giữa Đường Cung điện Buckingham, thoáng mùi nước hoa của bà Élisabeth, có mùi nước hoa Oriza, thế mà lại là người cung cấp cho triều đình Nga, như người ta đã quảng cáo trên khắp các tường nhà ở Levallois, đúng, cho triều đình Nga và nhiều triều đình nước ngoài, có thể ngay cả cho triều đình Anh.

Hôm sau, Gabriel đã thay đổi căn bản phương pháp sư phạm. Cử tọa đã rút lui bớt: chỉ còn ông đại biện, ông tham tán thứ hai, người theo phái Cộng hòa, và ông tùy viên làm theo hợp đồng. Nhưng những người vắng mặt đều có lý do: hôm nay là mừng 1 tháng Giêng...

- Theo Auguste Comte, - Gabriel bắt đầu, - việc xây dựng tư duy là không thể tách rời với sự nở hoa của tình cảm...

Ba thánh giả, sắp chìm đắm như hôm trước trong nỗi ưu sầu ngoại giao, vươn thẳng người trên ghế thép vàng và đồng tai.

- Auguste gặp Caroline trong các phòng trưng bày ở Palais-Royal...

Và Gabriel đã giải thích, không phải là không chi tiết, cái nghề cổ xưa nhất thế giới được tiến hành trong những cái gọi là phòng trưng bày ấy và những phòng cho thuê có sẵn đồ đạc ở quanh đấy là nghề gì. Ông đại biện cau mày khó chịu. Nhà hùng biện đã trả lời trước khi có ý kiến phản đối và dẫn ví dụ về Christ. Người cũng tỏ ra khoan dung với Marie-Madeleine và thế là đôi mày liền hết cau. Còn ông tùy viên làm theo hợp đồng, những đêm ở London đã cho ông thấy rằng sự khác nhau của những mối tình trả tiền, muốn nói sao thì nói, là vô tận. Ông ta nháp nhẩm chỉ những giờ tay hời các chỉ dẫn chính xác về Palais-Royal, địa chỉ đích xác, giờ giấc, giá cả... Tóm lại, Gabriel đã níu giữ được cử tọa.

Anh kể chuyện bà Massin, diễn viên hài kịch, đã ngã giá trình tiết của cô con gái bà ta là Caroline với một luật sư, ông Cerelet, ra sao.

Cô gái bị kẻ bề hoa nhanh chóng ruồng bỏ, đã trở thành một gái điếm thế nào. Cô đã vật nài một vị khách, Auguste Comte dạy đại số cho cô ta như thế nào. Tình cảm quyến luyến giữa hai bên nảy sinh ra sao.

Hỡi ôi, quá khứ của cô Caroline đè nặng lên quan hệ của họ...

Dần dà, phòng tiếp khách của đại sứ đầy người kéo tới. Chẳng rõ do đâu bị báo động, đám cử tọa cứ giẫm chân sốt ruột. Trong số họ có mấy người Anh. Nhưng tuyệt đại đa số là người Mỹ-Latin. Chẳng còn chiếc ghế thép vàng nào bỏ trống. Những người đến sau phải đứng nghe. Làm ra vẻ như vô tình, chị đầu bếp Maria đã rời bỏ bếp núc. Chị ta lạch bạch, háo hức muốn biết phần tiếp theo.

Lúc đó Gabriel nhìn thẳng vào ánh mắt Victor, tham tán thứ hai theo phái Cộng hòa: đã tới lúc đưa nhỏ giọt vài lời dạy thực chứng vào câu chuyện của anh. Đã đến lúc Auguste Comte nghĩ tới hôn lễ. Ông viết thư về nhà xin phép hai cụ thân sinh. Hai cụ từ chối. Vì lý do mà ta đã phỏng đoán? Phẩm cách xấu của người vợ chưa cưới? Hoàn toàn không phải như vậy. Hai cụ đã được biết Auguste và Caroline đã chung sống dưới một mái nhà trước khi tổ chức lễ cưới (Chà! Chà! đám cử tọa rộ lên. Suyt. Maria bảo).

Nhà triết học mở cuộc thập tự chinh thực chứng. Quân lực ở trước mặt đã rõ: một bên đầu óc thiên cận, tuổi tác đã luống, một bên thời buổi hiện đại và tình yêu. Thưa quý ông và quý bà, giai đoạn quá độ thật rất khó sống: tư tưởng mới chưa đủ sức thắng hoàn toàn tính ích kỷ, những tín ngưỡng tôn giáo.

Một phụ nữ đứng dậy, để phản đối. Gabriel chỉ kịp thoáng thấy chiếc khăn trùm dài của chị ta. Những người ngồi bên phải kéo chị ta ngồi xuống. Ngồi dãy đầu hàng ghế thép vàng, Victor gật gù. Ông ta vắn môi, mấp máy không thành lời, hết như ta nói với kẻ điếc, những lời: tốt lắm, tốt lắm. Tốt lắm, Gabriel, tốt lắm...

Hoàng sợ trước ý nghĩ rằng một ngày nào đó tên tuổi mình sẽ xuất hiện trên một cuốn sách của anh con trai Auguste được dẫn như một trường hợp điển hình trốn tránh tiến bộ của nhân loại, hai cụ thân sinh Comte đành phải chấp thuận.

Những người làm chứng của nhà triết học là các nhà toán học. Nhưng còn Caroline, nàng đã chọn ai?

Nêu câu hỏi xong, nhà diễn thuyết liền rời khỏi phòng khách.

Tôi không rõ Gabriel đã phát triển một chút hay không những tư tưởng thực chứng. Nhưng những chuyện kể đăng tải của anh đã lôi cuốn suốt nhiều tuần lễ đám quần chúng trung thành. Sứ quán Brésil khước từ không tiếp ai để được nghe tiếp từng chương hồi một. Thật đáng tiếc, nhà diễn thuyết thăm nghĩ khi đưa mắt liếc nhìn những khuôn mặt đàn ông và đàn bà căng thẳng chú ý, rất tiếc là gia đình Knight đã rời khỏi London ! Họ sẽ hiểu rằng trên đời này chẳng phải chỉ có mỗi âm nhạc. Hỡi ôi! Các rèm cửa ở phố Slome vẫn im lìm...

Chàng Orsenna trẻ tuổi của chúng ta đã từ bỏ sự thật. Say sưa với thắng lợi, do bị nổi khát vọng muốn được kể chuyện lôi cuốn. Gabriel lao vào những câu chuyện chẳng liên quan gì tới Auguste Comte. Trong một lần dẫn chuyện, anh cố tự bào chữa. Chẳng hạn, anh tuyên bố Ba người lính ngự lâm, thực ra là một câu chuyện bịa mang tính triết học, Aramis không đại diện cho thời đại thần học đó sao, thưa ông đại biện, thưa các quý ông, quý bà, Athos- thời đại siêu hình, Portos- thời đại thực chứng và d'Artagnan – nhà triết học chuyển từ thời đại này sang thời đại kia đó sao?

Cử tọa gật đầu: tốt lắm, đừng mất thời gian nữa, chuyện gì đã xảy ra với các ông ngự lâm ấy?

Và nhân vật của chúng ta say sưa kể về bà Bonacieu, chuỗi hạt kim cương của hoàng hậu, tất cả các cuộc phiêu lưu của một người tròn trĩnh rất mực anh hùng.

- Hết rồi à?- Cử tọa thở dài khi Gabriel ngừng lời,- Trên vai bà Winter đã sẫm hình gì, ông làm ơn nói cho chúng tôi biết đi, kéo đem nay ngủ không yên? Dẫu sao, thuyết thực chứng muôn năm! Lại còn ông Aramis làm tôi rất có cảm tình...

Một số buổi tối, như hôm nay, trong ngôi nhà ở Cannes-la-Bocca, thường là sau khi uống cốc rượu vang mêđôc, nhân vật của chúng ta thầm nhủ có lẽ anh đang sống một cuộc đời khác với cuộc đời của mình. Chính nỗi đam mê muốn được nẩy lên, nên anh phải chịu trách nhiệm về một sai lầm. Thế mà nghề nào sẽ tạo đà nẩy mạnh nhất, sản xuất cao su hoặc viết các bài đăng tải? Tiểu phẩm đăng tải thực sự, tiểu phẩm đã bắt một đất nước phải hàng ngày chứng dừng lại, vào giờ nhất định để hiểu biết, tiểu phẩm đăng tải nuôi dưỡng các chuyện đàm thoại và những cảm giác bút rứt sốt ruột, tiểu phẩm đăng tải thực sự có vô vàn lò xo và cốt chuyện chẳng bao giờ hẫng rơi, nó làm nẩy sinh các cuộc chiến, những thành phố, những mưu toan vô tận, những đứa trẻ của tình yêu, hàng chục và hàng trăm nhân vật, một đám người lúc quyến luyến, lúc độc ác, nhưng luôn có khả năng sinh sôi nẩy nở những nỗi hựu quanh xuống Cannes-la-Bocca về đêm, khi lũ chó giữ nhà sửa đáp lại nhau, từ ngôi biệt thự trống trải này sang ngôi biệt thự trống trải kia...

IV

Giờ mãi giờ hoài những tạp chí của Janeiro để trên chiếc bàn thấp, làm rằm học những động từ không theo quy tắc của tiếng Bồ Đào Nha hoặc bắt đầu tìm hiểu qua các cuốn anbum đồ lớn khoa sâu bọ có cánh ở nhiệt đới, nhưng vẫn không hết ngày. Ngày giữa hai câu chuyện thực chứng cứ dài lê thê. Các đồng hồ đều đình trệ. Tuy đã làm quen với những cảnh tượng buồn chán, các nhà ngoại giao đều thót tim khi thấy Gabriel. Họ mời anh vào văn phòng họ, định giải khuây cho anh với những tin tức ở bên ấy, mời anh uống cà phê của São Paulo và kể anh nghe những giai thoại: “Tín tôi, anh Gabriel, khi tôi đang chức tại Copenhagen, có Trời mới biết được giết thời gian tại Đan Mạch khó chừng nào, tôi bắt tay vào công việc trạm trở ngà voi, kín đáo, ngay tại phòng làm việc của tôi, trạm trở những chiếc răng nhỏ của kỳ lân biển, chính nhờ vậy mà tôi đã phát hiện ra một quy luật bí mật, tôi tiết lộ anh nghe, anh Gabriel, trông anh thật thiếu não, quy luật đó là như sau: càng lao vào làm những công việc tần mẫn, thời gian ngoại cảnh càng trôi đi nhanh hơn... thời gian càng lắng dịu...”

Nhưng nỗi đau trầm trọng thêm và sự quán run sợ mất thầy dạy của mình, một ông thầy thật thú vị và rất biết cách đưa đẩy làm tiêu hóa được những điều hóc búa của triết học lý thuyết. Và không có nhà thực chứng thì học sao nổi thuyết thực chứng? Và không có thuyết thực chứng thì tiến thân thế nào được trong đất nước Brésil hiện đại, cộng hòa và thực chứng? Ông đại biện triệu tập những người cộng tác chính của ông lại:

- Phải trao việc cho anh chàng người Pháp trẻ tuổi này, nếu không anh ta sẽ bỏ chúng ta.

Tham tán thứ nhất thở dài:

- Thưa ngài, ngài biết rõ điều đó có nghĩa là thế nào.

Tất cả các nhà ngoại giao đều phát biểu. Họ biết rõ, ở sứ quán, công việc rất hiếm hoi, một người rời bỏ sẽ làm tăng tỷ suất buồn chán chung lên nhiều nấc. Sau khi thảo luận kỹ, phải giải quyết bằng cách hy sinh.

Rạng sáng hôm sau, tùy viên làm theo hợp đồng Xaviet Guimaraes tới tìm Gabriel. Ánh mắt ông ta sầm tối, như vậy là anh đã chiếm mất nghề của tôi à? Gabriel ra sức phản đối, anh chẳng muốn tin ông ta. Đối với anh, giặt quần áo là thiên hướng của các thiên hướng, một thứ tôn giáo không tôn giáo...Anh chỉ thoát ra khỏi sự hờn dỗi một khi ra tới cảng.

- Đây là kho cảng Sainte- Catherine...

Đây là vòm cầu, là mục quảng cáo hàng, là cả hành tinh, sự miệt mài buôn bán, sự trao đổi cuồng nhiệt những ba lô đồ lầy các rương, những thùng ton nô đồ lầy bao bì, một mẫu của Ceylan đồ lầy một khúc của Trimidad, đồ thủy tinh của Murano, những nanh voi màu vàng khè, tựa hồ như voi cũng hút thuốc lá, những tù nhân Boer có lính vây quanh, những người bảo hiểm Lloyds, người đo thời gian ở Greenwich với thời gian thực sự trên tay, một đoàn tuần tra của Đội quân cứu tế... Để ra bến tàu, người ta phải va chạm tứ phía, bị một đoàn xe chờ chère xô đẩy, bị chết bẹp vì một chuyến bốc đinh hương, bị ám mùi rượu, mùi cà phê, mùi quế, mùi cây y lăng, mùi hắc của rơm, mùi cá trích...

Ông tùy viên bơi rất khá giữa biển này, sỏi tay và những cú đâm liên tục xen kẽ nhau, ông luôn mồm gọi lối này, ông Orsenna, đi lối này. Đột nhiên con tàu xuất hiện, sừng sững và trắng toát, kêu kỳ giữa các cành nhánh, buồm thu cuộn dưới lớp cánh chim mỏng và thế là cầu tàu nhộn nhịp hẳn lên: bắt đầu dỡ hàng.

Lại phải tranh giành để giăng giặt những sọt bằng liễu gió, một ông giám đốc sở thú khẳng định rằng đây là những sọt nhốt khỉ từ

Malaysia gửi tới, một ông lái buôn ở phố Fleet thề có Jupiter chứng giám rằng đây là các đồ bạc của Bôlivia, suýt nữa xảy ra ẩu đả. Cảnh sát vội chạy lại, người ta mở các sọt ra, các ông thấy đấy, ông tham tán làm theo hợp đồng nói, chỉ có quần áo bản từ Mỹ gửi sang. Nếu vậy lũ khỉ của tôi đâu rồi? Ông giám đốc sờ thú gào lên. Một nhân viên hải quan tiến lại gần: quần áo của ông, chúng không lây lan bệnh tật đấy chứ? Chúng tôi xuất trình giấy chứng nhận. Sau đó còn phải đợi thêm hai tiếng đồng hồ nữa mới thấy các xe chuyển hàng rẽ đám đông kéo tới. Ngày đã rạng, trời lúc xanh lúc đen, các đám mây từ phía Tây kéo tới và lại vội vã trôi giạt đi.

Ngồi vắt vẻo trên đồng thùng, cuốn sổ mở rộng trên đùi, tay trái cầm lọ mực, tay phải nâng bút ngòi sắt, ông tham tán làm theo hợp đồng bắt đầu ghi chép. Năm mươi tám kiện bằng liễn giở nâu được xếp lên từng kiện một: gia đình São João Branco ở Belem, rồi, gia đình Medeiro de Vã d' Obidos, rồi, gia đình Fiato Passos ở Santarem, rồi, gia đình Nelson, Constancio Alves, João Goanha ở Manaus, rồi, rồi... đây là xã hội tốt nhất ở Amazone, ông tham tán làm theo hợp đồng vừa nhắc lại vừa kiểm tiếp, giới quý tộc cao su, ông ta hớn hờ về tự hào: nếu tôi có thể khuyên ông, ông Orsenna, phải rất cẩn thận trọng trong công việc kiểm kê, chỉ cần một kiện bị thất lạc là ông đại biện sẽ nhảy dựng lên. Thế này sẽ làm ngày chóng tàn hơn, do bắt buộc phải làm tốt công việc, do tinh thần trách nhiệm. Gia đình Moreira ở Porto Velho, rồi, Nam tước Canudos ở Litivia, này, một vị độc thân, rồi, đây là kiện cuối cùng, ông có chắc không, nếu vậy ông ký vào đây. Và đoàn xe nhích dần nhích dần từng tí một. Ba chiếc xe bò rít cọt kẹt và lắc lư rời khỏi bến kho Saint-Catherine. Một người Xích lực lưỡng đen như mực do bên cảnh sát Bồ Đào Nha cử tới đã chịu trách nhiệm mở đường, đẹp, đẹp, nhường lối cho hàng chở từ Brésil.

- Ta đi đâu?- Gabriel hỏi, giọng rất thiết thực.
- Tới Cornuaille. Chỗ ấy nước trong nhất.
- Có nhiều gia đình đưa quần áo sang Anh giặt không?

- Gia đình giàu sang, ông Orsenna, gia đình tinh hoa của Brésil. Ông thấy đấy, gia đình tinh hoa của chúng tôi rất thích sạch sẽ. Nếu ông được thấy sông Amazone, ông sẽ rõ. Đấy không phải là một dòng sông, đấy là đất pha loãng trôi giạt. Ông, ông Orsenna, liệu ông có thích giặt quần áo của ông trong đất không?

Tất nhiên là Gabriel trả lời không rồi, anh chẳng thích thú gì.

Anh chậm rãi đi qua, một xứ sở của các khu vườn xanh tốt và các ngôi nhà trắng với cửa chớp đen. Chiều tối buông phủ rất nhanh như ở Brésil, ông tùy viên nhận xét. Đây là câu đầu tiên ông mở miệng thốt ra từ khi rời London, đoàn xe dừng lại trước một quán ăn. Năm mươi tám kiện cùng tất cả các chỗ nhor bản của chúng được đưa vào nhà kho để tránh mưa.

Trước khi ngủ, Gabriel tự hỏi hồi lâu rằng không biết hoạt động giặt giũ có phải là một cách tốt để chuẩn bị cho những mối tình trắc trở không đây. Làm cách nào để tập dạn dày? Anh mơ ước các chị thợ giặt tóc hung đỏ có đôi mu bàn tay ráp cứng, còn lòng bàn tay dịu dàng, những cô nàng mũm mĩm sắc sảo, nói năng hoạt bát, ve vuốt thẳng thừng, anh mơ ước những nốt ruồi, những chiếc corsê rực rỡ, những chiếc tạp dề dễ cởi nút buộc, những khối tròn tròn để cắn, chỗ trũng để lấp đầy. Và sự chính xác cuối cùng, trong giấc mơ đó nồng một mùi nước hoa bất lịch sự nhất ở Anh, sự tươi mát tỏa lan mùi xà phòng Marseille.

Hôm sau, các kiện được đếm lại, bốc lên xe và đoàn xe lại lên đường. Trời nhạt dần và lũ ngựa cứ cúi gầm đầu như đang tìm kiếm những đồng tiền vàng rơi trên đường. Mấy bác xà ích dựng cao cổ áo và kéo sụp mũ cát kết xuống, nên từ phía trước xe tưởng họ như những khối đen tròn tròn có cằm roi. Mưa rào liên tiếp đổ xuống, lúc bình thường, ý Gabriel muốn nói là giọt mưa rơi thẳng đứng, lúc rơi xuyên ngang. Thường thì mưa đổ từ trên xuống dưới, như Newton đã mô tả rất chính xác, nhưng đột nhiên, do bị một luồng gió thổi, nước lạnh buốt tạt thẳng vào mặt, thốc qua hàng cúc, qua bao lần

lớp len, ngấm và da thịt do đó, nước nhỏ giọt hoặc sau lưng, suốt dọc xương sống xuống tận mông đít, hoặc phía trước, qua ngực và rốn xuống tận một giới vật đã bắt đầu hơi vênh vác, phải thú nhận điều đó. Một khi cái cảnh nhúng nước này được thực hiện, mưa rào tạnh. Mưa nhường chỗ cho gió, gió to trong cơn bão. Vài phút nổi gió, quần áo, ngay cho dù sũng nước đến đâu, cũng đều mất hết mọi dấu vết ẩm ướt. Ánh mặt trời lọt qua một lát, chắc đem lại nét chấm phá cuối cùng cho cảnh II, cảnh sấy khô. Nhưng một đợt mây mới nhanh chóng kéo tới nghiêng ngáu nuốt tươi nó. Trận mưa rào tiếp theo lại đổ xuống. Những giọt mưa đầu tiên quất xuống cỏ trên bãi bên cạnh.

Sau hàng giờ và hàng giờ sống trong thủy chế đó, Gabriel buộc lòng phải công nhận rằng tinh hoa Brésil đã có lý: ở Mỹ - Latinh chắc có những nhà máy giặt có thể chấp nhận được nhưng việc giặt giũ được liệt vào thiên tài ngay tại Cornouaille, nó được ghi trong khí hậu của Cornouaille...

Vào quãng giữa buổi chiều, Gabriel không còn chịu được cơn lạnh và đói. Anh hết sức luyến tiếc Levallois đến nỗi gần nơi trái tim anh tỏa chút hơi ấm tựa hồ như nó đặt cạnh một bếp lò được duy trì bằng từng thanh từng thanh củi, từng nỗi luyến tiếc.

Đột nhiên, đang giữa trận mưa rào bất ngờ đặc biệt dữ dội, ông tùy viên choàng thoát khỏi chứng lạng thình và hét to vào tai Gabriel: kia rồi. Gabriel hé một xăngtimét chiếc mũ chùm của áo măng tô lên. Họ đã tới đỉnh một ngọn đồi trông ra biển. Quanh họ, những chấm trắng phơ trên các dây trái dài hàng hecta.

- Ông thấy đấy, - ông tùy viên nói, giọng hăng hản lên, - chỉ có việc treo quần áo, còn Đại Tây Dương giặt giũ.

Dưới chân đồi, những thuyền đánh tôm trú trong một cảng nhỏ xíu có con đê bằng đá xám che chắn. Khói tỏa từ một ngôi nhà duy nhất nhưng liền bị tan dưới làn nước mưa; những chấm nhỏ di động đi lại trên bãi biển hoặc đậu trên các xuồng lật úp; những con chim mòng.

Cứng đờ người như hóa đá. Chân tay anh không chịu đáp lại ý anh. Một bác xà ích đã phải bứt anh ra khỏi ghế xe và gần như phải bế anh đến bên đống lửa than bùn. Mãi tới khi các ngón tay anh cảm nhận thấy miệng chiếc tách và làn hơi quen thuộc của vị chè bốc lên mũi, anh mới giụi mắt và đảo nhìn quanh.

Một nỗi thất vọng khủng khiếp. Và nhà thực chứng nhay bén với những nỗi thất vọng, có lẽ hơn những người khác.

Những chị thợ giặt không có vú (hoặc có thể vú bị giấu kín dưới lớp áo đồng phục xanh nước biển), không có mái tóc hung (hoặc có thể tóc bị nhốt trong những chiếc khăn chít hồ bột), không có nụ cười (hoặc có thể rất ích kỷ, chúng đảo lộn quay vào phía trong), không có ngay cả những bàn tay (nằm khuất sau đôi găng)... Người ta bảo đây hẳn là một tốp y tá, một đội cô giữ trẻ, chứ không phải là những bà đứng tuổi. Họ không để lãng phí thời gian. Những thứ đựng trong năm mươi tám kiện liền được đổ ra trên các bàn rộng lát gạch vuông và được bắt đầu xếp loại.

Bên phải là những thứ bị ố dịch nước, xòm, mất hút. Ở giữa – máu. Bên trái – các sản phẩm tự nhiên, xoài dập, bã ép maracuja, các vết ca cao. Ông tùy viên làm theo hợp đồng kiểm tra xem tên các gia đình có được viết nắn nót, bằng mực tàu, trên mỗi chiếc áo quần tại một chỗ kín đáo không, chỗ sâu trong phần lật ngược, mặt trái cổ tay. Các bà thợ giặt Thiên chúa giáo làm dấu thánh, tôi xin kính chào Marie, Confiteor, trước một số rác rưởi của vùng Amazone. Nhưng các bà người Anh này giám sát, phân loại, có sức tưởng tượng của một người thợ giặt. Không một tiếng cười, không một lời bình phẩm... Thế mà chẳng thiếu gì dịp: không biết nhà Goanha đã làm những gì mà áo ngủ giầy bản thế này? Và mấy mụ vợ Riobaldo? Đòi thuở nhà ai người văn minh lại làm ố bản chiếc corxê đến mức này? Và những vết ố mờ hôi, loang tròn quanh vùng nách, chỉ tại do khí hậu, cái thứ khí hậu khủng khiếp ở xích đạo hay do tại những hơi nóng ẩm lòng hơn và tỏa dòn dập? Còn máu, máu đâu ra lắm thế, giầy ra áo sơ mi, ra quần, lúc chỉ là những chấm hồng hồng như từ một vết cắn rỉ thấm, lúc là những vết hồng điều,

loang rộng phải bằng miệng bát tô? Chẳng rõ ở Brésil xảy ra chuyện gì vậy?

Thấy mình bị xô kéo vào hậu trường cuộc sống thô lỗ như vậy, hai má Gabriel đỏ bừng. Anh tuyệt vọng tìm kiếm giữa đám thợ giặt này một kẻ tiếp tay. Một ánh mắt long lanh thả mồi bỏ bả, một sự ưu tư mơ mộng ban đầu được thể hiện qua cặp lông mày. Nhưng chẳng có gì. Mấy nàng thợ giặt vẫn thản nhiên lựa chọn đồng quần áo bẩn.

Ông tùy viên xuất hiện trên ngưỡng cửa.

Vừa thấy Gabriel, ông chạy lại phía anh.

- Nhanh lên, nhanh lên, ông Orsenna, bà giám đốc muốn gặp ông.

Gabriel đi theo ông ta.

Ngày nay người ta chẳng còn nhớ tới nước Anh, một nước Anh đã thống trị thế giới. Người ta đã để mất khái niệm về các đế quốc. Gabriel muốn quất bóng bật ngược trở lại để giúp bạn quay ngược thời gian, tìm về cái bối cảnh đó. Một anh thợ đóng giày quèn ở St-James, một người làm mứt vớ vẩn ở Picadilly đều cảm thấy mình là trợ lý của hoàng đế. Các nhà buôn Anh cứ ngỡ rằng mình là những động lực của vũ trụ. Sáng ra, khi ngủ dậy, họ bận rộn một cách giả tạo trước nhiệm vụ trong ngày: làm quay trái đất. Phải nói rằng mặt trời không lặn trên các quây hàng của họ. Do đó, họ tự cảm thấy mình thuộc giòng giống riêng của vũ trụ. Do đó họ đâm kiêu căng.

Gabriel yêu cầu bạn loại khỏi trí nhớ bạn các vị chủ quán thường ngày, các tay Biroteau quèn, lũ gián chợ đen của bạn. Bạn nên tưởng tượng đến một nữ hoàng, một Élisabeth Đệ Nhất, một Catherine Vĩ Đại, tóc trắng như tuyết vắn quanh trên trán, mặt dài, gò má cao và có ánh mắt của xơ bẻ trên trong tu viện thì hơn.

- Như vậy anh là người Pháp, - bà ta nói. – Tôi đoán được ra ngay. Người Pháp bản thậm tệ.

Sau đó bà ta quay sang phía ông tùy viên: tôi chẳng bao giờ rõ tại sao cả. Nước Pháp cũng có mưa như ở ta, và lại cả sông ngòi nữa.

Gabriel cứ muốn chui xuống đất. Anh đã phải nán lại suốt phần còn lại trong ngày tại đây trước khi quay về London trên chiếc xe của nhà ngoại giao Tây Ban Nha (có một số người giàu ở Madrillènes cũng đưa áo sơ mi của mình tới Cornouaille để giặt).

Orsenna Gabriel, nhà kinh doanh, gần như có thể coi là chỗ bằng hữu của phong trào Giải Phóng, và suốt đời say mê chỉ hai người phụ nữ, lẽ ra phải trau chuốt cách ăn mặc của mình hơn nữa. Ý kiến của những người gần gũi anh quy tụ vào điểm sau đây: Gabriel thường hơi chênh mảng một chút. Gabriel thú nhận điều đó. Cuộc hành trình này đến Cornouaille không phải là lý do cáo lỗi. Anh chỉ góp phần bày tỏ một sự mến mộ nào đó đối với tính ở bản, thật ra không thể dung thứ được.

V

Thực lòng Gabriel còn muốn giữ chân người kể chuyện – ngoại giao này thêm một thời gian nữa. Sự thành công trước đám đông trong các buổi nói chuyện của anh cứ dồn dập không dứt và một số nữ hay lui tới, đặc biệt Amaranta, cô con gái vị đại sứ Dominicanaa, một con quỷ cái mười sáu tuổi, khi ngồi cứ cố uốn éo ngay cả cặp mông, hoặc bà Shandy, một nhà tiểu thuyết người Êcốt. Ba mươi người dự thính mở rộng nữa có mái tóc vàng hoe, toàn bộ họ đã để lộ qua điệu bộ và vẻ mặt tỏ cho anh thấy rõ ràng rằng việc tôn thờ Auguste Comte có thể được lễ tay đôi trong một căn phòng khép cửa then cài.

Phải nói rằng tỷ suất thực chứng hạ rất thấp trong các buổi nói chuyện của anh. Mặc dù ông tham tán thứ hai theo phái Cộng hòa là Victor đã khiển trách (quả thật, Gabriel, anh có cả bộ đồ ăn mút lê, thế mà anh lại say mê cái thứ thực quý nhạt nhẽo), nhưng anh chỉ toàn nói về tình yêu, mỗi buổi nói chuyện anh đưa ra độc mỗi châm ngôn nặng nề (“ưu thế chủ yếu của Vĩ nhân là ở chỗ bản thân các cơ quan của ông ta là sinh vật cá thể và tập thể”, “lương tri ấy, được Descartes và Bacon ca ngợi thật công bằng như vậy, ngày nay phải ở trong tình trạng trong sáng và có hiệu lực hơn trong các tầng lớp thấp kém, căn cứ vào thiếu sót thích hợp ấy của nền văn hóa kinh viện làm họ ít có khả năng đạt tới những thói quen khó xác định”...) châm ngôn nặng nề được anh bọc đường, một câu chuyện dài lê thê về lễ cưới, hoặc bọc lưu huỳnh, phần đầu, ồ! chỉ là phần đầu của sự cởi bỏ áo quần.

Và chính tại căn phòng tử tù màu trắng của anh, nằm dài trên chiếc giường quá êm, anh đã giành những giờ phút trong ngày để chuẩn bị cho các buổi tham luận vào buổi chiều, bằng cách đọc Những mối quan hệ nguy hiểm và Cuộc đời của Marianne, Moll Flanders, Clarissa hoặc truyện về một thiếu phụ trẻ...Chốc chốc, anh rời sách, bước vài bước, đi đến bên cửa sổ đưa mắt nhìn ra

ngoài trời, và rồi lại quay về nằm trên giường, miệng buông một tiếng thở dài: quả thật, mấy phụ nữ này kể cũng đáng gờm đấy! Liệu mình thực sự có thiên hướng một cuộc tình lớn không? Nhưng chỉ thoáng qua, anh lại bưng tỉnh, anh lại lao vào đọc, lại những muốn đánh điện cho bà Knight, tới bất kỳ nơi nào hiện bà đang có mặt: tôi đã dặn dày chấm Gabriel đã dặn dày chấm khi quay về bà sẽ thấy anh ta thay đổi hẳn chấm sẵn sàng đương đầu với các cô chị em trên đời.

Hỡi ôi! Nữ hoàng Victoria mất vào ngày thứ Ba 22 tháng Giêng, tại dinh thự của nữ hoàng ở Osborne, đảo Cowes. Và sự kiện mang tính chất toàn cầu này làm đảo lộn tất. Kể cả việc tập sự của Gabriel.

Ông đại biểu đã cho triệu tập toàn bộ các nhân viên trong đại sứ quán.

- Thưa các quý bà và quý ông, các bạn thân mến. Tuy nữ hoàng quá cố đã tỏ ra chẳng tán thành chút nào đất nước Brésil thân yêu của chúng ta, nhưng hôm nay đã đến lúc cần lượng thứ và tôi có ý định ta tổ chức tang lễ long trọng...

Mất ông đại diện sầm tối khi phát biểu những lời vừa rồi. Sự quyến luyến này làm bùng lên cơn phẫn nộ của ông Victor, vị tham tán thứ hai theo phái Cộng hòa, ông ta ghé sát vào Gabriel, nắm chặt cánh tay anh tưởng chừng như muốn bẻ gãy:

- Anh có biết cây có nhựa cao su, cây cao su, là cây đem lại của cải lớn cho vùng Amazone không?

- Có, - Gabriel đáp.

- Anh có biết cây cao su của chúng tôi chỉ phát triển trong điều kiện hoang dã, mọi thí nghiệm gây trồng đều bị thất bại, anh biết chứ? Không à? Đây là tâm hồn của Brésil, anh Gabriel, nó không

chịu bị thuần dưỡng. Thế mà nữ hoàng Victoria đã ra lệnh lấy cắp các hạt cây cao su của chúng tôi, anh nghe rõ chứ, anh Gabriel, lấy cắp, nữ hoàng Victoria là một mụ kẻ cắp bợm nhất trong tất cả lịch sử các vụ trộm cắp, và tên găngxtơ được trao nhiệm vụ thấp hèn ấy là Wickham, Wickham, anh hãy nhớ tên của gã găngxtơ đó. Gã đã lấy cắp của Brésil 70.000 hạt. Và nhờ London các hạt nọ đã lấy chót lọt. Và chúng được đem trưng bày ở vườn bách thảo tại Kew. Và ông đại diện của chúng tôi đã cảm ơn nữ hoàng vì đã mời ông ta đến thăm cuộc trưng bày ấy. Anh nghe rõ chứ, anh Gabriel, ông ta đã CẢ-M Ở-N nữ hoàng. Sau đó các hạt được chuyển đến Singapour và Ceylan là những khu vực nhiệt đới nhưng chịu khuất phục, không như Brésil đâu, anh Gabriel, và những hạt cây cao su của chúng tôi hiện đang nảy mầm mọc tại đây, anh Gabriel, như cây lúa ấy, như cà chua, đậu Hà Lan, đáng hổ thẹn thay cho họ, nhưng anh Gabriel này, nếu tôi có thể mạo muội tự cho phép được phát biểu thì nước Cộng hòa chúng tôi đang ở trong tình trạng rắc rối, nó làm cái quái gì ở Amazone nếu các cây châu Á cạnh tranh nó? Một nước cộng hòa trẻ tuổi biết làm gì với một khu rừng rộng mênh mông chẳng có cây cối hữu ích cho một việc gì đó?

Gabriel ngây người phát hiện đồng thời cùng một lúc những khía cạnh nhỏ mọn của các nữ hoàng và sự phát triển của khoa chính trị địa lý. Bắt cóc các khu rừng, di chuyển hệ thực vật từ đầu hành tinh này sang đầu kia cứ như thể người ta bứng cây thực được ở trong vườn... Quả thật các đế quốc coi trời bằng vung.

Tắm rửa, kỳ cọ xà phòng, cạo râu, xoa phấn bột tan, ăn uống chắc dạ (xoài), mấy lát thịt lợn muối, đậu đỏ) ăn mặc xong xuôi, bộ đồ màu đen của đêm tối đã bị màu xám của ánh sáng ban ngày đẩy lùi và chuẩn bị đi găng tay đã được xỏ, áo khoác choàng trên đôi xương vai, vào lúc tám giờ mười lăm, tám giờ mười sáu, mặc dù buổi viếng đến mười một giờ mới bắt đầu, ta đi thôi, ông đại biện bảo.

- Ông nghĩ rằng đã tới giờ rồi à? – Victor hỏi.

- Rồi ông sẽ biết một cuộc đàm thoại thực sự, thoát đầu phải được hòa nhập vào không khí của thời gian. Hơn nữa, trên đường đi có biết bao chuyện có thể xảy ra, không ai, ngay dù đó là một người theo phái Cộng hòa, được phép bắt một ông vua phải ngóng trông đợi.

Chúng tôi lênh đênh trôi giạt giữa London như đang bơi giữa Đại Tây Dương, lúc đó thì giạt sang phía trái về hướng Aldwych và Waterloo, lúc thì sang phải, néo căng buồm theo hướng Hampstead và Công viên Regena nhưng chẳng bao giờ, chẳng bao giờ theo đúng chiều gió, chẳng bao giờ lao thẳng về phía trước, chẳng bao giờ tạt về phía cảng – Điện Buckingham, nơi vua Edward VII đang đợi. Ông đại biện đã quên khuấy mất chúng tôi, ông lái con tàu theo các màu sắc của đất nước ông, xanh lơ và vàng, biển cả và mặt trời, lông vũ và vàng kim, êm dịu và giàu sang, ông bị lắc lư và ngã nghiêng trên chiếc xe ngựa bốn bánh do bốn con ngựa trắng kéo, đom đàng vì lai giống, trật tự và tiến bộ. Chốc chốc, đến ngã tư, xà ích quay người lại, dạ bây giờ ta đi đâu ạ?

- Máy giờ rồi?

- Chín rưỡi ạ.

- Nếu vậy ta đi tiếp đi. Nhà vua phải nhận rõ rằng ta yêu quý London như Người. Chính qua những sự tế nhị ấy mà người ta nhận biết các nhà ngoại giao đích thực. Chính nhờ vậy, chứ không phải bằng sách nào khác, mà người ta có thể thắt chặt những mối quan hệ bạn bè với nước Anh. Mà này, tôi sẽ chẳng sửng sốt ngạc nhiên nếu nhà vua trao đổi với tôi những câu hỏi tin cậy. Nhà vua đã gặp tôi tại buổi lễ tang, nhà vua đã đánh giá cao cách xử sự tế nhị của tôi là không gây chuyện bức mình cho mẫu hậu già nua của nhà vua với các chuyện hạt giống cây cao su đó, nhà vua biết rõ tôi khâm phục nước Anh ra sao, tôi chẳng có tham vọng gì ở đây, tôi chẳng thuộc đảng phái nào, do đó các lời khuyên của tôi sẽ hữu ích cho chính sách đối nội của nhà vua. Nhà vua sẽ bảo tôi: qua ngài đến ta, ngài đại sứ thân mến (nhà vua sẽ gọi tôi là ngài đại sứ, quyền hành cao như nhà vua, nhà vua không phân biệt rõ thang cấp

bậc ngoại giao của chúng ta), nào, ngài đại sứ thân mến, ngài cung cấp cho ta những tin tức trong vương quốc của ta đi, ta ít khi ra ngoài... Tôi sẽ tâu với nhà vua: Tâu Đức vua, thần dân của Đức vua sống yên ổn, nhưng ăn mặc hơi buồn, phải đội mũ rơm đáy bằng thay vì mũ hình quả dưa...

Buổi sáng đó ông đại biện đã mơ như vậy đấy, mơ là được kết bạn với nhà vua Anh quốc và với thế giới. Ông lệnh đèn giữa trời mưa bụi của nước Anh, tay phải đặt trên đỉnh chiếc mũ hai mũi đen của ông, chiếc mũ mà ông thường cất giờ lên để đáp lại những tiếng hoan hô của khách bộ hành, những tiếng hoan hô theo kiểu Anh, lễ độ, ơ kìa, một vị tướng, vào một buổi sớm sửa thế này. Còn tay kia thọc trong áo gilê, ve vuốt lớp giấy vêlanh mịn ghi lại ký ức rất ngắn ông đã tự mình nghiền ngẫm thảo đêm qua và nó được mở đầu, những câu đầu là, để xem nào, à! phải rồi “nhựa cao su, tâu Đức vua, hân Đức vua cũng đã rõ, đó là mẫu của Brésil...”

- Ta đã biết rõ,- nhà vua sẽ bảo,- ta đã có những biện pháp, thế giới khá rộng lớn để không phải giẫm đạp nó, đúng không nào?

Reinaldo Aristides Lima nghĩ tới mẹ mình, bà quả phụ già Dona Betanha, sinh tại Ilheus: đáng tiếc là mẹ mình không có đây, không được thấy ông từ Điện Buckingham bước ra giữa ánh quang vinh, ông, vị cứu tinh của các khu rừng Amazone, người bảo vệ vĩ đại của cao su. Mưa đã tạnh, ông sẽ mời bà lên chiếc xe bốn ngựa kéo của ông, bắt chấp nghi lễ, thật đáng tiếc là mẹ mình lại ở quá xa như vậy. Chủ nhật nào ông cũng viết thư cho mẹ, những bức thư văn vẻ hơn của Stendhal (một nhà ngoại giao quen thủ cựu) và Chateaubriand (một nhà ngoại giao tồi tệ và một kẻ chuẩn bị kỹ cho cuộc chiến)... Mười rưỡi đã điểm, vậy mà ông còn thơ thẩn ở chân cầu Tower, say sưa do chất men từ các điều mơ ước bốc ngấm: Chẳng đường đến cung điện phải quát ngựa phi nước đại.

Ngoài phòng đợi, có hai bạn đồng sự ngoại giao, người Italia và người Thụy Sĩ, đang đợi được hẹn trước riêng từng người: mười hai giờ mười lăm và mười hai giờ ba mươi. Reinaldo Aristide Lima thấy lòng mình trĩu buồn. Ông cứ những tưởng rằng vua Eduard, do ngờ

ngợ thấy một tình bạn đang nảy sinh, nên mời ông dự buổi khai vị buổi ăn trưa, có khi cả bữa chiều nữa: những lần đầu, phải dành cho tình bạn có nhiều thời gian, chất mùng thời gian cần thiết để nó bám rễ. Hai cuộc hẹn gặp mặt Italia-Thụy Sĩ này chỉ là một sự nhầm lẫn, lễ tân sẽ nhanh chóng được sửa đổi lại, xin thành thật xin lỗi các quý ngài đại sứ, xin các quý ngài lui lại cho tới tuần sau, Đức vua đang bận tiếp một người bạn Brésil. Và lại, nếu tính đến các dữ kiện khách quan, hiển nhiên thì nước Brésil rộng lớn hơn nước Italia hai chục lần, người đại diện của Brésil sẽ được lưu lại bên nhà vua với thời gian dài gấp hai chục lần, như vậy mình sẽ rời khỏi Điện Buckingham vào lúc năm giờ chiều, ông đại sứ nghĩ thầm. Thôi được, ít ra cũng vào lúc bốn giờ... Hy vọng rằng tay xà ích của mình sẽ đợi.

Và trong khi Reinaldo Aristides lăm bắm như vậy, một quan chức lễ tân ra mời ông đi theo ông ta, ông ta mở rộng hai cánh cửa, vua Eduard đang ngự tại đó. Nhà vua ra hiệu mời ông (rất nhiệt tình, nhà ngoại giao nghĩ). Mời ta đây, nào thì vào.

- Tàu Đức vua, nhựa cao su là máu của Brésil...

- Ông cậu Pedro của ngài khỏe không?- Nhà vua ngắt lời.

Mười một giờ mười lăm đã điểm. Viên quan chức lễ tân bước vào. Cuộc trao đổi đã kết thúc. Một cuộc tiếp xúc hữu ích.- Reinaldo Aristides nhắc lại khi kể cho chúng tôi nghe về cuộc hội kiến. Đức vua và tôi, chúng tôi đã tìm cách hiểu rõ nhau hơn. Đúng, tôi rất lạc quan về những diễn biến tiếp theo... Ông bảo xà ích để ông xuống một khu vườn kề ngay trên đường đi, vườn St-James (đưa xe về trước đi, tôi sẽ đi bộ về sau, qua cuộc trao đổi vừa rồi, tôi thấy cần phải rút ra một số kết luận, đề ra một số quyết định...). Vịt lặn chiếm các bãi cỏ như mọi ngày. Chẳng mấy chốc, ông đại biện bị bao vây, những con hung hăng nhất, những con ú vai giống vịt Island, màu đen và màu trắng, và một con thuộc giống vịt trời ngực đen, đầu hung hung đỏ mỗ ống quần ông. Một cô bé đeo kính gọng vuông hỏi ông có phải là lãnh tụ không. Ông đại biện đành phải tháo lui qua phố Haymarket và phố Regent.

Ông đại biện giữ đến cùng, đến tận lúc chết một cách bi thảm, khuôn mặt của những con người chắc chắn, trong lòng ngời rạng trước Niềm Hy vọng. Ngay cả vào một tháng sau đó, sau cuộc viếng thăm ông bộ trưởng Bộ ngoại giao, đến muộn 121 phút (Ồ! Cái Viện này! ở nước các ngài, các ngài không có Nghị viện, đúng không ạ?), ông bộ trưởng dành cho Reinaldo Aristides có chút ít thời gian.

- Có chuyện gì vậy, ông đại sứ thân mến?

- Thưa ông bộ trưởng, nhựa cao su là máu của Brésil. Thế mà bọn buôn lậu, bằng sự chính xác một cách khoa học tôi buộc lòng phải chỉ đích danh đó là những người Anh, trong thời gian gần đây đang lấy cách những hạt giống cây cao su...

- Xin cảm ơn sự thẳng thắn của ông, ông đại sứ thân mến, tôi sẽ trao đổi vấn đề này với người đồng nghiệp của tôi phụ trách thuế quan và một lần nữa xin cảm ơn cách nói chuyện chân thật này. Tôi muốn được chứng kiến niềm tin lẫn nhau nảy nở giữa hai nước lớn chúng ta... Một lần nữa xin cảm ơn ông và chúc ông một ngày tốt lành.

Ánh nắng ngoài trời nhợt nhạt. Mặt trời rè rạt rọi những tia nắng nhợt yếu. Lần này ông đại biện quay về theo hướng Tây. Một khu rừng bị tàn phá thì sẽ ra sao? ông đại biện tự hỏi. Nghĩ tới vùng Amazone, ông thầm nhủ rằng vua Eduard VII đã giải quyết đúng, quả thật Công viên Hyde có cây cối mọc thưa thớt.

Ông đại biện bị tuyệt vọng? Ông chẳng hề bị tuyệt vọng. Các nhà ngoại giao giống hết các nhà tiểu thuyết, họ miệt mài, miệt mài, bám riết các giấc mơ. Để chặn đứng chứng xuất huyết của Brésil, ông đại biện làm rầm hát, ông đại biện xoa tay, ông đại biện đã có một giải pháp. Ông đứng bật dậy. Mắt ông rực sáng. Những vết đốm trên tay ông, những mảng đỏ trên má đã biến sạch, đột ngột bị sức hồi xuân này liếm hết.

- Gabriel, anh bạn trẻ người Pháp thân mến, chúng ta sẽ lao vào một cuộc thương lượng! Tôi hài lòng về anh. Anh sẽ biết in vivo thế nào là ngoại giao. Tất cả đều phụ thuộc vào bản khởi thảo. Anh có biết rằng từ ngữ đúng dùng đúng lúc có thể tránh thoát được một cuộc chiến tranh không? Anh có biết rằng những dấu phẩy thích đáng làm những lục địa xích lại gần nhau không? Tin tôi, tôi chẳng có ý gì phản đối các nhà văn, nhưng những văn bản của riêng chúng tôi dấu sao cũng hữu ích hơn.

“Do sự phát triển các phương tiện giao thông đang gây hiểm họa cho những nét thực vật độc đáo của các quốc gia, do giới thực vật là, đối với loài người, chỗ ẩn náu êm dịu cuối cùng giữa đại dương các cuộc chiến, do chỗ, nếu không có những khung cảnh các mùa thì sẽ chẳng có niềm tin vững chắc vào cuộc sống...”

Tòa đại sứ bắt tay vào soạn thảo lại các văn bản.

- Tốt lắm, với tất cả những cái do thế này, do thế kia, ta đề xuất gì đây?

- Khoan nào, khoan khoan nào, ý tưởng chín muồi dần, các Bộ ngoại giao cần phải có thời gian.

Chính vì vậy, vào một đêm khuya khất (vì chỉ những lúc rất mệt mới mới làm nảy sinh những ý tưởng lớn trong óc các nhà ngoại giao. Maria Clementina sắc thuốc bằng các rễ cây mà những bà góa ở sertão uống vào các đêm trăng tròn để thức tỉnh nỗi khát khao của những đức ông chồng đã quá cố), chính vì vậy, ông đại biện đi đi lại lại quanh chỗ chúng tôi, những biên tập viên, miệng chậm rãi đưa ra bản dự thảo Hội nghị quốc tế về sự hài hòa thực vật thế giới. Cả tòa đại sứ dội lên tiếng hoan hô. Ngay cả nhân vật bạch tạng cũng vỗ tay. Maria đem tới rượu sâm banh và caipirinhas.

Khi nghĩ tới những người bạn ở cùng lớp dự bị đại học sư phạm với mình, Gabriel thầm nhủ, chắc vào giờ này các cu cậu đang lao

vào miệt mài ôn tập, trong khi đó mình, không hề tỏ ra khiếm tốn giả tạo, mình đang bận rộn với những công việc mang tầm cỡ thế giới...

Mùa xuân đã tới, kéo theo cả mùa giao du ăn chơi của giới thượng lưu. Ông đại biện tất bật tăng số lượng các bữa ăn tối, buổicock tay, những lễ khánh thành.

- Tôi xới đất lên, anh Gabriel, tôi chuẩn bị đất, tôi tải nó. Khi được sự thỏa thuận của Rio, hấp! tôi gieo hạt và anh sẽ thấy vụ mùa ra sao.

Qua suốt các cuộc tiếp xúc ấy, ông đại biện gọi sự cảm dỗ, ông rò rỉ những mẩu tin.

- Thật không thể không ngạc nhiên là Rio lại bỏ lỡ mùa xuân mà chẳng tung ra một đề xuất quan trọng...

- Hoàn toàn với tư cách cá nhân, tôi rất vui mừng thông báo cho anh biết rằng trong thời gian này các vị cầm quyền của tôi đã bắt đầu nhúc nhích.

Và vị đại sứ đồng nghiệp của một nước phương Tây hoặc chàng dân sự trẻ tuổi phục dịch Bộ Ngoại giao Anh gật gù:

- Châu Âu già cỗi rất mong đợi sức sống quan trọng của Brésil...

Và chúng tôi quay về phố Curjon với tâm trạng vui vẻ.

- Đất mùn tốt lắm! Chà! Mong rằng vụ gieo hạt không quá chậm trễ!

Sáng nay chàng tùy viên lễ tân và cô thư ký riêng cũng đi phân phát các giấy mời, những tấm bìa brixton, những tấm thiệp bẻ gấp góc, vạch chương trình trong ngày, thời gian của mỗi nơi dừng chân.

Và cuộc viếng dã bắt đầu, từ các phòng khách tới các tòa lâu đài, từ Kensington tới Belgravia, từ các nự cưỡi đến những chiếc hôn tay. Đôi lúc, để kéo gở lại một sự chậm trễ, tôi đã lờ bỏ qua một chặng đường.

- Anh Gabriel, anh làm ăn ra sao thế?- Ông đại biện kêu to.- Thế theo anh ta phải gieo trồng các ý tưởng bằng cách nào, chúng ta phải cày xới tất cả mọi cánh đồng.

Và thế là, vào một buổi chiều tháng Sáu đẹp trời, người ta thấy chiếc xe bốn ngựa của tòa đại sứ. Trật tự và Tiến bộ do bốn ngựa trắng kéo lẫn bánh về phía Richmond. Anh xà ích luôn tấm thiệp mời qua hàng rào chắn song sắt của vườn bách thảo ở Kew.

Joseph Hooker,

Director of the Royal Botanic Gardens

And John Collins

Curator of the Pharmaceutical Society's Museum have

the pleasure and the honour to invite

His Excellency Ambassador of Brazil, to the exhibition

of Ceylan new production.

Trong nhà kính, người ta đã bắt đầu đọc các bài diễn văn. Trên bục cao, một nhà xác đang phát biểu. Nhà Xác đỏ mặt, có các túm lông trên má, mặc áo vét đen, quần Eton màu xám và tay cầm mấy tờ giấy ghi lời phát biểu, Ladies and Gentlement ... Từ ngoài cửa, người ta chỉ nghe thấy những tiếng ro ro nổi ngất mấy nhần cao giọng, Ladies and Gentlement... Đế quốc tự hào... không gây chán ghét ở Saint Bible... Noé chỉ nghĩ tới hệ động vật...

Đột nhiên, những tiếng vỗ tay dội vang và người ta quay về phía chúng tôi, người ta kéo chúng tôi về phía diễn đàn, tại đây Nhà Xác... chà! chà! đám đông kêu lên, tại đây Nhà Xác ôm hôn chúng tôi, thay mặt Đức vua, tôi xin được qua các vị kính chào hệ thực vật vô cùng phong phú của vùng nhiệt đới... Nước Brésil muôn năm!

Và Nhà Xác vỗ tay. Bốn người hầu bưng ra một chiếc khay đặt một khối hình cầu rất lớn màu nhạt.

- Cao su đấy, anh bạn Gabriel, - ông đại biện bóp mạnh vai tôi và khẽ bảo, - cao su của chúng tôi đấy.

Nhà Xác yêu cầu mọi người giữ trật tự.

- Thưa Ngài, thưa các quý bà và các quý ông, đây là lứa cao su đầu tiên ở châu Á, tôi vui mừng được thông báo các quý vị rằng đồn điền của chúng ta tại Ceylan và Singapour đã hoàn toàn thành công. Bây giờ, một sự việc hiển nhiên cho thấy là các cây cao su ưa thích phương Đông. Như vậy, các vườn bách thảo của chúng ta muôn năm và nước Brésil muôn năm. Brésil đã ân cần trao cho chúng ta hạt giống và tỏ ra rất fairplay trong vụ này. Đế quốc muôn năm! Nước Anh muôn năm! Đức vua muôn năm!

Và, trước khi tiếng vỗ tay lắng dịu, thánh ca God save nổi lên dưới nhà kính, dội vang và tắt dần giữa các hàng cây trái rộng mênh mông. Không thấy ông đại biện đâu nữa. Gabriel lao ngay ra ngoài. Những người gác chỉ mách cho anh. Quý Ngài đã đi ngang qua đây. Quý Ngài đi về hướng Tây. Quý Ngài đi theo lối Hawthorn. Tôi cho rằng quý Ngài đã leo lên chùa. Gabriel vùng chạy, mắt ngược nhìn lên cao. Trên đỉnh tháp Trung Hoa, một bóng người trèo bước qua thành ban công.

Đường rơi của ông đại biện rất thuần khiết, một quỹ đạo hoàn hảo, gió đã đẩy ông tách xa chùa. Ông không bị đập người vào những lều dưới, ông bị gạt về phía các cây lớn. Tôi hối hận suốt

một thời gian dài, lẽ ra chúng tôi nên căng chần, trải rơm, làm yếu bớt, làm dịu giảm sự va chạm, ông lơ lửng ở trên không chứ chưa rơi xuống đất, ông kéo dài thời gian. Ông đi ngược trở lại những quãng đường của mình. Trên cao chót vót, Niềm Quang vinh, ông trôi nổi giữa ánh mặt trời, màu lục và vàng óng, được lịch sử phong là kỵ sĩ, người chủ của công trình Hội nghị quốc tế về sự hài hòa thực vật thế giới, và rồi tiếp đến, thấp hơn nữa, mỗi lúc một thấp dần theo sức nặng đè trên người, đây là những hình ảnh cay đắng hơn, cuộc đời ngoại giao vô nghĩa, những bước trung gian mỏng mảnh, những niềm hạnh phúc nhỏ nhoi, những bức tranh sinh động của ông Reinaldo Aristides Lima say đắm vào tuổi năm mươi, ham chơi trò chó săn đuổi thỏ, muốn trở thành đứa con trai sống nơi đất khách quê người quá thương yêu con người, người ta đoán ông đang mỉm cười hoặc cau mày tùy thuộc các lớp ký ức lúc này vụt lướt qua mỗi lúc một nhanh như con tàu tốc hành lướt qua các nhà ga cuộc đời của chính bản thân ông. Cái chết đã ập đến với ông vào lúc ông còn trẻ, đúng, nó là tuổi trẻ của ông, một cảm giác tươi trẻ tàn nhẫn, một hương vị thoáng qua của đất ẩm trên khuôn mặt bẹp dúm (cũng may là cây cối vừa được tưới nước, trời quá nóng). Ông nằm giữa đám cây thạch thảo se khô. Đám đông người Anh liền nghĩ ngay: chà, một ông thất tình.

VI

Chuyện xảy ra vào một đêm, một đêm buốt lạnh, chắc hẳn đây là đêm băng giá cuối cùng trong năm, mùa đông bùng tỉnh lần cuối cùng. Sương mù trùm trên thành phố London. Người ta cho rằng đây là một cuộc chạy trốn, vào màn đêm mênh mông, để nhường chỗ cho ban ngày. Trời ngả màu trắng, các hình bóng bên cạnh Gabriel run lên vì lạnh và sợ hãi. Các nhà ngoại giao không phải là những chiến sĩ dày dạn. Ai đã nảy ra ý nghĩ cuộc thập tự chinh? Thật khó đoán được. Một tình cảm nổi loạn chung đã trỗi dậy khi người ta đem thi hài dập nát của ông đại biện tội nghiệp và dịu dàng, người ta đã từng quý mến biết bao nữ hoàng Victoria. Một tình cảm phần nộ vì tức giận. Ô! Một sự tức giận mang tính ngoại giao, tất nhiên là kìm nén, lịch sự, bắn khoan về cung cách và sự lịch thiệp. Ô! Tất nhiên Lịch sử đã ghi lại nhiều cuộc bạo động còn dữ dội hơn chống lại ưu thế của nước Anh, cuộc nổi dậy của những người Boers chẳng hạn, của những người lính Ấn Độ xipahi, ngay cả của những người Pháp trước thời Fachoda. Nhưng sự kín đáo, cuộc thập tự chinh rất kín đáo của những người Brésil không ai hay biết đáng được kể ra đây. Vào một buổi tối nọ, quãng mười một giờ khuya, gần như toàn bộ nhân viên trong sứ quán quyết định trả thù cấp trên, đây là chuyện chưa từng có trong biên niên sử dài lâu của ngành ngoại giao trong bữa ăn lai rai vô tận như ngoại giao, nơi người ta phải cố và cố nhẫn nhục.

Ở phố Curzon chỉ còn lại mỗi viên bí thư thứ nhất lao phổi, được miễn thứ, và anh chàng bạch tạng đang chờ đợi vị hôn thê (này Gabriel, anh cứ nói thật xem, liệu cô ta có thấy ghê ghê những anh chàng bạch tạng không? Nhưng cô ta sẽ nghĩ gì khi đang đêm trời tối quay về mà không thấy tôi ở nhà?), cũng được miễn thứ. Mọi chuyện trôi qua một cách đơn giản. Các bức rào đều rộng mở. Ai còn hơi sức đâu nghĩ tới chuyện bảo vệ một khu vườn thực vật? Khó khăn duy nhất là sương mù, người ta chỉ nhận ra nhau trong vòng năm mét. Nhưng các chiến hữu của tôi tham gia cuộc thập tự chinh thuộc lòng khu vực này. Họ thường lui tới Kew vào những

ngày u sầu, để ngắm bộ sưu tập các cây lan gọi nhớ tới những vùng đất nhiệt đới... Cái nhóm nhỏ mặc tang phục chậm rãi bước trên lối đi chính, đi dọc mép lối nhỏ, một chân trên cỏ, một chân trên lớp sỏi. Những người hay lui tới đây kể cho Gabriel những gì anh chưa được tận mắt thấy, bên trái là hàng cây bách tân cao sừng sững của Chilê, bên phải có vài cây lô hội của vùng Riviera thuộc Pháp...

Sau đó, chúng tôi bước vào khu nhà kính để lại lớp sương mù bên ngoài. Những người Brésil lại dừng lại để hít ngửi mùi rêu phong, mùi vỏ cây ẩm ướt, một mùi rất nồng nặc bốc tỏa khắp mọi chốn, đó là mùi cây y lăng. Victor nhắm mắt lại vào bảo tôi lắng nghe.

- Anh không nhận thấy sự khác biệt à?

Người ta chẳng hề nghe thấy gì. Dầm lạch nước chảy, tiếng gió rất nhẹ rì rào qua dạng lá, tiếng rì rào trên các hàng cây cọ cao nhất. Một sự yên ắng, gần như tĩnh lặng, tựa hồ bị phủ vây dưới lớp hơi ẩm.

- Ở này, không có súc vật. Nước Brésil đích thực có nhiều tiếng động.

Và thấy là chúng tôi bắt tay vào công việc. Chúng tôi hì hục phá phách suốt đêm. Phá phách một cách lịch thiệp, theo kiểu ngoại giao, không đập phá. Đôi lúc Gabriel loay hoay chặt vật với chiếc vôi nước gỉ. Anh phải nhờ đến đôi bàn tay sắt của nhân viên mật mã. Sau khi đã cắt được hệ thống sưởi ấm, sau khi đã mở toang được tất cả các cửa sổ, tất cả các cửa chính, cửa ngách, tất cả các lỗ cửa và cửa mái, chúng tôi đứng nhìn sương mù lạnh giá ùa vào căn nhà kính.

- Lạnh như thế này, ngày mai cây cối sẽ chết sạch,- nhân viên mật mã khẽ lẩm bẩm.

Chúng tôi đã chào từ biệt ông đại biện tội nghiệp và rất dịu hiền bằng cách đó, tựa như người ta rải tro hỏa táng ra biển cả. Và rồi chúng tôi quay về đi ngủ.

Vừa được biết “sự xúc phạm hèn hạ đã tiên đoán rất sai về thế kỷ XX? (Trích những từ đầu tiên trong bài báo đăng trên tờ Times) cả đất nước liền được huy động và dồn về khu vườn thực vật ở Kew một loạt những vật cúng tiến.

Kể đi bộ, người đi xe landô mang tới cây của mình từ Malayxia, người ta mang cây lan biểu sinh, trồng trong chậu bằng sành, trong bình thủy tinh, trong chân voi khoét rỗng. Người đã bưng cây từ phòng kính thân thiết của mình, lấy khỏi từ quá khứ thuộc địa của họ và còn những kẻ tò mò đứng trên vỉa hè vỗ tay, reo hò Bảo tàng vạn tuế, giết chết bọn sát hại cây cối. Tất nhiên, trong câu chuyện, họ đã lên án đổ tội cho những người Do Thái, lũ người này đi lang thang du thủ du thực, chẳng hề thấy bốc mùi mùn. Đến trước các lớp rào, đám người mang vật cúng hiến nhiên không tiến thêm được nữa, họ ùn lại tạo thành một hàng dài, tắc nghẽn, mấy ông bà bán hàng rong liền xâu xé mỗi lợi bất ngờ, người bán nước trà, kẻ bán hạt dẻ, người ta nhóm lửa vì các cây đem tới, để tạo nên một khí hậu nóng, người ta trao đổi các kỷ vật của quân đội Ấn Độ, người ta gọi lại những thời tươi đẹp xa xưa của đảo Jamaiquain, người ta chuẩn bị chỗ ngủ qua đêm, những người Riviera dự định dùng những vật rất không vững trải để ngủ qua đêm, người ta cực kỳ thận trọng, với một cử chỉ thực sự âu yếm, truyền chúng qua từ tay người này sang tay người kia, người ta mở ô, lót thêm bông để chống lạnh. Đem tinh hoa hào hoa mà so sánh với các cử chỉ này thì đúng là bì phần với vôi, người ta sẽ cởi bỏ tất cả quần áo dành cho cây cối. Người ta có thể trao cho nhau tấm áo măng tô, chiếc áo sơ mi của mình để che ấm cho mấy cái nhụy hoang dại. Báo chí ra vào lúc chiều tối và cả cảnh sát, các cha cố lẫn đích thân nhà vua phải vật nài kêu van để người ta ngừng ngay việc cúng hiến. “Please, xin đừng mang tới gì hết, bảo tàng đã có lại đầy đủ hiến vật rồi”.

- Người Anh xứng đứng với Đế quốc của họ, - Việc nói vào chiều tối hôm đó ngay lúc sau khi đã tháo xong lá đơn xin từ chức. Ông ta đã rời bỏ bước đường công danh của mình. – Con đường ngoại giao đã bị thất bại. Những người Cộng hòa phải nghĩ ra biện pháp đấu tranh khác.

Hôm sau, Gabriel lên tàu quay về Pháp. Cơ man nhà kính ở Kent lấp lánh dưới ánh mặt trời vừa ló mọc.

Tôi đã quên mất một người. Có lẽ, tôi không chắc lắm. Tôi chẳng muốn lại bắt đầu nói dối bà nội.

Không biết bà nội Marguerite có tới London trong buổi tang lễ nữ hoàng không? Hình như tôi đã thấy bà nội thấp thoáng ngoài hành lang tranh tối tranh sáng ở sứ quán, định gõ cửa căn phòng quét sơn trắng có cửa sổ cánh sập của tôi. Nhưng tôi làm sao nghe được tiếng chân bà nội, chẳng là cuộc đời bà nội không hề gây tiếng động? Tôi cũng còn cảm thấy cánh tay bà khoác tay tôi, hai bà cháu lẫn vào đám đông, lẫn vào đám đông dài vô tận trong buổi tang lễ, cháu Gabriel, cháu làm ơn ngó giùm bà xem chiếc măng tô đen của bà nó có bị phai không, trời mưa dữ quá? Bà lão có ánh mắt xanh lơ, ngồi thu lu trên ghế dài trong nhà ga, cháu không muốn chờ bà à, Gabriel, chuyến tàu mấy giờ vậy? Cháu thề với bà rằng bà đã không gây trở ngại trong nghề nghiệp của cháu! Bà lão già, già nua này, không biết có phải là bà nội Marguerite không?

Khả năng hoặc chín niềm hạnh phúc của người vùng Clermont

Khả năng

Tại sao là Clermont – Ferrand? Tại sao là cao su? Tại sao lại có cuộc hôn nhân giữa cao su và Clermont?

Anh chàng Gabriel của chúng ta, mới đây vốn là người London và vừa bước xuống tàu hỏa ở Paris, đang từng bước dài qua thành phố, mắt mở to và chẳng hiểu rõ:

1) Người Clermont không có vẻ là người nhảy nhót hoặc bật nảy. Rõ ràng họ thuộc loại người sống chân bấu chặt vào đất.

2) Đá ở Clermont cứng, đen và nặng. Chẳng mang tính chất như, chẳng hạn đá phấn mềm ở vùng Loire hoặc đá hoa cương lóng lánh ở Bretagne mà ta đoán rằng chỉ cần ra công một chút là có thể đưa nó lên sân khấu hoặc trưng bày dưới ánh đèn chiếu. Xây dựng bằng đá Clermont thì chẳng lo xảy ra chuyện gì. Gabriel đã kiểm tra điều này khi vuốt ve hồi lâu hai bề mặt các nhà thờ Notre – Dame – du – Port và nhà thờ lớn. Dưới những cặp mắt ngơ ngác của khách đi đường, Gabriel áp tay vào hai tòa kiến trúc, áp mạnh, kết quả là chỉ làm sây da lòng bàn tay. Bằng chứng đã rõ ràng: chất liệu này chẳng hề có tính chất đàn hồi.

3) Các núi lửa ở vùng lân cận đã tắt, tắt ngóm, mọi người đảm bảo điều đó, từ nhân viên ở nhà ga tới người lái tàu điện. Không thể trông đợi một cái này nào ở hướng ấy.

4) Niềm tự hào của địa phương, Blaise Pascal, quan tâm tới nhiều điều, số học, văn học, những sự cá cược, những chẳng bao giờ tới cao su, vả lại, vào thời ông Blaise Pascal này đã bảo vệ Jansénius chống Loyola. Thế mà những người theo đạo lý Jansesnius khắc khổ hoặc thuyết dòng Jésuite là ai, họ là những người mềm mỏng nhất, những người mang tính cao su nhất? Những người thuộc loại thứ hai là chắc rồi.

5) Biển nằm ở xa và nước Brésil còn xa hơn. Những người vừa biết dòng sông Amazone và dòng sông Tiretaine nổi tiếng của Sứ Auvergne sẽ bảo ta rằng giữa hai con sông ấy chẳng hề có một quan hệ nào, không thể có một mối quan hệ nào. Thế rồi sao nữa?

Khi ta chưa biết tí gì về một thành phố, thì phải lựa một quán ăn trung bình (trong các quán nhỏ có quá đầy người còn các quán lớn không được trò chuyện thoải mái) và bắt đầu tấn công thực đơn ngon lành, đắt tiền nhất, không nhắc nhó về khoản rượu và khoản phụ phí. Một thái độ như vậy biến khách ăn trở thành người thiện cảm và chủ quán – người hoạt bát.

Gabriel đã xử sự như vậy. Tuy hãy còn trẻ, anh đã có bản năng điều tra. Anh chọn quán Brandarel.

- Ông làm ơn cho biết tại sao Clermont lại thích cao su như vậy?

- Rất đơn giản.

Lần theo lai lịch phả hệ dài lê thê, từ đó thấy nổi bật hai câu hỏi (- Anh có thích cái bà ngu đàn của tôi không? Anh nghĩ gì về cái bộ phận dưới lưng đó?), nên ta được biết phu nhân Elisabeth Pugh Baker của vị đầu tiên sáng lập ra nhà máy chế tạo máy móc nông nghiệp ở Clermont là cháu gái nhà bác học người Êcốt MacIntosh, người đã phát minh ra cách hòa tan mủ cao su trong benzin và sau đó sáng chế ra chiếc áo mưa hiện đại...

Một người Italia kết luận: lời giải đáp cho câu hỏi của anh, lý do biến Clermont trở thành thủ đô của thế giới cao su, đấy là tình yêu, anh bạn trẻ ạ!!!

Ông chủ quán kín đáo hơn. Ông lăm băm mấy lời cho rằng đó là do tình cờ, sau đấy tuyên bố bản tính tiền ăn, khá biết điều. Gabriel hơi lảo đảo bước ra ngoài đại lộ Charras. Rượu vang này đã sưởi ấm tim anh: gặp bất kỳ một nữ công dân Clermont nào, lớn hoặc bé,

trẻ hoặc già Gabriel đều nghĩ họ là Ann hoặc Clara. Điều may mắn cho bước đường công danh của anh là anh hãy còn khá tỉnh táo nhận biết rằng, người ngợm trong tình trạng như thế này, chẳng nên đến trình diện vị thuê mướn người làm. Anh đi xuôi đại lộ Desais đến thuê khách sạn Puy và ngủ li bì một giấc sau suốt mười hai giờ đồng hồ.

Trong lúc ngủ mê, anh thấy người dân vùng Auvergne nhún nhảy như đang đứng trên giường đệm lò xo. Trong lúc ngủ mê, anh thấy những núi lửa lại bắt đầu hoạt động, rất chậm rãi và phát ra những vụ nổ đỏ rực. Trong lúc ngủ mê, anh thấy các nhà thờ đàn hồi co giãn, cổng nhà thờ theo kiểu kiến trúc gô tích co thành hình tròn kiểu rô man để đón đám người đông nghịt vào làm lễ sáng Chủ nhật. Anh thấy Blaise Pascal nổi giận: ông ta giận chẳng để làm gì. Mỗi lần ông ta ném một vật rắn chắc qua cửa sổ, để đo tới chẳng rõ áp lực nào của không khí, cái vật gọi là rắn chắc nọ, vừa chạm đất liền nảy bật lên và bật trở lại quật thẳng ngay vào mắt ông ta. Anh thấy Tiretaine chuyển sang nhuộm màu đất son và dăng kín thuyền độc mộc.

Khi tỉnh dậy, anh nhận ra rằng cao su là khu vườn bí mật, nỗi nhớ tiếc những khổ hạnh của Clermont. Cao su và Clermont là sự bổ sung lẫn cho nhau, vì nhau. Có họa đui mù mới không nhận ra điều đó. Vì phải sau khi xoa xà phòng hai bên má, cạo nhẵn lớp râu tơ, chải bóng mái tóc, đánh trắng hai hàm răng và ngón hai lát bánh mì to tướng phết bơ, Gabriel đi đến Nhà máy. Anh huyết sáo miệng. Lòng anh đầy vẻ tự phụ. Anh đưa cặp mắt giễu cợt nhìn quanh thành phố: ta đã đi guốc trong bụng người, ta thừa biết người nghĩ gì, đằng sau cái vẻ nghiêm nghị của người, người che đậy điều gì.

Quảng trường Carmes, một ông Drouard tiếp Gabriel.

- Như vậy là, anh bạn trẻ, anh có thiên hướng?

- Dạ thưa ông, từ hồi còn thơ ấu. Tôi có thể nói, thật lòng chứ không dối trá, tôi ưa thích cao su hơn của ngọt đấy.

Và để lấy lại can đảm (do chỗ chẳng hiểu sao anh chàng đột nhiên thấy lo sợ khi bước vào căn phòng làm việc màu hạt dẻ), Gabriel bóp chặt quả bóng bằng mút ở dưới đáy túi.

- Anh bạn trẻ, anh nên lưu ý cho rằng cao su chỉ là phương tiện. Ở đây, anh sẽ học được rằng sự giàu có của lớp các xe là vô song. Thôi anh để tôi nói cho mà nghe. (Ông Drouard mở cửa sổ. Một chiếc xe điện chạy ngang qua giữa tiếng ồn ào cọt kẹt, tiếng rít chói tai. Một cuộc trà sát giữa sắt và thép, giữa bán xe và đường ray.) Anh hiểu rõ thế giới không có cao su sẽ ra sao không?Ồn ào, một cuộc đụng độ liên tục giữa các vật. Biết bao chàng trai vào độ tuổi anh lựa chọn các thuộc địa hoặc các nhà băng. Những hoạt động hữu ích, tất nhiên, tất nhiên. Nhưng anh, với lớp xe anh sẽ đi vào lòng cuộc sống. Nhưng thôi, ta chẳng nên để mất thời gian. Anh muốn khi nào thì bắt tay vào công việc? Những điều chúng tôi được biết về anh đều khả ái cả. Chắc anh chẳng phải một người ngoan đạo Thiên chúa cũng như đạo Tin lành. Đừng chối, anh chẳng phải là người đầu tiên chịu ảnh hưởng của Auguste Comte... Nhưng tôi cuộc với anh rằng sau đây một tháng anh sẽ tới giáo đường, rồi anh xem, chúng tôi không cưỡng ép một ai nhưng chúng tôi có biện pháp riêng, mấy thầy ai ngoan cố nổi... Ảnh hưởng giản đơn của nhựa mủ. Anh đã sẵn sàng rồi chứ? Tuyệt! Tôi sẽ bố trí anh đứng ở vị trí đầu dây chuyền, tiếp nhận mủ, anh sẽ không bị bỏ ngỡ. Và được hoang nghênh trong đại gia đình lớp xe...

Mười năm tiếp theo sau đó, bạn sẽ không hay biết tí gì. Hoặc gần như không hay biết tí gì. Tôi chẳng muốn quấy rầy bạn.

Những câu chuyện học việc có đề tài bắt buộc: tình yêu, tình yêu thống thiết, tình yêu nhức nhối. Mẹ, chị, cậu, cô, nàng hàng xóm, bà de Renal, một phụ nữ ba chục tuổi, chuyên nghiệp... với tư cách một ông bố tốt, tôi có thể làm ra vẻ trịnh trọng, nhắc lại rằng chẳng có tình yêu ở trên đời và Stendhal là kẻ trí tuệ bé nhỏ khi bạn tâm nhiều tới Sanseverina hơn những tiến bộ của máy hơi nước. Nhưng

tôi biết giữ miệng. Sự ác ý của tôi có giới hạn: nếu Ann và Clara có mặt quanh đây, tôi sống chỉ vì các nàng, để rình chờ các nàng đi ngang qua, mưu toan các cuộc hẹn hò, lượng đo những bước tiến của họ trên con đường vào con tim. Chính đây là những điều tôi thu tóm, thu tóm trong mười năm qua. Ta không thể chống chọi lại được bản chất con người. Bạn đọc ưu thích những cảm xúc tình ái mang niềm say đắm công nghiệp như trẻ thơ sinh ra đã thích ca dao. Chúng ta cũng vậy. Chúa trời muốn thế. Tôi lập bản danh mục ngắn những nỗi niềm hạnh phúc mang tính lớp xe của tôi để dành cho những người ngoại lệ, chỉ dành riêng cho họ. Chỉ cần viết thư cho tôi thôi, 13 đại lộ Wester Wemys Cannes-la-Bocca, nêu rõ niềm hạnh phúc giữ trước và tôi sẽ thực sự vui mừng thuật lại bạn biết rõ chi tiết hơn. Tôi không yêu cầu bạn phải gửi kèm theo một phong bì bán tem sẵn để viết thư trả lời đâu.

Chín niềm hạnh phúc của người vùng Clermont

Thực vật học

Chương trình của quý một: biết rõ được tất cả các loại thực vật, cây cối, dây leo, cây xương rồng, cây diếp củ, nấm có khả năng sinh ra nhựa mủ. Hạnh phúc tỉ mẩn dành cho ai tái tạo được 1/100 và viết ra giấy trắng mực Tàu đen một manihot glaziovii. Hạnh phúc phân loại dành cho ai biết được rằng *cây xương khô intisy* không thuộc họ thiên lý. Hạnh phúc tuyệt trần (hoặc nên thơ) dành cho ai nêu được tên và do đó tạo ra: *hevea brasiliensis*, *hevea quianensis*, *sapium thompsonii*, *castilloa ulei*, *figus elastic*, *funttumin landolphia*, *crystostegia grandiflora*, *parthenium argentatum*, *scorzonera tausaghyz*, *taraxacum kobsaghyz*, *isonandra palaquium*, *payeno*, *mimussops*, *ecclinusa*... Hạnh phúc ngôn ngữ học: học tiếng Latin trong hệ thực vật êm dịu hơn trong cuộc chiến tranh của những người Gaules. Hạnh phúc dân chủ: những cây được ân sủng, có nhựa quý nhiều vô kể.

Địa lý học

Chiều Chủ nhật nào, người ta cũng đánh dấu trên quả cầu bản đồ thế giới cũ kỹ và kêu cọt két ở Viện bảo tàng thành phố, những khu vực sản xuất, Amazonie, Mehicô, Tobago, Guatemala, Madagascar, Côte- d'Ivoire, Turkestan, châu Á nhiệt đới.

Cẩn thận nào anh bạn trẻ - người bảo vệ bảo, - quả cầu dễ vỡ, anh quay nó xoay quá nhanh, anh đi chỗ khác và để nó yên, đừng nào kết quả cũng vậy, rồi anh xem.

Khứu giác

Ôi mùi gôm bốc hơi, tỏa lan các cánh rừng rộng mênh mông, chỉ cần nhắm mắt lại, phập phồng những cánh mũi và thế là ta đã rời sang đây, xa thoát xương mù vùng Auvergne, ôi Braxin đượm mọi mùi hương liệu.

Hóa học

Lọt vào những bí quyết pha trộn. Hạnh phúc tinh thần: tôi thấy tin tưởng nhà máy. Hạnh phúc nấu ăn: từ lâu Gabiel bật náy, kẻ phàm ăn như ta đã rõ, chỉ biết chế biến một thực đơn duy nhất, lớp xe theo kiểu Clermont. Dùng nhựa mủ nguyên chất, loại bỏ đường, mỡ thực vật và các chất khác hoặc động vật ký sinh. Gia giảm thêm các chất dẻo, dầu, mỡ động vật hoặc paraffin, tiếp đến là những tác nhân bảo vệ và vữa, màu trắng của kẽm, cao lạnh... Nhanh tay khuấy trộn, cho thêm lưu huỳnh, tác nhân lưu hóa. Đưa qua máy chạy bằng xilanh (so sánh với bột nhựa quấy). Đổ vào khuôn. Đôi lúc cho thêm vào chất thúc và chất hãm để chín đều. Chỉ cần đưa vào lò, lớp xe đã sẵn sàng. Và đừng hy vọng Gabriel tiết lộ cho ta rõ tỷ lệ. Bí quyết, bí quyết, bí quyết (hạnh phúc thú vị được giữ gìn bí quyết này).

Xúc giác

Khoa học về lớp, hoặc ngành lớp học, tựa như một mối tình vật lý. Còn phức tạp hơn. Và phũ phàng hơn. Như trong tình yêu, phải có da thịt, đây là mặt đường và mặt lớp: làm sao để chúng tìm được niềm lạc thú, quấn quýt nhau, gắn chặt nhau (có như vậy mới tránh khỏi những sự trơn tuột chết người) nhưng đừng quá gắn bó keo sơn (để tránh hao phí công suất của động cơ)? Làm cách nào để lớp da của lớp khỏi xây sát nhiều trên lớp da mặt đường (chú ý đến độ mòn, chẳng mấy nổi dẫn đến chỗ nổ tung) nhưng dầu sao cũng một vừa hai phải thôi (không âu yếm, chẳng bám riết)? Chính để giải

đáp các câu hỏi này mà các nhà thần linh học đã phải nhẹ lướt các ngón tay trên lớp mặt đường, sỏi đá, bụi nhựa đường, các lớp lát đường đủ loại, bê tông, ngay cả lớp cỏ hoặc cát. Do đó họ hiểu rõ dần dần từng li từng chút chi tiết các sự vật. Đây là điều kiện tất yếu để làm lễ thành hôn cho chiếc xe với con đường, thỏa hiệp giữa các thỏa hiệp, thỏa hiệp mang tính của Pascal nhất trong các cuộc đánh cược.

Sửa chữa vật

Nhờ một chiếc lốp bị nổ. Làm cách nào dùng ít thời gian nhất để đắp vá?

Trong tất cả hạnh phúc của Clermant, có lẽ đây là hạnh phúc phải giữ kín nhất là cái chắc.

Một số bạn đồng nghiệp của Gabriel thấy thú vị khi loay hoay tháo, vá, lắp lại.

Gabriel chẳng thấy thú vị chút nào.

Đến tận ngày nay, anh vẫn đòi quyền là người có xúc giác chứ chẳng phải là kẻ chuyên sửa những những hỏng hóc vật.

Pháp lý

Mỗi thứ Hai đầu tháng, chúng tôi đều đi tàu hỏa chuyển sáng. Một nhóm gồm ba người với dáng vẻ dữ tợn: ông Drouard, người có chiếc va li con quý buộc chẳng bằng dây thép. Ông Guillaume, người phụ việc, mất không lúc nào rời chiếc va li con. Còn Gabriel chịu trách nhiệm phát hiện bọn mật thám có thể xuất hiện. Vừa đến Paris, cả ba người đều lao lên một chiếc tắc xi. Tới Bộ, nhân viên đón khách tiếp đón chúng tôi như những người hay lui tới quen thuộc.

- Chào những người dân vùng Clermont, các anh đi đường ổn chứ? Để tôi báo ông Glavani. Các anh cứ tự nhiên. Các anh đã biết rõ từ lâu đường đi lối lại...

Phòng đợi. Vụ văn bằng thực sự ngổn ngang, do chất đầy những nguyên mẫu đủ các kích cỡ, đủ loại: chúng được che đậy tạm bợ, nên chỉ thấy những hình thù kỳ quái. Nhân viên đón khách giơ tay lên trời. Tôi đã hết lời bảo họ chỉ cần vẽ ra là đủ, còn không, xin mời các vị cứ để những vật tuyệt vời của các vị ở ngoài sân, họ chẳng buồn nghe. Còn không khí ở đây thật căng thẳng. Nhà phát minh nào cũng đều giữ kho báu của mình khư khư trên đùi, ôm trong lòng, hoặc để đảm bảo hơn, họ ngồi quách lên chúng. Tất cả đều tùy thuộc vào kích cỡ của mẫu vật phát minh. Và khi một sinh viên năm thứ năm, một anh chàng mới tới, dám nêu một câu hỏi, tuy nhẹ nhàng, thái độ khoan dung, chẳng hạn: “Tôi thuộc ngành điện, còn ông, ông ở trong lĩnh vực nào?” thì chẳng ai buồn trả lời anh ta. Hoặc nếu có đáp thì cũng là một lời càu nhàu. Coi chừng đấy, ông Drouard nhắc tôi, những người có thể được cấp bằng là những tên kẻ cắp, những tên gian ngoan ma mãnh nhất, họ biết phục chế lại, thực sự theo kiểu Cuvier, anh cứ đưa cho họ một mẫu xương con, họ sẽ vẽ lại được toàn bộ con khủng long, họ moi từ từ bí quyết của anh, mà anh chẳng hề hay biết gì, tốt nhất là anh cố giữ mồm giữ miệng im lặng. Ông Glavani, vụ trưởng, là một người bạn của nước Pháp, của ô tô và của lớp xe. Ông đón tiếp chúng tôi như mấy vị hoàng đế. - Thế nào, lần này có gì mới chứ? Hai trăm kilômét một giờ chạy trên đường phủ tuyết và không xảy ra chuyện rủi ro gì à? Ông Drouard lần lượt mở ba chiếc khóa lấy ra tập hồ sơ về “cái đế” (dải băng của bộ phận lăn bằng da có đinh tán bằng thép) hoặc vành bánh tháo ra lắp vào được hoặc bánh xe dự phòng... trải trên mặt bàn rất rộng màu hạt dẻ. Ông Glavani vỗ tay. Ông là người có bản chất nhiệt tình, chính vậy nên đường công danh của ông bị ảnh hưởng (người đón khách của Bộ đã thổ lộ với chúng tôi). Ông Glavani lấy cuốn sổ bìa đen bằng vải giả da, đây, bằng phát minh của các anh mang số 72387. Tôi rất muốn lẽ ra được ở lại với các anh. Nhưng các bạn đồng nghiệp của các anh đang đợi và họ dữ tợn lắm. Thôi đi đi, hẹn tháng sau nhé. Các anh cố chuẩn bị cho tôi

một sự bất ngờ đấy. Chúng tôi ra khỏi văn phòng ông ta, chân bước như những nhà quân sự, lòng rất an tâm, với hơi ấm êm dịu này lan tỏa khắp cơ thể do sự được hợp pháp hóa đã tạo nên: niềm hạnh phúc pháp lý là như vậy đấy. Chúng tôi lại bước qua phòng đợi, bị ánh mắt của tất cả các nhà phát minh nhằm chĩa nhìn chăm chăm. Một số công khai phản kháng: thật xấu hổ, xấu hổ, một đại diện của nước Cộng hòa phải biết kiềm chế các tình cảm của mình, có sự thiên vị. Họ phải kiện lên tận bộ trưởng. Do đó, ông Glavani, người ủng hộ chúng tôi, cứ ì ạch trong việc thăng bậc.

Đôi lúc, trước khi lên tàu hỏa quay về, tôi còn kịp đảo về Levallois. Bà nội Marguerite không còn cầu nhàu kêu ca cái ghế của tôi nữa. Bà đã nhận ra rằng ít ra cũng phải để các lớp xe Alexandre le Grand sang được tận bên Nhật Bản. Còn bố Louis, bố có nhược điểm là không chịu nổi sự vắng mặt của tôi.

- Bố biết chứ, Gabriel, đấy là vì lợi ích của con. Nhưng vắng con ngày cứ dài lê thê. Bố nảy ra dự kiến đẩy xích bò con mình được gần bên nhau. Hiện nay bố chưa thể cho con biết, bố muốn con bị bất ngờ...

Gabriel quay về Clermont lòng rất xúc động và rất lo ngại. Những dự kiến của bố Louis, nhất là những tình cảm quyến luyến, anh đã có dịp được nếm trải để phải cảnh giác. Mối lo ngại làm giảm phần nào niềm hạnh phúc pháp lý của anh.

Thẻ thao

Giải lớn của Lịch sử được trao lần đầu vào năm ân sủng 1906.

Cả Clermont, trừ phụ nữ, những người đau ốm, những kẻ si tình, những thầy tu cương quyết không ham mê tính hiện đại, đều đổ về trường đua ở Sarthe. Cần phải có một sự lựa chọn. Gabriel nằm trong danh sách những người được chọn, bằng chứng về tính xuất sắc trong việc của anh tại nhà máy.

Biết tin vui, bố Louis nổi cơn phẫn nộ chưa từng thấy. Những bức điện của ông bố tới tấp gửi tới tôi:

“DỨT KHOÁC CẨM CHĂM RUI RO QUÁ LỚN.”

hoặc

“XE TRƯỢT CHĂM XE NỔ CHĂM TỰ SÁT LÀ CÁI CHẮC.”

Gabriel đều bỏ ngoài tai.

Phải chăng đây là mùi của nỗi sợ mang tính người (chó đánh hơi rất thính trước khi cắn)?

Phải chăng đây là tiếng nổ âm âm không bút nào tả xiết của các động cơ (trả lại cho sự yên tĩnh kiêu sang và sự dịu êm tựa lông hồng của nó)?

Phải chăng đây là ký ức về các màu sắc (màu đỏ của các xe ô tô, màu xanh lá cây, xanh da trời vụt qua, vun vút như con tàu nhiều màu sắc và lưu lại trong ánh mắt hồi lâu chưa nhạt nhòa, còn đường đua đã lại trống xe)?

Phải chăng đây là hình dáng tròn trặn của các ô tô gây tác động đến tới một kẻ không có mẹ?

Phải chăng đây là cơn giận dữ của các bà phụ nữ chúa ghét những trò chơi này của cánh đàn ông?

Phải chăng đây là đoạn cuối đường phải lựa chọn: phanh lại, không phanh?

Phải chăng đây là tấn hài kịch, những lần xuất phát sai lệch ở mỗi vòng đua, phóng ra xa ngoài đồng quê để rồi lại quay về đường

đua?

Phải chăng đây là chiếc đồng hồ bấm giờ cọ sát nơi lòng bàn tay?

Gabriel chịu không đoán nổi. Anh không biết rõ câu trả lời. Anh chỉ biết mỗi một điều, anh được nghỉ, trọn một ngày, không nghĩ tới mỗi tình của mình, không một suy nghĩ nào về các cô gái, không hề nhìn thấy Clara, nhớ tới Ann. Do đó anh chầy bở tới chỗ các nhân viên có chức trách:

- Các ông có định tổ chức Giải lớn nữa không?

- Tất nhiên là có chứ, anh bạn trẻ, và trên toàn thế giới. Gabriel nhẩy cẳng vui sướng. Anh biết rằng một mối tình bắt cá hai tay, thật gian nan, thật đeo đẳng như của anh thì cần phải có những lúc nghỉ ngơi để lại sức, những lúc nghỉ ngơi rất ngắn và rất dữ dội. Gabriel sẽ giành các Giải lớn. Đây sẽ là một giấc ngủ đối với anh, một giấc ngủ trong những tiếng động đình tai. Chẳng là, ngày khi nằm mơ, anh cũng chỉ thấy các nàng, nàng Ann với mái tóc vàng, nàng chị cả Clara.

Quảng cáo

Bibendum đã tạo dựng nên hình anh Gabriel. Đây là một niềm hạnh phúc? Các bạn đoán thử xem.

Một người đàn bà đợi Gabriel tại Grand Hotel de la Poste!

Tiếng gọi ghê tởm này thốt lên qua giấc ngủ gà ngủ gật vào một trong những buổi đầu giờ chiều đặc biệt nặng nề đó của năm 1902 [1) đã hơn ba trăm sáu mươi năm ngày vắng bóng cả Ann lẫn Clara, 2) thế kỷ XX còn tồi tệ hơn thế kỷ trước, ấy là nói về nỗi buồn phiền nảy sinh từ những buổi đầu giờ chiều], suýt vĩnh viễn phá tan sự nghiệp của Gabriel. Các bạn đồng nghiệp của anh liền bỏ chiếc lớp họ đang phân tích tỉ mỉ, họ nhìn chòng chọc kẻ bê tha, vẻ đau

buồn giả tạo, với tất cả tính đạo đức giả chỉ thấy thể hiện ở những bạn đồng nghiệp thôi. Còn ông Drouard tiến đến bên và để tay lên vai anh.

- Chuyện gì vậy, Gabriel, anh bạn ra dáng của tôi, có chuyện gì không ổn à? Cậu không thấy hạnh phúc bên bọn mình? Cần thận đấy Gabriel, đừng tự hủy hoại bản thân...

Liệu có phải nói rằng các nhà lớp học là những con người chặt chẽ về nguyên tắc không? Một phản ứng như vậy có thể làm họ tin ngay. Tin một cách vô lý. Ngành lớp học là một khoa học của những hỗn hợp, những tiếp xúc, những xúc giác, xa cả ngàn dặm với sự ngưng đọng quá mức. Nhưng với người dân Clermont, và có lẽ với các sinh linh khác, những người đàn bà (nói chính xác ra: giống người du cư này chẳng phải đàn ông, chẳng phải là mẹ, chẳng phải là vợ, cũng chẳng phải là chị em), những người đàn bà vừa đồng thời là sự sơ suất và sự trượt trợt, hai đều không thể chấp nhận được trong ngành lớp học, tất cả các lái xe đều hiểu rõ điều đó. Do vậy, các bạn đồng nghiệp và ông Drouard chợt coi Gabriel như một con quỷ và thì thầm nói những lời không ăn nhập với nhau: khách sạn, một người đàn bà, de la Poste, tất nhiên là dân Paris... còn Gabriel cũng phải lắp bắp; người trong gia đình, đợi một lát, tôi quay lại... Anh cởi bỏ chiếc áo blu xám và chạy đi, không biết có đúng là Clara không? Không, có lẽ đúng hơn là Ann? Chạy đi đến quảng trường de Jaude.

Một đứt hơi, Gabriel chạy tới chỗ đón tiếp khách. Người gác cổng hờ hững chỉ tay, thừa ông, phía sau ông. Gabriel lao tới, băng qua tấm rèm cây xanh giữa tiếng cây xào xạc mạnh...

- Anh hãy bình tĩnh, chào anh và anh bình tĩnh – mẹ của họ bảo, đúng là mẹ của Ann, mẹ của Clara. – Đây, anh cầm chiếc khăn tay này lau trán đi. Má anh đỏ ửng cả.

Gabriel liền ngoắt trở mặt (cũng may chỉ trong lòng) thầm nhắc đi nhắc lại rằng, may đây là mẹ mấy cô nàng. Mình bản thủ, mình lòi

thôi lếch thếch. Nếu Ann hoặc Clara ở đây thì đúng là tai họa to... Từ nay về sau sẽ từ tốn đến với các nàng và chỉ vào giữa đông thôi. Mùa hè, mình sẽ án binh bất động để khỏi bị đổ mồ hôi, phụ nữ chúa ghét bị đổ mồ hôi, tình yêu không mọc được trên mồ hôi thấm ướt thể này, may quá, cảm ơn Chúa tôi...!

- Thế nào, anh đã tỉnh tâm chưa? Anh uống chút gì nhé? Không à? Thôi được rồi, nghiêm chỉnh mà nói tôi tới đây vì thấy anh dễ thương. Theo tôi, các con gái tôi cũng thấy anh dễ thương.

Chứng tim loạn mạch đập của Gabriel đã thuyên giảm, lúc này tái phát dữ.

- Ô! Tôi xin trung thực mà nói với anh rằng anh không phải là người duy nhất mà các cháu coi là dễ thương. Các con gái tôi là vậy đấy. Nhưng khi nói về anh, ánh mắt các cháu ngời sáng một cách đặc biệt. Một bà mẹ phải nhận biết rõ những ánh mắt đó. Còn anh, anh Gabriel, mong anh bỏ quá cho câu hỏi thô bạo của tôi, nhưng do chúng ta không có thời gian, tôi phải ra về ngay chuyến tàu sau, anh Gabriel, anh có yêu các con gái tôi không?

- Chẳng là...dạ, có ạ.

- Thôi kệ anh. Một câu hỏi nữa, anh có phải là người Do Thái không?

- Dạ, không.

- Thôi, anh chẳng nên lấy đó làm điều, không quan trọng. Chỉ có điều, không phải là người Do Thái, anh chẳng hề có khái niệm gì về các bà mẹ Do Thái.

Gabriel thú nhận sự không hiểu biết của mình.

- Những người mẹ người Do Thái là những người tốt nhất trên đời. Và không chỉ trên lĩnh vực chăm sóc trong việc ăn uống, như

một số người theo chủ nghĩa chủng tộc cứ những muốn làm tưởng vậy. Cả trong tình thương yêu nữa. Một bà mẹ người Do Thái có khả năng đi một chuyến tàu lạnh như băng giá để đến một thành phố lạnh như băng nói với một chàng trai mình ướt đầm mồ hôi, xin lỗi là tôi giấu cọt anh, anh Gabriel, người Do Thái là như vậy mà, nói với chàng trai: anh bạn này, anh yêu các con gái tôi và rất có thể một ngày nào đó các con gái tôi yêu anh, tất cả các điều kiện của sự không may đều tụ hội. Anh có chấp nhận khước từ các con gái tôi không, anh Gabriel!?

- Dạ không.

- Tôi cũng nghĩ như vậy. Do đó, tôi buộc lòng phải làm cái nghề của bà mẹ tốt nhất trần đời và cố xua khỏi anh càng nhiều điều không may càng tốt. Thỉnh thoảng tôi sẽ ghé tới đây, anh Gabriel, nếu anh đồng ý. Tôi sẽ kể anh nghe về các con gái tôi. Anh sẽ cho tôi biết về anh. Anh sẽ dần dần hiểu rõ hơn về các cháu. Tôi sẽ có lời khuyên bảo anh. Anh đồng ý không, anh Gabriel? Tôi không biết rằng anh còn do dự, anh Gabriel. Bản thân không có mẹ và lại rơi đúng vào một bà mẹ vợ người Do Thái, cuộc xung đột khá gay...

Gabriel gật đầu, như một chú bé rất nhỏ, da vàng, thưa bà, tôi rất muốn vậy.

- Thôi được, tôi không có nhiều thời gian, ngày mai tôi đã phải ra về. Ta nói về người chị cả trước. Đây là những điều anh cần biết về Clara...

Bài học đầu tiên bà Élizabeth Knight dạy cho Gabriel Orsenna được bắt đầu như vậy, tại tiền sảnh Grand Hôtel de la Poste, quảng trường de Jaude, Clermont, sau tấm rèm cây xanh. Sau đấy, hai người phải thay lệ thường và lên tận ngọn núi Dôme bằng tàu điện hơi nước khởi hành từ quảng trường Lamrtine, chạy ngược suốt đại lộ Observatoire, ị ạch và nhả bụi than leo lên tận đỉnh núi.

Chính tại đây, một địa điểm nằm sừng sững chìa ra Royal, Riom, Chamalières, Puy-Guillaume, đường đua Charade, nhà ga Mont-Dore, bà đã huấn luyện cho tôi như các huấn luyện viên thường hay nói như vậy.

- Thoạt đầu anh phải tập dạn dày, anh Gabriel tôi chẳng muốn anh nản chí, nếu không tôi có mặt đây làm gì? Nhưng sẽ gian khổ đấy, những bi kịch, những cảnh im lặng ghê rợn, chẳng có quan hệ gì đến mối tình riêng của tôi, anh Gabriel. Chúng tôi, Markus và tôi, chúng tôi có cùng lối sống.

- Thưa bác, bạn dày nghĩa là gì ạ? – Gabriel hỏi, không dám đưa chân tiến đến bên thành lan can, chẳng qua do sợ chóng mặt, dù cho ngay tại Auvergne cũng vậy.

- Nghĩa là tự tao cho mình có được chút vẻ dửng dưng, đúng đấy, một chút vẻ dửng dưng. Học được cách suy nghĩ tới vấn đề khác ngoài các con gái tôi.

Gabriel cảm ơn.

- Thưa bác, tôi sẽ cố gắng, tôi sẽ cố thử.

Bà Knight, xích lại gần. Ở đỉnh ngọn núi Dôme thường bị lạnh, bà để một bàn tay lên vai Gabriel, còn tay kia xoa xoa đầu mũi mình. Mạnh dạn trước cái vẻ đột ngột thân tình này, Gabriel thấy có khí thế và dũng cảm hỏi:

- Bác cho rằng một người nữ, ý tôi muốn nói hai người nữ, có thể đem lòng yêu một người má bầu bĩnh không ạ?

Bà Knight liền cười, cười như người ta cười vào mùa đông, cười mím, mép hơi nhếch.

- Tất nhiên chứ, anh Gabriel, câu hỏi nghe đến là lạ, khối phụ nữ thích các cặp má bầu bĩnh. Ta đi xuống chứ?

Và Gabriel hoài nghi (chắc là bà ta nói vậy để mình vừa lòng thôi?) đưa mắt nhìn lần cuối các mỏm núi Auvergne khum khum, đầy đặn, tròn trịa, những người anh em tròn trĩnh của tôi.

Hình ảnh sau đó là Gabriel khoác tay bà Élizabeth, đầu đội mũ, mũ thời đó cũng là những tác phẩm rất nghệ thuật, những khoảnh rừng rậm, vòm lá, lông đà điểu, chim đậu, hình ảnh Gabriel dấu sao cũng được một lần thấy mừng là mình thấp bé (con hơn nửa đầu tôi sẽ chạm phải khu rừng rậm), hình ảnh sau đó là một bà xinh đẹp, rất xinh đẹp, và Gabriel đi sát bên nhau vượt qua quảng trường Jaude, trước những cặp mắt sững sờ của Clermont.

- Nếu anh muốn nghe một lời khuyên, - hôm sau ông Drouand đỏ mặt khế thì thăm bảo, - chớ nên quá lộ mặt lộ liễu.

Về vấn đề này, mãi rất lâu về sau, bây giờ đã đến lúc đúng thời hiệu, dù đề tài nực cười, Gabriel có nhiệm vụ thú nhận với bạn lòng kêu căng đến nực cười.

Bà Élizabeth luôn là một sự duyên dáng gây xúc động, lúc bà là một nhà may quần áo nữ tài ba, lúc lại là nhà sản xuất quần áo, tùy theo điều may hoặc chuyện rủi của ông bầu kiêm nhà phát hiện của bà. Vào quãng năm 1910, 1911, y phục của bà thay đổi: áo dài mềm mại hơn, đơn giản hơn thân áo nâng cao thường mang dáng vẻ phương Đông. Nhưng nhất là các màu sắc không bao giờ giữ y nguyên. Màu đỏ, màu xanh lá cây, xanh da trời của bậc vương quyền đã được thay bằng màu hoa cà, màu xanh cây cẩm quỳ, màu hoa tú cần dậu.

- Tuyệt lắm, - Gabriel thăm nhủ, - bà Élizabeth đã nhận thấy mình có tiến bộ. Bà biết rằng mình không còn sợ phụ nữ nữa. Bà chẳng cần che chở mình. Bà ăn mặc theo ý bà...

Và buổi tối, nằm trên giường, anh xoa tay: mình đã bắt đầu lọt được vào chốn thân thiết, lọt được vào chốn tự do của phụ nữ, đến lượt đôi ta, các nàng và ta, để lượt đôi ta, Ann và Clara.

Gabriel nức cười. Chú chó bông Gabriel lông bạch, khi sữa, chú những ngớ có thể ra lệnh cho mặt trời mọc.

Chẳng qua là bà Élizabeth ăn mặc theo thời trang. Bác thợ may Worth đã hết thời. Paul Poiret áp đặt luật lệ của mình.

Khi viết điều này, bố Gabriel của con biết ánh mắt ở tuổi niên thiếu của con sáng lên. Con không dám nói ra nhưng bố biết câu hỏi đang cháy bỏng trên môi con: bố đã ăn nằm rồi chứ? Rõ ràng là con chẳng hiểu gì về Clermont. Những cặp ngoại tình bới mãi mới thấy sẽ nói với con: không thể giữ kín được. Mọi chuyện đều bị lộ. Từng cái ve vuốt tội lỗi đều bị tố với giám đốc nhà máy, ngay một giờ sau đấy. Triệu tập. Đuổi việc.

Các chủ khách sạn ở Riom đều sẽ khẳng định với con điều đó. Họ cho rằng giấu những tên tội phạm nam giới và nữ giới là ổn. Nhưng không xong! Riom quá gần Clermont (15 km). Phải đến tận Vichy (59 km) hoặc tốt nhất đến Moulins (96 km), mới mong thoát được lũ rình mò của nhà máy.

Gabriel chẳng bao giờ rời khỏi Clermont trừ trường hợp đi dự Giải lớn, mỗi nghi ngờ đó chỉ là một sự ác ý không có bằng chứng. Hoặc người ta đã thu thập qua mỗi lần đến thăm của bà Knight, một chuỗi các sự trùng hợp hoàn toàn không đáng tin cậy. Rằng khi xuống ngọn núi Dôme, do cảnh lộn xộn bà mẹ của Clara và Ann bị xô giạt vào nhân vật của chúng ta và cũng có thể bị xô loạn choạng nên cứ phải đứng đấy, nép mình, rằng trong tiền tiền sảnh của khách sạn de la Poste, nhân viên tiếp đón đã quay lưng lại về phía hai người, đúng vậy, các vị này thích mằm mò những chùm chìa khóa cửa; rằng người trực thang máy đã vắng mặt, do tang lễ nào đó hoặc mẹ bị ốm (còn bà Knight, con thấy đấy, bố là người minh bạch,

bà ta biết cách thao tác mũi tên dài bằng đồng)l rằng ngoài hành lang vắng bóng người, đúng lúc bà trực phòng đang bận lo việc ở lầu trên, rằng cửa văn phòng số 314 không kêu rít; rằng Gabriel không thốt lên một tiếng cười, rúc rích lỗ bịch đúng là của các chàng trai tân (hoặc gần như vậy) khi bị cởi chiếc cra vat Lavabe đeo vào những ngày lễ; rằng các dây giày không sào sạc; rằng nịt vú không sột soạt; rằng Gabriel sốt ruột, chẳng đã hát tung đôi giày xăng đá của mình bắn sang đầu kia căn phòng 314, như tất cả các chàng trai được hưởng của trời ơi vẫn thường xử sự như vậy, không trừ một ai; rằng bà Knight không nỉ non, cũng chẳng thở dài, chẳng rú lên, vào bất cứ lúc nào. Thế mà, có lẽ con chưa biết, khi người ta từ Paris tới vì chuyện này, người ta nỉ non, nói đúng ra người ta thở dài, người ta rú lên.

Trùng hợp, phải thừa nhận rằng vô số những trùng hợp. Thế mà bố Gabriel đã giải thích với con chuyện đó, nhưng bố vẫn nhắc lại: không có sự ngẫu nhiên, mà chỉ có lòng thương nhớ quê hương. Không, tốt hơn hết là bám vào các sự việc. Gabriel không bị đuổi khỏi nhà máy. Như vậy là tâm hồn anh ta trong sạch. Và nhiều số liệu thống kê (cấm không được công bố để đảm bảo trật tự về chính trị) xác nhận điều này; một bà mẹ người Do Thái thủy chung hơn người đàn bà khác.

Rút cục, một cuộc giao du khác, có cái vẻ chính đáng hơn suýt vĩnh viễn đập tan sự nghiệp lớp học của tôi.

Gabriel luyện tiếc những chiếc tàu điện. Giới cao su coi thường chúng thậm tệ (những chiếc xe tội nghiệp có lắp bánh bằng sắt), anh thích thấy những con tàu to tướng này bò ngang dọc khắp thành phố, râu vểnh lên trời, và chân bao quanh một lớp tia lửa. Đôi lúc anh ngồi lên tàu đi dạo một chuyến không có lộ trình nhất định, cốt để hưởng cái thú ồn ào, bị xô lắc, và cả cái cảm giác kích thích của sự hiện đại hóa. Không có được những đặc tính làm dịu yên cõi lòng như của Giải lớn, nhưng những chiếc tàu điện xoa dịu nỗi buồn. Ann và Clara xem ra gần gũi hơn, và tương lai với mấy cô nàng thêm phần chắc chắn tí chút. Chẳng là, các tàu điện, theo định nghĩa,

không bao giờ đi chệch khỏi tuyến. Cảnh tượng trung thành này làm anh tĩnh tâm. Người ta không nhận thấy, nhưng việc thay thế tàu điện bằng xe buýt nhất là những sự thay đổi gây ra cảnh phải thường xuyên chuyển đầy người xếp hàng, đã làm cho tâm hồn người dân thành phố bị mất phương hướng một cách âm thầm, nhưng sâu sắc và gieo vào lòng họ ý nghĩa ngoại tình. Nói tóm lại hôm đó, Gabriel ngồi yên vị trên chuyến tàu điện của mình chạy ngược đại lộ Charras.

Và ai đang ngồi ngoài thềm hiên quán cà phê Blancharel ở đối diện khách sạn Midi? Bố Louis.

Cậu con trai liền đứng bật dậy khỏi ghế, xô hai bà nông dân từ trên núi xuống để bán, qua mùi thơm, không còn chút nghi ngờ gì nữa là mật hoa tiên, anh chàng nhảy xuống lề đường. Bố Louis đã đứng dậy. Hai bố con ôm nhau, hồi lâu, một hồi lâu. Thế - nào - khóc - cao - su - tốt - bà - nội - Marguerite - vẫn - luôn - buồn - còn - các - con - mới - tình - của bố - khói - thế - nào - của - con - sông - ta - sẽ - thu - xếp - chuyện - này. Phải mãi chuyến tàu điện sau nỗi chuông liên tục cảnh cáo mới tách được hai bố con rời nhau ra và để nó đi qua.

- Một mối tình thật đẹp, - một giọng nói lên sau lưng hai bố con.

Hai bố con xoay người lại.

- Bố giới thiệu con đây là bác sĩ Ligier, - bố Louis nói, - Bố và bác sĩ cộng tác với nhau.

Tội nghiệp bác sĩ Ligier, Gabriel còn có thời gian nghĩ vậ và anh siết chặt tay với sức mạnh tự nhiên và anh đáp lại nụ cười cố gượng hết mức, với vẻ tự nhiên. Tổng kết lại: năm ngón tay bọ bóp nát, nhưng con tim được sưởi ấm. Chẳng là sức mạnh tự nhiên, đôi vai vuông vức, cái gáy của lính cận vệ và chiếc sọ hình cầu, có ánh mắt nhìn thân ái nhất nước Pháp.

- Tất nhiên là con ở lại trưa với bố và bác, - bố Louis quyết định.

Cousinat (xúp: hành tây, hạt dẻ, tỏi tây, cần tây, crem tươi, bơ Salers).

Falette (xườn cừu rán, đậu trắng).

Aligot đồ ngọt (pho mát toar Planèze, tỏi, khoai tây, rượu rum).

Rượu địa phương, rượu chanturgue.

Trong khi tiệc tùng, bố Louis kể lại ý tưởng mới của bố. Bố càng đi sâu vào chi tiết vụ này, Gabriel càng tự rót cho mình nhiều rượu chanturgue để nhấn chìm trong lòng cái tính bi quan cơ bản đối với tất cả các dự kiến của bố.

- Gabriel, để bố giải thích cho con rõ. Như con đã biết, dân bản xứ thuộc địa hay đau ốm. Còn bố, bố tham gia với hết sức mình vào tiến bộ y học nhiệt đới mà không có nó thì chẳng thể có Đế quốc. Ta có thể nghĩ rằng, đứng trước một công việc như vậy, toàn dân Pháp sẽ đoàn kết lại. Bác sĩ, xin mời bác sĩ dùng thêm món cousinat, cách đây mấy tháng, một người xuất bản ở Paris, bố sẽ cho con tên ông ta, Gabriel, có thể con sẽ được gặp ông ta trên đường đi của con, phải thận trọng với ông ta như với bệnh dịch hạch. “Nhà xuất bản garette des caude” 3 phố Humboldt, xuất bản một bài nhục mạ *Chátclguyon* và người sống ở các nước thuộc địa, cái phụ đề còn dễ lộ rõ hơn “rất nhiều người sống ở các nước thuộc địa bị coi đã mắc “bệnh gan” là những người theo những xét xử của *Chátclguyon*, trước hết “mắc bệnh đường ruột”. Con biết thủ thuật rồi đấy, cái bánh quy cứng này dễ tan trong miệng, một chiếc lược đáng khinh trong kinh doanh: xô toẹt tất cả các khách hàng của Vichy tại các thuộc địa. Kết quả là bị nó dồn đến chỗ phá sản. Những người có thiện chí đã quyết định phải hành động.

- Không có bố anh, Vichy đã chết toi rồi, - bác sĩ Ligier xác nhận, - sức mạnh tự nhiên.- Và kết quả này đây, bố anh muốn làm con bị

bất ngờ: Vichy dành cho người dân thuộc địa và những người sống ở xứ nóng, tác giả là bác sĩ Bandelin, tập một do Orsenna xuất bản.

Gabriel lau mồm, chùi tay và bắt đầu lật các trang sách.

LỜI MỞ ĐẦU

“Người sống ở các nước thuộc địa và ở xứ nóng chưa biết rõ lắm công hiệu của nước Vichy và tác dụng phòng ngừa và trị các bệnh nhiệt đới của nó. Họ biết rõ nơi nghỉ có nguồn nước nóng ở Vichy có ích trong việc điều trị những chứng bệnh đau gan và dạ dày – ruột, nhưng niềm tin vững chắc và sâu đậm trong việc điều trị khỏi hoặc làm giảm một số bệnh ở các xứ nóng chưa thâm nhập sâu trong suy nghĩ riêng tư của mỗi người và do đó người ta bỏ qua không đến với Vichy để tìm cách chữa khỏi bệnh”.

- Thế nào, con thấy thế nào? – Bố Louis hỏi.

“Việc chữa bệnh bằng Vichy là liều thuốc công hiệu đối với những chứng bệnh này. Do ảnh hưởng của cách điều trị, da thịt mềm mại và chắc, nước da sáng sủa. Những khuôn mặt gầy còm trông không còn hốc hác và gò má hõm sẽ phình xệ, nước da đỡ bủng và chính ngay khuôn mặt phù bủng cũng lấy lại được sắc vẻ khỏe mạnh”.

Trong khi đang đọc, tôi nghe tiếng bố nói:

- Ông thấy đấy, ông bác sĩ, Gabriel cũng có đầu óc khoa học. Chẳng phải ngẫu nhiên nếu cháu đã chọn xứ sở của Pascal. Cháu có thể hỗ trợ rất nhiều cho chúng ta.

- Tôi đã nhận thấy điều đó, - bác sĩ đáp.

“Vichy dành cho những người thể lực yếu, uể oải và thiếu máu. Đây là trường hợp của những người sống ở các nước thuộc địa.

Vichy là nơi điều dưỡng lý tưởng để những người sống ở các nước thuộc địa và những người mắc bệnh của xứ nóng nên tới lấy lại sức khỏe, luyện thể lực và chữa lành những chứng bệnh nhiễm phải trong những điều kiện nhiệt đới. Khỏi phải lo sợ ho lao. Không một căn bệnh lao nào có thể và được phép mon men tới gần.

Vichy là người nước làm trẻ lại dành cho những người ở các nước thuộc địa.

Ai uống nước Vichy sẽ lấy lại sức khỏe và thể lực, tôi còn dám nói rằng, sẽ trẻ lại”.

- Con đã đọc xong, bố muốn có lời văn ngắn gọn để không làm giảm sự thật. Thế nào, ý kiến con ra sao?

- Tuyệt lắm! – Gabriel nói. – Thậm chí tàn bạo đối với các trạm điều dưỡng khác (mà năm mươi phần trăm sau này Gabriel phải xin lỗi, nhưng rượu chanturge làm rối sự nhận định về khoa học nước khoáng nóng).

- Con nói vậy không phải để làm vui lòng bố đấy chứ?

- Không ạ, sự thật đấy.

- Ông thấy thế nào? – Bố Louis quay sang hỏi bác sĩ. – Lại được thêm một người đồng minh!

- Hoan nghênh anh đã gia nhập hàng ngũ những người ủng hộ nước khoáng Vichy! – Ông bác sĩ nói.

Và chúng tôi nâng cốc uống mừng một hồi lâu nước khoáng Vichy, chúc mừng khoa học, chúc Đế quốc. Các chuyến tàu điện chạy qua, chạy lại. Cuối cùng Gabriel phải tự hỏi chẳng rõ chuyến tàu điện vô tận này có chuyến nào cũ chạy quanh Clermont, như một bức tường thành di động vậy.

Những tháng sau đấy, tôi tận lúc bị bắt giữ, được ghi lại trong cuốn sách vàng. Cha – Con ở chương “thừa nhận”, cũng còn được gọi là “Khỏa thân”.

Gabriel và bố Louis chủ nhật nào cũng gặp nhau ở quán cà phê Bancharel.

- Bằng chứng rõ ràng nhất nói lên sự gắn bó của bố với sự thật, - bố Louis nói, - đó là bố đã lựa chọn Vichy (cách đây 59 km). Lẽ ra bố nên bảo vệ Chatelguyon (20 km), để đỡ phải đi xa.

- Đúng vậy, - Gabriel đáp.

- Ông bác sĩ mời hai bố con tuần sau đấy.

- Bố cảm ơn ông ấy giúp con.

- Có chuyện gì vậy, Gabriel ? Lại Ann, lại Clara à? Thôi mà, không sao cả đâu. Chúng ta cùng bàn bạc với nhau. Trước hết ta gọi bữa ăn hăng. Còn thấy cái món moustayrol, rồi tiếp đến món picoussel thế nào?

Và khi các đĩa thịt bò băm bông, gà, rau được bưng ra, rồi sau khi đã ăn các món xen kẽ pho mát, bánh nhân mút mặn và rau hảo hạng, bố Louis mới thuyết về tình yêu cho cậu con trai.

- Phụ nữ bỏ ra đi, Gabriel.

- Đàn ông có lẽ biết cách mở đầu, Gabriel, nhưng phụ nữ biết cách kết thúc.

- Nếu ít ra phụ nữ ra đi có một nắm mồ thì, Gabriel này, người ta còn có một cái đích để đi dạo...

Gabriel lại càng rầu rĩ. Quang cảnh xung quanh đóng vai trò của mình, tắt cả các núi lửa đều tắt hết. Và lại còn rượu chanturge nữa. Khi ông bác sĩ không có đây có thể nói rằng bố Louis đã uống những ý nghĩ đen tối.

Sau những cuộc gặp gỡ ảm đạm đó. Gabriel lao vội tới nhà máy. Người gác cổng trở mặt.

- Làm việc à? Chiều tối Chủ nhật vẫn làm việc à?

Gabriel đã tìm thấy ở nơi đây sự bình thản của mình, dần dần, vùi đầu vào công việc, anh tìm thấy niềm tin này vào các sự việc, cảm thấy vững chắc này ở dưới chân đang bước tạo nên sự tinh thông, thay vào chỗ thiếu vắng tình yêu.

Bất chấp những tiếng la hét om xòm của ông bác sĩ, một thời gian sau đó bố Louis bị bắt vì hoạt động bất hợp pháp về y tế (nhiệt đới). Những tấm lòng nhân từ hay nói một cách chắc chắn hơn, những khúc lòng bị chăm sóc chẳng ra sao, đã tố cáo bố. Chatelguyon đã trả thù.

Cuộc đời ở gửi

Họ kia rồi. Một chiếc bàn lớn kê gần các cửa sổ, một bó hoa màu xanh lơ đặt giữa các cốc. Họ kia rồi, bà Élizabeth mặc đồ đỏ, hai chị em mặc đồ trắng ngà, ông Markus đội chiếc mũ rơm đáy bằng của người đi câu, lệch hẳn sang trái, họ kia rồi, bốn người nhà Knight, có mấy cậu thiếu niên gầy còm lẳng xẵng sẵn đón (chắc chắn đây là mấy thần đồng chán ngấy). Cuối cùng họ kia rồi. Và họ không nhận thấy Gabriel đã tới, hai tay xách hai va li, họ không nghe thấy tim anh đập rộn. Họ tiếp tục trò chuyện tựa hồ như đã không có gì xảy ra, họ giảng giải cho những thần đồng rõ các thực đơn ở khách sạn Washington và Albany, họ gọi rượu trắng, để mở đầu... Đúng lúc Gabriel định bỏ cuộc, định bỏ đi (anh chẳng còn can đảm nữa), đúng lúc giấc mơ chỉ là giấc mơ, kỷ niệm về lần vượt eo biển Manche diệu kỳ giữa trời giông tố, mãi mãi chỉ là giấc mơ và không hơn không kém, đúng lúc cuộc đời trở thành cuộc đời, một cuộc đời vô vị, có thể có sung sướng, một đám cưới ở Clermont – Ferrand với một cô Marie – Bénédicte, một bước tiến của nhà Kỹ sư, đúng lúc đó bà Élizabeth kêu to “Gabriel kia!”, rồi sau đó ba người kia cũng kêu to “Gabriel, anh Gabriel kia!” Họ đứng bật dậy, họ vây quanh anh, họ ôm chầm lấy anh, Gabriel được giới thiệu với mấy chú thần đồng chán ngấy, đây là anh Gabriel, con rể tôi, ông Markus Knight nói thêm, ông nắm tay phải của anh và cả căn phòng, những bàn khác, những người hầu bàn, bồi bàn đều đổ dồn nhìn Gabriel ngồi xuống ghế. Họ nhìn giấc mơ đó đang trở thành hiện thực. Đột nhiên không khí ám áp phảng phất nổi bấp bênh lưỡng lự là liệu có nên vỗ tay hoan hô không? Không vỗ tay, nổi xúc động thật khó chịu, nhưng sau đó không thấy ai vỗ tay, những người ăn tối mỉm cười, bữa tối lại tiếp tục, tiếng đĩa, dao lách cách trên đĩa, cốc lại chạm nhau. Cái ngày 17 tháng Bảy năm 1913 đó Gabriel Orsenna đã ngự trong mối tình của mình. Trên tàu, tôi bao nhiêu tuổi ấy nhỉ? Ann hỏi. Anh khỏe không? Clara hỏi. Đừng làm anh ấy quá mệt mỏi, anh ấy vừa tới, bà Élizabeth nói xen vào. Hỏi, trả lời, ồn ào, chẳng ai nghe ai, ai cũng nói, người ta nói vì không ôm được nhau vào lòng, chẳng là bàn quá rộng, người ta tuôn ra những từ, những từ làm nhiệm vụ các cầu

hàng không: anh không hề thay đổi. Clara khẽ bảo, mắt nhìn chăm chăm vào Gabriel. Chà! Con thấy thế thôi, bà Élizabeth nói và nháy mắt với Gabriel, còn mẹ, mẹ thấy anh ấy, biết nói thế nào nhỉ, đã dày dặn. Để xem, cứ để xem sao, Ann lầm rầm, mỗi lời nói là một dự định hoặc một kỷ niệm, mở một cánh cửa trông ra phía trước, trông ra phía sau, hướng về tương lai, trông lại quá khứ, và nhiệt tình bốc lên, một nhiệt tình mà Gabriel chưa bao giờ cảm thấy cũng chẳng bao giờ quên được rằng thị trường kỳ lạ khổng lồ là tình yêu, một thương trường quá lớn: người ta lọt vào một thế giới và một thế giới lọt vào bạn. Bao trao đổi làm bầu không khí nóng lên gây cảm giác như đang là mùa hè.

Về điểm này, sự dịu dàng gây đau đớn, cần phải đánh lạc mục tiêu. Người ta làm ra vẻ quan tâm đến những thần đồng tẻ ngắt. Lúc này bạn đang chuẩn bị gì, ồ! Bản dạ khúc số sáu cả Chopin, chỗ khó là nhịp thứ mười sáu, đúng không, bạn sử dụng ngón nào?

Còn Gabriel chẳng biết chút gì về xướng âm, chẳng hiểu nội dung câu chuyện đang trao đổi, do đó thấy yên tâm về việc phát hiện ra đặc tính kỹ thuật của âm nhạc. Anh tự nhủ rằng tình yêu cũng vậy, phải tinh thông, phải học hỏi những điều cần thiết, anh sẵn sàng làm tất cả mọi việc vì nhà vua tương lai của cao su chẳng sợ những gì là vẻ duyên dáng, vẻ duyên dáng và những điều bức chế của nó, sự bất công thuần túy, người thợ vào giờ thứ mười một chỉ việc đến nhận miếng ăn của mình mang đi.

Những vị thần đồng chẳng dễ bị mắc lừa về sự chú ý quá đáng này. Chúng biết đây chỉ là giờ giải lao. Nếu có ít tiếng động hơn, chắc người ta nghe rõ tiếng gầm gừ giận dữ của chúng, nhất là khi ông bầu kiêm người đã phát hiện tài năng của chúng cầm chúng cắt miếng thịt chúng đang ăn.

- Để bọn ta giúp các cháu, ngày mai các cháu có cuộc biểu diễn, không nên bầu chặt các ngón tay vào chuôi dao để cắt thịt như vậy...

Do đó cả gia đình Knight, kể cả chàng rể, ngồi cắt thịt bò thành những hình khối nhỏ, đúng lúc đó ông Knight đột xuất tuyên bố ngày cưới.

- Theo đúng lệnh là ngày 30 tháng Tám, hôm sau chúng ta đã phải rời đi London.

- Tôi sẽ lo liệu tất, - bà Elizabeth bảo. Bà nhìn Gabriel, miệng cười hơi có vẻ hạ cố của Đấng Sáng Tạo với kẻ mình đã tạo ra: thế nào, anh thấy vui chứ, anh thấy đấy, cũng bỏ công chờ đợi.

- Mẹ nói gì thế? Ann hỏi.

- Chẳng có gì cả, một điều bí mật giữa anh Gabriel và mẹ. Mẹ chẳng muốn để các cô ăn sống nuốt tươi anh ta, các con gái yêu quý của mẹ ạ...

Hai chị em đỏ bừng mặt. Do sắp phải biểu diễn, các thần đồng không được phép uống rượu.

- Thôi được rồi, bây giờ anh ngủ ở đâu? – Ông bầu hỏi.

Clara tái mặt. Ann bắt chước bố, giọng rất con trẻ:

- Đúng đấy, anh ngủ ở đâu nhỉ?

Và thế là ông chủ khách sạn liền được triệu ngay tới bên bàn ăn.

- Rất tiếc, thưa ông, đêm nay các phòng ở khách sạn đã có người trọ cả. Ngày mai, tôi xin hứa với ông đấy...

Người ta quyết định chàng rể tương lai ngủ chung với các thần đồng, đàn ông với nhau, đúng không anh Gabriel, anh không thấy phiền chứ? Tất nhiên Gabriel muốn được sống một mình, vì anh có biết bao dự định trong tối nay. Thoạt đầu anh muốn được thủng thảng suy ngẫm trong bầu không khí oi bức của mùa hè và làm quen

với sự hiện diện quá mới mẻ, nằm sâu kín trong lòng anh, một thực tế quan trọng và vui sướng mà anh tự hỏi không biết có phải vấn đề xuất phát từ tâm hồn anh không. Trả lời một câu hỏi tương tự cần phải tế nhị. Nhưng liệu Gabriel có thể bắt đầu những mối quan hệ của mình với ông bố vợ tương lai bằng một chữ không đầy thóa mạ? Anh đã trả lời rằng chắc chắn mình rất lấy làm vui được chia sẻ căn buồng với các vị đáng kính mà anh sẽ không quấy rầy giấc ngủ, vì sau một buổi tối đáng ghi nhớ như tối nay, anh chẳng muốn đọc sách trước khi ngủ.

- Tốt lắm, anh Gabriel! – Ông bầu bảo. Không biết mình có nên ôm hôn Ann không? Không biết mình có nên ôm hôn Clara không? Nhân vật của chúng ta tự hỏi thầm. Anh cho rằng cách biểu lộ tình cảm như vậy có lẽ hơi quá sớm. Do đó, anh đứng dậy, hai tay xách hai chiếc va li và tiến đến bên thang máy, anh cảm thấy như bị tra tấn vì các ánh mắt xuyên xoáy sau lưng anh: và nếu mình làm họ thất vọng, và nếu ngày mai mọi chuyện sẽ chấm dứt?

Khi cánh cửa căn phòng chung mang số 217 được khóa chặt, khi ánh đèn chưa được bật sáng, khi từ trong bóng tối dội lên những tiếng chửi rửa, chửi rửa bằng tiếng nước ngoài, phong phú về nguyên âm, khi những bóng hình đầy vẻ đe dọa tiến lại gần, tay lăm lăm kẻ chiếc chân nến dài, kẻ chiếc giá treo áo bành tô, kẻ cái nóng giày, Gabriel thầm nhủ phút lâm chung cuộc đời làm rể đã điểm. Anh chạy quanh chiếc bàn một chân và cố thương lượng (này, này, các vị, các bạn thân mến).

- Đây, này, các vị, đừng quên rằng ngày mai các vị có buổi trình diễn, các vị cần thận kéo bị gãy xương đốt tay đấy.

Gabriel có nói thật dịu dàng, thật rành rọt, sử dụng tiếng Anh, đã thêm mẫu tiếng Đức, lời nói chẳng có tác dụng gì, đòn bắt đầu đổ như mưa.

Anh liền nhảy phốc lên một chiếc ghế bành, lao qua giường, chạy vào buồng tắm khép chặt cửa lại. Gabriel nằm trên đồng áo tắm

mềm mại, bị vũ khí của Washington và Albany (cờ sao và mũ niêm công tước) quật tơi bời, đã trải qua như vậy đêm đầu tiên của người đàn ông – bước – ra – khỏi – giấc – mơ – để - lao – vào – tình – yêu. Đầu gối thành bồn tắm, chân co lại để khỏi đạp phải bồn rửa mặt. Bên kia cánh cửa trắng, tiếng đàn vĩ cầm kêu lách cách. Với tiếng ồn ào họ gây ra bao đêm thử hỏi họ làm sao có thể hy vọng giữ nổi một người đàn bà, chàng rể thắm nhủ. Có lẽ họ bị buộc phải luôn luôn ngủ một mình, chỉ yêu vụng trộm vào giữa ban ngày ban mật. Gabriel, thấy lòng mình dâng trào mối thiện cảm với những người hì hục ở bên kia tấm cửa trắng nọ, một mối thiện cảm mỗi lúc một mang tính chất ủy mị và khoan dung, chuyển dần, tuy giữa cảnh ồn ào âm ỉ, thành một giấc ngủ rất sâu.

Khi Gabriel tỉnh dậy, căn phòng 217 chìm trong tĩnh lặng, cuối cùng được giải thoát khỏi các nốt nhạc. Anh nhìn qua lỗ khóa. Phòng xem ra chẳng còn ai. Chắc các bậc kỳ tài có thánh mới chịu đựng nổi đã đi biểu diễn.

Cuộc đụng độ đầu tiên trong cuộc chiến kéo dài triền miên là như vậy. Gabriel suốt đời (ngay đến tận bây giờ, khi tuổi đã cao) đã phải đương đầu với đám đối phương nhiều vô kể và luôn nảy sinh thêm, đem lòng yêu Clara, say đắm Ann, đem lòng yêu và say đắm cô nàng này hoặc cô nàng kia. Tuy vậy, hai nàng đang ở đây, thừa các quý bà và các quý ông, ngay tại phòng bên cạnh. Nếu các quý vị nghe có thấy tiếng người nói thì đấy là tiếng của các cô nàng. Các nàng sống trong cùng căn nhà với tôi, 13 đại lộ Wester Wemys, Cannes-la-Bocca. Cuối cùng Gabriel đã thắng trong cuộc chiến ^[10].

- Thôi mà, thôi mà, Gabriel đôi lúc có quyền được tự hào một chút...Sau tất cả những chuyện chúng ta đã gây ra cho anh ta. (Câu Clara đáp lại lời của em gái).

Hai nàng đang ở đây, trong giây lát.

Gabriel tới phố Bergère rất muộn, ngay sau buổi trình diễn. Một đám đông đứng vây quanh ông bầu kiêm người phát hiện các tài năng: nhưng ông đã kiếm ở đâu ra các bậc kỳ tài này? Ông đã tìm kiếm bằng cách nào? Tài thật! Ông bầu kiêm người phát hiện các tài năng, tay cầm một cốc sâm banh, giả vờ khiêm tốn: ồ! Đơn giản thôi, chỉ cần lắng nghe bên các cửa. Người ta vỗ vai ông, một cáo già tìm các mạch nước, người ta cứ nghĩ âm nhạc đã bỏ châu Âu và hấp! anh lôi từ trong mũ ra một tên người gốc Slave... Những lời đề nghị bắt đầu. Mười lăm ngày nữa tôi có một lễ hội từ thiện lớn, ở Biarritz, tôi muốn nhận một người do ông bảo trợ. Cụ thể em nào? Lúc này, tôi để ông tự lựa thoải mái, giá đều như nhau. Và ông Markus ghé vào sát tai người đang bám mua để nói một con số.

- Ông điên rồi! Một cháu mới vào nghề mà giá đòi cao thế! – Lấy hay không là tùy. Ông đừng quên rằng biết cách chơi nhanh. VÀ chậm rãi. Ông biết rất nhiều, ông biết cách chơi nhanh. VÀ chậm rãi không? Ồ! Anh Gabriel, tôi đã đợi anh.

Đám đông xoay người lại, tôi nghe thấy nổi lên những câu hỏi ai vậy? Lại một sự phát hiện nữa?

Ông bầu kiêm người phát hiện ra các tài năng cầm tay tôi và kéo đứng tránh ra xa.

- Tôi muốn nói chuyện với anh về đám cưới. Anh đừng nghĩ rằng tôi bị lừa cưới ám ảnh. Nhưng cuộc đời chỉ có thể chịu đựng nổi ở trong lòng một đám cưới, anh tin tôi, anh Gabriel, đây là chỗ vịn duy nhất.

Ông Knight đưa tôi cốc rượu của ông.

- Thế nào, anh tán thành chứ, anh chịu gia nhập vào gia đình nhé?

Ann trả lời các nhà báo rúi rít giữa những phụ âm.

- Cái cậu cao cao buồn buồn chơi Lisat kia kia...

- Tettaasky?

- Đúng đấy, chị làm ơn đánh vắn tên cậu ta giúp tôi được không?

Người ta lại hỏi tiếp như vậy về Lorinez Mikasth, Jan Szezucka, Emil Fucik... Đến tận bây giờ, khi nhắm mắt lại, Gabriel còn nghe rõ tất cả những tiếng động đi kèm theo quyết định của anh: nhưng câu chuyện trao đổi của giới thượng lưu, tiếng chạm cốc khi người ta chúc mừng nhau, giọng Ann lẫn giữa những phụ âm, một vài câu hỏi về tôi (người đang nói chuyện với ông Markus không biết là ai vậy?), tiếng sột soạt đều đều của cửa có đệm ngăn và sau đó cái từ *chỗ vịn*, hãy tin tôi, anh Gabriel, *chỗ vịn* duy nhất...

- Được ạ, cháu tin bác, - Gabriel đáp.

Do đó ông bầu kiêm người phát hiện ra các tài năng liền ôm hôn tôi, rồi nâng rất cao cốc rượu sâm banh của ông. Do đó, vẫn còn lưu lại trong ký ức của Gabriel, những tiếng vỗ tay nổi lên, nhưng, nếu suy nghĩ kỹ, tiếng vỗ tay chẳng phải dành cho anh. Nhân vật chính của buổi lễ là các vị thần đồng chán ngấy. Chứ hoàn toàn không phải Gabriel Orsenna, tuy với tư cách là chàng rể tương lai chính thức mới toanh.

Ngay sau đấy bắt đầu giai đoạn hai chị em cứ biết đâu mắt hút. Sáng ra, khi Gabriel xuống dùng điểm tâm trong những tách vừa tròn vừa nặng như những tách ở toa ăn trên tàu hỏa. Hai chị em đã đi đâu rồi. Chiều tối đã đi ngủ, hai chị em ngủ vào giờ ăn tối, anh nên bỏ quá cho các em, anh Gabriel, bà Élizabeth nhắc lại, ngày của các em cực học lắm... (Cực nhọc làm việc gì? Chàng rể tương lai rất muốn biết rõ điều này, nhưng anh đã ghìm lời được không hỏi, nhất là, ồ! Nhất là đừng có tạo cho mình hình ảnh một anh chàng xoi mói, vì các gia đình nghệ sĩ, hơn ai hết, rất thích tự do, đúng không?)

Hai chị em chỉ ủa về như một cơn gió, Ann và Clara, tay khoác tay, ráo cẳng bước ngay qua tiền sảnh của khách sạn, ở đây anh Gabriel kia, xin lỗi anh Gabriel nhé, chúng em vội lắm, đột nhiên chú trực thang máy cười rồ như bị điên, chú chàng mà được nghe Ann nói chào ông thì sướng run lên, chàng trai trẻ phải lòng Ann khép cửa lại, chiếc nôi bằng gỗ gụ và kính từ từ được nâng lên cao, hẹn gặp anh ngày mai nhé anh Gabriel, để anh được thấy bọn em tươi xinh hơn, hai chị em cười, cười hoài, cười đến tan nát cõi lòng, sau đó chiếc nôi dừng lại ở lưng tầng lầu. Anh chàng trực thang máy tuân theo mọi ý nghĩ ngông cuồng của hai chị em, chặng dừng này đã thành lệ, anh Gabriel này, anh không giận đấy chứ? Mong anh bỏ quá cho bọn em...tất cả những sự chuẩn bị này,.. Anh nghe tiếng các cô nói mà không thấy được rõ toàn thân, các cô đã ở quá cao, qua lớp rào, anh chỉ thấy mỗi vạt dây áo dài của họ, một chấm trắng, chấm kia màu xanh.

Bàn ăn mỗi ngày một thừa người: các thần đồng lần lượt được tuyển từng vị một. Thoạt đầu là Jan, sau đó là Emil và Georgy. Chỉ còn lại mỗi Lorinez phải an ủi, anh chàng luôn đòi về Budapest vì chẳng ai muốn tuyển anh ta. Bà Élizabeth cầm tay anh. Các ngón tay Lorinez rất dài, móng tay to tướng trông phát buồn nôn nếu phải nhìn lâu (Gabriel nêu lại sự việc của thời đó, lòng rất khách quan).

- Cái nghề đó thế nào, anh Gabriel? – Ông bầu kiêm nhà phát hiện nhân tài hỏi – Vẫn là cao su à?

- Vẫn thế ạ.

- Tốt lắm. Bác chẳng gả con mình cho một kẻ chẳng có thiên hướng. Bác còn vương vấn đôi chút hoài nghi khi cho rằng cao su là một thiên hướng thực sự, nhưng anh sẽ chứng minh để bác bỏ, đúng không nào, anh Gabriel?

- Thưa ông vâng ạ.

- Thôi mà, anh cứ gọi tôi là Markus cho tiện.

- Thưa bác Markus vâng ạ.

- Mới lại, anh Gabriel này, bác tin cái cao su của cháu như cháu tin chuyện cưới xin của bác đúng không nào?

- Thưa bác Markus tất nhiên ạ.

Sau đó bác Markus đứng dậy, hôn mái tóc Élizabeth, chúc chúng tôi ngủ ngon và bắt đầu cuộc thăm dò về đêm của bác.

- Anh phải đi thôi, - ông bảo vợ. – Người Pháp đã lấy mất hết các thần đồng của anh. Anh sẽ đưa được những ai về London?

Bà Élizabeth cười, vẻ hơi buồn, chúc ông vợ được mẻ câu bằm và nhất là khi về anh đừng đánh thức em đấy.

Còn Gabriel ngồi lại một mình với bà mẹ mới tinh của mình (còn phải xác định rõ). Quanh hai người phòng ăn chật cứng. Chủ yếu là khách du lịch đang ngồi kể cho nhau nghe cuộc đi dạo của họ trong thành phố Paris và vài nhà kinh doanh ngồi một mình bên bàn, xoi đi xoi lại mấy tờ báo như ta cạy móng tay, để loại hẳn một ngày đã qua.

Élizabeth nhìn tôi, cùi tay chống lên khăn trải bàn, tay ôm mặt. Bà đã cởi bỏ mũ, một tác phẩm nghệ thuật làm cả Clermont – Ferrand phải tò mò để ý, tác phẩm nghệ thuật được đặt trên bàn cạnh mấy chiếc cốc. Mấy chiếc long vũ và tàu lá khế lay động theo từng cơn gió lùa. Ngồi bên chúng tôi là vị thần đồng không ai buồn đoái hoài, anh ta mỉm cười, ánh mắt nhìn lơ đãng.

- Thế nào, anh Gabriel?

- Bác muốn cháu quyết định thế nào một khi cháu không được gặp các em?

- Này, anh Gabriel. Thế những cuộc trao đổi giữa chúng ta ở Clermont – Ferrand chẳng được tích sự gì à? Vấn đề không phải là quyết định. Mà phải ghi nhận. Anh nghe tôi nói đây chứ? Ghi nhận trong lòng anh sườn dốc nào lớn nhất. Thế là anh đã lấy vợ.

- Nhưng bác, bác đã biết rõ cháu.

- Ý anh muốn nói: nếu tôi, Élizabeth, ở vào địa vị anh, tôi sẽ chọn cô con gái nào của tôi để lấy làm vợ chứ gì? Không đâu, anh Gabriel, tôi rất quý anh, tôi quý anh lắm, nhưng tôi không thể làm việc đó giúp anh đâu, cưới xin là chuyện riêng tư.

Một lát sau, những người ăn tối rời khỏi phòng, từng người, từng người một, ông chủ khách sạn chào từng người theo tên của họ, chào ông Scyrig, chào cô Herting, chào ông Enard và từ từ cúi người trao chìa khóa cho họ, tựa hồ như cấm họ không được quay trở vào. Căn phòng trống vắng và trong chốc lát, trở nên quá trống: người ta đã trải khăn chuẩn bị cho sáng mai, một dãy khăn ăn và khăn trải bàn, trên các ghế không có ai. Sau đó, người ta tắt đèn, trừ đèn ở bàn chúng tôi. Bà Élizabeth bảo chuẩn bị cho bà liều thuốc hãm, đây là một sự hài hòa về các loại cây thực vật giúp ta thanh thản bước vào giấc ngủ. Bà đọc tên các vị thuốc cho người phụ trách quầy rượu, phần nộ trước những vị bị thiếu. Sao anh không có hoa xôn à? Cả húng hươg nữa cũng không có nốt? Sau đó bà nhắm mắt uống thuốc.

- Ta bắt đầu từ đâu nào, anh Gabriel. Theo anh một phụ nữ là gì?

Đôi lúc, khi ông bầu kiêm nhà phát hiện thiên tài đã quay về, chúng tôi vẫn ngồi trao đổi về chuyện đám cưới. Ông đến ngồi với chúng tôi. Ông gọi một ly rượu trắng. Người ta bật thêm một ngọn đèn nữa. Tại nơi tiếp đón khách, sau chiếc quầy bằng gỗ tẻch,

người trực đêm nghe người gác cổng dặn thêm những quy định cuối cùng trong đêm.

Quả thật nước Cộng hòa không được thuận lợi lắm cho âm nhạc. Những nhạc công người Pháp này mới thăm hại làm sao! Như cháu thấy đấy, Gabriel, lý luận đâu phải là chơi nhạc. Chúng ta đành phải quay về châu Âu.

Ông gọi châu Âu là những địa điểm phì nhiêu cho âm nhạc, nước Đức, Ba Lan, hai bên bờ những dòng sông lớn, sông Danuble, sông Vistule... Ông cầm tay tôi, chúng tôi cùng nhau bước lên lầu hai. Để tôi nói anh nghe những suy nghĩ tự đáy lòng mình anh Gabriel, người anh cần chính là Élizabeth đấy. Cuối cùng, tất cả những người có thiện cảm tôi đã gặp, chẳng là, như anh biết đấy, tôi rất có cảm tình với anh, đều cần đến Élizabeth. Có lẽ chính vì thế mà tôi rất tin vào chuyện hôn nhân. Có lẽ như vậy là điều may đấy, anh Gabriel ạ, chỉ có may mắn thôi. Chúc anh ngủ ngon, anh Gabriel.

- Chúc ông ngủ ngon, thưa ông, à quên, bác Markus.

“Chuyện hôn nhân của con, lại chuyện hôn nhân của con, cứ như thể một cuộc hôn nhân là lý do đủ để bỏ rơi một ông bố Louis trong những ngày xa xưa, cứ như thể một gia đình cho ở gửi, với ông bố bà mẹ cho ở gửi vừa thông minh vừa giàu có và vui tính hơn bố mẹ đẻ, với không khí ở gửi tưởng chừng như ngời sáng, nhẹ nhõm, đầy kích thích hơn, cứ như thể cuộc đời ở gửi là một lý do tạ tội. Gabriel, có thể lãng quên đôi bờ sông Seine và hương thơm Oriza và số xe chở khách chỉ cần khoảng một giờ đồng hồ là sẽ đưa con về tới Levallois để bố con có thời gian ôm nhau vào lòng. Gabriel, để có thời gian xem xét, không gây cho con chút khó chịu nào, xem cuộc hôn nhân này có đảm bảo tốt cho sức khỏe của con không, để gia đình có thời gian cho con biết một đôi điều về cuộc sống ở nhà, không được hào nhoáng bằng cuộc sống ở gửi, nhưng dẫu sau cũng là một cuộc sống, mở đầu là việc địa chỉ của nhà ta đã thay đổi, đảo Jatte, Gabriel ạ, chân lợi nước, gia đình đã nghĩ tới nước lũ

mùa xuân, nhưng bố Louis những ngày xa xưa của con bây giờ có thể ngồi bên cửa sổ câu cá, chắc đây không thể là trường hợp của con, Gabriel, trong một gia đình nhận con ở gửi, người ta đi đây đi đó nhiều, phải luôn giữ mình, dù ở hoàn cảnh nào, luôn giữ mình thật tốt, bố có làm lần không, Gabriel? Cuộc đời ở gửi có mệt mỏi lắm không? Cuộc hôn nhân của con không phải là duy nhất, Gabriel, và con chẳng nên bịt tay không chịu lắng nghe những tiếng bàn tán về những sự chuẩn bị khác, những buổi lễ khác có lẽ vui cũng chẳng kém gì những buổi lễ ở gửi của con, Gabriel, chẳng hạn việc đánh bóng các đồ bằng bạc của chúng ta mà lần chùi rửa đầu tiên bắt đầu vào năm 1868 để chuẩn bị đem ra bày trên tấm khăn trải bàn trắng lớn, tiếng lách cách của cả một đội ngũ những đồ thủy tinh được cất giữ trong xó tối từ thời hành trình Maximilien, nói vắn gọn lại, nếu những ồn ào ở gửi không quá lớn, nếu cơn gió còn thuận và nếu con còn nhớ đường về Levellois thì con không thể nhận ra rằng sắp tới đây sẽ có một cuộc lễ khác, nó liên quan tới con đấy, Gabriel, bố Louis của con hồi những ngày xa xưa cũng xâm nhập vào thế giới ở gửi, bố cũng bắt đầu từ số không như con, cô ấy tên là Iris, một tên Anh nghe khá hay, chắc con cũng nhận thấy vậy, nói tóm gọn, bố con lấy vợ và nếu con cảm thấy có nhu cầu nhúng lại gốc rễ của con vào sự hồ - thẹn - nhưng - chân - thật - trước khi lao vào khu rừng rậm ở gửi của con, niềm - vinh - quang - và - có - lẽ - giả - dối... nói tóm gọn, bố Louis của con mong đợi, ôm hôn và mong đợi con.”

Đây là nội dung cô đọng, sơ lược của những bức thư mà người gác cổng chiều khách ở Washington và Albany nhận được và giây lát sau chuyển ngay cho chàng rể tương lai.

Và đây là một cơ hội để bổ sung một nét đen tối hơn, rất đen tối vào bức chân dung chàng rể tương lai hoạt bát, rất tươi cười, rất dịu dàng và rất thỏa mãn trong thế giới ở gửi. Và như vị thánh Piere trong khu vườn nhà Olivier, anh chàng đã phản lại cha mình đến tận sáng ngày hôm trọng đại: lại một bức thư tình gửi cho ông, người giữ chiếc chìa khóa vàng cất cao giọng thông báo với Gabriel, để mọi người nghe, kể cả và nhất là gia đình Knight đều nghe rõ.Ồ! Lại

người đàn bà đó, Gabriel đáp lại cũng bằng giọng ấy, tôi chẳng thể làm gì được, anh làm ơn, gửi trả lại giúp, anh làm ơn gửi trả lại, giúp cả các thư sau nữa...

II

Chia mỗi khó khăn mà tôi quan sát được thành nhiều mảnh cho phép và như vậy sẽ dễ giải quyết chúng hơn.

DESCARTES

Ta không nên quên rằng Gabriel là một kỹ sư mà các kỹ sư lớn hoặc nhỏ, chuyên môn về cầu đường hoặc về cao su, thì đều là các hiệp sĩ của sự thật. Tất cả những gì không phải là sự thật đều gây đau đớn cho họ và họ còn cảm thấy đau khổ hơn trước sự lờ mờ, hơn sự dối trá, vì sự dối trá còn có vẻ là sự thật, một sự tương tự khi lật ngược trở lại và sự giả dối có thể trở thành một sự thật với điều kiện ta thực hiện một sự sửa đổi thích đáng. Nhưng sự lờ mờ, một sự lờ mờ thì sẽ ra sao?

Do đó ta phải hình dung kỹ sư Gabriel hoàn toàn bị bất lực trước hai chị em này.

Khuôn mặt của người ta sắp yêu từ đâu tới? Tình yêu đang hiện diện ở đây, nhưng người phụ nữ, trước mặt mình, xem ra cô ta chưa hoàn tất cuộc hành trình của cô ta, cô ta chẳng thể đi hết chặng đường. Tất nhiên, cô ta đã tung đi tiên phong một chút tình cảm nhỏ nhỏ, dịu dàng và hoang dã, cái loại tình cảm mà các tạp chí gọi là sét đánh. Nhưng còn cô ta, cô ta và thân xác cô ta và khuôn mặt cô ta và hương vị của cô ta, cô ta trùng trùng, cô ta cởi hành lý của mình, cô ta không nhúc nhích nhìn chúng ta, tựa như đang đứng bên kia vạt sương mù che phủ không để có thể nhìn rõ cô ta. Và chàng kỹ sư Gabriel, lòng cực kỳ khó chịu, chăm chú nhìn đường chân trời (phòng tiền sảnh của khách sạn, chiếc thang máy tròn trành) nơi Clara và Ann qua lại mà anh không tài nào phân biệt rõ. Về mặt logic mà xét, Gabriel thảm nhủ, không thể có một mối tình duy nhất cho hai nhân vật. Nhưng ai là người này, ai là người kia?

Chỗ dừng cho người này, chỗ bắt đầu với người kia ở đâu? Ồ! Nếu mỗi tình này giống mỗi tình của bà nội Marguerite, nếu đây chỉ là một cuộc trò chuyện với bóng ma, mình sẽ ngừng ngay không nhọc công.

Sự hoảng loạn mang tính đặc thù của các nhà kỹ sư liệu có là một cái cớ biện minh cho thái độ của Gabriel được không? Lịch sử sẽ phán xét. Biết đâu chàng rể tương lai của chúng ta, lột xác thành chàng hiệp sĩ của sự thật, bắt đầu cuộc điều tra về Ann. Việc theo dõi dễ dàng hơn, cô nàng có dáng đi dứt khoát, nhanh nhẹn, kiên quyết, không hề do dự, như xông lên phá các cổng thành. Sáng nào cũng vậy, cứ tám giờ hai mươi nhăm, cô nàng lọt vào một căn nhà số 2 phố Auber, một phố bé xíu và kín đáo, nằm không xa nhà hát Opéra, ngay đối diện với nhà xuất bản Calmann – Lévy. Trưa nào, trừ trưa ngày thứ Năm, Ann cũng chỉ ăn một quả trứng luộc và uống một cốc nước sủi ga, nhìn xa, cốc nước rất có vẻ là một cốc limônát. Trong quán cà phê lớn này nằm trên đại lộ những người Italia nơi cô xem ra đã có thói quen lui tới, cô chẳng có gì, chẳng trò chuyện, chẳng hò hẹn, cũng chẳng hề đáp lại biết bao lời khen ngợi sắc đẹp, sự cô đơn, dáng vẻ nói chung của cô (về lại cái và nụ cười nhạo đời) này sinh như chuyện thường tình. Ăn xong, Ann quay ra phố Auber và chàng hiệp sĩ của sự thật dễ dàng có thể phát hiện thấy mục tiêu của sự chuyên cần không biết mệt mỏi này (trừ ngày thứ Năm): một phiến giả đá cẩm thạch khắc hàng chữ vàng ốp ngay trên chuông gọi cửa. *Trường cao đẳng kế toán và quản lý quốc tế. Lầu 3*, nhà trường mà sự hiện đại hóa đã được xác nhận qua việc chỉ dẫn hiếm thấy ở thời đó: cơ sở hỗn hợp. Nhưng cô gái nhà Knight là người duy nhất của giới mình đã lợi dụng việc mở một trường như vậy, vì trừ cô ra, ở lầu 2 thấy bước ra chỉ toàn đàn ông, trẻ, luống tuổi hoặc già. Chàng rể tương lai không thể không hài lòng với cuộc điều tra của mình: 1) cô ấy đi làm, 2) trong cơ sở chẳng liên quan gì đến nghệ thuật, 3) và, kết luận, mình có cảm giác Ann này là người lý tưởng của mình. Chỉ còn các ngày thứ Năm, những ngày thứ Năm bí ẩn vào quãng từ trưa đến bốn giờ chiều, và chúng vẫn giữ kín được bí mật của chúng suốt hai và thậm chí ba tuần. Chẳng là trong tuần đầu, chàng hiệp sĩ của sự thật không dám lên cùng chuyến xe khách với người vợ chưa cưới có thể sẽ được lựa chọn.

Do quanh quẩn gần đây chẳng thấy bóng một chiếc tắc xi nào rảnh khách, chàng bị mất dấu vết. Thứ Năm sau đấy, bảy ngày sau, còn lâu mới tới trưa, Gabriel đã ngồi thu mình nấp kín trong một chiếc xe ô tô, lòng hau háu tò mò, đậu cách bến dừng xe khoảng hai chục mét. Tình yêu! Chà! Tình yêu! Người lái xe cho anh, một người mặt đỏ gay có giọng nói rất kỳ lạ, đã bình luận suốt chặng đường qua các đại lộ lớn đến tận Quảng trường Ternes. Tới đây, Ann xuống xe khách Gabriel liền bám theo luôn. Cô đi dọc phố Cardinet và bước khuất vào một khách sạn có cái tên là Paris – Plage và phải hơn hai tiếng rưỡi đồng hồ sau mới thấy ra, mười phút sau, Gabriel thấy một gia đình rõ ràng là người Mỹ và xa lạ với buổi lễ các ngày thứ Năm, rời khỏi khách sạn, bốn phút sau, là một người đàn ông vẻ buồn rầu, trông rất bảnh bao, mặc bộ đồ bằng flannel, thắt cravat sẫm, luật sư? Chủ nhà băng? Nhưng gần mười lăm phút sau, Gabriel thấy bước ra khỏi khách sạn là một người đàn ông, đại loại một nhà thể thao thuyền buồm trông lực lưỡng, tuổi trên năm mươi, tóc nâu, hai bên thái dương đã ngả muối tiêu hơi loăn xoăn, miệng ngậm ngừng nửa muốn cười cợt mở, nửa muốn huýt một điệu sáo hấp dẫn. Thái độ ngậm ngừng đó làm chàng hiệp sĩ buộc lòng phải quay lại lần thứ ba (nhưng không đi tắc xi đuổi theo, mà thoir thẳng phố Cardinet, hy vọng họ sẽ không thay đại điểm sau mỗi buổi thứ Năm). Và, vào khoảng ba giờ, ba giờ ba giờ rưỡi, sau khi Ann rời khỏi khách sạn, chính xác là mười bốn phút, nhà thể thao thuyền buồm xuất hiện trên ngưỡng cửa khách sạn Paris – Plage, giữa thanh thiên bạch nhật của sự thật, xem ra, ông ta trông có vẻ hã hê như lần trước.

Bạn thăm nhủ hồ sơ hôn lễ của Gabriel từ nay đã hoàn tất: loại bỏ Ann không đúng đắn, chị cô ta là Clara, vị hôn phu của ta. Nhảm rồi! Một sự nhảm lẫn sâu sắc. Một chàng hiệp sĩ của sự thật không nhất thiết là một người chặt chẽ về nguyên tắc, hoàn toàn ngược lại.

Nhà thể thao thuyền buồm vừa quay gót rẽ ở góc đại lộ Courcelles thì Gabriel đến ngồi ngoài thềm hiên một quán bia ở quảng trường Ternes, ngay tại chỗ sau này xây nhà máy bia xứ Lorraine. Anh gọi một cốc bia của Đức, một trong những cốc bia cuối cùng được phục vụ ở Paris, do bầu không khí ngoại giao bị

nhặt dần. Rồi anh nhắm chặt hai mắt lại. Và Ann bước vào tâm trí anh. Tôi muốn nói, cô ta cuối cùng bước ra khỏi lớp màn sương.

Đường nét của cô ta trở nên rõ ràng, Gabriel biết rằng đây là những nét thực của cô: tóc vàng hoe trông như màu da xỉn, da mặt bốn mùa vàng vàng (một sự đầu tư tốt dành cho mùa đông), một chiếc răng nanh hàm trên bị gãy hơi dề sang chiếc bên cạnh, trán rộng, nhô, kéo dài về phía dưới gò má cao, đôi môi kín đáo, không mím chặt cũng chẳng có vẻ dâm dục, tấm bình phong che dục vọng, ngón tay dài, nắm gọn tất, thậm chí cả nhà người nữa Gabriel (Gabriel mở mắt một lát và gọi thêm cốc bia), ngực nhỏ, ấy là có vẻ thể thôi, còn chân thì chắc chắn dài, nhưng thon mảnh (thời đó, người ta không thể nhìn thấy một chút trên đôi chân nào để hở, ngoại trừ thấy nó hở hang cùng toàn bộ phần còn lại của cô thể...), dáng chân không bỏ chạy, chỉ bỏ đi chỗ khác, có vậy, và đôi mắt nhí nhảnh, một ánh mắt xanh biếc của người chuyên nhìn thẳng vào mắt người khác (ngay chiều tối đó Gabriel có thể kiểm tra trong suốt bữa ăn tối tại Washington và Albany), một ánh mắt của người có bằng cấp loại ưu, bằng danh giá, của phó Auber, là nhà quản lý tương lai của quốc tế: ưng không? Tôi cũng ưng. Nào ta nhào vào cuộc. Một ánh mắt chỉ rời khỏi ánh mắt khác để kiểm tra bộ phận dưới, để ước lượng. Gabriel ngồi chờ mặt một mình ngoài thềm hiên quảng trường Péresse vào tháng Bảy năm 1913 này, đỏ mặt và thảm nhũ rằng lần này thì chắc rồi, mình đem lòng yêu Ann, chính cô ấy là người con đem lòng thương yêu, ôi bố Louis, bố chúc con có sức khỏe tốt đi, cái cô Ann này sẽ lôi con đi rất xa, cuộc hành trình làm tôi thấy khát, bồi bản, cho một cốc bia nữa.

- Dạ, bia của Pháp được không ạ? Nhà hàng không còn bia Đức.

Với tư cách hoàn toàn phụ và vì là một chàng hiệp sĩ của sự thật phải xem xét mọi khía cạnh của tình hình nên Gabriel đành phải lao vào trường hợp của Clara.

Chàng hiệp sĩ đã cùng các giấc mơ và hành lý của mình sống trong thế giới nhà Knight. Và nhân dịp này anh thấy trẻ lại đến mười lăm tuổi vì sự ở gửi là một liều thuốc kỳ diệu có khả năng làm ta

sống lại cuộc đời từ con số không. Như vậy đây là một chú thiếu niên Orsenna đang ngồi ngay ngắn trên ghế, ở một đầu bàn tại khách sạn Washington và Albany, mắt chăm chăm nhìn các cây gỗ quỳên ở ngoài vườn đang trong mùa đông. Gia đình Knight đã quên mất anh. Họ trao đổi với nhau những tin tức thân mật là đầu đề đầu tiên trong câu chuyện gia đình.

- Chuyện táo bón của con thế nào rồi, Ann.
- Còn cái trĩ của anh ra sao, anh Markus?
- Mẹ biết rõ ràng con không thích thịt bê, mẹ. (vân vân)

Tất cả các thông tin đều làm chàng hiệp sĩ của chúng ta như mở cờ trong bụng (ồn rồi, họ tiếp nhận ta, mình là một người trong gia đình, thực sự, mãi mãi, bằng chứng đây).

Sau đó, một người quay sang hỏi Clara:

- Còn vĩ cầm của con ra sao, con yêu?
- Khá, khá ạ.

Nhờ vậy, Gabriel biết được rằng Clara chuẩn bị từ rất lâu một cuộc hòa nhạc, một cuộc hòa nhạc sẽ là một – món – quà – tặng – đẹp – nhất – mà – một – người – cha – chưa – từng – bao – giờ - được - trao – tặng, một cuộc hòa nhạc mà báo chí thế giới sẽ phải thốt kêu lên:Ồ! Thế mà nhà phát hiện tài năng Knight cứ phải tìm kiếm mãi đâu trong khi tài năng ở ngay bên mình? Tất nhiên là một buổi hòa nhạc như vậy phải chuẩn bị vất vả. Do đó Clara phải đến gặp giáo sư của mình nhiều lần trong một tuần suốt bao năm nay và trong thời gian này, khi thời hạn biểu tặng phẩm (buổi hòa nhạc) ông Markus sắp đến nơi thì việc gặp gỡ lại càng thường xuyên hơn. Ta phải đi theo bám cô nàng, chàng hiệp sĩ của sự thật thắm nhủ, lòng phấn chấn trước kết quả đạt được trong lần theo dõi trước.

Hết tựa như Ann tiến vào thành phố coi như mảnh đất đã chinh phục được, như một phụ nữ Mỹ đi mua hàng, tôi thích cái này, tôi thích cái này, cả cái cửa hàng này, cả cái góc khoảnh trời xanh này, cái ông chơi thể thao thuyền buồm hể hả này (những ai đi theo phải chịu trách nhiệm thanh toán). Clara cũng chạy trốn. Tôi như một tên gián điệp bị bỏ rơi ở bên kia biên giới, tên nhân viên tội nghiệp cân não bị trùng giẫm, đầu rụt lún sâu xuống vai và những tiếng chim đột ngột vỗ cánh này, những ánh mắt hốt hoảng này, tôi tin chắc rằng người khách qua đường kia chứa súng nhằm bắn tôi, tòa nhà ở đây sắp đổ sụp xuống đầu tôi, nhìn kìa, mặt đường nứt toác ra...

Và nhiều lần Gabriel đã phải thềm nhắc đi nhắc lại, người mình yêu chính là Ann, người mình yêu chính là Ann, để khỏi lao vào ôm chầm lấy Clara, chấm cho cô giọt sương nhỏ vừa toát ra hai bên thái dương cùng với nỗi sợ, để khỏi phải lừa người mình yêu quý nhất, bố Louis những ngày xa xưa của anh chẳng hạn, ra thế rằng mọi chuyện đều tốt đẹp: chúng ta đang ở vào tháng Bảy, Clara, trời đẹp, nhiệt độ còn lên cao, cha cô yêu quý cô, thang máy ở Washinton và Albany là một nơi yên tĩnh và vui vẻ nhất trần đời. Paris mãi mãi vẫn là Paris...

Lát sau cô rời phố Rivoli, bước vào phố Alger và đẩy cửa số nhà 17.

Ngoài chỗ ra vào, trên các thùng thơ đặt trên mấy thùng rác, không hề thấy một dấu vết âm nhạc nào. Chỉ toàn các nghề may vá. Katy, sản xuất mũ (lầu một), Satins de l'Opéra (tầng hầm), Margot và Marie, đo cắt găng tay (lầu ba, cuối hành lang)... Một lý do xã hội duy nhất được ngoại trừ, ở lầu hai, nhà Kaolins ở Morbihan, bị giạt tới phố Alger, người ta tự hỏi là không biết sau bao lần bị thất bại. Những bóng người vào ra trong ánh sáng tranh tối tranh sáng, ôm những hộp các tông đựng mũ hoặc áo dài bọc trong giấy lụa để tránh các nếp thừa và lần nào chàng hiệp sĩ của sự thật cũng phải đứng nép sát người vào mấy hòm thư để nhường đường.

Và vào những giây phút im lặng hãn hữu giữa cảnh tấp nập đi lại Gabriel đồng tai nghe ngóng: anh chẳng nghe thấy gì cả, không hề

nghe có tiếng vĩ cầm, không hề có chút dấu hiệu gì về một buổi tập hòa nhạc tại số nhà 17 phố Alger. Có lẽ Clara đã nói dối, có lẽ cô đang may một chiếc áo dài đẹp nhất nước Pháp, chỉ là để đẹp lòng cha mình, loại áo dài đòi hỏi phải ướm thử không biết bao lần...

Và rồi sau đó, Clara bước ra, khóc sụt sùi theo sau là một chồng ngất ngưỡng những bọc hình tròn nổi lên sau chồng bọc một giọng chói tai: ờ, này, quý bà muốn ngủ thì né sang một bên nhường đường tôi đi chứ.

Và thế là chàng hiệp sĩ của sự thật liền quên mất trong giây lát người vợ chưa cưới trước, cô bạn gái của nhà thể thao thuyền buồm. Và thế là chàng hiệp sĩ của sự thật nắm hai tay cô gái và chàng cẩn thận trọng cứ lắc lắc vì đây không phải là những bàn tay mảnh dẻ đang chuẩn bị cho một buổi hòa nhạc. Và anh kêu lên, nhưng chỉ như người kêu bằng giọng khe khẽ, một tiếng thì thầm miễn cưỡng:

- Không phải người chơi vĩ cầm, hử, và không phải là vĩ cầm?

Và cô gái chăm chăm nhìn chàng hiệp sĩ của sự thật, ánh mắt hết sức sững sờ.

- Anh quan tâm đến chuyện này à?

Sau đó:

- Hai người định đứng bám rễ ở đây hàng năm chắc?

Clara rút tay lại.

Hai người bước ra phố Alger, giữa tiếng ồn ào của thành phố, hơi nóng của đá, ánh nắng vào tháng Tám.

- Anh có biết nỗi sợ là thế nào không, anh Gabriel?

Clara nhìn tôi, vẻ tuyệt vọng, nhưng ánh mắt bùng lên, nhờ một làn ánh sáng le lói chập chờn phát ra từ một chiếc đèn xách đang dùng đưa trong đầu cô, được treo ngay phía sau đôi mắt màu xám của cô.

- Anh đã không vô tình đi theo tôi, đúng không? Tôi là Clara, chứ không phải là một ai khác? Do vậy, anh đáng được biết rõ mọi chuyện. Tôi đã chẳng bao giờ ưa thích âm nhạc, tôi ghét cay ghét đắng âm nhạc, âm nhạc quá nhẹ nhàng, nó làm xấu mặt các thứ, con gái các nhạc sĩ chẳng còn có quyền được hưởng các thứ, ra đi bộ một chút, anh Gabriel, anh không thấy chán chứ? Như anh thấy đây, bố Markus đã cố nhồi nhét để bọn em hiểu rõ rằng chỉ có âm nhạc...

Nghe một người phụ nữ đang đi bộ trò chuyện kể cũng khá vất vả, nhất là giữa khung cảnh ồn ào của thành phố: cứ phải luôn luôn đi trước chị ta nửa bước, hơi cúi người về phía chị ta, rồi vênh tai, đầu xoay ít nhất ở vị trí bốn mươi năm độ để sao cho những lời vừa buột khỏi miệng chị ta đập thẳng ngay vào màng nhĩ ta, trong khi đó vẫn phải giữ thẳng bằng, không giẫm lên giày, không gây khó chịu và không vụng về, nhưng phải chăm chú và thư thái, phải là một người bạn đồng hành dễ chịu, tóm lại, tôi chẳng bao giờ biết rõ tất cả những điều đó. Và sau đây, chúng tôi đi ngang qua trước bao khách sạn, những ý định luôn nảy sinh, tăng lên gay gắt qua những sự đụng chạm, hơi bốc, sự tiếp xúc với đùi cô ta, một chiếc vú ve vuốt lưng bạn khi có sự xô lấn (các đại lộ lớn thật lắm phước lành), mồ hôi xấp xáp gây cảm giác chóng mặt khi ta cầm cánh tay để dẫn qua đường, và lòng thèm muốn cứ hành hạ ta khi ta những muốn hôn lên gáy, một chỗ dễ bị kích thích hôn lên những lọn tóc tơ, sự dịu ngọt của các cô gái trẻ, hít ngửi làn hơi nước của địa phương, trong khi đó, cô ta, người bộ hành, không biết hoặc làm ra vẻ không hề hay biết tí gì và luôn mồm thốt lên kêu ôi! thời tiết lý tưởng để đi dạo... Nhục hình còn tệ hơn nếu chiếc áo dài của cô bạn bằng lụa hoặc vải lanh. Có thể nói tất cả cô ấy và cái chất vải chết tiệt đều vào hòa đồng lòa với nhau, chúng rì rào những điều lộn xộn, tựa như một nàng bá tước thời xưa lảm rảm trò chuyện với thị nữ, trong khi chàng người tình đang đứng ở bên ngoài dưới chân tháp, lập

cập run giữa trời tuyết... và bạn đừng quên vốc người tôi, tôi phải đi trên các đầu ngón chân, kín đáo nhảy nhót để giữ độ cao thích hợp... Tôi đang bị hành hình, tim tôi đập quá nhanh.

Tôi đề nghị dừng chân, trời quá nóng. Clara, tại sao ta không dùng một cốc nước quả tươi trong một quán giải khát hoặc ngồi nghỉ lấy hơi trên một chiếc ghế dài? Hỡi ôi, cô ta không đáp lại hoặc có đáp thì lại là những tại sao, Gabriel, anh mệt à?

Tôi có những niềm tự hào dờ dẩn. Tôi chẳng muốn đáp rằng đúng vậy trước những câu hỏi này.

Do đó, chúng tôi tiếp tục, ngày qua ngày, chậm rãi bước bên nhau. Clara giải thích tất với tôi, khốn khổ thay cái thằng tôi, tôi đã quên mất rất nhiều. Tôi chẳng có được quá nhiều trí nhớ khi ngồi, còn khi đứng...

Mỗi tuần ba lần, tôi đưa cô ta đến phố Alger. Suốt thời gian các buổi cô ta ở trong đó, tôi ngồi ở ngoài vườn, luôn ở tại cùng một chỗ ngoài thềm hiên quán Feuillantines, góc quảng trường Concorde. Mùa hè năm đó, trời không mưa trận nào. Sự đều đặn đó đã kích thích sự tò mò của các cô gái trẻ và các bà mẹ gia đình. Năm giờ đúng Clara bước ra vẻ kiệt sức, run lẩy bẩy, ồ anh Gabriel, anh không biết chứ thật vất vả biết bao, người đau dần, cứ cúi gập suốt, tựa như để kẻ thù càng ít có điểm để nắm bắt... Tôi đứng đấy, trước mặt cô ta, đứng trên vỉa hè, nhảy múa trên hết chân này lại nhảy sang chân kia, miệng cứ nhắc đi nhắc lại là mọi chuyện sẽ ổn cả, tôi nhảy vũ điệu của những kẻ vô tích sự. Cô ta xem ra kiệt cạn sức lực và sự chịu đựng, bị day dứt và bị day dứt. Lần này, niềm kiêu hãnh tiếp thêm lòng dũng cảm cho cô ta tiếp tục.

- Nỗi sợ như của em...

Đột nhiên cô thấy dễ thở hơn, đứng thẳng người lên, cô ta còn nhoẻn miệng mỉm cười.

- ... Nỗi sợ như của em, anh không tin, anh Gabriel, rằng nó đáng phải được bộc lộ ra hay sao? Ta rời khỏi phố này đi, em cần có không khí.

Dọc đường, cô ta kể cho tôi nghe những trường hợp kỳ lạ, cô Dora mất giọng, bé Hans đã bị những con ngựa gây khiếp sợ, một con người thông minh bị chuột tấn công...

- Anh Gabriel, trung thực mà nói, bệnh âm nhạc của em, anh không thấy nó đáng quan tâm hơn à?

Suốt cuối tháng Bảy năm 1913 ấy, chúng tôi đi không ngừng. Cuối cùng tôi hiểu ra (một cách mãnh liệt) lý do sâu sắc của những lần đi lại đó, Clara cần kiểm tra để thấy rằng mặc dù không muốn âm nhạc, thành phố vẫn tồn tại từng khu từng khu một, rằng Đấng Sáng Tạo, đã bị âm nhạc chiếm đoạt, vẫn không chán các thứ. Người đã hoàn thành tốt tác phẩm *thực sự* của mình. Clara không có được lòng tin, cô ta run sợ phát hiện một ngày nào đấy một nữ thần lười, một khoảng trống, một cái hố, cái hố thì có đó, nó nhấn cô ta xuống đó. Clara giảng giải với tôi rằng đàn ông đã sai lầm lớn khi chơi nhiều âm nhạc và nhất là nhiều âm nhạc tôn giáo như vậy, một lũ đàn. Một ngày nào đấy Thượng đế hiểu rõ ràng các nốt nhạc có giá trị hơn các thứ. Người bỏ rơi chúng ta trên hành tinh gian khổ của chúng ta để đi nơi khác chơi dương cầm, thần nhiên bỏ đi đến một chốn nào đó. Anh rõ không, anh Gabriel? Thượng đế sẽ bỏ mặc chúng ta, chúng ta sẽ không tồn tại nữa. Phải ngừng ngay cái âm nhạc ấy lại, anh Gabriel ngừng ngay lập tức, anh nói điều đó với bố Markus em, em chẳng dám đâu, ôi! anh Gabriel!... Vào những lúc dữ dội, tôi cầm tay cô ta, khi chúng tôi ra một phố, phố Boissy d'Anglas chẳng hạn, quảng trường Concorde; cột tháp vẫn còn đấy chứ? Còn, Clara, anh thề với em đấy. Hoặc phương tiện vận chuyển dùng dây cáp kéo ở Montmartre khi ta quay về chậm rãi, chậm rãi như khi ta lần tên mình trên danh sách báo kết quả thi. Tôi cố hết sức trấn an cô ta. Tôi nói với cô rằng Thượng đế chưa chọn âm nhạc, đúng. Paris vẫn đang ngự dưới chân ta, như một chú chó ngoan tỏa hơi sau một cuộc chạy rông...

Và trong khi Clara kiểm tra lại hiện trạng của Đấng Sáng Tạo, trong khi đang diễn ra ở ngay bên cạnh Gabriel một cuộc phiêu lưu vừa diễn hình, vừa ngao ngán, thì suy nghĩ độc nhất của nhân vật chúng ta, điều ám ảnh duy nhất của chàng hiệp sĩ thấp nhỏ khốn khổ có khuôn mặt tròn trịa Gabriel là gì? Hỡi ôi, phải thú nhận thôi, làm tình với cô bạn cao lớn có cặp mắt màu xám, một nỗi khao khát nhỏ nhen, hung hăng của người săn bướm, muốn cuối cùng ghì chặt cô gái bộ hành không mệt mỏi trên một mặt phẳng.

III

Ngủ.

Rõ ràng là suốt mùa hè phong phú của năm 1913 ấy, Gabriel không hề tỏ rõ ưu thế của mình. Những sự kiện đặc biệt có thiện chí là chỉ nảy sinh ở vùng lân cận, còn anh thậm chí chẳng nhận thấy chúng, anh luôn bị ám ảnh bởi hai guồng máy sinh học, hai cụ thể: một là thuộc Clara như chúng ta đã thấy và một là thuộc bản thân mình, nhào ra vì những cuộc cuốc bộ và mất ngủ. Do chỗ người ta ít ngủ trong khi sống ở gửi, kèm theo các cuộc hòa nhạc, những bữa ăn đêm sau các buổi hòa nhạc, những bản tổng kết sau bữa ăn đêm, những chuyện tâm sự sau khi tổng kết và những tiếng lách cách của khách sạn vừa thức giấc đúng lúc khi người ta vừa chìm trong đại dương bồi sức.

Về phương diện này Môn phái còn tồi tệ hơn nữa. Những người coi giấc mơ là chất liệu thì giấc mơ là một sự khinh bỉ kỳ lạ. Khi nói về tâm hồn và rượu chè, các bộ phận sẵn sàng chịu đựng để không chợp mắt suốt một ngày một đêm và nhiều ngày, nhiều đêm kéo dài liên tiếp. Còn Gabriel vì tình yêu với Clara (em rất vui vì anh có mặt ở đây), đã cố vượt bản thân lần nào cũng chọn một chiếc ghế bành chẳng chút êm ái (cảm ơn Louis XIII), lưng ghế cứng đơ, cổ căng mi mắt, anh cảm thấy rõ rằng mình chẳng thể thức được nữa.

Và sức chịu đựng của anh đã không cưỡng lại được vào đúng lúc tồi tệ nhất.

Thế mà mọi chuyện lại bắt đầu một cách tốt đẹp. Ở London đã diễn ra một trong những cuộc đấu quyết định trong lịch sử tư tưởng mà con người tự chính bản thân mình đã tự khẳng định mình. Một cuộc đấu tranh không kém phần quan trọng như cuộc đấu tranh của hội nghị Ba Mươi, được các chuyên viên ngày nay khẳng định, chống lại bước lùi. Clara đã chọn cơ hội này để trình diện một cách

chính thức. Bà gác cổng không hề phản đối đã cho phép họ vào căn nhà thanh lịch số 54 phố Université (anh Gabriel, rồi anh xem, chẳng mấy nổi chúng ta sẽ chiến thắng lũ thù địch của chúng ta và sẽ ở toàn bộ khu VII, những thầy thuốc cũng như các bệnh nhân; cô ta cầm tay anh). Bà chủ nhà đón tiếp họ với nụ cười vội vã, các bạn ngồi vào chỗ đi, nhanh lên; các bạn đến đúng lúc, Witold đang gọi điện với nước Anh, chúng ta sẽ có được những tin tức cuối cùng.

- Đây là anh trai tôi. – Clara chỉ Gabriel và bảo.

Và chàng trẻ tương lai ngập ngừng một lát: cương vị mới là một người anh trai này có thể được coi như một bước tiến trong câu chuyện tình của anh? Đúng, không còn chút nghi ngờ gì hết, một người anh trai thân thiết hơn một người bạn bộ hành và mọi tiến triển trong việc đẩy tiến xích lại gần gũi nhau trong tình yêu đều được vui vẻ chấp nhận. Như vậy là một anh chàng Gabriel phóng khoáng được giới thiệu với các nhà chuyên viên râu xồm của tâm hồn có mặt tại đây, một anh chàng Gabriel dễ thương mang trong lòng sự nhún nhường tế nhị nhất: tôi là người đầy thiện chí, nhưng không có thẩm quyền, hơi ôi. Như vậy là không ổn, Gabriel, anh cho phép được gọi anh là Gabriel nhé, để chúng tôi nhờ một quân sư giải thích anh rõ những cái được thua rất lớn đấy, Gabriel, rất lớn, những cuộc tranh luận sắp tới. Còn Gabriel rồi rít cảm ơn. Tóm lại, anh đã quyến rũ được mọi người (trừ một người cầu nhàu: tại sao sự quyến rũ mãnh liệt này lại thuộc về ông, ông Gabriel kính mến? Ta hãy quên con người khó tính ấy đi), anh thấy rất hài lòng (hẳn Clara thấy tôi hài lòng và sẽ tìm cách lợi dụng đây), nên thậm chí không nghe rõ câu nói mập mờ nhiều người thốt lên sau lưng anh: lần này Clara đã tìm được một ông anh trai hoàn hảo. “Lần này”, “lần này” có ý định ám chỉ gì?

Một vòng đi quanh khắp mặt đã xong, Gabriel được dẫn đến một chỗ trống duy nhất, chiếc ghế bành nổi tiếng Louis XIII.

Và nhà quân sư ra mắt anh, một nàng có mái tóc nâu, mắt đen nhánh và mặc áo dài màu hạt dẻ nhạt cổ trễ.

- Ông muốn biết rõ về gì? – Nhà quân sự hỏi.
- Tất cả. Trước hết chuyện gì đang diễn ra ở London.
- Đang có Hội nghị quốc tế về y học. Người ta tranh luận về sự phân tích tâm lý.
- Tốt, tốt lắm, và trở lực hiện này là ai?
- Một người Pháp tên là Janet coi chứng loạn thần kinh chức năng là một loại bệnh giang mai của tâm hồn.
- Ngu thật! – Gabriel bảo. (Ta hãy chú ý đến sự khinh suất trong nhận xét này: do cứ muốn quyền rũ bằng mọi giá, ông ta có thể bị lâm vào thế hớ vô phương cứu chữa).
- Đúng, ngu thật – nhà quân sự nói tiếp – Còn một người tên là Jung có chủ trương về thuyết tâm lý phi tình dục, ông hình dung rõ chứ, phi t-ì- nh d-ự-c...
- Thô bạo, - Gabriel khinh khinh.

Cuộc trò chuyện này (người tường thuật như còn nghe câu chuyện văng vẳng bên tai mới như đầu buổi chiều nay, ồ! ảo giác về một thời gian âm vang không bao giờ qua) mang tính kích thích gấp đôi, một về mặt tinh thần và một về mặt hoạt động thính giác chẳng biết nhìn vào đâu trên người nhà quân sự? Nhìn vào cặp mắt đen hoặc tấm áo dài, chỗ trễ cổ?

Chẳng còn biết lựa chọn khoảng nào. Người qua lại liên tục làm cho câu chuyện giữa hai người mang cái thú gần như họ đang chơi thể thao, một cảm giác của cơ thể vùng vẫy trong buổi chạy lúc sáng sớm. Tóm lại, Gabriel cảm thấy rất có cảm tình với nàng quân sự của mình và Clara nhận rõ điều ấy, nên đến cắt đứt câu chuyện của họ:

- Ổn cả chứ, anh Gabriel?

- Ổn cả.

- Em cũng thấy vậy.

Và rồi cô ta quay lại bên các nhà chuyên viên của mình. Nhưng chuông điện thoại reo vang. London gọi điện: Những tin xấu về cuộc đấu, hình như vậy. Bà chủ nhà đặt ống nghe xuống. Và cuộc trò chuyện không còn chỉ riêng bà ta với ống nghe. Người quân sư áo trễ cổ tời hòa vào câu chuyện chung. Gabriel ngồi lại một mình. Một mình với bao hành trang lý luận anh vừa tiếp thu được. Một mình anh đối mặt với cuộc chiến mà mình chẳng hiểu gì... Dục tình, tâm hồn, phương pháp bút máy, sự suy đoán của người anh em... Bờ ngõ giữa phòng khách. Xa xa dội vang những từ lạ, xa xa, Clara đã quên anh và gò má bỗng ửng đỏ, cô ta đương đầu với một người Balkan về đề tài nhiệt tình cốt tử...

Một hiệp sĩ của sự thật, ngoài chuyện thử nghĩ về những mối tình của mình bằng những ngôn từ khoa học thì thử hỏi còn biết làm gì hơn trong những hoàn cảnh như vậy?

Anh định vận dụng cái vốn kiến thức nghèo nàn và mới học hỏi được vào trường hợp Clara. Anh nhớ lại những nhận xét của cô gái trong những lần hai người đi dạo:

- Anh Gabriel, anh không thấy lạ về cái cách cô gái kia cắn nhấm miệng cốc trước một ông đáng tuổi bố cô ta sao?

- Ồ! Anh Gabriel, anh nhìn con ngựa kia cứ giậm chân trước khi đi vào căn hầm tối!

- Theo anh tại sao người đàn bà kia bỏ rơi chiếc ô của mình (mà anh nhất định thể nào cũng phải nhặt giúp)? Anh có để ý thấy hình dáng cán ô không?

- Và kiểu xe đạp, chà, cái yên kia, chắc anh lại bảo em rằng nó chẳng có tội tình gì?

Nếu Gabriel hiểu rõ lời của người quân sư áo trắng cổ thì Clara là một *người đại tình dục*, như tất cả các thành viên trong Môn phái. Và Clara rất khác với cô em gái, Clara phơi bày giới vật khắp mọi nơi, còn Ann chỉ bỏ một giới vật vào một giới vật. Vấn đề của Gabriel trở nên đơn giản, ít ra theo đúng thể thức. Một chàng rể tương lai phải xử sự ra sao để loại bỏ sự căm dỗ thường thấy có ở anh và dồn vào những cuộc gặp gỡ do Clara gặp trong một ngày vào một căn phòng có kê giường?

Và do đó Gabriel thiếp ngủ, ngủ thẳng một lèo.

Sau đó, mãi về sau, những tiếng hò hét thực sự nổi lên trong căn phòng khách lớn, những tiếng gào chiến thắng. Những chuyên viên về tâm hồn ôm chầm nhau, nhảy múa. Cuối cùng ngoài mọi mong đợi, Gallois Jones đã bảo vệ có hiệu quả được sự nghiệp. Jung đã bị chế giễu. Thất bại, những người gàn bảo vệ sự trong trắng. Cuối cùng, cuối cùng tình dục được đặt đúng chỗ của nó. Freud muôn năm! Thế kỷ tiếp theo sẽ lộng lẫy. Năm 1913 sẽ sống mãi!

Lúc này, khi mà bệnh tinh thần đã chiến thắng thì mỗi ngày lại đào sâu thêm thế giới loài người những tầng hầm (cái này gọi là tiền ý thức, hậu ý thức, ý thức song đôi, cái siêu ngã, huyết, khoang nhạc, tầng xếp) sâu đến nỗi sau này khi xuống với tự thân, ta không lắng lẽ, lắng nghe, mà phải dùng thang máy, còn bây giờ bản thân các thành phố đã bắt chước cái khiêu độ sâu đó và nhan nhản đâu cũng thấy các bãi đậu xe ngầm, tôi những muốn ngủ thiếp đi vào giữa cuộc gặp gỡ quyết định.

Tôi có thể đi khắp thế giới, vốn dĩ tôi là người rất thích đi đây đó, tôi sẽ đọc diễn văn tại các cuộc hội nghị ở Rio, Tokyo, Los Angeles. Những bước đầu oanh liệt, sự chiến thắng của đại tình dục, tôi sẽ

sử dụng những đầu đề thích hợp với hoàn cảnh, tôi sẽ nhân tăng lên những giai thoại viết về các cuộc tranh đua, về các thời kỳ giữa của Gallois Jones, những bức điện tố giác gửi cho Francois, René Eugène, Ursule, Denise, vâng, thưa cô, Freud, 19 Berggasse, Vienne, Áo, tất cả những ai say mê các người thừa kế, các Môn đồ thuộc thế hệ thứ hai, thứ ba và sắp tới đây, thứ tư... Và tôi hình dung một cuộc sống khác, lại một cuộc sống khác: Clara sống bên tôi. Từ phòng bên dới đến tôi những tiếng động, những tiếng động của cái nghề tôi đã thấy nó ra đời, một ai đó đang thì thầm, đôi lúc, có tiếng lông vũ gãi.

IV

Cửa xoay. Cái cách xoay này để chuyển từ nơi này sang nơi khác thích hợp với tính khí của Gabriel: nhớ mong khi phải rời, rụt rè khi bước vào. Hơn nữa, cái cách cuốn theo khách bước qua quá vội vàng phải đi xoay tròn một vòng, đưa về đúng điểm xuất phát, và cũng như thế, xu hướng của chúng đối với sự độc ác, cái tài làm kẹt, gây đau đớn của chúng, cũng ngang những nét sắc sảo thúc cuồng thiện cảm. Thay đổi chỗ đã là đi đây đi đó, cảm ơn các cửa xoay nhắc nhở ta nhớ điều đó.

Nhưng nhân vật của chúng ta, đúng là do gắn bó với những cuộc đi vòng theo đường tròn nhỏ này, chúa ghét bị thúc ép phải dùng tay đẩy, bị áp đặt vào một nhịp quay không phải do anh lựa chọn. Nói một cách khác, anh muốn chỉ một mình mình được hưởng cái thú bước qua cửa quay. Ta có thể hình dung, phải vào những giờ cao điểm khi khách sạn Washington và Albany vừa đồng thời có khách kéo đến và kéo đi, anh đã phải để bao thời gian chờ đợi lúc thuận tiện...

Thế nhưng, đêm nay, một đêm đặc biệt trống trải, không Clara, không nàng quân sư áo cổ trễ, anh cảm thấy ngay có người bước vào ngăn cửa xoay ngay sau ngăn của anh. Anh quay người lại, bị vấp đầu vào kính. Khi đã định thần, gần như nằm sõng soài trên vỉa hè, anh thấy Ann đang ôm mình. Ở này, ở này, Gabriel nấc lên, chúng ta cùng quay trở về vào cùng một giờ trái khoáy; đây là một điềm gì rồi. Và cô ta cầm tay anh siết chặt, những ngón tay yêu thương siết chặt những ngón tay ngập ngừng. Cô ra lệnh cho anh đứng dậy.

- Nào, anh Gabriel, anh chẳng thể nằm đây suốt đời chỉ vì một cái bướu nhỏ trên trán, nào...

Và người gác đêm, một sinh viên người Bồ Đào Nha theo học triết học của Saint Thomas (Clara đã nói chuyện quá nhiều với anh sinh viên này), thò cổ ra khỏi rặng cây xanh nơi anh ta đặt giường xếp và ra khỏi chồng sách dày cộp màu crem (Hãng xuất bản Vrin) rồi chúc hai người may mắn, về giả dối đến lạ lùng.

Còn Ann vẫn dìu Gabriel, lần tìm thang máy không ở tầng trệt cũng như ở lầu một, Gabriel leo lên cầu thang ở phía sau cô, bốn nấc một, nhưng tại sao lại phải thang máy, tại sao chúng ta lại cần thang máy, chúng ta ở lầu hai, đúng lầu thang máy đang dừng, có một tấm biển nhỏ treo nơi cửa buồng thang:

Thang máy ngừng hoạt động đến

sáng mai, 7 giờ.

Ann gạt tấm biển sang một bên, và ra lệnh nào vào đi, rồi anh xem, hai chị em nhà Knight không chịu lùi bước, đừng lo, em đã quan sát cách điều khiển, em đã nghĩ tới điều đó từ lâu và cô ta đẩy cần gạt, cabin thang máy bắt đầu lên cao. Ann không nhìn Gabriel, còn cabin thang máy leo lên giữa tiếng kêu cọt kẹt, những tiếng cọt kẹt dữ dội, tiếng chiếc nôi thang kêu răng rắc, tiếng liễn đan giỏ vện rít cọt kẹt, một tiếng động có thể đánh thức cả khách sạn, khách trọ sắp bước ra khỏi phòng họ và chúng tôi chẳng thể nấp vào đâu vì thành cabin bằng kính, và sắp có chuyện rùm beng ầm ĩ, cha mẹ các cô sẽ chẳng còn tin tôi... Giữa tiếng huyền não cuối cùng (sau bao tiếng động như vậy thì thử hỏi Paris ngủ sao được?), thang máy dừng lại. Chúng ta đã tới rồi, Ann bảo, cabin thang máy leo quá lâu chót. Gabriel ngược mắt nhìn chiếc ròng rọc bơi đầy mỡ lù lù ở kia, ngay trên đầu họ chỉ còn lại là mái nhà và rồi là trời cao.

- Nào – Ann bảo.

Gabriel đóng tai, ngó ra nhìn cầu thang. Những người bị đánh thức dậy sắp đổ xô lên tấn công.

- Nào – Ann bảo.

Cảnh vật yên tĩnh trở lại. Một sự yên tĩnh giữa trời đêm chỉ còn nghe thấy tiếng con tim mình đập hốt hoảng và Ann đã có lý. Những tiếng đập của con tim chẳng thể lay thức giấc cả một khách sạn.

Lúc này Gabriel nhìn mặt sàn cabin thang máy: sàn trải một loại thảm chải đặc biệt ráp.

- Bao giờ em cũng đứng – Ann bảo.

Gabriel xoay người lại, rất từ tốn, để tránh tiếng cọt két. Cô ta đứng tựa người vào thành cuối thang, hai tay giơ lên. Đầu cô ta dựa vào bản hướng dẫn. Cô nhìn Gabriel, không hề cười.

- Bắt đầu bằng lưỡi đi – Ann bảo.

Thế là năm 1913 mất đi mọi sự dè dặt và bắt đầu nảy nở. Những mùa hè và những mùa hè, một mùa hè dành cho vùng thắt lưng của Gabriel đang quỳ giữa đồng áo dài trắng, một mùa hè dành cho bụng Ann chuyển thành thuốc hỏa công vào những ngày hội, một mùa hè dành cho cổ cô, chắc bị mặt trời rọi, một loại mặt trời du cư chuyển về đêm, mùa hè dành cho đôi tay Gabriel đã chẳng còn biết ai đang bốc lửa, Ann hay anh, một mùa hè dành cho mái đầu anh, thế mà anh những tưởng rằng những kẻ má bầu không được hưởng những mùa nóng bức, một mùa hè dành cho biển lạ, nồng mùi ẩm thấp, tảo giạt, rong, hến biển mở rộng miệng và còn nhiều mùa hè khác nữa và nôi thang tiếp tục leo lên tiếp, bỏ qua chiếc ròng rọc đầy mỡ to tướng, vượt ra ngoài nóc nhà để tới tận nơi đang nảy sinh các mùa hè và tựa như con sóng bạc đầu giữa biển khơi. Nóng như vậy là chuyện bình thường, chúng ta đang ở cực điểm, Gabriel thầm nhắc lại khi vẫn loay hoay tìm cách giải thích các sự việc. Mọi chuyện đều bình thường. Mọi chuyện đều bình thường. Cô ta mặc một chiếc áo dài trắng viền đăng ten, cài cúc đến tận cổ, một chiếc áo dài xẻ dọc làm đôi, từ trên cao xuống tận đáy. Chân phải cô co duỗi hơi quá nhanh, như hàng lông mi chớp.

Sau đó, khi chiếc nôi đã quay trở về vị trí dưới chiếc ròng rọc đầy mỡ, khi các mùa hè dịu từng mùa một, khi các tiếng cót két lắng yên, thang máy hạ xuống lầu hai. Ann sửa lại tấm biển treo:

Thang máy ngừng hoạt động đến

sáng mai. 7 giờ.

Cô cứ để nguyên tấm áo dài xẻ dọc làm đôi.

- Vào giờ này, ai còn nhìn thấy chúng ta? Chúc anh ngủ ngon, anh Gabriel.

Tất nhiên đây là Ann – Gabriel thăm nhủ lúc lục các túi nhưng vẫn chưa thấy khóa cửa, à! Đây rồi, cuối cùng anh mở được cửa phòng mình và quyết định không bật đèn, mình đi ngủ ngay, khi anh cởi áo xống trong tối, khi đụng phải chiếc ghế bành, ngày gì thế này, chẳng hiểu ngày gì thế này! khi kiểm tra lại xem các rèm cửa đã kéo kín và chiếc gối dài ở đầu giường đã được thay bằng chiếc gối đơn chưa, Gabriel tự nhủ: tất nhiên sao mình cứ do dự mãi thế? Ann là mối tình duy nhất của mình.

Vào giây phút cuối cùng, khi cả khối người anh đã kéo anh đã ngã ra giường và đã chúc, giọng cao và rành rọt của người kỹ sư, bây giờ chúc cậu ngủ ngon, cậu Gabriel, thì anh mới cảm nhận thấy rõ một sự hiện diện.

- Em biết rằng anh đang mệt. Clara bảo, - tương lai của chúng ta mới là cái quan trọng...

Cô cầm tay anh.

- ... Anh cũng biết rõ như em là mọi người đều có tình dục cả, anh Gabriel, cho dù thiếu vắng giới vật, do đó đi đâu mà vội, chúc anh ngủ ngon, anh Gabriel.

Và cô ta xoay lưng lại.

Và hình như một lát sau tôi thấy cô ta ngủ thiếp đi.

Gabriel ngỏ lời cầu hôn tại phòng ăn. Niềm hạnh phúc của gia đình bộc lộ ra thật hớn hờ.

- Chấp thuận, chấp thuận thôi, bàn tay này, anh Gabriel thân mến,
- Ông Markus bảo, rồi ông cúi sát bên chàng rể: tôi nhắc lại với anh đây là điều duy nhất cần phải quyết định, không cưới xin e rằng phát rò mắt...

Clara không nhìn anh, cô chăm chăm nhìn khu vườn mùa đông, miệng cười theo kiểu quận công. Bên kia bàn ăn, như thường lệ, Ann và mẹ mình ngồi khẽ đọc bài kinh dài triền miên. Chốc chốc hai mẹ con quay nhìn Gabriel và mỉm cười và anh ta thấy hình như tôi chẳng dám tin chắc, nhưng anh ta thấy hình như sáng nay mình đọc rõ qua môi hai mẹ con cái câu nói bà Élisabeth rất thích và bà đã dạy cho cô con gái rõ toàn bộ sự thật: Cuộc đời còn dài, anh Gabriel, tôi rất vui, chúng tôi rất vui cho anh, nhưng cuộc đời còn dài, anh Gabriel... Các nhà kinh doanh ở bàn trên thăm muốn biết lý do của tâm trạng vui vẻ này. Tôi cho cưới con gái tôi, ông bầu kiêm người phát hiện tài năng đáp. Thế là họ gọi rượu sâm banh, loại hảo hạng. Các nhà kinh doanh bộc lộ tình cảm của họ như vậy. Họ, người thì ở Chicago, người khác ở Lyon, đến đây ký một hợp đồng quan trọng. Hàng dẹt. Loại sang, như hai người ở Lyon đã nói rõ. Hợp đồng của chúng tôi cần một mẹ đỡ đầu. Cô dâu đâu? Bà Élisabeth chỉ Clara. Tuyệt lắm, phiền chị ghi cho chúng tôi địa chỉ, SA Chic International sẽ gửi áo dài tặng chị. Đúng, anh chị định ở đâu? Ann hỏi. Clara ghi địa chỉ, khách sạn Washinton và Albany, phòng 212. Chúng tôi nâng cốc uống mừng tình yêu, hôn lễ, Chic International, căn phòng số 212, các thành phố Chicago, Toulouse, Paris, Washinton, Albany. Không biết Albany có phải là một thành phố không? Gabriel tự hỏi. Một người Lyon luôn mồm nhắc bên tai

cô dâu: rồi chị sẽ thấy, cái áo dài của chúng tôi, một thị hiếu hoàn hảo, hoàn hảo; sau đó ông ta đi khắp căn phòng ăn sáng, vợ hai bông hồng vàng cắm giữa mỗi bàn và tặng bó hoa cho cô em gái Ann, “để khỏi ghen tỵ”.

Những người phục vụ mỉm cười. Ai ở khách sạn Washinton và Albany cũng đều biết rõ gia đình Knight và chàng rể tương lai của họ.

Con trai vô cùng yêu quý của bố.

Nếu trong khi đi phiêu lưu trong tiền sảnh khách sạn lớn loại sang của con, con có gặp anh chàng Gabriel đăng trí, con thông báo với chàng về ngày tháng một buổi lễ mà bố chàng có liên quan và nhân dịp đó, con có thể nói tên bố (Louis): ngày mùng 1 tháng Chín, 12 giờ, tại nhà thờ Alésia, quận XIV, bờ tả ngạn. Và lần này, lần này, kẻ hay chim chuột cũ đã thực sự tận dụng tất, con nghe rõ đấy, tất cả những vận may, kẻ cả chất cổ kết cần thiết của cuộc đời là lễ cưới. Nhưng do nỗi luyến tiếc là một cố vấn tồi, nhất là đối với người có tên là Louis, có lẽ tốt nhất con nên có mặt trong buổi lễ để cầm tay bố. Bố rất tiếc, bố sẽ dành chỗ danh dự cho con, nhưng bà nội Marguerite cứ một mực dẫn bố về khách sạn, cuộc hành hương của hôn lễ.

Ký tên: bố Louis.

T.B. Từ ngày bố tận dụng tất cả những vận may, cuộc đời bố cứ ngả nghiêng, Gabriel ạ, như đúng là tháp ở Pise, do đó con về nhé, Gabriel, bố sẽ trao tặng con nửa vận may đó, bố sẽ lấy lại được thăng bằng.

Bất kỳ người con trai nào có thể trạng bình thường khi nhận được một lời kêu gọi như vậy đều sẽ lao ngay về địa chỉ mới ở đảo Jatte để dựng lại tháp ở Pise. Nhưng Gabriel thì không. Anh nhìn chằm

chăm người trực tâng: chắc đây là điện mừng, thưa ông, người bạn ham thích sưu tầm tiền hậu đãi khươ khươ trong không khí chiếc khay bạc, mấy phút trước đây còn để bức điện đã bóc.

- Đúng, anh Roger, điện mừng và thông báo mọi chuyện đã sẵn sàng. Chúng tôi có thể tổ chức hôn lễ vào ngày mừng 1 tháng Chín, đúng giờ Ngọ, ở đâu cũng được, nhưng bên bờ hữu.

Anh cười với Clara. Nằm cạnh anh trên chiếc giường trong căn phòng số 212, cô kéo chăn che kín người tận mũi và đảo cặp mắt của cô gái đỏ bừng mặt. Và anh thấy mình bật nảy dễ dàng một cách chưa từng thấy, anh nhảy ra khỏi giường, lục các túi quần tối qua với dưới đất trước cửa sổ và tìm được đồng tiền đang muốn tìm, tặng anh, chúc anh một ngày tốt lành, anh Roger, một lần nữa xin chúc mừng ông, thưa ông, và anh đến bên Clara: em rõ chứ, đây là ngày cưới của anh, anh không muốn ông ấy tới, anh muốn có một lần hạnh phúc trọn về anh, về riêng một mình anh, nhất là niềm hạnh phúc với một người đàn bà. Sau này, có thể ngày mai hoặc sao không phải là ngay hôm nay, anh sẽ giới thiệu em với Louis, nhưng trước khi cưới thì chưa đâu.

- Louis là ai? – Clara hỏi.

Nhưng Gabriel chẳng muốn để những nỗi ân hận làm lu mờ ánh vẽ của mấy ngày lộng lẫy này. Và hình ảnh một người bố cô đơn lần này lại tận dụng mọi vận may, xông lên và lại xông lên, chẳng có sự cứu viện nào, trước đợt tấn công của hạnh phúc, có thể sẵn sàng phá tan niềm hạnh phúc ích kỷ nhất...

Do đó rất có thể Louis đã nhận được vào chiều tối ngày 31 tháng Tám khi thực sự không còn tài nào hủy cuộc lễ ngày hôm sau, một bức điện dài chưa từng thấy, đánh từ Paris về đảo Jatte.

Gabriel, không chú ý đến những chữ chấm ngắt vụn các câu của anh, đã tuyên bố rằng anh cũng đã tận dụng tất cả vận may của mình và sẽ lấy vợ vào ngày mừng 1 tháng Chín hồi trưa, tại nhà thờ Saint – Augustin một sự trùng hợp kinh khủng bố không nhận thấy sao bố Louis chấm nhưng mong bố đừng tới chấm bản tổng kết của chúng ta về tuổi thọ tình cảm thật kinh khủng chấm có lẽ số phận bám riết hai con người thuộc dòng họ Orsenna khi hợp lại do đó ta nên toan định cuộc dan díu tách nhau ra chấm dù phải trả giá thế nào đi nữa chấm con ôm hôn bố.

Trời đã khuya, trong khi Clara và Ann vẫn chưa thấy quay về từ một địa điểm tại Paris hai nàng đang chôn vùi cuộc đời chị em của họ, còn Gabriel chưa chớp được mắt, lòng còn bị giằng xé giữa ước muốn gọi cảnh sát theo dõi gái điếm hoặc bỏ chạy về đảo Jatte (đúng, bây giờ mình đã biết rõ, chị gái của mình, đây là bố mình), thì một người đàn ông trông rất kiên quyết, mặc áo hơi hẹp tà (không mặc gilê) đến hỏi ở phòng đón tiếp khách sạn Washinton và Albany. “Chú rể ở lầu mấy? Người nọ hỏi. – Ý ông định hỏi ông Gabriel, phòng 212 à? – Cảm ơn, thưa ông, cảm ơn”. Và người nọ lao ngay lên cầu thang bắt chập những tiếng gọi của chàng sinh viên người Bồ Đào Nha theo học triết học của Saint- Thomas: nhưng thưa ông, ông ấy đang ngủ, nhưng thưa ông... Louis mở tung cửa, tuôn ra một tràng tưởng đứt hơi:

- Coi như bố không tới – coi như bố chỉ là một bức điện, tự hào có đứa con trai quá chín chắn chấm hơi ời tán thành với chiến thuật tạm thời chia lìa đáng buồn chấm.

Và Louis ôm cậu con trai, đưa mắt đảo nhanh nhìn xem căn phòng 212 ở một khách sạn loại sang nó ra sao, bố đi đây, bố đi đây, Gabriel, coi như bố không tới và mắt ông nhòa lệ khi từ phòng tiền sảnh quay ra cánh cửa xoay và chàng gác đêm người Bồ Đào Nha theo học triết học của Saint- Thomas, đáng lẽ mắng ông, thì lại chúc ông ngủ ngon, thưa ông, và chúc ngày hôm sau của ông sẽ là ngày tốt lành. Từ sau cái ngày 31 tháng Tám đó, mỗi khi thấy ai nói đến bố trước mặt Gabriel hoặc giới thiệu bố mình với anh, anh liền so sánh và không thể không bĩu môi, vẻ hoài nghi.

- Một người bố là thế này à? Anh tin chắc rằng mình có bố đấy chứ? Anh có biết một người bố thực sự là người thế nào không?

Đôi lúc, trong suốt thời kỳ đó, sau một bữa ăn hoặc khi gặp tôi tại tiền sảnh, ông Markus liền nắm tay tôi:

- Cha biết rằng chúng ta đã nói chuyện này rồi, nhưng có lẽ anh nên giải thích cho cha rõ nghề nghiệp của anh cụ thể là gì: hình như là cao su, đúng không?

Tôi lại giải thích với ông, một lần nữa, về kiên nhẫn.

Cha một cô gái, tuy hết sức nỗ lực, thực ra chưa tin tưởng vào thực tại của chàng rể. Trong trường hợp tốt nhất, anh chàng chỉ là một con ma tử tế. Ưu thế của các con ma là chúng không trú ngụ trên giường, tuy ma thường chùm chắn. Cái nghề gọi là chàng rể tương lai xem ra như một sự nhộn nhịp không chắc chắn, ở nơi đó, giữa sương mù.

- À! Tốt lắm, cha hiểu rồi! Nhưng làm ngoại giao, anh không bao giờ nghĩ tới à?

Với Markus Knight, các đại sứ là những ông vua, những tên vua vô học và đáng khinh, luôn có mặt chiếm chỗ tốt và ngủ gà ngủ gật trong các buổi hòa nhạc, luôn sẵn sàng tổ chức các buổi lễ chào mừng mấy cô đào chiếu bóng được thừa nhận, chẳng bao giờ sẵn lòng giúp các nhân tài vừa chớm nở, một ông bầu gặp khó khăn tạm thời...

- Anh yêu âm nhạc, Gabriel, anh sẽ chẳng giống họ, anh mở rộng cửa đón các nghệ sĩ, các nghệ sĩ chân chính ấy, cha có thể giúp anh phân biệt các nghệ sĩ chân chính với loại giả tạo và ánh hào quang của nước Pháp sẽ tỏa sáng ở nơi anh làm đại sứ. Anh không biết chứ ta cần các nhà ngoại giao không đàn độn?

Gabriel tiếp tục giải thích nghề cao su của anh.

Ông Markus chấp nhận.

- Đúng, đúng, chắc điều anh vừa nói là có lý. Sự phát minh ra điện thoại không có lợi cho ngành ngoại giao, do có điện thoại, mấy tay đại sứ trở nên chẳng cần thiết mấy, chẳng đáng cần lắm đâu, do đó anh cứ làm nghề cao su đi. Dẫu sao anh biết là cha tin anh, anh Gabriel, anh biết rõ điều đó chứ?

Như vậy là hai đám cưới đều được tổ chức vào cùng ngày mừng 1 tháng Chín và cùng một giờ. Và cả hai đều cố lo sao để có thể tận dụng những vận may và cuối cùng đã đánh lạc được hướng vận rủi cứ bám riết mãi tận ngày nay cặp cha con nhà Orsenna:

1) một khoảng cách hợp lý, thế là sông Seine đã ngăn đôi hai nhà thờ.

2) chặng đường hai đám cưới qua tránh không để xảy ra sự chạm trán bất ngờ.

3) những bản danh sách chính thức dứt khoát bất luận không để một ai được mời cùng dự hai đám cưới. “Anh có tha thiết muốn mời ai không, anh Gabriel?” Bà Élisabeth hỏi. Anh đáp rằng mình tha thiết muốn mời vị thánh Pierre Tên Phản Bội (và cha cố tương lai) này nọ: “Gia đình duy nhất của cháu là bác!”.

4) lễ tiệc xong xuôi thì Louis sẽ ở lại đảo Jatte, còn Gabriel sang Brésil...

Hai chúng tôi, bố Louis và tôi, đã phạm sai lầm gì? Biết giải thích ra sao chuyện tiếp theo sẽ phải như thế nào?

Hôm nay, sau biết bao suy ngẫm tôi đề xuất cách giải thích: bưu điện. Có lẽ cái nhìn xúi quẩy sẽ được chuyển giao qua bưu điện. Vì,

ngay lúc mặt trời mọc, điện tín do hai bố con đánh cứ tới tấp tung qua đón lại:

“CUỐI CÙNG BỐ CÓ NÊN CHỌN ÁO VẾT LEN NGẮN TRẮNG CÀI CẮM CHUỐNG ĐỂ CÒN CON? HỒN, BỐ LOUIS. (8G12)”

“CON ÁO ĐUÔI TÔM DÂY GIÀY CHÂN PHẢI ĐÚT ÂU YẾM. GABRIEL. (9G15)”

“RỒI ĐẢO JATTE NHỚ TỚI NHỮNG BƯỚC ĐI ĐẦU TIÊN CỦA CON DỨNG CẢM LÊN. BỐ LOUIS (11G01)”

“NƯỚC MẮT LỪNG TRÔNG RỒI WASHINGTON VÀ ALBANY CHẤM NỤC CƯỜI. GABRIEL. (11G28)”

Các chú rề tiến tới đích của mình. Điện tín tới tấp đánh lui đánh tới, các bộ đồng phụ đi đi lại lại quanh họ tạo nên một bầu không khí bí ẩn bao trùm lên họ. Trong đám cưới riêng của hai bố con, người ta thì thăm bàn tán các giả thuyết: hẳn đây là do một nàng nhân tình không chịu nhượng bộ... hoặc do thủ đoạn đầu cơ của Bourse New York, Amsterdam... và suất đóng góp của hai bố con nhà Orsenna, mà mọi người tự hỏi chắc phải ghê gớm lắm mới để ra cuộc hôn nhân, tỷ giá của ông bố và của người con cứ leo thang, dần dần. Đúng lúc bước vào nhà thờ, bà Élisabeth tử tế lách tới khoác tay tôi (chẳng là anh không có gia đình mà), đàn đập hơi kêu vù vù, người quản lễ đứng đưa người, nhân viên phát thư có mái tóc hơi vàng lách qua hàng rào người, lại một bức điện nữa gửi cho ông, thưa ông, và suốt đoạn đi trọng thể, Gabriel đã dùng tay trái cố mở bức điện và vừa ngồi xuống ghế, anh liền giúi nó vào cuốn kinh lễ, đoạn giữa hai ngày Chủ nhật của lễ Chúa Thánh thần và nắp dưới vẻ thành kính, anh đọc nội dung bức điện:

“NẾU CHÚNG MẠCH NHANH GÂY XÚC ĐỘNG RA LỆNH CHO CON PHẢI NGỪNG NGAY HÔN LỄ NÀM NGAY XUỐNG BẤT KỲ NƠI NÀO VÀ GỌI BÁC SĨ RA LỆNH ĐẤY. BỐ LOUIS (12G07)”

Clara đã không để lọt mắt thủ đoạn đó. Lúc này mỗi chị mạnh và mím chặt tới mức người ta tự hỏi không hiểu tại sao lại có thể để lọt câu thì thầm sau:

- Chắc lần này là lời vĩnh biệt.

Et introibo ad altare Dei, buổi lễ bắt đầu.

Hôn lễ được cử hành như mọi hôn lễ khác, mùi hương, tiếng âm ỹ của đàn orgue và không khí nỗ lực, vỡ mộng có sức cưỡng lại sự trệch hướng của các lực địa? Trước mặt hai chúng tôi, Clara và tôi, Gabriel, một cha cố già nua ngồi xuống những chiếc ghế bành đồ của chúng tôi, tiến hành những động tác của buổi lễ; mở sách, đọc sách, chuyển sách, xếp lại nếp áo... Đôi lúc cha cố quay về phía chúng tôi, Clara và tôi, mỉm cười với chúng tôi, khẽ lẩm bầm “các con bé bỏng của cha” và lại tiếp tục công việc của mình, thời gian trôi qua.

Sau đó đến việc thuyết giáo, lịch sử thuyết quyết định dài triền miên, từ những đêm có tuổi, Clara Knight, vượt qua nước Đức, Ba Lan, Hungari, Tiệp Khắc, những thị trấn vùng Ban Tích, âm nhạc để bước đến bên Gabriel. Trong khi đó, anh, Gabriel, cực kỳ thích quanh quẩn ở nhà, đã buộc lòng phải rời Levallois vào một ngày trời đẹp để đi London. Và trên con tàu thủy... Ai còn tin được vào sự trùng hợp? Các thầy dòng kính mến, các nữ tu sĩ kính mến, các vị đều biết rõ đường dây liên lạc dày đặc giữa nước Pháp và nước Anh... Gặp gỡ được nhau là một dịp may rất hiếm thấy có biết nhường nào?... Không, từ những thế hệ này truyền sang thế hệ kia. Thượng đế đã có ý định của mình... Đến tận ngày hôm nay... Một sườn dốc đã được chuẩn bị... Cầu chúc Thượng đế... (Chúng tôi chỉ là những người dẹt thảm, Clara và tôi, số phận hòa trộn nhờ bàn tay thánh thần, dẹt đan vào nhau đến muôn đời...) Ôi, hai con người cuối cùng đã gặp nhau... Các con của cha, cha chúc mừng các con, cha chúc mừng các con... Cha cố ngừng lời... Amen.

Buổi lễ lại tiếp tục, mỗi lúc một chậm, người ta có cảm giác cha cố đã hết hơi, đột nhiên kiệt sức vì nghề nghiệp của mình ngày qua ngày, hà hơi sức thần thánh vào sự mỏng manh của trái đất, tạo các khung bên ngoài cho đám mờ mờ ảo ảo của những tình cảm. Cha cười với chúng tôi, Clara và Gabriel, các con bé bỏng của cha, cha có vẻ như xin lỗi, người ta muốn giá như cha chấm dứt...

Sau *l'ite missa est*, cha tiến đến bên tôi:

- Cha xin lỗi con. Còn bao nhiêu con người chết tuần này... Cha chẳng còn được sự uyển chuyển như trước, cha chẳng còn có thể nhanh chóng chuyển từ thánh lễ này sang thánh lễ khác. Trong những trường hợp như vậy, lễ ra cha phải xin hủy, nghỉ ngơi và sau đó mới lại bắt đầu. Nhưng không thể được, các gia đình sẽ bảo sao? Do đó, cha xin lỗi, vì con cố vừa lòng với, với cái đám cưới chẳng ra gì này.

Tôi nói để cha yên tâm. Không đâu, cha nhầm rồi, đây là một đám cưới đẹp đôi.

Cha mỉm cười nhìn tôi, con là người tử tế, cha chẳng tin tôi, và rồi cha quay vào kho đồ thờ, chậm rãi với dáng đi của một ông lão, lê một bước và rồi lại một bước.

Mọi người đợi tôi ở sân trước nhà thờ, để rắc gạo và chúc mừng.

- Thế nào anh Gabriel, anh làm gì đấy?

Tôi cảm thấy hông Clara áp sát hông tôi, và miệng áp bên tai: Anh đóng xong va li chưa?

Và chúng tôi đi xuống các bậc thang, bước qua dưới vòng các vĩ, các sao và máy nhịp. Ông bầu đã làm tôi phần việc của ông, ông đã huy động tất cả những người đã phát hiện ra, các bậc kỳ tài đang tập tọng và thậm chí mấy kẻ đã thành tài cũng tới dự. Cả chàng sinh viên người Bồ Đào Nha, nhân viên gác đêm ở khách sạn

Washington và Albany cũng tới dự. Tất cả mọi người đều ôm hôn Clara.

Một chồng điện tín đón đợi trong chiếc xe ngựa mui gấp:

“CÓ CHUYỆN GÌ VẬY? BỐ XONG TỪ LÂU TRẢ LỜI. BỐ LOUIS. (12G26)”

“CHỨNG MẠCH NHANH PHẢI KHÔNG NẾU VẬY ĐỢI MẠCH TRỞ LẠI NHỊP 80 TRƯỚC KHI TIẾP TỤC HÔN LỄ (12G35).”

“CHỖ ĐẾN BỆNH VIỆN NÀO NẾU GẶP CHUYỆN RỦI BỔ ĐẾN. (12G49)”

Ngày mừng 1 tháng Chín đó chắc phải kéo dài mãi tận đêm, như tất cả các ngày mừng 1 tháng Chín. Nhưng Gabriel chẳng còn nhớ gì cả. Chắc thế nào chẳng có bữa tiệc cưới, diễn một vở kịch, có thể hát hò và lại những bức điện tín. Nhưng Gabriel không giữ trong đôi tai mình bất kỳ tiếng ồn ào náo nhiệt nào, bất kỳ bằng chứng âm thanh nào của một lễ cưới có thể dội lên vào thời đó; và khi nhắm mắt, anh không thấy những bức tượng nhỏ đặt bên mặt bánh ga tô: người chồng nắm tay vợ đang cầm một cây nến thờ.

Tuy vậy một cảnh vẫn quay về trong trí nhớ anh, một cảnh ngoài ga. Dưới làn ánh sáng mờ mờ lọt qua cửa kính, gia đình Knight, những người còn lại, từ nay chỉ còn lại ba người, cái gia đình ít người Knight đứng trên bến ga, tàu sắp khởi hành, hai vợ chồng mới cưới hạ cửa sổ, nhào người cúi xuống trò chuyện với mấy người đang đứng trên bến ga.

- Như vậy lần này quyết định là cao su nhỉ? – Ông Markus bảo.
- Vâng ạ, theo con thì điều đó đã được quyết định – Gabriel đáp.
- Con đã chẳng cho cha rõ cao su buộc phải ra đi xa như vậy!

- Có, có nói rồi ạ, con thề đấy, con đã báo trước với cha rồi đấy thôi. Công ty đã cử tất cả bọn con ra nước ngoài trước khi phân công trách nhiệm.

- Như vậy là cha nghe chưa rõ, nhưng không sao, Gabriel, cha tin con, con biết rằng cha tin con...

Mấy người phụ nữ đứng bên cạnh thề rằng sẽ viết thư. Loa truyền thanh thông báo mời quý khách đi Rouen và Le Havre lên tàu.

- Còn Gabriel – bà Élisabeth kêu lên. – chúng ta quên chưa chào chia tay Gabriel!

Bà Élisabeth hôn lên môi tôi. Ít ra tôi cũng được một lần cao hơn bà. Lúc tàu chuyển bánh, Ann nhìn thẳng vào mắt tôi:

- Anh cố giữ mình, anh Gabriel, đời còn dài.

Bà Élisabeth dặn lại Clara là đừng bao giờ uống nước không lọc kỹ. Bây giờ ông Markus đã quên chúng tôi. Ông so giờ đồng hồ đeo tay của ông với chiếc đồng hồ lớn treo trên đầu chúng tôi như một chiếc đèn chùm. Nhiều người khua tay chạy dọc theo tàu. Nhưng không phải ba người trong gia đình Knight. Họ đứng im không nhúc nhích. Ông bầu quàng tay ôm cổ hai người đàn bà còn lại trong gia đình. Rồi sau đó họ nhòa dần. Cuộc đời ở gửi chấm dứt như vậy đó.

Đám cưới của bố (Gabriel) và ông nội con (Louis), trong cùng một ngày, diễn ra như vậy đó. Nếu bố, thuật lại con nghe chuyện đó, rất chi tiết, ông là vì nhất chọn chúng ra trong cuộc đời riêng tư của con thật khó biết bao. Rồi con sẽ thấy, khi con lớn khôn hơn, một khi mở toang cánh cửa các kỷ niệm, những năm tháng đã qua xuất hiện trở lại toàn bộ hoặc từng phần, nhưng luôn bép xép, không có trật tự cũng chẳng biết e thẹn. Luật sư và con, hai người cứ xem xét những gì thấy cần, hoàn cảnh có cái làm giảm nhẹ, có trường hợp gây nặng thêm. Mỗi người mỗi nghề, luật sư bảo vệ, con cái phán xét. Chuyện thường tình. Thôi bố quay về với lịch sử. Bản án sắp được đưa ra

xử, bố muốn hoàn tất hồ sơ. Con chia tay với bố ở sân ga, bố ra đi bằng tàu thủy. Liệu con có giống bố không? Liệu con có thích, như bố, các chuyến du lịch không?

Vượt Đại dương

Đã đến lúc, Gabriel, như vị tiên bói lỗi lạc của mình là Christophe Colomb, vượt đại dương bằng con đường biển, đã đến lúc so sánh hai cuộc thử nghiệm.

1. Giống nhau

Gabriel như Christophe, phải vỗ yên những người cùng đi trên tàu.

“Chủ nhật, ngày 9 tháng Chín năm 1492,

Hôm đó, họ hoàn toàn không nhìn thấy đất liền. Do sợ còn lâu không thấy đất liền, nhiều người thở dài và khóc lóc. Đô đốc đã an ủi họ bằng cách hứa hẹn biết bao mảnh đất trù phú, để họ nuôi hy vọng và trút đi nỗi sợ nảy sinh do một cuộc hành trình dài như vậy gây nên.”

Ta nên nói cho rõ ràng: sứ mệnh vỗ yên do Gabriel thực hiện tạm ổn suốt ngày này qua ngày khác không phải dành cho thủy thủ con tàu Booth Line (những thủy thủ điềm tĩnh) cũng như dành cho các khách khác cùng đi trên tàu (chủ đồn điền hoặc các thương gia thực dụng), mà chỉ là mỗi mình Clara, một nàng Clara tuyệt vọng, bị đại dương làm cho khiếp sợ, một nàng Clara mà Gabriel phải ôm vào lòng, chở che nàng trước cơn sóng lừng đại dương bằng cách tự đưa nàng, tựa như một cuộc hành trình lồng trong cuộc hành trình, tựa như nếu ta đem ví những chiếc tàu nhỏ bằng giấy do mấy chú bé thả trong bể bơi nước xanh ngắt với con tàu lớn lừng lững rẽ sóng biển thực sự (màu lục bảo).

Và nếu người ta thực sự công nhận một cuộc hôn lễ vì tình là *một giả thiết* cũng phiêu lưu như việc công nhận hình tròn của trái đất vào thế kỷ XV, thì sự giống nhau giữa chuyến vượt biển năm 1492 với chuyến 1913 rất lạ lùng.

Chiều tối đầu tiên, đúng ngay sau lúc không còn thấy nước Pháp đâu nữa, tôi đưa người vợ rất trẻ của tôi ra đầu mũi tàu, bụng nghĩ rằng trước cảnh hùng vĩ của mặt trời tắt lặn, tâm hồn cô ta hé mở và tôi có thể lọt vào để nghỉ đêm, và thậm chí còn có thể đi xa hơn nữa, đạo ấy tính lạc quan của tôi mới thật vô biên. Hỡi ôi, Clara chỉ khẽ đảo mắt liếc nhìn nền trời màu da cam, hần những đường sẫm dọc ngang (người ta cứ nghĩ rằng những con cá nhám góc đang bơi trên đó). Clara không chút quan tâm đến cuộc vật lộn đang diễn ra trước mắt: lão mặt trời già nua cố chống cự, những đám mây đen chì giúi đầu lão, lão mặt trời cố dồn hơi sức cuối cùng và đỏ mặt tía tai, lũ mây đạo đức giả cứ giả đui giả điếc giúi mạnh nhấn lão giúi giúi xuống thấp hơn nữa. Clara hồ hững trước vụ giết hại này tựa hồ như người ta thường nói cô ta bị ám ảnh bởi làn ánh sáng xanh. Cô ta vùng ra khỏi tay tôi từ từ xoay người lại, mắt chăm chăm nhìn mảng nước mênh mông và hoang vắng. Cô ta áp úng: tất cả đều trống rỗng... anh nhìn kìa, chẳng còn gì cả... thế giới sẽ chẳng mấy chốc lâm vào cảnh này khi âm nhạc chiến thắng.

Vỡ lẽ rằng mối tình của tôi chẳng thể mong đợi điều gì tốt đẹp trong cảnh hoang hôn thơ mộng, tôi dìu người vợ rất trẻ của mình xuống phòng ăn và bố trí cô ta ngồi ở một chỗ tôi cho là *thực tế* hơn, có khả năng vỗ yên cô ta, cô ta ngồi dưới đèn, giữa hai thương gia người Arhentina (buôn bán gia súc). Và suốt bữa ăn tối, tôi mệt nhoài vì phải lái và chống đỡ cuộc trò chuyện về sự giàu có của pampa^[11], chán tưởng chết được, nhưng tôi hy vọng câu chuyện an ủi Clara và làm cô ta tin chắc rằng Nam Mỹ, cái đích cuộc phiêu lưu của chúng tôi, là thực sự có thực, một sự tồn tại xác thực, mùa hè bụi bặm, mùa đông bùn lầy lội, nhưng nhúc đầy xúc vật rống lên và nồng nặc mùi phân bò, một sự tồn tại của một lục địa không bị tiêu tan. Hỡi ôi, cô ta không nghe, cũng chẳng ăn, một mực đưa mắt sợ hãi nhìn qua cửa sổ tàu. Tôi đành phải nghe về cuộc viếng thăm pampa. Chúng tôi đứng dậy lúc bếp trưởng ra lệnh cho bưng các khay pho mát ra các bàn và chúng tôi ở lì trong cabin của mình không ra ngoài nữa. Một sự vô lễ mà mọi người xét thấy có thể tha thứ được do đây là cuộc hành trình sau lễ cưới của chúng tôi. (Các vị ngồi cạnh trong buổi chiều gặp gỡ đầu tiên với ông bà hỏi thăm tin tức về ông bà, ngày nào anh bồi tàu có giọng Thụy Sĩ cũng hỏi khi

mang bữa ăn phụ có kèm theo bông hồng trắng theo nghi thức hoặc hoa tú cầu hoặc cắm chướng, do thuyền phó, phụ trách tình hình trên tàu gửi tặng. Tôi biết trả lời thế nào, thưa ông, bà? Trả lời rằng chúng tôi vẫn ổn cả, đúng không Clara? Chúng tôi vẫn ổn. Và thế là anh bồi tàu quay ra, bước đi cũng kéo lê như giọng nói, loan báo tin vui, cabin 18 ổn cả, các thủy thủ té nhị nháy mắt, không gì bằng một chuyến đi biển để buông neo tình yêu. Ý kiến ngược đời, đúng không, thuyền phó? ý kiến ngược đời!)

2. Khác nhau

Hàng đầu.

Nàng Isabelle Tín Đồ Công giáo viện lý do vì công việc, đã ở lại đất liền. Còn tôi, có Clara đi cùng với tôi. Chirstophe Colomb hẳn đã không được biết niềm cực lạc nào của cuộc sống lứa đôi, hai con người bị nhốt trong chiếc hộp gỗ gụ đỏ, lắp một ô cửa sổ nhỏ chẳng để làm gì và được trang bị một chiếc giường nhỏ cho cả hai (mà một người được phú cho cặp vú khá to) nhưng giường thế cũng đã quá lớn chiếm choáng hết chỗ, kê giữa một bàn trang điểm có gương hình bầu dục và một chiếc tủ treo quần áo rất khó chịu vì các tay đầm bằng đồng ban đêm cứ sáng loáng và các mắc áo đựng đưa cọt két mỗi khi sóng lừng nổi. Còn hai cánh cửa cabin, một cánh mỗi ngày bật mở ba lần để chàng bồi tàu giọng Thụy Sĩ và bộ đồ ăn bằng bạc chàng ta bê lọt qua, còn sự chuyển động của cánh cửa kia, ngăn nhà vệ sinh mà mọi thứ trong đó trông thật bé tí, từ nắm đầm dây giặt nước tới giấy dán vách màu hoa cà, không thể dự kiến được, điều đó thật tự nhiên một khi thói quen ăn uống mỗi giờ đều cùng bị đảo lộn.

Người ta bảo: này, này, vào một lúc này hoặc lúc kia, Gabriel hẳn đã trốn lên boong tàu hút một điếu xì gà ngon của đàn ông, lòng thấy rộn nổi cô đơn thấm thía của đàn ông khi lần thuốc trong gió, mặt hướng ra đại dương hoang vu và thân ái...

Không.

Tôi không rời một giây cabin màu gỗ gụ. Tôi ở lì đến cùng đến khi viên thuyền phó báo cuộc hành trình kết thúc vì nước biển đã trở thành nước ngọt. Tôi đã ngốn no cuộc sống chung. Tôi đã từng phải đoán nghĩ rằng sau hai mươi mốt ngày, cuộc đời sẽ ngừng hoạt động. Tôi đã tiếp nhận tất cả những cử chỉ ấy của một người đàn bà và đây, từng cuộc thăm viếng, một đám cưới chật hẹp:

Một ngày mới, ánh sáng yếu ớt lọt qua cửa sổ của kẻ bị giam giữ, một ngày mới thể hiện ở Clara, qua vẻ run rẩy của mũi, qua cánh mũi hơi tỉnh vì phập phồng mà chỉ người quan sát si tình, có nghĩa là một kẻ dạ thị, mới phát hiện ra. Tiếp đến là những động tác duỗi, thoát đầu, đôi chân, chần khẽ từ từ động dậy, Gabriel nằm sát sang mép bên kia giường để tránh gây trở ngại, sau đó người vặn, từ lúc này điểm tựa chỉ là lưng, và rồi đôi tay vươn ra ngoài chần, thò ra hai bên đầu, chẳng mấy chốc hai cánh bướm đậu trên hai đầu cánh tảo trắng (cánh tay Clara), và rồi nổi lên rên rỉ, chào anh Gabriel, hôm nay biển có vẻ lặng, đừng nhìn em, trông em gớm guốc lắm, nhảy ra khỏi giường, Clara quay lưng chạy về phía cửa căn phòng hẹp, nghỉ chuyển hồi, Gabriel nhắm mắt, bình tĩnh lại, biết phận, cô ta cao lớn, mình thấp bé, hai chúng tôi bổ xung cho nhau, đồng tai, nước chẩy, bàn chải chải tóc phát ra những tiếng lách tách nhẹ, điện gớm thật! Anh ạ, anh có nghe thấy tiếng đông tố không? Em cứ tự hỏi không biết bố Markus đã thấy được gì ở Ba Lan, vào những lúc thế này, cô ta nhiều lời lắm, để át những tiếng do công việc tể nhị phát ra, anh quay người lại, anh Gabriel, em đây. Và rồi sẽ xảy ra hai tình huống, một là, hoặc chàng bồi tàu giọng Thụy Sĩ gõ cửa, Clara thốt kêu lên, vội khoác quần áo để giữ vẻ đoan trang (nếu không, phần đông người Thụy Sĩ sẽ đánh đổ lật nhào chiếc khay bày bữa điểm tâm), còn Gabriel, trước khi ra mở, đã làm phong phú thêm nếp nhăn của khăn trải giường rất quen thuộc với Clara (một sự biểu lộ tính kín đáo của nhà Knight) và cặp vú người vợ.

Giờ tra tấn đã đến: một bữa ăn chung trong cabin màu gỗ gụ, mỗi tiếng động dội vang, như một tiếng sấm nổ.

Clara nhai rất kín đáo, môi mím lại, như cần thiết, trong khi đó Gabriel sợ mỗi tiếng cho vào miệng lại bực thành tiếng động lớn nên chẳng ăn gì, chỉ uống mỗi cà phê, từng ngụm rất nhỏ một, cố né đầu ra xa chừng nào càng tốt.

Tiếp theo là cuộc săn lùng các mảnh vụn thức ăn rơi vãi mà hình như không một người phụ nữ nào bỏ qua. Clara thốt kêu lên mỗi khi cúi hoặc mông ngồi lên một mẩu nhỏ bánh sừng bò. Mỗi sự chuyển thể chữ tình câu chuyện thần thoại hồi bé của chúng ta: *Công chúa và hạt đậu*, dù đã chồng năm lớp đệm khi nằm, nàng công chúa vẫn phát hiện hạt đậu xanh dưới đệm, điều đó nói lên bản chất thực sự của công chúa. Vỗ vỗ khắp mọi chỗ, các gối bị đập mạnh, những mệnh lệnh thốt ra với giọng bực bội, anh đứng lên nào, giúp em một tay. Clara giữ mãi đến tận cuối cuộc hành trình, chiếc xẻng nhỏ bằng bạc này, chiếc bàn chải lông mềm này mà cứ mỗi khi vào cuối bữa ăn, sau khi ăn xong món cuối, trước khi dùng đồ tráng miệng, đều được lùa vào khoảng giữa các cốc, và chải sạch các mặt bàn. Cô ta cũng hối hả chải dọn như vậy chiếc giường ân ái. Vào một lúc nào đó, cô ta để các đồ của mình trên mặt bàn trang điểm rồi bảo: xong, và...

Và những cử chỉ chúng tôi dành cho nhau sẽ được giữ kín. Giữ kín vì chúng quá quen thuộc, quá lặp đi lặp lại, quá mong ước đối với các loài thú kể từ thuở sơ khai đất trời. Tiết lộ chúng ra, người ta có cơ bị mất mát nỗi cuồng điên sáng tạo. Liệu hồn đấy, nếu anh để lộ câu chuyện của tôi. Người ta sẽ viết thư cho anh (độc giả là những người ghê gớm) hoặc tại một cuộc hội thảo của anh do một Câu lạc bộ Lion say mê văn hóa đứng ra tổ chức, ở phía cuối phòng họp sẽ có người giơ tay và bảo: những điều ông đổ mặt mô tả cho chúng tôi chẳng có gì mới mẻ. Ông thân mến ạ, vợ tôi và tôi, chúng tôi sống ở Chamonix, tuần nào Roseline và tôi cũng đều làm những điều ông đã nói, kể ra cũng phải được ba chục năm nay, từ rất lâu trước thế hệ đường sắt...

Hãy nhanh chóng học ngay tính khiêm tốn, với tính cách mạng đặc thù tình ái, nó sẽ loại bỏ được cho anh vô khối nỗi thất vọng. Đừng bắt chước Gabriel, anh chàng quá tự phụ, suốt hai mươi mốt

ngày vượt biển đó, anh chàng một mực tin rằng mình đã nghĩ ra được một tư thế mới và thường coi đó là niềm tự hào của mình, Clara quỳ chống tay ở phía trước, còn anh chàng, Nhà Phát Minh, chồm lên ở phía sau, và nhớ lại là thường rất được ca ngợi, cứ phải lặp đi lặp lại phát minh đó cho tới tận cái đêm đáng buồn ở Tournus, mà mãi về sau này, tận vào đầu những năm 30, khi trôi giạt tới khách sạn le Rempart (vì lý do gì? trong một cuộc đua ô tô?), anh chàng phát hiện thấy trên mặt bàn ngủ một cuốn sách thực hành các kiểu qua nó, anh chàng có thể rút ra một điều, được chứng minh qua các tranh ảnh tham khảo, là sự phát hiện lỗi lạc đã được thực hành từ thời những người Hittites và được các chữ tượng hình Ai Cập cổ nhất ghi ra trên giấy trắng mực đen là kiểu *Levrette*^[12].

Như vậy là kiểu *levrette*, suốt trong lúc thực hành nó, và Gabriel chỉ thích thực hành kiểu này, Clara ngoảnh đầu về phía người thăm dò và đưa mắt nhìn anh ta, vẻ nửa mệt mỏi, nửa tươi cười, không biết có hợp đạo đức không, cái trò nhào lộn này?

Sau đó, đôi vợ chồng trẻ mới cưới tự đặt ra yêu cầu: hãy hứa đi, không được nhìn tôi khi tôi ngủ, thế là họ hứa, rồi ngủ thiếp đi, tất nhiên, kẻ ngủ dậy trước chẳng bao giờ giữ lời hứa. Nhiều lần vừa ra khỏi giấc mơ, Gabriel cảm thấy lướt trên mặt anh, lướt trên người anh, ánh nắng ấm áp ấy, đôi mắt ấy của Clara lướt nhìn anh. Hốt hoảng, anh giả vờ như vẫn đang ngủ, rồi lần nào cũng dò dẫm dìu người vợ rất trẻ đi vào tình yêu vì do ghê sợ hơn là do yêu thương để nhanh chóng dứt khỏi ánh mắt đó, ánh mắt người ta vẫn nói “làm mờ bùng mắt” của Clara và dồn cô ta vào tình thế (nhưng tại sao mình lại nằm trần truồng bên cạnh một ông trần truồng thế này?) phải mãi mãi bỏ cuộc.

Những động tác khác của Clara khó bắt gặp hơn, do đó, lưu lại trong ký ức một vị đặc biệt mà tất cả các nhà sưu tập đều biết rõ: chúng liên quan đến buồng toa lét, những hậu trường của người phụ nữ và chỉ có thể bắt gặp được sau bao mảnh lới của những Sioux, sau bao lần kiên nhẫn như một con cá sấu, những giấc ngủ gài bẫy khá lâu (rất may anh là một người hay ngủ, anh Gabriel!), mi mắt khẽ nhích hé từng milimét, từng milimét một (em tin chắc rằng

anh chưa ngủ. Nếu anh cứ nhìn rình rập em, anh Gabriel, em bỏ cuộc đấy).

Giữa cái đồng sưu tập này, cái kho báu động tác này, Gabriel, để tránh hành hạ những bạn đọc ít say mê phụ nữ hơn anh ta (tất cả những sở thích và thậm chí hơi ôi sự thờ ơ cũng đều mang cùng bản chất), Gabriel chỉ xin nêu với bạn hai động tác anh ta ưa thích: ngồi bệt dưới đất, hai chân giạng rộng, người bạn gái rất trẻ của bạn cúi người về phía trước, tay trái cô ta cuốn trong đám lông đen và rồi từ từ tuốt nhẹ trong khi tay phải được vũ trang bằng kéo tỉa ria (ria Gabriel) chuẩn bị tỉa một đám mà chủ nhân của nó đánh giá (thật sai lầm!) là quá rậm. Động tác thứ hai xem ra trẻ con hơn, gần giống một sự che giấu, chắc như lúc Clara co rúm người trong chiếc bồn tắm bé xíu tại nhà tiêu, tôi chỉ thấy thò ra một bắp chân, bó chặt màu trắng, hỗn dịch kín đáo của phụ nữ (sữa hạnh nhân dịu ngọt? nước ép cỏ hiếm quý?), những ngón tay, những ngón tay của cô ấy, túm chặt hòn đá bọt nhỏ màu xám, cọ vào chân, nhích dần lên, cọ đi cọ lại, nhích dần về chỗ cực kỳ êm dịu, trung tâm của những nỗi luyến tiếc đau lòng nhất, ban quản lý những chốn lưu đày... và khi chiếu buông xuống (cabin không tối hẳn do có ánh lân tinh từ ngoài biển hắt vào qua ô cửa sổ tròn của kẻ lưu đày và ánh vàng trên các quả đu đủ chiếc tủ treo quần áo), động tác cuối cùng trong ngày, Clara co gập người, thu mình lại như nấu trong một nồi đem, tạm biệt Gabriel, chúc ngủ ngon, Clara, cô ta ra đi một mình, tôi không biết đi đâu, lênh đênh giữa đêm tối.

Tôi không thổ lộ tất. Trong chiếc rương, dành cho những điều kỳ lạ còn lưu giữ dăm ba điều, bốn điều có thực, phần trên của đùi trái, phía bên trong, phần trên của đùi phải, phía bên trong, một chỗ huyền diệu, giữ tránh những cọ xát, ở rìa khu rừng đen, như hai cử động bất động, chỉ cần nhìn chúng là đã cảm thấy như được ve vuốt, được tách khỏi thế giới để nghỉ ngơi. Và tiếp đến, hai hõm khoeo chân rất ít được biết tới, mà đa số phụ nữ không biết chúng nằm ở đâu (phía sau đầu gối) và không biết rõ giá trị của chúng, một hạt cát trong chiếc đồng hồ cát, trạng thái ấm của nước biển dừng, hai nhân với hai nhu vậy đây là bốn điều chủ yếu của sự êm dịu.

Cuộc thăm dò kết thúc. Hai mươi một ngày vừa qua tại cabin gỗ gụ đồ thừa quý ông, quý bà là *bằng chứng*.

a) Về sự tồn tại của Clara.

b) Về tôi cũng có một cuộc sống chung.

Con có muốn những xác nhận không? Cực dễ. Con đến London, thủ đô của Thực tế, nơi đặt công ty bảo hiểm Lloyds có thể tìm ra được, sẽ tìm ra được tất cả các con tàu trên thế giới, từng ngày một. Con mở cuốn năm 1913, mùa thu, xem mục Booth Line, tàu Wellington, danh sách khách đi tàu, chữ cái O, ông và bà Orsenna rất trẻ, không có hành lý ngoài trọng lượng được phép đem theo mình, được thuyền trưởng mời ăn ngày 23 tháng Chín^[13], vượt đại dương không xảy ra chuyện gì...

Hai mươi một ngày đó còn là bằng chứng chứng tỏ rằng, từ thế hệ này đến thế hệ kia, dòng họ Orsenna tiến triển: nên nhớ rằng mối tình của cụ nội Margueritte chỉ kéo dài có một tuần lễ.

Một mối tình của Gabriel

Cuối cùng chúng tôi cũng ra ngoài.

Lênh dên mãi trong cabin của chúng tôi, lúc bị cuốn vào các thể xác, lúc nằm im bất động dưới ánh mặt trời tình cảm, chúng tôi bị choáng váng. Chúng tôi mơ một chút vững chắc, tin tưởng, đất liền, nếu có thể được, một lục địa. Từ lúc tôi khẳng định với Clara rằng có Mỹ - Latin, cô ta muốn kiểm tra. Sau hai mươi một ngày, cô ta gần như tin rằng tất cả là mơ mộng, mơ mộng và dối trá. Cô ta nhìn tôi chăm chăm, vẻ kỳ cục, cứ như thể tôi đã bịa đặt mọi chuyện, Mỹ - Latin, cứ như thể không có cả bản thân tôi, sau khi đã kể lể biết bao chuyện sai không có thực. Vào một buổi sáng, chúng tôi đẩy cửa cabin màu gụ đỏ mở ra và chớp chớp mắt trước ánh nắng, vẻ như người tù vừa được thả.

“Họ đã ra, mấy người Pháp đã ra rồi !...” Tin này được truyền lan khắp tàu... “Hoan hô nước Pháp!... Hai mươi một ngày...” Thuyền trưởng muốn biết rõ về chúng tôi.

- ... Vì tôi yêu quý tuổi trẻ.

Đây là câu của ông ta. Ông luôn mồm nhắc đi nhắc lại với chúng tôi.

- Hai người lên đài chỉ huy với tôi, anh chị sẽ nhìn rõ hơn, vì tôi yêu quý tuổi trẻ...

- Nếu anh chị thấy buồn, anh chị có thể vào phòng tôi lấy sách mà đọc, vì tôi yêu quý tuổi trẻ...

Và chiêu đãi viên gõ cửa chúng tôi vào lúc mười giờ sáng, nhưng không vào, đã sử dụng cũng những lời đó:

- Thuyền trưởng mời ông bà dùng bữa, vì ông yêu quý tuổi trẻ...

Ông ta đôi lúc để tay lên đầu gối em, tới đến Clara kể lại với tôi. Nhưng chỉ có vậy. Chỉ có bàn tay của viên thuyền trưởng đặt bất động trên đầu gối em. Em sẽ không trở nên lố bịch đâu... Nỗi say đắm này đối với tuổi trẻ là một điều bí ẩn giữa ông ấy và chúng tôi, ông ôm vai chúng tôi, ông giải thích hồi lâu quan điểm của mình về thế giới. Ông nghĩ rằng thời gian là một vấn đề thế tục. Anh chị thấy đấy, ngoài biển không có thời gian. Tất cả mọi tai họa đều do các lần tàu ghé bến gây nên, không có những lần ghé đó, chúng tôi sẽ chẳng bao giờ già, anh chị có tin vậy không? Thật ra tôi năm mươi năm tuổi. Chị nghĩ tôi bao nhiêu tuổi, chị Clara, bốn chục ạ? Bốn mươi năm? Theo ông ấy, những người thủy thủ cưỡng lại khá tốt với tuổi tác hơn những người khác. Chị cứ nhìn các cảng mà xem, phần đông các tàu không cập bến mà ở ngoài khơi. Chúng muốn tránh những căn bệnh truyền nhiễm nhất thời...

Khách đi tàu, một khi đã thỏa mãn lòng tò mò của mình (hai vợ chồng trẻ người Pháp trông không biết ra sao sau hai mươi mốt ngày?), thì có ác cảm với chúng tôi vì cái thói quen để vương mà Clara, đã bỗng nhiên nảy sinh giữa bữa ăn: anh đi chứ, anh Gabriel, ở đây chán ngấy.

Về hình thức thì chẳng lịch sự. Nhưng thực chất Clara đã nói đúng. Cuộc trò chuyện đã chấm dứt từ khi con tàu rời London, chỉ còn lại là cuộc trao đổi giữa các khách mời hết chuyện để nói, như bữa ăn tối trong thành phố bị kéo dài vô tận vì ngoài trời đang mưa.

- Chuyện gì đã xảy ra với Đại Tây Dương?

Cả phòng ăn đổ xô đến bên các cửa sổ tàu hoặc chạy thẳng lên boong.

Trừ những khách quen, những cáo già đi biển: những người này mỉm cười, nháy mắt.

- Anh chị đừng lo, – thuyền trưởng bảo chúng tôi, – lần nào cũng vậy.

Chúng tôi cũng rời khỏi bàn.

Một điểm sẫm màu hơn màu xanh nước biển của những ngày đã qua chạy ra xa dần sau lá cờ ở đuôi tàu. Phần còn lại của đại dương nhuộm màu son.

- Chúng ta đang đi vào vùng nước ngọt. Dòng sông Amazon chảy thật xiết... Nó cuốn đi tất cả... Chẳng bao lâu, Mỹ - Latin chẳng còn gì nữa.

Thuyền trưởng nghiêng người bên Clara tiếp tục tận tình.

- Tôi cũng vậy, đôi lúc tôi có cảm giác mình đang từ từ tiến ra biển.

- Thôi nào, ông thuyền trưởng – Clara bảo.

Tôi không trông thấy hai người. Tôi thề rằng cô ta để tay lên bộ đồng phục của ông ấy, vào nơi giữa hai chỗ đeo lon vai. Tôi đã bắt đầu hiểu rõ cô ta. Tôi biết giọng nào của cô ta tương ứng với động tác nào của cô ấy.

Đội tiền quân này của nước ngọt làm giảm một phần niềm phấn khởi khi tới nơi của chúng tôi. Lúc Mỹ - Latin xuất hiện, điều đó nằm vượt quá dự kiến, chẳng hề có một tiếng reo nào. Hành khách lặng lẽ đưa mắt nhìn các đường thẳng nằm sát mép nước. Không có vách đá.

- Rừng kìa, – một người lên tiếng.

- Tôi được nghe nói có những cây lớn, – một giọng nữ đáp lại, tấm tức như muốn bật khóc.

Những khách hay lui tới ngồi trong tàu chơi bài uýt, uống rượu Mint Julep, rượu uytiski chua, những ngụm cuối của cuộc hành trình. Họ nói đùa với John và Pedrindo, hai nhân viên phục vụ quán rượu, bắt hai người hứa, thế nào hai anh cũng báo đầy nhé, nếu nhớ ra chúng tôi quên khoản tiền thưởng cuối cùng... Trong cảnh bồn chồn khi tới nơi ... Clara không muốn rời chiếc ghế bành của mình, kê cạnh chiếc đàn dương cầm, ngay bên dưới quạt trần. Tôi ngập ngừng hồi lâu trước khi bước lên boong. Không khí từ biệt này đượm một vẻ gì đó làm ta thấy nôn nao bịn rịn. Và còn cả những lời giới thiệu, lên đi, anh bạn trẻ, anh sẽ bỏ lỡ không được thấy cửa sông bây giờ...

Con tàu từ từ tiến vào một nhánh sông rộng không thấy bờ. Rừng lan xuống sông, và sông trào vào rừng. Một cặp người Italia tròn mắt hết hoảng.

- Các vị tin rằng ở đây có đất liền à?

Họ dự định mở dịch vụ kinh doanh xe hơi, họ đã tính đến chuyện quay về, nhưng chúng ta đã bán hết sạch ở Milan, thì chính em muốn tới đây đây chứ, dần dần trạng thái ngây ngất của họ chuyển thành một cuộc đôi co...

Người ta tới tập hỏi một thủy thủ:

- Cả cái đất nước Brésil đều như thế này à?

- Lúc nào trời cũng nóng như thế này à?

- Lúc nào trời cũng xoám ngoét như thế này sao?

Chàng thủy thủ hờ hững lầm rầm đáp đúng, đáp không, đôi lúc làm lộ rõ nỗi thất vọng của những người nhập cư đi tàu hạng rẻ tiền,

phải dùng mũi giáo có mũi lửa vỗ yên họ...

Con tàu lại tiến chậm hơn. Con lạch đầy những con thuyền nhỏ. Thuyền độc mộc mọc sát mặt nước, thuyền buồm theo kiểu Latin màu hồng lựu và vỏ thuyền đủ loại màu sắc, màu da cam, trắng, xanh nước biển nhạt. Hành khách muốn biết họ có phải là những người Da Đỏ không. Thuyền trưởng, thuyền trưởng đâu rồi, ông sẽ đích thân trả lời câu hỏi này! Tôi đưa mắt nhìn sang phải, sang trái. Nước Brésil kia rồi, cuối cùng đã đến Brésil. Rừng đầy những cây cao su hoang dã. Nguồn dự trữ của thế giới về chất đàn hồi chất nhún này. Brésil vạn tuế, nhân vật của chúng ta tự nhắc lại với mình giọng đượm chút khoa trương. Và anh lấy từ trong túi ra quả cầu bằng mút. Và rồi đến đứng sau mấy xuống cứu hộ để không ai thấy anh say mê làm những động tác ưa thích. Xin chào Brésil, Brésil vạn tuế. Ta đã tới đây. Nước Brésil đó bỗng nhiên biến mất, biến sạch: tạm biệt ông Gabriel, hẹn ngày mai gặp lại nhé. Màn đêm buông phủ. Ở Xích đạo, mặt trời không hạ thấp dần (chẳng là trời đã quá thấp), một lúc nào đó, nó chạy trốn, đường chân trời nuốt chửng nó và đây là đêm. Bầu trời nhuộm màu đen, hơi nóng trong không gian mang sắc đen, ngay lập tức liền bị xé xoi bởi những tiếng động, cứ như thể lúc ra đi, ban ngày đã mở rộng cửa cho một bầu lũ, cho sự hỗn độn ồn ào những âm thanh bị ánh sáng buộc mồm: những tiếng hò hét, tiếng chim hót, tiếng chim gù, một con vật rống lên từ phía xa xa vọng lại, tất cả cứ như nổ lách tách. Còn từ mặt nước, quanh kín tàu, từ mặt nước tối như bùng nổi lên những cuộc trao đổi, tiếng cười, tiếng rì rầm.

Hành khách im lặng, đứng sát bên nhau:

- Họ có lành không, những người man rợ này? – Một giọng đàn ông nổi lên, vẻ dữ dội.

- Tàu cao thế này, liệu họ có leo lên được không? Tôi quay về bên quày rượu. Những người thường lui tới xứ sở này đứng vây quanh người đàn ông đánh dương cầm. Chắc hẳn họ đã dựng anh chàng

dậy trong khi đang nằm chợp mắt một chút. Anh chàng người Anh tội nghiệp không kịp mặc tử tế chiếc áo sơ-mi. Người ta thấy ngực anh chàng để lộ, đôi vú nhỏ chầy xệ giữa đám lông đỏ quạch: mong các vị tha cho, mong các vị tha cho, tôi chơi suốt từ London không được rảnh lúc nào, tha cho tôi. Nhưng những người thường lui tới xứ sở này thích âm nhạc. Họ ép anh chàng uống rượu. Ông Süshind, một nhà buôn lực lưỡng người Hambourg mà tôi thực sự có cảm tình vì đã không để mắt nhìn Clara, túm gáy anh chàng nhạc công tội nghiệp và giúi đầu vào phím đàn.

- Ok, Ok, tôi chơi đây.

Anh chàng mở đầu bằng bài *God save the king*. Các sĩ quan đứng nghiêm. Các nhà thường hay lui tới xứ sở này nâng cốc. Và đêm tối liền đáp lời, thoát đầu chỉ mấy tràng vỗ tay, lổ đổ chỗ này chỗ kia, ở ngay sát mặt nước, tiếp đến là những tiếng huýt sáo, tiếng cục cục theo nhịp đều đặn, những tiếng gõ, cả con sông, từ cánh rừng này sang cánh rừng kia chúc nhà vua Anh sống lâu, rồi đệm theo bài *La Marseillaise* theo cách riêng của mình, chìm trong nước các vệt đi, các vệt đi, sillão của tàu chúng tôi, những người Brésil, đi tàu, đứng vây quanh Clara, Victor Hugo, Tiểu thư, Auguste Comte...

Con tàu thủy *Wellington* đến *Belém do Pará* vào ngày 3 tháng Mười năm 1913 như vậy đó.

John, phụ trách quầy rượu, khuyên chúng tôi nên đợi (vì bà Clara không thích đám đông, ông bà biết đấy, cảnh xô lấn khủng khiếp lắm. Khi có con tàu châu Âu tới, không, tôi cam đoan với ông bà đấy, tốt hơn hết ông bà cứ để làn sóng người trào ra trước đã... ông bà ở lại đây với tôi, trong thời gian tôi kiểm kê...).

Anh ta xếp thành hàng tất cả chai lọ lên mặt quầy và tay lăm lăm một cuốn sổ, duyệt lại.

- Ông bà thấy đấy, kể cũng lạ thật. Có chuyến đi người ta uống nhiều, có chuyến thì không.

Quanh chúng tôi, từ những mũi đến lái, cảnh ồn ào náo nhiệt dịu dần. Clara đưa mắt lướt nhìn các chai, miệng phảng phất một nụ cười nhạt, mắt gốc. Từ nay sự tồn tại của Mỹ - Latin đã được khẳng định, nhưng không làm cô ta thấy yên tâm. Clara cảm thấy chúng tôi sắp phải đứng dậy, rời khỏi tàu. Tôi thấy cô ta sẵn sàng ở lại tàu để quay về. Quay về là hết nợ. Dẫu sao, chuyến đi biển là một hình thức sống ở gửi. Tôi, tôi có thiên hướng hỗ trợ, nhưng Clara... Tôi vuốt ve cổ tay Clara ở chỗ tĩnh mạch. Clara không nhận thấy điều đó. Người phụ trách quầy rượu tiếp tục bình luận về công việc kiểm kê của mình.

- Này nhé, hai năm trước đây, tôi không đủ rượu cam để bán. Còn bây giờ chẳng thấy ai hỏi cả...

Suốt mấy phút liền, không thấy một bóng người nào đi ngang qua cửa sổ. Con tàu *Wellington* trở nên im lặng, chỉ còn nghe tiếng nổ đều đều của máy từ xa vọng vào.

Do đó tôi liền cầm tay người vợ rất trẻ của tôi. Người phụ trách quầy rượu không ngẩng đầu lên, chúc chúng tôi may mắn. Chúng tôi bước xuống cầu tàu, đi sau chiếc rương của chúng tôi do hai thủy thủ khênh. Họ ì ạch. Họ càu nhàu. May đây là cái cuối cùng... không biết trong này đựng những cái quái quỷ gì? (sai lầm của kẻ mới vào đời, tôi đã đái họ tiền puốc boa trước). Họ đặt rương xuống trước mặt mấy nhân viên hải quan đã lên tiếng đùa tếu khi thấy giấy ghi nhãn đề Washington và Albany.

- Paris à?

- Khách sạn Paris.

Hải quan lục lợi khá lâu đồng áo sống của Clara.

Và cả hai chúng tôi nhận ra rằng mình đang ở giữa trời đêm Brésil, ngồi bên rương của mình, người vợ rất trẻ của tôi và tôi, mỗi người ngồi một bên cái nhãn ghi Washington và Albany, quảng trường Pyramides và phố Rivoli, có nước nóng và lạnh, có thang máy, máy điện thoại (Paris).

Một lát một người mặc bộ đồ trắng tiếng đến bên chúng tôi.

- Ông bà có phải là...?

Người nọ nói một thứ tiếng Pháp không có trọng âm, điểm vài từ so sánh.

- ... Tôi đã bắt đầu thấy thất vọng ghê gớm. Tôi đã nghĩ thảm ông bà không tới vì những sự kiện rất tệ hại...

- Xin lỗi ông, vợ tôi vừa thấy hơi khó chịu trong người.

- Ồ! Thật đáng tiếc ghê gớm, thế bà nhà ra sao rồi?

Đã bình phục. Hoàn toàn khỏe rồi. Tuyệt vời! Thôi ta chớ nên để mất thời gian nữa. Tôi xin tự giới thiệu Loïc Huet. Thư ký của ông Revol. Còn bà Revol đã bắt đầu thấy lo ngại. Họ đã chuẩn bị bữa ăn tối chào mừng ông bà.

Chúng tôi xếp chiếc rương lên chiếc Voisin kiểu mới nhất, chạy rất chậm vì những ổ gà, kể ra gọi những ổ sâu hoắm đầy nước như vậy cũng chưa ổn lắm. Ông thư ký muốn biết ý kiến của tôi. Tôi có cho rằng các sự kiện liệu có dặt dây với nhau, như người ta đồn giữa nước Pháp với nước Đức không? Liệu chúng ta có bị lâm vào chỗ không thể tránh khỏi khủng khiếp không? Tôi im lặng không đáp gì. Tôi đang cố tập trung ngồi cho vững giữa cảnh nẩy sóc chao người. Còn Clara cứ sau một lần lắc lư, yêu cầu tôi từ nay về sau không bao giờ, anh nghe rõ chưa, không bao giờ đem sức khỏe cô ta ra để viện lý do cáo lỗi cả.

Bữa ăn tối giống như mọi bữa khác tương tự: bữa ăn chào mừng một ai đó từ nơi đầu kia trái đất tới. Một kịch bản không hề thay đổi mà mọi du khách đều biết rõ. Xin chào, ông bà không mệt lắm chứ? Ông bà sẽ làm quen với sự chênh lệch thời gian thôi mà, trời còn nóng... à nhân đây ông bà cho biết thời tiết ở Pháp trong mấy ngày gần đây thế nào? Một nỗi nhớ quê hương khao khát của những kẻ bị lưu đày... Marne thế nào, Nogent ra sao, Postes thế nào, Fallières ra sao, hai bờ sông Seine thế nào, tờ *Figaro* ra sao, Montmartre thế nào, và Lucas – Carton và sự chia rẽ giữa Nhà thờ và Chính phủ?

- Để ông ấy ăn chứ, – bà Revol, bà chủ nhà nói, – À này, thời trang đã thay đổi rồi à, ông? Thợ may quần áo Worth thế nào rồi?

Clara ngồi nhìn tôi vật lộn, vẻ như người bị chứng hay quên: mà này, mình gặp anh chàng này ở khách sạn Washington và Albany, phòng 212, thế mà chiều tối nay mình lại đang ngồi đây ăn món gà giò xứ Basque bên bìa rừng rậm, chuyện gì xảy ra với mình thế này?

Trong tất cả những bữa ăn tối chúc mừng này, người ta đều giới thiệu với bạn những người thân Pháp, thường là vào lúc tráng miệng.

- Ông bà biết không, – và Revol bảo – các bạn Veloso là những người bạn lớn của nước Pháp đấy?

- Rất hân hạnh.

- Vâng, ông João đây đã học kiến trúc ở Paris.

- Gớm nào, tôi nhớ ra rồi, cái địa chỉ ấy tên là gì ấy nhỉ, Rasmaille?

- Đại lộ Raspail.

- Đúng rồi, đại lộ Raspail, trí nhớ rất tốt, rất tốt!

- Thôi đừng nói thêm nữa anh João, nếu không chị vợ Branca của anh, ngồi phía bên phải ông Gabriel, xin ông cho phép tôi gọi vậy nhé, vì trời nóng nên người ta chỉ thường gọi tên tục thôi, nếu không chị Branca lại nghĩ sai lung tung đấy.

Bà chủ nhà (hơi bốc vì rượu hương bài) ghé sát bên tôi và bảo: chị Branca là một trong những nhà thúc đẩy của Alliance française đấy...

- Tôi hy vọng rằng ông bà sẽ không quá buồn chân. Ở đây, thời gian cứ ì ra.

- Em yêu, em hơi quá lời. Thế buổi hòa nhạc hôm qua thế nào? Ông bà đã bỏ lỡ một buổi dạ hội Schubert do các tay xuất sắc ở New York tới biểu diễn.

Hốt hoảng, tôi đưa mắt nhìn Clara. Cũng may, cô ta không nghe thấy gì cả. Clara hơi lão đảo trên ghế, trông như sắp ngủ. Ông Revol giải thích với chúng tôi.

- Nhà tôi là người Bretagne, người Bretagne vùng Dinard. Do đó, tất nhiên...

Tôi phụ họa theo.

- Vâng, tất nhiên.

Nhưng tôi kiềm chế được và bữa ăn tối đã kết thúc tốt đẹp. Lát sau, lúc ngồi uống cà phê tôi muốn hỏi mấy câu mang tính chất nghề nghiệp, thế còn cao su ạ?..

- Ngày mai, ngày mai, khi ông đã nghỉ ngơi lại sức, cao su sẽ chờ mà!

- Anh thấy đấy, như em đã bảo rồi, – bà người Bretagne vùng Dinard bảo, – ở đây tất cả đều chờ đợi. Chị Clara thân mến, chị mệt mỏi lắm rồi. Tôi rất thông cảm với chị. Guy sẽ đưa tiễn chị về ngay.

Nhưng tất cả những người thân Pháp đã phản đối. Chúng tôi cùng về với họ. Ngày mai xin mời ông bà tới dự bữa tối với chúng tôi. Ông bà tới chỗ chúng tôi thật quý hóa quá. Nghe đâu ông bà rất uyên thâm về Auguste Comte. Đúng là rất may, xin chúc ông những ngày tốt đẹp ở Belem. Chắc ông đã thấy cảnh đại náo. Ồ, không phải đại lộ, ông đã bảo là gì nhỉ? Raspail. À, phải rồi Raspail và Montparnasse. Clara đã thiu thiu ngủ trên vai tôi.

Sau đó xe của những người thân Pháp dừng lại. Họ chỉ cho chúng tôi chỗ trọ đêm.

- Mãi tới đầu kia kìa, ngôi nhà khá đẹp. Chúc ông bà những ngày tốt đẹp ở Brésil.

Chúng tôi lần mò đi trong đêm tối, lòng không ngần ngại, mắt chẳng thấy gì. Trừ mỗi một hình dáng mờ trắng, một hình dáng biết nói: ồ! thưa ông, ồ! thưa bà! Tôi dịch lại cho Clara, tôi nhớ lại không vấp vả mấy kiến thức ngôn ngữ của tôi, những kỷ niệm ở London, do muối nên không thấp đèn được, nhờ ơn Đức Jésus, đúng đây là nhà của ông bà rồi, hãy tin vào đức Jésus, cẩn thận các bậc thềm, tôi là Rosa Marcelina, nước Pháp là cô con gái đầu lòng của Nhà thờ, giường đã dọn sẵn, chúc ông bà ngủ ngon, ban ngày nhìn rõ nhà hơn, nhờ Jésus và Marie.

Người vợ rất trẻ của tôi ngủ say li bì, trong chiếc màn đôi. Tôi dùng các đầu ngón tay lướt nhẹ trên cơ thể cô ta, cũng xâm xấp mồ hôi như ở khách sạn Washington và Albany. Và tôi thấy sợ, mắt mở thao láo trong đêm, tôi run sợ không thể vươn tới được khí hậu tạo cho người vợ rất trẻ của tôi có cùng sự nồng nhiệt như ở khách sạn Washington và Albany, cô ấy vừa chân ướt chân ráo tới và chẳng

quen biết một ai. Nhiều lần tôi cứ ngỡ trời đã sáng. Chẳng là gà trống ở Xích đạo gáy suốt đêm.

Clara mỉm cười. Mỉm cười và ngủ lại. Chắc hẳn Clara lạc vào một giấc mơ mát mẻ ở miền Trung Âu, có lẽ là một cuộc đi dạo bằng xe trượt tuyết, hoặc có thể ở Varsava, một bữa ăn sau buổi hòa nhạc. Gabriel một mình tiến đến bên bao lơn, Belem trải dài trước mặt anh, chạy ra xa tít dọc theo con sông đỏ quạch. Ngày đã mọc, Gabriel nhớ lại những lời những lời khuyên của mấy người bạn thực chứng ở London: cẩn thận, cẩn thận, đừng xa đà vào trò ma thuật của xứ xích đạo hoặc xứ nhiệt đới. Vì ma thuật là trái với tiến bộ. Khi nào cậu sang bên đó, Gabriel, cậu chỉ nên phân tích kỹ, ghi lại thành phần của vẻ đẹp. Đây là cách tốt nhất để tự bảo vệ.

Như vậy là ngày đã mọc. Gabriel đứng chống cùi tay lên thành bao lơn và bắt tay vào sự nghiệp. Những giai đoạn chính xác một ngày đang mọc ở Belem (Brésil) là những giai đoạn nào? Thoạt đầu là ánh sáng. Người ta có thể nói rằng đây là một cuộc thương lượng tỉ mỉ giữa hai thế lực. Sau bao thế kỷ thương nghị, bóng tối và mặt trời đã cùng chia nhau thành phố vào sáng sáng, không hề phản kháng, bóng tối và mặt trời rút về bên biên cương của mình đứng đến từng milimét một. Dành cho bóng tối là những ngõ hẻm, các đường đi hai bên trồng xoài, các cổng nhà thờ, những mái che nhà kho tạm cất... Dành cho mặt trời, tất cả phần còn lại, các quảng trường, màu đỏ quạch của dòng sông, các đại lộ quá rộng, những chiếc xe bò mui trần, các xe ngựa kéo không mui, những chiếc đầu hói khinh suất...

Sau đó là hơi nóng, như in hần dần dần xuống thành phố, như một tờ giấy trắng có trọng lượng tăng lên từng giờ từng giờ, ngọt ngọt. Và dội thẳng xuống, người ta chẳng còn biết trốn chạy vào đâu. Nhưng người ta không bó tay chấp nhận vương quyền này của hơi nóng. Vừa đặt chân tới, còn chưa chắc chân, hơi nóng đã là

mục tiêu bị tấn công. Từ trên bao lơn, Gabriel, quan sát cách bố trí lực lượng. Việc đặt bẫy. Đêm vừa rút, cả một rừng quạt máy bắt đầu quay, những cánh cửa do cô bé gái nhỏ tuổi trần truồng hé mở để tạo nên những luồng gió. Một người da đen cao lớn và người giúp việc da màu sáng hơn đánh xe bò phân phát các cục đá. Người da đen đánh xe, người giúp việc lon ton đi bên, trước mỗi gia đình có vẻ ngoài sang trọng, ông ta đặt một khối màu trắng trắng mà một bàn tay lồi nó vào nhà. Chiếc xe đi liên tục không dừng... Chiến thuật thật rõ ràng... quấy rối. Cô lập từng mẫu hơi nóng và kín đáo thanh toán chúng... Du kích nội thành.

Cuối cùng là màu sắc. Màu sắc từ con sông đỏ quạch xông lên các con thuyền tụ tập kéo về chợ, màu xanh lá cây và màu vàng của hoa quả, màu đỏ và màu xanh biếc của lũ vẹt nhốt trong lồng, màu xanh lục bóng nhẫy của cá nục, màu xám của loại lơn biển, màu đốm đen của da báo, màu đen của các cuộn thuốc lá cuộn, màu nâu đen sần sùi của da cá sấu, tất cả các màu sắc triết xuất, người ta tự hỏi không biết do phép màu nhiệm nào, từ màu lục đơn điệu buồn tẻ của rừng. Trong khi đó từ thành phố, nhà cửa của thành phố toát lên một loạt màu sắc khác kém rực rỡ hơn, màu sắc của cuộc sống hàng ngày, những chiếc võng, những xe ba gác chở các thùng màu nâu lọc nước, những đôi ủng, dao, hộp đen đựng thuốc y dược, các chậu đựng rễ cây, những cây thánh giá, những tranh Đức mẹ màu xanh da trời, những đôi xăng-đan đánh xi...

Và rồi, những người mua hàng xuất hiện, các áo dài màu da cam, tím, đỏ tía, trắng phau, những phụ nữ da đen, những phụ nữ lai, người Bồ Đào Nha, người Đức, và rồi những người đàn ông ngồi dưới đất lưng dựa vào tường, đầu gục trên gối, người ta chỉ thấy mũ bằng rơm và quần màu đỏ tía của họ. Và rồi mấy người chụp ảnh lấp các hộp có chân dài ngoẵng như hươu cao cổ và chó chạy nhông, còn trẻ con chạy lăng xăng: cùng một lúc, hơi nóng, ánh sáng, bóng tối và mặt trời, màu sắc và tiếng động, tất cả hòa trộn vào nhau, thành phố chật ních. Ngày đã mọc.

Ngay buổi sáng đầu tiên, để khỏi bị quán vào vẻ đẹp (kẻ thù của nền văn minh), nhân vật của chúng ta rời khỏi bao lơn và xuống đường.

- Làm ơn cho tôi hỏi đường đến Campos Salle?

Những câu trả lời đã là lời chỉ dẫn địa vị xã hội của nơi đó.

- Đã mười năm nay, ông cứ việc đi theo đám đông...

- Ông nọ chắc là ưa thích mua sầu muộn?...

Guy Revol, phụ trách công ty, đã đứng đợi ngoài hiên.

- Lẽ ra anh nên đến đúng giờ, anh Gabriel.

- Thưa ông, tôi xin lỗi, tôi lạc đường và...

- Ồ! Tôi chỉ muốn nhắc anh thôi. Sự chính xác là bộ cộc tốt tại những xứ sở này, rồi anh sẽ thấy, vì để cho công việc... Mới lại, anh nên gọi tôi là Guy thôi. Chúng ta đang cùng đi trên một con tàu, anh cho phép tôi được diễn đạt như vậy với một người vừa xuống tàu.

Ông Revol được hợp thành từ những hình khối kỳ lạ chồng lên nhau: đầu rất tròn trên đôi vai rất hẹp. Ngay bên dưới là một thân hình khá đầy đặn, cắm trên đôi chân khẳng khiu, lẫn vào đôi ống quần màu be...

Ông ta nhìn chăm chăm Gabriel, ánh mắt đầy khoan dung.

- Sau khi bị sa sút, họ cứ rút dần từng người giúp việc của tôi, tất cả đều ra đi tới châu Á, vùng phụ cận Saigon. Một số còn viết thư cho tôi. Họ khuyên tôi không nên tới đấy. Ở các khu đồn điền buồn lắm. Trong khi đó ở đây anh thấy đấy, anh Gabriel, người ta cũng thấy buồn chán, nhưng chẳng giống chút nào với sự buồn chán ở các khu đồn điền...

Xem ra ông ta hồ hởi gặp được người để trò chuyện. Một người ông ta có thể bàn cãi về những hình thức khác biệt của nỗi buồn chán trần tục.

- Chúng tôi sẽ chăm lo cho người vợ rất trẻ của anh, đừng lo gì hết, mọi chuyện sẽ đâu vào đấy.

Gabriel cũng vậy, sau khi cái ngày thứ hai mươi mốt nọ kết thúc, anh cố tự trẻ hóa. Mọi người đều mong muốn được che chở những người rất trẻ. Đây là một phản xạ nhân đạo. Như thế ta giúp một người mù qua đường. Còn Gabriel, với người vợ rất trẻ này lo ngủ, lo cười trong khi ngủ, đã mong muốn được che chở.

Suốt dọc nơi tiếp khách, những người mặc áo sơ mi trắng đang ngồi đợi, họ ngồi trước máy điện thoại. Chỉ cần khẽ ra hiệu, một đứa nhỏ đứng dậy, tới một quán mua nước uống, rồi bưng khay bước ra. Sau đấy, không một vật nào nhúc nhích. Trừ tay của mấy người đang uống và cặp môi của những người đang nói, một cuộc trao đổi khe khẽ, liên tục không ngừng. Chốc chốc, một người nói cộc lốc bất nhã với anh chàng được giao cho phụ trách đường dây nối liền với bên kia Đại Tây Dương, một anh chàng da đen đội mũ lưỡi trai xanh. Thế nào Galiles? Thừa ông, không có gì cả ạ.

Guy Revol dẫn Gabriel đi thăm cơ sở, một loại nhà gỗ rất rộng màu xanh lá cây nhạt, mảnh mảnh buông kín.

- Trước đây người ta gọi nơi đây là trụ sở, trụ sở chính của Công ty ở Brésil, bây giờ chẳng một ai dám gọi nơi đây là trụ sở nữa. Anh, anh có dám không, anh Gabriel?

Đi ngang qua các phòng không người, Guy đọc vanh vách biểu đồ tổ chức cũ của công ty, tên tất cả các nhân viên ngồi trên những chiếc ghế bành kia đã giữ những sổ sách này...

- Nhiều người đã quay về Pháp. Những nhân viên khác là người Brésil.

- Còn ông, ông Guy?

- Người ta bảo tôi ở lại, trong trường hợp mà... Cứ như thể sự náo nhiệt lại có thể được phục hồi trở lại trong chốc lát không bằng. Họ muốn có người tin cần có mặt ngay tại chỗ. Thực ra, tôi đang đóng cửa tiệm, câu dầm cổ kéo ê a...

- Thế còn việc của tôi, trong tất cả cái guồng này?

- Ô! Anh, có lẽ anh là người duy nhất có ích cho ngôi nhà mẹ. Lại đây, để tôi giải thích anh nghe.

Chúng tôi quay trở lại qua những hành lang khác. Ông Guy giới thiệu tôi với hai nữ thư ký đang cười rúc rích và với Alberto, một người lai người gầy đét, tóc ở hai bên thái dương bạc trắng và miệng cười rộng: ông ta đã có mặt tại đây ngay từ những ngày đầu phồn vinh.

- Tôi đã chỉ định ông ta chịu trách nhiệm giữ lưu trữ. Nếu anh muốn biết rõ điều gì trong quá khứ, đây là đúng chỗ đấy... Chúng tôi quay về dưới hiên, ngồi hai bên chiếc bàn bằng gỗ. Một cơn gió nhẹ lùa từ ngoài sông đổ quạch tạt vào, gần như mát mẻ.

- Rồi anh sẽ thấy nơi đây có thể coi là chỗ tốt nhất cho tới mười một giờ. Sau đó, đến tận trước lúc ngủ trưa, tôi phải di tản sang văn phòng thứ hai, ở hướng Viễn Tây. Văn phòng thứ ba của tôi ở phía Đông, dành cho buổi chiều. Anh cũng vậy, anh sẽ có cuộc hành trình của anh. Đúng vậy, các nhà hoang vắng lại hóa hay. Ta có thể chọn được các chỗ của mình chẳng phiền toái gì hết.

- Thế còn việc của tôi, ông Guy, việc của tôi trong tất cả cái guồng này?

- Đây đây, Công ty cho vay tiền, nhiều tiền lắm, cho hàng ngàn người vay, anh Gabriel, cho tất cả những ai thu hoạch cao su, tất cả những *seringueiros* vay, rải khắp nơi, nơi nào có cây cao su, trong toàn Amazonie. Cho vay tiền để mua cái cần thiết, anh Gabriel, mua thuốc lá, rượu, súng ống... Họ còn lâu mới hoàn lại được tiền vay, bây giờ phải thúc họ trả nhanh vì, trong tình trạng suy sụp, họ có thể chạy làng dần. Anh chịu trách nhiệm nhận thu hồi nợ, anh Gabriel, anh rõ chưa? Xem ra công ty hy vọng rất nhiều vào chuyện đòi nợ, à mà chắc ở bên ấy người ta đã nói rõ với anh rồi... tôi đã tính sẵn tổng số tiền, từng vùng một. Chúng ta sẽ cùng nhau tổ chức các chuyến đi, tôi không biết nếu người vợ rất trẻ của anh...

- Có thể nói là tôi chịu trách nhiệm thanh toán?

- Có thể nói vậy... Như tôi ấy, anh Gabriel, như tôi ấy mà! Công ty không chính thức tuyên bố, nhưng tôi có cảm giác công ty muốn bỏ cái phần đất này của thế giới. Chúng ta là hai kẻ còn sót lại cuối cùng ở Mỹ - Latin. Sau đó, chúng ta sẽ tìm cách sang châu Á, vì tương lai của ta ở bên đó, hoặc từ bỏ hẳn cao su. Anh có thích sang châu Á không, anh Gabriel?

- Tôi không biết nữa, có lẽ...

- Đúng. Anh còn trẻ. Tôi, tôi chẳng còn được dẻo dai nữa. Thoạt đầu là châu Âu, sau đó là châu Phi, vì tôi đã có thời ở châu Phi mà, anh Gabriel. Chúng tôi, hai vợ chồng tôi không có khả năng có con, do đó, tất nhiên... lúc nào cũng sẵn sàng lên đường được. Nhưng rồi đến tuổi người ta chúa ghét cứ phải chuyển lục địa, rồi anh cũng sẽ có cái cảm giác đó, anh Gabriel. Đúng lúc đó, ở đầu kia nơi tiếp khách, một hồi chuông điện thoại reo. – Alberto, anh ra nghe điện thoại đi, – ông Guy Revol bảo. – Một lời khuyên cuối cùng, anh Gabriel: tại những nước này, tốt nhất là chờ đến trưa hãy uống.

Người giữ lưu trữ chỉ cần bước qua dãy bàn. Ông ta quay trở lại chỗ ngay trong chốc lát, miệng cười rộng.

- Thế nào? – Ông Guy Revol hỏi.

- Dạ, thưa *senhor*, chẳng có tin gì mới, tình hình vẫn như hôm qua.

- Nghĩa là tình trạng cùng cực. Chỉ có chiến tranh mới có thể lại bứt ra được tình hình này. Anh Gabriel, anh nên biết rằng chiến tranh rất cần nguyên liệu. Chắc anh đã thấy cảnh sôi động trong thời loạn rồi đấy nhỉ, anh Alberto?

- Ồ! Thưa *senhor*, rồi ạ.

- Cả thành phố kéo tới đây, chuông điện thoại réo liên tục, tiếng hò hét nghe đến ù cả tai, một đô la ăn bao nhiêu bằng Anh, ai cần một ngàn tấn loại A, quán chẳng còn bia để bán, anh vẫn còn nhớ đấy chứ, anh Alberto?

Người giữ lưu trữ gạt đầu, ồ! thưa *senhor*, vâng ạ.

- Mà này, đã tới trưa rồi đấy, – ông Guy Revol nói.

Alberto đứng dậy, người giữ kho kiểm luôn cả chân đầu bếp.

- Anh thấy đấy, hiện nay, bia ê hề...

Bà vú Rosa Marcelina đứng đợi Gabriel, tay cầm phong bì, thưa ông, dạ, thưa ông, có chuyện xảy ra, ôi, thưa ông, và bà ta giơ các phong bì thư lên cao quá đầu, ôi, thưa ông, ôi, lạy Đức Jésus, Marie, không phải lỗi tại tôi, ông sẽ nguyên rửa tôi, nhưng không, nhưng không phải lỗi tại tôi...

- Tất nhiên là không phải lỗi tại bà rồi, – Gabriel nói. – Nhưng có gì mà lại không phải lỗi tại bà?

Rồi Gabriel nhẹ nhàng rút ba phong thư khỏi tay bà Rosa, hai thư từ Pháp gửi tới, chắc gửi cùng chuyến tàu với chúng ta, em hẳn cũng nghĩ vậy Clara (Gabriel nói to) và một bức thư có nét chữ viết lạ, không ghi địa chỉ, một bức tin nhắn từ Belem gửi tới. Để bức thư này đọc sau, Gabriel nghĩ bụng, trước hết đọc mấy lá thư từ Levallois gửi tới đã.

Gabriel con.

1) Bố đã đo từ Brest trên Đại Tây Dương tới Belem chỗ con: hơn 10.000 km, trừ phi có sai sót. Khoảng cách giữa bố con và con lúc này đã ổn chưa? Giải pháp cho lần sau hoàn toàn ngược lại đấy. Con có nhận thấy vậy không? Con nói cho bố rõ.

2) Bố đã nghiên cứu kỹ địa thế Belem của con trên bản đồ. Được thôi, nói một cách chính xác, con không ở trong rừng. Nhưng phải thú nhận với bố già của các con rằng Belem của con tứ bề là cây vây kín. Trong những điều kiện như vậy, nói tóm gọn thôi, Gabriel, hãy tin bố, đây là danh mục những chứng bệnh con sẽ mắc phải, Gabriel, chắc chắn sẽ mắc phải, nếu con không tìm cách quay về càng sớm càng tốt, đây là khoa học đang nói với con, chứ không phải bố đâu, con có nghĩ rằng con hiểu biết rõ hơn khoa học không? Đây nhé: trước hết bệnh amip, kéo theo bệnh tiêu chảy, Gabriel, và bệnh sốt rét, chắc chắn rồi, và khủng khiếp nhất, do *trùng sốt rét* gây nên, bệnh trùng muỗi cát, con sẽ bị lở loét khắp mặt. Gabriel, con cho rằng Clara thích khuôn mặt đó sao? Bệnh giun chi u, bố biết rằng con chẳng nhớ bố già của con lắm đâu, nhưng đây đâu phải lý do để muốn bị mù lòa? Ấy là bố chưa nói đến bệnh viêm màng não, bệnh dịch tả, thậm chí bệnh dịch hạch, con có thể mắc những chứng bệnh này ở những tỉnh phía Nam nước Pháp yêu dấu của chúng ta, à nhận tiện bố hỏi luôn, con đã tiêm phòng bệnh đậu mùa chưa? Nhưng bệnh phong, Gabriel, con biết rằng Brésil đầy những người bị mắc bệnh phong và bệnh viêm mạch bạch huyết bìu dái, bỏ qua cho bố về những chi tiết này, Gabriel, nhưng một người bố cần phải

nói tắt với con trai mình, con sẽ thấy khi đến trước người vợ rất trẻ của mình với búi tóc to bằng quả dưa hấu, đúng, xệ xuống gần như lê đất thì dù cho nó có một tình yêu bao la như tình yêu vợ con dành cho con cũng chẳng thể át nổi nỗi kinh hoàng sao? Con hãy nghĩ tới tất cả những điều đó, Gabriel, bây giờ con đã trưởng thành rồi, con phải tự định đoạt cuộc đời mình. Nhưng bố mong con đừng bao giờ, đừng bao giờ mạo hiểm vào rừng. Bố chưa nói tới những chuyện phức tạp nhất định sẽ xảy ra, con nghe rõ đấy chứ, *nhất định sẽ xảy ra*, khi người ta lọt vào khu cây xanh thối rữa ấy. Con hãy đặt cái tổng thể lên bàn cân: một bên là những nỗi ghê rợn như đã nêu trên (vấn tắt, Gabriel, đừng quên là rất vấn tắt), còn một bên là con mắt xấu mà bố già con sẽ có, bố nói rõ là sẽ có đấy nhé, về vấn đề si tình. Vì cái con mắt xấu ấy vẫn chỉ là một giả thuyết, hạnh phúc của bố trong những ngày qua, sẽ chứng minh được rằng, cái con mắt xấu đó đã sụp mi mắt. Nhưng, ta chờ có sự khẳng định. Do đó nếu bố thực sự sống hạnh phúc lâu dài với một người đàn bà, con sẽ quay về, đúng không Gabriel? Con chẳng có lý do gì để mạo hiểm sống ở những vùng ô nhiễm ấy? Câu trả lời của con, bố đoán sẽ là đồng tình, ồ, tất nhiên là đồng tình rồi, tạo nghị lực cho bố trong một cuộc quyền rũ điên rồ, đó là đám cưới.

Bố ôm hôn con.

Bố Louis trong những ngày xa xưa mà con sẽ chẳng nhận ra vì bố đã tốt hơn lên rất nhiều.

T.B. Nếu con nghĩ rằng bố nói dối, hoặc phịa ra những căn bệnh, bố biết con nghĩ rằng bố có khả năng làm những chuyện lừa gạt này, bố biết điều đó, nếu vậy con hãy đi hỏi những người ở quanh con, chắc chắn thể nào cũng có một thầy thuốc trung thực... đừng hỏi thầy thuốc người Brésil, ông ta sẽ trả lời rằng đất nước của ông ta sạch sẽ như Greenland, nên hỏi một người Thụy Sĩ, người Thụy Sĩ là những người nhạy cảm nhất về mặt vệ sinh, hoặc con viết thư thẳng về Pháp, không cần qua bố, Viện Pastcur, Paris, thì con sẽ rõ.

Cháu Gabriel của bà.

Cháu trả lời thành thật với bà: cuộc sống ở *một đất nước rất rộng lớn* (mười sáu lần rộng lớn hơn nước Pháp, nếu còn tin được vào lời bố Louis của cháu) có khác không? Cháu thấy tình cảm nào trội nổi: cuối cùng kiếm được *việc làm* hoặc cuối cùng thuộc về một *cường quốc*? Trả lời bà ngay, bà rất cần đấy. Còn một câu hỏi nữa bà muốn hỏi cháu, nhưng, do cháu có những suy nghĩ hiện đại nên cháu không nhất thiết phải khách quan: một nước cộng hòa liệu có thể chăm lo chu tất một diện tích rộng như vậy không? Theo cháu cứ giữ Đế quốc thì tốt hơn à? Cháu nên thận trọng khi viết thư trả lời bà, bà cho rằng ở xứ nhiệt đới người ta bóc tất cả các thư. Và bà chẳng muốn làm liên lụy đến thiên hướng của cháu, cho dù, bà chưa bao giờ biết rõ nó. Nhưng mỗi người lựa chọn cách tồn tại của mình, trừ bà nội Marguerite, vì như cháu thấy rõ đấy, không sống ở đảo Jatte (nơi căn phòng của cháu trông ra cầu Neuilly, đang đợi cháu) mà đã sang sống ở Fachoda hoặc Lạng Sơn.

Yêu thương cháu. Bà nội Marguerite.

Em không bỏ anh. Em bỏ đi. Nếu nỗi sợ còn tiếp diễn, sống hai người để làm gì? Clara.

Gabriel biết được nét chữ người vợ rất trẻ của mình như vậy đó: gọn, nhỏ, khá nhọn, các từ cứ ríu vào nhau. Gabriel ngẩng đầu. Bà vú vẫn đứng nguyên chỗ cũ, mắt vẫn đảo ngược, tay vẫn chắp vào nhau.

- Bà không để lại gì nữa à?

-Ồ! Thưa ông không ạ!

- Bà không nói gì thêm à?

-Ồ! Thưa ông không ạ!

Nhưng qua một dòng duy nhất liệu người ta có thể biết rõ nét chữ viết của một người không? Người xem tướng chữ thề rằng không thể được.

Do đó Gabriel không hỏi thêm câu nào, không gào lên, không gọi người vợ rất trẻ, em đang ở đâu? Anh không vội chạy ra cửa, không vừa khóc vừa xục xạo khắp nhà, không mở bất kỳ cánh tủ tường nào, ngăn kéo nào, không nhìn vào giường, không vùi mặt vào gối bên phải, chắc còn lưu lại mùi hương của vợ, không mở nút bất kỳ chai rượu nào, cả uytxki, gin lẩn cachaca, không giơ chân đá con chó nhỏ lông vàng tối qua những người thân Pháp đã tặng (để làm bạn với bà, thừa bà, trong khi chờ có cháu bé) và cô ta đã đặt tên cho nó là George Sand, không xé một tấm ảnh nào, không vò thành một cục bức thư gồm hai chục từ, *Gabriel, em không bỏ anh, em bỏ đi. Nếu nỗi sợ còn tiếp diễn, sống hai người để làm gì*, anh không dùng bật lửa bùi nhùi nắm đốt thư, không đánh điện đến đảo Jatte, cũng chẳng đánh điện đến khách sạn gần như thuộc loại sang của Paris, khách sạn Washington và Albany, không đưa tay lùa vào tóc, không nôn mửa vào bồn rửa mặt bập bênh, không điên khùng xé tan những màn ngủ, không tức giận cánh cửa, cả tấm cửa theo kiểu Brésil màu xanh lục này cũng như tất cả các cửa khác của thế giới chẳng bao giờ chặn giữ được gì và nhất là phụ nữ, không thờ dốt, không gào lên đúng là Clara kia rồi khi vừa nghe thấy tiếng chân bước cọt kẹt của người khách bộ hành đi trên đường phố, phía bên kia hàng hoa giấy, Gabriel Orsenna ngồi xuống, anh kéo một chiếc ghế bành bằng mây, khá giống chiếc ghế bành hồi còn bé, người ta bảo đó là chiếc ghế bành Mêhicô, anh kéo ghế từ phòng khách ra ngoài hiên và tiếng động nghe hoàn toàn bình thường như mọi tiếng ghế bành kéo trên sàn gỗ, trong bất kỳ ngôi nhà nào, từ phòng khách ra ngoài hiên để hưởng gió mát lúc chiều tối, anh ngắm kỹ hướng đặt ghế nhằm khi ngồi có thể nhìn được một khúc sông đỏ quạch qua dây cây xoài. Và anh cứ ngồi, y nguyên chỗ đó, đúng suốt chín mươi ba ngày.

II

Nỗi bất hạnh này, đừng trông chờ Gabriel dẫn đi thăm từng phòng, từng phòng một.

Kỹ sư là những người bẽn lễn.

Ta chỉ cần biết rằng đây là một căn bệnh, một căn bệnh tấn công hàng giờ, hàng phút, hàng giây, như bệnh viêm tủy xám tấn công các cơ bắp: thời gian bị tê liệt, thời gian không còn lê lét được nữa.

Bao thi sĩ, phụ nữ hãy còn trẻ, nhà siêu hình ngày Chủ nhật đại loại như thuyền trưởng con tàu *Wellington* đã cầu trời để họ được mắc căn bệnh này: ôi thời gian, hãy ngừng trôi... v.v... Gabriel, tử tế nhưng cương quyết bảo họ phải ngừng ngay ở đây những trò ngu xuẩn của họ, chính thức hủy bỏ phiếu đặt của họ: thời gian bất động là nỗi đau lớn nhất chưa từng thấy.

Thời gian đã chết và biết làm gì khi thời gian đã chết? Mở mắt ra à? Căn phòng 212 liền hiện ra ngay ở đằng kia, chỗ cuối khu vườn Brésil, giữa chuồng vẹt đuôi dài đang ngủ, màu vàng, màu đỏ, và màu xanh da trời với cánh cửa con màu trắng. Nhắm mắt lại ư? Để thấy lại chiếc giường trong căn phòng 212? Và đầu Clara thò ra khỏi chăn? Lại mở mắt ra? Để thấy lại cặp đùi vô tận của Clara mà anh chỉ cần lần lên dần, lên dần tới trạng thái êm dịu tuyệt đối, lọt vào trong tâm cuộc đời ở gửi. Thế lại mở mắt ra? Clara không xê dịch? Cả căn phòng 212 cũng vậy. Một kỹ sư biết ghi nhận các sự việc: thời gian đã chết thật rồi, chẳng cần phải để một chiếc gương trước mũi hoặc bắt mạch. Và Gabriel cảm nhận rõ cái chết này ở trong anh, tự cảm thấy mình là phụ nữ để cảm nhận rõ sự hiện diện như vậy trong bản thân mình, một phụ nữ đáng nguyên rửa bê cái xác *in utero*, thi hài bất động và lạnh toát của một người vợ rất trẻ đã vắng mặt. Vào một lúc nào đó, anh đứng dậy. Giật mình tỉnh dậy, con George Sand sữa vang. Nhưng anh liền vội buông mình ngồi

xuống ghế. Bỏ trốn được lợi lộc gì? Chẳng thể bỏ chạy vào cái chết của thời gian. Giết làm sao được thời gian, bám riết làm sao được vào cái đã chết?

Như vậy là Gabriel đã ở ngoài hàng hiên chín mươi ba ngày, ngồi trên chiếc ghế bành bằng mây. Bà Rosa Marcelina đã để quanh anh những đồ dùng thường ngày: bồn rửa mặt có lắp bánh xe nhỏ, thư viện xoay dành cho những câu hỏi về cao su, chiếc máy tính toàn bộ thư và điện tín của Louis từ những ngày đầu tới đây, một chiếc bàn nhỏ bằng luồng cửa xộc xệch, một cái giá để báo mới trong ngày, v.v... và một chiếc đồng hồ quả lắc đứng đưa rất mạnh, nó chẳng đánh lừa ai. Về đêm, bà vú Rosa Marcelina căng chiếc màn cho anh, tắt tất cả các đèn và trước khi giao phó anh để são Foão, são Sesfredo, são Alvico, santa Rosa, são Zé, são Raymundo, são Ribaldo, são Marcio, são Felisberto, santa Otacilia... bảo vệ. Bà chúc anh ngủ ngon và rồi biến mất.

Lát nữa Gabriel sẽ nói chuyện một cách kín đáo với bạn. Đừng hoàn toàn tin lời anh ta. Nỗi bất hạnh này là một cảnh tượng thú vị đối với dân chúng Belem, một chốn đưa chân tới dạo chơi và mục tiêu của mọi câu chuyện. Người ta tới quan sát anh chàng người Pháp bất động này ngồi ngoài hàng hiên, bị mắc bệnh si tình nặng. Người ta kháo nhau rằng, quả thật, nước Pháp không hổ thẹn với danh tiếng. Phụ nữ bất nhả với đàn ông: ông sẽ chẳng yêu tôi được như vậy. Người ta quát mắng lũ trẻ ranh chỉ trực ném hoa quả, trứng và thậm chí cả sỏi đá vào con người bất hạnh. Người ta tự hỏi không biết căn bệnh có lây không. Người ta cho rằng nó không phải là bệnh truyền nhiễm. Do đó người ta rón rén sát lại gần hàng hiên để biết rõ các chi tiết và nghe được các liều thuốc: trong trường hợp bị mắc bệnh si tình nặng thì phải xử lý ra sao? Mỗi người mỗi cách. Với bà vú Rosa Marcelina, chiến thuật thật rõ ràng: thoát đầu, liên tục với các vị thánh có công có việc với trái đất và có nhiệm vụ an ủi chúng sinh thay cho việc ngủ khi ở trên trời. Sau đó bà vú tăng thêm lượng ớt vào đồ ăn. Và khi bà vú thấy Gabriel nhắm mắt nuốt một miếng gà giò hoặc một miếng surucu nướng, rồi uống ừng ực hàng

lít và hàng lít nước, hai má đỏ bừng, trán vã đẫm mồ hôi, bà vú giơ cao tay lên trời, ôi, Thánh Maria Đức Mẹ Chúa trời trọn đời đồng trinh, seur Gabriel đã ấm người, sắp khởi tới nơi. Một chế độ ăn uống như vậy hủy hoại các đường ruột. Bà vú Rosa Marcelina nào có bận tâm. Bà vú nhẹ nhàng kéo tụt từng tí một chiếc quần của kẻ bất hạnh. Khách tham quan hơn hờ thốt kêu lên ôi! một cặp mông thật là đẹp, thật trắng ngần, mông người Pháp đều trắng như vậy cả sau? Bà vú Rosa Marcelina bỏ ngoài tai tất. Bà vú vô cùng triu mến giặt chiếc quần của kẻ bất hạnh trong chiếc bể bằng đá ở sau nhà. Sau đó bà phơi quần của kẻ bất hạnh và không rời mắt chờ cho quần khô (khởi người Brésil muốn xoáy nó coi như một thánh tích). Người bị thất vọng lớn nhất là ông bác sĩ Lezama, tuy đã được cấp bằng tốt nghiệp trường đại học mãi bên Lisbonne, ông ta cứ quanh quẩn bên bệnh nhân, miệng luôn làm rầm ồ, là la, tôi đã gặp nhiều con bệnh, tôi đã gặp nhiều con bệnh, chắc đây là một chứng dị ứng dữ dội, nhưng, do đâu, Đức Chúa Trời? Từ nay tôi sẽ cấy dần dần tất cả các thành phần của căn bệnh nhiệt đới... và rồi ông ta bỏ đi chăm sóc các bệnh nhân mà ông ta đang điều trị, về tui nghỉu như chú học trò bị đội chiếc mũ lừa. Ông và bà Guy Revol cũng đành chịu bó tay, chẳng lần ra bí quyết để làm cho thời gian trôi. Hai người lần lượt tới, vào cuối buổi sáng, sau thông báo thị giá của cao su (không thay đổi, vẫn cực hạ).

Bà cho tôi một cốc gì đó đi, bà Rosa, một cốc bia, chà! nóng dễ sợ, chẳng thiết nói năng gì hết, thế nhưng mà này, anh Gabriel này, tôi muốn trao đổi với anh, tôi biết thế nào là tình yêu, anh Gabriel, tôi cũng vậy, với bà Revol, tôi biết rõ giai đoạn ngờ vực. Anh tin tôi đi, bản thân nỗi ngờ vực đã gây đau đớn rồi. Do đó, thế này nhé, anh Gabriel, tình yêu chẳng phải là lý do thoái thác. Anh nên bình tĩnh lại – Anh nên dựa vào thiên hướng của anh, anh Gabriel. Ít người may mắn có được một chỗ dựa vững chắc là thiên hướng thực sự như thiên hướng của anh, anh Gabriel. Và như anh biết đấy, tôi sẵn lòng hỗ trợ anh, Hội sẵn sàng hỗ trợ anh, nhưng mong anh cũng nên đóng góp công sức của mình...

Một lát sau bà Revol tới. Bà ngồi né xa chồng, đây là cách biểu lộ sự tế nhị: bà chẳng muốn để lộ rõ hai người là cặp vợ chồng, bà và

ông nhà. Và suốt buổi đến thăm, bà mỉm cười với Gabriel, rất dịu dàng và bà luôn xoay người lại, khi hai người bước ra về, bà xoay người lại để giơ tay vẫy chào tạm biệt anh khi họ sắp bước qua cánh cửa nhỏ và đi khuất sau rặng lá.

Vợ chồng nhà Revol không thành công lắm. Hai vợ chồng không thu hút được mọi người. Ngược lại, ông giám đốc Abel điều hành chung khách sạn Paris đã được lòng công chúng. Ông chẳng bao giờ đến một mình. Ông kéo theo cơ man nào là người khao khát nghe các câu chuyện của ông. Chẳng là ông Abel được Belem coi là một chuyên gia khỏi phải bàn về ái tình. Ông nhắc hoài với ai muốn nghe rằng ông chọn cái nghề chủ khách sạn cũng chỉ vì vậy: xem biểu diễn tình ái. Những tuần trăng mật, bốn ngày đêm liền chưa chịu ra ngoài, ngược lại, những lần gặp gỡ vội vã của những kẻ ngoại tình, một nửa giờ, đôi lúc còn ít hơn nữa, những cuộc cãi cọ, những lần gặp gỡ lại nhau, tay trong tay ở phòng ăn, những vụ khiêu khích, những ánh mắt đưa tình, những động tác cợt trộm, các tờ bạc nhỏ... đấy là thức ăn nuôi sống ông ta. Người ta thậm chí còn kháo nhau rằng gương ở các phòng số 7 và 11 không tráng thủy ngân. Còn tường ngăn phòng số 6 với những căn hộ riêng, lỗ chỗ thủng như miếng pho mát gruyere... Với trường hợp của Gabriel, ông ta đã có cách điều trị. Phải mở lại van bơm. Để làm được việc đó, ông ta kể lại các câu chuyện của các khách tới khách sạn ông. Họ không thiếu đầu óc tưởng tượng, những câu chuyện mà, bà lão Rosa này, còn gây nóng người hơn toàn bộ ốt trên trái đất. Ông giám đốc Abel tới một ngày ba lần, trước ba bữa ăn. Vào rạng sáng, khi khách của tôi còn đang ngủ và chưa suy nghĩ gì tới bữa điểm tâm. Sau đó, khi miệng họ còn dư vị cà phê sữa, điều đó, trong vòng một tiếng đồng hồ sau, không hề gây trở ngại cho cảm giác thấy đói bụng của họ. Cuối cùng vào quãng giữa đầu buổi chiều. Được rồi, anh Gabriel, tôi có thể sẽ tới sớm hơn, nhưng nếu tôi không dự phần châu rìa vào lúc ngủ trưa, tôi còn chuyện gì để kể anh nghe nào? Còn nán lại quá mười tám giờ thì, anh Gabriel này, ai sẽ lo bữa ăn tối? Một cơ sở như khách sạn Paris, cần phải được duy trì. Hôm qua, anh biết không, Gabriel, tôi gọi anh cộc lốc Gabriel như vậy mà không xin phép anh, ấy chẳng qua thực ra chúng ta hai lần

là anh em, đất nước của tôi là Liban thì cũng coi như nước Pháp, đúng không Gabriel và cũng vì người anh em của tôi có niềm say đắm tình ái này, tối qua, anh biết không, lúc ngủ tôi nghe thấy một tiếng động. Không phải tiếng cọt kẹt của giát lò xo và tiếng người thở hổn hển như thường lệ, B-A BA dội khắp nhà, không, một tiếng lách tách mà tôi không rõ là tiếng gì và có trời mới rõ tôi có một trí nhớ về các âm thanh và tai tôi nghe rõ hay không. Tôi vội chồm dậy và đi vòng một lượt quanh các vị trí chiến lược. Tình hình bình thường ở phòng 6. Phòng số 7 không có khách, hời ôi, nếu anh được thấy căn phòng số 7 vào lúc nhiều nhường, nhưng trong phòng số 11... Tôi phải giải thích với anh rằng phòng số 11 là phòng tĩnh nhất, Gabriel, trước cửa sổ có một cây hoa giấy khổng lồ. Thỉnh thoảng một ông luật sư nổi tiếng của thành phố ta tới thuê căn phòng tuyệt vời này. Tất nhiên là tôi chẳng nêu tên ông ta ra đây. Nếu không, liệu tôi còn xứng đáng với niềm tin của khách trọ không? Ông luật sư nổi tiếng nọ, vào những hôm trước các vụ bào chữa khó khăn, các vụ xét xử xem chừng tuyệt vọng, thường đứng tập trung suy nghĩ trước cây hoa giấy của tôi. Như vậy là tối hôm qua, ông ta ngồi trên một chiếc ghế; nhưng trước mặt ông ta, lẽ ra trên bàn có đồng hồ sơ như thường lệ thì tôi lại thấy xuất hiện một cái bếp mà ông ta dùng nấu nướng một vật gì đấy. Đúng lúc tôi định xộc vào phòng ngăn cấm tuyệt đối không được nấu nướng gì ở trong các phòng nhà toàn dựng bằng gỗ, Gabriel, chúng tôi đâu có đội ngũ cứu hỏa như Paris, đúng lúc tôi định đẩy cửa vào thì ông lấy miếng bánh cá, vê tròn, vừa được nướng trên lò bằng nĩa, thổi thổi nhiều lần. Sau đó ông ta tiến đến bên giường mà từ lúc này tôi không để ý, anh thấy đấy, đầu óc tôi còn minh mẫn, rất khoa học, Gabriel, có một cô bé lai, rất trẻ, tôi phải nói rằng ở đây chưa có luật lệ như bên nước anh, trẻ nhưng vẫn có quyền thuê phòng, như mọi người. Chiếc váy đỏ của cô bé tốc lên tận rốn. Cô bé như đang say mê đọc, đúng là tuổi trẻ, một tờ tạp chí, lúc sang trang cô bé đã nhấm nước miếng ngón tay trở. Và thế là ông nổi tiếng nọ của chúng ta nhẹ nhàng, lịch sự, Gabriel, không nóng quá đấy chứ, ông ta hỏi cô bé, cô bé không đáp gì, ông ta nhét cái hình cầu nhỏ màu vàng nhu ấy vào quả vả hồng. Ông ta đợi một lát, rồi lấy miếng bánh cá vê tròn ra và bỏ vào miệng nuốt, hai mắt nhắm lại. Ông ta lặp lại như vậy ba lần. Sau đó "Xong rồi chứ?" nữ đọc giả lên tiếng hỏi, rồi kéo váy

xuống, nhặt tờ bạc để trên bàn, trèo qua cửa sổ, lẩn vào cây hoa giấy của tôi. Đêm đó, tôi tới phòng ông ta hai lần. Chiếc bếp đã dọn. Tập hồ sơ chiếm chỗ của nó và ông nổi tiếng nọ say sưa làm việc như chẳng có chuyện gì đã xảy ra.

Một câu chuyện kỳ cục, đúng không, Gabriel, cho ta thấy một ví dụ mới về sự đa dạng vô tận của ái tình. Thôi, tôi phải về đây, Gabriel. Nếu bữa điểm tâm không có mặt tôi, người ta sẽ nổi loạn mất. Nhưng tôi hy vọng sẽ còn nhiều chuyện khác tọng cho anh nghe. Mồ hôi sắp vã, cái đó chẳng làm tôi ngạc nhiên.

- Thật dơ bẩn! – Bà vú Rosa Marcelina lẩm bẩm suốt lúc nghe chuyện, – quả thật o seu director, ông chỉ kể toàn những điều dơ bẩn (và bà vú áp chặt hai lòng bàn tay che mắt, nhưng người ta thấy tai bà ngọ nguậy), đúng, thật dơ bẩn!

Người dân thành Belem, những ai đứng vây quanh ngôi nhà mỗi khi ông giám đốc Abel tới thăm có vẻ tán thưởng. Người ta nghe thấy nổi lên những lời bình luận triền miên. Đôi lúc, vào lúc ngủ trưa, sau khi bị ớt thử thách, lúc bà vú Rosa Marcelina, nằm bẹp trong võng và ngáy, thì một cô bé, không phải lần nào cũng vẫn cô bé đó, đến ngồi trên thành hàng hiên, ngắm Gabriel ngủ trong chiếc ghế bành bằng mây (một giấc ngủ vô ích, vì dù trong giấc ngủ, thời gian vẫn chưa chịu di chuyển) và dùng đưa chân, hết chân nọ đến chân kia, những tiếng xoa nhẹ đều đều của da thịt bị dày vò, chiếc đồng hồ sinh vật bé bỏng vừa có thể đứng tới và vừa chẳng thể đứng tới...

- Này, này, tôi thấy van bơm đã được mở lại.

Cuộc viếng thăm của ông giám đốc Abel vào giờ này, bốn rưỡi, năm giờ chiều, kéo dài hơn, thanh thản hơn.

- Tôi phải kể anh nghe mới được, anh bạn đồng nghiệp về tình ái Gabriel. Họ đã quay lại. Họ tới trọ ở khách sạn của tôi mỗi một đêm, cứ ba tháng một lần. Cả hai đều không sống ở Belem, hai năm về trước, họ đã ở đây, họ đã chia tay nhau, hình như chị ta bỏ đi thì phải, cũng na ná tương tự như trường hợp này ấy mà, Gabriel, bỏ đi với một anh chàng kỹ sư đường sắt Madeira – Mamore, anh đã biết rõ cái dự kiến điên rồ là xây dựng một tuyến đường sắt ở trong rừng rậm. Nhưng mà thôi tôi chẳng quan tâm đến những công trình công cộng. Điều quan trọng là họ đã quay về, Gabriel. Họ thường thuê hai phòng, phòng số 7 cho họ, phòng số 6 cho lũ trẻ con, bọn trẻ con họ đã thu nhặt linh tinh, ngoài bến cảng ngoài chợ, trước khi vào thuê phòng ở khách sạn. Lần đầu tiên tôi muốn tổng họ ra khỏi khách sạn. Để người trẻ trong phòng còn được chứ trẻ con thì dứt khoát là không, nhưng họ van nài tôi, cả ả và cả anh đứng van nài trước bàn tiếp tân của tôi. Trường hợp hiếm thấy đấy, Gabriel, thường thì một người đi đến điều đình thuê phòng với chủ khách sạn, còn người kia đứng ở sau lưng, mắt cúi sục, chân bắt chéo. Hai người này thì không, cả hai đều ông làm ơn, ông làm ơn, ông giám đốc. Và thế là tôi xuôi lòng. Hai người vào phòng số 7, còn lũ trẻ con vào phòng kia, phòng số 6. Chuyện còn lại, đơn giản lắm, lần nào họ cũng làm tình, như bất kỳ mọi trường hợp, Gabriel. Có điều, gần tới lúc kết thúc, người đàn ông đá mạnh vào vách ngăn phòng, này, nó đùa đi, đã đến lúc rồi, nó đùa đi. Và thế là bọn trẻ con ở phòng số 6 liền reo hò, tranh cãi, gây đủ thứ tiếng động con trẻ thường tình. Lúc đó người đàn bà mới bắt đầu rên, người đàn ông lấy tay bịt miệng chị ta, im đi lũ trẻ con nghe thấy tiếng chúng ta, im đi. Người đàn bà vẫn tiếp tục rên dưới bàn tay của người đàn ông. Người ta chẳng nghe thấy tiếng gì, nhưng người ta đoán biết được qua cặp mắt, chiếc cổ cứ căng phòng từng đợt. Sau đó họ mặc áo xống và ôm hôn nhau. Họ lần lượt kể trước người sau rồi khỏi khách sạn. Tôi buộc lòng phải đưa họ ra qua cửa bếp vì cả hai đều khóc và những cặp mắt đỏ chẳng bao giờ gây tác động tốt tới khách trọ của tôi.

Anh nghĩ sao, Gabriel, anh cứ thành thực nói đi?

Và rồi, sau bữa tối (ớt, lúc nào cũng ớt), các cây xoài, trong đêm tối, chỉ còn là một khối mờ hình tròn và mỗi rặng thông lớn còn thấy đâm lá tua tủa trên nền trời, các cặp uyên ương tay khoác tay đến ngó cơn bệnh tình ái. Họ chẳng chú ý nương nhẹ các cây hoa, chẳng lịch sự với đêm tối, họ cứ sát lại gần, giờ tay chỉ trở chiếc màn ngủ, người đàn ông nằm co ro trên chiếc ghế bành mây, gần bên con chó vàng và đám côn trùng dày đặc như đám mây bay quanh chủ và chó, vì bây giờ bà vú Rosa Marcelina thắp một một chiếc đèn dầu treo trên cửa ra vào để ít ra, xua những con vật hoang dã nhất tránh xa, bà vú nói. Người nữ trong các cặp uyên ương khẽ thì thầm: đúng, trông anh ta chẳng sung sướng lắm. Người đàn ông đáp: nghe đâu người Pháp sống chẳng chịu kiềm chế mấy.

- Đúng, nỗi buồn của chúng ta đỡ bị giằng xé hơn, đúng không anh Raymondo, anh João hoặc anh Ze?

Và rồi họ nhẹ bước bỏ đi về ngủ, lại làm gãy thêm cây hoa mà sáng hôm sau bà vú Rosa Marcelina thấy chúng bị chết và đem đi vùi giữa những tiếng hòa âm chữ bới, bọn thanh niên Brésil là con trai của lũ dĩ điểm, lạy Mẹ Maria trọn đời đồng trinh, bọn thanh niên Brésil không đáng là cục cứt vừa ị ra. Đức Chúa của mọi lòng nhân từ...

Người ta có thể nghĩ rằng do tất cả các cuộc viếng thăm, các quang cảnh này, cuối cùng thời gian đã nhượng bộ và hạ cố ngoắc ngoải phục sinh. Hỡi ôi, chưa thấm tháy vào đâu. Mỗi khi có điều đó thú vị diễn ra trong khu vườn hoặc ông giám đốc Abel lên tiếng kể một câu chuyện, người ta có thể cho rằng thời gian chỉ mới đảo tạt ngang qua chứ chẳng liên quan gì với thời gian chủ yếu là thời gian có khả năng xoay kim đồng hồ chạy. Và mỗi lần Gabriel lại nghiệm thấy điều đó: khi điều thú vị kết thúc, khi chẳng hạn ông chủ khách sạn quay về, Gabriel, người đã ghìm nén suốt quá trình diễn biến sự việc ở căn phòng số 7, cuối cùng đã đảo mắt nhìn về hướng mặt số đồng hồ. Uổng công. Hai kim vẫn chưa nhúc nhích. Và để anh hiểu rõ rằng thời gian đã chết đứ đừ, bất chấp những nỗ lực của các người bạn Brésil của anh, căn phòng kia, căn phòng số 212, lại quay

lại ngự trong đầu óc Gabriel, với cặp đùi dài thoir ấy, dẫn đưa vào trung tâm trái đất, về miền dịu ngọt, và căn phòng 212 chỉ nhường chỗ cho mỗi con tàu thủy *Wellington* quay về Pháp, một con tàu chẳng có lý do gì để phải mở tăng tốc độ, vì buổi hòa nhạc Schubert có Clara dự chưa hết. Và các bậc kỳ tài vẫn còn giữ nhịp chậm.

III

Bây giờ Gabriel phải thanh toán công đóng góp của mình cho văn chương. Đứng ra chịu trách nhiệm chạy chữa khỏi một cách tài tình căn bệnh của anh không phải là do món ớt của bà vú Rosa Marcelina, cũng như những bài diễn thuyết mỗi lần một căng thẳng của ông Guy Revol về thiên hướng, lẫn những ánh mắt đầy lòng xót thương của người vợ ông xuất thân ở miền Bắc Bretagne, cả những câu chuyện ngày càng dâm dục ở khách sạn Paris. Nhưng do một cuốn sách. Một cuốn sách mới của Pháp, ông giám đốc Abel nói với anh, hình như nói về một mối tình, đến lượt anh là người hữu ích anh đọc và kể lại cho tôi nghe. Tôi, tôi chẳng có thời gian, cứ loay hoay với cái khách sạn của tôi, nhưng điều đó có thể giúp ích cho tôi.

Gabriel liền vùi đầu vào đọc, một công việc thoát đầu tẻ ngắt với một kỹ sư. Căn phòng ngày xưa, bữa ăn trưa ngày Chủ nhật, cây hoa đình và những con đường đầy cây đào gai, những cuộc đi dạo cùng gia đình, lúc thì ở một bên này làng, lúc thì ở bên kia. Nhưng đột nhiên cuộc đan dứ trở nên đau khổ vì mối tình này với bao trí thông minh, bao tài năng sáng tạo, bao khả năng sinh sản trong nỗi đau mà một kỹ sư, người có thiện ý, chỉ còn biết ngả mũ. Nỗi bất hạnh của anh, Gabriel, đột nhiên trở nên đơn sơ. Quá đơn sơ đến mức anh cảm thấy hổ thẹn. Làm sao anh dám hy vọng Clara quay về, nếu anh tiếp tục đắm mình trong nỗi bất hạnh đơn sơ như vậy? Anh quyết định vượt lên ngang tầm, cũng đau khổ theo cách của nhân vật trong sách. Và như vậy là anh bứt khỏi trạng thái sững sờ để bước vào cơn ghen. Một cơn ghen chẳng liên quan chút nào tới những mối hoài nghi nho nhỏ, những mối lo ngại, chột nẩy sinh trước đây. Đây là một cơn ghét tổng lực, một cơn ghét chiếm choáng sự tồn tại ở một nước bị chinh phục, ngày và đêm, đêm còn tệ hơn ngày.

Anh đặt cuốn sách cơ bản xuống và lao vào bài tính số học mà chắc chắn ta có thể cười nhạo báng. Nhưng các kỹ sư không chỉ là kỹ sư khi họ xây các cầu (mà ta rất hài lòng khi đi qua) hoặc tưởng tượng những máy móc khác nhau (làm tăng gấp bội sức của cơ bắp chúng ta). Trong mọi trường hợp họ đều nhờ cậy khoa học và đặc biệt để quản lý những nỗi bất hạnh riêng tư của họ. Nhờ sự tăng viện lớn của các phép cộng, phép trừ và những kỷ niệm, Gabriel đã lập được một bảng đại loại bảng nhật sử nêu rõ những phần trong ngày ở Paris mà Clara đã có tất cả khả năng cư xử đúng đắn, với tư cách người vợ rất trẻ, tạm thời sống xa chồng. Và rồi đến những phần khác.

Về mặt thống kê mà xét người ta làm tình giờ nào?

- Không giờ đến hai giờ ba mươi.

- Tám giờ – mười giờ (lúc tỉnh dậy).

- Mười bốn giờ rưỡi – chín giờ (trừ những người tình được phú hoặc một chồng hay quấy rầy hoặc một công việc cố định. Đối với những người bất hạnh này, người ta có thể đưa vào giai đoạn ăn trưa mười ba giờ – mười bốn giờ rưỡi. Nhưng đây không rơi vào trường hợp Clara. Tại sao trong những điều kiện đó, và tham ăn như cô ta, liệu cô ta có chịu bỏ bữa ăn không?).

- Mười giờ – nửa đêm.

Căn cứ vào sự chênh lệch thời gian, như vậy Gabriel cảm thấy mình là người chồng tương đối yên tâm ở bốn thời điểm (theo giờ Belem):

- Không giờ đến hai giờ.

- Bốn giờ – tám giờ rưỡi.
- Mười ba giờ – mười sáu giờ.
- Hai mươi giờ – hai mươi bốn giờ.

Tổng cộng mười ba giờ yên ổn trên hai mươi bốn giờ. Tỷ lệ hơn nhau một giờ đồng hồ. Như vậy thì không thể coi là một nỗi bất hạnh thực sự.

Gabriel thở nhẹ, anh vươn vai. Anh cảm nhận sự hiện diện của không khí trên da mình: gió lướt nhẹ khi bước đi, chuyển đi tìm lại thời gian.

Sáng hôm sau, khi bà vú Rosa và ông giám đốc Abel gặp lại nhau trước cánh cửa con mở ra khu vườn, hai người liền đưa mắt nhìn về chỗ mà người chủ, người bạn, người đồng nghiệp đã ngồi, tính đến nay đã được ba tháng. Nhưng chiếc ghế bành mây bỏ trống và chiếc màn ngủ vắt thành đống trên bãi cỏ như người ta vứt không thương tiếc những mớ bông bong sợi dây rối tung rối mù phải để hàng giờ mới gỡ ra được. Còn Gabriel và con chó vàng đã biến đâu mất.

Từ trong bếp đưa ra đồng thời cùng một lúc tiếng nổ lép bép như bong bóng vỡ và mùi trứng rán.

- Vô lý, thật vô lý, ôi lạy Chúa Thánh thần, – bà Rosa thốt kêu lên.
- Anh ấy khỏi rồi, tôi dám chắc đấy, anh ấy khỏi rồi, – ông giám đốc nói.

Gabriel tiếp đón họ, vẻ hơi loạng choạng, người hơi bị sưng vì muỗi đốt, nhưng thực sự tươi cười: Cảm ơn, cảm ơn về tất cả, tôi sẽ chẳng bao giờ quên.

Thế là họ ôm chầm lấy nhau, ông giám đốc Abel ôm bà vú Rosa và Gabriel: người chủ nhỏ và người bạn Pháp đồng nghiệp đã bắt đầu lại sức.

Và trong khi bà vú Rosa Marcelina biến mất để đi báo tin vui trong thành phố thì ông giám đốc khách sạn Paris vào bếp tìm chai rượu uýt-xki hảo hạng xứ Écosse. Ông cầm tay nhân vật của chúng ta và cả hai bước ra ngoài hàng hiên và nâng cốc chúc mừng, đặc biệt vào lúc quá sớm thế này, cho tình yêu, dù sao, cả cho sự lành khỏi bệnh của anh.

- Tôi vẫn chưa khỏi bệnh, – Gabriel nói.

- Thôi mà, thôi mà, tôi dám tin chắc rồi, – ông giám đốc nhắc lại vào giữa lúc hai lần nhấp cốc thưởng thức, ánh mắt kính cẩn ngược nhìn mặt trời, – tôi tin chắc mà, những nỗi đau của ông tác giả mới người Pháp đã hành hạ ông ta tới mức so với chúng, các nỗi đau của anh thật nực cười. Một lần nữa, những người Do Thái lại chỉ đường cho ta đi. Tất nhiên, chúng ta, những người đàn ông có cặp má bầu, chúng ta cũng biết cách chịu đựng tốt hơn những người có má hốc hác. Những người Do Thái còn tài hơn. Tôi không làm anh giận đấy chứ, ông bạn và bạn đồng nghiệp Gabriel thân mến?

Gabriel đã nhắm tịt.

Giờ này, bên kia Đại Tây Dương, chín giờ sáng ở Belem, như vậy là mười lăm giờ ở Paris, Clara đã lựa chọn bốn vai trò:

- Người vợ trẻ bình thường: đi mua hàng trong các cửa hàng lớn cùng em gái và mẹ. Có thể. Lạc quan nhưng có thể.

- Người vợ trẻ đang yêu: cô ta về phòng mình để ngủ trưa và ngủ một mình, nắm chặt trong tay phải tấm vé lượt về Le Harve – Belem và mơ những cuộc hội ngộ đam mê. Xin lỗi anh Gabriel, nhưng em quá khiếp sợ, bây giờ các gốc rễ của tai họa đã bị nhổ bật: nếu anh

vẫn còn muốn em, ta bắt đầu lại từ số không, hứa với em là anh tha lỗi cho em... Giả thuyết mang tính đạo lý nhất, nhưng, ồ! Không vững chắc biết bao.

- Vai trò thứ ba, kẻ ngập ngừng: bữa ăn trưa lại rai kéo dài. Clara vẫn chưa ăn xong món tráng miệng (hot fudge: kem vani, sô-cô-la nóng, hạnh nhân nướng) và ngay vào lúc đó, tự hỏi không biết nên dùng thời gian buổi trưa thế nào: một mình (xem giả thuyết trên) hoặc với một người, nếu cô ta quyết định theo cái anh chàng nhạc công kéo vĩ cầm đã làm bầm tím cổ chân cô ta ở dưới gầm bàn.

Tuy ở cách xa sự ngập ngừng này trên cả 10.000 km, Gabriel đã cảm thấy toàn thân mình bị tổn thương, tựa hồ như đang bị các bàn cân Roberval cào nát lúc sườn bên này, lúc sườn bên kia.

- Vai trò thứ tư, kẻ không thủy chung: đã nằm dài, Clara, lúc này, phải, lúc này đã cho đến thăm một trong vô vàn những bậc kỳ tài hoặc chuyên gia tâm hồn sống ở Paris hoặc quá cảnh đi trung tâm trái đất, thủ đô của sự dịu ngọt, một chốn dễ tới nhất của thế giới, trong điều kiện lần theo con đường do cặp đùi dài ngoại lệ chỉ dẫn.

Gabriel chờ đợi chừng nào còn chịu đựng được chiếc giường bên kia Đại Tây Dương không còn kê cột kẹt nữa. Anh đi đi lại lại ngoài hàng hiên, anh chạy vài vòng quanh khu vườn. Anh lẳng con George Sand vào đám cây hoa. Nó tè qua tám lưới sắt chuồng chim, bắn cả vào lũ vẹt Ara xanh và đỏ. Tất cả thái độ của anh ai cũng đều biết rõ qua những người đàn ông cuồng lên vì ghen.

Ông giám đốc Abel bước theo anh, luôn mồm nhắc, nào, ông Gabriel, chẳng nên đau khổ như vậy, nào, ông Gabriel, ngừng ngay cái trò tự hành hạ mình đi. Cuối cùng, mười ba giờ đêm, Gabriel đưa mắt nhìn về phía bên kia Đại Tây Dương. Bây giờ dù đã xảy ra chuyện gì, Clara đã trở nên đứng đắn, chuẩn bị dùng buổi tối.

Gabriel thở ra, khá mạnh, mỉm cười với ông bạn giám đốc, mời ông ta ngồi, cảm ơn ông đã ở bên tôi suốt buổi sáng nay, tuy có

công việc ở khách sạn và nói chuyện với ông ta, giọng một người đàn ông hoàn toàn bình tĩnh, thậm chí còn có vẻ văn minh.

Hắn là một người đang yêu sẵn sàng thay đổi các thói quen của mình, những kỹ sư biết sự thật đó như bất kỳ một ai. Nhưng Clara ít có tinh thần sẵn sàng này hơn một ai khác: nhà chuyên gia tâm hồn của cô ta, René A., bảo đảm như đinh đóng cột với cô ta rằng cô ta thế nào gã sẵn lòng chấp nhận như vậy, nghĩa là, một phụ nữ ăn đúng giờ và ngủ say như chết.

Những người thủy chung đều ở đây. Ai cũng bắt tay con bệnh đang lại sức hoặc ôm anh vào lòng, bụng nghĩ rằng cái đơn thuốc của chính mình đã đẩy lui nỗi đau .

- Ông thấy đấy, chỉ cần mở lại van bơm thôi mà, – ông giám đốc Abel nói.

- Khi con người có thiên hướng, không gì có thể đụng được tới chỗ sâu kín, – ông Guy Revol bảo. – Ổn rồi, bây giờ phải ăn uống gấp đôi để chuẩn bị cho cuộc hành trình của anh. Chiến tranh sắp bùng nổ, đã đến lúc thu nợ rồi đấy. Anh biết rõ rằng Công ty vẫn định ninh anh đã lên đường rồi. Đúng vậy, tôi đành phải chấp nhận sự mạo hiểm này. Anh sẽ không để tôi phải nói dối đúng không, anh Gabriel?

- Thôi ông đừng nói chuyện công việc với anh ấy, ít ra ông nên thư thư để đến mai hãy nói, – bà Revol bảo. – Tôi, tôi tin chắc thế nào anh cũng vượt qua khỏi. Người Bretagne là vậy đấy, nhất là người ở phía Bắc: họ lao xuống nước, chân đạp đáy biển và rồi lại ngoi lên trên mặt nước. Anh mang dòng máu của người bờ biển phía Bắc, đúng không, anh Gabriel?

Bà vú Rosa cúi xuống bên anh, dùng chất mỡ đặc quánh nồng mùi long não và kinh giới ô bôi những chỗ muỗi đốt trên người

Gabriel.

- Ông thấy đấy, seu Gabriel, chất thuốc mỡ bí quyết này bôi ngoài da và ốt trị ở phía trong: trong vài ngày nữa, seu Gabriel đích thị sẽ lại xuất hiện và ngự trị Belem!

Ở giữa mảnh vườn, ông giám đốc Abel đưa chân nhảy một vũ điệu ba lê kỳ cục, chắc để chào mừng cái tin tuyệt vời, nhưng cũng là để tránh nanh vuốt của con George Sand, vì nó thấy rằng chiếc quần màu crem không cần ống lật, ý nghĩ ta thường bắt gặp ở lũ chó lông vàng.

Còn Cuốn sách, Cuốn sách, vật duy nhất thực sự chịu trách nhiệm trong việc chữa chạy, thì đã biến không thấy đâu. Mấy tháng sau, khi từ Amazonie trở về, Gabriel mới được biết số phận của nó. Bà vú Rosa đã xoáy nó (bỏ quá cho bà vú) và mang trao tặng cha xứ phụ trách nhà thờ Rosario-dos-Homens-Pretos, thoát đầu cha xứ tỏ vẻ không hài lòng.

- Hỡi ôi, Thánh linh Đức Chúa Thánh Thần không ban cho cha cái phú bẩm về tiếng Pháp. Con có đảm bảo chắc chắn về mặt luân thường đạo lý của ấn phẩm này không, con chiên ngoan đạo Rosa?

- Dạ thưa cha, nó đã cứu vớt seu Gabriel.

- Nếu vậy...

Và cha xứ liền đặt nó lên chỗ đồ lễ và nói về nó khi giảng giáo lý, và lại còn thổi phồng về nó, mặc dù lớp bìa xám nhỏ bé của sách đã ngả màu lục vì ẩm mốc trông thật thảm hại khi đặt bên những sách kinh lễ dày cộp bìa bằng da thật, nét chữ tên sách dát vàng ròng.

- Đây là, – cha xứ bảo, – đây là một cuốn kinh thánh Pháp đã đưa một trong những vị khách người Pháp làm lạc nhất của chúng ta quay trở về với lý trí. Các cha và các xơ, phải thật thận trọng với

những nỗi đam mê ngoại đạo, như khi ta khẽ nhúng chân xuống dòng sông đầy cá răng dao. Chỉ có tình yêu thánh thiện mới không có răng. Và nếu một khi không cưỡng nổi, các cha và các xơ kính yêu của ta, một nỗi rồ điên trần tục nào đó, các cha và các xơ đến lấy lại sức trước cuốn thánh kinh Pháp tốt lành này.

Du côté de chez Swann^[14] lưu lại hai tháng như vậy trong đội hợp xướng, được bày trên giá hát kính bằng gỗ bạch đàn, cạnh ngọn đèn nhỏ trong tủ bánh thánh chỉ rõ sự hiện diện của Đức Chúa. Chưa bao giờ con tin ngoại đạo lại kéo đến đông như vậy, vì câu chuyện anh người Pháp ốm bệnh tương tự đã lan khắp Belem và các vùng phụ cận.

Nhưng vào tháng Hai năm 1914, sau những trận mưa dữ dội và hiếm hoi vào thời đó, mái nhà thờ cổ Rosario-dos-Homens-Preto xây cất từ giữa thế kỷ XVIII, đã bị sụp đổ. Làm lễ dưới ánh mặt trời như đổ lửa của vùng Xích đạo và dưới những cặp mắt giễu cợt của lũ chim kền kền ra sao đây? Phải cho sửa chữa gấp. Và để sửa lại, phải nhờ tiền quyên góp mà không một gia đình nào, dù thành kính dù sùng đạo, có khả năng đóng góp cho sự sụp đổ tàn nhẫn (tựa như sự sụp đổ của mái nhà thờ nơi thờ cúng và có lẽ đây là điềm dữ báo trước), của cao su.

Do đó những nhà đương chức trong giáo hội quyết định tự sửa chữa lấy bằng cách dùng cuốn kinh thánh phụ *Du côté de chez Swann* lấp chỗ trống về tài chính: dù sao, đây là số phận của kẻ ngoại đạo thì phải quay về với phạm tục.

Và cuốn sách bị tháo chỉ, các trang sách bị cắt vụn thành những ô nhỏ, bé xíu như những thánh tích, để đáp ứng nhu cầu của đông đảo khách hàng.

Và những mẫu nhỏ hiếm quý của một tác phẩm do Nhà xuất bản Grasset phát hành chưa có người mua ngay liền được đem ra bày bên cạnh những bào thai cừu, những đồ quái gở đủ màu sắc, bột bọ phòng và các loại rễ cây bổ dương khác, tất cả đều bày trên các sạp

hàng đặc biệt ở ngoài chợ Belem, nổi tiếng nhiều kẻ cắp và do đó được đặt tên là chợ Ver-O-Peso, nghĩa là “kiểm tra lại cân”.

Từ trong rừng trở về, Gabriel đã kiếm được qua con đường đó hai mẫu trong cuốn kinh phụ. Một mẫu hình như của trang bìa giả, ta thấy in:

ard Grasset

Xuất bản

e des Saints – Pères 61

còn mẫu kia là một đoạn trong phần chính của câu chuyện:

dù có thể làm cho họ hiểu rõ niềm xúc động trong tôi vào các buổi sáng mùa đông khi gặp bà Swann đi bộ, mình mặc áo choàng bằng da lông rái cá, đầu đội đơn sơ chiếc mũ nồi có gài hai lưỡi dao lông gà gô, nhưng như

Trong thời kỳ khá là nhứt nhối này, Gabriel còn giữ được hai niềm kiêu hãnh. Một niềm đem lại vẻ rạng rỡ cho nền văn học Pháp tuyệt vời của chúng ta. Những mảnh trong cuộc triển lãm Verdurin, những cánh hoa catleyas, sự ngu xuẩn của Forcheville tỏ ra cũng có ngang quyền lực như những trò quỷ thuật ở xứ nhiệt đới và xích đạo. Niềm kiêu hãnh kia liên quan tới tôi. Mãi tận ngày nay, qua những thông tin tôi thấy chẳng có lý do gì để nghi ngờ, câu chuyện đau buồn của tôi đã đi vào ngôn ngữ địa phương. Ở Belem, người ta bảo bất hạnh (hoặc si tình) như Gabriel.

Còn ai nói hay hơn thế?

Sau năm chục năm, thành phố nào còn nhớ tới nỗi buồn về tình yêu của bạn?

- Lẽ ra anh nên yêu tôi như vậy. – Clara nói, ánh mắt mơ màng, (vào giờ chính xác lúc cô ta biết chị người hầu sẽ đến rất đúng giờ, điều đó giới hạn những tình cảm dạt dào) khi cô ta trả lại tôi phần bản thảo này đã lấy trộm bữa tối qua.

- Em hy vọng anh cũng có ý định nói về em như vậy, – Ann bảo, vẽ đầy sát khí, nhưng cô ta làm ra vẻ vô tình, làm ra vẻ như tới lúc này cô ta chưa hề đọc chữ nào trong phần ghi chép của tôi khi vào một buổi sáng chúng tôi đi chợ (mua cá sardin tươi, húng tây, cà chua) ở Cannes.

Tập ghi chép ở khu rừng mưa

Tại sao lại là nhật ký thâm kín? Vì tôi muốn, bằng mọi cách tránh bị tái phát, thoát hẳn ra khỏi tai họa như cái chết của thời gian. Rồi chưa? Một tập nhật ký thâm kín là bằng chứng hiển nhiên chứng tỏ ngày ngày trôi qua.

Và đây là “tập ghi chép ở khu rừng mưa” ấy, những trích đoạn thôi, đừng ngại.

Ngày 13 tháng Bảy năm 1914

Bùn.

Màu đỏ quạch trải dài vô tận.

Hai bên bờ đã biến đâu mất. Chẳng còn thấy một cây nào. Chẳng còn nghe nói lên một tiếng động nào. Ngoại trừ tiếng máy nổ. Những tiếng nổ chát chúa như tiếng đập của một trái tim quá to. Và mọi thứ đều rung lên, sàn tàu ở dưới chân ghế bành dưới móng, các cốc rượu uytxki hoặc assahy, những bức tranh khắc gỗ của Anh treo trên các vách (những cảnh săn cáo quen thuộc ở Kent). Ngay cả tiếng nói, ngay cả các giấc mơ nặng nề thay thế giấc ngủ, ngay cả những kỷ niệm về Paris, căn phòng 212 cũng đều bị rung rung. Và chẳng hề có cảm giác ta đang tiến. Người ta tin chắc rằng mình đang ị ra một chỗ thì đúng hơn. Không hề thấy xuất hiện sóng ở mũi tàu, một vết rẽ nước liền khép ngay lại. Những hành khách lạc quan nhất nghĩ rằng trái đất bị nước cuốn trôi, bị đẩy lùi ra xa sau lưng chúng tôi.

Chốc chốc lại thấy xuất hiện một điểm sẫm màu. Một người da đỏ đã đi vọt ngang qua trên con thuyền độc mộc móm sát nước.

Tốt hơn hết là đừng quá dễ mất nhìn ngó. Hơi máy phả vào mắt.

Ngày 15 tháng Bảy.

Cả ngày ngồi đọc. Hai thí dụ về hôn nhân

1) Louis Orsenna, bức thư cuối cùng nhận được ở Belem trước khi lên đường.

Con trai biết cách cảm lạnh thân mến.

Con có thể vào sâu, sâu nhất có thể được vào rừng, bố buộc lòng phải để con đi. Đại Tây Dương vẫn chưa đủ, con lánh xa người bố tội nghiệp quá thật bất lực không thể đạt được đến nơi chốn bất kỳ một hôn lễ nhỏ nào. Hẳn con còn nhớ bố đã tận dụng mọi vận may của bố. Nhưng tất cả các vận may trên đời không thể chơi nổi một nổi bất hạnh duy nhất, một sự trùng hợp kỳ quặc, trong khi đó Paris rộng lớn biết bao, chợt gặp mặt với vợ mình, cô ấy đi bộ trên đường phố Antin còn bố từ khách sạn bước ra, bố vừa đến đây để làm tăng thêm một vận may vào chùm vận may của bố, do đó bố đã phá vỡ, đúng, Gabriel, bố thề với con, bố đã phá vỡ tan tành những mối quan hệ không chính đáng của bố.

Đúng, con hãy tránh xa đi, Gabriel, và chỉ quay về một khi những điều bất trắc do truyền nhiễm bị dập tắt.

Con cho phép bố được có một lời khuyên cuối cùng, Gabriel, trước khi sống xa con một thời gian dài. Con thận trọng với loại cá candiru bé tí xíu. Chúng chui vào mọi đường lỗ phía trước và phía sau, Gabriel, và trú trong cơ thể, chúng gây nhiễm trùng chết người. Một người bố phải nói với con điều đó một cách chính xác mang tính khoa học, Gabriel, con nghe rõ chứ, một cách khoa học: cá candiru có thể lọt vào đường tiểu tiện và bơi ngược lên bọng đái. Tất cả các bác sỹ nghiêm túc khuyên nếu muốn sống sót ở Amazonie thì phải dùng bình đi tiểu ban đêm.

Bố Louis những ngày xa xưa của con không chịu hạ tay đầu hàng, bố sẽ bắt đầu cuộc đời từ số không, một lần nữa, và trước khi thắng được số phận rủi và giới thiệu với con hình bóng một con người

thanh thản trong cuộc đời hôn lễ thành công, hình bóng mà mọi người trai làm phận con đều tự hào, bố biết điều đó, bố ôm hôn con.

2) Bà Godin des adonais

Tác phẩm nổi tiếng *Relations abrégée d'un voyage fait à l'intérieur de l'Amérique méridionale* của ông de La Condamine, nhân vật thân thiết với con tim tôi, vì chính ông đã đưa cao su vào châu Âu. Mới đọc thì đây chỉ là một câu chuyện về địa lý, phong phú về những nhân vật tự nhiên và hoang dã. Chỉ cần đọc qua phần lời bạt, nếu ít ra người ta có được cái may như tôi là có trong tay bản hiếm quý của Macstricht (1778). Tiếp đến là câu chuyện cảm động vô cùng của bà Goldin des Odonais: “ Một cuộc phiêu lưu khủng khiếp của một người đàn bà dễ thương, lớn lên trong cảnh sung túc, nhưng do quá thiếu thận trọng, đã bị rơi vào một trong các khu rừng rậm không thể lọt vào được, làm đủ mọi thứ cảnh khủng khiếp của đói, khát và mệt mỏi, bà đã lang thang giữa chốn hoang vu suốt bao ngày trời, sau khi chứng kiến bảy người thở hắt qua đời và cuối cùng có mỗi mình bà thoát qua mọi mối hiểm nguy đó một cách có thể nói, kỳ diệu”. Bà Goldin des Odonais là một phụ nữ có chồng, như Clara. Tất nhiên có hai sự khác biệt: thời đại, vì cuộc phiêu lưu ghê sợ này diễn ra vào năm 1769. Và tình cảm: bà vừa nói đến đã vượt qua toàn bộ cánh rừng Amazonie ở Riobamba (thị trấn Quito, xích đạo) để tới Đại Tây Dương gặp chồng đang đảm nhiệm công việc ở Cayenne. Đọc một tiểu sử là điều bổ ích vô cùng. Vào những lúc khó khăn, ta phải bầu víu vào những con người tiền bối. Họ kéo ta ra khỏi cái vỏ của ta, từ từ từng tí một, không phải là không bị vỡ toác, như cặp bò kéo chiếc xe ra khỏi bùn lầy (ấy là ví dụ vậy). Một khi cái nguyên tắc hoa mỹ này được khẳng định (các nhà viết tiểu sử đời đời sống mãi) thì sẽ có dấu giáng: chắc là sự táo bạo của bà Godin des Odonais mang đầy tính lạc quan, có những người phụ nữ thực sự thương yêu chồng mình, nhưng tôi phải nhận rõ sự hiển nhiên: Clara không nằm trong số phụ nữ này.

Ngày 19 tháng Bảy

Diễn hình của hành khách: senor Pizarro, con cháu của Francisco Pizarro vĩ đại. Ông ta đến đòi được hưởng quyền của mình về Pérou. Ông ta được mọi người xem các giấy tờ, giấy chứng nhận của công chứng viên người Italia (vì Pizarro là người Italia). Con cháu thì hiển nhiên: dòng họ trực tiếp. Xem ra, chiều đãi viên báo, hằng năm còn cả tá những ông như thế này đi ngược dòng sông Amazonic để đòi được hưởng quyền thừa kế của họ, những sénores Pizarro, Cortes, Almagro...

Ngày 20 tháng Bảy

Hôm nay con tàu chạy cùng một lúc trên hai dòng sông. Một dòng sông bên mạn trái màu đỏ quạch quen thuộc. Và một dòng sông bên mạn phải đen như than. Khách du lịch rất vui thích, quên cả cái nóng, và vỗ tay.

- Nhìn kìa,Ồ! Nhìn kìa, nước không hòa vào nhau.

Viên quản lý tàu nhún vai, chẳng có gì phải hốt hoảng, dòng nước đen từ Colombia (Rio Negro) đổ về, còn dòng nước đỏ quạch là từ Pérou (Rio Solimoes) đổ về.

- Tuyệt vời quá! - Một người phụ nữ tóc vàng hoe đội mũ cói nhỏ thốt lên. Chị ta chỉ còn thiếu nước ngất xỉu vì say mê Brésil khi thấy xuất hiện điều lạ lùng thứ hai, những con cá heo nước ngọt. Chúng bơi lội và nhảy nhót cao trên mặt nước đúng ngay tại vùng vạch biên phân màu. Cứ như thể chúng muốn khâu chắp hai con sông lại với nhau.

Ngày 21 tháng Bảy

Manaus đây rồi! Thành phố không có kè cảng. Do mực nước sông Amazonie lúc dâng cao và lúc rút chênh nhau đến mười ba mét giữa mùa đông và mùa hè. Cảng được ghép bằng các ụ nổi nên cứ dập dềnh và chao đi đảo lại dưới mỗi bước chân, cũng chông chênh như thị giá của cao su. Rừng rậm giành giật lại đất đai đã bị mất. Cỏ cao

bóp nghẹt các đường đi dạo, các cây gòn cày sâu những hàng hiên, bạch đàn phá vỡ các cửa chớp, các cây dây leo cuốn chặt những cây đèn đường... Khu vực duy nhất đội quân thực vật không dám lân lan bén mảng mạnh mẽ nằm giữa nhà thờ và các nhà kho, một vài ngõ hẻm có chợ, nên không đủ sức, đành cam chịu. Đám đông bước chậm rãi, họ thần thờ chen chúc nhau. Sinh ra ở phương Bắc, khuôn mặt dài vẻ sùng bái người da đỏ ngây dại, nước da màu cá hồi sẫm, đi lại trong thế giới của họ và luôn xô đẩy nhau, vài người Slave để râu, da vàng như bia, người Trung Hoa đỏ đây, những người duy nhất chạy lon ton và còn một loại người khác có thể nhận ra ngay lập tức, chẳng còn dòng giống cũng như màu da, trông họ mệt mỏi và kiệt sức, họ vừa thoát khỏi rừng rú, ánh mắt nhón nhác đúng là của những người trở về từ một cõi sâu thẳm.

Khách hàng, đám khách hàng thăm hại, đi đi lại lại giữa các sạp, không dừng lại, trước những cặp mắt nửa bức tức, nửa thất vọng của các nhà buôn từ Cận Đông tới ngay sau những tiếng vang vọng đầu tiên của cuộc lộn xộn, những người Liban, người Syrie, người Ai Cập, có lối sống của người bị giết, bị cái nóng và việc làm ăn tồi bại giết, khăn tay không rời khỏi mặt, luôn tay thấm mồ hôi, luôn miệng lẩm bẩm, họ luôn khua tay vung mạnh trong không gian để thúc đẩy công việc buôn bán, để những người không mua gì nhường chỗ cho những người khác, đi đi, nào đi đi, xin mời quý ông, quý bà, hãy coi các đồng hồ của tôi đây này, tôi bán vốn đây, loại đảm bảo chạy ba kim, ai mua đồng hồ của tôi nào, đừng để thời gian trôi đi lẻ loi, mời các quý bà, xin mời các quý bà đưa mắt nhìn gương, các quý bà sẽ thấy mình như ánh mắt người đàn ông đang nhìn... Vào những giây thời gian đều đặn, họ giơ nắm đấm dọa mấy kẻ cạnh tranh nhỏ mọn, những người ngồi xổm, chỉ có được mỗi tấm thảm nhỏ trải trước mặt, ngồi trên đất lấm bụi, bày thừa thớt vài thứ lật vật, dây giày, cúc, kim, hoặc dọa mấy kẻ đi lang thang, mấy kẻ bán rong, đánh giày, bán nước, bán bánh ngô, ảnh thánh, những bản đàn bè âm nhạc, những con dao bỏ túi nhiều lưỡi của Thụy Sĩ, lồng chim, khi rao hàng họ rất rụt rè tạ tội Thánh Sebastien có màu tình địch với muỗi: cỡ nhỏ: 1 ngàn râyxo^[15], cỡ to: 2 ngàn râyxo. Thánh Otacilia chữa khỏi bệnh táo bón, ảnh cỡ nhỏ: 2 ngàn râyxo... cầu phúc ban lành cho bạn...

Lang thang hồi lâu giữa cái chợ kỳ lạ không tiền bạc này, giữa đám người vô tích sự này, ta hiểu ra rằng công việc buôn bán, dù buôn bán tay trắng, không tiền, là một cách để kháng cự với rừng rú. Để chứng tỏ cho nó thấy rõ, chúng ta cũng vậy, những con người, chúng ta biết cách sống quần chặt lấy nhau, chúng ta có các bãi cây nhỏ của mình, những trao đổi, những biến hóa của riêng ta. Ta nên biết rõ điều đó: Manus là một thành phố bị vây hãm. Chợ là mảnh đất kháng cự cuối cùng chống lại Màu Xanh Lá Cây.

Ngày 22 tháng Bảy

Đối với tất cả những ai đui mù trong thành phố và cả với những người lơ đãng, senhor Guihermo Moreira là một công chứng viên, một công chứng viên tỉ mỉ, uyên bác trong việc soạn thảo các văn bản chứng thực và nhấn tâm trong việc thu nợ, một công chứng viên đã có vợ, hai con lớn, con cả Joaquin tập sự về triết học ở Cambridge (Magdalene College), con thứ hai Enrique, tập sự được ủy quyền ở Wall Street (Drexel, Morgan and Co), công chứng viên thận trọng, không béo ú cũng chẳng còm nhom. Và lần cuối cùng người ta thấy ông bước qua cửa lầu xanh “ Place Blanche”, một chốn nổi tiếng ở thành phố Libania, vào cái đêm mờ hôi cứ đổ xâm xấp, khi con quỷ trong tất cả dân thành phố Manaus, ngay cả lũ quỷ ru rú nhất, lũ quỷ lù đù nhất cũng đều choàng thức giấc và đã ngự trị thành phố mãi tận tới khi trời nổi đông (ba giờ sáng). Nhưng do suốt cái đêm ấy chẳng ai giữ được tấm lòng trắng trong, như tất cả mọi con người, già hoặc trẻ, đàn bà hoặc đàn ông, người thì bị bắt gặp đứng bên bờ sông giữa một lũ trẻ trần truồng, kẻ thì cặp kè một ai ai đó ngồi nhún nhảy trên chiếc xe ngựa thuê dừng trước nhà hát, tựa hồ ai nấy đều đắm mình trong cảnh vô phương cứu vãn, thành phố đã ký một loại thỏa ước ngầm, một hợp đồng lãng quên cực lớn, nhờ vậy ông công chức viên G. Moreira mới giữ được quy chế không chệ vào đâu được của mình. Đối với những người khác, những người tò mò, những người biết chấp nổi từng mẩu từng mẩu những điều thật nhỏ nhoi, chẳng hạn như sự rối loạn của một người đàn ông vào một ngày Chủ nhật hoặc cái thú của ông đối với giấy kẻ

ô ly, đối với tất những người này, họ biết rằng senhor G. Moreira trước khi là một người bố hoặc đức ông chồng hoặc công chứng viên, thì đã là một nhà thực chứng. Và thành viên của trên cả tá các hội kín, tất cả đều hướng vào một mục tiêu: sự tiến bộ. Và ba lần tôi gõ cửa văn phòng của ông, ngày 22 tháng Mười năm 1914 ấy, đã khẳng định ý kiến này theo phương trình sau đây: những cử chỉ điên khùng = người Pháp = Auguste Comte = người thực chứng = công chứng viên Moreira.

Tôi đứng đợi trên ngưỡng cửa. Khiêm tốn, ánh mắt nhìn xuống, như tôi đã biết cách xử sự trong những dịp đại sự, cô gái rất trẻ đi tất ngắn trắng.

- Cứ vào, - ông công chứng viên lớn tiếng báo, - Cứ vào đi, tất cả những ai từ đất nước của Descartes và Lavoisier tới đều được nồng nhiệt đón tiếp...

Bước vào một căn phòng khách đã thấy có bốn người, bốn người đàn ông, vẻ nghiêm nghị, tuy vậy họ đều dang rộng tay. Tiếp theo là một cảnh gây bối rối, một sự chùng chát những lời cảm kích khâm phục dưới chân đất nước già cỗi của chúng ta, mẫu quốc Pháp của nghệ thuật và luật pháp, tổ quốc Pháp của các quy nạp và khẩu trừ, bà đỡ Pháp cho nền dân chủ... Montesquieu, Robespierre, Victor Hugo (v.v).

Rất ngỡ ngàng ngịu, tôi nhìn chằm chằm lúc mũi giày của mình, lúc bệ cửa sổ. Người ta đang chắt lên xe bò một kim tự tháp nhỏ của Kheops và tượng Nhân Sư, làm ba khúc, cảnh bài trí ở Aida xem ra rất ọp ẹp. Cuối cùng cái chuỗi lải nhải ấy ngừng tuôn. Biết bao lời ngọt ngào làm không khí trở thành một thứ nước xi rô.

- Thế nào, ông bạn người Pháp thân mến, ông đã nhìn Brésil bằng cặp mắt mới, ông cứ thẳng thắn cho chúng tôi biết, ông cho rằng chúng tôi có thể phần nào lập lại trật tự trong các xứ sở nhiệt đới của chúng tôi không?

- Ô! Như các ông đã biết đấy, tôi vừa chân ướt chân ráo...

- Xin mời ông cứ cho biết.

- Nếu vậy tôi sẽ xin phát biểu nhưng tất nhiên đây chỉ là một ý kiến, tôi xin mạn phép nói rằng các ông sẽ gặp khó khăn, nhưng chắc chắn các ông sẽ thành công, các ông phải dốc lòng can đảm, vì, biết nói ra sao nhỉ, cuộc sống ở đây, có lẽ tôi dùng từ chưa chính xác, đúng, cuộc sống ở đây, chính điều đó rất gần gũi với tình cảm của tôi, cuộc sống ở chỗ các ông là cực quyền.

- Cực quyền à? Cực quyền như một nền độc tài?

- Cực quyền. Tôi chẳng phải là một nhà hóa học, nhưng xem ra tôi đoán được cấu tạo của châu Âu, những tỷ lệ của rượu cốc tai: ba phần gần bằng nhau, một phần ba rượu, một phần là cái chết hoặc hơn một chút và một phần ba là lực trung gian, chẳng phải sự sống lẫn cái chết, chẳng phải sự đi lên cũng như sức ì tại chỗ: sự chờ đợi. Ít ra châu Âu tạo thành một phần ba sự chờ đợi. Hoa đợi trước khi mọc, những xác chết trước khi rửa, các cuộc tình đợi trước khi ôm hôn.

- Rất, rất kích thích tinh thần, xin mời ông cứ nói tiếp đi, cốc của ông vẫn đầy như ý chứ?

- Ở đây chỉ có sự đợi chờ, còn chẳng có gì khác nữa. Các ông có 99% là cuộc sống, 1% là cái chết, 0% là sự chờ đợi. Các ông cứ nhìn những xác chết ấy, vừa tắt thở, chúng rửa ngay, như cuộc đời nuối tiếc rằng đã nhượng bộ một tấc đất cho cái chết. Xin các ông bỏ quá cho thí dụ rừng rợn này, nhưng chúng ta là những nhà khoa học, đúng không nào...

Cử tọa theo thuyết thực chứng tán thành, mơ mộng mỉm cười, “chất bồi bổ tinh thần!” họ lăm bằm, những viễn cảnh quý hiếm.

Tôi thấy hồ thẹn là đã lảm lời như vậy. Sau ngày Clara bỏ đi, động nháp chút rượu uyxki là tôi trở nên lảm lời. Tôi thấy đầu óc mình tràn

ngập những lý luận, những bài học mở đầu, những lời giải thích toàn bộ thể giới, tôi cứ nói hoài, mỗi lúc một thấy hứng thú, tin tưởng, bụng chắc mẩm rằng Clara sẽ ba chân bốn cẳng quay về để sẻ san cuộc đời với một người có tài kể chuyện sắc bén. Sau hàng giờ lý luận suông, tôi quay trở về trái đất. Rõ ràng rằng các nhà thực chứng chờ đợi một điều gì đấy. Tôi tìm kiếm, tìm kiếm, tôi hoàn toàn quên mất điểm xuất phát. Ngay từ đó, làm sao tìm được cách đi đến đích tốt đẹp? Cuối cùng sau một lúc im lặng đến khó chịu, tôi đã lần ra được lối đi. "... Và qua tất cả những điều đó, ta có thể rút ra được kết luận, các bạn thân mến, rằng các bạn sẽ thành công trong ý định lập trật tự của các bạn. Nước Pháp, mẫu quốc của luật pháp, cách đây không lâu, cũng mọc đầy lông như Amzonie của các bạn, các bạn đừng quên, phủ đầy rừng...."

Thời tiết này làm tình bạn mọc nhanh như cây cối. Trong hai tiếng đồng hồ, chúng tôi đã trải qua một sự tò mò vô vị về cái mạng lưới mệnh danh là cuộc sống và chết này. Và nhiệt tình giữa chúng tôi bốc đến nổi bầu không khí bên ngoài xem ra khá mát mẻ. Người ta cố vật vã để có được niềm vinh dự cho tôi ở trong nhà mình. Tôi đã ngủ. Clara.

Ngày 24 tháng Bảy

Tôi đẩy cửa và tôi có thể chứng thực: nhà hát ở Manaus thôi hoặc như Levallois, Levallois vào những ngày hè tôi tệ. Khi tất cả lũ ngựa của tất cả các xe ngựa cho thuê ở Paris tè và bĩnh đồng thời một lúc ra đấy. Lũ gà mái nhảy từ ghế này sang ghế kia. Các cây mọc ở khoảng dành cho dàn nhạc. Trên sân khấu, màn kéo rất cao như váy tốc, người ta thấy những vòm cuốn mạng nhện phồng lên như những chiếc váy trong, ba cảnh phong trang trí, piazza của Thọ Cạo, căn phòng của Violetta, khu rừng ở Norma; mấy con chó cầu xé nhau tranh một cái đầu cừu ở ngay hốc người nhắc nhở. Còn ở các phòng diễn viên, cả bầu đoàn các gia đình sống trong đó. Người ta nghe thấy những tiếng gáy o o, những tiếng chiêm chiếp của phụ nữ, một cháu sơ sinh khóc, các con chim cu làm tổ trên chiếc đèn chùm lớn...

Để tránh không xoay lưỡi dao chĩa vào tim các bạn tôi, tôi thích giữ bí mật cuộc viếng thăm này.

Ngày 25 tháng Bảy

Chúng tôi kết thúc ngày của chúng tôi ở quán giải khát Byron, một quán nổi mắc neo ngay trước nhà kho chính. Bạn bè của tôi lần lượt kéo tới, bước đi loạng choạng trên ụ nổi. Bác sĩ Lauro Cavalcante, một bác sĩ về nhi rất nổi tiếng, và một người độc thân, có đời tư khá bí hiểm; một ông chủ tịch mà tôi chẳng biết cả tên lẫn họ, tôi chỉ biết ông là phụ trách câu lạc bộ đua ngựa, câu lạc bộ bóng đá, vườn thú nhiệt đới, thư viện, Hội bơi thuyền, Hội ái hữu ngư dân, dự án bãi đánh golf, cũng bấy nhiêu hội mà ông kể chuyện không dứt về các cuộc hội họp, những khó khăn tài chính và luôn nghĩ đến kết luận: đừng trông cậy vào tôi để mai táng cái câu lạc bộ, cái vườn thú, cái hội, cái ái hữu ấy!... Và Pedrinho Martins, giám đốc Công ty hàng hải Brésil/Peru thường nói tới một cơn sóng khổng lồ pororoca (tiếng của người da đỏ, tiếng gào lớn), nổi lên cứ mười năm một lần ở ngoài biển và ập vào trong sông tới tận Satarem, trên đường đi nó quét sạch trơn trụi; Mgr Macedo, giám mục và một nhà thực chứng, lúc trẻ đã có ý định về một ngôi nhà thờ nổi Christophore, rất cần cho các xứ ở vùng có nước, anh nghĩ sao, anh Gabriel? Và Walid, thương gia người Syrie, người đã lợi dụng lúc suy tàn chung để vơ vét “phần béo bở”, như họ vẫn thường bảo nhau. Những người khác hơi khinh bỉ ông ta một chút, nhưng ủng hộ ý của ông ta: thành lập một hiệp hội phụ để buộc Nhà cầm quyền ban cho vùng Amazonie một địa bạ thực sự. Một chiến dịch không vô tư, Walid độc quyền nhập lưới sắt và dây thép gai, nhưng không có địa bạ, nghĩa là không có quyền sở hữu rạch ròi, làm sao xây dựng được bước tiến bộ?

Thật xót xa thấy giữa ban ngày ban mặt, hội họp không cần dè dặt, những thành viên các hội kín, trước đây, trong thời hỗn loạn của cuộc lộn xộn đã phải ngụy trang còn bây giờ trong thời suy tàn lại

hội họp công khai như những chú cá lớn bị mắc cạn... Chúng tôi cùng nhau bình luận về các tin tức. Ở châu Âu, cuộc chiến sắp bùng nổ. Theo tôi, có lẽ cũng do lòng yêu thương nước Pháp, họ có vẻ mệt mỏi.

- Anh có tin rằng sẽ có rất nhiều người bị chết không, anh Gabriel?

Nhưng một nhà thực chứng là một nhà thực chứng. Tất cả các cuộc chiến tranh đều có tác dụng thúc đẩy việc sản xuất nguyên liệu, nhất là cao su. Do đó tôi bắt gặp ở họ những cử chỉ cho thấy rõ tâm trạng hồ hởi, những phản xạ bộc phát như đột nhiên xoa mạnh hai tay. Hoặc mỉm cười, ánh mắt nhìn lơ đãng như tôi mỗi khi nhớ tới căn phòng 212.

Người ta có thể ngạc nhiên trước việc lựa chọn quán giải khát nổi Byron làm nơi hội họp đám bè bạn của địa bạ. Như vậy là chẳng hiểu gì lịch sử chủ nghĩa lãng mạn ở Amazonie.

Lúc ở châu Âu, vào năm 1820, thị hiếu đương thời xuất phát từ các cơn sốt, sự xanh xao đột ngột, các đêm run bần bật, đám trẻ ở nhiệt đới kêu gào: những triệu chứng đó, thì đây cũng chính là cuộc sống của chúng ta! Căn bệnh thế kỷ của các bạn chỉ là một dạng nhẹ của bệnh sốt rét. Nhiệt liệt chào mừng bạn đến với gia đình của những người run lập cập. Và những lớp trẻ có văn hóa ở Bombay, La Havana, Belem đổ xô tìm đọc các bài của thời sương mù, Ossian, Chateaubriand, Musset, Byron và bắt đầu viết: xin hãy nghe chúng tôi, họ khẩn nài, đừng sao nhãng làn sóng tâm hồn của chúng tôi, chúng tôi cũng xứng đáng với danh hiệu lãng mạn. Nhưng châu Âu cứ tảng lờ. Từ phía Nam tới chỉ có thể là nô lệ, gia vị hoặc đường hoa mơ và những bản thảo nhiệt đới nằm mốc trong kho của các nhà xuất bản ôn hòa... Lòng nặng trĩu nỗi khinh bỉ này, lớp trẻ đó xem xem nên chết theo ai, khi hiểu rõ đây là lá đơn gia nhập câu lạc bộ lãng mạn. Và gương thì sờ sờ ra trước mắt: tháng Ba năm 1823 – ngày 19 tháng Tư năm 1824, George Gordon huân tước Byron rấp tâm giải phóng Hy Lạp. Chỉ còn đợi thời cơ... Sự chờ đợi thật là lâu. Thế mà chủ nghĩa lãng mạn châu Âu đã chết từ lâu lắm rồi, hồi tháng Ba năm 1899 con tàu quân sự Mỹ *Wilmington*, không

hề được phép, đã chạy ngược con sông Amazonie. Lại thật, những người theo phái lãng mạn tự bảo, đây là mối lợi bất ngờ à?

Vào tháng Sáu, một người thích chuyện mạo hiểm, Luiz Galvez Rodrigues de Arias, nhân viên lãnh sự quán Bolivi ở Belem đã bán cho báo *Provincia do Pasa* văn bản hiệp định mật giữa La Paz và Washington: người Mỹ đã phản bội Brésil và đảm bảo với Bolivia các quyền của mình về tỉnh Acre, một mảnh lớn của Amazonie ở chân dãy núi Andes. Con tim những nhà lãng mạn Brésil rộn đập. Liệu họ có phải đương đầu, với Bolivia, với nước Mỹ bá quyền không? Từ đây, họ rời khỏi các căn phòng đầy khói của mình, tập thể dục, tập bơi, đi bộ, để khi mà.... Vào tháng Bảy, Luiz Galvez tự tôn xưng là hoàng đế của Quốc gia độc lập Acre. Các nhà lãng mạn Brésil suýt chết vì thất vọng. Lẽ nào cơ hội đã mất? Lẽ nào một tên nhà báo lưu vong tầm thường đã xoáy mất cuộc phiêu lưu của họ? Đến tháng Chín, họ thở phào: một ngàn lính Bolivia chiếm Acre. Giờ của các thi sĩ đã điếm. Phải đi bảo vệ hoàng đế Galvez. Họ đổ bộ lên một ụ nổi, chính chiếc ụ nổi này, mà vào tháng Một, người ta xây cất quán giải khát Byron. Và trong thời gian đi ngược Rio Purus, họ đọc tờ *Childe Harold* và người nọ trách người kia là đã không báo cho các báo lớn ở châu Âu. Họ gồm 132 người. Họ đều bị tàn sát hết.

Ba tháng sau sự việc khủng khiếp, trang bốn tờ Times và trang sáu tờ *Figaro*, cùng đăng ở mục nhỏ với nội dung như nhau: cao su làm điên đầu? Đã xảy ra một cuộc ẩu đả dữ dội trong rừng giữa các bộ lạc tình địch: 132 người bị thiệt mạng.

Tôi rất thích châu Âu, ông chủ tịch nói với tôi, nhưng phải thú thực...

Ông ta sáng lập một Hiệp hội để công bố tên tuổi các nhà thơ của Acre và hàng năm, vào thời kỳ phân mùa, một đám phụ nữ ném hoa xuống dòng sông đen, ngay trước quán giải khát.

Ngày 27 tháng Bảy

Quà tặng của ông chủ tịch: Đại lịch thực chứng.

- Sự thiết lập địa bạ ở Amazonie là một hoạt động hữu ích, anh Gabriel, thậm chí là cần thiết. Nhưng chỉ là một bước tiến rất nhỏ so với dự kiến thực sự của chúng tôi. Lịch Thiên chúa chẳng nói được gì ngoài cả đồng những thánh và những họ đưa vào một cách không chủ định. Phải thay nó, đây là cách suy nhất nếu người ta muốn từng ngày từng ngày tạo cho con người tình cảm thấm thiết với tiến bộ. Trong cuốn lịch của chúng tôi anh thấy đây, chẳng hạn, Byron ở ngày thứ 27, tháng thứ Tám. Anh thấy nước Pháp không cô đơn trong cuộc chiến đấu cho Lễ Phải.

Ngày tháng bao nhiêu?

Biết ghi những giấc mơ này vào ngày tháng bao nhiêu? Thời gian của họ có như của chúng ta không, với những tháng Bảy, ngày có số, năm nhuận? Hoặc họ từ một nơi khác tới, từ một thiên hà khác không có đồng hồ, không có nhãn ở quanh cổ?

Gabriel, mặc áo dài trắng, đối mặt với một ban hội thẩm, ban tham mưu thực chứng mặc y phục đỏ và đầu đội tóc giả theo kiểu các thẩm phán. Anh. Anh đàm phán cải cách một phần Đại lịch. Không biết tôi có dám mạn phép yêu cầu ông, thưa ông chủ tịch thay nhạc sĩ Bacchini bằng Knight Markus, nữ thánh Pulquerie bằng Clara và Cromwell bằng Ann, ông biết rồi, đây là em gái người vợ rất trẻ của tôi? Ông chủ tịch làm râm với các bạn đồng nghiệp của mình, lâu vô tận... Walid người Syrie xem ra có thái độ rất ngập ngừng. Cuối cùng họ chấp thuận, gật, gật đầu cứ như thể bị một cơn gió lớn quất từ phía sau không bằng. Tiếng bút lông ngỗng kêu sào sạo trên văn bản sửa đổi cuối cùng làm tôi tỉnh dậy...

Tháng Tám

Màu xanh, màu của Hy vọng. Bước vào lực lượng dữ trữ lớn của thế giới các màu Hy vọng.

Thuyền trưởng của chúng tôi là người có bản chất thiếu nhẫn nại. Ông không thể chịu đựng nổi những tình tiết lắt léo.

- Đừng ngại, tôi biết một con đường tắt. Vừa khởi hành, ông ta đã xoay ngay hết bánh lái sang trái. Và con tàu thủy nhỏ xíu gaiola, lợi dụng lúc nước dâng cao, đã rời lòng sông và lao mũi thẳng vào rừng, chọc thủng thành lũy gồm lá cây và dây leo giữa tiếng ầm ầm như một chú hươu vọt chạy qua. Từ lúc đó là cảnh tranh tối tranh sáng, cây cối ngổn ngang, cảnh ngự trị của màu xanh lục, của nước bốc mùi hôi thối, của rêu phong và cây sùng to tướng, của sương mù vương trên các cành cây, côn trùng trôi nổi. Chúng tôi lênh đênh giữa những cây bị nhận chìm, ngay dưới các ngọn cây có bầy khỉ vô hình đang chí chọe đánh nhau. Cư dân bị ngập lụt nhìn chúng tôi đi ngang qua không hề bày tỏ vẻ gì, cũng chẳng hề có cử chỉ biểu lộ gì: những người lai chân đứng ngập nước ngay trước nhà họ, những người trồng rau sà lách trên thuyền đổ đất gần lưng khoang, trẻ con trú trong những ổ đại loại như tổ cò, bò có lông thú vục đầu xuống nước gặm cỏ dưới đáy rồi bơi về các bè – chuồng, và một cha cố; một mình đứng trên đỉnh gò nhỏ xíu: cha đang đọc kinh trước một đám thuyền độc mộc. Tàu kéo theo một đám cỏ, hai con cò bạch và lũ cò thìa đang đậu mỏ...

Ban đêm phải áp chặt lòng bàn tay vào hai tai. Cả khu rừng rậm gầm thét hoảng hốt. Nó run rẩy, khắp cả cơ thể nứt toác, rã ra vào nhau lập cập. Cư dân ở dưới các tán cây đã mất đi vẻ lộng lẫy của mình, những con vật mà suốt cả ngày chẳng thấy lộ ra, hàng ngàn con, những sâu bọ, rắn rết, các con mèo hoang có đốm, các con gặm nhấm, lũ vẹt Ara đỏ, lũ ở ẩn, bầy dọa dẫm, tất tật, chúng thi nhau gầm gào đến rách phổi, vỡ họng, mỗi loài một giọng điệu, con quàng quặc, con chiêm chiêm, con gầm rú cứ như thể chúng cố thoát khỏi lũ ma quỷ... Đột nhiên chúng im bật, chúng nghỉ lấy hơi. Chúng im lặng suy ngẫm. Cảnh vật chỉ bị khuấy động trước tiếng nước chảy, tiếng con cá đớp mồi, những tiếng chim kêu dài, tiếng chim gù ở ngay kề sát bên con tàu, tiếng mổ chim mổ thân cây. Và

rồi nổi sợ lại nổi lên, dữ dội hơn, một cơn sóng ngầm, những tiếng sủa, tiếng kêu thất thanh, có kẻ ra tay tàn sát ngay đầu đây, nó xé tan đôi cánh, thế gian bị phanh thây... một cảnh hỗn loạn thực sự của chúng sinh. Rừng để lộ rõ bản chất thực sự của nó, về ban đêm còn ghê rợn hơn cảnh hãi hùng ban ngày. Phải vỗ an nó. Nhưng biết tìm đâu ra lời, những điệu hát ru vỗ về Amazonie? Sáng ra, cảnh vật lại trở nên tĩnh lặng.

Nhện chẳng tơ suốt đêm, tàu, gaiolo bị cuốn trong những mạng nhện bất kỳ động tác nào đều phải lọt qua những tấm màn đỏ và những tấm màn trong mờ. Cuộc sống, đã bất động, lại còn chậm rãi hơn nữa, mềm yếu. Bướm bướm ló ra vào đầu buổi chiều, hàng trăm con, vàng óng và xanh lơ. Chúng bay quanh đầu thuyền trưởng, tựa một chiếc mũ rộng vành sombrero di động khổng lồ, sau đó chúng bay đi mất. Thuyền trưởng đứng thẳng người lên và mỉm cười:

- Đây là một dấu hiệu đầy, anh Gabriel, ta đã chọn đúng con đường tắt.

Con tàu gaiolo dừng một lúc ở giữa đại loại một dòng suối. Nước sạch và trong veo có thể nhìn xuyên suốt tám hoặc mười mét dưới đáy, nền đất của rừng, một gốc cây bị đổ, một nút bụi rậm...

- Nghe này, nghe này. (Nhà ham thích những đoạn đường rút ngắn thò đầu ra ngoài bờ thành tàu. Người ta nghe thấy những tiếng rì rầm, tựa như từ dưới nước vọng lên).

Ông bắt liên lạc với các thế giới ở bên dưới kia. Theo ông các làng mạc bị chìm ngập vẫn tồn tại, gà mái vẫn cục cục, chó vẫn sủa, nghe này, chỉ cần đồng tai lên.

Nhưng trên tàu chẳng ai quan tâm đến các thế giới ở bên dưới kia. Một người cao lừng lững không hề nhúc nhích rời khỏi chỗ suốt ngày, cứ đứng dán chặt mắt vào ống nhòm. Chốc chốc, ông ta giật nảy người, giơ ngón tay chỉ một điểm giữa các đám lá. Ông ta tìm kiếm các cây phong lan dại, cây biểu sinh, mọc trên những ngọn cây và đem về London bán đấu giá ở Christie và Sotheby vớ bẫm. Mỗi

lần thấy một loại đang cần tìm, ông ta cứ những muốn con tàu quay lại. Thuyền trưởng từ chối: đường tắt là đường tắt.

Hai hành khách khác là người Anh, các chuyên gia về tôn giáo cổ (Christ College), các nhà sưu tầm những vật sáng tạo ra thế giới.

a) Tupakan sinh ra mặt trời, mặt trời sinh ra trái đất.

b) Tupakan thổi trái đất bay vào cõi vô biên.

c) Mặt trời không muốn xa con gái mình nài nỉ Tupakan đừng đẩy mình đi quá xa.

d) Chúa chấp nhận và ra lệnh cho trái đất dừng lại chỗ hiện nay của nó

đ) Trái đất, con gái mặt trời, tạo nên từ lửa. Tupakan dội mưa xuống cô ta suốt một ngàn năm để cô ta nguội lạnh. Sau đó yêu cầu mặt trời rơi vào cô ta cứ sau mười hai giờ lại rơi mười hai giờ, để sưởi ấm cho cô ta...

Suốt ngày mấy người Anh chỉ ru rú trong ca bin của họ sắp xếp các phiếu và chỉ chiều tối mới bước ra để nhờ tôi làm chứng:

- Không gì đẹp hơn một tạo vật tạo nên thế giới, ông có nhận thấy vậy không, ông Gabriel?

Ngày 12 tháng Tám

Đột nhiên giữa các đám cây xuất hiện một con tàu trắng. Những tiếng gọi. Anh thủy thủ trẻ Ze Alphonso kéo chuông. Không có hiệu quả. Không một tiếng trả lời nào ngoài tiếng cánh vỗ xào xạc, tiếng ồn ào lớn của bầy chim. Chúng tôi ngoằn ngoèo tiến lại gần. Con tàu nằm im bất động, mắc cạn trên một loại ụ đất. Những con diệc và

dang màu đỏ đậu trên bờ thành tàu, đứng thật nghiêm bỗng súng chào đón chúng tôi.

Lời bình luận của thuyền trưởng: chẳng nên đòi hỏi quá nhiều ở các đoạn đường tắt.

Ngày 14 tháng Tám

Ngày thứ mười bốn lao vào vùng cây xanh. Sự phục thù từ xa của các người vợ, các bà mẹ và mẹ vợ đã trách cứ biết bao cái giống đàn ông không thích rau tươi như họ đáng được hưởng. Tất cả các sắc độ của Màu Xanh, từ kim cương đến vật nhơ nhớp, từ ngọc lục bào đến phân ngỗng, tất cả đều có Màu Xanh hoặc từ Màu Xanh mà ra cả, các thân cây, dây leo, các loài thực vật mọc trên mặt nước, nấm, côn trùng, thuyền độc mộc bỏ hoang. Nước chỉ còn là một chiếc lá rộng, sẫm màu và ẻo lả, khép chặt lại khi con tàu vừa đi qua, còn không khí ẩm ướt như thành phần chất lỏng để cũng chứng tỏ uy quyền của mình học đòi cây cối vươn lên trời. Màu Xanh, chứng khó tiêu, chứng buồn nôn Màu Xanh, sự khùng khiếp Màu Xanh. Thuyền trưởng biết rõ sự bất ổn định của hành khách khi lọt vào vùng này: ông cố hết sức trấn an họ, bằng cách chỉ tay về hướng các màu khác, ô! Các bạn hãy nhìn cánh đồng hoa nhài màu xanh lơ kia kìa, ô! Vẹt Macao màu đỏ, nhưng khi vừa ngược mắt nhìn, chúng đã bay biến. Màu Xanh đã ăn ngấu nghiến chúng, tằm màn màu xanh lục đã buông. Và ông đi săn hoa trở nên cáu bẳn. Ông ta chẳng rình mấy cây phong lan qua ống nhòm nữa, ông ta cố phát hiện những đường hầm qua các bãi cây nhỏ, những đường lạch có thể được đào bới. Ông ta luôn mồm vặn hỏi ông thuyền trưởng khốn khổ, cứ cầm ve áo bộ đồng phục cũ lác lác, cái con đường rút ngắn của anh, còn dài nữa không? Anh phải ăn tươi nuốt sống, cái con đường rút ngắn của anh!...

Ngược lại, mấy người Anh rất thú vị. Họ cứ nghĩ mình đang ở trong Kinh thánh. “Tinh thần của Chúa được chuyển xuống nước...”

Và chúa phân tách nước dưới bầu trời với tất cả những gì ở phía trên bầu trời”...

Ông nghĩ thế nào, ông Gabriel, đây là sách Sáng Thế, đúng không ông Gabriel? Đúng là chúng ta đang theo Sách Sáng Thế.... “ Mong rằng tất cả nước dưới bầu trời tụ lại một nơi và yếu tố khô cần xuất hiện”... Không, Amazonie thậm chí có trước Sách Sáng Thế... Anh nghĩ sao Wolseley, khi viết lời nói đầu của Sách Sáng Thế? Và họ vỗ tay, đóng cửa ru rú trong ca bin của họ, tổ chức những lễ rất nghịch đạo để chào mừng sự kiện, ấy là như tôi được nghe nói.

Tôi chia sẻ nhiệt tình này. Tôi, tôi không ở trong Kinh thánh, tôi ở trong bụng. Khu rừng này là một cái bụng. Tôi lắng nghe mạch của cái bụng đó, tôi lắng nghe sự liên minh dữ tợn giữa các loài cây và nước để sản sinh, sản sinh, luôn luôn sản sinh. Tôi đang ở trong vùng thất lạng của đất, tôi cảm nhận rõ những chấn động của nó rất chậm, rất nhẹ nhàng, tôi cảm nhận thấy rõ những sự co rặn của sản phụ, sản phụ có tuổi vừa kiên nhẫn lại dễ dãi. Tôi cứ những muốn ở lại trong bụng. Nơi đây không có sự chết, chỉ có sự sống, nơi đây cái chết chỉ là một khuôn mặt của sự sống, sự sống cứ tiếp diễn và tiếp diễn.

Ngày 16 tháng Tám.

Sự thiếu vắng là màu xanh lá cây. Sự thiếu vắng như một khu rừng. Sự thiếu vắng như một sự thổi rửa. Cũng màu xanh lá cây như dòng sông Amazonie. Cũng tục tũn trong khả năng sinh sản. Mơ ước được yên thân với cuộc đời. Mơ ước một cái chết hoàn toàn, chết hẳn, VÔ ÍCH, một cái chết mà sẽ không được ai nuôi dưỡng, thậm chí cả dòi cũng không. Mơ ước cái chết của chiếc bụng xanh lá cây.

Ngày 17 tháng Tám.

Giữa đêm, ngạc nhiên thấy thuyền trưởng quỳ phục trên cầu tàu: Thánh Christophe Colomb xin Ngài cứu giúp con.

Ngày 18 tháng Tám.

Ước nguyện đã đạt. Quay về đột ngột với ánh sáng. Ánh sáng gấp đôi của con sông, màu trắng đục của nền trời mới phát hiện ra hơi nóng, đỏ quạch của dòng nước nơi bốc lên hơi nóng, trần và đáy của lò.

Thuyền trưởng rời bánh lái, yêu cầu chúng tôi chấp tay:

- Cảm ơn Thượng đế, xin hẹn sang năm.

Ông ta mỗi năm chỉ mạo hiểm vào một con đường tắt. Chúng tôi tiến gần tới đồn điền đầu tiên của tôi. Tuy hơi nóng cùng cực, tôi cảm thấy mình trần trụi và tôi rùng mình, tôi ở lại chưa lâu trong Màu Xanh, nơi mọi vật và sinh vật sinh sản ra nhau, nơi chuẩn bị kỹ những cuộc phục sinh. Bầu trời trắng trơn, dòng sông trắng trơn. Tôi còn cần sáng tạo thế giới. Tôi để cả ngày cuối cùng của mình ngồi lì trong ca bin của mình, tai dán chặt vào vách, tôi chia sẻ với mấy người Anh. Và tôi nghe, tôi nghe, tôi thêm vững tâm lấy lại lòng can đảm.

Mặt trăng và mặt trời là hai anh em sinh đôi nhân từ uốn nắn lại những khuyết tật của Vũ trụ và chở che những người sáng tác ra những câu pha trò của Tạo hóa. Sự tưởng tượng được sùng bái của nó: cảm cái gậy của nó (một con rắn – rễ cây lách luôn rất tài tình) vào cái lỗ nhỏ nhất của con người đi ngang qua nằm trong tầm của nó...

Mặt trăng và Mặt trời, theo các nhà chuyên gia ở ca bin bên cạnh, đã mạo hiểm bứt khỏi đất những con rắn chết tiệt ấy, để ghép vào nơi như chúng ta đã biết, ghép vào nơi mà cậu rất thích mút biết bao. Wolseley, đừng nói bậy như vậy, William. Sự thụt lui thụt tới của cái hình trụ cường tráng này được nảy sinh như vậy...

Tôi nhìn giới vật của tôi với vẻ thích thú mới. Chà một nguyên mẫu thật là đẹp!

Phần tiếp theo tập ghi chép của Gabriel đã thô bạo tước bỏ mất tính chất trữ tình. Từ chổi tháng Tám đến tháng Chạp, tập này chỉ là một bản báo cáo buồn tẻ của một kỹ sư, ngộp các con số, sản lượng từng đồn điền một^[16], tháng qua tháng, tổng số tiền nợ của những người đã chết và bỏ trốn (người ta biết nguyên quán của họ, ở Nordeste: công ty dự tính đánh thuế họ, theo cách liên đới), tài khoản các cửa hàng, những giả thuyết khả năng sinh lợi, tùy theo thị giá của cao su...

Khô khan và chính xác. Cứ như thể từ nay đã lọt được vào tâm thiên hướng của anh, cao su, Gabriel muốn tự bảo vệ. Hoặc anh tỏ vẻ quan trọng. Anh đã từ bỏ phận làm người CÓ THẨM QUYỀN.

Do đó những trang và những trang này không có tâm hồn, không một lời nào đã động đến những con người ấy, đã bị bứt ra khỏi bờ biển. Fortaleza, Pernambuco, São Luis, và bị Màu Xanh cầm tù suốt từ hồi đầu thời rối ren. Không một lời về cuộc đời màu xanh lá cây. Bốn tiếng đồng hồ cuộc bộ trong đêm tối để rạch thân cây, bốn tiếng đồng hồ cuộc bộ trong buổi sáng để lượm mủ cây, bốn tiếng đồng hồ đứng trong lều để hun khói nhựa mủ, đến hết ngày lại đeo thêm nợ, nợ chồng chất và trói căng vì phải mua ở cửa hàng của Công ty dao nhựa, rượu trắng, lưỡi câu... mà giá cả cứ vọt lên trong khi đó thị giá cao su lại cứ hạ....

Gabriel không đã động gì tới các giám đốc người Bretagne, Nedelec, Cleuziat, Corlouer. Tuy họ đón rước Gabriel như Chúa Cứu Thế. Đã hai năm nay, họ bảo với anh, tôi chưa được quay về thành phố... Họ đưa anh đi xem vật họ khám phá ra được, kể thì là một phát minh của nhà kế toán, người là một vườn rau làm lạnh có thể trồng củ cải... Như vậy là, họ hỏi anh, mắt sáng rực, chúng ta đóng cửa hiệu, tôi có thể lên đường về Pháp chứ?

Gabriel không đáp gì. Chỉ đến chiều tối anh mới ghi vào tập ghi chép: Đồn điền Gustave Eiffel. Giám đốc Nedelec Loic. Đánh giá: thất bại.

Gabriel cũng không ghi chép gì về cây cao su, cây cao chúa tể thân xám và cành lá xanh hàng hàng chạy xa tấp mù tít, cây bị thương, cây mang vết thương đó hàng ngày bị con người rạch ra để bị chảy mủ.

Ta thấy ngượng thay cho Gabriel. Ta nhớ lại tất cả. Họ chờ đợi một lời mà chẳng thấy phát ra. Ta chỉ thú nhận điều đó ra với con. Ngoài ra chẳng ai biết rõ. Tất cả cái phần “có thẩm quyền” đó, ta đã đốt sạch.

Và rồi đột nhiên ngày 12 tháng Giêng năm 1915, sẽ rõ tại sao (chắc hẳn Gabriel cho rằng cuộc thanh tra của mình đã kết thúc), anh tìm lại được tâm hồn. Anh bỏ luôn các con số và lại đắm mình vào rừng.

Ngày 12 tháng Giêng năm 1915

Trong rừng, mọi thứ đều mục rữa. Tất tậ. Lá, cành, thân cây, dây leo. Ngay cả phong lan biểu sinh, loại bám trên các ngọn cây. Người ta cứ nghĩ rằng nó thoát được mọi tai họa trần tục vì luôn được trò chuyện với mặt trời. Nhưng mỗi lúc mình lại càng bắt gặp nhiều hơn, rơi rụng xuống đất, sào huyết của mồi.

Ngày 17 tháng Giêng năm 1915

Cuộc điều tra về chim chóc đã kết thúc, chúng cũng bị thối rữa. Gồm cả loài nhẹ nhất, những con dang đỏ, những con vẹt unas pitangas gubas màu cầu vồng. Người ta không tin rằng nó được cấu

tạo bằng lông, bằng những màu sắc tươi tắn và hơi gió. Vừa nằm xuống đất, chúng như các vật khác, chúng bốc mùi.

Ngày 1 tháng Hai năm 1915

Sáng nay Ze Alphonso đã giết chết một con báo tuyết. Nó chưa chết hẳn mà bộ lông nó đã điểm đốm từng mảng ruồi bâu.

Ngày 3 tháng Hai năm 1915

Đã giải quyết xong với lũ rắn, những thủ thuật của chúng không thể bảo vệ được chúng, hoàn toàn ngược lại: rệp và kiến đánh nhau trong xác chúng.

Ngày 5 tháng Hai năm 1915

Lũ cá chiếm kỷ lục. Một con cá pirarucu mắc cạn trên một rễ cây bị hoàn toàn thổi rửa trong mười tiếng đồng hồ, tôi đã theo dõi tính toán.

Ngày 6 tháng Hai năm 1915

Một tin lớn, bản thân đá, do bị rêu ngón ngấu, đã vỡ bung và trở thành cát bụi. Thế là cát, ngâm nước và không có ánh sáng, vữa ra. Đáng đời những tinh thể nhỏ, ranh mãnh là vậy lại cứ làm bộ làm tịch trắng trong.

Ngày 9 tháng Hai năm 1915

Tôi bỏ mặc bộ đồ ăn hôm qua để xem sao. Sáng nay chúng đã bắt đầu gỉ, rỉ lỗ chỗ. Chẳng thể bỏ vật gì ở một chỗ. Bất kỳ vật gì (có lẽ thậm chí bất kỳ một suy nghĩ nào) cũng đều bị cuốn đi, như được đặt trên một tấm thảm lăn, bị cuốn ra xa khi ta quay lại, đã thay đổi.

Ngày 13 tháng Hai năm 1915

Không kể gì những dáng vẻ bên ngoài, nếu ta biết cách nhìn rõ thì thấy rằng một khu rừng say sưa với tốc độ. Cuộc đời nở rộ, tàn lụi, suy tàn, dừng lại, lại bắt đầu. Cảnh quan gắn bó với nhau, cách bài trí, kể cả con người không thay đổi. Chúng bắt nguồn, nói đúng hơn, cái nọ từ cái kia. Cũng như con vua lại làm vua. Như trong chuyện của Cervantès, giấc mơ nọ sinh ra giấc mơ kia.

Ngày 14 tháng Hai

Còn bản thân thời gian xem ra cũng bị tác động. Các giây cứ kéo dài ra, vô tận, và đột nhiên, những giờ trôi qua, như chẳng hề có chuyện gì. Phải chăng đây là dấu hiệu một cơn sốt trong sự chuyển hóa tạm thời? Bây giờ tôi tin chắc rằng những chương khí cũng nhĩm vào niên đại.

Ngày 17 tháng Hai

Đúng, tất cả đều thối rửa, tôi đã không nghĩ tới ánh sáng. Buổi sáng còn sáng rõ, nó nhạt dần theo mức tích tụ của các giờ. Màu xanh lá cây, xanh lục và sau đó màu đen. Và rồi đêm tối, đêm tối không chỉ là một màu khác, mà là một chốn dành cho sự xôn xao náo động, từ đó phát ra những tiếng động triền miên trong bóng tối, những sức hút, những tiếng vỗ bập bênh vô tận.

Ngày 20 tháng Hai

Tôi vừa tự nhủ rằng nỗi buồn (bức thư của Clara, Em không bỏ anh, anh Gabriel...), nỗi buồn thuộc dòng họ những sự thối rửa. Thối rửa từ từ, thối rửa thận trọng, chỉ thoáng điểm vài giọt nước mắt, màu xanh xám rỉ vào con tim. Sự thối rửa trong trắng, nhưng dấu sao vẫn là sự thối rửa.

Tôi đã cố tích góp cái lạnh ủ kỹ niệm đau buồn (Em không bỏ anh, anh Gabriel..), cố ướp đá tình yêu đã chết, điều cực kỳ khó khăn trong khí hậu này, tất cả những nỗ lực ướp lạnh đó chẳng có tác dụng gì chống lại sức mạnh của khu rừng: cái lạnh đã tan, mình cảm thấy tình yêu sống trở lại từ một xác chết: xôn xao, náo động, phình lên, trước khi hồi lại. Đúng, Clara đã hồi sức .Nhờ có rừng.

Ngày 27 tháng Hai

Tất cả các khu rừng đều là nơi gây thối rữa. Nhưng nó có mức độ, những khu rừng ít phong phú về sự thối rữa (ôn hòa) đến những khu rừng phủ bám nhiều hơn (nhiệt đới, ở xích đạo), thế mà mức độ này tương xứng khớp với sự xuất hiện của cây cao su. Tất nhiên tôi không chỉ nói tới cây cao su hoang dại. Theo những quan sát hiện nay của tôi qua các lớp học về thực vật mà chúng tôi đã từng được bồi dưỡng ở Clermont, tôi nhận thấy có đủ khả năng lập bảng sau, tóm tắt cho tới nay, trình độ kiến thức của tôi:

<i>Loại rừng</i>	<i>Mức độ thối rữa</i>	<i>Sự hiện diện của cây cao su</i>
Ôn đới	Kém	Không có
Xích đạo và nhiệt đới bình thường	Trung bình	Có dấu vết (dây leo, cây nhỏ)
Amazonie	Ưu	Thường thấy cây cao su

Ngày 28 tháng Hai

Tại sao lại có sự tương ứng này giữa cao su và sự thối rữa?

Ngày 2 tháng Ba

Cũng thế. Tại sao?

Ngày 5 tháng Ba

Tôi có ý định thử giải thích. Cao su là gì, ngoại trừ sức bật. Nghĩa là nguyên tắc cốt tử của sự thối rữa, nguyên tắc thay thế cái chết bằng sự sống. Do đó cao su liệu có phải là sự thối rữa thuần túy, chính là cái tính chất của sự thối rữa, *sự thối rữa đặc thù* như vật chứng màu trắng của nhựa mủ. Và hẳn Amazonie đã dấn khá sâu vào sự thối rữa để sản sinh ra *cái tính chất ấy* là cao su. Mình đi sâu vào phân tích hơn nữa. Không có Amazonie, không có sức bật nảy trên Trái đất, không có sức bật nảy: con người một khi bị ngã gục, không thể gượng đứng dậy được. Các câu chuyện như các cuộc hành trình hoặc các cuộc tình sẽ tắt hẳn.

Amaznie là động lực của trái đất.

Ngày 22 tháng Ba

Sáng nay, lúc ngủ dậy, mình thấy một mẩu giấy nằm dưới tách nước chè, trên ghi câu trích của Quevedo trong Les Soges: "và điều mà bạn gọi là chết là sự kết thúc của cái chết, và điều bạn gọi là nảy sinh nghĩa là bắt đầu chết, và điều bạn gọi là sống nghĩa là chết trong khi sống".

Món quà này , vô giá, do ai đưa tôi? Do cha Pettorelli, người đón tiếp tôi ở đây tại Porto Velho? Hay do cha Carpentier(lại một người Bretagne)? Tôi chưa được gặp cha nhưng tôi biết rằng cha đang ở trong nhà.

Ngày 8 tháng Tư

Đường quay về. Ngày ló rạng. Thoạt đầu trong suốt, màu đen của không khí mờ nhạt dần, bờ sông hiện rõ, các cành lá xen nhau, cây cối xuất hiện dần dần rõ từng cây, tựa hồ như vừa quay về sau một chuyến đi dài. Sau đấy, cả con sông bừng sáng, đột nhiên nhuộm

vàng, màu cây khuy vàng, còn khu rừng dội lên mọi âm vang: nó chào đón ánh sáng, thốt lên vui sướng và mặt trời ló cao, một khối màu da cam trên các lùm cây, như một con tàu lớn tròn xoe có bầy chim đi cùng.

Tôi phải dừng lại ở Manaus để cảm ơn họ, tất cả bè bạn của mình và đọc bài diễn văn như đã hứa: "Quyền tự do hành động và Quyền thể tục". Tôi không có can đảm. Thời gian luyến tiếc, nào nùng đã chấm dứt. Tôi sắp ra khơi. Tôi sẽ chào vĩnh biệt tất cả mọi người từ xa: ông công chứng viên Guilherme, ông thầy thuốc khoa nhi độc thân, ông chủ tịch không có họ và ông Walid, tất cả những người thân Pháp, các bạn bè của sở địa bạ... Tôi thấy họ bước ra ụ nổi lắc lư, tiến về quán giải khát Byron. Họ chẳng còn trẻ trung. Họ dừng lại chỗ các tàu qua lại, họ bấu chặt các thùng gỗ, các bao bì, các cục cao su to tướng cuộn tròn, họ đợi cho những đợt trông tránh lắng xuống. Trong rừng rậm không chỉ có cây cối và bầy thú. Tôi khuyên nhủ các chúng sinh, trong số những người dễ xúc động nhất thế giới.

Futebol

Ngoài chợ Belem , không có gì thay đổi. Kể cả sáu chục loại cam, lẫn những chiếc giỏ hình vảy cá để giữa móng tay, viền đỏ, con cá Pirarucu to tướng, cả các rễ cây bồ dương, lẫn những chiếc võng bằng tơ sống để có thể thử luôn tác dụng của các rễ cây bồ dương.

Vừa xuống tàu Gabriel bước thanh thản đến khách sạn Paris, tuy người đang bốc lửa (vào tuổi tôi, đã đến lúc phải biết một cuộc sống tình dục thực sự) :

- Ôi! Anh bạn thân mến, ôi, anh bạn thân mến, cuối cùng anh đã quay về, từ lâu người ta đã có ý định đến chỗ anh...

Và ông giám đốc Abel kể cho anh nghe, chi tiết, với sự tăng viện ồ ạt của các đĩa và cốc tượng trưng cho các đội quân, tháng Tám nhục nhã, tháng Chín vinh quang, bỏ chạy ra biển, chui xuống đất, tóm lại đầu 14 – 18...

Gabriel sững sờ ngồi nghe miệng lẩm bẩm ta biết làm gì đây ? Tôi chẳng nghe nói gì. Tại sao một cuộc thể chiến lại không dội sang Brésil? Gabriel ngồi thẳng người lên, nhưng còn Clara, còn Ann, bố Louis, hai gia đình tôi...

- Anh cứ yên tâm, họ viết thư cho anh đây, đó là một dấu hiệu tốt.

Và ông giám đốc Abel đưa thư từ cho Gabriel

Cháu Gabriel.

Cả hai bố con cháu đã đúng. Không còn Alsace và Lorraine thì xây dựng một Đế quốc làm gì? Nhưng có lẽ đã đến lúc phục hồi tự tưởng mà Maximilien và ông nội cháu đã hiến dâng cuộc đời: tạo

dựng một đất nước Mêhicô hùng mạnh và công giáo chống lại sự ngự trị của Mỹ. Cuối cùng bà để cháu tự phán xét. Cháu là người ở trong vùng. Hơn nữa một kỹ sư như cháu biết phải làm gì.

Bà ôm hôn cháu. Bà nội Marguerite

... Để anh chuốc lấy lo âu làm gì? Clara

Ồi Gabriel, theo như em biết rõ người anh quá nóng. Thế mà đất ở Argone lại quá lạnh, theo như lời anh em bảo. Do đó, vì cả chúng ta mong anh ở đâu cứ ở đấy. Marie – Ghislaine.

... Tùy anh lựa chọn cuộc chiến anh muốn, anh Gabriel, chỉ mong cuộc đời anh thọ lâu. Ann

- ... Và em đã bỏ đi, anh Gabriel, vì em cảm thấy nỗi sợ của em làm anh yên lòng. Và giữ tình trạng bỏ đi (không biết có ai nói “giữ tình trạng bỏ đi không?”) vì nỗi buồn của anh không làm anh yên lòng. Clara.

- ...Châu Âu lan tràn một bệnh cúm, châu Á khủng khiếp tột tệ hơn, những căn bệnh ngoại lai và em là y tá, em biết điều em đang nói gì...Martin mặc đồ trắng của anh.

Gabriel chẳng quen biết ai có cái tên là Martine cũng như Marie-Ghislaine, Odile, Jeanne, những bà những cô này, kể từ sau khi có lệnh tổng động viên, ngày nào cũng viết thư cho anh. Phải một thời gian sau anh mới phát hiện ra điều bí mật. Clara là Clara. Ann là Ann. Nhưng Martine là Louis, Marie-Ghislaine là Louis. Bố Louis chắc là cảnh giác với bên kiểm duyệt, Louis đã đánh lạc hướng theo cách của mình. Sau khi tìm được mật mã, những bức thư trở nên rõ ràng: mong rằng con ở đâu vẫn ở đấy, đừng tham gia vào cuộc chiến.

Không thể tuân theo lệnh, sự chênh lệch về giờ giấc đã làm thêm gay gắt nỗi sợ. Gabriel lại vùi đầu vào tính toán:

- Hai mươi một giờ- sáu giờ (giờ ở Pháp) đang là đêm. Hy vọng rằng các trận đánh suy giảm.

Giữa mười lăm giờ và nửa đêm (giờ ở Belem). Gabriel cảm thấy tương đối yên tâm. Tim anh đập đỡ rộn rã hơn, anh lại thấy hy vọng, có lẽ mình sẽ được gặp lại họ, tất cả những ai mình yêu thương.

Nhưng sau đó mặt trời vừa ló ở Pháp (đêm khuya ở Belem), anh chẳng còn ngồi yên một chỗ, anh chạy bộ tới bưu điện để gọi điện về Paris (không được, các nhân viên người Brésil cũng phải ngủ như mọi người trên đời), anh đi đi lại lại trong tiền sảnh (không một bóng người) của khách sạn, đến dãy cây xanh ở cuối chỗ đón tiếp khách anh quay lại, thấp sáng tất cả những đèn định xua tan những hình ảnh: Louis nằm dài dưới lớp dây thép gai, một viên đạn đại bác phá tan khách sạn Washington và Albany.

Và khi cuối cùng ông giám đốc từ trên phòng mình bước xuống (bảy giờ ở Belem, mười ba giờ ở Paris, hy vọng, ồ! đúng, hy vọng vào giờ ăn trưa, ở đẳng ấy họ giết nhau đỡ hơn), Gabriel vội chạy bổ tới bên ông ta: tôi phải đi, tôi phải đi.

- Thì tôi đã bảo anh rồi mà, anh Gabriel, anh sẽ có tàu vào một tuần nữa, không thể sớm hơn được. Hy vọng rằng anh sẽ dự bữa ăn trưa tại Amicale?

Hãy tỉnh táo nào, Victor Hugo và Racine, trong năm 1915, không chỉ có bạn bè ở Belem. Nhiều người Brésil công khai tỏ ra yêu thích Goethe và Wagner để giải trí và Bazilianische Bank Fur Deutshland vì công việc. Còn về Auguste Comte một số người có nhận xét, không phải không có lý do, rằng hội của Đức là một mô hình thực chứng: nghiêm túc, cụ thể, khéo léo. Liệu có thể nói như vậy về

nước Pháp không? Nói tóm lại, tập đoàn Đức có thể lực. Nó chạy khắp thành phố để vì một lời tán đồng hoặc từ chối, bỏ xa hai kilômét gần Ypres, bàn tay ngắn của người Bungari vươn tới Macédoine.

Những người thân Pháp lánh nạn ở khách sạn Paris và chính tại đây Gabriel học được cách hiểu rõ hạng người kỳ lạ này.

Như viên sĩ quan hành chính Febronio de Brito, người đeo hai đồng hồ liên, một chỉ giờ nhiệt đới và chiếc kia chỉ giờ Paris, phố Mouffetard, nơi ông ta đã từng sống.

Như gia đình này, đông đúc, con cái được đặt tên là Cosette, Valjoão, Quasimoda, Esmeralda, Napoleão – le – Petit, Marius, Jvaerto, Boozinho và Jerimadeth.

Nhưng người thân Pháp nhất, không cần bàn cãi, đó là kỹ sư Carlos Drumond, một trong những người chịu trách nhiệm con đường sắt truyền thuyết xuyên qua rừng rậm nối liền Mamore và Madeira. Trước hôm lên đường Gabriel đã gặp ông ta. Trông ông ta có vẻ quá mệt mỏi.

- Chà! Xong rồi. Tôi vừa đóng dấu vào bài thi cuối cùng. Ngày mai ông lên đường, ông có thể đem nó giúp tôi về Pháp được không? Lần này xem ra tôi đã làm tốt việc...

Hàng năm ông Drumond đều gửi bài về dự thi tuyển vào trường Bách Khoa. Đề thi được gửi qua đường điện tín. Ông làm bài dưới sự giám sát của một giám thị. Làm xong bài, ông bỏ vào phong bì có niêm phong của nhà trường, Montagne – Sainte – Geneviève Paris (Pháp).

- Họ sẽ thẳng tay chấm bài của tôi, rồi ông xem. Hai lần, vào năm 1908 và 1910, suýt nữa thì tôi được nhập học. Năm nay, tôi đặt nhiều hy vọng lắm... Với điều kiện là bài thi được gửi tới trường. Do ông là người Pháp, ông có thể cho tôi biết nghe đâu người ta thay đổi chương trình thi tuyển, ông có được nghe nói gì không, không

à? Càng hay, nhưng tôi vẫn cứ phải thận trọng, rất có thể họ sẽ thay đổi lung tung chẳng cần báo gì cả... Nếu tôi được nhập học, tôi phải khẩn trương. Theo ông tôi có tới kịp dự kỳ thi nói không?... Một giấc mơ tôi hằng ao ước... Trường Đại học bách khoa... đây là đỉnh cao Lý trí Pháp, đúng không ông, đỉnh cao?

Dần dà, bầu không khí của những người thân Pháp trở nên ngột ngạt. Họ bắt đầu nhìn Gabriel bằng cặp mắt kỳ cục, tất cả những người bạn này của nước Pháp: anh ta làm gì ở đây, cái anh chàng người Pháp kia, lẽ ra anh ta phải về bảo vệ đất nước mình? Cuộc chiến tranh này không nâng được thị giá cao su thì nổ ra làm quái gì? Liệu cái xe tắc xi ở Marne, do ngẫu nhiên, có nảy sinh nhu cầu thay bánh xe bằng lốp có săm bơm hơi không? Vả lại nếu châu Âu khá dần để lao vào chỗ tự vẫn thì liệu giờ phục thù đã điểm đối với châu Mỹ, người Mỹ và người Mỹ - Latin chưa?

Do đó Gabriel rời khách sạn và bắt chập tập đoàn Đức, đi dạo trong thành phố, từ bờ sông đến nhà hát nhạc kịch Teatro da Paz, từ chợ đến đồn Castelo và đi đến hết nhà thờ này tới nhà thờ xây theo lối kiến trúc dòng Tên, rồi lại lối kiến trúc Baroque...

Khi đi dạo, Gabriel cứ tung xuống đất quả bóng cao su của anh. Ta thử đặt mình vào địa vị anh xem. Tuổi trẻ của anh đã trôi qua (ba mươi hai tuổi). Vợ anh bỏ đi, đất nước anh đang có chiến tranh, vùng Amazonie của anh đang say ngủ, bố anh bị động viên, mẹ anh không rõ là ai, bà nội anh bị đế quốc ám ảnh... Bản tổng kết chẳng thuận lợi chút nào, anh cần sự bật nảy. Không một tác giả mục tiêu phẩm nào phát biểu bất đồng với ý của tôi.

Và thế là, đến gần bến cảng, quả bóng diệu kỳ này, lẽ ra đập xuống mặt đất bằng thì lại đụng phải một vật gì đó (một hòn đá? Một trái cây bị giẫm? một chiếc ví bị lãng quên?). Nó liền bật ngay về phía bên phải. Nó nảy thìa lìa trên guốc đánh véc ni của một nhà chụp ảnh có cơ thể che khuất sau lớp váy đen rất quen thuộc, rồi bay tiếp đập vào chân phải đi đất của một chú bé đang bóc vỏ maracuja, chú liền chộp luôn nó và tuồn ngay cho chú ngồi bên

cạnh, làm chú này khó chịu vì từ mấy phút nay chú ta chăm chú dõi theo đôi bàn tay của một cô bé da đen đang mài đánh bóng một chiếc lọ bằng thiếc, cô bé cố tỏ vẻ đạo đức giả chẳng đạo đức giả mang tính điển hình của các cô bé da đen ở Belem do Para (Brésil), chú bé ngồi bên cạnh này liên tục quăng luôn quả bóng đỏ lên không trung, nó bay theo một đường quỹ đạo ngắn và bị giắt vào một khe trên phía bên phải cổng nhà thờ Notre – Seigneur – das- Mercês.

Kể lại tình tiết này, Gabriel không cố ý tự khoác cho mình vai trò người chủ chốt đưa bóng đá vào Brésil.

Một lần nữa, anh chỉ muốn nêu với bạn rõ các sự việc:

- Trước khi xảy ra tình tiết này, ở Belem không thấy có môn bóng đá.

- Sau khi xảy ra tình tiết này, ngay ngày hôm sau trong cả thành phố, dưới các gốc cây xoài, trước các nhà kho, khoảng trống giữa các cửa hàng ở trong chợ, những người thuộc năm giới cứ dùng chân đưa qua đưa lại những quả bóng tròn tương tự quả bóng của Gabriel: vô vàn nhân chứng có thể khẳng định điều đó (nếu con quan tâm đến vấn đề đó, con khẩn trương, chắc chắn một số nhân chứng vẫn còn sống).

Vào buổi sáng ngày 20 tháng Mười, Gabriel thấy mấy lời thoái thác sau đây để trên bàn ăn điểm tâm, đặt giữa lát xoài ướt át (sau chiến tranh anh bạn phải suy nghĩ một cách nghiêm túc đến cuộc sống tình dục của mình, Gabriel) và cốc nước cam hầu như rất đặc do có nhiều tép cam (trước hết phải dùng vitamin, Gabriel).

Tôi là Petraglia Abel, lãnh sự không chính thức của Pháp tại Belem, Bang Para, Brésil, xác nhận ông Orsenna Gabriel không có khả năng trở về binh đoàn của ông, vì tình trạng bách bực của Amazonie và không có tàu thủy sang châu Âu.

Gabriel chạy vào bếp ôm chầm ông giám đốc Abel và cảm ơn ông về chuyện này và những chuyện khác (tất). Clara, anh sao có thể

khước từ ông ta được một khi trước giờ lên đường, ông ta yêu cầu ông đưa cho những bức thư của con, những bức thư tuyệt vời. Clara, bức đoạn tuyệt và bức thư giải thích rõ mọi điều “và em ra đi vì em cảm thấy rằng chắc nỗi sợ của em sẽ làm anh yên lòng...”? Làm sao có thể khước từ ông ta, ông ta thấy rằng (anh tán thành với ông ta) thực hành cuốn sách vàng là điều nực cười, nhưng ông ta đã từng mơ ước mở một viện bảo tàng, ở ngay tại chỗ lò bánh mì, một viện bảo tàng tình yêu.

- Mong anh tin tôi, tôi đã phải lúng túng khi lựa chọn tất cả những gì họ đã bỏ quên trong các phòng của tôi. Nhưng tôi xin hứa với anh rằng thư tín của anh cũng như một mẫu trong cuốn sách thần diệu về mối tình của Swann sẽ được đặt ở một chỗ cao sang

Anh không biết ông ta đã cụ thể hóa dự kiến của ông ta chưa. Nếu đã cụ thể hóa rồi thì em có thể tha thứ cho anh^[17], Clara, về sự không kín đáo của anh^[18] không?”.

TẬP 2

Hồi ức về chiến tranh và đình chiến

Những hồi ức thích những cuộc chiến trang thế giới. Mặc dù người ta hoài công nhắc đi nhắc lại rằng không nên thế, còn có nhiều thời kỳ khác nhân đạo hơn, nhưng cái hồi ức cứ chập chờn quanh những năm tháng ấy như những cánh buồm mê say. Tôi nhớ đến Clermont – Ferand, đến những giờ phút ấy, những giờ phút mãi mê tạo ra những bánh xe bơm hơi để có thể vượt qua đoạn đường bùn lầy kinh khủng của mặt trận. Tôi nghĩ đến cánh đàn ông cúi mình trên những bánh xe và những phụ nữ ở khắp nơi vào các xưởng máy để thay thế cho chồng, cho con và anh em họ đã bị động viên. Tôi nghĩ đến tất cả những gương mặt ấy, chứ không phải là ông Knight, Ann hay Clara hay bà Élisabeth. Tôi nghĩ đến những ngày hè buồn tẻ không có Clara, nhưng ở đây làm gì có ai, trong một cuộc chiến tranh. Tôi nghĩ đến bức thư của Louis bị điều đi làm trợ thủ theo dõi máy bay địch trên đồi Suresnes. Từ sáng đến tối, Louis dán mắt vào ống kính chăm chú nhìn lên bầu trời Paris và tán chuyện với các bạn về phụ nữ. “Người ta tạo ra chiến tranh để mà chết, chắc chắn là như thế, nhưng cũng là dịp để đàn ông bàn tán về phụ nữ, bình tâm không bị quấy rầy. Này Gabriel, con luôn luôn phải đến tiểu đội xạ thủ chứ”. “Các đồng sự thường khuyên ta nên đổi nghề. Theo họ, các hiệu sách đáng sợ vì những chuyện mơ màng của chúng đem lại và trong số các phụ nữ, những người hay đọc truyện là khó chịu nhất, Gabriel, con nghĩ thế nào?”. Tôi nghĩ đến những cố gắng của Louis để dàn xếp với nhóm nước khoáng, những cuốn sách mà họ in ra.

Tôi nghĩ đến chiến tranh như thế những năm đó là những năm tháng yên ổn duy nhất của tôi. Mặc dù đã có những người chết, có những đoàn tàu chở những cái sọ vỡ... Những năm tháng nghỉ ngơi, tôi không phải phấn đấu cho mỗi tình tay ba không thể có được của tôi, đời sống qua đi, một cách bị động, một ngày, rồi lại một ngày nữa, cứ thế dồn ứ thành những tuần lễ. Tôi thấy xấu hổ cho cái hồi ức của tôi. Tôi cảm thấy nó còn sẵn sàng kéo theo nhiều hồi ức khác về chiến tranh, những hồi ức êm ả gần như vui vẻ. Ngừng lại thôi. Có kế hoạch ngừng lại. Ai có thể tìm được thuốc tránh cho hồi ức khỏi hiện về? Tôi nói thẳng luôn đến cuộc đình chiến.

Cuộc chiến tranh của tôi

Do Clara, họ Knight

Viết hồi ký là một thói gàn hay lầy. Trong căn phòng bên cạnh, nơi Gabriel cố thủ, không bao giờ thấy có tiếng nói to, chỉ nghe có tiếng khẽ rì rầm, tôi nghe thấy tiếng anh ta khẽ gõ những trang giấy. Chẳng qua là vì tuổi già là tuổi xộp mà. Cánh cửa đóng không kỹ, Clara ạ, tôi cũng thế thôi, tôi cảm thấy quá khứ đang trở lại một cách từ từ với cái vẻ rứt rề nhút nhát của nó.

Tôi nghĩ đến ông Markus trốn tránh ở New York, chắc chắn ông đã làm cố vấn nghệ thuật cho “Tổ chức âm nhạc của đồng minh”, một tổ chức nhằm mục đích chứng minh rằng các cường quốc thù địch không được độc quyền về thiên tài âm nhạc, rằng Edward Dowell (1861 – 1908) sáng giá ngang với Brahms chẳng hạn, và những nhà chỉ huy dàn nhạc ở Chicago và Cincinnati không phụ vụ chính nghĩa nếu chỉ chơi Beethoven và Mozart ...

Để ông khuây khỏa trong công việc khó khăn ấy, tôi đã cùng đi với ông trong các cuộc dạo chơi, đi theo cái vòng quen thuộc của ông quanh Manhattan, khi thì đi theo hướng Tây về phía cảng, khi đi dọc theo phố Brooklyn, trước khi đâm thẳng vào khu người da đen ở phía Bắc.

Ông nói về tôi.

Ông không muốn tin rằng những sự lo âu của con người là nền tảng cho một nghề nghiệp thực sự.

- Clara, con kiến sống trên lưng bầy ma à?
- Và còn âm nhạc thì sao?
- Gabriel là một người chồng rất dễ thương.

Nó bao giờ cũng mến con. Gabriel tin rằng khi bị xa con, ta sẽ mất hết những thứ quý giá.

- Bởi vì các con sẽ gặp lại nhau. Clara, ta chắc chắn là như vậy, và có thể điều đó sẽ rất muộn màng. Khi còn trẻ, cuộc sống chung thường là ít cảm xúc thẩm mỹ, những tiếng động thân mật, những mùi vị, nhưng muốn chịu đựng được cuộc sống già nua bên cạnh mình thì phải có những kỷ niệm xưa và những điều mù quáng. Clara ạ, ta không thích ánh mắt của con khi con nhìn Gabriel. Đó là cái nhìn của một người sẽ bị già đi trong cô đơn ...

Tôi nhớ tới những nụ cười của bà Élisabeth, những nụ cười bất ngờ e lệ của một cô bé tưởng không ai trông thấy mình đã chাম ngón tay vào lọ mứt, những nụ cười khi bà nói lên tiếng cảm ơn, trong chiến tranh, tôi có ông Markus cho riêng tôi.

Mãi sau này, tôi mới nhớ đến công việc của tôi trong một bệnh viện ở bên Pháp: “Giám định bệnh tâm thần”. Khi những trận chiến đấu trở nên khủng khiếp thì số người điên và người giả điên tăng lên. Làm sao phân biệt được bọn này với bọn kia? Các thầy hướng dẫn tôi, các giáo sư Hesnard và ông Dumas, đã lập xong biểu chuẩn cho những sự giả vờ kèm theo những phương pháp đơn giản để lật mặt nạ của bọn giở trò hề. Với sự giúp đỡ của ông Theirry, một bác sĩ nội trú có giọng nói ngọt ngào đến nỗi các bệnh nhân nghe ông nói là ngủ ngay tức khắc; với vẻ mặt ngơ ngẩn, ngón tay cái đưa vào miệng, tôi được ủy nhiệm trình bày những kết luận có tính khoa học ấy một cách làm sao cho bác sĩ quân y ở cơ sở có thể sử dụng được tốt nhất. Chúng tôi thành công được không?

“Thực tế, người ta có thể chia những tên giả vờ đó ra thành ba nhóm chính:

1. Những người có hành vi trái tính, đặc biệt là những hành vi sợ hãi, bị câm hay câm điếc: chẩn đoán dễ dàng. Bệnh nhân không có một biểu hiện nào của người thực sự u uất, không lo âu, không bỏ

ăn (ít ra là mấy ngày), không đau nhức một chỗ nào, không lạnh đầu ngón tay ngón chân.

2. Những người có các biểu hiện ít nhiều hung dữ, vật vã, rạo rức; chẩn đoán dễ dàng: động tác hỗn độn giở diên giở gàn, có một triệu chứng khá rõ: đêm đến là những động tác ấy.

3. Cuối cùng là những người tự do cho mình bắt buộc phải tỏ ra phi lý (bằng lời nói, hành động phi lý những điều quá trớn), hội chứng Ganser. Triệu chứng khó nhận xét. Cần phải nhờ vào các trung tâm chữa bệnh tâm thần. Những hội chứng đó khởi thủy ở người thường thì rõ ràng nhưng cần ngập ngừng gì nữa. Nhưng ở người sành sỏi thì đòi hỏi phải tiến hành những cuộc giám định khó khăn nhất”.

Mỗi sáng thứ tư là một “buổi bị dằn” ... Đó là tên gọi chính thức của việc điều trị. Chúng tôi, tất cả gồm bốn người, hai quan chức, bác sĩ nội trú Thierry và tôi, Clara, người mới toanh trong nghề, đi đến Ville-Évrard. Ở đây đặt một phòng thí nghiệm, một buồng trông đáng sợ, tua tủa những dây đồng, những đồng hồ, những cuộn dây điện xoắn tít. Khung cảnh ấy, các bác sĩ nói, đã có tính cách chữa bệnh rồi. Và người ta đưa một con bệnh vào. Thường là một gã câm, mắt hoảng hốt nhìn vào đồng dụng cụ chữa bệnh.

Một y tá đặt gã nằm dài trên mặt bàn đá và áp những miếng cao su lên vai, lên cánh tay, lên cổ họng. vào chỗ phát lên những tiếng nói.

- Này anh bạn, hơi đau một chút đấy, nhưng anh muốn được chữa lành bệnh, đúng không nào?

Bật điện. Một chiếc cần gạt hạ xuống.

- A! A! – Gã câm kêu lên.

- Anh thấy đấy, anh chẳng bị câm, anh đã nói “A!”

Hai bác sĩ Hesnard và Dumas thay nhau tiến hành công việc; đôi lúc Thierry cũng vào cuộc.

- Bây giờ anh nói “E”, nếu không tôi sẽ lặp lại đấy.

- Nhưng, thôi không cần nữa, vì anh đã khỏi bệnh rồi. Này, anh hãy làm đúng những gì bác sĩ yêu cầu ...

- Này, đừng có buộc tôi phải ...

- Người nào đã kêu được “A!”, người đó không câm.

- Anh là một chàng trai thông minh, đừng bắt chúng tôi phải mạnh tay hơn...

- Ê! Cuối cùng anh chàng câm đã cất lời nói.

- Rất tốt, rất tốt!

- Bây giờ nói I, O, U. Anh đã khỏi rồi, hãy nói đi: I, O, U.

- I, O, U – chàng câm nói.

- Thế là thêm một người nữa được khỏi bệnh.

Chị y tá gỡ mớ dây dơ ra khỏi người con bệnh.

Sau những buổi chữa bệnh, chúng tôi thường đi quanh một vòng trong buồng công cộng, tiếng trò chuyện râm ran từ giường nọ sang giường kia.

- Nghe kìa, nghe họ nói kìa, - Hesnard và Dumas bảo chúng tôi ...

- Trước đây họ đều bị câm đấy.

Chúng tôi cũng đã thành công với những người điếc, người bị liệt, người còng, nhất là những người đã không thể đứng lên được sau khi nâng xác một người bạn đã chết. Nhưng trong những trường hợp ấy, sự thành công không chắc chắn lắm, thành thực mà nói, vào khoảng 30% đến 40% ... Những bạn đồng sự Đức mà chúng tôi thường trao đổi qua đường Thụy Sĩ, lại thấy rằng tỷ lệ ấy là đáng kể và họ ngợi khen chúng tôi một cách thành thực và nhiệt tình đề nghị là sau khi đình chiến sẽ cùng nhau gặp mặt trong các cuộc hội thảo để đẩy mạnh khoa học.

Tôi nhớ đến ủy ban chuyên viên (?) đã đề nghị thành lập những đoàn gồm những người mê sản, vật vã, mất thăng bằng mọi loại. Bản báo cáo ghi rõ là sẽ để bọn họ dưới sự cai quản của các sĩ quan Châu Phi “đã quen với những người bất thường”. Như vậy sẽ thành lập khoảng chục “đội gây choáng”.

Tôi nhớ lại ông bác sĩ ảm đạm Logre (sic) trong Tạp chí thần kinh năm 1916 đã ghi lại không kém sáu trường hợp “đào ngũ trước kẻ thù vì bệnh loạn”.

Tôi lại nhớ đến những đại biểu của các nước trung lập. Hai đàn ông và một phụ nữ, vẫn những người ấy, đều tóc hung, anh Gabriel ạ, xin lỗi anh, với một hình chữ thập đỏ gắn trên ve áo blu trắng và một cuốn sổ bìa xanh cầm ở tay mà họ thường tham khảo vào bất cứ cơ hội nào. Đây là luật chơi, công ước Genève. Mỗi quý, họ đến thăm bệnh viện của chúng tôi để xác nhận xem cuộc bắn giết có hợp lệ không. Ban chỉ huy cao ủy đã ra lệnh phải tiếp đón họ chu đáo. Và cũng phải giấu những người bị thương quá thảm hại ... Người ta sợ người nước trung lập báo cáo với Hoa Kỳ. Người ta thường nói với nhau là người Mỹ chỉ tham gia vào một cuộc chiến tranh hợp pháp. Những đại biểu ấy đã quen thế rồi. Thoạt nhìn, họ xét đoán xem vết thương có đúng là được phép gây ra không, họ lắc đầu: kinh khủng quá, kinh khủng quá, nhưng đúng thể thức. Họ cúi xuống ngửi mồm những người bị đặt nằm sống sượng, họ hít hơi và nhăn mặt: không, hơi độc này có chất ypêrít đã bị cấm.

Bao giờ chúng tôi cũng kết thúc với bọn tự hủy hoại thân thể. Và tôi tự hỏi, một người dân nước trung lập liệu có cảm giác gì trước những người tự hủy hoại thân thể? Thoạt tiên có một chút thiện cảm nào đó: thâm tâm những người tự hủy hoại thân thể căm ghét chiến tranh cũng như những người trung lập. Nhưng ngay tức khắc là một niềm kiêu hãnh đánh dấu những sự khác nhau. Anh, anh từ chối đánh nhau vì hèn nhát. Còn tôi, người trung lập, là vì lý do nguyên tắc. Những người trung lập cúi xuống những kẻ tự hủy hoại thân thể như người ta trở về làng sau khi đã giành được thắng lợi, mũi bịt lại: những chuồng bò, nước phân, có thể là hay lây đấy. “Thưa ông, thưa bà, những con người khốn khổ ấy yêu cầu ông bà hãy xem thử: làm sao tôi có thể tự mình làm lấy được.” Họ chìa ra những cùi tay, chân cụt lủn, họ thở phì phò từ đáy phổi, họ biết rằng đây là điều may mắn cuối cùng của họ, chỉ có sự phũ quyết của Công ước Genève là cứu được họ khỏi phải nhập ngũ... Thỉnh thoảng những người trung lập phì cười và nói với nhau bằng tiếng vùng Bắc Âu. Ông đại tá quân y hòa theo ý của họ.

- Tôi đồng ý với các vị, cái tên tự hủy hoại thân thể ấy không lấu cá lấu đâu, nó có thể giả vờ như thực.

Gabriel, những kỷ niệm đó đủ để anh nhớ lại thế nào là chiến tranh chứ?

Tôi cũng thế, tôi đã trải qua trận đại chiến.

Do Ann, vẫn mang tên đệm Knight.

Do tất cả mọi người đều hồi tưởng nên tôi cảm thấy bắt buộc đóng góp phần của tôi.

Một buổi chiều năm 1916 hay 1917 (nói chung những dòng đầu đề của các báo loan tin về các trận đánh kinh khủng, tôi nhìn các

đốm đen của chữ mà không thể nào lập lại từng chữ Verdun, Ypres, Dames?) tôi vào tiệm cà phê lớn, ở góc quảng trường Nhà hát Opéra và Đại lộ Capucines. Tôi chọn một chỗ ngồi. Một thói quen bình thường làm anh rất khó chịu Gabriel, nhưng thú thật lần này không phải là một ngoại lệ, những ghế dài ở Paris BAO GIỜ cũng có vụn bánh mì rơi vãi. Tôi ngồi vào chỗ. Bồi bàn đến. Tôi gọi một cốc socôla nóng, chờ nó nguội thì cũng phải mất đúng mười lăm phút, vừa đủ để tôi giết thời gian trước khi tới giờ hẹn (ở nhà băng). Công việc đó làm tôi khuây khỏa. Cuối cùng, tôi ngược mắt lên và qua hơi socôla bốc lên tôi đã thấy ai nhỉ? Đúng là anh, anh Gabriel. Một Gabriel bằng xương bằng thịt đang ở cuối quầy kia căn phòng. Nhưng do điều kỳ lạ của chiếc gương và theo luật quang học, tôi đã thấy hình phản chiếu của anh trước mặt tôi. Những ánh phản chiếu thì lại không nhìn được người khác, điều đó đã rõ. Vậy tôi có thể quan sát anh thỏa thích. Tôi chưa được gặp lại anh từ đám cưới bất ngờ (mặt phải hay mặt trái, Ann hay Clara). Anh ít thay đổi, má anh bao giờ cũng bầu bĩnh, và mắt anh vẫn xanh như thế. Chỉ nơi bên thái dương anh thấy xuất hiện những đốm sáng hơn: tóc bạc thật sự hay do ánh phản chiếu đã tôn lên? Nói chung, anh luôn bồn chồn ngó vào đồng hồ, dường như anh cứ nghĩ rằng anh đã già đi. Cuối cùng, người mà anh chờ đã đến, một gương mặt gầy, một người đàn ông cao lớn, đầu cuốn một chiếc băng màu kem. Trời, anh lấp bắp điều gì đó. Những câu trò chuyện trong tiệm cà phê ngừng lại trong giây lát. Người bị thương có vóc dáng cao lớn ngồi vào bàn anh đã che khuất bóng hình anh qua gương ...

- Anh Gabriel, anh đừng lo.

- Chuyện gì đã xảy ra với bố?

- Tôi nói rằng anh không nên lo lắng. Ông già Louis của anh vẫn khỏe lắm.

Tiếng hai người trò chuyện vọng tới chỗ tôi từ phía sau (quang học và âm học có những logic khác nhau).

- Đầu bố bị sao thế?

Người bị thương có vóc dáng cao lớn liền giải thích cho con trai ông rằng ông bị thương nặng cũng không phải loại vừa, rằng ông khỏe mạnh, ông chỉ lợi dụng chiến tranh để chữa dứt điểm cái bệnh hói của ông. Gabriel, con hiểu chứ, trong thời bình bố chẳng bao giờ dám đi dạo với cái mớ băng bó này. Có băng thế này mới giữ được lớp cao áp sát vào da đầu và đúng thế, chính sự tiếp xúc kéo dài là bí quyết làm cho việc điều trị có hiệu quả tốt ...

- Bố đừng nói nữa – Gabriel ngắt lời - suýt, người ta đang nghe lỏm đấy!

Gabriel có lý. Mọi cuộc trò chuyện lại ngừng bật. Người ta đông tấp về phía bàn của anh đấy, nhất là mấy người ngồi gần anh, mấy tay phi công, họ đã chiến đấu ra trò, áo có lót lông, có huy chương và nhiều huy hiệu. Nhưng người bị thương cao lớn giả Louis vẫn tiếp tục nói và càng hạ thấp giọng thì cái giọng trầm của ông nghe lại càng âm vang và rõ hơn. Bố anh thuộc tạng người không thể nói thầm thì được, tôi có nhầm chẳng, anh Gabriel?

- Gabriel, con nghĩ gì về ý đồ lợi dụng chiến tranh của bố? Đành chiến rồi, bố sẽ sẵn sàng sống cuộc đời mới của bố với một bộ tóc trẻ thơ ...

Sự việc này đã kết thúc một cách tồi tệ. Mấy tay phi công đã công kích ông ta và giật mớ băng đầu của ông. Nhưng mùi kinh khủng của diêm sinh và dầu hỏa đã giải thoát ông. Những chiến binh thực thụ đã lùi lại. May thay, hai cha con anh đã lợi dụng cơ hội này, thoát thân.

Anh Gabriel, vậy là em hiểu rõ ước vọng của anh muốn bỏ qua không nói đến cuộc chiến tranh của gia đình Orsenna và tiến nhanh đến đình chiến.

Do con chẳng bao giờ đến thăm bố nên có những lúc bố nhủ thăm có lẽ chỉ nên nói chuyện với luật sư của bố thôi. Ít ra, các luật sư còn có hẹn. Và bao giờ họ cũng có mặt ở nơi đã hẹn, và chăm chú nghe khách. Và tìm những lý do để miễn tội, dù khách phạm phải tội gì. Ngược lại, các cậu con trai thường đổ lên đầu bố họ đủ mọi thứ tội vì chuyện không đâu.

Có những lúc bố tự nhủ có con trai chẳng để làm gì. Thà nhờ luật sư còn hơn. Đúng thế, hoan hô các luật sư! Trả tiền cho luật sư là một chỉ tiêu nhẹ tênh và thoải mái nhất. Trong khi đó, nuôi dạy một đứa con trai, đúng là, vào trường hợp tốt nhất, nuôi nặng sự vắng bóng của nó.

Con bỏ qua cho bố sự mất bình tĩnh này, nhưng hồi ức đôi lúc chán ngấy. Bỏ quá cho bố, đó là bố muốn con hãy vui lòng đến đây, để bố nói qua con rõ về địa điểm tuyệt vời nơi bố đang chuẩn bị cho vụ án của bố. Đúng theo lời ông luật sư uyên bác người Nice của bố đã nói, khi nhìn phong cảnh này, “tuyệt, khung cảnh quan trọng thực”. Ở số 13 đường dốc Wester Wemys, Cannes – la – Bocca có một ngôi nhà kiểu nông thôn, xung quanh có tường cao gấn bằng tường thành và trông ra biển, nhưng không hẳn thế, hơi nhấp nhô như ánh mắt nhấp nháy của người đàn bà có chồng. Tường ngăn màu sơn như thường thấy ở dưới ánh mặt trời nước Italia. Ngôi nhà đồ sộ nhắc đến thời kỳ vàng son của các gia đình có các bà vợ theo đạo Gia tô, đông con cái mà sự chi tiêu trong nhà lại thấp. Mảnh vườn vây quanh khá rộng trồng nhiều loại cây địa phương như thông trắng, bạch đàn và nhiều cây lô hội thân vươn lên cao trông khá kiêu hãnh và rồi lại cằn cộc, một sự kế tiếp nhau xúc động chung cho tất cả các loài rắn rỏi trên hành tinh. Ngoài ra còn có những vò bằng đất nung trồng các cây mỗ hạc và sen cạn, những thùng trắng có bánh xe ở đáy vươn ra các cây cam (hồi ôi, loại cam chất) và cây chanh (hồi ôi, loại nhanh nhặt mặc dầu hàng năm có ghép cành). Nhà xây theo kiểu chữ U. Từ trái sang phải: cánh nhà phía Tây mà chúng ta

ở: đoạn ngang của chữ U (có thư viện ở tầng một, phòng ăn mùa hè ở tầng trệt) và cánh nhà phía Đông dành cho chủ nhà.

Những người chủ nhà thường ít đến nghỉ, có lẽ do bị dồn dập vì công việc ở Paris. Sáng hôm họ đến, ta thường bị thức giấc vì tách chén va vào đĩa, tiếng dao ăn chạm vào bình đựng bơ... Chẳng là, họ có thói quen vừa ở tàu đêm xuống là điểm tâm ngay ở trong sân, mặc dù thời tiết thế nào, và họ gào lên là đời sống ở Paris êm dịu, sáng sủa thế nào và vui nhộn như điên...

Rồi họ đến các phòng của họ và ở lại đấy, như vậy, đối diện với chúng ta trong cảnh bên kia của chữ U.

Cuộc sống đối diện ấy không phải là không thú vị, bởi chúng ta thường trao đổi với nhau nhiều nụ cười thân thiện qua các ô cửa sổ. Ít ra nó cũng đã buộc bố phải xét lại vị trí làm việc của bố. Thực tế, đôi vợ chồng chủ nhà, bà vợ rất khả ái về hình dáng và có giọng nửa the thé nửa khàn khàn, khá giống tiếng ve kêu ở vùng ngoại ô Auch, bà ấy là một người đoán chiết tự.

Đây là lảng giềng đáng sợ đối với một người như Gabriel, có thể bị uy hiếp về hai mặt: với tư cách là biên tập viên và là kẻ bị truy tố. Ngay hôm đầu tiên, bố đã nhận thấy thủ đoạn của bà ta, bà thường nhìn trộm về phía bố. Bà muốn đánh cắp tình thân của bố. Chắc chắn là thế. Qua một dòng chữ viết của bố (tròn, nhỏ, loằng ngoằng) là bà sẽ biết được tất cả bí mật của bố. Bố tin rằng bà ta thành thạo, giỏi là đẳng khác trong nghề nghiệp. Bà ta có thể căn cứ vào động tác của bố để nhận ra được hình dáng những chữ viết của bố, và căn cứ vào cách bố phóng chữ để biết được văn phong đầy giới tính của bố. Bố nên lánh đi. Bố chỉ viết sau bức rào chắn bằng sách, như một chú học trò giỏi trong bài dịch thi tiếng Latinh. Bà chỉ nhìn rõ đầu bố. Một cái đầu đầy lo âu, bởi vì thuật chiết tự không phải là phương pháp duy nhất về ăn cắp. Bố biết có những nhà chuyên môn phỏng theo cấu trúc của một cái sọ để biết được sức mạnh hay nhược điểm của những cá tính đáng ngờ. Hãy cảnh giác! Có thể bà ta cũng biết thuật này. Tốt nhất là làm việc với cửa đóng rèm che. Nhưng Gabriel lại rất cần khoảng trời để chuẩn bị vụ kiện. Anh thỉnh thoảng nhìn

trời, và chỉ riêng sự hiện diện ấy của trời màu xám xanh hay đỏ tùy theo ngày giờ, trên mái nhà, là đủ nhắc anh không nên nói dối nhiều quá và nên bám vào sự thật. Trong một căn buồng đóng kín, ai có thể biết được Gabriel của ta sáng tác gì?

Bố thấy ít phải lo sợ về ông chủ. Quần áo của ông làm bố yên tâm: rộng quá. Con người ấy, chỉ thích mơ mộng, thích buông thả tâm hồn. Lái thuyền buồm vòng quanh thế giới? Sáng tác một kịch bản sân khấu? Một ngày nào đó, chúng ta sẽ trao đổi kinh nghiệm với nhau. Chúng ta ta có thể tránh mặt không nói điều gì. Các hiệu ăn của thành phố Cannes cổ kính đều có những bàn ăn kín đáo, tiệc tùng bắt buộc. Hai ta sẽ ngồi lâu để nói chuyện với nhau trước sự nổi giận của các bà vợ gọi hỏi nhau qua cửa sổ: Bà có thấy chồng tôi không? Thưa bà, không, còn bà có biết Gabriel của chúng tôi không? Cũng không, tôi vừa định hỏi nếu... Đầu tiên, họ lo lắng rồi sau đó tức giận, Và không gì công hiệu để gắn bó một tình bạn giữa đàn ông với nhau bằng sự tức giận của phụ nữ. Bố sẽ kể lại câu chuyện về cao su ông ta nghe, còn ông ta sẽ hướng dẫn bước đầu cho bố về giấy bởi vì đó là lĩnh vực của ông ta. Rồi ông ta sẽ thú thật với bố điều mơ mộng của ông, việc ông ta đang chuẩn bị và vì sao mà ông ta lại mặc áo len chui đầu, áo vét màu rộng thùng thình.

Thôi, giải lao đã hết. Con cố đến thăm chúng ta, các bà mẹ của con và ta, một ngày nào đó. Còn bố, bố tiếp tục.

Đình chiến, vậy thôi.

Bắt buộc phải đi liên miên từ mặt trận đến xưởng chế tạo nên tôi thích ở lại khách sạn. Nơi tôi chọn là ở khoảng giữa nhà thờ và quảng trường Jaude, thường vắng khách (trong thời chiến người ta ít đi du lịch). Thỉnh thoảng có một ông tướng đến đây để hò hét. Tướng ta không hiểu tại sao các xe pháo của Pháp cứ tiếp tục sa vào vũng bùn, mặc dầu có những tiến bộ của khoa học tiên tiến: vì các anh mà quân đội giẫm chân tại chỗ. Tôi có nhiệm vụ làm dịu lòng ông khách, nói rõ cho ông biết sự phức tạp của vấn đề. Tôi đưa ông đi thăm những bãi tập, niềm tự hào của chúng ta, đủ cả các kiểu địa hình, mỗi loại một mẫu, bị xới trộn bằng xẻng làm vườn vào những ngày mưa. Ông tướng và tôi ngồi cạnh nhau trên ghế gập. Những chiếc xe tải đang thí nghiệm chạy qua lại trước mặt chúng tôi, chúng được lắp thí nghiệm bánh bơm kiểu XL, 12, rồi bánh bơm kiểu A14, rồi bánh bơm kiểu 17B. Những cảnh trượt bánh, bánh trơn quay vòng thường dẫn đến chỗ bị sa lầy.

- Quả thực, ông đội ạ (cấp bậc của tôi), - vị tướng vừa nói vừa chùi mặt bị bùn đỏ, hoặc bùn nâu bắn vào, - quả thực không có lý do gì buộc ta phải buông xuôi chịu thua những kỹ thuật bánh bơm không đơn giản.

Và buổi tối, ông ta mời tôi ăn trong một căn phòng rộng vắng vẻ, trên tường có treo chiến lợi phẩm (những cặp sừng nhỏ của hươu xứ Auvergne).

- Trước chiến tranh tôi cũng từng đi săn, - ông ta tâm sự.

Ngoài những ông tướng, chỉ còn tôi và bà chủ nhà. Tên bà là Haeberlin, còn người chồng đã đào tẩu đi cùng với một người đàn bà phóng đảng vùng La Chaise-Dieu) trong một dịp may mắn vài ngày trước khi tuyên chiến, rồi bị tóm bởi lệnh tổng động viên và đã chết từ ngày ấy. Sau một vài cốc rượu mặn, không khó khăn gì, bà

Haeberlin đã tự coi mình là vợ góa một quân nhân hơn là người phụ nữ bị chồng bỏ. Vả lại, bà nhận thấy là có những việc có ích: chiến tranh không phải chỉ là bất hạnh, thế thôi... Đó là điệp khúc, một hình thức lạc quan của bà. Bà nháy mắt, mặt hơi đỏ một chút. Tôi đã quen với nốt ruồi ở môi trên và mái tóc màu xám của bà chải thành bờm dựng ngược trên đầu bà. Chúng tôi nói chuyện hàng giờ trong buồng ăn, bà đứng dựa vào bàn tôi, tay cầm đĩa, còn tôi ngồi trước đồng hồ gỗ, vì bà thường đưa thêm tôm vào các món ăn do thiếu thịt. Tôi đề nghị bà ngồi xuống. Bà làm ra vẻ không nghe thấy.

Điều khó chịu nhất là phải ngủ tại những căn phòng không có người ở. Tôi chợt tỉnh dậy, cảm thấy chung quanh mình là cả một sa mạc đang tiến lại gần. Cũng may là Grand Hotel của thành phố Lyon rộn vang những tiếng động làm tôi yên lòng. Tiếng sùng sục của nước sôi, bước đi đi lại lại của bà chủ, tiếng cọt kẹt của cửa ra vào, lần đầu tiên là mở cho người đưa sữa, lần thứ hai là cho người đưa thừa (hôm nay lại chẳng có gì cả, bà Haeberlin ạ) và ngay cả vào giây phút lặng im hoàn toàn này giữa tiếng chén tách vỡ buổi điểm tâm và những tiếng cọ sát trong nhà. Tất cả những tiếng động ấy làm tôi cảm thấy như đang ở nhà.

Ngày 12 tháng Mười Một năm 1918. Tôi còn đang ngủ, không phải là tôi đã ăn mừng chiến thắng khá khuya, tôi cảm thấy đang được nghỉ việc. Rồi sau ngày đình chiến, hòa bình lại thực hiện quyền của nó, người ta lại tìm thấy những sự sợ hãi trước kia, người ta lại tìm ra cho mình những bệnh nặng. Rồi trở dậy đi tìm tờ báo hàng ngày lùa dưới khe cửa của tôi. Ở trang tám có tin Apollinaire đã mất. Hình như người ta đã trải rơm trước nhà của ông và kéo kín hai lần rèm để tránh cho ông những tiếng xe lăn, và những tiếng hát vui mừng. Tôi nghe tiếng nói của các bà phụ nữ và tiếng của Haeberlin: kia rồi, kia rồi. Và sau đó, tên tôi:

- Ông Orsenna, - giọng nói như chất vấn, - ông ấy ở đây thực ư?

Những tiếng sau, tôi không nghe rõ.

- Nhưng thưa các bà, các bà là ai?

Bà Haeberlin nói như quen miệng. Để cho thuật tiện, tôi ở buồng số 4, đầu cầu thang, như vậy là tôi không cần phải lắng tai để nghe tiếng trả lời khe khẽ.

- Vậy thì trong trường hợp đó...

Có những tiếng cười, tiếng rúc rích, tiếng áo xột xoạt khá mạnh. Tất cả mọi bậc cầu thang đều kêu rang rắc, cửa buồng tôi mở ra.

Mãi về sau tôi mới gặp lại bà Haeberlin trên bến xe điện ngầm ở ga Madeleine, bà đang ngập ngừng đổi tàu. Bà đến Paris nhân có một đám tang. Giữa hai chuyến xe, bà đã thú nhận với tôi là bao giờ bà vẫn nghĩ đến câu nói ấy của hai người đàn bà lạ vào buổi sáng hôm ấy, nghĩ đến gò má ửng đỏ và đến những ánh mắt rực sáng của họ.

- Chúng tôi là vợ của Gabriel Orsenna – đúng, đó là câu nói của họ: chúng tôi là vợ của Gabriel Orsenna. Nếu không phải là đình chiến, thì tôi, tôi đã gọi cảnh sát...

Bà Haeberlin đã muốn kéo dài cuộc nói chuyện. Nhất là để tôi giải thích ý nghĩa đúng của câu nói ấy. Nhưng không phải lúc, trên một chuyến tàu, đứng giữa cao điểm với các xe điện ngầm cứ bốn phút lại có chuyến đi.

Tôi đã tỏ ý giục bà:

- Chào bà, bà Haeberlin, tôi mừng thấy bà vẫn khỏe. Thôi, chúc bà đi Paris được tốt lành.

- Còn ông?

Bà nhìn tôi không mấy ảo tưởng. Tôi nói dối một chút để bà yên tâm, vẫn khỏe, bà Haeberlin ạ, tôi rất vui và chỉ cho bà đường đi tới Montparnasse, đổi tàu ở Concorde rồi đi thẳng, rồi tôi đi về phía bên đổi tàu của tôi, vừa đi vừa huýt sáo.

Khởi lên những hồi ức giống như hồi ức sắp tới, hồi ức huy hoàng, chính là vì tôi đã muốn có một đứa con trai. Người ta có thể kể chuyện đời mình cho nhiều người, cho một người đàn bà gặp gỡ ở đâu đấy, một thầy tu mồm thoảng mùi tỏi ngồi bên kia lớp rào xung tôi hay đoàn hội thẩm của tòa án đại hình. Nhưng đối với thịt da mình thì xúc giác càng chặt chẽ hơn. Một con sóng lớn chảy qua mình, bắt nguồn từ một chốn xa rồi tiếp tục chảy về hạ lưu xa tắp, Orsenna Gabriel, con của Orsenna Louis truyền cho con trai là Orsenna X (ta chưa muốn lộ tên của con ra vội), cục đá tạo ra vàng, điều bí mật của hạnh phúc.

Còn bây giờ, con trai quý mến của bố, con muốn biết rõ mọi việc. Con muốn biết đến chết đi được tất cả các chi tiết. Con khao khát muốn biết những chi tiết ấy và con cũng lại sợ, nói tóm lại, đó là thuộc về mẹ con và về dì con. Ta tưởng tượng đến cái trán đỏ của con, đến những bàn tay nhợt ướm của con khi con sắp sửa giở trang giấy này, muốn bỏ trang này đi, trang giấy rất vô tích sự này nhưng nó báo trước có trang sau đem lại nhiều hứa hẹn, con giống tai nghe như tất cả những đứa con trẻ dậy thì đang cầm đầu xem một đoạn truyện con heo, sẵn sàng ném luôn cuốn sách tác hại vào trong ngăn kéo khi nghe thoáng thấy một tiếng động nghi ngờ. Con giống tai cũng như ta đã làm lúc các bà ấy lên cầu thang. Khi ta đã nhận ra tiếng nói của các bà ấy. Trước tiên là tiếng Clara: ta sẽ thấy anh ấy ngủ. Rồi đến tiếng Ann. Chị biết không, anh ấy đã mặc quần áo chỉnh tề, cạo nhẵn râu và sung sướng đợi chúng ta. Bình tĩnh nào, con trai yêu quý của bố. Bố viết tiếp, viết tiếp.

Vả lại, người ta dễ tha thứ cho tuổi già. Những người già như ta có thể nói tất cả. Người ta chấp nhận để họ nói tất cả mọi thứ chuyện, ngay cả sự thật. Người lớn tuổi là một loại vô danh, một bí danh. Những người được người ta nói đến đều đã mất rồi, Ann và

Clara, rất đạo mạo và đáng kính trọng, nhìn thấy những bàn tay da mồi của các bà, ai dám nghĩ rằng sáng hôm đó các bà ấy đã có thể mòn trớn được? Con hãy tin ta, thời xưa, người ta có thể tiến bước không sợ những chuyện rủi ro, thường phía trước ta là một khoảng hoang vắng.

Như vậy là các bà ấy tay gõ cửa, miệng rúc rích cười.

- Bà Haeberlin, mời bà vào – bố con nói rất khéo, mặc dầu đang mắc chứng tim đập mạnh.

Và như thế là từ độ cao gần bốn năm xa cách, các bà ấy nhảy bổ vào căn buồng anh chàng độc thân. Trước hết là Ann, mặc bộ đồ màu mận, váy xếp nếp bông (chắc hẳn kiểu mới của Mỹ) rồi đến Clara, mũ kiểu y tá, áo màu xanh nước biển. Các bà rú lên: “Gabriel, Ô! Anh Gabriel”. Họ nhăn mặt trước những đóa hoa hồng vẽ trên giấy dán tường. Họ cười tấm ảnh đặt trên bàn ngủ ọp ẹp chụp gia đình Knight đứng thẳng hàng, bốn người trên bờ hè, dưới một dòng chữ lớn ghi Washington và Albani. Rồi các bà ôm hôn Gabriel, Gabriel, và lại Gabriel.

- Trời rét quá, anh Gabriel!

(Ta để cửa sổ mở suốt đêm để tận hưởng cuộc đình chiến).

Và họ nằm nệm lông. Clara ở bên tay trái (anh Gabriel, cuối cùng em đã ở bên anh) và Ann ở bên tay kia (nghề của anh có thú vị không?).

- Ông Markus thế nào? – Gabriel hỏi.

- Ô! Cha vẫn yêu quý anh, chắc hẳn ý anh muốn biết vậy.

- Cuộc đời ở gửi tập II – Ann nói.

Con ơi, có hai thứ cần chọn lấy một.

Nếu con muốn chia cuộc sống của con làm nhiều ngăn kín cách hẳn nhau: tình yêu/ gia đình/ tình bạn/ nghề nghiệp/ tình dục/ du lịch/ thể thao/ tiêu khiển/ nhớ quê hương/ sợ chết. Đây là quyền của con. Con không phải là người duy nhất cũng không phải là người đầu tiên. Ta chỉ cần con nhận thấy rằng chiếc tàu *Titanic*, chế tạo theo nguyên lý đó, đã bị chìm.

Hay là con muốn giao tranh một trận thôi và không phân tán lực lượng của con. Nếu thế hãy chọn hai chị em và không bỏ họ. Hãy cố gắng.

Bởi vì hai chị em cùng một lúc là tình yêu, gia đình, tình bạn, nghề nghiệp, tình dục (kiếm tìm ở hai người những tiếng vang, những sự giống nhau, điều đó làm tăng sinh lực có hiệu nghiệm hơn hẳn nhân sâm), du lịch (nhất là họ cũng sống du mục như gia đình Knight), thể thao (khá tiêu hao sức lực), tiêu khiển (nếu còn thời gian cho một cuộc tiêu khiển, đó là điều mà ta nghi ngờ. Các nhà thống kê không thấy trong số những người say đắm hai chị em có ai là người sưu tầm tem), nhớ quê hương, sợ chết (xem ở phần trên, tình dục và sự giống nhau).

Con trai thân yêu của ta, đây tùy ý con chọn, con không cần biết thêm nữa. Ta đã gợi ý cho con đủ rồi. Bây giờ con có thể biến đi được rồi đây. Con trai không được dục vào những chuyện chơi đùa của cha mình. Hoạt động ấy sẽ làm đũa con gai mắt, thất vọng hay tệ hơn nữa, là nó ngưỡng mộ và thêm muốn: chen tất những sáng kiến tương lai của nó.

Con trai ơi, tin ở bố, không nên giận bố, con hãy để bố ở khách sạn này với hai chị em một ngày sau đình chiến. Hãy nghe bố, con biến đi, quay về với cuộc sống của con, như thế tốt hơn cho cả bố con chúng ta. Con chỉ cần nhớ chi tiết này, nếu con muốn, cho cuộc hành trình của con: Ann muốn thế đứng còn Clara thì không. Thôi,

đến giờ ra đi rồi. Con đừng cúi nghiêng người qua cửa sổ. Bố hôn con. Gabriel.

Con không muốn bỏ đi ư? Chưa đi à? Rất tốt. Thôi đừng nhìn với con mắt đứa trẻ van xin nữa, đứa trẻ mất dạy, sợ đêm tối và ta sẽ kể cho nghe.

Ngày hôm ấy hai chị em vui vẻ lắm, ngay cả Clara nghiêm trang, cô y tá mặc áo dài bó màu xanh nước biển có mớ tóc hạt dẻ, ngồi trên thành giường và vỗ tay, anh Gabriel, anh biết chứ chiến tranh đã kết thúc, và chúng ta không chết. Hoan hô cuộc đời tươi đẹp! Mẹ Élisabeth và cha Markus sắp từ New York về chuyển tàu tới và chúng ta sẽ cùng nhau đi đón. Cha Markus sẽ vui vẻ được gặp lại anh. Ô! Đúng thế, hoan hô cuộc đời tươi đẹp và cô nàng hôn lên khắp mặt có cặp má bầu bĩnh của anh ta. Trong khi ấy Ann, mớ tóc tết màu hung, nằm dài bên cạnh ta, váy dài có nếp rộng, anh nhớ không. Ann nói nhỏ vào tai ta, anh Gabriel, anh thấy không, em đã bảo với anh là cuộc đời dài, dài lắm, thế là chúng ta gặp lại nhau... Và cả hai nàng đều cười, cười không dứt, chính ta là người có bộ mặt trịnh trọng, thôi mà đừng có giờ bộ mặt ấy, anh Gabriel, anh không vui khi gặp lại bọn em ư? Và họ cười, họ cười...

Anh sẽ thấy, ngày nào đó, những ngày hiếm hoi, rất hiếm, những căn buồng sẽ tách ra, rời khỏi khách sạn, nhà cửa của họ, rồi trôi đi, trôi theo một con sông nước chảy xiết, trôi ra biển. Chính sự vui sướng đã lôi cuốn chúng ta, từ động tác này đến động tác khác, đúng đấy, anh Gabriel, những người đàn bà mà anh yêu, có cặp đầu gối và cặp đùi, do là Gabriel của chúng ta hay đồ mặt, hãy còn là một chú học trò trung học, động tác mỗi lúc một gấp, nên chẳng mấy nổi đã hết hơi, ngay cả Clara cô gái nghiêm trang, ngay cả Ann cô gái hay giữ kể cũng vậy.

Con từ chối không đi ư?

Ta chắc thế. Mặc con! Thực khổ tâm phải mang nặng trong lòng hình ảnh ngộ nghĩnh của một người cha, nhưng con đã muốn như vậy. Ta tiếp tục thôi. Ta nói lên cái ham muốn điên cuồng đột xuất đến với ta trong khi đáng nhẽ chỉ một mình ta được hưởng điều kì diệu này: ngày 12 tháng Mười Một năm 1918, Ann và Clara đều ở trên giường của ta và sẵn sàng làm mọi thứ, con hiểu không, làm mọi thứ để cho ngày đình chiến của ta được dễ chịu. Đúng thế, một tham vọng đến với ta, con đừng làu bàu là bố sao ngớ ngẩn, sao láu lỉnh thế! Vì tham vọng này có liên quan đến con. Trong khi Clara, vẻ mặt luôn giữ trang nghiêm, ngồi trên người ta và Clara thì thầm với ta những điều gợi ý khó mà tin được, ta tự nhủ thầm: bọn mình có nên lợi dụng cơ hội này để cả ba cùng nhau sản sinh một đứa con chăng? Định luật di truyền học theo cặp đôi: một người đàn ông duy nhất cộng với một người đàn bà duy nhất = một đứa trẻ.

Ta bèn thay đổi nhịp độ, ta dồn họ lại, ta trở nên cuồng nhiệt lẫn tính toán, đồ vật và san sẻ, vừa yêu người này đã nhào vào người kia, trước khi chuyển mạn tàu, thay đổi chiến thuật, tôi đọt các bà, các mỹ nhân của tôi, bây giờ tôi là phụ nữ, các bà hãy cho tôi một thằng con trai.

Họ nhìn ta, thoát đầu ngạc nhiên rồi sau lại tán thưởng, này, anh Gabriel, trước đây anh quá nhút nhát, bốn năm qua anh đã thay đổi rồi, cường tráng thật! Sau đó họ đâm ra hốt hoảng. Anh Gabriel, anh sao vậy, bình tĩnh nào! Có thể họ buồn chán đấy. Họ đã hiểu rằng ta vừa ra khỏi phút giây hạnh phúc. Họ đã cảm thấy có sự gắng sức đáng ghét. Căn buồng vẫn lại là căn buồng, còn họ, họ mặc quần áo. Lúc này họ đã ăn mặc đàng hoàng thì trò về không còn thú vị gì với con nữa, con có thể đi đâu thì đi, không nuôi tiếc nữa.

Do chỗ, để gọi lại một kỷ niệm như vậy cho kẻ tiếp bước, ôi, khôn nạn thay, thà đừng có con trai. Ngay dù những sự thất bại về đường tình ái của một người cha bao giờ cũng ít nhiều làm yên lòng con trai của mình, nhưng ta chẳng muốn làm yên lòng ai cả. Bữa ăn trưa tai hại tiếp theo sau, Gabriel, sẽ thuật lại theo thực đơn.

Trước tiên là món xà lách trộn cà chua, những quả cà chua mùa đông trông nhột nhột không gọt vỏ, trong ruột lổn nhổn hành và mùi tây thái nhỏ, những hạt dầu li ti trên vỏ đỏ làm ta liên tưởng đến những hạt sương. Giả sử thân thể một con người sáng sớm ra nằm dài trên cỏ: liệu có giọt sương nào phủ lên như các vật khác của tạo hóa không? Cả Clara lẫn Ann đều không đáp lại lời gợi ý đầu tiên ấy để dẫn câu chuyện theo mạch trình tự hơn là mang về thi vị.

Tiếp theo là những miếng thịt gà nạc trắng hơn mềm, chung quanh có tôm, thứ thức ăn không thể thiếu được. Các vị biết rõ là những con vật bé nhỏ ấy, nhờ chiến tranh để cho yên, đã sinh sôi kín đặc cả những con suối của chúng ta chứ? Một năm nữa thì chúng sẽ quật lại những đạo quân của chúng ta. Anh có thể suy ra điều gì chứ? Clara hỏi.

Rồi pho mát xanh xứ Auverge với những lỗ nhỏ li ti phơn phớt lông tơ giống. Anh thấy giống cái gì nào, anh Gabriel? Ann hỏi. Tôi bao giờ cũng thấy hơi tởm thứ pho mát này, Clara nói.

Cuối cùng, món quà tặng của gia đình bà quả phụ Haeblerlin, một chiếc bánh kem to tướng tươi sôcôla thơm ngát màu ngả hồng chứ không hẳn là màu nâu, bằng chứng rõ ràng là do quá thiếu cacao. Tôi không biết có đủ bánh bỏ lò không, Clara nói. Bây giờ tôi biết chị nghĩ gì, Ann nói. Và lợi dụng lúc lộn xộn quanh bữa trắng miệng chiến thắng, những ngón tay của Clara đã vuốt ve để quyết toán anh chàng đã từng sống và sẽ sống độc thân Gabriel.

Thực đơn gồm các món màu xanh, trắng, đỏ và tai hại ấy đã chiếm choáng một chỗ mất cân đối trong hồi ức của Gabriel: quá lớn. Suốt bao năm rông vờ choàng thức giấc, ý nghĩ đầu tiên của Gabriel luôn dành nghĩ tới bữa tiệc đó. Anh cố nghĩ đến chuyện khác, một bãi biển dưới ánh mặt trời, một bức họa của Piero di Cosimo hoặc cố chìm mình trong giấc ngủ càng lâu càng tốt, nhưng thực đơn các món đó cứ lảng lảng trở về theo nhịp độ của nó, thoát nhiên món salad cà chua, rồi thịt gà nạc trắng mềm ...

Cà phê được dùng trong những chiếc tách men trắng có vạch xanh. Hai chị em đã nâng những chiếc tách men trắng có vạch xanh và tì sát vào môi. Họ không nhúc nhích. Họ nhìn Gabriel và hơi cà phê bốc qua trước mặt, cái luồng hơi rất nhẹ ấy bốc lên từ những tách cà phê. Họ nhìn Gabriel và thầm tự hỏi lần cuối cùng: để xem chúng ta có thể chung sống với anh chàng Gabriel này không? Anh chàng Gabriel ấy làm ra bộ là Gabriel khác, anh chàng bất lịch sự, một anh chàng không phải chỉ có hai chị em ấy trong cuộc đời mình mà còn nhiều người khác nữa, cả một binh đoàn các chị em, và lại, có thể là anh đã gặp một vài chị em đó, khi đến đây... Một Gabriel quyến rũ. Những người quyến rũ không phải là những người bắt buộc phải nói đến tình yêu, khi đó là tình yêu. Gabriel lại có nói đến vấn đề khác. Nhưng những chuyện khác đó bao giờ cũng lẫn trốn như thường thấy trong những trường hợp này. Gabriel chỉ trông thấy tình yêu của mình và không thấy chuyện nào khác. Như vậy anh ta chỉ nói đến điều mà anh thấy, tình yêu của anh. Và anh làm người ta buồn chán hoàn toàn. Ngọt nhạt. Không sửa được nữa.

Chính Ann đòi được trả tiền, đúng thế, đúng thế, chúng tôi muốn thế và Clara nói lời phán quyết. Đó là sự phân công bình thường nghề nghiệp cụ thể của họ.

- Anh Gabriel này, chúng tôi đã nghĩ kỹ. Chúng tôi nghĩ kỹ lắm và thâm tâm chúng tôi mong muốn, anh Gabriel, anh sẽ sung sướng.

- Ô! Vào bất kỳ giờ nào hay có thể nói là hầu như vậy – bà Haeberlin trả lời câu hỏi của Ann về giờ giấc những chuyến tàu đi Paris.

Gabriel lợi dụng vụ kiện này để thanh toán món nợ của anh với Clermont – Ferrand và Auvergne, là những chốn đã giúp anh rất nhiều, đã muốn bào chữa cho anh.

Nhưng cảnh núi lửa đã dịu tắt không đủ sức bứt anh ra khỏi nỗi đam mê của anh với chị em ấy.

Đây là ngày Chủ nhật thực sự đầu tiên sau chiến tranh, bữa ăn trưa đầu tiên vào lúc một giờ, sau bốn năm, lại được sống với những thói quen. Hai người hầu từ thuở trước. Người ta ôm họ trong vòng tay. Cờ dây hoa trang trí trên tường, hàng chữ “Vinh dự thay quân đội ta!” bằng sơn trên kính, dòng chữ “Nước Pháp vạn tuế!” đã hơi phai vì kẻ từ hơn một tuần lễ kể từ Pethondes. Và cửa hàng bìa từ chối khách hàng. Tất cả các bàn đã có người ngồi, các bà mẹ với con trai lớn, các bà tóc hung háu ăn, loại các bà mẹ nuôi của quân đội, những người bạn kết nghĩa với liên đội, những cặp nhân tình khóc lóc, những phụ nữ buồn rầu ngồi cạnh nhau, mấy bọn trẻ què quặt cười không dứt, tất cả những nhóm người họp lại với nhau theo đủ mọi kiểu có thể có được...và bất cứ chỗ nào cũng vẫn những loại chuyện ấy, dù quay đầu nhìn vào đâu cũng vậy, những chuyện chiến đấu bất tuyệt và sự may mắn mà tôi có, và cái anh chàng khốn khổ X... như thể là người ta muốn làm sống lại tất cả, để sự kinh hoàng phải dừng lại. Ở nhiều bàn, người ta đề nghị người nào nói lại chuyện về một chốn nào đó sẽ phải phạt hai frăng. Nhưng chẳng ai cưỡng lại được: chỉ cần một động tác, một chai rượu là, này bạn, cái đó nhắc tôi nhớ tới một buổi tối báo động và cuộn chỉ cứ thế tháo ra, Douaumont, Clienin – des – Dames hoặc Darnellles được coi như những chiếc chốt không thể thiếu được trong các câu chuyện: Và để kết thúc, bao giờ cũng vẫn là câu hỏi này: chúng ta sẽ sống ra sao? Bây giờ? Một khi chiến tranh vừa kết thúc, hòa bình đã được lập lại. Nhiều người có thể cầu mong được một chút nghỉ ngơi, ngày ra vào buổi sáng. “Tổng thống Wilson đề nghị một hòa ước chung”.

- Rồi con sẽ biết, tất cả sẽ sụp đổ dưới những biện pháp hòa bình. Tốt lắm. Những điều mà chúng ta cần là lấy lại được lòng tin, là những con người, chúng ta có năng lực làm được cái gì... Một bảng cân đối lớn của hành tinh...

Ông đã lòi ra từ giỏ đi chợ một ma két nhỏ. Con nghĩ gì về cái này? Triển lãm toàn cầu... người ta sẽ có thể đặt nó ở Champs – Élysées, từ quảng trường Rond Point đến cổng Carrousel... với

Điện Le Louvre làm nền... ta không giấu con, còn tranh luận dữ lắm. Có những người bệnh vực ý kiến về các trục quen thuộc là trục Trocadéro – Invalides...

Rượu vang có ghi năm sản xuất 1913. Ta hơi buồn, thường là trước những sự hưng phấn ta luôn như vậy! Louis nhận thấy điều đó.

- Vậy còn con? Trông con không được tươi tỉnh lắm. Vẫn lại chuyện mấy nữ hoàng của con?...

Ông nội gọi Ann và Clara như thế. Đối với ông, các bà hoàng là một dòng giống khác, có những đặc điểm rõ ràng: tay chân dài; nụ cười – tình – nghịch – ngay – cả - trong – tình – yêu; những đàn bà của một người khác, dù bằng cách nào đi nữa; ngay cả khi có thể là người khác ấy; tính cuồng si của buổi đầu...

- Ta đã báo trước cho con biết rồi. Các bà hoàng đem tai họa đấy. Ta đã dạy bảo con chưa tới nơi tới chốn. Điều duy nhất thực sự có ích mà một người cha có thể dạy con trai mình là hãy thích những người đàn bà còn lại. Thế nào Gabriel?

- Vâng ạ.

- Dù sao, nếu con không thể cần đến các bà hoàng thì con hãy thay đổi thành phố này đi. Clermont – Ferrand không phải loại của họ, đúng không Gabriel?

- Vâng ạ.

- Hãy tin bố, thôi đừng cố đeo đuổi nữa, con không còn trẻ đâu. Rồi con sẽ biết, đến một thời điểm nào đó, người ta sẽ nhận thấy rằng mình chẳng còn giữ được lâu các ngón tay, những thân thể, những nụ cười. Vắng đàn bà là một thứ xa xỉ mà người ta chỉ có thể tự cho phép trong thời trai tráng thôi. Nghe ta bảo này. Hãy chọn

một người đàn bà thực sự. Gabriel, một người đàn bà thực sự. Và con sẽ thấy đời người nông ấm hơn.

Một người đàn bà có thể để đầu trần đi đến. Bà ta có mái tóc hung, dòng máu phương Bắc hay dòng giống Slavơ, người trong mập mạp chứ không cao lớn, đầy sức khỏe... Mãi khuyển dạy con những lời mang tình phụ tử, Louis không nhận thấy có người đàn bà thực sự đang đi đến

- Chào anh Louis, anh giới thiệu em với con trai anh đi?

Tin mừng cho thời kỳ hạnh phúc của bố anh chàng Gabriel, giọng bà ta không hay, Louis là một nhà sư phạm dễ cáu kỉnh nên khó có thể chịu đựng được lâu cái lối nói uốn lượn quá rõ những chữ r, và tiếng rung quá mạnh nhấn các phụ âm. Tin mừng cho số phận của bố chàng Gabriel là câu quở trách đầu tiên bà ta đã nói: chào anh Louis, anh giới thiệu em với con trai anh đi chứng tỏ bà sẽ nắm quyền hành.

Tin mừng cho tình yêu nói chung: mối quan hệ hiện tại đi vào con đường gương mẫu.

Một tin xấu đối với Gabriel: trên đời này không chỉ có hai cha con Orsenna.

Đột nhiên Louis đứng bật dậy, ồ xin lỗi! Bà Wladislawa, sinh quán ở Sopot (ngoại ô lớn của Gdansk), là người phiên dịch (cho nên cần có giọng hay).

- Wladislawa, - Louis nói (chắc ông nội Louis đã phải tập hàng giờ, hàng giờ trong phòng sách đóng kín cửa ông để luyện giọng Ba Lan tốt như thế), - Wladislawa đến đây để tham dự các cuộc hội nghị quốc tế đang được chuẩn bị.

- Đây là một nghề mà người ta cần có điểm cố định – bà ta nhìn thẳng vào ánh mắt Gabriel và nói.

Đã nhận được thông báo. Thay đổi cuộc đàm thoại. Louis quay về với những dự định lớn lao.

- ... Đồng ý, đồng ý, vào năm 1889, Tháp Eiffel dùng cho một cuộc triển lãm, lúc đó là một chuyện mới lạ. Thú thật bây giờ là một chuyện rất tầm thường.

Cơn sốt về trưng bày đã xâm chiếm ông. Một việc đã ám ảnh ông. Ông muốn biết nên trình bày những vùng nhiệt đới như thế nào.

- Con, con biết rõ những vùng thuộc địa... cụ thể là Brésil... Con nghĩ thế nào về một vườn kính rộng thênh thang trên Đại lộ Marigny? Con sẽ đảm nhận các cây quý chứ?

- Con không biết liệu có thời gian không. Xem ra hòa bình có lẽ chẳng để chúng ta có nhiều thời gian nhàn rỗi đâu.

- Liệu con có thể làm được điều gì quan trọng hơn là cuộc Triển lãm toàn cầu?

Ông Louis không hiểu, cả bà Wladislawa cũng vậy. Họ ngây người nhìn Gabriel. Không có tham vọng nào hiểu được. Nhưng khi người ta đề nghị với mình một tham vọng, một tham vọng khổng lồ, mà mình có thể sống suốt đời với tham vọng đó, khi người ta hăm bót dòng, dòng tham vọng, và mở cửa mời, mình chỉ có việc leo vào, một chỗ đã dành sẵn đấy, trong một tham vọng nóng bỏng, một chỗ êm ấm cạnh cửa sổ... Thế là Gabriel Orsenna, không dám hỏi hấn sẽ làm cái gì, làm cái gì đáng hơn là cuộc Triển lãm toàn cầu. Họ sợ rằng nó là một con người mất hết mọi ước muốn, như họ muốn trước tình yêu của họ, lòng luôn thiếu quả quyết, tâm hồn lơ mơ.

Louis nói:

- Thôi, con muốn thế nào cũng được. Nhưng ta chắc rằng con sẽ nghĩ lại. Người đàn bà thực sự và hai cha con Orsenna ăn món

trắng miệng. Lê Bourdaloue đang được chuộng. Ăn với đường bột rắc, mỗi thìa bỏ vào miệng, bột đường tạo thành một lớp mù như khi mở miệng nói vào mùa đông.

Vị hôn phu của Louis đưa mắt nhìn khắp phòng: dù sao cũng vui vẻ thật, vui vẻ để ăn mừng chiến thắng, phụ nữ đã đem chưng diện những chiếc áo lông cài đầu, những khăn quàng bằng da trắng, bằng lông cáo và tất cả đều là màu đen hay gần như đen, người ta nghĩ rằng đây là thời trang chứ không phải là trang phục. Những chuyện mơ mộng kéo dài. Người ta nói to hơn. Không ai rời khỏi bàn ăn. Danh sách những người đợi kéo dài, hàng mấy chục khách ngủ nán lại ở giường quá muộn hay là vừa từ xe hỏa xuống. Chúng tôi ở gần ngay cửa. Chúng tôi nghe rõ đầu bếp trả lời: xin mời quay lại khoảng nửa giờ nữa, sau đó, xin mời quay lại trong một giờ nữa, rồi tiếp đến là những lời thảng thững khước từ, chẳng còn hiểu chuyện gì đã xảy ra, dứt điểm xong bữa ...

Louis giải thích với bà Wladislawa về con trai của mình. Từ thời còn bé, Gabriel đã say mê một thứ nguyên liệu hàng đầu là cao su, em rõ rồi chứ?...

Louis nắm cánh tay tôi và mỉm cười dịu dàng:

- Thật ra, anh đã phải học hỏi ở con... hiểu rõ thực chất những xu hướng.

Louis cần người hỗ trợ. Do đó Wladislawa. Một khoảng cách quá lớn giữa cha và con có thể làm bà ta hoảng sợ, như một thứ chứng tật di truyền. Có thể ông muốn chuyển cho tôi một thông điệp, một thông điệp quan trọng: ba, đó thường là một con số tốt để hai người nói chuyện với nhau. Ông nhấn mạnh:

- Hai chúng tôi giống nhau, Gabriel và anh, chúng tôi điều khiển cuộc sống của chúng tôi như một con ngựa.

Điều so sánh ấy có vẻ đặc biệt làm hài lòng bà Wladislawa. Bàn tay bà ta không rời bàn tay của vị hôn phu Pháp nữa. Đầu máy gia đình tôi đã đói. Tôi cho nó ăn.

- Bố, bố cũng có xu hướng đấy. Một cửa hiệu bán sách đã là một Triển lãm toàn cầu. Lại bí mật hơn, chậm rãi hơn, thế thôi.

Ông Louis vẻ mặt rạng rỡ.

- Thật đấy. Ta đã không nghĩ đến, Gabriel ạ. Một cuộc viếng thăm Triển lãm được coi như xem nghìn cuốn sách. Ta chẳng nói sai đâu. Ta chỉ đi bằng tốc độ cao thôi. Vậy thì chúng ta phải ăn mừng chuyện này.

Louis nhắc lại, - đúng, phải ăn mừng chuyện ngày... con thấy rằng ta đã có ý làm lại từ đầu... - Nào, hãy ăn mừng tất cả chuyện này với ta (Louis cúi xuống bên tôi) và con nên bỏ rơi các bà hoàng về với số phận xa xôi của họ...

Ông gọi lấy rượu và loan báo tin cuộc kết hôn sắp tới của ông. Không khí trở nên nhẹ nhàng như ở thành Vienne. Như thể một đêm thắng lợi ở nhà hát, ở buổi hòa nhạc, người ta có thể sống suốt đời để thưởng thức những tiết mục nhắc đi nhắc lại.

Nhà hàng rượu bia cũng có phần quyết định: những bữa ăn trưa để đến bữa tối. Người ta chỉ cần gài thêm một điểm vào các thực đơn. Không nhận một đơn đặt hàng nào sau hai mươi giờ.

Ở bên ngoài, nơi mà hòa bình đã thay thế chiến tranh, trời đã tối.

PHẦN HAI

Thời đại Ô tô

I

Hãy hiểu rõ: đây là những năm không đầu không đuôi, một sự đảo lộn thời gian không thể ngờ tới được, tuổi thanh niên với tuổi già lẫn lộn, xáo trộn như đánh bài. Người trẻ thì chết, người già thì sống. Thỉnh thoảng, chị thư ký lại đẩy cửa:

- Thưa ông giám đốc, lại một tin xấu.
- Chị im đi!
- Ông Georges... ông kế toán... hôm kia... khoảng tại Bapaume.
- Ngu!

Cai quản nhân sự không phải là một nghề dễ dàng. Nhất là trong suốt thời kỳ chiến tranh thế giới.

Ông giám đốc đứng lên, cầm cái tẩy, xóa thêm một tên trên biểu đồ cơ quan. Trong số các nhân viên trước năm 14, tôi là một trong những người cuối cùng. Mỗi lần gặp tôi ông giám đốc nắm lấy vai tôi:

- Anh, ít ra là anh biết sống sót. Anh Gabriel này, Anh có những dự tính nào cho thời kỳ hòa bình không? Chúng tôi cần anh trả lời cho biết rõ, anh Gabriel, một ngày nào đó chúng ta sẽ thông thả nói đến chuyện ấy càng sớm càng tốt... ta đi ăn trưa nhé, nếu anh nhận lời...

Anh Michel, ông ta tên là Charton, tôi còn nhớ một con người phục phịch, láu lỉnh, mắt hau hấu, dây đeo quần đẫm máu ngay cả trong thời kỳ để tang, ông ta ở đâu đó gần trường Kỹ nghệ. Ông ta đã mời tôi vào một trong những hiệu ăn của khu phố, ở đấy các bàn ăn san sát và các câu chuyện trò xen lẫn với nhau, các câu chuyện

bị đứt đoạn. Chỉ một chút thôi là người ta đã bắt theo câu chuyện về đời sống của người bên cạnh...

- Anh Gabriel này, anh nên cố thật thoải mái nhé! Thôi, chúng ta bỏ qua chuyện ở Brésil.

Ông Charton nhìn thẳng vào mắt tôi. Hai mươi năm cai quản nhân sự đã dạy ông cách thức ăn hết một đĩa rau trộn giấm mà không giây phút nào rời khỏi ánh mắt người đối thoại.

- Tài chính không phải là việc của anh. Thôi được, bây giờ anh đang phụ trách các xe tải quân sự, nhưng việc này sẽ không kéo dài lâu. Như vậy anh sẽ theo nghề nghiệp ở chỗ chúng tôi?

Khi ông ta nói “chúng tôi” là ông đang nghĩ đến ai? Các đội ngũ của ông ta đã tan rã ngay từ đầu thời kỳ chiến tranh. Người ta cảm thấy ông lại hy vọng trong khi ăn, đến một người nào còn sống. Nhưng đôi lúc ông thoáng thấy một điều gì ngờ vực: và nếu người ấy cũng sẽ lại mất? Vì thế không còn nghi ngờ gì nữa, do thích ăn tỏi, ông đã hơi lẫn con ma với con dơi hút máu. Đã nhiều lần ông ta đòi tỏi nguyên củ hay tỏi giã cho món rau, cho bắp cải nhồi thịt, cho pho mát.

- Người ta đề nghị tôi điều gì?

- Không phải là thiếu chỗ làm. Trước tiên là phải chọn: thuộc địa hay chính quốc?

Đời sống nghề nghiệp bao giờ cũng bắt đầu bằng giây phút ưu tiên ấy trong tất cả các trường hợp: có ai đang giở trước mặt anh, quyền danh biểu các cuộc sống có thể được của anh. Người ta có thể tự xem xét mình khá lâu trong nhiều vai trò.

- Có những nghề nào ở thuộc địa?

- Đây, anh có thể chỉ huy ở đây! Một đồn điền hay chỉ huy ngành thương mại của chúng ta hay tổng kiểm soát ngành giao thông, hay đại diện cho chúng ta ở nhà băng Đông Dương. Vậy anh thấy thú vị nào hơn?

Tôi muốn ông ta đi sâu một chút vào các chi tiết; trước hết vấn đề thuộc về số phận có thể liên quan đến Gabriel. Một số phận là có thể xảy đến, cũng đáng để cho người ta có thời gian suy nghĩ.

Vậy thì, bằng lòng hay không, tôi có thể ghi tên anh đi Đông Dương được chăng?

Tôi đã quyết định rồi. Bao giờ tôi cũng ghét Á châu đã ăn cắp những cây cao su của xứ Brésil. Và cao su của tôi là cây cao su hoang dại chứ không phải là cây cao su trồng. Tôi thấy làm một nhà nông là không tốt cho tôi. Ông Charton có hiểu cho những lý do này không?

Khi trả lời ông: không, tôi không muốn đi xa, tôi là cái cọc chống cho gia đình, tôi đã trông rõ con tàu rời đi về Port Sand. Không có Gabriel. Và tôi đã phải tự ngăn lại để không vấy khăn mùi xoa của tôi, trên món bánh táo nóng mà cả hai chúng tôi đã chọn làm món tráng miệng.

Ông giám đốc không nói gì, không nhăn mặt, môi mím lại giây lát. Rõ ràng là tôi đã làm ông thất vọng.

- Được, tốt lắm, thì ở chính quốc vậy. Tôi có thể đề nghị anh lãnh trách nhiệm ở “Sở nghiên cứu và Thi đua”. Hợp với anh chứ? Hoan hô! Tôi ghi cho anh làm phó, để bắt đầu mà. Nhưng trong việc nghiên cứu thì thủ trưởng không bao giờ sẽ phải lao vào việc tìm tòi. Tôi chắc chắn là anh sẽ làm được những điều kỳ lạ. Theo người ta nói thì giữa cao su và anh có một thứ tình yêu phải không? Ông giám đốc coi về nhân sự đã bắt tay tôi khá lâu và thận trọng và ông còn xoa má tôi. Tôi hiểu ông. Ông ta muốn xác nhận xem lần cuối cùng có phải Gabriel Orsenna đúng là thuộc vào thế giới của những

người còn sống. Chắc chắn và hài lòng về sự chiến thắng các con ma, ông ta ra về hoàn toàn vui vẻ, người sắc mặt tươi.

Một vài tháng đã trôi qua, hòa bình đã được ký kết, các loại súng ống đã câm. Ngày tháng bỗng bình như trong quần áo quá rộng. Chiến tranh đã chiếm tất cả mọi chỗ. Đình chiến để lại những khoảng trống không và những kho hàng, cả hàng héc ta đất đầy xe vận tải màu xanh lá cây, màu ngụy trang.

Không ai muốn có chúng. Người ta cố tìm nhiều cách, mở những vụ bán đấu giá rẻ mạt nhưng không xong. Phải làm sao tiêu thụ được? Báo chí đặt vấn đề.

Các xăm lớp có nhiều kết quả hơn. Người ta chất đồng chúng thành từng núi màu đen lạ lùng, cứ ngày cuối tuần lễ là có nhiều gia đình đến thăm, họ đi đi lại lại hàng giờ giữa đồng cao su đỏ để tìm cho đủ một bộ và buổi chiều lại ra đi, chất những chiến lợi phẩm ấy lên những chiếc xe sử dụng cả bốn mùa.

- Như vậy chúng ta sẽ sẵn sàng, khi chúng ta có một chiếc ô tô, người chồng nói với người vợ.

Người vợ gật đầu đồng ý. Phụ nữ rất phục tùng đối với những chuyện mơ mộng.

Một trong những công việc của Gabriel là trông coi những đồ thừa thừa thãi đó. Mỗi buổi sáng anh phải báo tin giá hàng lên xuống :

Tính theo 100kg:

Lốp xe ô tô nhẵn.....	53f
Lốp xe con nhẵn.....	40f
Lốp xe chạy trên đường sắt.....	23f

Lốp xe đạp mềm.....	13f
Lốp xe đã mòn trụi.....	40f
Săm cao su đở mềm cho xe đạp.....	280f
Săm cao su xám mềm.....	280f

Những quả núi hàng cũ ấy gây lụn bại cho thị trường hàng mới. Đáng nhẽ phải đốt tất cả đi, nhưng không ai dám làm vì sợ các nhà báo. Các trang báo đã từng đăng đầy những tin về các cuộc chiến, nay đã tạm tạm tìm được đề tài khác, những vụ tai tiếng thời hậu chiến, sự lãng phí đến xấu hổ, hơn nữa cao su đem đốt bốc mùi khét lẹt.

Công ty đang chạy ì ạch, đi theo kiểu con ma, ông giám đốc về nhân sự Charton nhắc đi nhắc lại. Tất cả các sở đều có thời giờ nhàn rỗi, nhất là bộ phận tổ chức các cuộc đua, từ khi có thông báo của phòng Nghiệp đoàn các nhà sản xuất ô tô: “Do nhiệm vụ cực kỳ to lớn mà các nhà sản xuất ô tô của Pháp phải đảm đương để lấy lại mức sản xuất bình thường và do nhận rõ thái độ lưỡng lự của họ đang trực diện đối đầu với tương lai, nên chế độ ưu đãi tổ chức hiện tại về thử nghiệm ô tô, như các cuộc đua, các cuộc thi v.v... là quá sớm.

“Nay quyết định yêu cầu các Câu lạc bộ ô tô, các hội thể thao, v.v... hoãn tổ chức thử ô tô, dưới mọi hình thức”.

- Gabriel, anh nghĩ thế nào? Người phụ trách của Sở hỏi tôi khi có công bố bản thông báo ấy. Tôi, tôi sẽ đợi...

Arnoult, Jean, chính là ông ấy, thượng cấp của tôi, một người béo bệu có ánh mắt rất dịu dàng và u buồn. Mỗi buổi sáng ông phải co bụng lại một phần. Ông thất vọng lớn là đã lấy lại nhanh chóng vòng bụng trước năm mươi bốn.

- Đúng, tôi phải đợi. Làm sao có thể chế tạo những sấm lốp mà không được biết những chiếc xe sẽ lắp chúng? Nhưng chúng ta phải tranh thủ đầu tư vào giới thể thao. Như vậy, khi các cuộc đua xe lại bắt đầu thì chúng ta mới hòa nhập được. Anh hãy tin tôi, trong cuộc thi, thắng chưa phải là đủ mà còn phải nắm được giới báo chí.

Cứ như thế chúng tôi đã trải qua năm 1919 để “đầu tư vào giới thể thao”

Nơi “đầu tư” đầu tiên của chúng tôi là giải quán quân thế giới về môn vật. Tôi không thấy được rõ mối liên quan đến ô tô.

- Anh Gabriel, anh chẳng hiểu gì về những quan hệ quần chúng, đó là khoa học về mưu kế, có vẻ như cho không... và rồi khi có thời cơ mà mình ít ngờ đến, thế là một tình bạn ở buồng thay áo... một tình đồng đội trong chuồng đua ngựa sẽ cứu cuộc sống của anh. Hãy lấy thí dụ như cuộc tranh giải quán quân này, anh chỉ tới một lần vì là theo mốt. Báo chí khinh anh. Anh lại đến hai lần, có thể là, anh cãi nhau với vợ anh, các nhà báo thương hại anh. Nhưng nếu anh lại đến đây tất cả các buổi tối thì anh đã là người của họ. Anh đã nổi danh. Gabriel Orsenna? À, phải rồi - nhà - thể - thao. Và thế là, đã thắng rồi đây, những bài tán dương a tòng thuộc về chúng ta khi mà các cuộc đua xe lại tiếp tục. Chẳng cần phép thuật phù thủy gì đâu.

Suốt mười lăm ngày liền, tối nào chúng tôi cũng tới Folies - Bergère, ở đây diễn ra những trận đấu (Giải Dubonnet): những vinh quang trước chiến tranh đã trở lại, Constant - le - Marin, một người Bỉ nặng 115 kg hay Joe Polte, quân nhân Mỹ, Louis Lemaire, quán quân miền Bắc. Nhưng những người mới xuất hiện, có những người cổ vũ của họ. Gaumont - le - Frappeur, Raoul Saint - Mars và người Italia phi thường Gianni Raffaelli, người da đen Ellio, người Estonia là Walter Rentel... Những người chuyên môn đánh cá: chiến tranh

liệu đã làm thay đổi những thứ bậc không? Cuối cùng, chúng ta sẽ chỉnh lại các đồng hồ cho chúng.

Gabriel rất khó khăn để theo được Jean Arnoult đi ngang đi dọc gian buồng và bắt tay hàng chục hàng trăm người và tạm ngừng bắt tay để vỗ tay.

- Chỉ cần một vài đêm như thế này là tôi thật sự biết tất cả mọi người, - ông ta nhắc lại với tôi trên con đường đi về, phố Faubourg - Montmartre, phố Vivienne.

Đó là mục tiêu trong cuộc sống: một ngày, được biết “tất cả mọi người”. Bắt đầu một ngày là đọc và đọc lại các nhật báo. Tất cả buổi sáng là dùng vào việc đó. Gabriel, anh đừng nghĩ là chúng ta mất thì giờ. Như thế anh sẽ có thể đọc tên các bạn nhà báo của chúng ta, như có vẻ là không có gì. Những người làm việc cho các tờ báo hàng ngày nhớ rất rõ. Gabriel nhớ đến một vài bài chỉ trích:

“Constant - le - Marin! Hiltman! Hai người ấy đã đánh một trận ra trò! Anh chàng Thụy Sĩ hung dữ đã đánh một trận ác liệt nhưng nhà vô địch thế giới đã trả đòn một cách thực mục thước! Và nếu thỉnh thoảng anh ta phản công mãnh liệt để cho đối thủ hiểu rằng có những giới hạn không được vượt qua thì bao giờ anh ta cũng tỏ ra đánh chững chạc!”

Rồi đến mẫu thuật về trận chung kết : “Đột nhiên nhà vô địch Italia dốc sức, người cúi thấp, né tránh nhảy lên, xoay người rồi đá tạt chéo”.

Tất cả chúng tôi đã cùng mở tiệc mừng thắng lợi của anh ta ở nhà hàng Paris, có Henri Desgranges đứng đầu và đầy đủ cả nhóm Ô tô.

Sau thắng lợi bước đầu ấy, chúng tôi phải chọn hiện trường của cuộc tấn công lần thứ hai của chúng tôi.

- Gabriel, đến lượt anh đề xuất, tôi sẽ xem liệu anh có tiến bộ trong các việc giao thiệp với công chúng không.

- Một điều chắc chắn là chúng ta phải thay đổi môn thể thao. Với môn đua xe đạp ít ra chúng ta cũng được thăm đất nước. Và xe đạp, theo tôi biết, phải dùng đến xăm lốp.

- Kết luận?

- Cuộc đua Paris - Roubaix lại bắt đầu. Ngày 20 tháng Tư.

- Tôi có đề xuất hay hơn nhiều: “Cuộc đua vòng quanh các chiến địa”. Có ba điều lợi: 1) Về diện ái quốc. Cuộc đua bắt đầu đi từ Strasbourg vừa mới thu hồi lại được. Rồi Luxembourg, Bruxelles, Amiens, Paris, Bar - le - Duc để lại trở về Strasbourg. Phải để cho người ta trông thấy chúng ta, nhất thiết phải để cho người ta trông thấy chúng ta trong cuộc hành hương ấy. 2) Về diện tích của ảnh hưởng. Nếu anh được thông tin, anh sẽ biết chính từ báo *Le Petit Journal* đã tổ chức cuộc thi đó. Anh có muốn một bức vẽ không? Giải quán quân về quyền thuật với hăng ô tô, cuộc đua xe đạp với *Le Petit Journal*, chúng ta mở rộng mạng lưới của chúng ta. 3) Sự gần gũi nhau. Trong bảy ngày, nhất là buổi tối ở tỉnh nhỏ, nơi mà những sự cảm dỗ khá hiếm thì chúng ta sẽ là những sợi dây liên lạc.

Thế là Gabriel đã đi thăm các di tích hoang tàn, các làng mạc xơ xác, các nhà thờ đổ nát, những tàn tích của chiến trận, chẳng chỗ nào phủ màu xanh, mặc dầu giữa tháng Sáu. Đất trần trụi, đồi màu nâu chập chùng trải dài ngút mắt, lổ nhổ các cọc đen xì, đó là một cánh rừng đấy, Gabriel ạ, chỉ có cỏ che phủ tất cả, cần phải trồng lại cả một cánh đồng cỏ, từ biển đến vùng Lorraine. Đúng, Jean ạ, phải trồng lại.

Cả đoàn đi len lỏi giữa các hố, các nòi, các phễu, thỉnh thoảng thấy dựng đứng một mảng tường nguyên vẹn với một chiếc cửa sổ mở toang. Qua cửa sổ ta thấy trời ở phía bên kia, một mẫu trời màu

xám, mặc dầu có những rèm che. Nhân dân đã trở về và họ vỗ tay hoan nghênh các tay đua, nhưng họ trú ở đâu chứ? Trời vẫn trút mưa trên bùn lầy.

- Trời mưa thì tốt cho cỏ, - Jean nhắc lại.

Mỗi đoạn lại có một cái biển chỉ rõ Querrain, Bapaume, Albert, ở giữa các hòn đá, bằng chứng là cuộc đua đang tiến.

Mùa xuân không có màu xanh làm se con tim.

Không có ai nói trong các xe ô tô. Từng chiếc xe một, không nói lời nào, các bác lái xe lao nhanh. Và chỉ có xe là chiến đấu với quá khứ.

Ở Amiens, mọi người chờ đợi, nện gót giày trên Đại lộ Beauvillé. Ở quán cà phê gần đây quán *Le Palais*, điện thoại của Paris không ngừng đổ chuông. Đó là các ban biên tập.

- Trong nửa giờ nữa chúng tôi sẽ in. Thế nào?

- Không có gì.

Với trời tối, các con ma đã đến. Trước cả các xe. Đám đông để mắt vào đầu đại lộ là nơi phải xuất hiện các tay đua. Nhưng trời mưa, đêm tối, các nhà đổ lại lợi cho các con ma. Một khán giả đã kêu lên. Rồi một người khác...

- Nhìn, nhìn kia, đây rồi Marcel, hay Ferdinand, hay Georges. Tôi biết anh ta sẽ đến...

Những con ma không tiến lên. Chúng đứng lại ở nơi kia, trong bóng đêm, giữa Đại lộ Beauvillé, đầu đường cuối cùng bên phải.

- Suyt, ông im đi!

Không nên làm họ sợ hãi. Người ta không nghe thấy gì, không có một tiếng rì rầm nào, chỉ có tiếng chuông điện thoại. Nhưng người ta đã đóng cửa quán cà phê *Le Palais*. Chuông réo mãi. Có lẽ có một cái cửa nhỏ hé mở, ở đâu đây... có thể là tiếng động ấy đã ngăn họ không đến gần...

Gabriel cảm thấy khó chịu, anh chưa bao giờ biết con ma nào trong đời mình mà chỉ là những người phụ nữ lang thang.

Bây giờ Jean Arnoult lẩm rầm hát, lúc là lời lúc là nhạc, năm vắn, vắn năm vắn ấy, Marcalainwilly, những vắn của ba đứa con trai của ông đã mất cho nước Pháp. Ông đã trông thấy chúng (anh Gabriel, tôi đã trông thấy chúng kia kìa, tôi thề với anh như vậy), chúng ở giữa hàng lan can, anh hãy nhìn vào cái đèn ở hơi xa một chút, Marcalainwilly...

Gabriel ôm ông ta trong vòng tay. Jean Arnoult răng lập cập. Ông bị lạnh, cái lạnh của những người cha không có con trai. Người thắng cuộc, Deruyter, đã đến sau mười tám giờ chạy, đứng trước lúc nửa đêm. Anh khóc, anh cũng khóc như tất cả mọi người.

Những tiếng vỗ tay yếu ớt, đầy cay đắng. Người ta không muốn anh ta. Người ta thích những con ma. Đáng nhẽ Deruyter phải đợi họ và thuyết phục họ tiến lên.

- Và ít ra là có những người khác, những bạn đua của anh, họ ở đâu, anh đã để họ lại trong chiến tranh, anh đã để lại nơi ấy à?

Deruyter không trả lời, run lên vì nước mắt.

Cuộc “đua vòng quanh các chiến địa” không có bản sao nào khác. Các giới đua xe đạp không lấy làm hãnh diện lắm về sáng kiến này. Bây giờ khi người ta hỏi họ thì họ trả lời: ông chắc chắn là như vậy ư? Chưa bao giờ tôi nghe thấy nói đến. Nhưng trí nhớ của Gabriel

lại đảm bảo như vậy. Và bạn đồng minh của trí nhớ của anh là tờ Ô tô vô giá lại khẳng định là có quyền tuyển tập đồ sộ có mếp đồ, các trang vàng khè, mùa xuân 1919. Nếu không tin tôi, hãy kiểm tra lại.

Mấy tháng sau, vào tháng Mười Một, tôi mất Jean Arnoult sau cuộc đua “Targa Florio”. Đây là sự lặp lại cuộc đua ô tô lớn, cuộc đua không được để lỡ.

Sau khi từ Sicile về, chúng tôi, tôi với ông ấy, phải co mình lại, người như trong suốt. Chúng tôi đến rất sớm, biến vào trong làn sóng của các người làm công. Ăn trưa với miếng bánh mì cặp chả trong buồng giấy. Chúng tôi lại ra đi khá muộn, vào lúc trời chập tối. Không ai có thể thề rằng chúng tôi đã ở Palermô về.

Trừ có ông Charton, giám đốc về nhân sự và giám đốc tạm thời về khu vực thương mại. Ông ấy đợi, đợi mãi. Chúng tôi bắt đầu lấy lại can đảm, ngẩng đầu lên, đến hơi muộn, đúng trưa ngày 4 tháng Chạp, ông ta triệu chúng tôi đến.

- Ông Jean, ông có xem báo không?

- Thưa ông giám đốc có ạ. Đây là nghề của chúng tôi.

Ông ta không hỏi tôi. Tôi ở đấy chỉ với tính cách là người ghi chép, người làm chứng.

- Và sáng nay không có điều gì làm ông đau lòng hả, ông Arnoult?

- Không, tôi không thấy, - Jean nói lẩm bầm.

- Thật không chứ?

Ông giám đốc bèn đưa cho chúng tôi trang thứ 3 của tờ Ô tô từ trên xuống dưới, trên bốn cột :

A. Boillet

trên

Săm Pirolli

đã giết giải

lần thứ X Targa Florio.

- Những săm Pirelli, săm của I-ta-li-a. Đây đúng là điều tôi nghĩ đến. Ông đã không để ý gì đến số phận của Xí nghiệp M. Nhưng điều đó đã xảy ra. Chúng ta ly dị với nhau một cách êm ả thôi. Đây, tiền lương đã tính của ông, ông Arnoult ạ. Chúc cho đời sống mới của ông được may mắn. Tôi mong rằng có sự may mắn, thật tình là tôi mong, ông Arnoult.

Ông ta đưa ông Arnoult đến cửa mà không để cho ông ấy có thể nói lời tạm biệt với tôi được. Chúng tôi đã trông thấy ông ấy ra đi, dọc theo các buồng giấy, xuống cầu thang, đi ngang qua sân, đi ra không quay đầu lại. Arnoult đã biến đi, không bắt tay ai, ông là người chuyên viên về công việc đối ngoại ông cũng không bắt cả tay tôi nữa.

- Đối với chúng ta, ông Charton nói, ban giám đốc đồng ý tha thứ cho việc này. Tôi và ban giám đốc sẽ tìm cách hiểu ông hơn nữa. Việc đưa ông vào công tác mới không phải là căn cứ và tính cách của ông, cũng không phải là do sự chào hàng. Ông có lẽ thuộc về loại nghiên cứu, tôi có nhầm không, ông Orsenna? Rất tốt! Ông sẽ quay về với cây cao su quý của ông. Tôi muốn có những chiếc xe dính vào đường dù tốc độ thế nào. Đã hết những ngày nghỉ, ông Gabriel ạ, và chấm dứt xăm Pirelli. Chúng ta đồng ý chứ? Gabriel đã trả lời hàng chục tiếng vâng nối tiếp nhau, khá nhiều tiếng vâng để không còn nghĩ đến Jean Arnoult nữa trong nhiều năm cho đến thời kỳ huy hoàng của Tháp Eiffel.

Tôi đã không để mất dấu vết của ông. Vả chẳng làm sao có thể làm được, ít ra là phải rời Paris hay là sống mà mặt phải cúi xuống?

Một nhà chế tạo xe đã nhận ông ấy ngay vào trong bộ phận nâng cấp. Nhà chế tạo đó chắc chắn là đã sử dụng cái ý nghĩ thần kỳ của ông ấy: CITROËN bằng chữ hoa, bằng chữ lửa trên bốn mặt của tháp Eiffel. Nhưng sự nhỏ hẹp của nghề quảng cáo và của những sự giao tiếp công cộng đã không do dự nhìn thấy ở đây dấu ấn của Jean Arnoult, sự khéo léo của ông.

Ông đã kết thúc con đường sự nghiệp của ông ở trên cao ấy.

Ông đã đặt một cái giường ở tầng ba trong một gian phụ của thang máy với lý do để kiểm tra tình trạng các bóng đèn bất cứ giờ giấc nào.

II

Quảng trường La Concorde. Bên phải của lâu đài Crillon.

Tất cả những ký ức về ô tô là ở đây.

Lần này, thưa luật sư, ông luật sư của tôi, Gabriel sẽ quay về với ông, bởi vì con trai tôi nhất định là không bao giờ đến thăm tôi. Một đứa con mà không quan tâm đến hiện tại của cha nó thì làm sao nó có thể chú ý đến quá khứ của cha nó được? Trong khi đó, ông luật sư thân mến của tôi, vô cùng quý giá của tôi thì đây lại là nghề nghiệp của ông. Vậy nếu cần cho hồ sơ của ông, mà ông muốn có những tin tức để bổ sung thì tôi xin cung cấp địa chỉ: quảng trường La Concorde, sát ngay lâu đài Crillon, ông không thể nhầm được, Câu lạc bộ ô tô.

Ngay trước khi bạn vừa đặt chân vào các hành lang chân tường có ốp những tấm đồng và thảm đỏ, bạn tự coi đây là điều may mắn cuối cùng của mình; ở đây tập trung tất cả những gì liên quan đến thời xưa, thời rất xa xưa của lịch sử ngành ô tô. Tại nơi khác không còn dấu vết gì của những thời kỳ hiển hách ấy.

Tôi không dám chắc rằng người ta sẽ mở cửa bể bơi cho bạn. Trước tiên, vì bạn không phải là hội viên. Nhưng nhất là vì vừa thấy bạn, bạn là hạng người hầy còn trẻ, sức khỏe tràn trề, ngực nở nang, tóc dày trên sọ, và hạ nang đầy nhựa sống, một hạng người vừa tới đã sốt ruột muốn nhảy ngay xuống bể bơi, không buồn đưa mắt ngắm nhìn khung cảnh tuyệt vời này, bơi trên một trăm mét trong có gần một phút, vừa ra khỏi nước là lao vào môn thể dục, nằm sấp dùng tay nhún người, miệng miên man trò chuyện để tỏ ra mình chưa mệt đứt hơi. Tôi không có ý xấu với bạn! Đây là bản chất của bạn, và luật sư là những chiến binh. Nhưng những hội viên kỳ cựu già nua của Câu lạc bộ ô tô không ưa loại người như vậy. Ví dụ như khi rời khỏi bể bơi, tôi chắc chắn bạn sẽ hắt đầu, chẳng qua chỉ

là hắt mớ tóc đen nhánh của bạn. Những hội viên vẫn đến đây, đúng thế, thường là những người hói đầu, sẽ không tha thứ động tác ấy của bạn.

Đáng tiếc. Đáng tiếc cho ông bạn, luật sư thân mến của tôi. Họ sẽ kể cho bạn nhiều sự việc, nhiều chuyện có ích, mà cứ tỉnh bơ, chân để buông thõng xuống nước, trần như những con nhộng, mắt vẫn đọc trang “Sổ thể tục” của báo *Figaro*.

Như vậy bạn sẽ bắt buộc phải hạ cổ nhập cuộc với mấy người đánh bài brit ở tầng trệt sau cánh cửa kính mờ. Có thể là không buồn hơn cho bạn: họ già hơn những người bơi tắm. Vậy là họ hợp với bạn hơn trong thời kỳ mà bạn đang quan tâm. Bạn sẽ xem họ chơi và chớ cười, nếu có thể được: họ chờ đợi cái chết, mỗi nhóm bốn người, quân bài trên tay; đó không phải là cách thức chờ đợi vớ vẩn hơn mọi cách khác sao.

Đến một lúc nào đó sẽ có một người đứng lên. Bạn cố nén lòng bình tĩnh. Bạn chớ sán đến bên người đó vội. Chỉ lát sau người ấy ở phòng rửa mặt ra mời, bạn lịch sự tiến đến bên người ấy.

- Ông là Orsenna? Gượng, gượng nào, cái tên đó gợi cho tôi nhớ tới chuyện, gượng nào, chuyện đó quá xa xưa...

Nói tới đây, bạn phải im bật, đừng thúc ép vội, cho phép tôi khuyên bạn lời này: một người nào trở về với dĩ vãng thì cũng giống một người mộng du, thô bạo lay tỉnh gã là giết gã đấy. Có thể, bạn tạm nói liều một chữ: *Săm lớp*, một niên biểu, *những năm 20*, không nói hơn, rồi bạn lắng tai nghe và mỉm cười, đặc biệt mỉm cười, nụ cười rộng mở mọi tấm cửa, 50% thanh xuân, 50% nhớ nhung...

- Ở độ tuổi ông, ông còn quan tâm đến câu chuyện ấy, câu chuyện tiền sử, à? - Ông già xúc động nói với bạn, ánh mắt trong trẻo ngược nhìn bạn. - Đúng, tôi nhớ ra rồi, Orsenna Gabriel, một thanh niên cẩn thận, có óc sáng tạo và, nói thế nào nhỉ? Bật nảy. Đúng thế, bây giờ tôi nhớ ra anh ta rồi, anh ta là người có óc sáng tạo.

Thật ra đấy chỉ là biệt danh của anh ta, anh chàng bất nấy. Một tay phù thủy về cao su. Anh biết cách “đi giày” cho các xe hơi, như cho con người vậy. Cuộc sống tự của anh ta? Cuộc sống riêng tư à? Nếu vậy quả thật ông đòi hỏi tôi quá nhiều. Ông đợi tôi nhớ lại đã... à phải rồi, tôi thật là ngốc. Một cô rất xinh đẹp người Israel phải không? Thật ra cô ta cao lớn, tóc nâu. Người ta tự hỏi, với vẻ bề ngoài của anh ta mà thôi, ta chẳng nên nói tới phương diện này nữa, họ rất ăn ý với nhau. Họ thường cùng nhau dự các cuộc thi xe.

Đúng lúc ấy, mấy người cùng nhóm chơi bài với người kia gọi ông ta: Georges, anh làm gì đấy, tôi vừa sắp bài xong, anh chưa chết được, thôi quay về bàn đi.

Nhưng ông Georges đã lao vào câu chuyện.

Bạn không nhận biết rõ ràng bạn là một con người may mắn: có người đã muốn nhớ đến Orsenna Gabriel. Vì thường thường, những giới ô tô chỉ nhớ đến xilanh, dầu xe Bungatti, tốc độ các xe Hanaudières đạt được trên đoạn đường thẳng, những tay lái xe; dường như vì sự tình cờ, họ đã quên những sấm lốp và hơn nữa, những người nghiên cứu sấm lốp mà nếu không có họ thì không thể có bất kỳ một biến cố nhảy vọt nào.

...Đúng, đó là một cặp rất ăn ý, không bao giờ thấy anh ta cùng đi với người phụ nữ khác, còn cô ta chẳng chịu cặp đôi với tay lái xe ô tô khác, thế mà, hãy tin tôi, dạo đó trong giới ô tô, chúng tôi đều là những người vui tính.

Những người cùng chơi bài sốt ruột, bài đã chia xong. Georges không có anh, không thể chơi tiếp được, thiếu một chân mà, anh nghĩ sao nào?

- Anh thấy đấy, tôi phải chia tay với anh thôi.

Ông già bỏ đi, bước chân chệnh choạng, các cuộc hành trình làm ông mệt mỏi, nhất là chuyến đi khứ hồi quá gấp vào thời gian, ông

có dáng đi của một con gấu, chân khuỳnh khuỳnh như dáng một người không thanh thản vì có một vấn đề về quá khứ.

Còn bạn, vì đang thanh niên và lúc nào cũng bận rộn với các cuộc đua xe ô tô, không bị bứt ra khỏi bầu không khí sôi động của con người nên bạn chỉ tự nhủ: tuyệt vời, cảm ơn ván bài đã cho ta bốt đi được các chuyện lan man không bao giờ dứt, người già rất khó bắt chuyện, nhưng khi đã bập vào chuyện thì rất khó bứt ra được...

Ngày hôm ấy, khi bước ra, mắt không buồn nhìn cả đám mây hồng bông bênh trôi trên Nhà quốc hội, bạn sẽ cúi mũi nhìn cổ tay mình. Trong đời bạn, bạn chỉ còn chú ý đến đồng hồ của bạn. Rồi bạn sẽ nhảy lên một chiếc xe tắc xi và tự nhủ: cuối cùng chấp nổi lại câu chuyện về cuộc sống gia đình và nghề nghiệp của ông Orsenna ấy quả là chẳng khó gì. Bây giờ chúng ta chuyển sang những chuyện nghiêm chỉnh, những chuyện kinh doanh của ông ta trong thế chiến thứ hai và những cuộc phiêu lưu của ông ở Đông Dương.

Trong khi ông luật sư bây giờ đang đi theo số phận lòng thông như xúc xích Italia bị các buổi hẹn thái thành những lát mỏng, và mỗi lát lại bị các cú điện thoại bấm nhỏ thì Gabriel sẽ nói đến sự thật.

Lòng anh ta chẳng thích thú gì đâu. Sự thật không ngọt ngào để nói ra, nó ráp lắm, khi đi qua cửa miệng. Gabriel nói không phải cho con trai mình, nó không đến thăm anh bao giờ và anh tuyên bố là giận nó lắm (thời hạn trước khi tuyên bố: một tháng). Cũng không phải là nói với người biện hộ cho anh: sự thật chậm chạp có khi lại kéo dài không biết đến bao giờ; những người vội vàng, như tất cả các ông luật sư, thường vượt qua sự thật mà không nhìn thấy. Và càng không phải để nói với mục đích nhằm giúp ích cho nền công lý của nước mình: công lý không thích các tài liệu lưu trữ. Một khi bản án đã tuyên đọc, người ta liền vứt hồ sơ vào một căn hầm ở dưới đất hay ở gác áp mái. Bây giờ ai có thể tìm lại được tập hồ sơ của

Stavisky, ai có thể nói được những cái răng nào của ông là bằng vàng, đó là chi tiết quan trọng nếu người ta muốn biết được điều gì liên quan đến sự quyến rũ, như vậy là liên quan đến sự lừa lọc?

Nếu Gabriel nói ra những hồi ức tình yêu của anh thì cốt là để tỏ lòng tôn kính với Câu lạc bộ ô tô.

Một cơ sở nào ghi lại như một ký ức, tên người lái xe gốc Abyssin của hầu tước de Dion (Zélélé) và nhiều thứ khác nữa thì đáng được người ta kính nể vì đã lưu lại những sự kiện đúng.

III

Một cặp rất ăn ý.

Điều chắc chắn đầu tiên: vợ của Gabriel xuất hiện.

Điều chắc chắn thứ hai: vợ của Gabriel biến mất.

Kết luận lại càng không rõ hơn: người ta có thể gọi sự gián đoạn ấy là “một cặp tốt” không?

Clara bao giờ cũng xuất hiện đúng lúc ấy, sáng Chủ Nhật, sau những cuộc thử lần cuối cùng, khi đường đua đã trở nên vắng vẻ và các xe đứng im, xếp hàng tăm tắp trước những vị trí của chúng, thợ máy cúi người bên máy xe. Thỉnh thoảng một chiếc máy gầm lên, rồi im tiếng. Một người nào đó thử các loa phát thanh : một hai ba, *one, two, three, ein, zwei...* tùy theo tường nước. Ngoài mùi bốc lên của riêng chúng ta, dầu bốc nóng, ét xăng “cải tiến”, là những mùi hấp hơi của đám đông: mùi dầu rán, bia, thịt lợn nướng, hành cháy. Các khán đài đông kín dần. Gabriel coi đây là giờ phút quyết định: anh xoa tay lên các bánh xe nhẵn và bánh xe có rãnh... cao su rắn, cao su mềm, rồi ngược mắt lên nhìn trời: không biết có mưa không?

Lúc đó Alsina, anh chàng trẻ tuổi nhiệt tình trong đội có nhiệm vụ mang bánh xăng ụych tới cho chúng tôi và giải tán các người tò mò, lúc đó anh ta chạy đến:

- Ông Gabriel, ông Gabriel ời, bà nhà đã đến, ông thật may mắn, bà chú ý đến ô tô bởi vì tôi... Janine...

Gabriel không trả lời. Không nhận ra điều ấy, anh hai lần đưa mắt liếc đồng hồ đeo tay, anh biết là đã đến giờ. Con tim anh đập rộn như mọi khi, và trời đất bỗng có một màu sắc khác hẳn, trắng bạch và phẳng lì, không có lồi lõm, trông như phong đàn cảnh.

Và cô ta xuất hiện, nữ hoàng Clara, cảm ơn Alsina, chà, hôm nay người đông thật, chào Maurice, cuộc đua xe khó khăn phải không, nhưng tôi tin ở ông, chào Georges, tôi không gây trở ngại gì cho ông chứ, tôi biết ông đang làm gì rồi, điều chỉnh cuối cùng, rồi Clara phân tán những nụ cười, những nắm tay trao đổi, làm ra vẻ xem đồng hồ, ba giờ ba mươi mốt, chiều hôm nay không kéo dài chứ! Chào anh Gabriel, anh không vui khi thấy em à? Một bóng người dài ngoẵng tiến lại phía tôi, váy sẫm, áo màu sáng, tóc cắt ngắn, trông ngò ngộ; mốt này không hợp với cô ta, tôi soi mói những sơ suất của cô ta, những lỗi nhỏ. Sơn môi màu quá đỏ, một vết nhăn hơi gợn ở mép trái, ồ! Nếu tôi có thể không yêu nàng nữa. Những bức tường thành quái ác không bao giờ đứng vững quá một hay hai giây. Người đàn bà nép sát bên tôi, anh Gabriel, anh không hôn em à? Theo anh thì liệu trời có sắp mưa không?

Tại sao bao giờ cũng chỉ vào ngày Chủ Nhật? Ngày lễ? Chắc hẳn cô ta thấy Gabriel hấp dẫn hơn vào ngày Chủ Nhật ư?

Chủ Nhật, ngày tốt đối với Gabriel, như người ta vẫn thường nói như vậy.

Thực tế, cô ta đến vì lo sợ.

Lý do khoa học và nghề nghiệp: sự lo sợ là tiền đề đầu tiên của các chuyên gia về tâm hồn. Các chuyên gia ấy có mặt trên trái đất là để làm dịu đi nỗi lo. Và làm thế nào để làm dịu đi thì lại không biết?

Với sự lùi lại của thời gian, mọi chuyện đều có thể giải thích được.

Cô ta vốn rất quý phái, rất giữ gìn ý tứ, thế mà lúc đó lại hiếu động xông vào, đầu quay tứ phía, áp sát, rồi rời xa, nhất là Gabriel, em không muốn quấy rầy anh, mũi cô ta run run, cánh mũi phập phồng, mồ hôi sẫm sẫm nơi thái dương... Gabriel đã bị cô ta lung lạc khá lâu nhưng không phải là tình yêu. Tình yêu là đây, có thể, nhưng xa xôi, đóng vai trò thứ yếu, đã bị đè bẹp trước niềm đam mê nỗi sợ,

trước cảm giác của cô ta được đi sâu vào tận đáy của bản chất con người, nơi phát ra những rung động.

Cho gần đến giờ xuất phát, cô ta lại càng xán gần các người lái xe, cô ta bám theo họ như cái bóng, kể thấy có người hăm mộ mình nên thường nói đùa cho đến phút chót, kể thì đi nhẩn nha trước các khán đài, dây buộc mũ đã thắt lại, tay đã đi găng, một vài kẻ ngồi bệt xuống đất, lưng tựa vào tường khán đài, mặt ngó ra sững sốt như những đứa trẻ trong sân vào ngày khai giảng, cô ta đứng nhìn đắm đắm vào các tay lái xe. Có những ngày Chủ Nhật Alsina an ủi Gabriel, không có chuyện gì đâu, anh tin tôi, tất cả các bà đều yêu các gã lái xe, tin tôi đi khi các bà ấy mà không quan tâm đến ô tô thì lại còn tồi tệ hơn. Cô ta thậm chí còn bám theo các tay lái xe đến tận cửa buồng vệ sinh, đứng chầu ở đấy, không dám tiến xa hơn nữa, nhưng qua những nếp nhăn trên trán cô ta người ta cũng đoán được cô ta đã có thu hoạch...

Sau đó, trong quá trình đua xe, cô ta đi thăm hỏi qua loa mấy cô bạn của các tay đua. Mấy người này không bắt chuyện lâu mà tái mặt đi mỗi khi nghe đám đông hò reo át cả tiếng động cơ ô tô đang gầm rú. Rồi cô ta quay lại tìm tôi, em không làm phiền anh đấy chứ, anh Gabriel? Hai chúng tôi cúi mình cùng theo một nhịp, chúng tôi theo dõi chiếc xe lao ra khỏi đoạn rẽ cuối cùng, số 24 từ lâu chưa thấy chạy qua? À! Nó đây rồi, nhưng không phải chiếc xe số 24, anh cũng thấy sợ à? Clara hét vào tai tôi và trong khi Etancelin vượt Caracciola, tôi thấy cô ta run rẩy ép sát vào tôi. Nói chung vào lúc ấy mưa bắt đầu rơi. Hoặc là người ta báo là có dầu trên đường đua ở đầu đoạn thẳng tại nơi hãm phanh, biết tìm ra cách nào chế tạo loại lốp xe bám trên đường có dầu? Hai chúng tôi ở bên nhau cho tới cùng, đếm các vòng, còn bảy, còn sáu vòng, cuối cùng lá cờ có vẽ bàn cờ dam hạ xuống. Họ lại đua vào Chủ Nhật sắp tới đấy, - Clara lẩm bẩm, - đúng là điên rồ, lại bắt đầu lại từ đầu...

Clara bao giờ cũng biến mất, cũng vào một thời điểm và bao giờ cũng với các kiểu ấy: vào Chiều Chủ nhật, sau khi trao giải thưởng.

Những người thắng cuộc đã nhận cúp, những bài diễn văn đã kết thúc và bây giờ chúc các anh ăn ngon... Tiếng vỗ tay lại một lần nữa nổi lên vang dội khắp căn buồng ăn rộng của khách sạn lớn màu trắng, ở đây bao giờ cũng để lại những chiến tích của Giải Lớn. Người ta bưng ra những khoanh tôm he tươi nước sốt và Clara chuồn ngay. Gabriel cũng chuồn luôn.

- Anh đã chia tay với chúng tôi rồi à? - Các bạn anh kêu lên.

- Không có anh thì...

- Ông phù thủy của các xăm lớp...

- Thôi, chúng tôi hiểu rồi, tình yêu...

- Tình yêu nào? - Các bà ham mê ô tô kêu lên, mắt nhấp nháy, họ bứt ra, trong một giây lát, khỏi cơn mơ mộng của họ (lần này ta sẽ qua đêm với người lái xe nào vừa thoát nạn?).

- Gabriel, chúc anh may mắn!

- Cần gì phải chúc anh ta may mắn. Gabriel bám chắc con đường tình yêu như sấm lớp bám đường.

Gabriel nghe thấy đằng sau những tiếng náo động của ngày hội lặng dần và những bước chân của Clara gõ cốc cốc trên đá hoa. Như vậy là bao giờ cô ta cũng theo mình, mình chẳng dám kiểm tra nữa. Anh cố rướn vươn người thật thẳng. Chỉ có những người cao lớn và ung dung mới được phép bước chân vào nơi sang trọng; chỉ có họ mới có quyền vượt qua các biển cả lấp lánh của phòng đại sảnh và cặp bên bờ dốc đứng bằng gỗ dùng làm chỗ đón tiếp khách.

Người ta làm ngơ cho những người bật nẩy. Nếu có lệnh của người gác cổng có toàn quyền là họ bị tống ra ngay.

Một người phục vụ mặc áo xanh đỏ đã mở sẵn cửa. Ông Gabriel, ông cho phép tôi (phía sau họ, ở đằng đó, tiếng vỗ tay vẫn tiếp tục nổi lên.) Ông Gabriel, ông hãy thư thư cho.

Gabriel nhìn tấm panô dạ màu hoa cà đính chữ màu ghi: phòng khách Wagner (hay Victoria, hay Garibaldi, tùy theo từng nước): “21 giờ, Giải Lớn Ô tô (tiếp khách riêng). Anh Gabriel, anh đừng nên có bộ mặt rầu rĩ như vậy, em cần phải có thời gian. Xe tắc xi, Clara yêu cầu. Thưa bà, xin bà chờ cho khoảng năm phút.

Rồi Gabriel tiếp tay cho người đàn bà bị biến mất. Nghĩa là anh đỡ Clara bước xuống cầu thang.

Một người phục vụ khác che ô và xe tắc xi liền đi ngay, em thực may mắn, vừa vặn có chuyến tàu đi Paris, anh Gabriel, ta đi nghỉ một tuần lễ. Hai chiếc đèn đỏ ở đằng sau biến sâu vào đêm tối, ở đây, có nhẽ là có thời gian, thời gian tạo dựng nên những cặp ăn ý.

Bữa ăn trưa thực tế

Tên gọi hoa mỹ do ông nội Louis đã chọn: bố ngày càng cảm thấy ta là bố của con, Gabriel, các bữa ăn của chúng ta phải giúp ích cho con. Con sẽ khỏi bệnh.

Khung cảnh: một trong những cửa hàng ăn ở quận II, III, nơi đây, để làm vinh dự cho các tỉnh nước Pháp, người ta chỉ dọn ra những món ăn bổ, rất bổ, các loại mứt, món aioli, thịt bò luộc kèm hành, chân giò, (thuốc chữa rất tốt cho con đấy, Gabriel, dạ dày bò, trứng đánh bơ hình con ốc). Gabriel, con ăn đi, ăn nữa đi, có lợi cho con, con ăn chỗ đấy vào.

Ngày tháng: tất cả các ngày thứ Hai, sau ngày Chủ Nhật.

Đúng là anh chàng Gabriel ốm yếu, xanh xao, nụ cười bạc nhược, bàn tay run rẩy, đang ngồi trước mặt bố mình.

- Này Gabriel, không ổn rồi. Bao giờ cũng là do những bà hoàng của con à?

- Con xin...

- Chuyện khổ sở ấy đã kéo dài từ bao nhiêu lâu rồi?

- Bố Louis, con xin bố...

- Con im đi! Bao giờ con mới hiểu được rằng còn có nhiều phụ nữ khác, hàng triệu phụ nữ khác, những phụ nữ tốt, đáng yêu, khéo nuôi chồng, bồi bổ cho con? Con cần một người đàn bà như vậy, một phụ nữ biết cách bồi bổ cho con.

- Con xin bố, ta chuyển sang nói chuyện khác đi. Lần này, ngày thứ Hai, ta nói chuyện khác đi.

- Con, con biết chuyện khác đấy, chuyện một ông bố có đứa con trai đáng thương hại? Con gọi cho bố nghĩ đến vua Midas, tất cả những gì đức vua động tay vào đều hóa thành vàng, thế mà đức vua lại chết đói. Con cũng thế với các phụ nữ, Gabriel. Lão vua Midas ngu dại.

- Còn bố, bố yêu bà Wladislawa?

- Dĩ nhiên, Gabriel tội nghiệp... Bà ta còn đấy, con hiểu rồi đấy. Con có thể hiểu rõ điều đó không? Cuộc sống của bố trôi qua và bà ta còn đấy.

- Bà nội Marguerite thế nào, bố?

- Bao giờ cũng như thế. Nước Mỹ, lúc nào cũng nước Mỹ. Cứ như thế con, với các nữ hoàng của con. Bố cấm con không đi gặp bà nội đấy. Cả hai đều mơ mộng, bà nội và con cùng hội cùng thuyền.

Bố tôi không nói gì cho đến tận cuối bữa trưa thực tế, chỉ lẩm bẩm mấy tiếng “gia đình tuyệt vời!” hoặc là biết - cách - bồi - bổ, đúng, biết - cách - bồi - bổ, lần này thì con phải trả tiền đấy nhé Gabriel. Con thật quá ngu, bao giờ cũng muốn những điều mà các nữ hoàng sẽ không thể có.

Một ngày thứ Hai khác.

Sau món thử (bạc nhạc, lọc mỡ không khéo) và trước món pho mát (đu đủ loại, loại có crem hay loại để rắn, loại đặc sản của địa phương), chúng tôi đã lại sức. Gabriel? Đúng, Gabriel, bố sẽ làm con khó chịu.

Bố Louis lục tìm trong bộ quần áo bằng nhung đen. Một túi, hai, ba túi. Sau cùng, ông tìm trong túi nhỏ nơi vẫn để đồng hồ. Đây rồi!

Của con đây, Gabriel. Một tờ giấy Bristol khá nhàu, một thứ chữ viết của nhà giáo, còn giữ được màu mực xanh, nét đậm nét mảnh

Grevenynghe Luc

2, Quảng trường Louvois

(nơi trú chân)

- Hân đây, Gabriel!

- Ai vậy?

- Clara, người đàn ông của cô ta chứ còn ai nữa. Những ngày thứ Hai và thứ Tư buổi tối. Đã ba năm rồi, kinh doanh. Các bà hoàng cũng có bụng dạ chứ, con thử tưởng tượng xem, Gabriel?

- Vâng.

- Nói điều đó với con, bố thấy đau lòng. Bây giờ, Ann. Không thể biết được, không có cách nào theo dõi cô ta, cô ta đi đây đó quá rộng. Đáng nghi lắm! Gabriel, con không giận bố chứ? Bố thấy buồn nhưng bố có trách nhiệm của người bố. Thôi, con nên bỏ mấy nữ hoàng của con đi. Con nên làm vui lòng bố. Con tìm một người phụ nữ nào đó có thể ở được với con.

Một ngày thứ Hai khác.

La Coupole.

Có mùi lạ.

- Bố không nghĩ thấy gì ư, bố Louis?

- Ta, không.

Một mùi ẩm thấp, mùi rong biển khi nước triều xuống.

- Con không thấy đói à, Gabriel?

Tôi không phải là người duy nhất đã nhận thấy mùi ấy. Có hai người phụ nữ ở bên cạnh, một người trạc ba mươi tuổi, quần áo lịch sự, nói chuyện với nhau về những lợi ích của nhà trường xứ Alsace. Họ nhìn về phía chúng tôi, vẻ sợ hãi và mặt hai người gần như cùng một lúc đều đỏ bừng lên.

Tôi nhìn bố Louis, tôi thở mạnh, tôi dám thở mạnh.

Từ người bố tôi bốc lên một mùi dâm dục.

Mùi ấy, không còn nghi ngờ gì nữa, đó là một nỗ lực giáo dục mới của ông Louis. Lời giáo huấn đã rõ: một người đàn ông, một người đàn ông thực tế phải có một đời sống tình dục, Gabriel ạ.

Nhưng ngày thứ Hai đó thật ra có mùi ấy không?

Sao mà biết được, sau bao nhiêu năm? Làm sao tìm được hai bà ngồi bên cạnh ngày hôm ấy và hỏi các bà, bây giờ họ đã già rồi, có thật sự có các mùi ấy không... các bà có biết chắc hay không?

IV

Một cặp rất ăn ý (tiếp theo).

Ann là em vợ ta. Ngoài ra, là bạn ta. Nhưng trong tình bạn của chúng ta phải hiểu cho rõ, xác thịt được độc quyền.

Và độc quyền là duy nhất trong đời.

Một buổi gặp nhau. Ann thường tự nhủ và Gabriel tự hứa, lần này chúng ta phải nói với nhau, lần này phải bàn luận, phải tìm hiểu nhau, phải trao đổi những tin tức về nghề nghiệp của chúng ta từ ngày duy trì tình bạn ấy... Nhưng độc quyền vẫn ngự trị và vẫn cái lực đó đã xô đẩy người nọ sát vào người kia, không ai có thể cưỡng nổi lực đó vào giây lát hai người gặp nhau đã khiến họ bứt khỏi cuộc sống trong giây lát đó, đẩy họ vào một căn buồng, vẫn căn buồng ấy và khi thân xác họ bình tĩnh trở lại, nó buộc họ phải im lặng.

- Xin lỗi anh, - Ann nói, - em có một cuộc hẹn...

- Em thứ lỗi cho anh, - Gabriel nói, - anh phải đi đây...

Và một lần nữa, họ chia tay nhau mà chẳng hề trao đổi một lời.

Không phải vì mệt mỏi, trái lại, không phải vì cuộc gặp gỡ ngắn ngủi (nó kéo dài đến bốn ngày bốn đêm không bước chân ra ngoài), nhưng sự độc quyền, sự độc quyền rất ngạo nghễ của thân xác đã áp đặt luật lệ của nó.

Chúng ta không nói, hay nói rất nhanh, tráo giọng như những tên kẻ cướp gọi đây nói để đòi tiền chuộc hay là nói nuột lời, tăng tốc độ nói để không bị lộ, để người ta không bao giờ biết được tiếng gọi xuất phát từ đâu.

Một điểm đặc biệt nữa của tình bạn giữa hai người, đó là sự đòi hỏi không hề thay đổi của Ann : chỉ đứng thôi.

Hồi đầu, trong những năm đầu của họ, Gabriel rất bực.

- Ann em, tất cả mọi phụ nữ đều nằm mà...

- Có thể. Hay đúng là như vậy. Nhưng dù thế nào thì không thể là em.

Và dần dần Gabriel hiểu rõ Ann: Ann có ít ra là ba lý do không muốn nằm.

1) Cô ta là phụ nữ và gần đây người ta cảm thấy trong không trung dội lên tiếng gầm của một cơn dông nhỏ, tiếng nói của phụ nữ đòi có tự do. Và Gabriel, vì công việc nghề nghiệp của mình, đã biết rằng một thắng lợi lớn, ví dụ như ở Mans, là hệ quả của muôn vàn sự chú ý và mang tính rất thuần phục: mời đúng lúc người lái xe đưa uống cà phê, nhắc lại rằng gã là người khỏe nhất để gã không cúi sụp mắt khi gặp đối thủ chính trong hành lang nơi các ô đậu xe trước khi xuất phát. Ann coi việc không nằm ngửa là một yếu tố thắng lợi. Sao lại không nhỉ?

2) Cô ta là một phụ nữ doanh nghiệp và các nhà doanh nghiệp, đàn ông cũng như đàn bà, không được ăn sẵn nằm dài.

3) Ngay buổi trưa và không kể đến một cuộc sống hoạt động nhất, cô ta vẫn giữ dưới mái tóc hung của mình một khuôn mặt có đôi má bầu bĩnh của những người phụ nữ mới ngủ dậy. Và để Câu lạc bộ ô tô biết được mọi thứ, nếu cần để lộ ra thân mật hơn nữa, thì nét nữ tính của cô ta không có vẻ khao khát, không hẳn là kín đáo mà tin cậy, rất dịu dàng, không mãnh liệt, như là thơ ngây. Nét trẻ con của một người đang ngủ. Tự biết thân thể mình đã để ngỏ trong giấc ngủ, Ann không muốn nhượng nhiều cho anh. Vì vậy cô ta không chịu kiêu nằm dài. *Người Đẹp Ngủ Trong Rừng* là một truyện cổ tích đã làm cho nhiều cô bé hoảng sợ hơn là người ta tưởng.

Thoạt tiên, Gabriel đã phải chấp nhận đòi hỏi lạ lùng ấy: em đứng thôi. Bây giờ anh thấy thích. Và khi nghĩ đến người phụ nữ ấy, anh không gọi là Ann nữa mà là: cô - nàng - chỉ - đứng. *Up lady*. Và anh tiếc rằng mình không phải là người Sioux hay người Guarani là người của những dân tộc hiểu đời đã không đặt cho nhau những tên thông dụng mà những tên uyển khúc. Anh có thấy cô - nàng - chỉ - đứng - thôi ở đâu không ? Chúc cô - nàng - chỉ - đứng – thôi ngủ ngon.

Chúng ta nói thêm rằng kiểu đứng của người đồng lạc là một điều bó buộc kích thích nhất. Như là vắn trong thi ca. Với một người đàn bà đứng, người ra có thể luôn luôn thay đổi các kiểu và các bước chân gần như bất tuyệt. Chỉ cần để ý tới đồ đạc trong khách sạn. Người quản lý khách sạn chỉ để ý đến giường và sự vững chắc của giường. Trong trường hợp tốt nhất. Nhưng ghế, bàn tự do cốt kết, chao đảo và lung lay khi người ta sử dụng chúng một cách ít thương tiếc.

Bạn bảo rằng Gabriel khoe khoang, về thời gian của những sự gặp gỡ ấy (bốn ngày và bốn đêm, không ra ngoài, úi chà!) phải nghĩ ngoài giả thuyết ấy. Ann phải ngủ đứng như, người ta thường nói, như những con ngựa hay là cuối cùng cô ta bằng lòng nằm dài?

Sau mỗi cuộc giáp mặt ấy, chúng tôi nghỉ dưỡng sức như mọi người, nhưng nghỉ theo kiểu nào tùy ý. Và nếu Ann nằm dài, chắc chắn là như vậy, thì cũng không quên báo trước cho tôi:

- Nếu khi em nằm, anh đụng vào người em thì không bao giờ anh sẽ gặp lại em. Không bao giờ.

Tôi tin cô ấy. Những nàng Eurydice^[19] không phải là chỉ có nhiều dưới lòng đất đâu.

Như vậy chúng tôi mỗi người tách riêng và không lẫn lộn với nhau như các người bạn khác trên cõi đời này và chúng tôi lấy lại sức.

Và mấy tiếng sau, chúng tôi lại là hai cá nhân mới, mới đối với mình và với người nọ người kia, lại tiếp tục trò chơi đứng của mình.

Tuy nhiên, chúng tôi phải thú nhận là có châm chúc cho cái lệ gồm hai điểm, im lặng và nằm nghỉ riêng biệt ấy: trong một giai đoạn lấy lại sức, khi chúng tôi bám vào hai bên thành đệm tránh không để người nọ đè lên người kia trong rãnh giữa các đệm, giữa cảnh tĩnh lặng rất tương đối của khách sạn (tiếng nước rào rào của các bồn rửa mặt, tiếng tắt máy của xe buýt ở ngay dưới buồng, tiếng gầm của máy bơm), bỗng nổi lên tiếng nói, rất hiếm, của Ann:

- Bố mẹ em tổ chức một bữa tiệc nhỏ mừng sinh nhật cha Markus. Em cho rằng cha em sẽ được nhận Bắc Đẩu Bội Tinh. Chắc chắn là ông muốn anh cũng tới dự. Như trước đây.

Gabriel đến chậm.

Những cuộc thử nghiệm ban ngày đã kéo dài rất lâu.

Phải tìm ra những nguyên nhân khác nhau gây nóng lốp xe. Ma sát trên đường được thay thế bằng dải lăn và sự uốn cong liên tiếp theo hình má lốp. Các kỹ sư đã nghĩ ra một hệ thống đặc biệt khôn ngoan, bấy ruồi: qua những dây cáp đặt thành vòng xép thẳng đứng với vành bánh xe, người ta có thể nhìn thấy sấm vận động trong lốp xe, do đó tiến hành những công việc đo lường cần thiết.

Mặc dầu những cuộc thí nghiệm ấy chủ yếu nhằm đảm bảo an toàn cho người lái xe, nhưng Gabriel vẫn không an tâm. Buổi làm việc vừa xong, anh vắt chân lên cổ chạy vội đến phố Louvois, nơi trú chân của gia đình Knight ở Paris.

Những người được mời đến đã ra về và việc gắn Bắc Đẩu Bội Tinh đã kết thúc. Ngôi sao trắng và vàng kim, mẫu ruy băng đỏ đã sáng chói dưới nụ cười của ông Markus.

- Ô! Gabriel, hoan nghênh người bạn thật tốt đối với các huân huy chương!

Người ta đã thết tôi rượu sâm banh trong buồng tiếp khách nhỏ thân mật. Chúng tôi quây quần bên nhau tất cả năm người, như thời kỳ đẹp đẽ của ngày xa xưa, không cần phải mời mọc. Có thể là ông chỉ đợi thời cơ này thôi?

- Thế nào, anh Gabriel, - bà Élisabeth hỏi, - anh có thấy vui không?

(Người ta đã hiểu, Gabriel nói tóm tắt. Những câu người ta hỏi anh không quá ngắn, cũng không quá độc địa).

Hai chị em, mắt đăm đăm nhìn cốc, ngấm bọt rượu và cười ngặt nghèo, rồi kêu, cha ời, mẹ ời, thôi đừng làm rầy Gabriel nữa, giọng điệu đều đặn của quả lắc gõ nhịp. Một gia đình nhạc sĩ.

Bỗng nhiên bà Élisabeth nắm lấy tay ta. Anh Gabriel, tôi có chuyện muốn nói với anh, và bà kéo ta vào buồng ngủ, buồng thứ hai và là cuối cùng của nơi trú chân.

- Tùy mẹ, - Clara nói.

- Buồn cười thật, - Ann nói.

Ông Markus không nói gì.

Một khi cửa khép lại:

- Anh Gabriel, anh hãy nghe tôi nói đây, ông Markus và tôi, chúng tôi đã trải qua những cơn đông tố của chúng tôi. Tôi có thể chọn. Cơn đông của năm 1911 hay của năm 1917 hay là của bà có mớ tóc đỏ, có cái tai tuyệt vời, có thể nói như vậy! Tôi chỉ nói về cơn đông cuối cùng và nó đã kết thúc thế nào. Để anh có một chút lạc quan và

cũng để kéo tai anh. Chuyện là thế này, vào ngày 1 tháng Hai, ngày xa nhau thứ một trăm ba mươi tư. Vì dạo ấy chúng tôi phải sống xa nhau, anh Gabriel, đã phải sống xa nhau. Cả chúng ta cũng thế. Nói ngắn gọn, có buổi hòa nhạc lớn ở Carnegie. Tất cả New York đều có mặt, tôi cũng dự, có Gerald đi theo, một người tuổi độ bốn mươi, đẹp trai, và lại là một chủ nhà băng, anh ta sán lại gần tôi đúng lúc. Những tay chủ nhà băng rất giỏi nghề lợi dụng sự xa nhau. Cứ nhìn họ điều hành sự vỡ nợ thì biết. Tôi nhận ra ngay Markus. Chắc chắn là ngồi ở chỗ tốt hơn chỗ của tôi, gần ngay sân khấu. Bên cạnh ông ta có một mụ đàn bà cao lớn, tóc hung, đúng là một mụ ngang tầm với vợ một tay chủ nhà băng. Không phải bàn gì nữa. Rõ ràng là ngang hàng với chúng tôi. Và bỗng nhiên, bắt đầu khúc nhạc khoan thai...

Cửa căn buồng khép không kín. Thường thường ở các nhà trọ là như thế. Gabriel nghe thấy hai chị em càu nhàu, tôi đi đây, tôi cũng đi, toàn là chuyện lố bịch, ông Markus yêu cầu họ ở lại.

- Anh Gabriel, anh nghe tôi nói chứ? Bắt đầu khúc nhạc khoan thai, ông Markus đứng lên. Và những tiếng rì rầm liền nổi lên, những tiếng rì rầm rất chanh chua:

“Thật khó chịu! - Ngồi xuống đi! - Ông ta không có vẻ bình thường!”. Tôi không thấy rõ vì lý do gì mà có sự tức giận ấy. Thường thường, thánh giả dễ tính, dễ tha thứ hơn, nhất là đối với người già. Sau hết, người ta có thể mê nhạc và quá ham mê, nhất là ông Markus đi rón rén như những người Sioux, đi kiễng chân, đi nhón gót theo kiểu người muốn đi im lặng. Cuối cùng, khi ông đến gần tôi, tôi mới vỡ lẽ ông đi giày da vàng và lối đi rón rén làm giày kêu cọt két như củi thông cháy trong lò. Nhà nghệ sĩ dương cầm trên bục cứ chơi, như không có chuyện gì xảy ra. Nhưng tiếng đàn đánh hơn, nặng nề hơn và mất chất bay bổng. Chỉ thiếu chút nữa tiếng đàn sẽ xuống thấp để bò trên thảm trải sàn, và bị gót giày xéo bẹp và đó là điều mà ông Markus muốn như vậy. Ông ta muốn thể hiện thật rõ, ông bèn cúi xuống bên tôi. Ông chủ nhà băng đó sẵn sàng bảo vệ tôi, anh nghĩ có phải không, như các tay chủ nhà băng bảo vệ anh, bằng cách nhắc đi lặp lại, nhưng, thưa ông, nhưng, thưa ông. Thế là

ông Markus bèn nắm luôn tay tôi, và cả hai chúng tôi đều rời phòng hòa nhạc mà không có người phụ nữ cao lớn tóc hung đi cùng, trong sự bất bình của mọi người và những tiếng cọt két của giày màu vàng. Gabriel, tất cả điều đó cho anh thấy rõ rằng một người phụ nữ có quyền, anh hiểu tôi không, có quyền được yêu thích. Hơn cả âm nhạc. Thôi, ta quay ra thôi, họ đang sốt ruột đấy.

Ann và Clara đã mặc xong áo măng tô. Hai người lí nhí chào tạm biệt tôi, môi mím chặt, chỉ hơi khé mấp máy và ra về trước tiên.

Ông Markus tiến tôi.

- Bà ấy nói với anh về đôi giày màu vàng à? Tốt thôi. Anh đừng sợ. Những sự ưa thích ở đàn ông bao giờ cũng không đầy đủ, như tôi chẳng hạn, tôi luôn miệng lẩm bẩm hát.

Gabriel thiếu chút nữa thì ôm hôn ông ta.

- Ngay cả khi?

- Đúng, ngay cả khi tôi.

Và Gabriel ôm hôn ông.

V

Một cặp rất ăn ý (hết).

Thời kỳ không vui vẻ. Mọi người sẽ nói với anh điều đó, phụ nữ vắng bóng làm người ta đau khổ hơn là những người phụ nữ đã khuất bóng. Thế mà... Dẫu rằng có cái mà phải gọi là sự thống khổ thì Gabriel bây giờ thú nhận: mười hay mười ba năm qua đối với anh là thời kỳ hoàng kim, thời hoàng kim về thú vui tình ái của anh.

Làm sao giải thích được sự vinh quang đột xuất ấy? Sự buồn phiền đã gọt rũa những đường nét của anh chẳng ? Không. Con người béo bệu ấy có biến thành con người xanh xao không?

Không đâu.

Muốn hiểu được cái điều khó hiểu ta đành phải làm quen nhiều hơn về giới xe hơi.

Buổi tối những ngày Giải Lớn thì không có nhiều người lái xe đua. Phụ nữ muốn dành một người lái xe vào đêm đó thuộc hai loại: phụ nữ địa phương, được chính thức mời dự hay đã có thủ đoạn để len lỏi đến. Và phụ nữ ngoại quốc đi theo đoàn đua từ Giải Lớn này đến Giải Lớn khác, một số là chính thức, số khác là tạm tuyển. Để suy xét rõ hơn, chúng ta còn phân rõ hai loại chính thức: Loại dự giải nhiều năm (thích lâu bền) và loại theo mùa (thay đổi tình yêu thiên thu vào mỗi mùa xuân, thường là vào tháng Năm, ngay sau giải Monaco). Nói gọn lại, việc phân loại không quan trọng, dù là phụ nữ địa phương hay phụ nữ ngoại quốc, phụ nữ đòi hỏi có một tay lái xe đua. Do đó, xảy ra nạn quá tải về nhu cầu. Có những tối Chủ Nhật, dăm ba chục cung phải đáp ứng tới hai trăm nhu cầu.

Đoàn đã có dịp để trở tài. Muốn thỏa mãn khách hàng, người ta bèn làm tiền giả. Bất cứ ai cũng được gọi là lái xe đua, ngay cả đến

người thợ máy mà không một bà phụ nữ nào có thể chấp nhận được (vì những móng tay câu đen, ám mùi dầu mỡ, nhưng nhất là vì tính mạng họ không bị đe dọa, thế mà khách hàng lại muốn trước tiên là cảm giác rợn người, được thở than bên những người tử hình, tôi là món quà cuối cùng của họ...). Những phụ xưởng như Alsina chẳng hạn, chuyên đem bánh xăng ụch và ngăn chặn bọn trẻ con tò mò, ngay cả những con trai cả của người chế tạo xe hơi vừa đỗ tú tài phần một và được mời đến như để nhận phần thưởng... cũng được coi là lái xe đua. Mọi người đều là những tay lái xe đua, chúng tôi đều tự gọi nhau là anh bạn lái xe đua thân mến. Sự lừa đảo rất dễ: người ta không nhận ra được mặt dưới cái mũ cát. Những giải địa phương nằm trong bảng và các giải quốc tế đều được bí mật với điều kiện là không ai đến sân trên đất của họ.

Và Gabriel ngồi lúi lại dưới mấy cây xanh để nhìn.

Anh cũng dễ dàng lợi dụng món bổng tự nhiên, những người chế tạo sấm lốp cũng được gọi là lái xe đua như mọi người.

Nhưng, theo thói quen của mình, Clara vừa bỏ anh. Việc ra đi đó, bây giờ tuy là bình thường và dễ biết trước (ồ, dễ biết bao!), đã làm anh thấy nặng nề. Anh đã từng biết đến những thủ đoạn ấy mà không bao giờ tham dự.

Không, chính ở Paris, chỉ ở Paris, trong sự thân mật giữa các giới ô tô của thành phố Paris mà tình dục của anh mới nảy nở.

Ai không biết thời kỳ ấy thì không thể hình dung nổi khu phố Maillot - Champerret là vương quốc, một vương quốc thực sự, với cả lễ phong sắc và dấu thánh, với những lái xe đua làm vua chúa, những thợ máy làm bọn phù thủy, những tên Boussac - Stavisky làm tài chính, những người chế tạo sấm lốp làm người dắt dẫn và những tên viết thuê làm thầy cò.

Bây giờ tất cả đã tắt lụi, các tiệm nhảy đã đóng cửa, người ta đã thủ tiêu dần nơi ma quái đó, phần phía Tây của quận XVII, người ta đã mở xẻ, lấy có để giải tỏa những chỗ nghẽn đường... công việc giao thông sẽ đẹp những môi trường đua của ô tô, ta sẽ rõ, rồi sẽ rõ...

Như trường hợp với hành sống: giải pháp duy nhất để không chảy nước mắt là đắp các hồi ức lên mắt. Rồi thời xưa quay lại. Thời của bãi chuột chết ở Đại lộ Verdun, một khu có hàng rào quây quanh một đường vòng, nơi mà đầu tiên người ta quăng những con chuột lồn nhồn, một bãi đen nặng mùi xú khí. Khán giả phụ nữ trông thấy mà rùng mình. Rồi ông chủ chơi trò đánh cuộc về chó, những chú chó thiện nghệ được nuôi dạy về việc đi săn đó. Cả bãi đổ ngầu. Khán giả nữ đi ngang qua rú lên và bao giờ cũng tìm được một người quen thuộc trong việc vỗ về ở một khách sạn nhỏ tại cửa ô Maillot.

Thời kỳ Lunapark, với làng của những người lùn, một địa điểm thích thú của các trẻ em và cuộc du hành lên mặt trăng dành cho các ông bố, bà mẹ, với đường đua hoành tráng nhất, cầu thang lắc lư, thăm lặn đảo mặt và những hệ thống quạt máy, một sự thách đố đối với chị nào mang quần cộc. Thời kỳ của Marius, người khổng lồ, cắn sợi dây, kéo một chiếc ô tô Rosengart tới sát tường thành, trong khi xe gài máy tăng tốc độ.

Thời kỳ Ballon des Ternes, kỷ vật của Bartholdi tặng Gambetta, một tác phẩm đẹp bị bọn Đức đem nấu chảy vào năm 40.

Rồi các chàng lái xe đua, tất cả các anh chàng lái xe đua, Etancelin và chiếc mũ cát kết đội ngược, Chiron và khăn quàng cổ chấm đỏ, Nuvolari và con rùa nhỏ bằng vàng đeo lưng lẳng ở cổ, Caracciola người Đức, chỉ lái xe khá nhanh trong sương mù. Và André Dubonnet, người luôn lưỡng lự không biết nên chọn công việc lái xe đua hay uống rượu khai vị, và Ralph de Palm, người Mỹ, còn Varzi lẫn Sénéchal và Djordijaze... Tất cả những con người dễ bị lâm nạn tử vong ấy đều hấp dẫn và quyến rũ như ánh đèn cứu nạn. Họ còn sống hay đã là những con ma?

Phụ nữ muốn được rõ điều đó, họ không ngừng kiểm tra, họ níu chặt cổ những người lái xe đua, hai tay ôm đầu mấy chàng lái xe đua, các anh vẫn còn đây, các anh luôn ở tại chính nơi đó.

Vận may của Gabriel ở tại chính nơi đó.

Một lúc nào đó, những phụ nữ này sẽ cảm thấy mệt mỏi trước nỗi hoài nghi giữa cái sống và cái chết. Họ muốn có cái gì chắc chắn. Vậy thì họ quay nhìn vào ai? Đợi đến giờ của mình, phình cái bụng và những cái má của mình, từ bỏ tham vọng có bộ mặt hốc hác, phải phô những dấu hiệu bên ngoài của con người béo tốt: Gabriel đây. Lúc đó, ở tiệm khiêu vũ, ở hàng ăn, phụ nữ sẽ ngằm đôi chỗ để thả thính chào con người béo bệu. Và những ngón tay của họ dần dần phát triển những ưu điểm, đúng, những ưu điểm mà con người béo bệu trưng bày: bề mặt rộng rãi, những sự đụng chạm không ai biết được, cái chất này nấy, khối lượng đảm bảo những hồi ức thơ ngây, rồi cũng có sự do dự bất thần mà không có cái ấy thì không có giới tính toàn vẹn, những tiếng hứ hự mà họ có khi tỏ ra thân mật hơn, lục súc hơn, này, nói cho tôi hay, những người béo bệu không phải là không dài, là không cứng... này nói cho tôi hay...

Lúc bấy giờ, ở bất cứ nơi nào, buông thay áo, trên xe hơi, thang gác ở khách sạn hay ở nhà, buông số 9, 14, 28 hay buông ngủ của đôi vợ chồng, không quan trọng, rất khoái được người ta chú ý như vậy, say sưa vì được hau háu gần nhau (ồ! anh sống hiển hiện, các bà ấy nói, ồ! anh đúng là anh v.v.), ý thức được sứ mệnh của anh (hoan nghênh tất cả những người béo bệu của trái đất và mở ra cho họ những triển vọng mới, nếu họ tỏ ra đúng tầm sức, vì tiếng tăm tình ái nhờ có sự giúp sức của các thợ cắt tóc lan nhanh như chớp, vậy anh nghiêng rặng lại, dốc sức đã dự trữ khi cảm thấy đuối sức và lảm bảm những nào là tôi làm thế là vì các người anh em béo bệu, anh cố trụ, một làm tình sắp thay đổi, thôi chào các anh chàng còm nhom, ồ! đúng thế, các bà nói, các anh lên tiếng đi, lúc đó, anh bèn nói rõ mọi điều, thưa các bà, mà chỉ những người béo bệu mới biết được thôi, Gabriel béo bệu đã là người thông dân, thông dân và còn thông dân.

Và thôi kệ, nếu khi ngày đã sáng. Các bà khách già từ anh mà chẳng để lại địa chỉ và lại ngây ngất với một con người hốc hác tầm thường.

Và thôi kệ, nếu có gặp lại Gabriel trên đường đua hay trong một tiệm khiêu vũ, các bà ấy làm mặt phớt lờ, ánh mắt của một bà tóc hung hay của bà tóc nâu có lướt qua anh để rồi ngừng lại...

Mặc các bà ấy.

Và càng tốt cho Gabriel, như vậy, các bà ấy giữ tiếng cho anh. Các bà ấy giữ được cho anh câu chuyện huyền thoại là người đàn ông duy nhất trung thành “của giới ô tô”. Có thể sánh ngang với Phillippe Etanceline, người bị vợ luôn bám riết không rời một bước (đó chẳng bao giờ là dấu hiệu tốt cả).

Vì cần phải phác họa một chân dung hoàn chỉnh về sự dâm dục của nhân vật chúng ta, chúng ta cũng nói đến công việc của anh, đến cách rất riêng biệt trong khi anh điều hành công việc.

Gabriel dậy sớm và cùng với bình minh đã đến trường đua, nơi sẽ diễn ra cuộc đua.

Và anh bắt đầu cuộc đối thoại lạ lùng của anh với đường đua. Anh hỏi nó, vỗ về từng mét một, đánh dấu từng chỗ gồ ghề hay chỗ lõm, tình trạng những chỗ ghép giữa các tấm bê tông, những nơi nguy hiểm mà sỏi đọng lại từ vòng này đến vòng khác. Tại các chỗ đường vòng, anh nằm dài ra để kiểm tra độ dốc, khả năng cho phép thực hiện đường vòng, những rủi ro có thể xảy ra khi gặp trời mưa, nước thoát và nước đọng, anh đứng dậy lấy quả bóng bằng mút đỏ ra, nó bật nảy ở chỗ này, chỗ kia như thể đang tìm một kho vàng. Rồi dần dần, các vòng đua đáp lại lời hỏi của anh, mỗi đường đua theo cách thức riêng, Montlhéry thì chân thật, Nurburgring khinh khỉnh, còn

Brookland thì mĩa mai... Nhưng tất cả các đường đua cuối cùng cũng để lộ hết mọi bí ẩn. Chúng báo cho Gabriel phải để ý ở đây, ở cuối đường vòng, ở trang trại có độ nghiêng không chuẩn. Các đường đua đã mủi lòng gấp đôi về sự lịch sử của Gabriel, anh bao giờ cũng cảm ơn chúng như người ta nhẹ nhàng vuốt ve một con ngựa và khi chậm rãi quay về bên các gian để xe trước giờ xuất phát, anh bối rối tự hỏi không biết nên chọn loại trang bị nào.

Cao su rắn? Bon hơn, đỡ mòn hơn, nhưng bám đường kém.

Cao su mềm? Bám đường nhưng lại hại vành. Trời mưa? Khá rắc rối, có thể có hai cách lựa chọn, hoặc dùng loại có gân ngang để thoát nước hoặc dùng loại gân dọc lõm để cuốn nước.

Mặt đường khô? Ta sẽ mạo hiểm dùng loại lớp nhẵn?

Và vì sắp tới giờ xuất phát, ồ! dù sao thì liệu Gabriel có bỏ địa hạt đáng tin cậy của kỹ thuật tinh thông để đi vào những khoảng trống có những sự việc thay đổi luôn luôn, mà trong đó chỉ có các nhà ảo thuật và các chính khách mới thấy thoải mái: tất cả các sự lựa chọn xăm lốp cho tốt đều là do tiên đoán (chúng ta có dồi dào chuyện này không?) và thỏa hiệp: những sự cân nhắc khéo léo của các cặp da bộ trưởng làm cho nội các được bền lâu.

Gabriel chỉ đưa ra được một thí dụ: Spa Francorchamps, 1930, Giải Lớn của nước Bỉ, người thắng cuộc Chiron, đã được sắp xếp đưa lên như thế này:

Bánh trước - bên phải: cao su mềm (để bám đường).

Bánh trước - bên trái: rắn trung bình (để có được độ bền chắc hơn).

Bánh sau - bên phải: mềm trung bình.

Bánh sau - bên trái: dứt khoát là rắn.

Đã có lần Gabriel chỉ với tư cách là một tay chuyên môn về xăm lốt, hoàn toàn không phải là chiến sĩ chống phát xít, vì cứ một mực vặn hỏi đất Đức ở Nurbugring, anh nghe thấy mảnh đất đó ì ằm ở phía dưới sâu trong lòng đất. Anh tự nhủ trước những cuộc đua: các tay lái dù có quặt theo chiều kim đồng hồ, ở Mans, ở Bỉ, ở Sicile, ở Anh, dù có vặn ốc, vặn ốc, vặn những ê cu thế nào của châu Âu chẳng nữa thì những sự cố gắng ấy cũng không thể đáp ứng được, lục địa cũng tan rã và sự bùng nổ không xa đâu.

Giấc mơ

Tòa thị chính. Gabriel bước vào ngay dưới lá cờ tam tài xanh, trắng, đỏ. Một bản phác thảo mộ chí ghim giữa những bản tin hành chính (giấy phép xây dựng, đăng ký kết hôn, cắt nước). Một tấm bản đồ rất chính xác, vẽ bằng mực tàu, chữ *chú ý* viết cẩn thận: hai hình thiên thần và các mũ cát của các chiến sĩ sẽ được đúc bằng đồng. Anh lên lầu một, thang gác bằng gỗ để mộc, mùi nước Javel xông lên (những giấc mơ của Gabriel tỏa mùi, từ dạo ở Brésil). Đẩy một cánh cửa, hồi khiêu nại bên một cửa giao dịch đặc biệt.

Một hàng dài các phụ nữ mặc áo đen rầm rì: liệu chữ viết đã khá đủ to chưa? Liệu họ có viết tên đủ chữ không? Im lặng, thư ký hét to. Phải viết cho dễ đọc đấy. Sau đó, chẳng nên phàn nàn là người thợ khắc khắc sai chính tả. Các bà vợ liệt sĩ nắn nót viết và rụt rè hỏi: “Xin cho tôi biết chỗ nào ạ? - Tên gì? - Perron. - Từ L đến P, phía mặt hướng Tây, trừ khi có sự bất thường, người tiếp theo.”

- Knight, Clara và Ann.

- Tôi rất tiếc, thưa ông, mộ không xây cho phụ nữ. Còn ai bị hy sinh không?

- Có, Orsenna Gabriel.

- Quan hệ họ hàng thế nào với người đã hy sinh?

- Chính là tôi.

Người thư ký đứng bật dậy, các bà quả phụ liệt sĩ nín thinh; mộ dành cho người chết, dành cho những người đàn ông đã hy sinh, viên thư ký gọi người đến hỗ trợ, các bà quả phụ liệt sĩ, những khuôn mặt trắng bệch của các bà quả phụ liệt sĩ, xúm quanh Gabriel. Khó khăn lắm anh mới có thể phá vòng vây, anh thoát ra

khỏi đám người mặc đồ trắng, đồ đen, anh chạy vội xuống cầu thang nồng mùi Javel. Có người gào lên sau anh: Chế độ Cộng Hòa không chăm lo đến những nỗi buồn rầu tình ái của anh? Gabriel bưng tỉnh, hai tay vươn về phía tường.

VI

Cửa ô Champerret từ nay có những người hâm mộ. Như Montmartre đối với những người khổ thân hay Montparnasse đối với những người phóng đảng. Những gia đình đông đủ khoác tay nhau, những người tỉnh lẻ từng nhóm chạm khuỷu tay nhau, những người đơn độc lướt đi qua. Mỗi ngày, đám đông người thực sự đã đổ xô đến để ngắm các xe đua và hỏi han về các xe có dung tích xy lanh lớn... Nhưng những vấn đề kỹ thuật không lừa dối được ai. Tất cả mọi người đến đây vì cái chết. Người ta đến để thở hít không khí có thể là của tử thần. Các kẻ tò mò căng mắt ra để nhớ cho rõ.

- Nhìn cho kỹ vào, Chiron đây. Có thể là anh thấy anh ta lần cuối cùng đây? Đúng, cứ xem cách anh ta lái xe. Còn người này nữa, Fagioli, không biết anh này còn sống được bao lâu nữa? Chiến tranh không đủ cho họ sao? Ít ra họ cũng đã chọn cuộc sống này. Anh có tin rằng sự mê tín có ích khi người ta là lái xe đua không?

Tất cả những người say mê cái chết tụ họp nhau tại đây, cũng như những người thích chơi cá ngựa tụ họp nhau tại Longchamp, những người quân phiệt thì ở quảng trường Étoile. Paris có các câu lạc bộ của riêng nó. Họ lượn quanh từ xe này đến xe khác. Họ đứng dọc trên đường, có vẻ như để xem động cơ.

- Xin đi tiếp đi, đi tiếp đi, - nhân viên cứ phải luôn mồm nhắc, nhưng chẳng ăn thua gì. Nhân viên vừa quay gót, các nhà say mê đã cúi xuống nhìn gầm xe và ước đoán may rủi:

- Xe Hunaudière, đi bốn kilômét đường thẳng, phanh thể này, nó không dừng ngay được đâu. Chủ Nhật sau phải tới đường đó mới được.

Clara không rời khỏi ngôi nhà nhỏ của tôi tại Đại lộ Yser. Chưa bao giờ tôi thấy cô ta ở yên lâu một chỗ như vậy. Các giới ô tô say

mê theo dõi cặp này. Này, người ta ngờ rằng anh có nhiều vấn đề đấy. Tất cả các cặp đều có vấn đề, ngay cả những cặp ăn ý nhất. Nhưng lần này, nói nghe xem, hình như tất cả đã được giải quyết.

Các bạn tôi đến (cũng như tôi): bà ta đã ở đây từ hai mươi mốt, hai mươi hai, hai mươi ba ngày... Với tư cách là những nhà thể thao cừ, họ thích những kỷ lục, họ nghĩ ra cho tôi nhiều loại luật lắm:

- Sau hai mươi ngày là đậu đấy.

- Anh tin thế ư?

Họ nhìn tôi như thể một người đàn bà có mang.

- Anh về ngay đi, Gabriel, tôi sẽ thu dọn ngăn chứa xe trước khi tham dự cuộc đua cho. Đầu tiên, không nên đùa với giờ giấc.

- Nhưng không phải là buổi đầu.

- Cũng thế thôi.

Một lần nữa, Gabriel lại bắt đầu.

Và lại bắt đầu, lại bắt đầu với một phụ nữ là một công việc chiếm hết thời giờ. Trước tiên cũng là một công việc thuộc về thời giờ, một công việc của người hỏa xa (các cảm giác nổi lại không mệt mỏi, các toa cứ rời ra) và của người chủ lâu đài (có bốn phận phải luôn luôn kéo lên hạ xuống những chiếc cầu treo). Đây là chưa nói đến công việc chính là suốt ngày cứ phải tìm cách buộc neo để người phụ nữ không bứt ra bỏ đi. Và rồi các bữa ăn, mỗi ngày lặp lại hai lần, mặt đối mặt.

Lần này tôi sắp làm phiền lòng cô ta. Hôm nay phải chọn đề tài gì đây: sự dịu dàng, sự cợt nhả, hay nỗi khao khát thể xác?

Gabriel chuẩn bị trước, sẵn tìm trong ký ức của mình hay vênh tai ra để tìm một chuyện buồn cười, một nét thơ. Anh soát lại các bản ghi chép của mình trước khi đến bàn ăn. Hôm nay, để giữ cô ta lại, mình phải tỏ ra lanh lợi không thì chưa đủ. Cô ta nhận thấy sự cố gắng của tôi, cô ta mơn trớn má tôi một cách đáng yêu.

- Thôi đi Gabriel, tốt rồi.

Tôi có thể giết cô ta về sự tự do quá trớn giống như chuyện những người đàn ông ngồi vào bàn ăn khi tất cả đã xong rồi còn nói vọng vào bếp:

- Em yêu, ra ngay đi, sắp nguội cả rồi.

Đã khá lâu rồi, Gabriel có thể cho phép mình được sáng suốt hơn: cô ta không còn là riêng cho anh nữa. Cô ta có một tham vọng khác.

Mới chín giờ sáng, cô ta đã ở hiện trường với những người đến đầu tiên, và ở cho đến đêm để nhật nhật, vênh tai nghe.

- Chỗ Champerret là một cái mỏ...

Cô ta ôm hôn tôi, một cái hôn lướt vội lên trán, cảm ơn, Gabriel, tôi tiếp tục viết trên quyển sổ nhỏ màu nâu nhạt. Cảm ơn, Gabriel, đã coi trọng công việc của em. Em tin rằng chúng ta còn ở lâu được bên nhau, anh và em.Ồ! Nhưng anh hãy nhìn chú nhóc kia đang đo khoảng cách của trục xe bên cạnh...

Cô ta vội chạy lại để phỏng vấn chú nhóc lần thân: cháu còn mẹ chứ? Cháu bắt đầu thấy thích xe ô tô từ lúc mấy tuổi? Thằng bé chỉ làu bàu trả lời, nhưng Clara tiếp tục những tiếng kêu khe khẽ và những lời khâm phục của riêng mình.

- Anh hiểu không, ở trẻ con là sự ham thích thuần túy chưa có tình cảm nào khác thay thế.

Gabriel nhún vai. Anh theo tiếng nói riêng của cô ta. Dù theo kiểu nào chẳng nữa, một sự bắt đầu lại đòi hỏi phải có vô vàn điều mềm mỏng. Anh đành thích ứng tất cả với hy vọng giữ được cô ta, để cô ta không thấy có một trở ngại nào. Anh đặt sự cứu vãn của mình vào sự chiều lòng và việc chỉ chú ý tỉ mỉ vào trẻ con, đối với anh là một dấu hiệu tốt.

Bây giờ bọn trẻ con lại đến nhiều hơn người lớn vào ngày thứ Năm, Chủ Nhật và trong cả tuần lễ, vây quanh các chủ nhà chứa xe Levalloi và ở khu phố Champerret. Chúng đi la cà từ xưởng này đến xưởng khác như bọn trẻ nhỏ thường đi la cà để nhặt nhạnh mọi thứ vào túi của chúng.

Chúng đến từ các trường trung học gần đấy: Carnnot, le Chaptal từ các trường tư ở Neuilly và chỉ trở về nhà sau giờ học. Vào khoảng chín giờ, bố mẹ hỏi tất cả các nhà khiêu vũ ở khu phố: ông bà có thấy một thằng bé tóc nâu tên là Albert không? Cảnh sát dùng xe đạp để xua đuổi chúng... Mãi về sau, các ông bố rất xấu hổ, đến đồn cảnh sát và nói: thưa ông, tôi hứa và sẽ không để xảy ra sự việc như thế này nữa. Nhưng vừa về đến nhà, những đứa bướng bỉnh lại bỏ đi. Mùa hè, người ta lại thấy chúng chạy từ cây này sang cây khác, đồng thời, chúng chơi trò kẻ chặn bò, trò người da đỏ, mặc áo ngủ nhạt. Chúng lợi dụng màu đen để ngồi trong các xe đua đẹp để một phút rồi quay về nhà ngủ, dáng đi hơi giống kẻ mộng du.

Giữa tủ áo kiểu Loren và khung cửa sổ duy nhất nhìn xuống đại lộ, Clara đã dùng đinh ghim đính vào tờ giấy vẽ hoa dùng để dán tường một tấm bìa dài mà chỉ có hai chữ là nhận ra được: sinh (ở trên cùng) và chết (ở dưới cùng), chỗ còn lại chỉ là những mũi tên, khung chữ, cột, đường cong, những hình vẽ nhỏ...

- Anh Gabriel, anh thứ lỗi cho em về vẽ tối nghĩa này, nhưng em muốn dành cho anh một sự ngạc nhiên.

Và cô ta cứ luẩn quẩn suốt ngày này qua ngày kia trước tấm bìa dài đó, tẩy các hình viết loằng ngoằng, chuyển dịch chỗ của chúng, miệng thốt ra những tiếng, những lời lẽ lảm rảm khi giận dữ, khi thích thú, như bất cứ một nhà họa sĩ hướng ngoại giới nào.

Đôi lúc, cô ta bỏ bút chì xuống và vội bảo, làm cho em thư giãn đi anh, em thấy gân cốt ở vai như kết thành nút ấy. Gabriel bấm cần thận dọc theo xương quai xanh của cô ta, bên phải rồi bên trái. Ổn rồi, đã giãn gân giãn cốt rồi, cảm ơn anh, anh Gabriel. Không có anh, em biết xoay sở ra sao đây? Nhưng khi bàn tay người tắm quất lần xuống phía dưới một chút thì nhà nữ khoa học ấy liền đứng dậy.

- Anh đừng nên nghĩ đến chuyện đó, anh Gabriel, em phải tập trung nghị lực của em vào ý tưởng. Sau này, ở Vienne nhé, em hứa với anh đấy.

Gabriel đành đi dạo chơi ở quảng giữa Péreire và Champerret. Anh đi dọc theo con đường vòng nhỏ bao quanh. Anh nhìn những đoàn tàu chạy qua. Anh đá vào không trung và không trung thì đầy chim bồ câu.

- Nếu không phải là người khổ sở thì đây là một người đau khổ! - Những người gác cổng của khu phố nói vậy khi gọi mèo của họ.

Nếu đời anh gặp đời của một nhà văn, dù thuộc hạng nào đi nữa: nhà viết tiểu thuyết, nhà viết bút ký, nhà văn viết thuê, nhà viết theo luận đề thì anh sẽ tự nghĩ rằng một quyển lịch bao giờ cũng là một món quà được người ta quý lắm.

Cần phải hiểu những nhà viết văn. Những ý tưởng và những nhân vật mà họ sử dụng thường là thoáng qua và có tạp chất bám quanh. Trái lại, những ngày lại là rất thực và dễ sai khiến. Người ta có thể xô dịch chúng, cộng chúng lại, trừ chúng đi tùy theo ý muốn. Vì vậy, Gabriel thường đều đặn luồn dưới khe cửa Clara một tờ bìa lớn có

in ngày tháng, có ghi cả năm nữa, sáu tháng ở mặt trước, sáu tháng ở mặt sau.

- Ồ! Cảm ơn anh, - Clara nói, - cảm ơn anh.

Và anh nghe thấy cô ta lẩm bẩm: ngày mai 17, ta sẽ viết thật sự; ngày 20, ta phải làm xong phần vào đề, đấy là cuộc tiến công khó nhất. Ta sẽ lợi dụng ngày Chủ Nhật 21 để nghỉ về phần một, có thể cũng là ngày 22 thứ Hai, dù sao thì chiều thứ Sáu 25 tháng Sáu ta đã phải làm xong ít ra là hai mươi nhăm trang. Ta có nên tự ban cho mình hai ngày nghỉ trước khi đi vào phần thứ hai không? Cái đó tùy thuộc vào kết quả v.v...

Rồi bất chợt, giữa đêm Clara gõ vào bức ngăn giữa hai buồng.

- Em đã làm xong, - Clara nói, - anh sang đi.

Luận văn đã để trên bàn, một tập giấy khoảng ba phân chiều dày. Clara đứng lên; nụ cười chiến thắng trên môi, gõ trên tường xuống tám giấy dài đầy những chữ ghi loằng ngoằng. Rồi cô ta đóng kín ý tưởng độc đáo trong một chiếc va li.

- Anh Gabriel, bây giờ em muốn đi dạo chơi.

- Clara, nhưng trời đã tối rồi.

- Thì sao nào?

Chúng tôi đi bộ đến rừng Boulogne. Clara cầm chắc va li của mình. Lúc trở về mặt trời đã mọc, ngay ở đầu Đại lộ Villiers, cô ta có một động tác không thể tin được đặc biệt của những người trí thức, bản chất vốn rụt rè, nhưng say sưa từng hơi thở một, có một sự kỳ thị không thể đo được: cô ta giơ thẳng tay về phía ánh sáng đang lên từ từ trên các nóc nhà, ánh sáng này là nhờ có em đấy, anh Gabriel, đúng là nhờ có em.

Tôi ngây thơ tưởng rằng Clara sẽ chỉ bằng lòng trình bày ý nghĩ độc đáo của mình cho các bạn đồng sự người Pháp nghe. Từ thời kỳ chiến tranh, tôi đã biết rõ họ, những tay xét đoán sành sỏi về tâm hồn, những tay lặn sâu vào cái tôi: Édouard Pichon, anh chàng cận thị có đôi kính tròn bao giờ cũng ngồi trong chiếc ô tô của người thấp khóp, René Laforgue có bộ ria mép, da mặt đỏ ửng của người Alsace, hay bà Eugénie Sokolnicka, người Ba Lan, bạn của Gides, biết tất cả các thứ tiếng...

- Đi Vienne, - Clara nói với tôi. - Em muốn đích thân đưa cho ông ta. Chúng ta đi vào thứ Hai sắp tới.

- Em nghĩ xem có nên bàn bạc trước một chút với các bạn đồng sự của em ở đây không?

- Để họ ăn cắp ý tưởng của em. Hoặc để họ dùng cặp mắt của họ bóp méo nó. Xin cảm ơn!

- Nhưng dù sao thì những nhận xét của em chỉ liên quan đến nước Pháp thôi. Và hơn nữa, chỉ về cổng Champerret, Levallois. Không biết ông ta sẽ nhìn nhận nó ra sao?

- Là vì anh cũng như các nhà báo, như các chính khách? Anh nghe em đi, anh Gabriel, nếu ông ta chỉ là một nhà tư tưởng nhỏ địa phương, ta cũng phải nói ngay thế, thì em biết căn cứ vào đâu. Và như vậy chúng ta sẽ chẳng còn gì để làm chung cả.

Chúng tôi ở lại Vienne một tháng trong một khách sạn cổ, Ungarische Krone, chúng tôi đã chọn nó vì một lý do duy nhất: không có một đồng sự nào lai vãng tới đây, khác với Bristol, nơi có Marie Bonaparte thường hay lui tới, khác với Zita, nơi có Lou Salomé đang ở...

Khi chúng tôi mới đến, Clara đã giao một bản sao của ý tưởng độc đáo tại nhà của ông ta ("19 Berggasse, anh Gabriel, một kiến trúc lạ lùng, ở phía dưới thì hoàn thiện theo kiểu thời kỳ Phục Hưng, nhưng càng lên phía mái nhà thì lại càng điên rồ với những hình sư tử, những dây hoa, những tượng bán thân của các vị anh hùng. Em đã gặp người hầu của ông ta. Ánh mắt thật kỳ cục! Ta có thể nhận thấy ngay rằng chị ta hiểu rõ con người. Anh ạ, ông ta chắc chẳng nhận bất cứ ai làm hầu gái đâu! Chị ta lên là Paula...").

Và chúng tôi đã phải đợi.

Clara không muốn rời khỏi buồng ("anh Gabriel, nếu Ông Ta gọi em ngay lúc ấy, anh đừng nghĩ ngợi gì cả nhé"). Trong những ngày ấy, tôi đi thơ thẩn dạo chơi. Thỉnh thoảng tôi ngồi ở bên bàn trong một quán cà phê, thường là quán Kapuziner, tôi xin giấy để viết và tả cho bố Louis về thủ đô của Đế quốc cổ có hai đầu. Tôi thuật lại bố biết tầm cỡ của Vienne, bề thế của các ngôi nhà, Đại lộ Ring, Vườn hoa Peuple hay Prater (1712 hécta), các hiệu kẹo mút, Nhà thờ Saint - Étienne, Cung điện của Hoàng đế, Nhà hát Opéra (2350 chỗ ngồi), lăng của Marie - Thérèse (cao sáu mét, bố Louis ạ).

Tôi biết rằng những con số đó làm bố yên tâm về sức khỏe của tôi. "Gabriel, con và bố, chúng ta giống nhau: chúng ta đều thích những sự kiện". Buổi tối, Clara càng căng thẳng khi hết ngày này qua ngày khác chưa nhận được lời phúc đáp của Ông Ta. Cô ta nói đi nhắc lại với tôi về ý tưởng độc đáo của cô ta. Anh thấy thế nào, anh Gabriel? Em cần anh nói với em đi... Clara ngồi trên giường của cô ta, chỉ cho tôi một chỗ đối diện cô ta, trên giường của tôi, ở phía bên kia, các thảm để chân giường có đầu con chồn, cô ta nhìn thẳng vào mắt tôi và giải thích cho tôi khá dài về tâm hồn con người ở thế kỷ XX đã thay đổi (tất nhiên rồi, Clara, không thể chối cãi được), rằng những máy móc vây quanh mình đã gọi lên những xúc cảm mới (làm sao có thể khác được, Clara?), rằng những người La Mã chẳng hạn, không biết gì về ô tô nên không thể biết được những cảm giác mạnh mẽ nhất của chúng ta (ai mà có thể không đồng ý với Clara được?). Cô ta nhìn vào tôi, vẻ nghiêm nghị: em cần anh

vắt óc suy nghĩ, anh Gabriel, không phải chỉ vì anh yêu em. Cô ta đưa tôi những trang luận văn của cô.

“Ở thời kỳ trưởng thành, con người đã vào giai đoạn của ô tô, giai đoạn này chỉ chấm dứt sau khi chết, trong sự im lặng của bãi tha ma khi xe tang dừng lại trước mồ và khi đã vĩnh viễn mất hết những cảm giác kích thích dịu ngọt, những rạo rức lan tỏa mà tất cả cuộc du lịch bằng ô tô đưa lại.

“Đối với một số người thì mỗi xúc động về sự trượt bánh thực ra là loại xúc động có thể thay thế: mùi vị của hạt sỏi trên đường là một sự dính líu bí ẩn với niêm mạc. Những đường giao thông chẳng phải là những niêm mạc của trái đất đó sao?

“Với biểu tượng tương tự người ta có thể đánh dấu một số vùng kích dục của hành tinh như núi Ventoux, con đường thẳng Hunaudières, đường đua Nurburgring...

“Như vậy, sau các giai đoạn bằng miệng và hậu môn, và gián đoạn bởi những kế hoạch phản ứng thì *thời đại ô tô*, phức tạp hơn giai đoạn trước vì do tác động của tốc độ nên có sự phối hợp của sự kích thích vào ba vùng của cơ thể, mất nuốt thế giới, các bàn tay nhoi nhói trong sợ hãi và những chiếc lưng đề lên chỗ tựa biến thành một sự kêu gọi thất vọng...”

- Thế anh nghĩ gì về chuyện ấy? Gabriel, anh nên trung thực. Anh cho em một ý kiến chân thực, hơn là mỉm cười như một tên đàn độn. Một người đàn bà là một sinh vật, anh Gabriel ạ, có quyền đòi hỏi người ta phải chú ý đến, không chỉ bằng nụ cười... Người đàn bà không phải chỉ là một môi trường... anh Gabriel ạ...

Clara chấp nhận ra ngoài phố vào tuần lễ cuối cùng, sau khi đã bận ở buổi tiếp khách, khá nhiều tiền thưởng công hậu hĩnh, các anh cố đừng ngủ thiếp đi đấy, mong các anh hết sức chú ý tới những thư tín.

Chúng tôi đi dạo vùng chung quanh một cửa hàng nhỏ, Tabak - Trafik, theo đường vòng khá rộng, qua Nhà thờ Saint-Étienne, Nhà hát Opéra và Nhà Nghị viện, hay theo các vòng tròn hẹp hơn, qua Graben-Strasse, Schoffengasse và Kholmarket. Theo Clara, nếu chúng tôi cứ loanh quanh ở cửa hàng thuốc lá thì chúng tôi không thể không gặp được Ông Ta và mặc dầu thành phố bao bọc chúng tôi, mặc dầu những tiếng động điếc cả tai của nền văn minh lớn ấy, chúng tôi cảm thấy mình là những tay đi săn đọi con mồi gần một cái ao, ở đây Ông Ta bắt buộc phải đến để uống nước.

- Anh Gabriel này, Ông Ta hút hai mươi điếu xì gà Trabuccos một ngày... Theo toán học thì hôm nay Ông Ta đã hết thuốc. Và còn có cái hay là, anh hiểu không, Ông Ta đi một mình để mua thuốc, không có ai đi cùng.

Ở Paris, bố Louis sốt ruột.

“SAO Ở VIENNE LÂU THẾ ĐỒ NGU CHẤM KHI NGƯỜI TA CÓ CƠ HỘI ĐƯỢC MỘT ĐẾ QUỐC CHẤM CỦA ÂU CHÂU CHẤM CHÚ’ KHÔNG PHẢI LÀ CỦA NHIỆT ĐỚI CHẤM KHÔNG CHIA PHẦN CHẤM CON KHÔNG NHẬN THẤY CHẤM NƯỚC ÁO NGỐC NGHÉCH CHẤM NƯỚC HUNGARI CŨNG VẬY CHẤM KÝ TÊN LOUIS”.

Cuối cùng, chúng tôi đã gặp được Ông. Một lần. Một ông khách bộ hành già có bộ râu tĩa tròn, người khoác chiếc áo lông dài. Ông lão đang trò chuyện với một con chó vàng, nó thuộc loại giống chó su kéo xe trượt tuyết ông lão đưa mắt nhìn chúng tôi có lẽ do tại Clara siết mạnh cánh tay tôi chặt tới mức bàn tay tôi mất hết cả cảm giác. Ông lão nhìn chúng tôi, ánh mắt dịu dàng đầy thiện cảm, vẻ hơi ngạc nhiên và sau đó, ông lão bước theo con chó giống loại su.

- Theo anh, Ông Ấy có nhận ra em không, - Clara áp ứng hỏi, - theo anh, Ông Ấy có đoán ra được rằng *Thời đại ô tô* là do em đề

xưởng không? Ông Ấy gặp bao người ở ngoài đường phố. Anh tưởng rằng ai Ông Ấy cũng nhìn cả đấy chắc. Ánh mắt ông Ấy mới thật khích lệ làm sao, anh thấy có đúng vậy không, anh Gabriel? Ông Ấy có vẻ rụt rè. Mọi người đều bảo vậy mà. Ông Ấy không dám bắt chuyện với em ở ngoài đường phố. Nhưng, sau cái đà thiện cảm như vậy, em sẽ không ngạc nhiên nếu hôm nay chuông điện thoại ở khách sạn reo vang. Anh biết đấy, với Ông Ấy, bao giờ cũng vậy. Giữa Ông Ấy và một vài phụ nữ lóe lên một tia sáng đột ngột, đúng, một tia sáng thực sự mở đầu cho một tình bạn thật sự, một cộng đồng tâm hồn tròn vẹn và trong sáng. Anh Gabriel, anh biết không, Ông Ấy tạo ra niềm tin cậy nhiều hơn nữa đối với phụ nữ. Trách nhiệm của chúng ta là không được làm Ông Ấy thất vọng.

Chúng tôi còn phải chờ thêm năm ngày nữa, không bước chân ra khỏi phòng.

Anh Gabriel, phải ở bên em, anh không thấy phiền chứ?

Cứ sau ba giờ, một cô hầu tóc nâu vẻ khinh khỉnh, có lẽ cô ta chẳng thể hiểu nổi là một người đàn ông và một người đàn bà áo quần chỉnh tề về mỗi người mỗi giường, lại có thể ru rú trong phòng lâu đến vậy, một cô hầu khá ngạo mạn đã mang vào cho chúng tôi sôcôla pha nóng và nhiều kem, có kèm theo lúc thì *apfelstrudel*, lúc thì *mehlspeise*.

- Anh biết đấy, đó là những chiếc bánh ga tô Ông Ấy ưa thích, - Clara nhắc lại.

Với những chi tiết tỉ mỉ đầy thấm thiết (đầy nỗi khó chịu), Clara thuật lại cho tôi nghe những tình tiết trong cuộc sống thường ngày của Ông Ấy. Anh Gabriel, Ông Ấy đã chỉ bảo cho bọn em rằng mỗi tình tiết nhỏ nhất là một dấu hiệu. Chẳng hạn, Ông Ấy rất thích dâu rừng.

- Thế à?

- Và để vào chỗ Minna, chị vợ Ông Ấy, thì phải đi ngang qua phòng 40, nơi Martha ngủ cùng Ông Ấy.

Niềm tin của Gabriel vào Freud được đánh dấu từ giây phút đó. Gabriel đã không đọc tất cả các sách của Ông Ấy, anh chẳng có ý định đó. Và anh cũng chẳng hiểu hết những điều mình đã đọc. Nhưng, một người đàn ông đã sống thành công bốn mươi năm với hai chị em thì chẳng thể mắc sai lầm.

Một đêm, Clara đánh thức Gabriel dậy. Dậy đi! Clara đã sẵn sàng, khăn choàng đã chùng kín, tay xách va li, đứng bất động trước giường. Dậy đi, ta ra đi thôi. Ngay bây giờ à? Ngay bây giờ. Phải mặc áo quần trong đêm tối. Đừng bật đèn anh Gabriel! Phải lay tỉnh gác cổng của Ungarische Krone để ông ta tính tiền thanh toán. Phải cuốc bộ ra ga ở Vienne, vì tất cả các lái xe tắc xi đều đã ngủ. Phải nhờ mở cửa phòng đợi lọt vào giữa cái mùi thuốc lá lạnh lẽo. Phải nhiều lần mời Clara ngồi. Phải ngồi đối diện với cô và nắm đôi tay cô, lạnh buốt và gom được ở Gabriel đủ nhiệt lượng để sưởi ấm chúng, nhưng Gabriel chẳng có mấy nhiệt lượng cho chỗ cặp mắt Clara cứ nhìn như xoáy vào anh mà chẳng thấy anh.

Sau đó, ngày rạng sáng và chúng tôi ngồi trên tàu đang chạy. Clara yêu cầu tôi vớt ý tưởng nguyên bản.

- Ngay lập tức à?

- Ngay lập tức.

- Vứt qua cửa sổ.

- Đúng.

Gabriel dễ bảo liền dồn hết sức lên hai tay nắm đồng và mở được cửa kính. Một đợt khói ập vào căn khoang. Con tàu, con tàu trở về

rầu rĩ đang chạy vào vùng đồi núi được gọi là Bavière và đầu tàu thờ dốc.

- Anh Gabriel, em van anh, đừng vất ở đây!

Thế là Gabriel đành ôm ý tưởng nguyên bản sang toa khác để thực thi sứ mệnh phá hủy. Do tế nhị, anh chọn một cửa sổ ở phía cuối tàu, để cái cảnh giấy tờ quay cuồng trong không trung Bavière không làm Clara đau lòng. Than ôi? Không khí động lực học là một môn học phức tạp. Đoàn tàu lao trong không gian tạo ra bao luồng gió, nhiều tới mức mà trong giây lát, giây lát dài vô tận và tàn nhẫn, Clara đã bị bao vây và bị coi thường giữa hàng tá con chim trắng, những mảng của ý tưởng nguyên bản.

Clara phải mất mấy năm mới rời bỏ được Vienne.

Và không phải là không đau lòng: những đường hầm là nơi trú ngụ ẩm thấp, nhưng thoải mái.

Clara phải dần dần mới ngoi lên mặt đất. Cô đã cho tôi cùng chia sẻ những bước tiến bộ của cô: anh Gabriel đi với em, em sẽ chỉ cho anh biết.

Chúng tôi đi dạo. Chúng tôi thong thả đi xuôi Đại lộ Breteuil, tay khoác tay, chúng tôi đi dọc đường xe điện ngầm chạy nổi trên mặt đất. Dáng bước của những người đang hồi sức.

- Anh có thấy những gì em đang thấy không? - Clara hỏi.

- Có, lũ trẻ đang trượt patanh có bánh xe.

- Không, ở phía trên cao hơn cơ.

- Những bà mẹ, hay là những bà người Breton, đang canh giữ chúng.

- Ở phía xa hơn nữa cơ. Rặng cây, phải không, anh?

- Đúng vậy? Anh còn nhận ra đó là những cây hạt dẻ. Chúng sắp đâm hoa.

- Thế mà trước đây, anh Gabriel, trước đây em chỉ thấy toàn nấm lỗ chó. Nhưng, hết rồi.

Thế là tôi ôm hôn Clara. Tôi hơi nhạo báng cô một chút và tôi ôm hôn cô. Tôi đoán rằng chẳng đơn giản gì khi ngoi lên mặt đất, khi từ bỏ hậu trường để bước ra cuộc đời cuộc đời trần trụi, không tén điều lẫn phương thức sử dụng. Tôi đã siết chặt Clara trong lòng, Đại lộ Breteuil, dọc theo đường xe điện ngầm chạy nổi trên mặt đất; siết chặt tới mức Clara cảm nhận rõ ngọn lao kề sát bên bụng cô ta ngay trước lúc, trước lúc cô ta lành bệnh, cô ta nhìn thấy những cây hạt dẻ vô hại.

- Ôi! Clara thốt kêu lên.

Và Clara thoát ra khỏi kẻ thô lỗ và bỏ chạy theo Đại lộ Garibaldi.

Sau ba, bốn tháng sấm hối, Clara lại gọi tôi. Anh sẽ giữ đúng mực chứ? Xin thề đấy. Nếu vậy, anh tới đi, em lại có tiến bộ đấy.

Do vậy, tôi đã được tham gia giúp cô ta hoàn toàn lành khỏi bệnh.

Clara ngồi đợi tôi trên một chiếc ghế dài, Đại lộ Saxe, trước bức tượng tạc Pasteur, phong phú bò cái và các chú nhóc.

- Anh không nhận thấy gì sao?

Biết nhận thấy gì đặc biệt ở một cô Clara mà ta yêu mến trọn vẹn?

- Không, chẳng thấy gì cả.

- Vậy thì anh không biết cách nhìn rồi. Em đang cầm gì trên tay?

Một chiếc hộp nhỏ hình chữ nhật màu đen, trên nắp có một hình đại loại một con mắt, bốn chiếc nút bạc và một ống ngắm, sau này Gabriel được biết Clara đã gọi cái hộp đó là Leica, Leica I, kiểu B, cửa trập Compur.

- Nghe gì chỉ chú trọng đến bề mặt? Bề mặt của các vật và sinh mạng?

- Nghe lớp xe.

- Anh Gabriel, trên đời này đâu chỉ có ô tô. Ai quan tâm đến phong cảnh, tĩnh vật, những khuôn mặt?

- Anh không biết.

- Ngốc ời, đó là những nhà nhiếp ảnh.

Vienne và cuộc thăm dò độ sâu của nó đã bị lãng quên. Clara bắt đầu một vấn đề khác, *bề mặt*. Gabriel lại thấy lòng rộn vui. Một lần nữa, kẻ bầu bĩnh, lạc quan bất trị Gabriel nhận thấy sự gần gũi trong các nghề, nhiếp ảnh, lớp xe học, hứa hẹn một cuộc hôn nhân từng chờ đợi bao lâu nay.

Clara nâng máy lên.

- Anh Gabriel, em bao nhiêu tuổi ?

- Anh không biết nữa.

- Thôi được rồi. Bốn chục tuổi. Đừng có bộ mặt như vậy. Bây giờ, anh thích em thế nào? Với (cái hộp đen che khuất cặp mắt, chiếc mũi, nửa bên trán) hay là không có nó?

- Tất nhiên là không có nó rồi!

- Sẽ phải có nó. Anh nên tập cho quen mắt.

Clara quyết định nắp sau chiếc máy Leica để già đi.

Nhưng đây không phải là những chuyện mà nhà lạc quan đoán ra. Mặc, phải mãi sau này. Khi anh ta nhớ lại những ngày xa xưa, Đại lộ Breteuil, tượng Pasteur. Anh ta trở nên thông minh hơn, chẳng có sự lạc quan trong hồi ức.

VII

Lại Ann.

Tôi có trí nhớ về các nhà thợ may. Nhờ họ, tôi có thể nhớ lại ngày tháng, chẳng hạn, 1925, một sự đảo lộn cực kỳ nhỏ bé mà ai nấy đều lãng quên, bước chuyển từ *school-boy* sang *school-girl*^[20], chân trần đến tận đầu gối. Mặc, năm 1928, lúc đầu của kỷ nguyên Schiaparelli, khi mà váy có nếp gò, tóc để dài: anh Gabriel, anh thấy là em đã có lý khi không cắt ngắn tóc của em. Thợ may, họ là những chiếc đồng hồ cát của em. Em nhìn họ thay đổi, từ chi tiết này đến chi tiết khác, cho tới khi chẳng giống nhau và em tự nhủ rằng thời gian đã trôi qua.

Ann mặc áo nịt len đỏ, bước ngang qua sảnh khách sạn, xin lỗi, anh Gabriel, những phụ nữ đang có công ăn việc làm thường hay đến muộn. Ann mặc áo chui đầu bằng tơ tằm, áo vét xanh màu nước vắt trên vai, chà, anh Gabriel, buổi chiều hôm đó nóng ghê gớm, anh cứ thử tưởng tượng với một cái nóng như vậy...?

Và những bác thợ may nửa mùa, những hình ảnh mạnh mẽ nhất, còn nguyên vẹn sau bao năm, ước muốn được vươn đôi tay, từ trên giường nhảy bổ xuống và chạy lại giành cô ta. Thoạt đầu, Ann cởi bỏ tất chân, rồi bước, đôi lúc phải năm phút, dọc ngang căn phòng, xin lỗi, anh Gabriel, công việc, em phải thư giãn đã. Anh có hình dung ra không? Đưa mắt dõi theo một phụ nữ không mặc váy, dõi theo việc cứ đi đi lại lại, tôi tưởng phát điên lên. Sau đó, Ann mặc váy áo, bắt đầu từ chiếc váy. Và rồi lại đi đi lại lại, vừa đi vừa chải đầu đi lại với núi tóc vàng trước khi xỏ mặc những đồ còn lại. Ai mà có thể ghìm nén được. Đứng, anh Gabriel! Em là một phụ nữ đang làm việc mà. Ôi! Sao Gabriel lại có thể yêu những phụ nữ làm việc nhỉ?

Ta chẳng thể đoán ra những điều này, mấy tay thợ may có thể đóng vai trò gì trong cuộc đời một người đàn ông. Ta chẳng biết ai đã sáng tạo ra họ. Chanel? Ông Molyneux người Ailen? Maggy Rouff? Hay những người nào khác, từ thời rất xa xôi? Các nhà sử học sẽ nói với chúng ta rằng, ở Thượng Hy Lạp, phụ nữ đã lao động rất vất vả... Dù ai đi nữa, do đàn ông hay đàn bà, xin chân thành cảm ơn nhà phát minh ra các người thợ may.

Triển lãm thuộc địa

Ba mươi tư triệu khách đến thăm.

Những nhà đi săn thỏ hoang nghĩ đến săn voi, những kẻ ru rú xó nhà lại muốn làm nhà thám hiểm, những người bỏ vợ lại mơ cảnh nô lệ, những bà phụ nữ có chồng lại mơ đến khí hậu nóng, những người phá sản chờ đợi phục thù, những chàng da trắng thấp bé khinh những anh chàng da đen cao lêu nghêu, những ông Paul Bourget đến hít Kipling, những nhà bảo hoàng nhớ lại Louis XIV, những người cộng hòa nhớ lại chiến dịch Italia, những cậu chàng tự coi như những nhà truyền giáo và những cô gái tự cho mình là những người bị bức hại.

Ba mươi tư triệu người, một cảnh tượng lớn nhất trong lịch sử nước Pháp, ngoài những cuộc chiến tranh ra.

Và ông Louis tí nữa thì lỡ dịp may: ông không phải là công chức. Ông chạy vạy đó đây để xin việc. Ở Bộ Ngoại giao, bến Orsay, Bộ Thuộc địa phố Oudinot, Bộ Chiến tranh, Đại lộ Saint - Germain, Bộ Giáo dục quốc gia, phố Grenelle, ở tất cả các Văn phòng thuộc lĩnh vực các bộ thì bao giờ cũng vẫn một câu hỏi chờ đợi ông: “ông có phải là công chức không?” kèm theo sự dị nghị: “than ôi, ông có chắc thế không? Liệu có một chuyện ghi tên gộp nào ở vào tuổi thanh niên mà có thể ông đã quên không?” Những người phụ trách lo sợ cho hoàn cảnh đó (không phải là công chức) đã giúp đỡ ông. Họ tra cứu hộ ông những niên biểu của những người cũ, những thể lệ mới cho phép vào thẳng các chức vụ công như là những vòng bên ngoài và những đường khuất tắt.

Một chị nhân viên tóc hung, sau nhiều nụ cười và những tiếng nói nhiều ngụ ý, đã lăm bằm qua chiếc quày màu nâu:

- Tôi tên là Mylène, tôi chắc chắn rằng trong con người của ông có cái vẻ gì là người chính ngạch.

Nhưng sau khi kiểm tra lại trong một ngôi nhà nhỏ ở phố Louvre chị ta nói: không, chẳng có gì cả. Tôi đã nhầm. Và nếu ông vui lòng thì không nên năn nỉ nữa. Tôi có ba con và một chỗ làm chính thức.

Ông Louis cố hết sức mình. Buổi sáng ở phố Rivoli, ông là người đầu tiên đợi mở cửa.

- Này, chị Mylène ơi, người yêu của chị đấy! - Các đồng nghiệp cười gằn.

Chị dọa gọi cảnh sát.

Nhưng ông Louis ngồi lại ở đó suốt cả ngày, trên chiếc ghế duy nhất, ngồi dưới tấm quảng cáo cho xứ Phi Châu xích đạo của Pháp, đất đai cây cỏ và động vật. Các công chức nhận thấy một điều lợi ích trong sự có mặt của ông: bao giờ cũng thấy có một người chờ đợi thì phòng tổ chức có thể tưởng rằng công việc bận quá mức.

Có một người nào đó cứ hai giờ lại ném cho ông câu hỏi:

- Thế nào, ông Orsenna, bao giờ cũng ở đây à?

- Tôi muốn gặp ông bộ trưởng, - bố tôi trả lời.

Một buổi tối, người ta chưa lên đèn. Bảng AEF chìm trong bóng tối. Một người mặc áo bơ lu trắng đẩy cửa, một tiếng phụ nữ kêu lên:

- Không còn ai ở đây nữa chứ?

Ông Louis đứng dậy.

- À, ông đấy ư, ông lên tiếng đi chứ, không thì làm sao biết được ông còn đây. Này ông, ông phải làm cho người ta nhận ra ông chứ.

Nếu bây giờ tôi phải đi vòng tất cả các buồng... Ông sợ những mũi tiêm ư?

Bà ta nắm cánh tay ông, đưa ông đến một loại căn phòng hẹp.

- Ông hãy để quần áo của ông lên ghế tựa. Bác sĩ ở đây.

Bà chỉ một cái cửa sổ dán đầy những lời khuyên chống bệnh sốt rét, bệnh amip, bệnh ngủ. Ông Louis chẳng làm thế nào để có thể chống lại mạch đập nhanh (chứng máy cơ bắp của dòng họ Orsenna trong những dịp quan trọng): ông tự bắt mạch, ông thở mạnh, đếm thật nhanh nhưng mạch của ông càng nhanh. Có thể là người ta không nhận chính thức những người có mạch đập quá nhanh...

- Nào, - bác sĩ nói, - những tiền án của bệnh cũ, những bệnh thời thanh niên, những cuộc phẫu thuật?

Ông già, ông hãy trả lời nhanh lên, trời sắp tối rồi, ông định đi vùng nào?

- Nhưng tôi ở lại, - ông Louis nói, - tôi muốn làm việc ở Triền lãm.

- Hử, cũng như tôi, ông sợ các cuộc đi xa ư? Tôi thú thật với ông, dù tôi là bác sĩ, người ta phải giết tôi để bắt buộc tôi ra đi. Nếu ông thấy được những cái gì tôi trông thấy, khi trở về... nhất là các lá gan, các bộ ruột thì điều đó thực sự không làm cho ta thêm muốn các thuộc địa. Tôi thích các bệnh của chúng ta, ngay cả những bệnh làm chết người. Muốn sao thì thà chết ở đất nước mà chúng ta đã biết.

Rồi họ bàn luận đến các bệnh nhiệt đới. Vì họ là những người cuối cùng ở lại thì chỉ còn có họ ở trong Bộ Tài chính thôi.

- Ông có biết lối ra không? - Bác sĩ hỏi.

- Tôi không biết, - ông Louis trả lời.

- Rõ ràng là ông có tâm hồn của một người công chức chính thức: một khi đã vào ở nơi nào đó, là ông ở lì... Ha! Ha! Ông hãy tin vào tôi, tôi sẽ giúp đỡ ông.

- Nhưng tôi thích về nhà tôi.

- Chúng ta cộng sức lực của chúng ta lại.

Trong đêm tối (điện đã bị cắt, chắc hẳn là do một sự thu hẹp ngân quỹ; Bộ Tài chính phải tỏ ra là gương mẫu), họ mò mẫm học theo những hành lang bất tận, kêu cứu mà chẳng nhận được một câu trả lời nào. Thỉnh thoảng họ vấp phải một chồng hồ sơ mà ông Louis đọc được các nhan đề nhờ ánh sáng của chiếc bật lửa: đây, bây giờ chúng ta đến bộ phận ghi nợ.

- Thế là chúng ta đã được khỏe chân, - bác sĩ lâu bầu.

Cuối cùng, vào khoảng nửa đêm, qua một cánh cửa để ngỏ bất chợt, họ đi vào sân Napoléon và ra đến phố Rivoli.

- Tha lỗi cho tôi nhé, - ông bác sĩ nói, - tôi chuồn đây, ông bạn thân, nhưng hãy tin vào tôi. Và chúng ta sẽ nói tiếp những cuộc trao đổi. Nhưng ông hãy thú thật với tôi, ông là một thầy thuốc phải không? À, nếu tất cả những đồng sự đều biết rõ được về bệnh amíp...

Ngày hôm sau nữa, ông Louis được một viên cố vấn của ông bộ trưởng tiếp.

- Người ta nói với tôi nhiều điều tốt về ông. Tôi sẽ xem có thể làm được gì. Ông mong muốn gì? À, đúng rồi, được vào chính ngạch như mọi người, tôi không giấu ông đâu, khó lắm đấy. Là vì bộ phận nhận người... xem nào, xem nào, tôi có thể giới thiệu với ông một bộ phận nào đây, giữ kho nhé? Ông có thích những đồ vật không?

Ông Louis bữu môi.

- Đáng tiếc, nhưng phải thích các đồ vật như diên thì mới làm người giữ kho được. Vậy thì làm thủ thư vậy? Tốt lắm? Ông thích sách báo. Tuyệt? Nhưng ông hãy đợi tí tôi nghĩ lại rồi, Triển lãm thuộc địa không dính dáng gì với thư viện. Không phải thiếu thiện chí đâu, nhưng không được, tuyệt nhiên là không, tôi không tìm được cho ông một bộ phận thu nhận nào. Không có bộ phận thu nhận thì không thể vào chính ngạch được, phải không? Trái lại, chúng tôi có thể giao cho ông một nhiệm vụ, một nhiệm vụ có thể thay đổi, rõ thôi. Vả chăng việc quản lý các trò triển lãm tồi tàn này còn dài lắm... đã kéo dài được tám năm rồi... đúng là như voi thai nghén. Ông nhìn xem...

Ông ta chỉ một bức tường xám, hồ sơ để chồng trên hồ sơ, dựa vào một cái tủ có lưới mắt cáo.

- Bây giờ là tính cho năm 1931. Không biết liệu có thấy được ngày kết thúc không. À! Chắc chắn thôi. Triển lãm cần những người như ông, những người thực sự là hăm hở, những người không sợ những cái cặp thai.

Một mỗi lúc bắt đầu nói chuyện, ông cổ vắn của bộ trưởng hình như đã lấy lại được hy vọng.

- Ông sẽ giúp tôi, ông sẽ giúp tôi, ta sẽ phải quản lý các ủy ban mới. Ông không biết, nhưng tôi sẽ dạy cho ông: ông Angoulvant, rất đơn giản. Gạt bỏ Rayé Angoulvant? Thay thế bằng thống chế Lyautey. Tôi không phản đối ông thống chế, nhưng ta phải thay đổi một nửa các thành viên, vì ông thống chế có những người của ông ấy. Đó sẽ là việc đầu tiên của ông...

- Vậy thì tôi có thể bắt đầu vào lúc nào? - Ông Louis hơi rụt rè, các ngón tay của ông bầu vào mũ.

- Ngày mai, à không, ngay bây giờ, ông hãy nói cô thư ký của tôi để bố trí một căn buồng. Hay là ông ngồi ở phòng đợi. Lúc công việc này tiếp diễn thì phòng đợi là nơi được đấy, tôi nói đùa đấy thôi, ông sẽ có một căn buồng thật sự với một nhiệm vụ thật, có thể thay đổi được. Thôi can đảm lên, và hoan hô Triển lãm.

Thế là đối với ông Louis, bắt đầu thời kỳ mà sau này ông gọi là “những năm tháng đẹp nhất của đời ông”. Ông chạy từ đầu này đến đầu khác của Paris. Đến Sở địa chính để xác thực miếng đất ở Vincennes là không có địa dịch. Ông chạy đến các nhà thầu khoán, những người này mới tiếp ông lần đầu.

- Cuối cùng các ông, các con buôn chính trị, đã sẵn sàng cả rồi chứ, các ông đã đồng ý, vậy tôi có thể bắt đầu các công việc của tôi chứ?

- Nghĩa là... Tôi đến chính là để báo cho các ông biết là phải tiên liệu chậm hơn một chút.

- Thế thì trong trường hợp ấy tôi đòi có một sự giải ước.

- Ông hãy hiểu cho chúng tôi, đây là cả một đế quốc đem ra trình bày.

- Tôi cần gì. Tôi sẽ sử dụng các công nhân của tôi vào việc gì hở? Những công nhân đó đáng nhẽ ngày mai phải bắt đầu xây một ngôi chùa?

- Ông hãy đọc lại phiếu đặt làm. Không phải là một ngôi chùa. Mà là một ngôi đền của Campuchia.

- À! Không phải là lúc chơi chữ.

Và ông Louis lễ phép xin từ giã, bàng hoàng vì sự tấn công mạnh mẽ như thể Triển lãm là một bất động sản tầm thường.

Những tiểu chủ ấy đã đọc nhiều bản “sáng chế”, họ tưởng rằng tất cả sẽ làm trong sáu ngày và nghỉ ngày thứ Bảy. Cần phải giải thích cho họ cái *tính cách ẩn dụ*, đúng, thừa các ông, tính cách ẩn dụ của sáu ngày sáng thế ấy.

Và ông quay về bộ, cảm thấy như được ban quầng hào quang vì những lời nhục mạ mà ông phải hứng chịu.

Vả lại, ngày hôm sau những người tiểu chủ lại được đi đến. Thật là ngọt ngào. Cuộc khủng hoảng của Mỹ bắt đầu có ảnh hưởng. Các giới thạo tin tức tiên đoán rằng cuộc khủng hoảng đó ngày càng nặng nề. Cho nên, việc đặt làm một ngôi đền Campuchia dù rằng chậm trễ cũng không ai nhả tiền ra.

- Tốt lắm! Bây giờ không nên chần chừ, ông Orsenna, ông hãy chạy đến ông Rosengart.

Đây là một tay xây dựng cừ khôi trong thời đại này. Ông ta đã đề nghị những xe nhỏ để chở khách đi xem từ chòi này sang chòi khác, từ khu Tây Phi Châu sang khu Á Châu. Người ta có thể thích các thuộc địa nhưng không thích đi bộ, có phải không, ông Orsenna?

Ở nơi kia, gần vòng đua, là địa hạt mà ông Louis đã quen biết sẵn.

- Tôi là bố của Gabriel...

- Nhà làm xăm lổp, tất nhiên, tất nhiên.

- Vậy thì, tháng này, ông đến đâu rồi, ông Rosengart?

- Ông hãy đợi giây lát, các mẫu ấy vừa đem thử ở ngoại thành. Ông dùng một ly nhé.

Ông Rosengart gọi rượu Suze, ông gạt giấy tờ ở bàn giấy lại, đây là những mẫu sáng tạo sắp tới, ông Orsena ạ. Người ta có thể nói đây là Hàng May Thượng Hạng.

- Như vậy là ông có biết Levallois?

- Có, tôi có biết sơ sơ Levallois, - ông Louis khẽ nói.

- Như vậy chắc chắn là ông còn nhớ thời kỳ những mẫu làm thử. Ông nhìn đây, ông có thấy đẹp không, những dây chuyền này. Tôi không bao giờ có thể tự làm được như thế.

Một cửa sổ to có kính hướng về các xưởng thợ. Người ta thấy các chiếc xe tập trung lại dần dần. Ông Rosengart và bố tôi nhắc cốc rượu Suze: hoan nghênh những hàng mẫu!

- Tôi không muốn giữ ông lại, - ông Rosengart nói. - Tôi biết thời gian cần để xây dựng một triển lãm. Ông đừng lo, tất cả sẽ sẵn sàng vào đúng lúc. Vả lại, ngày mai tôi sẽ đến thăm ông ở bộ bằng các mẫu làm thử, dù chỉ là để cho ông được yên tâm.

Nhưng các mẫu đó không đến bao giờ. Người ta mất công chờ đón, giống tai nghe...

- May mắn là chúng ta có xe lửa chạy vòng quanh và những xe ca điện. Các người chịu trách nhiệm được yên tâm. Nhưng không được buông thả, ông Orsenna, ông hãy đến luôn luôn càng hay, ông Rosengart đã hứa, ông ta phải giữ lời.

Ông Louis thích hồ sơ này hơn là vấn đề các quyền của con người. Hội nhân quyền đã phản đối xe kéo. Theo hội này, những kiểu vận chuyển đó làm nhục loài người. Hội đó dọa đưa đơn kiện lên Tòa án La Haye, cả lên Giáo hoàng mặc dầu hội đó chủ trương vô thần và ngay cả hội Tam Điểm. Có thể là do lời nói của hội ấy nên cuộc đối thoại giữa Loge và Tòa Thánh không phải là không gay go.

“Dù sao cũng phải điều đình, - ông bộ trưởng nói. - Không có xe kéo thì Triển lãm sẽ mất tính chất của nó”.

Trước các luật sư vất vả và rất lo lắng về thân phận con người thì ông Louis bảo vệ quan điểm của bộ.

- Một chút tính cách ngoại lai không có hại gì, thưa luật sư.

- Tính ngoại lai ấy là một điều sỉ nhục cho nhân loại.

Trên bàn giấy của luật sư, điện thoại reo vang không ngừng.

- Ông cho phép? Tôi cần một giây. - Và Louis bỗng nhiên chìm trong những sự tranh cãi không ngừng, những vụ ly hôn, những vụ vỡ nợ, những chuyện thừa kế.

Mệt mỏi, luật sư đặt máy nói xuống, ông thở một chút. Ông từ từ ngược mắt nhìn về phía ông Louis.

- Còn ông, về vấn đề gì nhỉ? Tha lỗi cho tôi, ông xem, cuộc sống của nghề luật sư, cuộc đời mà người ta phải theo đuổi. À! Đúng rồi, những chiếc xe kéo.

Một số buổi tối, ông Louis bảo tôi đến. Bà Wladislawa lạnh lùng đón tôi: ông ấy lại nói với anh về vấn đề sỉ nhục đó.

- Nay, Gabriel, về những chiếc xe kéo, anh nói thẳng cho ta biết anh nghĩ thế nào?

Chúng tôi nhanh chóng thống nhất ý kiến với nhau là không vinh quang lắm đâu.

- Nhưng anh xem, Gabriel, liệu một cuộc triển lãm có quyền chọn trong thực tế hay chỉ nên trình bày các khía cạnh tốt đẹp của các sự vật thôi sao? Gabriel, con hãy thật lòng trả lời ta, về phương diện

nghề nghiệp khát khe, chúng ta không bị bắt buộc phải trưng bày những xe kéo chằng?

Ông Louis chẳng sợ ai cả, trong sổ có ghi những người thiếu thiện tâm.

Tôi suýt quên những cuộc chiến tranh giữa các thuộc địa. Họ đánh nhau trước bản đồ đóng vào tường, khung chữ nhật, Đại lộ Daunesnil, Đường số 38 từ Paris đi Charenton, Đại lộ Gravelle và Đại lộ Château. Những người Phi Châu dọa bỏ Triển lãm nếu phần dành cho miền Nam Sahara không phải là đẹp hơn. Rất tốt,

“những người Đông Dương” bẻ lại; trong trường hợp đó các ông lấy cả Vincennes, chúng tôi sẽ trưng bày Angkor trong khu vực của chúng tôi và chúng tôi xem cái gì sẽ làm cho những người Pháp phải thích thú, các đèn đài của chúng tôi hay các cúp lều của các ông...

- Thôi mà, thưa các ông, các ông hãy bình tĩnh.

Không gian khá rộng rãi cho tất cả mọi người.

Nhưng những người thuộc địa không muốn biết gì cả.

- Phi Châu đáng hơn.

- Những kẻ man rợ ấy, vừa mới ra khỏi cuộc sống hái lượm!

- Nếu người ta trưng bày nhiều chuyện độc ác của người da vàng thì trẻ con sẽ không đến đâu.

- Có thể là độc ác nhưng là một nền văn minh thực sự. Các ông có thấy những nét vẽ của Huế ở những người mọi không?

Đêm xuống. Người ta nghe rõ những tiếng chửi rửa dội xuống tận trên đại lộ.

May thay hiếm có những sự bùng nổ ấy. Những người khoa trương là những người hiền lành, những người nhút nhát trong các nhà giáo. Họ không chịu được sự tiếp xúc trực tiếp của các học trò. Họ sắp xếp các đồ vật với tình thân mật và họ rút lui để cho mỗi người đến xem tự có ý kiến riêng. Trong môi trường tế nhị ấy, ông Louis kết những mối dây bằng hữu. Ông làm cho người ta tưởng ông ở quận VI, quận VII, nơi có nhà chức trách, ông đi theo các công chức có chế độ. Ông đi chậm rãi bên cạnh họ trong các phố vắng vẻ sau các cuộc hội họp về. Ông nghe những câu chuyện dài về văn minh, về phạm vi nhỏ hẹp của nước mình, về sự cần thiết cấp bách của Đế quốc, có phải thế không, ông Orsenna?

Ông Louis ra hiệu đồng ý trong đêm tối. Trong khi đi đường, những người nói dài đồng nhất là Hirsch. Phó chủ tịch Hội “Nước đại Pháp” và Labbé, kỹ sư trưởng của cơ quan kiểm soát đường sắt Addis - Abeba - Djibouti.

- Ông Orsenna, ông biết những xứ ấy chứ?

- Không ạ, thưa ông chủ tịch, không ạ, thưa ông kỹ sư trưởng, - ông Louis trả lời.

- Vậy thì tại sao ông lại tận tâm với Triền lãm?

- Tôi không thích sống tù túng.

Họ có thể sẵn sàng ôm hôn ông. Họ nói thêm một hay hai câu về những khoảng rộng, trên bậc cửa của họ.

- Một ngày nào đó, ông sẽ đi đến đấy. Ông hiểu chứ. Nhưng còn lâu.

Louis đã cố giữ gìn cẩn thận, trèo qua tường chứ không đi qua cửa chấn song kêu cọt két, tránh những viên sỏi kêu rào rào rồi

nhảy qua những chỗ của sàn nhà mà ông đã biết là khá nhạy, nhưng không xong. Trong khi ông đã cởi xong quần áo trong một sự im lặng hoàn toàn thì có tiếng gọi tên ông cất lên:

- Ông Louis?

- Tôi đây.

- Lại những chuyện thuộc địa vớ vẩn à? - Bà Wladislawa không bật đèn bao giờ.

Bà trở dậy và mở cửa sổ. Bà nhìn thành phố dưới ánh đèn và trời sáng dần.

- Khi tôi nghĩ đến cái gì chúng ta có thể xây dựng chung với nhau, ông Louis ạ, xây chung với nhau chứ không trống đánh xuôi kèn thổi ngược. Bởi vì tôi cũng thích sự rạng rỡ của nước Pháp và riêng tôi, trong số những người Ba Lan, tôi đặc biệt yêu thích điều đó. Ông Louis, ông hãy nhìn những người theo Aragon, này, ông ta cùng tên với ông đấy, ông hãy nhìn họ, ngày này qua ngày khác, tất cả những cử động của họ, tất cả hơi thở của họ cùng theo một hướng. Hướng của chủ nghĩa cộng sản. Ông có trông thấy vóc dáng tình yêu của họ không? Ông Louis ạ, có lẽ ở chúng ta tình yêu cũng nhiều như ở những người theo Aragon, với điều kiện là cộng lại và nhân chúng ta lên chứ không phải là trừ chúng ta đi, như vậy chúng ta sẽ gương mẫu hơn họ, ông Louis, ông nghĩ mà xem, có thể hãy còn thì giờ...

Và đến đấy, bà bắt đầu nức nở, một tiếng nấc duy nhất không ngừng mà cắt đoạn khi nhắc tới những người theo Aragon.

- Vào giờ này họ ở đâu, hử ông Louis, nếu không phải là người này áp vào người kia, tay trong tay, có thể họ đang làm tình. Và không phải là họ trẻ hơn chúng ta, ông Louis ạ. Ông đừng đi tìm kiếm thủ đoạn nghi binh ấy, chúng ta cũng có thể ham thích để lao vào tình yêu cho đến tình mơ. Từ Ba Lan tôi đến đây vì thế mà chỉ vì thế, một tình yêu chân thật. Nhưng ông Louis, ông đã làm phân tán

cả, ông làm đủ mọi thứ, đủ mọi tầm thước, ông mở rộng tất cả, trừ có tầm thước của tình yêu chúng ta...

Và ông Louis trông thấy cái lưng to bản của bà Wladislawa rung rung lên và mái đầu hung của bà chạm vào ống nhòm mà bà dùng để tìm kiếm những người theo Aragon.

- Xong rồi, ông lại làm sai lệch rồi, ông hãy nhắc lại cho tôi địa chỉ của họ, ở Paris tôi lạc mất. Tôi quay nó về phía nào nhỉ? Vì tôi phải coi chừng chúng (giọng nói của bà có vẻ lạnh lạnh và hằn học). Tình yêu của họ làm nguy hại cho nước Ba Lan. Họ càng yêu nhau thì chủ nghĩa cộng sản càng thắng lợi. Vì tất cả cái gì tốt cho cho cộng sản thì tốt cho nước Nga, vậy là xấu cho Ba Lan. Ông thử tưởng tượng xem, ông Louis, nếu tình yêu của chúng ta mà chiếm được một phần trước của sân khấu, ở vào chỗ của họ, ông Louis ơi, thì cộng sản còn có cái gì để trình diễn như là một cảnh chọn lọc nữa? Những ngày hôm sau ai sẽ lên hát? Bọn Kulắc ư?Ồ! Louis, trách nhiệm của ông như thế nào mà không yêu tôi tha thiết; để cho bọn cộng sản được độc quyền tình yêu to lớn thì tai họa sẽ thế nào ! Ông Louis, nếu có việc gì xảy ra cho nước Ba Lan thì sẽ là tội của ông, và tôi sẽ nói ra điều đó, đúng thế, ông Louis ạ, mặc dầu ảnh hưởng sẽ như thế nào, tôi sẽ nói.Ồ! Ông Louis, cái xí nghiệp phá hoại của ông thật là khủng khiếp. Khủng khiếp, khủng khiếp...

Sau những tiếng khủng khiếp, khủng khiếp, Louis bèn ra đi. Ông nghe những tiếng ấy khuất dần khi ông đi xuôi về Paris, về bộ. Ông về đến buồng giấy trước mọi người, vừa đúng lúc để trả lời tiếng gọi của bà Marguerite: tôi đây, ông Louis, tôi chúc ông một ngày tốt đẹp, tôi tự hào về ông, không có nhiều vấn đề chứ? Ngày khai mạc Triển lãm giữ nguyên. Nước Pháp vạn tuế, ông Louis, tôi tự hào về ông. Ông Louis đặt lại máy nghe.

Ông không ngủ hay hầu như không ngủ chút nào. Nhưng ông không thấy mệt. Ông lạ hoàn toàn ở trong Triển lãm. Khi người ta sống trong giấc mơ, người ta không cần đến giấc ngủ chung quanh.

Xúc động bởi sự tích cực của ông, chính quyền kết cục phải chấp nhận cho ông vào nơi thiêng liêng nhất, nơi của các quan niệm cao nhất, nơi soạn thảo một cách chậm chạp với tất cả sự thận trọng có thể có được, bản trình bày những lý do, sau khi đã cân nhắc từng chữ, đã bàn cãi từng khả năng để đi đến một quyết định thống nhất:

“Nước Pháp không còn toàn vẹn ở Châu Âu. Khi nói đến Bắc Phi, ở đó nước Pháp đã đem trồng một nhánh khỏe mạnh của nòi giống quốc gia, khi nói đến Đông Dương, đến Tây Phi, đến Phi Châu nhiệt đới, đến Madagascar ở những nơi đó có nhiều người Pháp đang xây dựng Đế quốc mới của chúng ta. Khi lại nói đến các đảo Antilles ở đây đã tồn tại vẻ đẹp duyên dáng và lâu đời của thế kỷ XVIII với những con cháu của những người thực dân đội mũ có vành ba múi và bộ tóc giả rắc phấn, đây là nước Pháp tự tái tạo ra trên những mảnh đất ấy, gần hay xa xôi, đã trở thành từ dạo ấy những bộ phận sống động và mạnh mẽ của đất nước sinh sôi.”

Có những cuộc họp triền miên, những cuộc cãi vã về thủ tục kéo dài liên miên.

- Các ông không nghĩ rằng ta nên làm việc trên một văn bản ư? Chúng ta hãy giao một đơn đặt hàng cho Trường sư phạm. Ở phố Ulm, họ viết rất giỏi.

- Không được đâu, ông bạn ơi, chính là ủy ban được lập ra phải phụ trách công việc này. Ủy ban đó không có quyền ủy nhiệm lại cho người khác.

- Chúng ta sẽ giẫm chân tại chỗ, và thời hạn lại sắp đến rồi.

Giọng nói chuyển chanh chua.

- Thôi, các ông – ông thủ trưởng cơ quan Chadeau – Zylber nhắc lại.

- Ô! Ông với những đau khổ trong cuộc chung sống vợ chồng.

- Tôi xin lỗi các ông.

- Chấp nhận, chấp nhận, - ông giám đốc Viện Bảo tàng mỹ thuật quốc gia Alger, ông Alazard kêu lên.

- Còn ông Crouzet, ông không nói gì từ nãy đến giờ.

- Tôi vẫn nghĩ rằng việc nhắc đi nhắc lại câu “Nói đến” là không hay “Nói đến Bắc Phi”, “Nói đến Đông Dương” lối hành văn ít ra là cũng nặng nề.

- Ông Crouzet, ông không nên quên rằng mục đích là có tính cách sư phạm. Ông là thanh tra giáo dục thì ông phải hiểu điều đó.

- Ta không nên lẫn lộn sư phạm với đế giày bằng chì. Trong những điều kiện đó ông sẽ hiểu được sự im lặng của tôi.

Và rồi, có một số ở đây chỉ vì một câu duy nhất: đây là tóm tắt hoàn toàn, theo ý họ, của tiến trình thuộc địa. Như vậy là, ông Gruvel, giáo sư Bảo tàng tự nhiên học, là giám đốc Viện thí nghiệm đánh cá và những sản phẩm thuộc địa nguồn gốc động vật. Ông coi ông Louis là bạn. Ông ta nói với ông Louis quan niệm của ông về Văn chương:

- Ông Orsenna ạ, không cần đến tiểu thuyết cũng không cần đến truyện vừa, tôi, tôi chỉ là nhà viết văn với một vài từ: “Một mớ hỗn độn biết cách sắp xếp theo khoa học của các cây cỏ, động vật và con người”. Ông Orsenna, ông hãy nói thẳng thắn, có phải đây là một cuộc triển lãm thuộc địa, là thế và chỉ là thế?

Ở mỗi buổi họp ông bèn đề nghị mớ hỗn độn của ông.

- Sau này, ông Gruvel ạ, - ông Chadeau – Zylber nói, - ta phải đợi bản chính tốt.

Cuối cùng đến ngày có bản chính tốt.

“Đối với công dân của Vương quốc Anh khái niệm “Đế quốc Anh” đáp ứng được một sự kiện rõ ràng và hiển hiện, thì ở Pháp, khái niệm một Đế quốc thuộc địa không những không thân thiết với những con người riêng biệt mà còn không được thể hiện rõ ràng trong cuộc sống chung...”

Ông thủ trưởng cơ quan đề nghị việc hình dung lâu dài Bộ thuộc địa.

“Đằng sau một dãy cột thanh tú và duyên dáng là toàn thể mặt ngoài cao to hiện thành một bức tranh tường bằng đá đồ sộ rất sống

động...”

Ông Louis cúi mình về phía ông Gruvel.

- Có thể là đúng lúc cho mớ hỗn độn của ông.
- Ông nói có lý.

Và Gruvel nói tiếp:

“Một mớ hỗn độn biết cách sắp xếp theo khoa học của các cây cỏ, động vật và con người sẽ được định hình, dưới sự cứng chắc của vật chất, sức mạnh dồi dào của Đế quốc non trẻ chúng ta, đầy ắp của cải và sức lực.”

- Những dòng chảy này theo tôi thì thích hợp hoàn toàn, ông Chadeau Zylber nói. - Ủy ban đã thông qua? Hoàn toàn. Một cuộc họp rất tốt. Chỉ còn một vài buổi họp tốt như thế này thì chúng ta tới đích.

Khi ra về, ông Crouzet nắm cánh tay ông Louis.

- Ông bạn thân mến của tôi, tôi không bao giờ quên sự giúp đỡ của ông. Bộ Giáo dục quốc gia, ông biết đấy, có thể nhận ông nếu ông yêu cầu được chính ngạch. Tôi có thể đặt ông vào hàng danh sách vòng ngoài.

- Than ôi! Tôi không còn tuổi nữa.

- Như vậy thì thật đáng buồn. Vòng ngoài có thể lấy nhiều người nhưng không thể làm gì được với sự quá tuổi. Cũng không sao, miễn cứ trả lại như vậy. Cũng được thôi.

Và ông, một tác giả sung sướng, miệng huýt sáo, đi về phía sông Seine.

Cho đến bây giờ, ông Louis không có bạn. Ông không có thì giờ. Đời ông chỉ là một chuỗi tạm dừng: mỗi bạn là một khoảng ánh sáng tròn quanh một người đàn bà. Ông có thói quen uống một cốc rượu hời chẳng hạn, ở một quán cà phê tại một góc nào đó, trước khi lên tìm người đàn bà đó, hay bàn gẫu một chuyện, buổi chiều ngày Chủ

nhật với một ông bố vợ tầm phơ, thì ánh sáng đã tắt và người đàn bà đã thiếp đi. Con tàu lại chạy. Ông phải quên đi những gương mặt, những khu phố và những địa chỉ.

Chắc chắn là bến đỗ Wladislawa khá bền lâu. Nhưng một tình yêu gương mẫu không phải là miếng đất lợi cho sự phát sinh các tình bạn. Còn đối với Chadeau – Zylber thì ông sáng suốt và không tin vào những quan hệ thân mật với các bề trên.

Ông thủ trưởng thường đến ngồi trong các buồng bé màu xám của nhân viên tạm tuyển: tôi không làm phiền ông chứ, ông Orsenna? Ông đợi trời tối. Bộ vẫn còn người. Ông bèn kể chuyện về những thất vọng của ông, một chỗ làm ở Cameroun, người vợ ra đi, gà trống nuôi hai đứa con, gay go nhất là ngày Chủ nhật, ông hãy tin tôi, ông Orsenna ạ, một người đàn ông một mình với hai đứa con trong một căn phố Boulard, đời sống không dễ dàng gì sau Cameroun. Và vợ tôi lại còn muốn cướp đi của tôi hai đứa con: Pauline và Jean – Baptiste. Louis chia sẻ nỗi buồn nhưng không để bị lừa gạt: không nên lẫn lộn giữa tình bạn và nhu cầu tâm sự.

Rồi đến bài viết của tờ *Ô tô*.

Mùa hè, phố Oudinot. Nhiệt độ lên rất nhanh sau mười giờ. Người ta hỏi những người đang làm ca:

- Đúng, - họ nói, - đúng, trời cũng gần giống như ở đằng ấy.

Người ta hỏi họ có cách nào để chịu đựng được. Không có, những người thuộc địa trả lời.

Và im lặng, ở phố Oudinot, trong hành lang của Nha giám đốc các vấn đề Phi Châu, phó sở giám đốc của Tây Phi thuộc Pháp, văn phòng Sénégal, văn phòng Guinée, văn phòng của Bờ Biển Ngà, văn phòng Dahomey, văn phòng Tôgô... hầu hết tất cả bờ biển cho đến Namibie (trừ một vài mảnh đất của Đức hay của Bồ Đào Nha lọt vào giữa).

Những câu chuyện thì thảo. Ngay những lời đồn đại cũng không được hoan nghênh. Buồn chán ghê gớm ở buồng giấy mùa hè, khi thời giờ như không tiến lên được, chìm vào trong không khí như những bước chân đi lún trong nhựa nóng chảy của các vỉa hè.

- Ông hãy thử xem, - một đồng sự nói, khi giờ tờ Ô tô. – Tôi đảm bảo với ông là ông phải thử xem.

Thế là việc xem báo thể thao đã đi vào cuộc sống của ông Louis.

Và ông nhanh chóng nhận thấy sự thật hiển nhiên: những tờ thể thao giúp ích cho cuộc sống con người...

Đến lượt ông, ông đi sâu vào thời sự ấy, ông cũng sôi động và hào hiệp như một thị trường nhiệt đới. Ông cảm thấy một cảm giác say sưa mà chúng ta đều biết rõ, những người bạn của thể thao, ông bắt đầu liếc đọc tiết mục về bơi thuyền, ông cảm thấy hơi thất vọng, à Rowing không đến được đoạn đầu của dòng sông. Ông dự một buổi đấu ngắn ngủi về quần vợt, những người thắng cuộc ở Wimbledon về giải đánh đôi nam nữ đã từ chối từ nay về sau không chơi cùng nhau nữa. Một sự bất hòa có kéo dài hay ko? Vấn đề là phải theo dõi. Giây phút thông cảm (dối trá) đối với những tay ganh đua nhau ở cuộc chạy marathon ở Lost Angeles (để ghi sẵn ở cuộc chơi): người Pháp El Ouafi liệu có thể xác nhận sự thành công của anh ta ở Amsterdam không? Với cái tên ấy, anh ta chắc chắn quen với cái nóng bức đầu mùa hè v. v... Ông đã đi sâu vào những tờ báo không đếm xuể ấy, trong đó người ta thỏa thích biết được ở trong ngày, những thắng lợi, những thất bại, những sự tận tâm, những điều phản bội, các cuộc du lịch, sự chăm sóc của y tế, các kỹ thuật, các tai nạn về cơ bắp, những bi kịch của con người, đây là không kể đến điều kỳ lạ, đến sự quá độ xả ra hàng ngày: Cuộc Đua Vòng quanh nước Pháp.

Khi cuộc đua này kết thúc (thắng lợi thuộc về Dewaele, nước Bỉ), ông Louis mới đo được sự trống trải. Cuối tháng Bảy là thời điểm

xấu nhất trong năm đối với các nhà thể thao. Đây cũng coi như một sự nghỉ ngơi ở gia đình khi người ta yêu một thứ khác.

Cho nên, một bài báo ngày 1 tháng Tám đã làm ông mỉm lòng rơi lệ.

Để có một cuộc Đua Vòng quanh nước Pháp vĩnh viễn

“Những tiếng hoan hô đã tắt, công viên đã đóng cửa, áo vàng đã gấp lại, người ta đã quên Izoard... Biết sống thế nào đây?...”

Lời kết luận của tờ báo chỉ có thể làm ông mê say:

“Và nếu có một cuộc đua quanh Đế quốc bổ sung cho cuộc đua của Mẫu quốc?”

Ngay buổi sáng hôm đó, ông đã viết thư cho một người tên là Dekarkove, ở trên có chữ đầu: E. Élie? Emile?

Họ phải gặp lại nhau gần tòa báo, trong một hiệu ăn nhỏ xứ Auvergnat, hiệu *Le Puy - de - Dôme* dành riêng cho “những nhà thể thao”. Ông Louis bao giờ cũng có một chút e dè trước khi giáp mặt với một đám người mới. Trước cửa, ông ngập ngừng tay để trên quả đấm. Ông vừa mới vào trong cơ quan nhà nước thì bây giờ lại thấy ông rời bỏ nơi đó để đến với giới thể thao. Ông có phải từ bỏ cái trước không?

- À! Ông đấy à, ông thuộc địa?

Tất cả những người có mặt trong hiệu ăn đều ngoảnh hướng về phía người mới đến.

- Sao người ta không thể tìm được một nơi yên tĩnh hơn? - Ông Louis hỏi.

- Không thể được, bao giờ cũng phải làm sao để người ta có thể tìm được tôi mà báo tin những kết quả. Ví dụ như tin nêu mới có

một kỷ lục thế giới. Trời hơi nóng, nhưng biết đâu, với Nam bán cầu...

Thỉnh thoảng có một người gào lên, đúng là gào lên từ một góc xa trong phòng.

- Này ông Dekarkove, năm sau, Aubisque, Galibier Và Izoard?

Như vậy ông Louis biết được những trách nhiệm thật sự của nhà làm báo. Ông làm nghề ái quốc nhất trong các nghề nghiệp: là người ấn định giải Đua Vòng quanh nước Pháp. Mỗi năm, chính ông chọn hành trình. Ông bắt đầu bằng những chính quốc, có thể những thành phố chính. Ông gặp ông thị trưởng.

- Ông có thích nhận Đường Đua Lớn không?

Ông ủy viên thành phố đỏ mặt, nói lắp bắp: chắc chắn, chắc chắn.

Ông Dekarkove báo tin về các bảng giá, mời các chủ tiệm ăn có rượu ngon, ra các mệnh lệnh thông thường về luân lý, những lệnh về giữ gìn sạch sẽ trong phòng đăng ký kết hôn, ông ấn định một luật lệ tối thiểu. Tiếp theo, ông soạn thảo hành trình chính thức, sắp xếp xen kẽ những đường dốc và những đường phẳng trá hình, những đường xuống dốc vòng vèo, các đoạn đồng bằng có thể đi nhón nhợ trước khi đi nước rút cuối cùng.

Do đó, ông biết tất cả nước Pháp từng xã một.

- Này, để xem, ông hãy làm thử, ông nói cho tôi biết một tên làng, bất cứ làng nào. Ông Louis chọn Le Thoureil, một nơi ở bờ sông Loire mà chúng tôi đã đi qua cùng với Marguerite trước khi chúng tôi trượt mất cuộc đi các thuộc địa.

- Le Thoureil, gượng đã, à! Đúng! Hai cái nhà ấy đối diện nhau, trên một khu vườn đầy những cây hồng thực quý. Đúng là ở đấy có bãi tắm sông phải không? Hãy cẩn thận đấy, mặt đường thường hay hỏng vì nước lụt.

- Khá lắm! Khó có thể tin được. Tôi còn có thể thử nữa chứ?

- Xin mời ông!

- Thế thì Moernach (Thượng nguồn sông Rhin).

- Ông hãy cho tôi một giây. Đúng rồi, có bể nước phân thẩm lậu ở cống vào làng. Tôi nhớ ra rồi, năm 1926, các lớp xe của các tay đua bị thối hoắc cho đến chiều...

Tôi đã gặp nhiều hiện tượng theo kiểu của Dakaerkove trong các đảng phái chính trị. Họ cũng thuộc lòng nước Pháp trong đầu, nhưng là nước Pháp trong kỳ bầu cử, từ tổng này đến tổng khác, những kết quả bỏ phiếu từ 100 năm nay. Nhưng ở đây, sự hiểu biết mang sắc êm thấm hơn, không có xung đột, một tình yêu lớn có tính cách địa dư.

Hàng năm, ông quay về nhà, mệt mỏi về việc vạch đường đua, gan ông to ra, ông ngủ đầy một tuần, chỉ uống rượu Saint - Yorre và bắt đầu nghĩ đến đường đua tiếp theo. Đó là nghề nghiệp của ông, ông để thời gian vẽ các hình lục lăng, các hình lục lăng của ông.

- Không phải là tôi không còn yêu nước nữa, phải tin như vậy. Nhưng thỉnh thoảng ta phải biết mở rộng các chân trời của mình.

Chính vì vậy, ông ta đề nghị cuộc Đua Vòng quanh Đế quốc, hay ít ra để bắt đầu là vòng quanh Phi Châu đen.

- Ý nghĩ hay đấy, - ông Louis nói, - tôi sẽ trình bày với thủ trưởng cơ quan tôi về việc này, sự gợi ý của ông đã rơi trúng thời điểm. Đó sẽ là phần thể thao của Triển lãm chúng tôi.

Họ tiếp tục bàn cãi cho đến hết buổi chiều.

- Trời ơi ! - Ông Louis bỗng thốt lên. - Tôi về chậm rồi.

Và ông xin phép cáo lui.

- Ngày mai nhé, - các nhà thể thao nói với ông.

- Ông xem đấy, không phải là khó lắm đâu. Họ đã chấp nhận ông nói, - Dakaerkove nói.

- Ai là người ở giữa tim nước Pháp hơn tôi, tôi hỏi bà đấy, bà Marguerite, - ông Louis nhắc lại vào buổi chiều khi ở Levallois, - ai?

Và sau khi ăn bữa tối với mẹ, ông quay về nhà không hài lòng, bà Wladislawa càng âm ỉ khi thấy ông.

- Ông Louis ơi, một người phụ nữ Ba Lan có ý nghĩa gì trong cuộc sống của ông, hử, ông có thể cho tôi biết được không?

- Nhưng bà biết rõ đấy, tôi cũng thích một cuộc Triển lãm thế giới. Bà hãy đợi một chút, bà Wladi ạ, bà hãy bình tĩnh!

- Những người theo Aragon, họ có đợi để yêu nhau không? Họ có bình tĩnh không? Ông Louis, sự thiếu vắng của ông trong tình yêu là tội ác với nước Ba Lan đấy.

Bây giờ, mỗi buổi chiều, khi các phòng làm việc đã đóng cửa, ông Chadeau - Zylber kiểm điểm lại.

- Ông Orsenna, liệu chúng ta đã nghĩ đến mọi thứ chưa?

Người ta không còn nghe thấy gì nữa, không một tiếng chân trong cả bộ, không một tiếng ghé cót két.

- Người ta nói là họ đã ra về hết. Ông sẽ thấy là một ngày nào đó, họ sẽ bỏ mặc cả hai chúng ta. Với Triển lãm trên tay chúng ta. Tôi đã nghĩ đến rồi. Chúng ta đã nghĩ đến các trẻ con chưa? Triển lãm phải làm hài lòng trẻ con. Ông biết rằng vợ tôi đang đến gần đấy? Hôm qua, bà ta rình căn nhà của chúng ta từ bờ hè trước mặt. Đúng đấy, Orsenna ạ, ông hãy sắp xếp đi, Triển lãm phải làm hài lòng trẻ con.

Ông Louis để dành đầu năm 1931 để đi các cửa hàng chuyên doanh, đến các nhà sản xuất xe có bàn đạp chân, những đoàn tàu chạy bằng điện, đến những người xây dựng các vòng đu quay. Ông bàn với họ những hình thức mới, có tính cách ngoại lai hơn.

- Đáng nhẽ, là những con lợn hồng chạy lên chạy xuống, đáng nhẽ là những thứ gắn máy ở bên ngoài, ông không thể đề nghị có những con đà điểu, những thuyền độc mộc ư?

- Tôi không biết liệu, tôi có những người thợ thủ công để...

- Những người thuộc địa thuần túy nhân nhó đấy.

- Không phải là vấn đề biến Triền lã thành khu vườn thuần hóa

Ông Louis cố chấp. Ông thuật rõ những sự tiến bộ của ông. Ở đây có một xứ Congo đáng mê, ở chỗ khác, trong khu vực xứ Cameroun, có một chòi săn với ba khung cảnh lớn có tầm chiều sâu do họa sĩ J.de La Nozière thực hiện (phải vất vả lắm để bắt ông ta làm!). Ở giữa: một bầy năm con sư tử sau khi ăn no, đang nằm nghỉ dưới ánh nắng gay gắt nhất trong ngày. Ở phía bên phải, trong vùng sâu thẳm của rừng nguyên thủy, có hai con khỉ độc lang thang trong thế giới riêng của chúng, vẽ chậm chạp đàng hoàng quen thuộc. Ở bên trái, một con báo ở tư thế sẵn sàng nhảy chồm lên khi đang rình một con nai đến uống nước ở suối.

Ông Louis đem đến những dự kiến và phác họa, ông Chadeau - Zylber thì xoa tay.

- Tôi tin rằng các con tôi sẽ không thất vọng. Tôi sẽ thu hút được chúng. Mỗi mỗi. Mặc cho cô gái, cô có thể mặc quần áo vào.

Vừa nói, ông vừa nhăn mặt, rồi vung tay, vẽ hẹp hòi, vội vàng, một cái vung tay hoan nghênh của một kẻ e lệ.

Ngày khánh thành được báo Le Temps đưa tin: ngày 6 tháng Năm. Đáng nhẽ người ta đã phải báo trước cho chúng ta trước khi báo chí đăng tin, ở bộ người ta cầu nhau. Nhưng người ta đã dẹp im các tâm trạng đó.

- Nay, ông Orsenna, - ông Chadeau - Zylber nói, - tôi trông cậy vào ông để vặn chặt những cái ê cu cuối cùng, bởi vì tôi với các nhân vật của tôi...

Ông ta chạy vội về buồng giấy của ông, ở đây, các tiếng chuông không ngừng réo.

Người ta nghe thấy ông trả lời:

- Vâng, thưa ông nghị sĩ... chắc chắn là Ngài sẽ được mời đến ... Nhưng các thiệp mời có chậm... ông hãy xác định giờ cho ông đại sứ của ông...

Vì những chuyện cũ không sáng sủa, Bộ Ngoại giao đã bị đẩy ra ngoài các công việc chuẩn bị của Triển lãm. Họ thờ ơ. Và họ đã không gửi nhân viên của bộ phận nghi thức tới. Mặc dù các lời hứa hẹn, các sự can thiệp.

- Ít ra là ông không đẩy người ta chứ? - Người ta hỏi ông Mangin, người gác cổng, một cựu chiến binh ở Verdun.

Người gác cổng nói lẩm bẩm là mặc dù ông bị thương tật, nhưng ông cũng biết sự khác nhau giữa một tên Đức và một nhà ngoại giao.

Cuối cùng, người thành thạo công việc được báo tin đã đến vào ngày 20 tháng Tư, một ngày mưa rào. Mặc dù đã có mang ô, mà giày của ông vẫn bị ướt. Nhưng phía trên vẫn còn tinh tươm, cổ áo thẳng nếp, tóc đen chải mượt, tay trái cầm găng.

Người ta trình bày tình hình với ông. Có quyết định ngay.

- Nghi thức do ông cho biết, và làm sao có thể trách ông được, nghi thức là một nghiệp vụ, cái nghi thức ấy tôi xin nói, sẽ đẩy chúng ta đến ít ra bốn cuộc chiến...

Giọng nói của ông rất dịu dàng, ít có vẻ khinh miệt hơn, nhưng nặng nề.

- Tốt. Chúng ta bắt đầu từ số không. Ông thống sứ có khẳng định sự có mặt của ông ấy không?

Phổ Oudinot không nguôi giận: con người này chắc chắn là Do Thái, một tên Do Thái, người ta đã đưa một người đứng đầu nghi thức là người Do Thái. Bộ Ngoại giao tự nhận thấy mình ở đây.

Giữa các dân tộc thiểu số, người Israel và người Bambulas, họ hiểu rõ nhau: đây là điều mà Bộ Ngoại giao phải nghĩ đến.

Về thời kỳ đó, ông Louis đã gọi điện cho ta vào tất cả các giờ cả ngày lẫn đêm. Ta đã nói với ông nhưng vô hiệu, rằng bố Louis, con phải làm việc, bố Louis, con còn có việc Monaco trong vòng chưa đầy một tháng, bố Louis, con còn Hai Mười Bốn Giờ cuộc đua Mans, bố biết chứ? Ông gọi ta ở Levallois, phải đến ngay, Gabriel, bố có việc muốn nói với con. Vậy là chúng ta nói ở ngoài thêm. Bà Wladislawa ở một mình trong phòng:

- Có thể Triển lãm thuộc địa đang giết chết cuộc sống lứa đôi của chúng ta.

- Bố Louis, xảy ra chuyện gì vậy?

- Xem đây.

- Ông đưa cho tôi một tờ truyền đơn. Trong bóng tối, tôi không thể đọc được. Tôi lại gần một bên cửa sổ có ánh sáng.

ĐỪNG ĐẾN THĂM TRIỂN LÃM THUỘC ĐỊA

Rạng ngày 1 tháng Năm năm 1931 và trước hai ngày khánh thành Triển lãm thuộc địa, người sinh viên Đông Dương tên là Tạo bị cảnh sát Pháp bắt mang đi.

Dư luận thế giới mũi lòng vô vọng về số mạng của hai người bị xử tử hình Sacco và Vanzetti. Tạo bị giao tùy tiện cho tòa án quân sự và tòa án quan lại, chúng ta không còn có một đảm bảo nào cho cuộc sống của anh ta. Việc mở màn đẹp đẽ ấy chính là điều cần phải có cho Triển lãm ở Vincennes năm 1931.

(...) chúng ta khác với những người ấy, dù chỉ vì chúng ta là những người da trắng, chúng ta thường nói họ là những người da

màu, còn chúng ta là những người không màu; chỉ vì có sức mạnh duy nhất của kỹ nghệ kim khí của Châu Âu mà năm 1914, những con người ấy đã phải phanh thây cho một đài tưởng niệm tập thể rất thấp (...), thế là đã cho phép chúng ta khánh thành, theo kiểu của chúng ta, cuộc Triển lãm thuộc địa và coi tất cả những người nhiệt tình cho công cuộc ấy như những kẻ tham tàn. Những Lyautey, Dumesnil nắm địa vị cao sang trong xã hội bây giờ của chính nước Pháp của Moulin Rouge chỉ là những hình nộm các bộ xương trong đám hóa trang gần (...)

Cái giáo lý của sự toàn vẹn lãnh thổ quốc gia nêu lên để biện minh về mặt tinh thần cho những việc bám sát ấy, cái giáo lý ấy căn cứ vào một sự chơi chữ, không đủ để làm cho người ta quên đi các sự kiện là không có một tuần lễ nào là người ta không giết người ở các thuộc địa. Trên các bức khai mạc Triển lãm thuộc địa có mặt ông thống sứ, hoàng đế Việt Nam, Hồng y giáo chủ địa phận Paris và nhiều thống đốc và những kẻ võ biên trước đài của các nhà truyền giáo, đài của hãng Citroen và Renault, sự hiện ấy tỏ rõ sự đồng lõa của toàn bộ giai cấp tư sản trong sự ra đời của một quan niệm mới đặc biệt là không thể tha thứ được, cái quan niệm “Nước Đại Pháp”. Chính là muốn khắc sâu cái quan niệm lừa đảo đó mà người ta đã xây dựng những đài của cuộc Triển lãm Vincennes.

Đó là muốn gây cho các công dân của mẫu quốc cái ý thức là những người chủ sở hữu mà họ phải có, để nghe những tiếng súng nổ ở những nơi xa xa kia mà không phải giết mình. Đây là vấn đề muốn sáp nhập vào các cảnh trí đẹp đẽ của nước Pháp mà một bài hát về căn nhà bằng tre đã đề cao trước chiến tranh sáp nhập, một viễn cảnh những tháp hồi giáo và những ngôi chùa.

Nhân tiện đây, người ta không thể quên được một tờ quảng cáo về sự tuyển mộ quân đội thuộc địa: một đời sống dễ chịu, những cô mọi da đen vú nầy nấy, anh chàng hạ sĩ quan rất oai vệ trong bộ trang phục bằng vải, đi du ngoạn trên chiếc xe do người bản xứ kéo - những trò ăn chơi, những chuyện thăng cấp.

Mặc dù Đảng xã hội tai tiếng và Hội nhân quyền Giêgiút tức giận, nhưng chúng ta vẫn khá mạnh dạn phân biệt giữa cách thức cai trị tốt và cai trị xấu các thuộc địa. Những tên xung kích bảo vệ quốc gia của chế độ tư bản, đứng đầu là tên nhơ bẩn Boncour, có thể kiêu hãnh về Lune-Park ở Vincennes (...)

Để trả lời những bài diễn văn và những chuyện xử tử hình, chúng ta yêu cầu rút ngay khỏi các thuộc địa và truy tố những tướng lĩnh và các quan chức chịu trách nhiệm về những vụ tàn sát ở Annam, Liban, Maroc và Phi Châu Trung tâm.

Có chữ ký của: André Breton, Paul Eluard, Benjamin Péret, Georges Sadoul, Pierre Urik, André Thirion, Renés Crevel, Aragon, René Char, Maxime Alexandre, Yves Tanguy, Georges Malkine.

- Theo ý của con, Gabriel, ta phải làm gì ? Bà Wladislawa ấn vào dưới mũi bố cái này và bây giờ thì bà đang sửa soạn va li.

Ta đã khuyên ông khá nhiều. Nhưng ông lại làm ngược nhiều điều. Và việc làm trái ngược đó đã đem lại nhiều điều tai hại mà ta phải lặng thinh.

- Gabriel, con ngủ đấy à, trong khi bố cần đến con thì con ngủ.

Ở bên trên chỗ chúng tôi, đèn phòng bà Wladislawa khi bật khi tắt.

- Gabriel con xem đấy, không phải như con, bà Wladislawa không thể ngủ được. Rõ ràng là con chẳng hiểu gì về tình yêu cả. Rõ ràng là ta không có được một thằng con giai mà ta mong muốn, mà ta có thể nương tựa được v. v...

- Nghi thức là một giấc mơ thật sự, Orsenna. Ông có thể trả lời các câu hỏi này không: ông vua chư hầu liệu có hơn một ông đại sứ không? Một ông giàu có hơn ông giáo trưởng của các người Gaules không? Đây là tôi chỉ nói cho ông những thí dụ đơn thuần, những

bài toán nhỏ cấp hai thôi. Nhưng ông thử tưởng tượng xem khi ta phải bố trí một đoàn người tùy tùng, những lễ đài muôn vẻ... không, ông tin tôi, tôi được nhẹ bớt vì đã chuyển tay được rồi. Tôi sẽ có thể chỉ phải bắt tay vào những con ốc cuối cùng thôi.

Ông không quên các con của chúng ta chứ?

Chiều hôm quan trọng nhất, người ta chỉ nói đến thời tiết. Tất cả các bộ đều nhìn lên trời qua các cửa sổ.

- Ông có nghĩ rằng trời sẽ mưa không?

Ông Chadeau-Zylber tới tìm ông Louis khá muộn.

- Ông Orsenna, ông đi theo tôi, chúng ta đi rà soát lại hệ thống chiếu sáng.

Họ cho chiếc xe Renault đậu ở cửa Dorée.

Ở Triển lãm có một sự bận rộn sôi sục, một đám lúc nhúc những con ma, đèn cầm ở tay, vây các mảng tối sẫm hay sáng lóa mà người ta khó phân biệt, giữa cái mùi phảng phất của công trường, mùi vữa, xi măng mới nhào, gỗ cắt, một không khí chửi rửa. Quá ở bên phải, tôi nhắc anh, các hình vật tổ không được thẳng còn con sư tử là để hôm nay hay ngày mai? Một xe tải hỏi đường: ông ơi, gian của Nam Dương quần đảo ở đâu hả?, những mặt nạ bằng sợi cọ thò ra ngoài thùng xe... Cuối cùng, những chiếc xe ô tô Rosengart đã đến đỗ xếp hàng từng cái một trên bến đỗ xe lỏi vào, trong khi những cây quý hiếm tiến đến, lá dài quét trên mặt đất, phía trước thì nóng, phía sau thì dễ gãy... Cả một rừng cây tiến lên trên những bánh xe giữa một tiếng ồn ào lạ thường, những tiếng cọt kẹt và những tiếng rì rầm, những tiếng của lũ quỳ ở chợ và những tiếng gió hú trong cành cọ.

Và bỗng nhiên, những cây đèn sáng lên xanh trắng đỏ dọc theo phố lớn các thuộc địa, từ Madagascar đến hai gian của khu truyền

giáo. Trên tất cả những chòm đèn Angkor, các người thợ làm cho xong những phần chạm trổ. Ở trên nóc của tòa các lực lượng hải ngoại, một chাম đèn đang đặt lá cờ tổ quốc, chắc chắn đây là một anh thợ săn núi Alpes.

Tất cả Đế quốc đang ở đây, đúng là cả một Đế quốc, không có những điều trở ngại. Ví dụ nhưng không có cái không khí đế quốc. Với tất cả những nhà lợp xúp, những đèn đài, quân đội và các cây lớn.

- Đáng tiếc, - ông thủ trưởng nói, - đã đến giờ đưa lũ trẻ con đến.

Rồi cái điều thích thú đó bị cắt hứng. Thợ điện chạy đi mọi phía thay hàng chục bóng đèn bị hỏng, thợ trát vữa lại tiếp tục công việc trên Angkor. Những bộ phận nghề nghiệp gia công nốt vào Đế quốc.

- Này, ông Osenna, lên xe với tôi, chúng ta đi kiểm soát lần cuối cùng các con ốc.

Và như vậy, cả đêm, họ đi dọc ngang các đường đi, gọi ới ới những người phụ trách các gian: thế nào Pierrotin, tất cả đều tốt ở Saint-Pierre-et-Miquelon, chứ? Còn Linton, trông anh có vẻ lo lắng, có cái gì không ổn ở Sénégal? Nào ông Spitz, xin ông, ông soát lại cho hệ thống thông nước ở Tây Phi thuộc Pháp.

Đến rạng sáng, ông thủ trưởng dừng lại, mọi việc đã ổn.

- Tôi tin rằng chúng ta sẽ thành công ở Triển lãm của chúng ta. Tôi có thể đi đánh thức lũ trẻ con đây.

Bữa ăn trưa thực tế

Câu chuyện gian truân của ông thủ trưởng, người chủ duy nhất của ông, đã làm cho ông Louis luôn luôn đau đầu hàng tháng sau khi Triển lãm đã đóng cửa. Bất thành linh ở giữa bữa ăn trưa, ông nhìn bên phải, ông nhìn bên trái soát xem có ai đang rình chúng tôi không và quay về phía tôi :

- Gabriel, con xem, có những lúc bố không chịu nổi. Mỗi lần về đến buồng, bố có cảm tưởng là vào trong một xí nghiệp. Một xí nghiệp trong đó bà Wladislawa xây dựng cuộc sống giữa hai người. Gabriel ạ, thực là mệt mỏi phải sống với một bà xây dựng tình yêu. Nhưng khi bố nghĩ đến cái ông Chadeau - Zylber khốn khổ ấy...

Rồi ông thuật lại một lần nữa bà Chadeau đã tìm được các ông ở gian dài Cameroun, các con bà ta đã chạy xổ vào bà, thích bà hơn là các con sư tử ở khu cảnh tầm sâu và bà đã ra về, dáng đi bệ vệ, nhún nhảy như những người chẵn cừu vùng Lands đi trên cà kheo rất cao như một con vật lạ thường, một bà mệnh phụ đẹp để mặc áo dài đen và hai đứa trẻ con bám vào hai bên chân.

- ... Ấy đấy, lại là một sự độc ác của bà hoàng. Gabriel, con thấy đấy, Chadeau - Zylber và bố, chúng ta giống nhau. Các bà hoàng đã cướp của chúng ta những người con. Nếu con gặp được những người đàn bà thật sự chứ không phải là những bà hoàng thì bố bây giờ đã có cháu gái.

Tôi không hiểu vì lý do gì mà những trách nhiệm do ông Chadeau - Zylber giao cho ông hay cái không khí giáo dục của tất cả câu chuyện về thuộc địa (những người da đen là những đứa con cao lớn), câu chuyện Triển lãm đã gây cho ông một điều ám ảnh: trở thành người ông. Ông rót rượu uống, ông thở dài, ông lại rót rượu uống, ông mất dần thăng bằng trong các sự thương cảm mà ông tự chuốc lấy.

- Gabriel, con cho bố một thằng cháu giai... Gariel.

Tôi trả lời ông: “Thưa bố Louis, nếu con có một đứa con trai, thì nó có thể là người bạn tốt nhất của con, chúng ta, con và bố, chúng ta không cô đơn”. Ông không muốn hiểu gì hết.

- Gabriel, con là người bạn tốt nhất của ta. Chúng ta yêu nhau, Gabriel? Con đồng ý chứ, Gabriel? Này, ông đầu bếp, với quyền sở hữu của con ông, ông đã biết tất cả, ông hãy nói tại sao những người bố và những người con tâm đầu hợp ý nhau, đúng là chúng tôi hiểu nhau lắm, Gabriel và tôi, chúng tôi sống rất tốt với nhau, không ai hơn được, tại sao chúng tôi lại không có được đứa con chung, giữa Gabriel này và tôi là bố nó, mà không cần để ý đến những bà hoàng của con đấy, Gabriel ạ, cũng không cần đến bà xây dựng như bà vợ tôi, này, ông nói đi, tôi đợi câu trả lời đấy.

- Thưa ông, nhưng, thưa ông, - ông đầu bếp trả lời. - Và thứ Hai sau, chúng tôi đã thay đổi tiệm ăn.

Có tiếng chuông.

Không phải ông.

Chỉ là một anh luật sư trẻ tuổi, hơi xa lạ với hồ sơ của tôi (tôi hiểu anh ta) đến yêu cầu được giúp đỡ:

- Vậy thì trong những năm 1931-1938 ông đã làm gì? Chúng tôi có thể nói được rằng chính thời điểm đó ông đã theo mác xít?

Và anh ta hơi hoảng sợ đưa mắt nhìn bọn ba người chúng tôi. Ann trong một thời gian đã từ giã Monaco và những mảnh khoe tài chính của mình; Clara đi bước nhỏ nhẹ quanh chúng tôi như những bà già phũ bụi, người ta không nhìn thấy đầu cô ấy bị máy ảnh Leica che khuất, cô chọn ánh sáng tốt. Còn tôi, Gabriel, phụ trách thuật truyện, người biên tập tất có những trang giấy mà trong giờ phút này để trên một cái ghế đầu khá lung lay. Và còn bốn người kia, không ra mắt được vì lý do đã chết, nhưng vẫn hiện diện trên tường, trên chiếc đàn dương cầm nhờ có các bức ảnh của Clara: bà Élisabeth mặc áo dài và ông Markus mặc lễ phục, ông để tay trên vai bà, bà cầm một tờ giấy vuông màu trắng, có lẽ là một tờ chương trình. Họ mỉm cười. Có thể là khi ra khỏi phòng hòa nhạc, bởi vì khi đi vào ông Markus không mỉm cười bao giờ (do lo sợ). Còn bà Marguerite vẫy mùi xoa từ trên chiếc tàu biển đi Mỹ. Và ông Louis, nhỏ tí, ném một bông hoa xuống một cái huyệt. Anh luật sư nhìn chúng tôi, từng người một, tất cả bảy người, ba người sống và bốn người có trên ảnh.

- Một gia đình! - Anh ta thở dài.

Chắc chắn là anh ta không hiểu được nhiều về các điều linh tinh của chúng tôi.

Lúc bấy giờ, anh ta có vẻ nản lòng. Anh ta rất muốn đó là một việc có tính cách bình thường hơn, chính trị và truyền thống hơn với những người thật sự là phát xít, thật sự là cộng sản, hơn là tất cả

những chuyện này thuộc về thực vật học, về triễn lãm và về nguyên liệu. Anh ta bèn ngồi thu mình trên ghế, một trong những chiếc ghế bành bằng mây cột kẹt mà những người bán cam đoan với ông là chúng thường có chỗ đặt trong những phòng khách mùa đông cũng như trong các sân mùa hạ.

Tôi còn mời anh ta thêm một chút rượu vang xứ Rivesaltes.

- Một chút thôi, anh ta nói, về ngưng ngưng khá cảm động.

Nhưng anh ta liền lấy lại được vẻ tự nhiên.

- Thôi được, ông hãy nói thực là việc của các ông không rõ ràng. Nhưng dù sao tôi sẽ đạt được, các ông vẫn được bảo vệ. Luật pháp đã đẩy các ông vào. Việc này, tôi đã hiểu được một điều là các ông ưa thích những đế quốc nhưng không phải là những thuộc địa, đó là mâu thuẫn. Ông phải nhận ra điều đó. Và cũng là khá dễ chịu.

Và anh ta ra về. Anh ta xoa tay anh ta chứ không bắt tay chúng tôi. Anh ta rất hài lòng về sự nhận xét thông minh của mình.

Cái thóp

Chắc chắn là tuổi tác đã đến với bước chân của con sói. Nó đẩy cửa vào nhà Gabriel, nó vào nhà Ann, Clara và bắt đầu công việc của nó.

Đừng nhìn em hôm nay, trông em xấu kinh người: đó đã trở thành câu nói lặp đi lặp lại, câu nói cửa miệng cay đắng của hai chị em.

Đối với Gabriel, tuổi tác đột nhập vào anh chẳng mấy đón đầu. Anh đón nhận tuổi tác như một người thuê nhà mà người ta có thể nói chuyện khi người ta quá cô đơn. Anh lắng tai nghe, anh rình những bước đi, những bước đi của tuổi tác trong anh. Anh ghi nhận những thói quen của nó; những lúc tuổi tác đang ngủ, có vẻ như đã quên công việc của mình một năm, hai năm và những năm gần hơn nhiều, thỉnh thoảng một mùa hè để quên đi và ngay cả một đêm thường thôi, nhưng trong những dịp ấy, thời gian đã nghiêng ngáu gấp đôi và đánh những "ngọn đòn ghê gớm của tuổi già".

Người nào mà không có khả năng thể hiện tuổi già của mình trên nét mặt thì thấy tuổi già đến với mình một cách nhẹ nhàng, như một đồng lõa đáng ngờ. Nói cho cùng thì Gabriel cảm thấy tuổi tác đến khá là lười nhác. Trong thâm tâm, anh có thể muốn có những sự xáo động nhanh hơn và to lớn hơn. Từ khi còn nhỏ, anh đã nghe người ta nhắc đi nhắc lại: sau bốn mươi tuổi sẽ có những nếp nhăn đáng phải có. Thế mà tuổi bốn mươi đã điếm và Gabriel vẫn còn là chính mình; mặt tròn, hơi có những rãnh nhỏ (anh lại mong có những vết nhăn, nghĩ rằng một con người có nhiều vết nhăn thì trông giống như người hốc hác thôi). Nhanh hơn lên, nhanh hơn lên, anh rầm rì nói với tuổi tác nhưng lại muốn tuổi đừng nghe thấy. Còn Ann và Clara thì lại cho anh là một thằng điên. Ann và Clara sẵn sàng chiến đấu. Các chị kiên quyết. Này, anh Gabriel, bỏ tay ra và bắt con thú phải yên đi; không phải là tôi xấu đi thì anh dễ dàng với tôi đâu nhé (Clara nói). Dù già hay không, tôi vẫn giữ tư thế đứng đấy, còn anh, anh phải uống vitamin cho đủ (Ann nói). Các chị ngắm nhìn, mặt gí sát gương, lấy đầu ngón tay sờ lên trán, lên cổ, lên thái dương, lằm bằm kêu hoặc: trời ơi, đã đến thế rồi ư, hoặc chửi tục. Các chị tìm chỗ sáng: Chị biết không, tôi chúa ghét chỗ này. Các chị

đột nhiên biến đi chỗ khác: tôi quay lại trong giây phút. Để làm gì trong những giây phút ấy? Và là ở đâu?

Khi thấy họ hốt hoảng đến như vậy, bị đau khổ đến như vậy, nhưng anh lại cảm thấy mình còn rất cường tráng trong tuổi già, anh tự nói nhỏ với mình: chiến thắng, một chiến thắng đáng buồn. Như kiểu người ta đón du khách tại một xứ mưa nhiều, nơi người ta mới tới trước du khách được mấy ngày: xin chào mừng! Hời ôi, chào mừng! Máng nước chảy dài trong đêm và khi nổi gió thì có cổ cũng vô ích, cánh cửa vẫn đập ầm ầm.

Gabriel không viết nhật ký về câu chuyện không thể tránh được này. Thật đáng tiếc. Dù sao thì những hồi ký ấy cũng đáng giá như những hồi ký khác. Cũng là người phụ nữ ấy được tả ra năm này tiếp sau năm khác; có điều gì đã qua đi, có điều gì còn lưu lại...

Có thể anh chỉ thuật lại những phản ứng của anh khi có một điều gì, một chi tiết nào đã thay đổi trong người phụ nữ mà anh đã yêu vào độ khoảng của những người phụ nữ mà tuổi tác đã chọn để bắt đầu tấn công nơi giữa hai gò má và lông mày. Thái dương bị khóa dần dần bằng những tia như hai nửa mặt trời, mắt không sắc lắm, hoài nghi nhiều hơn, ít chế giễu, hoặc cười cợt, xung quanh cũng có đường nhăn để nhắc phải khiêm tốn, mi mắt xanh hơn và mỏng hơn. - Anh Gabriel, không hiểu vì em kém ngủ. Và những đường vòng càng ngày càng nhiều như thể là có một cái nhìn khác uốn nắn cho cái nhìn đầu tiên nghiêm khắc hơn, sỗ sàng hơn, anh Gabriel, anh đừng nhìn chòng chọc vào em như thế. Nhưng Gabriel không thể ngăn mình được. Bao giờ anh cũng thấy ngay là mình quá tò mò về thân thể của những người phụ nữ, anh đã phát hiện ra là bắt đầu từ ba mươi, ba mươi năm tuổi các bà tìm thấy là ở đấy, giữa hai gò má và lông mày có một cái thóp. Chỉ cần để ý một chút là thấy ở đấy cuộc sống đang đập nhịp.

May quá, Gabriel tự nhủ, may quá, các cô nàng đã già đi! Hay: này, một mùa mới đã đến! Hay: các bà hoàng của tôi đã trở về là những con người. Hay: cuối cùng tuổi tác, cùng với ông Louis, là bạn tốt của mình.

Một tác dụng tốt khác của tuổi tác: các cô nàng đã thay đổi được tính cách của mình: Ann dần dần trở nên kém tự tin hơn, trong khi đó, Clara đã tìm thấy trong bức ảnh một bằng chứng không thể bỏ đi được về sự tồn tại của mọi sự vật và vì vậy thấy mình tự tin hơn. Sự thay đổi hai chiều từ Ann sang Clara và từ Clara sang Ann đã đi đến chỗ rõ ràng. Khi người ta yêu hai chị em thì tốt hơn hết cuối cùng là họ nên giống nhau. Điều đó tránh được những sự cách xa nhau quá lớn và những sự cách xa lớn lại càng cùng năm tháng gây đau lòng hơn. Gabriel lạc quan. Làm sao anh không lạc quan được? Tất cả chẳng là theo chiều hướng tốt nhất trong thế giới tốt nhất, thế giới tốt nhất của những người già hay sao?

Đừng nhìn em hôm nay, trông em xấu kinh người... Những kẻ ngu xuẩn. Họ không bao giờ đẹp hơn thế!

Miệng sói

I

Gabriel không có gì phải đỏ mặt. Anh cũng đã từng kéo chuông báo động, rất lâu và ráng hết sức kéo.

Nhưng người ta đã từ chối không cho anh nói.

Người ta đã thậm chí đánh cắp chỗ làm của anh.

Anh đã có một lần bị thất sủng.

Những xe ô tô Pháp không chiếm được giải nữa.

Ai là kẻ bung xung?

Những người thợ máy, những người chế tạo động cơ? Anh đừng nghĩ thế: đánh thẳng ngay vào con tim của kỹ nghệ Pháp, giữa thời kỳ căng thẳng quốc tế!

Những nhà quốc tế và những người thai nghén ra những chiếc ô tô một chỗ ngồi? Vậy thì những chiếc Bugatti đẹp như thế, những chiếc Delahaye quý phái như thế, những chiếc Talbot quyết thắng như thế mà.

Những người thợ máy: Những người ấy không chê trách được. Máy móc chạy không có trục trặc nào đáng kể.

Còn lại những ai? Những người chế tạo xăm lốp, tất nhiên, đứng đầu cho đến bây giờ là Gabriel Orsenna.

Sự thất sủng bao giờ cũng bắt đầu bằng sự thay đổi phòng ban. Người ta yêu cầu người được chiều chuộng cũ phải đi đến một nơi

mà không ai thèm đến: một cái buồng kính ở tầng gác thứ nhất của công ty mà mọi người đều có thể nhìn thấy.

Một đặc điểm nữa của sự thất sủng, đã được loan báo bằng báo chí. Trong thế giới của sự tôn sùng thì trái lại, người ta tiếp một cách kín đáo con chim lạ, người ta tiết lộ điều bí mật, cái mẫu tuyệt vời nhất. Anh giữ điều đó cho riêng anh phải không, tôi sẽ chỉ muốn báo tin này cho báo chí vào lúc khai mạc phòng trưng bày.

Gabriel biết được sự thất sủng của mình qua hai bài báo, bài thứ nhất đăng trong tờ *Lefigaro*

Một quyết định can đảm ở Liên đoàn săn lông Châu Âu

“Trong những giới rất kín đáo của các trò thể thao máy móc, Gabriel Orsenna đã gây được tiếng tăm trong lĩnh vực săn lông mà nhiều người thèm muốn: ông ta biết kết hợp một cách vẻ vang chiếc xe với con đường; với những chiếc săn lông ông trao cho bốn ngón tay của các sao băng là bấy nhiêu nhần cười, là sự đảm bảo việc chung sống bền vững... Than ôi, từ ít lâu, nay sự quyến rũ ấy đã tan vỡ... Liên đoàn săn lông Châu Âu, giác ngộ về những trách nhiệm quốc gia của mình, hôm qua đã ra một quyết định, đau đớn cho con người nhưng, không còn một chút nghi ngờ gì nữa là cần thiết, là chỉ định một người giám đốc mới của Sở thi đua. Đó là ông Yves Flamand, hai mươi chín tuổi, đã có vợ và ba con, kỹ sư đã tốt nghiệp trường Đại học kỹ thuật Trung ương. Tất cả những người chơi ô tô và, qua họ, kỹ nghệ của chúng ta chúc ông may mắn”.

Báo *L'Action Francaise* lại triệt để hơn.

Hãy cho thôi những nhà làm săn lông Do Thái!

“Khi mà các xe không đi quá được một trăm cây số thì còn có thể có ý niệm là để cho bọn Do Thái được chăm lo việc chọn các săn lông: thói quen quý chân của họ đã cho họ một sự hiểu biết sâu rộng về bụi và đất. Nhưng bây giờ là tốc độ, thế thì bọn Do Thái phải biến

đi! Trong một giây, ai có thể tin là những xe Bugatti của chúng ta lại kém xe Mercedès của người Đức? Người ta có thể nói với tôi rằng Gabriel Orsenna không phải là Do Thái. Chuyện đẹp nhỉ! Anh ta chẳng phải là điển hình của loại người nhiễm bản ư? Phải chăng anh ta có cái gì đó thuộc về giống Do Thái để có cái thái độ hèn nhát là đã tưởng tượng ra những sấm lớp đầy tham vọng, kiêu kỳ và thắng lợi ngắn ngủi. Thuộc về Liên đoàn sấm lớp Châu Âu...”

Gabriel Orsenna có thể cãi lại và phản ứng. Anh có những luận chứng đầy túi. Ví dụ như xe Bugatti kiểu 60, rất đẹp được các nhà sưu tầm rất chuộng, là ngôi sao băng; con cưng của những người được người ta yêu mê mết trên đường trở về (những người trên con đường thẳng Hunaudières thích những cuộc đua của những người ưa ăn ngon) là niềm kiêu hãnh của nước Pháp, xe này chỉ có 285 mã lực (Gabriel đã đo cẩn thận) chọi với 400 và ngay cả 500 của các xe cạnh tranh của Ý hoặc Đức... và xe gọi là SEFAC có sự tài trợ của nhà nước đã được chế ra một cách quá kém cho nên không thể đưa ra chạy ở một cuộc đua nào cả... Nhưng Gabriel lặng im không nói ra, vì xét rằng tốt nhất là nên tránh cho nước Pháp một mầm bất hòa mới. Chúng ta cũng phải thú thật là anh ta đã mệt mỏi, sau ba mươi bảy năm làm sấm lớp.

Đúng là Gabriel đã thử làm cho người ta nghe được tiếng nói của anh, một tiếng nói độc đáo tầm thường, có thể có hiệu lực làm cho những người Pháp phải nghĩ ngợi hơn là những áng văn lớn ly tao và bay bổng.

Và những nhà tri thức đã coi anh như một con số không, không xứng đáng được phát biểu.

Ngày 21 tháng Sáu năm 1935 chỉ là một thí dụ. Ngày hôm ấy, Hội nghị quốc tế các nhà văn khai mạc. Ở Hội tương tế, không khí nóng như trong lò. Tất cả các lãnh tụ đã cởi áo ngoài, ngay cả Gide, cả Huxley, cả Martin du Gard. Gabriel cố làm cho người ta thấy là vì

kính trọng công chúng nên anh đã giữ lại áo ngoài của anh. Vậy thì không ai có thể cho rằng anh bị loại ra vì lý do quần áo.

Vả lại, anh tỏ ra kín đáo và lễ phép. Một người làm nghề sấm llop đúng ra không phải là một nhà văn, hơn nữa có một vài điểm giống nhau giữa hai hoạt động đó: sự thiện cảm với đất, một sự hòa trộn khoa học với bản năng, sự gần gũi với các chết...

Anh tự coi là được mời đến dự và anh ngồi ngoan ngoãn. Anh nghe Malraux: “Chủ nghĩa cộng sản trả lại cho con người sự phong phú”. Anh dự vào cuộc đấu tranh của Aragon để người ta không gọi lên trường hợp của Victor Serge, nhưng anh không hề dấy vào cuộc đấu tranh ấy chút nào. Anh lại nghe Malraux nói: “Mỗi một người chúng ta phải mở mắt cho tất cả các pho tượng mù và tạo ra lương tâm nhân loại với sự đau đớn hàng nghìn năm của con người bằng cách đi từ hy vọng lên hành động ý chí, từ khởi nghĩa nông dân lên cách mạng”.

Tuyệt vời, tuyệt vời, anh vỗ tay như tất cả mọi người. Anh chỉ giờ tay sau bài diễn văn của Pasternak mà anh coi như là bài mở đầu thích đáng nhất trong các bài khác: “Thơ ca bao giờ cũng sẽ ở trong cổ. Thơ là, và vẫn sẽ là, chức năng hữu cơ của mọi con người sung sướng rên lại tất cả hạnh phúc của tiếng nói chìm lại trong trái tim nơi xuất phát... Càng có nhiều người sung sướng thì càng dễ trở thành thi sĩ”.

Sau những câu nói chuyện về thực vật học, Gabriel có thể bắt đầu nói đến lĩnh vực của anh. Đúng thế, mặc dầu nhút nhát, Gabriel giờ tay trong cái phòng lớn của Hội tượng tế và để bù vào vóc người nhỏ bé của anh, anh mạo hiểm đứng lên cái ghế bành gấp, chỉ cần sẩy một động tác là hai ống chân anh có thể bị tiện đứt.

Và đây là điều anh sẽ báo trước, anh nói rõ từng tiếng, trong khả năng tốt nhất của anh:

- Thừa các quý bà và các quý ông, từ hai năm nay, nước Đức đã bỏ cao su thiên nhiên để dùng cao su tổng hợp. Sự thay đổi ấy có hai ý nghĩa. Trước tiên là ý chí, là ra khỏi thế giới tầm thường. Thứ hai, đó là một dự định xâm lăng. Thừa các quý bà, các quý ông, đây là sự tin tưởng của tôi, một người chế tạo săm lốp: nhờ cao su tổng hợp, nước Đức chuẩn bị xâm lăng Châu Âu. Tôi xin cảm ơn các vị”.

Gabriel đã tính thời gian của bài tham luận đó: ba mươi giây.

Tính cho rộng rãi, bởi vì, có sự lo sợ giúp sức, anh đã nuốt phần lớn các vắn.

Ba mươi giây đó liệu có thể làm cho Lịch Sử đổi dòng được không? Một nhà chiến lược chính thức, trà trộn trong số người dự, đã nghe câu phát biểu quan trọng đó sẽ có thể chuyển hướng cho những chương trình quân bị, làm hại cho chiến tuyến và lợi cho các xe tăng?

Gabriel không đi đến đấy vì anh bản chất vốn khiêm tốn.

Nhưng tất cả các giả thuyết được cho phép nhất là ba mươi giây ấy của anh đã bị từ chối trước rồi. Những người cộng sản gào lên: họ tưởng rằng cái ông bé nhỏ ấy muốn quay lại việc Victor Serge. Vì những người khác muốn nghe Malraux, vẫn còn và bao giờ cũng muốn nghe Malraux, chỉ nghe Malraux.

Gabriel cố ở lì một lát. Người ta hiểu anh, chưa bao giờ anh được cảm thấy cái say sưa ấy, say sưa được lẫn át một nhóm người nhỏ nhất, bằng vóc dáng của mình, rồi anh bước xuống, theo dõi các cuộc bàn cãi một cách bình tĩnh cho đến hết và anh trở về nhà viết một bài cho báo *Le Temps* (“Về vấn đề trang bị lại các săm lốp”), bài này không bao giờ được công bố.

Người ta không thể nói rằng Gabriel đã được gia đình giúp đỡ trong việc đấu tranh cho sự thật của anh.

Ông Louis đã lao vào một cuộc triển lãm, cuộc triển lãm này có tính toàn cầu, triển lãm được đặt ở một nơi nằm giữa Tháp Eiffel và Trocadéro vào giữa năm 1937 (Gabriel, không có cái gì được chuẩn bị kịp thời, chúng ta xấu hổ với toàn thế giới). Ông vẫn giữ được những ảo vọng: sự phô trương, sự trình bày có tính cách toàn bộ về mọi mặt, đối với ông sẽ là phương cách duy nhất đúng để tránh chiến tranh.

Ông Louis dùng những thời gian nhàn rỗi, nhàn rỗi lớn lao trong các giới đua xe đạp được ông bạn Dekærkove, đối thủ của tôi, người vạch đường cho cuộc Đua Vòng quanh nước Pháp lôi kéo. Ông ta dần dần tách rời tôi với bố tôi.

Sáng Chủ Nhật, như tất cả những người đã cắn câu thật sự, họ gặp nhau ở Longchamp và quay đi quay lại không ngớt xung quanh bãi quần ngựa.

- Bố không chán xe đạp ư?

- Gabriel đáng thương ơ, rõ ràng là con không biết tý gì về thân thể con người.

Tháng Bảy, ông biến mất: Đường Vòng Lớn bắt buộc ông. Cũng tương tự vào tháng Tư hay tháng Ba, tùy theo từng năm, cho cuộc gặp gỡ ở Grenelle.

- Gabriel, con muốn gặp lại ta thì không có gì dễ hơn. Ta ở lại đây Sáu Ngày.

Ông thuộc vào những người say mê nhất, những người ở lại đây cả đêm cho đến lúc cất hời sáu giờ sáng và lại quay về lúc mười giờ, đủ thời gian ngắn ngủi về thăm nhà (mọi việc tốt cả chứ?) và đến ăn điểm tâm, bao giờ cũng đúng cái quán phố Nélaton, bởi vì ông chưa biết cách pha cà phê thật đặc.

Ông Louis đã tuyên bố ngày sinh nhật của ông là ở giữa Sáu Ngày đó, dù sinh vào ngày nào đi chăng nữa, ngày sinh nhật di động mà, ông không quên bảo tôi đến dự, ngay cả khi quan hệ giữa tôi và ông có bị căng thẳng. Vì thế mà Gabriel mới biết cái lán tối om gọi là Vel d'Hiv, có bầu không khí màu xanh khói, những ngọn đèn rũ xuống từ những cái vòm không nhìn thấy rõ, sàn nhảy màu hung, hàng bán bia trên bãi cỏ, bọn vô lại chửi rửa nhau và ném vỏ cam và ngay cả đinh bủ loong vào các khách ngồi ăn sang trọng. Ông Louis bao giờ cũng giữ vẫn cái bàn ấy gần sân khấu. Khi ông giới thiệu tôi: Gabriel - con - giai - tôi - làm - việc - ở - ô - tô, thì tôi nhận thấy người ta nhìn mặt: giới đua xe đạp luôn khinh thường nghề cơ khí, chỉ trừ có nghề làm xe đạp. Tôi không ghét họ, mỗi người mỗi nghề và các nhân vật của Grenelle đều mang những màu riêng. Ví dụ như ông Frré, người chăm sóc sức khỏe cho vận động viên hay Fernand Trignol, "ông hoàng tiếng lóng" hay lừa những người ngờ nghệch rồi chuồn, Bobosse trước kia là thợ quay máy in, nay trở thành người làm nghề xoa bóp kiểu Paris, Cyrano, một tay hát người Italia nghiệp dư khỏe và làm thợ nề chuyên nghiệp mà người ta thường thuê để treo các bó hoa cho những người thắng cuộc đua nước rút, cho những ngôi sao đi qua, hàng chục bó hoa, tất cả các bó hoa của Sáu Ngày... Tôi không quên những tay đua xe đạp Wambot và Lacquehay của những nước thân chúng ta, những hội viên Hội xe đạp của Levallois, Alexin Blane-Garin e then và Charles Pélissier người dễ ưa nhất. Họ ngồi nghỉ một vài giây với chúng tôi, như thế các ông vui lòng chứ? Do mỗi năm một khó, các ông thứ lỗi cho, và họ quay trở về với công việc coi sóc trong chuồng của họ.

Thỉnh thoảng, ông Louis nháy mắt nhìn tôi, vẻ đắc thắng: con xem, ta cũng thế, ta cũng có cuộc sống bên lề: cảm tưởng của tôi rất lạ thường khi trông thấy ông sống trong một thế giới đàn ông, nói về các công việc đàn ông, mà ông thì, cho đến bây giờ, chỉ sống với các phụ nữ. Họ bàn luận nhất là về cuộc đua, và bao giờ cũng là về cuộc đua: thế nào mà Piet Van Kempen đã chạm phải Lucien Choury vừa đúng vạch, đó là lý do khiến cho Guimbretière không còn được cú nước rút của năm trước...

Thỉnh thoảng có một người nào đó vừa nhìn cốc của mình vừa trịnh trọng buông ra một câu:

- Thời gian đang chuẩn bị... các ông sẽ thấy... cuộc đua xe đạp sẽ lấy lại sức (nhà tiên tri quay lại phía tôi). Tôi không nói điều đó để chống lại ông đâu, ông Orsenna ạ.

Ông Louis không nghe thấy, ông nhìn ra đường đua, ông quên tôi.

Đột nhiên, yên lặng: mọi người không nói gì. Không một tiếng rì rầm, không một tiếng ho. Chỉ có những tiếng động mơ hồ, tiếng lách cách của đoàn xe.

- Cái đó không đẹp ư? - Ông Louis khẽ nói vào tai tôi.

Một tiếng còi nổi lên, giấc mơ đã hết.

Giải thưởng 10000 phrăng trên năm vòng do Hãng Con Bò Cười tặng, người xướng ngôn Berretrot báo tin.

- Bò, - đám người reo lên.

Tôi thấy bố tôi giải thích cho người bên cạnh, ông cảnh sát Maizaud, người đã bóp chết *Rat-mort* ở Pigalle: con trai tôi dễ thương hơn là vẻ mặt của nó, chỉ phải nó hay cả thẹn một chút, chúng tôi không cùng cười về những chuyện nào đó. Những chuyện khổ tâm trong gia đình, ông hiểu không? Ông cảnh sát Maizaud nhún vai.

Không ai để ý đến sự ra đi của Gabriel. Tôi đi không chào ai trước khi nước rút vừa xong, giữa tiếng ồn ồm ồm của đàn phong cầm. Ra ngoài, tôi đi một lát dọc theo sông Seine về phía Javel, Issy. Tôi lấy lại sự tỉnh táo, tự giác thoát dần dần khỏi tất cả những cái tên, những mặt người, những danh từ chuyên môn, số cân nặng nhẹ của các lớp xe đua, số răng của pinhông, thứ hàng linh tinh mới ấy của ông Louis, tôi hít mạnh không khí, hơi loạng choạng như vừa bước

ra khỏi thác nước. Đằng sau tôi, xe điện treo chạy qua chạy lại. Tôi không ngoảnh lại. Tôi muốn được quên tất cả chuyện đó cho đến năm sau, vừa đến ngày sinh nhật sau, được quên Grenelle, Nélaton, cái thế giới xe đạp ấy đã nuốt chửng cha tôi. Sau tiệm nhẩy của Hải quân, tôi đi về phía tay trái, Đại lộ Emile - Zola, La Motte - Picquet và tôi chỉ trở về nhà tôi sau một đường vòng khá dài.

Trong thời gian ấy, bà Marguerite phản bội Châu Mỹ. Sau khi đọc xong quyển *Ở đất nước của những người phát xít La Mã* do nhà văn Paule Herfort viết (Nhà xuất bản Revue mondiale), bà ghi tên vào Ủy ban Pháp - Italia và chỉ mơ có được một chuyến du lịch đến Rome.

Mỗi khi tôi đến thăm, bà đọc cho tôi nghe những đoạn trích ở quyển sách: “Mặc quần đùi đi ngựa và đi giày ủng, ông thủ tướng chính phủ phát xít có một dáng điệu rất Napoléon, rất hợp với ông. Khuỷu tay chống lên bàn giấy, tay ôm đầu, ông biểu lộ một sức mạnh tự nhiên mà uể oải ánh lên hào quang nhân từ làm cho người ta nhớ đến Người kia. Trong một vài giây, trước mặt tôi, nét mặt của Napoléon pha trộn với nét mặt của Mussolini và tôi không biết là tôi phải nói râu hoàng đế hay thừa ngài thủ lĩnh”

- Gabriel, cháu không biết ông nội cháu, nhưng bà, bà có thể nói với cháu là, nếu ông không mất thì ông cũng sẽ như thế.

Bà cũng đưa cho tôi xem những tài liệu chứng minh rõ ràng là thủ lĩnh đã có ý xâm lược nước Éthiopie để chấm dứt sự dã man của các địa phương.

- Đôi lúc, cháu hãy quên ta là bà của cháu, Gabriel, hãy để kính lúp lại gần bức ảnh này, cháu nhìn thấy cái cổng khải hoàn nhỏ chứ? Kéo gần kính lúp thêm chút nữa. Gabriel, cháu có nhìn thấy những cái túi con móc vào cổng không? Cháu không đoán được ư, Gabriel? Vậy thì để bà nói cho cháu biết đó là những dương vật, đúng, những dương vật của kẻ thù của những người Éthiopie thân mến này, những dương vật bị quét vôi sau khi được sấy để giữ

được lâu. Và khi tôi nghĩ rằng Hội quốc liên bang muốn ngăn nước Italia chấm dứt những sự kinh khủng này!...

Đó là những trò làm đom điểu hình, Orsenna, mà bố mẹ nuôi của ta không có thời giờ làm: mỗi một bước đi của họ lại đưa họ đến miệng của sói.

II

Bà không đi ngay. Bà cũng không để cho người khác đưa đi theo kiểu của những người nào đó, khi vừa mới quyến rũ được, đã tự mình bỏ mặc, hoặc vì lười hoặc để kiểm tra xem tình yêu sẽ đến đâu, và nếu bần tiện quá, người ta cũng sẽ yêu họ cho xong: nhưng đó không phải là kiểu của bà Élisabeth. Bà có một cá tính say mê. Mỗi buổi sáng, đứng vào giờ ấy, sau các phần vệ sinh cá nhân, nhưng trước khi ăn sáng, bà trèo lên cái cân duy nhất chính xác, nhưng rất khó sử dụng vì người ta phải tự đẩy con trượt. Bà ghi trọng lượng của bà, bà tự cho mình một giới hạn. Quá số đó, tôi sẽ không để ông Markus trông thấy tôi. Và bà chiến đấu.

Ông Markus lại đi du lịch. Ông đi dọc ngang các thành phố và các làng mạc, tai giồng lên nghe. Và vợ ông có vẻ buồn rầu khi người ta hỏi bà liệu ông Knight có sắp về không. Nhưng trong thâm tâm bà, bà thích thú về sự hoãn lại đó. Bà mong khi người mà bà rất yêu thương trở về, bà sẽ lấy lại được cái vóc dáng trước kia của bà vào cái thời có cuộc hoà nhạc nổi tiếng và khi đó ông Markus còn thích bà hơn cả âm nhạc.

May quá, ở New York cũng như ở Paris, cái mốt là chú trọng đến thân hình của người phụ nữ. Đầu tiên còn rụt rè rồi càng ngày càng công khai. Những bảng quảng cáo xuất hiện: quý bà hãy xóa những vết nhăn, quý bà hãy thấy lại hàm răng sáng bóng, cách thức của tôi để bỏ các áo nịt... Tôi biết tất cả về thời kì ấy. Bà Élisabeth cầm một tờ báo hàng ngày tả những sự tiến triển của căn bệnh, ghi rõ những buổi hẹn với những thầy thuốc, dán ở bên trái những đơn thuốc, dán ở bên phải những kết quả. Tờ báo ấy đến với tôi, tôi sẽ có thể nói với anh nó đã đến một cách thế nào, có một sự quy tụ các hoàn cảnh, một bài báo nói về tình yêu trong một tờ báo thường kì mà ngày hôm nay đã bị lãng quên: báo *Marianne*. Những chi tiết của một sự phát minh như thế chắc chắn là đáng được kể ra; tất cả các chuỗi dài của những sự bất ngờ làm cho người ta có thể nói rằng

thế giới thật là nhỏ bé, vậy ta chỉ cần nghe mọi người và lặp lại những tin tức đã được trao đổi.

Đây đúng là thời kì đầu của các loại kem, nước gội đầu, những mặt nạ có chất dưa chuột, cũng có những bức ảnh đầu tiên để so sánh: trước và sau, và cái găng tay bằng lông ngựa dùng mỗi buổi sáng, những mảnh che cằm cho ban đêm. Đó là bước khởi đầu thật sự của các bà đi tiên phong trở nên nổi tiếng: Élisabeth Arden, Gaylord Hauser... sau bữa ăn tối, hay vào lúc nghỉ giữa chừng, trong khi các ông hút xì gà thì các bà vợ đứng tách ra để trao đổi các công thức. Một không khí như vậy làm dễ dàng mọi chuyện. Bà Élisabeth tìm chế độ ăn uống CỦA BÀ như tất cả mọi người. Việc pha trộn các chất nước, chất rắn đem lại cho bà nếu không phải là một vẻ trẻ trung vĩnh viễn thì ít ra cũng là một sự tin tưởng chắc chắn rằng cuối cùng bà sẽ không già.

Nhưng, tìm được công thức CỦA MÌNH đòi hỏi phải có thời giờ. Có rất nhiều lời rao vặt, kín cả các trang báo. Tôi tưởng tượng thấy hang đồng tờ báo hàng ngày trên giường của bà vào buổi sáng ở khách sạn. Bà chọn thế nào? Bà có gạch dưới các dòng bằng bút chì lớn không? Hay là bà cắt ra? Tôi không biết. Nói tóm lại là bà thử đủ cách: chỉ uống nước thôi trong ba mươi sáu giờ, rồi chỉ ăn bưởi, rồi bỏ cả muối và đường, rồi mặc ba áo len dài tay mà nhảy dây năm mươi phút cả sáng lẫn chiều, rồi ngày cuối tuần nuốt số trứng luộc nhiều nhất, rồi hấp tất cả, rồi thử tắm hơi, một liều mạnh, với sự xoa bóp (ở phía đầu đằng kia của Manhattan, bà đi bằng tắc xi), rồi nuốt những thuốc cắt cơn đói, một phát minh rất mới ở thời kì đó, làm cho người ta muốn nôn mửa. Rồi bà lại đến cho người ta tắm quất, ở không xa nhà ga trung tâm, có ông mù cam đoan với bà là sau ba chục lần bà sẽ bớt béo nhưng chớ nên bỏ nửa chừng, mỡ nó sẽ báo thù đấy. Và chắc chắn là phải giữ những phương pháp chung, không rượu, không bánh và ít nằm giường, tôi muốn nói là ít ngủ. Ban đêm bà đi quanh vườn Park để không bị khuấy phục, mà chiến đấu.Ồ! Chiến đấu với những mi mắt càng ngày càng nặng. Và rồi đến những cuộc hội họp nhấn nhục với các đồng nghiệp béo phì, các câu lạc bộ của Phố 17, ở đấy phải đóng ba đô la một tháng mới có quyền lợi được giơ ngón tay cho nhau xem là có đeo hai con số

rất dễ nhìn thấy ghi số cân ở tuần lễ trước và số cân ngày hôm nay. Tất cả những phương pháp đều được thử áp dụng rồi bị vứt bỏ, đi từ cách sống này đến cách sống khác nhau như kiểu người ta thay đổi xe điện ngầm khi bị truy đuổi, tất cả tiền nong bỏ ra không đi đến đâu, tai bao giờ cũng phải lắng nghe. Ôi! Cốt sao ông không về ngay. Ôi! Cốt sao ông để cho các biện pháp có đủ thời giờ tác động, với ông hầu như bao giờ báo trước việc trở về của ông, bỗng nhiên có tiếng chân đi trong hành lang. Ôi! Mong sao ông không bật đèn lên. Ôi! Mong sao ông hơi say một chút.

Một buổi sáng bà nhìn vào thước đo trên cân và con số mà quả cân đã chỉ, và mức cân bằng chưa đạt tới, trong khi đó giới hạn do bà ấn định đã quá rồi, nhưng gia đình bà chưa bao giờ biết chút nào về cuộc chiến đấu này, (và Gabriel, hãy dựa vào anh ta, sẽ không nói tý gì về việc này ngay cả trong vụ kiện), và chỉ đến lúc đó bà mới biến đi.

Bà thích cái giải pháp này, bà ghi rõ ràng trong nhật ký của bà:

“Trong trường hợp tự tử người ta sẽ báo cho người chồng là người phải nhận ra được thân thể. Nhưng tôi đã quá thay đổi, liệu ông có nhận được ra tôi không? Và nếu ông nhận được ra tôi thì thật là khủng khiếp!”

Người vợ biến mất không làm thay đổi chút nào những thói quen của ông Markus. Bên ngoài thì cuộc sống của ông vẫn như thế. Chỉ có là ông thôi không trở về New York hay Paris một vài tháng mỗi năm. Quay trở về là vô ích vì vợ ông đã biến đi rồi. Thỉnh thoảng ông gọi điện thoại đến những cuộc tiếp tân ở Algonquin, Washington hay Albany. Không có tin tức gì ư, Georges? (Ông gọi tất cả các người gác cổng như thế, nhưng họ cũng có thói quen về những sự giản đơn hóa ấy). Than ôi, không thưa ông. Tốt, ông hãy cảnh giác nhé, ông đừng chơi cá ngựa... Ôi! Thưa ông... Và tháng sau. Chào ông, ông Knight. Tạm biệt, Georges.

Người ta không bao giờ biết chút gì về sự buồn rầu của những người khác. Như vậy Gabriel không thử tả ông Markus một mình trong buồng khách sạn, lau những mặt kính của mình, mắt này rồi đến mắt kia, chậm chạp, rất chậm chạp v.v...Điều mà người ta có thể nói được đó là bà Élisabeth biến đi liền được bù trừ bằng sự có mặt của người khác trong phòng của ông. Cho đến bây giờ, vì vợ ông chăm sóc đủ mọi thứ, nên ông đã để đôi mắt ông được yên, mà chỉ dùng để đọc các bản nhạc hay để tránh một cột đèn vào lúc cuối. Tất cả cho thính giác. Khi vợ anh biến mất, một người vợ mà anh yêu theo kiểu của anh (nhưng ai mà chẳng có lối yêu riêng của mình?), khi vợ anh biến mất trong thiên nhiên, thì anh sống trong sự rình mò. Bất giác, anh dòm ngó chung quanh; có phải chẳng là Élisabeth, cái bóng dáng bị dồn ép đang biến đi mất sau cái ô tô đỗ của bưu điện không? Cái áo lông chồn màu xám kia bị ép vào buồng của phòng treo áo của nhà hát Opéra bởi hàng chục, hàng chục chiếc áo măng tô, áo lông, áo choàng vô danh, cái áo ấy có phải của bà không? Ôi ! Élisabeth thường lạnh ở trên vai?

Chính vì thế, nhờ có sự biến mất của vợ mà ông Markus phát hiện, khi đã quá tuổi sáu mươi năm, rằng thế giới thực tại, (nghĩa là không phải thế giới âm nhạc) đã là hiện hữu.

Vì ngay cả khi ông tự thú thì, theo tính chất bị kịch của các hoàn cảnh. Ông lại thấy thích thú về chuyện ấy. Nhất là những cảnh ngoài chợ. Ở đây biết bao nhiêu loại người ở trên thế giới này hẹn gặp nhau một cách trơ trẽn, công khai. Một thí dụ ư? Những quả cà căng mọng bóng bẩy như gương được bàn tay của một bà nội trợ, không rõ tuổi đời, nhát lên để định trọng lượng trước khi chui tọt vào chiếc túi xanh lá cây nhột nhột. hay cái cảnh, đôi khi giống như âm nhạc làm se lòng người, cảnh những cặp cụ già kia đi dạo chơi chậm chạp về buổi chiều dọc theo một trong nhiều con sông Âu Châu.

Nếu ông không biết cách dùng, mới đối với ông, về thị giác, nếu ông ta không có lòng phấn khởi của tín đồ mới đối với sự việc được trông thấy, thì làm sao ông có thể nhận thấy được sự hiện diện của một con người lai tạp, là phụ nữ thể thao do bộ quần áo đang mặc, là một rô bốt do không có mặt mà được thay thế bằng miếng kim khí

đen hình chữ nhật, có dính một cái mũi hay một con mắt ở chính giữa?

Không có gì là kém chắc chắn.

Ông bầu thì, ngày ấy, đi ngang đi dọc qua các phố của Leopoldstadt, khu phố người Do Thái ở Vienne. Người ta đã báo cho ông biết là âm nhạc bị bỏ hoang hoá trong khu phố ấy. Vì có những cuộc xô sát, những cuộc khám xét của cảnh sát nên không có một người nào dám mạo hiểm vào đây để tìm ra các tài năng.

- Như thế, - người thông tin nói cho ông ta biết, - ông chắc chắn tìm được cơ hội: dù tìm được hay không, các nhà chơi vĩ cầm vẫn mọc lên, có phải không, ông bạn?

Vậy thì ông bầu hãy đi dọc đi ngang. Người ta đề nghị với ông những quả táo, những *beigel*, những quyển niên lịch của người làm vườn viết bằng tiếng Nga, những mảnh để rời cho xe đẩy trẻ con, những đèn dầu, những con cá thu, một bản đồ của đất thánh, những vòng sắt cho bánh xe phía trái của những chiếc xe bò, một mũ nồi *Shtra imel* với mười ba cái đuôi chồn Zibeline, vì con số mười ba là con số thánh, có nghĩa là tin vào một chúa trời duy nhất, một khăn quàng để đọc kinh được bán làm đồ cũ, những hales có trứng cho lễ Shabbath... mà người ta mời mọc trong lán của người Do Thái.

Nhưng ông chỉ đi chậm lại trước các cửa hàng có bày nhiều đôi giày, các đế giày mà không có giày và những giày không có đế. Và triết lí của những người thợ giày đối với ông lại không thể bác bỏ được, không bác bỏ được về mặt lý luận và vì thất vọng.

- Thưa ông, nếu không có gót thì ông sẽ đồng ý với tôi là không có ai là hiện hữu, kể cả những người khuôn vác, kể cả những con người. Ngay muốn đến nhà thờ Do Thái, người ta cũng cần đến gót giày cho những đôi giày của mình. Và muốn nuôi gia đình mình, người ta phải đi trên các hè phố. Tất cả mọi người đều cần đến gót giày. Đây là khó khăn của sự buôn bán và đặc biệt của những ông

thợ giày. Muốn trả tiền cho tôi thì người Do Thái phải kiếm được tiền, điều đó có nghĩa là họ cần những đôi giày đi trên những hòn đá mà ông thấy kia kìa thì những đế bằng da chỉ bền được sáu tuần lễ. Thực là gay go nếu phải làm người Do Thái. Vì giày đấy. Ông không đồng ý sao?

Ở phía bên kia của phố, con người lai tạp đã gí sát mũi hình trụ vào một cửa sổ và cái ngón tay trở của người đó (ngón tay trở của một con người thật và không phải của rô bốt) ấn xuống một cái nút sang ở trên và ở phía bên phải của hình chữ nhật bằng kim loại đen.

Ông Markus kiên nhẫn đợi và chỉ kêu lên “Clara” và dang cánh tay ra khi Clara đã làm xong công việc, sắp xếp lại máy ảnh trong túi áo vét bằng len màu xanh nước biển và vươn thẳng thân hình cao lớn của mình. Clara!

Ôm hôn. Trao đổi (sơ sài) tin tức gia đình: con có tin gì của mẹ không? Không. Bố cũng thế. Và Gabriel? Ông Markus miễn cưỡng hỏi. Tuy nhiên ông đã luôn luôn thề rằng không bao giờ nhắc đến cái tên đó. Thậm chí nhiều buổi trò chuyện cùng con gái, nhưng ông chẳng một lần nào nhắc tới chàng rể. Còn Gabriel? Dẫu sao ông Markus cũng hỏi con. Bố ơi, anh ấy là cuộc sống của con, Clara trả lời mà không có chút nào khiêu khích, nhưng lại có một chút mệt mỏi. Con có lý, đúng là cuộc sống của con, ông Markus nói. Bố có thể chỉ hỏi con vì lý do gì con lại đến Leopoldstadt?

(rõ ràng là cuộc gặp gỡ giữa bố và con gái là chính Gabriel đã dựng lại. Anh không ở đây trong cái *Shtetl* vì anh nấp sau một cái xe bò bốn mùa để nhìn sự gặp gỡ ấy. Trong những điều kiện đó, anh chỉ có thể khẳng định được tên anh “Gabriel” được người này hay người kia trong gia đình Knight nêu lên. Nhưng đó là một giả thuyết có thể chấp nhận được. nói chung giả thuyết đó dịu dàng cho trái tim của tôi, vậy là nó được nằm trong hồ sơ và được gọi là mục ghi số 49).

Clara suy ngẫm, mỉm cười nhìn bố, và đỏ mặt. đối với Clara; đó là cách nói tóm tắt: bố hãy tha lỗi cho con, con sẽ nói lên một cái gì khá nghiêm trọng nhưng những cái được- nêu- dẫn- có- vậy- thôi...

Clara chỉ con suối, đám đông người nhộn nhịp, các gót giày treo đầy tường, trẻ con chạy nhảy, qua cửa sổ có ánh sáng của các cây nến, những hình đen ngả trên vết trắng của các quyển sách, những người khuôn vác đang lần bước.

- Bố có thấy cuộc đời này mỏng manh không?

Ông bầu đồng ý

- Đúng, bố còn cho rằng chiến tranh lần thứ nhất đã phá tan nó.

- Thế thì con chụp ảnh, - Clara nói. - Chúng con có hai, con và một người Nga sinh ra ở Saint – Pétersbourg và ngụ tại Berlin, nhưng anh ta phải là vô danh, bố hiểu không? Chỉ có anh ấy và con. Đối với tất cả Đông Âu thì không phải là nhiều. Nếu bố biết các tay chơi tài tử ngay cả những *goyim*, nhưng chỉ với một mắt...

Họ cùng qua mấy ngày trong thành phố Vienne, mấy ngày không có âm nhạc. Đành vậy. Có thể là con ghét âm nhạc! Clara nói. Bố hiểu con. Ồ, điều đó bố hiểu con, nhưng con cũng phải thú nhận rằng đoạn *Vivace* của tứ tấu 17, quyển 135 của Beethoven... thật bất hủ. Ông Markus trả lời. Bố và con gái có vài ngày nói chuyện với nhau bằng ngôn từ. Như các người yêu nhau không rời khỏi giường thì họ ngồi với nhau ở bàn. Bữa ăn nối tiếp, bữa trưa, bữa chiều, bữa tối, gọi nhau là bà, là ông, cửa khép kín, điều con nói với bố là về Londres, không đâu, bố ạ, con cam đoan với bố... Ông Markus gọi Clara là con thuyền Noée của ông, vì con thuyền, “lý do tại con chú ý đến các thứ trên đường tiêu vong”. Và ông không giữ khi Clara muốn ra đi, còn nhiều ảnh phải chụp, có nhiều cảnh và nhiều gương mặt phải đưa vào kí ức. Bố hiểu con. Bố hãnh diện về con. Bố buồn và bố hiểu.

Địa chỉ của Clara là vùng Ruthénie – Carpate (bây giờ sáp nhập vào Ukraina, và nước này cũng bị nước Nga nuốt chửng. Clara muốn đưa vào thuyền của mình, trước tiên, là cái lảnh nhỏ Vrchni Apsa, nơi công dân không biết tý gì về cả thế kỉ XX lẫn XXI, cả thế kỉ XVIII, XVII lẫn XVI. Nhưng một số chỉ dẫn đã đến với họ về thế kỉ XV, thời kỳ lạ thường mà trên trái đất này có một người có tên gọi kiêu kỳ là goy (Christophe colomb), goy^[21] này lại có lợi ích, vì ông đã thực hiện nhiều cuộc hành du, thường là vô ích (tại sao lại hành du trong khi không người Cô dắc của Nga Hoàng hay bị các uỷ viên nhân dân truy tầm và đã là người ngoại đạo thì cần gì phải đến Ixraen? và ích ra trong một cuộc hành du ấy, ông đã đem về một cái cây gọi là ngô, mà nay họ đã đem ra trồng. Rồi Clara đã đi đến một nơi, không xa chỗ ấy, đến Moukhatchevo, ở đó có thầy giáo trưởng nổi tiếng baruch rabinowitz đang thuyết giáo.

Ông Markus muốn đi cùng con gái và sau khi đoàn tàu đã chạy, ông đã đứng nán lại hồi lâu trên sân ga, giờ ngón tay lên vẫy, không phải là muốn nói lời từ biệt mà chính là nói ý trái lại: Clara, hãy quay lại, bà Élisabeth hãy quay lại, Ann con, con làm ơn đừng chạy đi nữa; ở trong đời đâu chỉ có công việc, đừng để ta phải cô đơn, một cử chỉ làm cho người khuôn vác cười dài, trông ông kia kìa, ông ta chẳng hiểu gì về nhà ga cả.

Cũng trong thời điểm ấy, bà Élisabeth ở Paris gần phố République. Thỉnh thoảng bà gọi thằng bé Gabriel đừng đến thăm ta, ta thấy gọi dây nói tiện hơn. Gabriel - anh còn nhớ Clermont – Ferrand chứ? Bây giờ đến lượt ta phải quen dạn dày. Bà lại gọi ta là anh, bà coi như dây điện thoại, một khoảng cách giữa hai người chúng ta, không đủ che chở cho bà. Bà chán mọi chế độ, bà thử chuyện khác, và mỗi tuần lễ ba lần bà đến phố Châteaudun, tầng thứ hai, đến nhà một người đồng sự cũ của Clara, một người Hungari tên là W, theo như lời đồn đại, chuyên khảo cứu về tâm hồn. Ở đấy, bà nói về tình yêu của bà, một chuyện liên miên, cứ ba khắc đồng hồ lại bị cắt đứt bởi tiếng nói của con người chuyên khảo cứu về tâm hồn: tốt rồi, để đến lần sau. Nhưng ra đến ngoài phố, bà lại tiếp tục nói và cả trong phòng khách sạn của bà. Rất nhiều cách

nói khác nhau về buổi tối mà ông Markus thích bà hơn là âm nhạc, chuyện các giấc mơ đáng xấu hổ cứ lần lần vẫn trong đầu óc bà mỗi khi đọc những truyện vừa rải rác trong các báo (tái vớ trang ở đây, lò thiêu ở kia)... Ô, miễn sao chiến tranh bùng nổ, chúng ta sẽ quay về New York, ông Markus không thể đi du lịch được nữa, đúng, hoan hô chiến tranh, hoan hô chiến tranh, bà kêu to trong phòng. Ô! Xin lỗi bác sĩ!

Một hôm bà nói: Tôi đã hết đời.

- Thế là tốt hơn. - bác sĩ W. đáp.

- Vậy thì những điều may mắn của tôi thế nào?

- Bà hãy bớt yêu đi, thưa bà. Bà cố gắng yêu bớt đi. Các chế độ trên đời này không làm gì được. Chính tình yêu ấy nuôi bà.

- Nhưng yêu ít là thế nào?

- Theo người ta nói thì là những cuộc du lịch. Nhưng bà hãy nhìn xem, tôi cũng to béo. Xin tạm biệt, bà Knight, và bà hãy can đảm lên. Bà không thấy có điều gì bất tiện nếu tôi công bố chuyện của bà? Đợi một thời gian nữa, tất nhiên, tôi sẽ thay đổi các tên, chắc chắn là như thế. Tạm biệt, thưa bà Knight! Bà hãy làm như tôi: để làm dịu bớt tình yêu, tôi cho công bố, bà chọn một chuyện hay và bà xuất bản. Tạm biệt, bà Knight.

III

Một đêm trong ngôi nhà lớn Đại lộ Wester Wemys, Cannes – la – bocca, Gabriel hú lên. Anh đứng đấy, ở giữa buồng anh, anh mặc bộ quần áo ngủ màu booc đô viền xanh nước biển mà anh hú. Ánh sáng bật lên. Hai chị em nhào vào, ôm anh trong tay và kéo anh vào thư viện. Bình tĩnh, Gabriel, anh bình tĩnh đi, chiến tranh đã kết thúc. Và cả ba đợi trời sáng, chen chúc với nhau trên chiếc giường cũ nhất, chiếc giường chũng ở giữa, chiếc giường bị bao quanh giữa những chồng sách nghệ thuật cao ngút.

Khi bình minh mọc, Ann nói: thôi, đi làm việc đi, kể lại câu chuyện sẽ làm anh dịu người. Em đi pha cà phê cho chúng ta.

Như vậy là Gabriel lại cảm thấy chạm trán với tháng chín ấy, một tháng chín dù sao cũng như những tháng chín khác, với những cơn giông, với lá cây bắt đầu ngả vàng, một tháng chín nhỏ mọn cách đây mười lăm năm đã làm cho anh sợ ban đêm. Để có thêm can đảm, anh nghĩ đến cuvier: một buổi chiều chủ nhật sau những cuộc dạo chơi trong rừng, cái gia đình đã đem lại cho anh những mẫu xương họ đã tìm được; những cái ấy đủ để cho anh vẽ lại toàn bộ con khủng long. Đây là cái mà ta sẽ làm, Gabriel tự nói khi trên người còn mặc bộ quần áo ngủ màu booc đô: lần này ta chẳng tưởng tượng gì, chẳng bịa gì, chẳng điền một khoảng trắng nào. Ta chỉ thuật thuật lại những gì mà ta biết. Ít sự vật, ít sự kiện nhưng là những điều có thật.

Và nhờ có ta, nhờ có Gabriel, nhờ những sự kiện nhỏ nhặt có thật, một cuvier sẽ tái tạo lại con vật.

Một lần, vào ngày 29 tháng Chín.

Và đó phải là một ngày hội.

Sáng kiến đầu tiên của ông Markus. Điện tín gửi tứ tung, gửi tới tất cả những nơi mà các con gái ông đã đến, những khách sạn lớn cho Ann, những uỷ ban Do Thái cho Clara. Chúng chạy hơn cả các con vật, ông giải thích với cô nhân viên bưu điện.

“NGÀY 29 THÁNG CHÍN NĂM 1938, HỘI KNIGHT MUNICH STOP 21 GIỜ NHÀ HÁT QUỐC GIA STOP HOÀ NHẠC VUI MỪNG CỦA TÔI ĐỒNG Ý STOP NHƯNG SAU BỮA ĐÊM CAM ĐOAN NẾU BẰNG LÒNG NÓI ÂM NHẠC STOP BẮT BUỘC CÓ MẶT.”

- Chúc ông may mắn, - chị nhân viên bưu điện nói, - sau khi chuyển điện tín.

Có một lần.

Những chuyện về chữ thập ngoặc, những chuyện về dây thép gai bắt đầu như những chuyện khác.

Có một lần, nhà hát quốc gia Hof und National - Theater hé mở để cho nhóm thợ lau rửa làm việc. trong bóng tranh tối tranh sáng, có tiếng máy hút ồm ồm, tiếng rào rào của tải lao nhà trong các xô nước, rồi trên đá hoa của thang gác danh dự, tiếng quẹt quẹt của chổi trên sân khấu, tiếng lăn của xe nước xà phòng, tiếng khăn lau các lô hay là tiếng rửa, giặt rũ và tiếng hò hét của ông điều hành; nhanh lên, im lặng, vì ông tổng quản lý nói: nhiều tiếng trong một buổi làm cho âm nhạc bị nặng nề, và cũng có tiếng da dê lau trên các đồ đồng, tiếng lanh canh của các chao đèn pha lê bị quét bụi bằng chổi phát trần, tiếng lạch cạch của các giá áo đẩy trong buồng để áo, rồi về sau là tiếng bước chân của các tiểu đoàn đến báo cáo từng nhóm một trong tiền sảnh, tiếng bước chân dập vào nhau để đứng nghiêm:

- Ghế bành dưới nhà sạch.

- Lô bên chần sạch.

- Sàn ban công thứ hai sạch.

...

Vào mười giờ người ta gọi ông phó tổng quản lý. Đội lau rửa nhũn mắt: để đội kiểm tra đi thăm, người ta bật tắt cả các đèn.

Nửa giờ sau, ông phó tổng quản lý quay lại chào ông lữ đoàn trưởng.

- Rạp hát đã chỉnh tề.

- Sẵn sàng đợi lệnh, thưa ông phó tổng quản lý.

Người ta tắt các đèn. Một kho đoàn lau rửa đã rút theo hàng hai, người ta khép các cửa chấn song, các cửa ra vào và các cửa sổ. Trên thành phố Munich, gió khô thổi đến, một loại gió làm bốc bụi, đi trước cơn dông.

Có một lần, một bà chạy việc nắm lấy tay người bạn gái lý tưởng vừa trên tàu hoả bước xuống. Clara đến từ phía đông.

Đó là một trong các chuyến du lịch mà chị biết rõ sự bí mật: những chuyến du lịch mệt mỏi mà không đem lại lợi lộc. những chiếc máy ảnh va vào ngực.

- Chị đáng thương ơ, rồi chị sẽ không còn ngực nữa...

Chị Clara đáng thương nhắc hai chiếc vali và thở hổn hển nghe tưởng vỡ tim.

Và chị cũng chẳng còn tay đâu.

May quá, một người khuôn vác được gọi đến ngay lúc ấy, do giọng nói không ai cưỡng được của người đàn bà chạy việc, đã gìn

giữ được cái phần đáng quý ấy của cơ thể Clara, cái phần cơ thể mà tôi rất thích, hai cái vòm trắng nõn chính là đôi cánh cửa của sự dịu dàng.

- Tôi đưa em đến khách sạn Russischer Hop. Chúng ta sẽ tìm được ông Markus ở phòng hoà nhạc. Một cuộc đi biểu diễn có vẻ rất thuận lợi đối với ông: lần này có sáu nhạc sĩ điều luyện.

Một lần, trên sân xi măng xám của sân bay có ông Max Theodor Horkheimer là một tay chơi vĩ cầm có hạng ở nhà hát Opéra Munich và bây giờ ông đang bận, ông lấy tay hất lộn tóc nhọn màu huyền, lộn tóc này thường xoã xuống che mắt ông trong cuộc làm tình, đến nỗi mà phần lớn các ký ức sung sướng của ông thường gắn liền với cảm giác không trông thấy gì của người loà. Chỉ có một vài người đàn bà, thực ra là có hai thôi, đã đặt ông nằm ngửa để nhìn ánh mắt ông, họ nói như vậy, và nài nỉ ông đừng cử động, em sẽ đảm đương tất, trước đây lộn tóc rất dày đã đem lại cho ông một niềm kiêu hãnh, bây giờ lại rất thưa, có thể nhìn qua được, gần như bị nghi ngờ là không có thực, không phải là tóc rụng mà nó trở nên ngày càng mảnh, như mạng nhện. Đã có lần Max Theodor Horkheimer lại tự hỏi là ông ta có làm thất bại đời ông hay không? Nghĩa là ông ta nên có mặt ngày hôm ấy, hay là quay gót giày để tháo lui ở lại yên ổn trong phòng khách sạn của mình, mắt ở hé, chuẩn bị buổi hoà nhạc của ông? Bởi vì những người độc tấu vĩ cầm, không bắt buộc phải cử khúc nhạc buổi sáng sớm cho những chính khách đến thăm, ngay cả trong những dịp lớn lao như hôm nay ở Munich, ngày 29 tháng Chín, trong khi mà bất cứ một nhạc sĩ quân đội nào cũng có đủ khả năng chơi các bản quốc ca, xét theo kiến thức về âm nhạc của Deladier, như người ta nói, và của Chamberline, nhưng công bằng mà nói phải làm cho họ cảm thấy, khi họ đến, trình độ văn minh thuộc về phía nào. Cuối cùng, may mà trời không mưa.

Ở đằng kia, về phía bên kia của con đường, những nhà chức trách đang dành thời giờ nói chuyện. người ta không nghe rõ tiếng mà chỉ nghe nổi lên những lời ồn ào, những lời ồn ào kéo dài triền miên. Những người không phải là nhạc sĩ có thể tìm được lời trò chuyện với nhau, nghe thật đến là chán! người ta đã cho phép bọn

trẻ con Đức tóc hung được ngồi trên một góc thảm đỏ. Chúng cầm cờ trên tay, cái thì cờ Pháp, cái khác là cờ nước Anh...

Và ông M.T.Horkheimer bao giờ cũng tự hỏi chẳng hiểu ông ta đã sống như thế nào để cuộc sống của ông đi đến chỗ này, hàng thứ ba của một ban nhạc trên một sân bay màu xám, là một dây đàn không tên tuổi giữa các dây đàn khác, mà ông ta thì không thiếu gì cơ hội. Như vậy, những nhạc sĩ nổi tiếng Busch, một buổi tối bất chợt đến thay thế cho nhạc sĩ vĩ cầm số một bị viêm họng và nhạc sĩ số hai có tang trong gia đình. Các ông Busch trong cả bữa ăn tối, sau buổi hoà nhạc đã nhắc lại: chúng tôi thích tiếng đàn kèn của các ông, các ông chơi alto và đến với chúng tôi. Không tính đến những dự kiến đó giữa đồng nghiệp với nhau, những buổi tối mệt nhọc (giữa các tiếng vỗ tay dành cho ông nhạc trưởng và nhạc sĩ vĩ cầm số một) đó là thời gian tốt nhất để trao đổi với nhau, nụ cười trên môi chào quần chúng và nhếch mép mà bàn những kế hoạch về sao chổi: tại sao chúng ta không lập một nhóm nhỏ từ bốn đến năm người. thực là một ý tưởng tốt, chúng ta sẽ nói chuyện thêm với nhau vào ngày mai. Những tiếng vỗ tay chấm dứt, mọi người lại đi qua hành lang. và sắp xếp nhạc cụ, và cứ như thế, những ngày đã qua đi. Sự can đảm không còn ở đây nữa, như lỡ một chuyến tàu. Người ta trông thấy chiếc tàu nhẹ nhàng lướt xa, gần như sự cất cánh của một chiếc thủy phi cơ hay một xuống máy tăng tốc.

Còn có nhiều đề nghị tuyệt vời hơn nữa. Trong hai mươi năm đi biểu diễn, có nhiều sự việc xảy ra, có những người mê nhạc buồn ghê gớm. Có những bàn tay vịn vào cánh tay anh, khá khuya, ví dụ như ở New York những ngón tay thanh niên không chài chuốt, hay ở Buenos Aires, những móng tay cắn giờ, có loại phụ nữ cổ đeo găng tay càng lâu càng tốt để che những vết lốm đốm và nhiều người khác nữa, bao giờ cũng vẫn câu nói ấy.

- Và nếu tôi giúp được các ông để dựng lên được ban nhạc *của các ông*...

Và chẳng bao giờ có gì tiếp theo những lời đề nghị cởi mở ấy. Và sự sợ chết của nhà vĩ cầm thứ ba, ông M.T.Horkheimer càng ngày

càng trở nên không chịu được.

Người ta có thể tự nói rằng sự vô danh che chở, nói vậy là sai. Tất cả mọi người đều sợ cái chết. Lợi ích của sự sợ sệt là làm rối loạn các đường lối, là gieo sự sợ sệt lẫn lộn trong đám dân chúng. Khi người ta lo ngại công chúng và các nhà phê bình thì người ta không nghĩ đến cái chết nữa.

Và những nhạc sĩ vĩ cầm thứ ba không bao giờ có nỗi sợ sệt.

- Gabriel, nếu anh bằng lòng thì anh hãy ngừng sáng tạo cho một lần. Em muốn rằng đứa con trai của chúng mình có một quan hệ chính xác của những sự kiện ấy. Anh hãy nhớ câu nhắc đi nhắc lại của ông Louis: những đứa con cần đến thực tế.

- Anh chẳng sáng tạo gì cả Ann. Những nhạc sĩ cấp dưới bao giờ cũng mơ một cái khác hơn là đợi một nhân vật chính thức trong sân bay. Tả cảnh Munich mà không có những điều mơ mộng ấy, đây sẽ là sáng tạo. Nhưng có thể là em có lý đấy.

Và Gabriel, nửa ngưng ngừng nửa sợ hãi quay về với thực tại, cái thực tại tàn bạo của tháng Chín mà anh có thể đã thích khoác cho chúng những câu chuyện, những lời tán rỗng về tâm lý học.

Ông Markus là người bị giữ lại trước tiên suốt bữa ăn trưa trong vườn của tiệm cà phê Victoria, 17 Maximilienstrasse. Có các nhạc sĩ điều luyện vây quanh ông, đó là sáu thằng nhãi còm nhom nô đùa và cười cợt thích thú được đưa ra dự buổi hoà nhạc, lần đầu trong đời, chúng được ngón kẹo hơn là ăn một bữa tối hẩm hoi, sáu thằng nhóc chưa biết là người ta không bao giờ dùng bàn tay của nhạc sĩ để nắm chặt lấy bát sôcôla nóng bỏng. Vết bỏng có thể đem lại những hậu quả bi kịch cho xúc giác, cần phải dạy cho chúng, nhất là dạy nói bớt to... ông Markus nhắc chúng: nói khẽ mồm thôi, các cháu phải nói khẽ khẽ cho đến bao giờ chúng ta đã vượt qua đã vượt qua Đại Tây Dương, ở đấy, các cháu sẽ có thể làm âm tùy thích.

Chị phục vụ đội mũ nổi viền đăng ten trên đầu, mặc áo tạp dề trắng không ngừng mỉm cười: vừa đem khăn ăn lại vừa thu dọn hậu quả, hai cái cốc bị đổ, một cái đĩa bị vỡ trong lúc lộn xộn và mời bánh ga tô Forêt-Noir (trứng, kem, rượu anh đào, ca cao, anh đào dầm rượu).

Chị tiếp tục mỉm cười khi những người mặc áo choàng đi đến.

- Chúng nó đấy, - chị ta nói, không giơ ngón tay mà chỉ hất cằm, với nụ cười trên môi.

- Ông là thầy giáo à? Ông đưa những đứa trẻ này đi đâu thì tùy.

- Không phải là những đứa trẻ mà là những thiên tài.

- Tôi xin nhắc lại: ông đem chúng đi đâu thì tùy.

- Điều đó không dính dáng gì đến chị.

- Ông tưởng là nước Đức không thích âm nhạc lắm hay sao?

- Tôi chẳng tưởng gì cả.

- Vậy thì ông đi theo chúng tôi.

- Lạy chúa tôi, - Đến nhà hát, Clara nói, - tôi lại để các ảnh, tất cả các ảnh bày trên giường. Tôi phải quay về. Tôi sẽ trở lại vào giờ nghỉ giữa buổi.

- Đừng ngó ngán, những khách sạn Đức là những khách sạn an toàn nhất trên đời.

Và hai chị em, tay nắm tay, tìm đến chỗ của họ ở giữa một hàng ghế gần như trống : sáu ghế bành của các thiên tài cộng với chiếc ghế của ông bầu, giám đốc âm nhạc, là bảy. Tính đúng rồi, Ann nói, Ann là một phụ nữ quán xuyến. Rồi chị xem, họ sẽ đến mà, ngoại trừ âm nhạc, bố Markus bao giờ cũng lề mề.

Quá trên cao, rất khuất ở ban công thứ hai, bà Élisabeth kín đáo đưa ống nhòm tìm các con gái bà, hết sức kín đáo. Một trong nhiều điện tín của ông Markus đã đến với bà, cho bà biết ngày và giờ của ngày hội lớn Knight. Ồ, Clara của tôi người xanh xao và Ann cũng trông có vẻ bồn chồn, sao ông Markus vẫn chưa có ở đây?

Vào giờ nghỉ giữa buổi tối, Clara không bao giờ lại ghét âm nhạc đến vậy. Clara đi tìm, xô đẩy, hỏi thăm, đứng thẳng cao người mà không thấy gì khác ngoài những cái đầu hói, tóc và mũ, không có một biểu hiện nào của một người họ Knight cả trong rừng người yêu âm nhạc ấy. Bà Élisabeth xuống khỏi ban công, theo dõi khi con gái bà chạy như điên lúc ẩn lúc hiện. Bà muốn gọi đến chết đi được, muốn ôm con trong vòng tay mình, nhưng bà bị níu giữ lại bởi vấn đề ngớ ngẩn: người ta có thể nào bắt một đứa con phải nhìn một bà mẹ xấu xí không? Những người mặt áo choàng không có sự ngại ngùng ấy. Họ vây quanh Clara: thưa bà, xin bà đừng gây lộn xộn như vậy. Bà Élisabeth kêu lên, các người mặc áo choàng quay lại. Hai mẹ con có thì giờ ôm hôn nhau. Và họ đi khỏi trong hai chiếc xe riêng.

Khi Ann quay lại sau khi quấy đảo trời đất như một người đàn bà làm áp phe biết cách đảo lộn, chị quay lại ấp úng: Rạp hát quốc gia Hof und Nationaltheater đã đóng cửa.

- Ngày mai, mới bán vé, - người gác cổng trả lời khi chị đập vào một cửa sổ duy nhất còn sáng đèn.

Một lần, vào cuối tháng Chín, có một cú điện thoại gọi về Levallois.

- Gabriel, Ann đây, em chẳng có thể làm gì được.

IV

Ôi, một năm bất tiện, một năm khó chịu. Ồ! Biết nói sao đây về năm 39: một năm đẹp nhất đời tôi khi là một phụ nữ Ba Lan? Nhưng than ôi, sao lại không dám nói nếu đó là sự thật và nếu người ta là một bà Wladislawa thực sự yêu ông Louis, một người thật ngông cuồng mà cũng lại là sự thật? Ôi, năm 39 bánh ga tô minfoi, bánh kem lòng trắng trứng, một lớp vui sướng: sự thành công nghề nghiệp không gì so sánh được, một lớp tức tối: những cú nhảy của cá chép, những cú nhảy của ông Louis khi ông nghe tiếng sỏi lạo sạo ở lối đi, chính là Gabriel (như thể con trai là tất cả trong đời không bằng); một lớp vui sướng: một thắng lợi quốc tế mà không gì so sánh được của lễ tưởng niệm, một lớp lo âu: nước Ba Lan sẽ ra sao? Một lớp vui sướng: bức điện tín của Léon Blum: cảm ơn bà đã hiểu rất rõ Cách mạng 1789; một lớp sợ hãi: hiệp ước gọng kìm, nước Đức một bên và Liên Xô một bên, tất cả để đè bẹp đất nước tôi, giày xéo tuổi thơ tôi, giày xéo gia đình tôi, một lớp ngon tuyệt, tuyệt trần nhất, sự lén lút của những người theo Aragon? Cuối cùng, cuối cùng, theo ông Louis, chỗ đứng đã được tự do, chúng ta sẽ tỏ ra cho mọi người biết là tình yêu gương mẫu của chúng ta vô cùng có giá trị, cũng bằng tình yêu của những người theo Aragon, này ông Louis, ông hãy nhận lời mỉm cười với các nhà báo đi.

Vào thời kỳ ấy, ông Louis đã vắng mặt vì Triển lãm quốc tế 1937 đã qua rồi.

Wladislawa dụ ông.

- Ông không thấy đó thôi, bởi vậy ông là người Pháp, ông Louis, nhưng cái vĩ đại thật sự của nước Pháp là cuộc Cách mạng, là tự do, bình đẳng và bác ái đối với toàn thế giới, Cách mạng 1789 thật rạng rỡ. Chúng ta sắp kỷ niệm một trăm năm mươi năm. Ông hãy nhìn đi, nhìn đi.

Bà Wladislawa liên lạc với tất cả hành tinh ngay cả với Chi Lê và Trung Quốc.

Bà nhận được nhiều thư đến nỗi những người sưu tầm tem đánh nhau để dành ân huệ của bà. Trước hết là người đưa thư. Người ta thấy ông ta đi qua cầu, còng lưng dưới sức nặng của thư tín. Thưa bà, bà cho phép tôi nhé? Miệng hỏi vậy, nhưng tay ông ta đã lăm lăm cầm kéo rồi. Bà rất vất vả để ngăn không cho ông được cắt góc ở bên phải. Nhưng những người hàng xóm cũng xin bà qua hàng rào: tôi có một đứa cháu ho lao sưu tầm tem, hoặc, tôi có một người chồng thất nghiệp, hoặc, tôi có cuốn an bom mà tôi sẽ để lại cho trẻ mồ côi ở Auteuil sau khi tôi qua đời. Và ngay cả ông cha xứ Levallois là những người phải biết rõ những chiếc tem ấy ở đâu đến (những người bạn quốc tế của Cách mạng, những người dị giáo kính Chúa Vĩnh hằng, cho đến những kẻ bỉ ổi hoan hô máy chém), đúng thế, ngay ông cha xứ thường mỉm cười với bà cũng đề nghị tập hợp tất cả những của báu ấy: chúng tôi sẽ dùng làm giải nhất cho cuộc xổ số lấy hiện vật hàng năm, phải không, thưa bà, tôi sẽ thông báo việc này ở buổi giảng đạo, các đạo hữu của Levallois đã hơi chán đồ sứ Sèvres.

Nhưng bà Wladislawa bỏ tất ngoài tai.

Bà dùng hơi nước bóc phong bì, bà cố tránh cho những con tem và dấu không bị hỏng. Bà có ý định riêng của bà.

- Một ngày nào đó, chúng ta sẽ tạo dựng một bảo tàng riêng của chúng ta, bởi vì chính phủ xấu hổ về quá khứ của mình. Bảo tàng đó sẽ gọi là: “Cách mạng Pháp và Thế giới”. Chúng ta sẽ chỉ rõ tất cả những ảnh hưởng. Điều tốt nhất sẽ là người ta cho chúng ta mượn một phần của đài thiên văn Meudon. Họ thì có trời, còn chúng ta có quả đất. Ông thấy thế nào, ông Louis?

Ông Louis chỉ nghĩ đến mặt tốt.

- Tuyệt! Ngày mai chúng ta sẽ đến gặp ông giám đốc. Và để khai mạc bảo tàng, chúng ta sẽ cho treo một tấm bản đồ thế giới cỡ lớn và số thư đã nhận được từ nước nào, ta đính ngay vào vị trí của nước đó trên bản đồ. Ta phải chỉ cho những người Pháp hay quên đó, rằng Cách mạng 1789 tiếp tục sống ở khắp mọi nơi trên Thế giới.

Bà không nhầm. Từ các chân trời địa lý và chính trị, những người đã đến là những người muốn báo thù cho Marie – Antoinette người đã đề nghị giúp những đồ đệ của Saint – Just muốn tiếp tục trong sạch hóa. Một hội học giả của Rangoon muốn biết làm thế nào để tỏ lòng kính trọng đối với những người theo Hébert. Một câu lạc bộ Ôxtralia xin phép được dựng một bối cảnh về vụ ám sát Mrat (thưa ông, tôi rất hân hạnh cầu mong ông chỉ cho tôi người được hưởng những quyền...), những người ngưỡng mộ Californie ở Lepelletier của Saint – Fargeau đòi những chi tiết về cuộc ám sát Marat. Hàng chục những người phụ nữ giấu những tờ giấy bạc của nước họ (soles, roupies, iens, marks, dinars) trong bì thư: họ sẽ rất sung sướng khi nhận một bức ảnh của Charlotte Corday; ấy là chưa kể đến những quà tặng không ghi tên người tặng (“để tự do giành thắng lợi”, dấu thư của Kyoto, Nhật Bản), những di tặng quyền sở hữu (đất đai sở hữu của tôi thuộc về bà với điều kiện là bà cho xây ở đây một đài kỷ niệm cho bà công tước De Lamballe, Cordoba, Argentine). Tôi đã quên vô vàn những giấy mời đến các cuộc hội thảo. Người ta có thể nhảy từ cuộc này đến cuộc khác trong nhiều năm. São João del Rey (Brésil, nước Minas), 10 đến 15 tháng Sáu năm 1939: 1792 – 1889, các nước Cộng hòa ra đời thế nào? Thí dụ của nước Pháp và của Brésil, Bogota Colombie, 1 đến 4 tháng Bảy năm 1939: Bolivar và Robespierre, Mdras, Ấn Độ, 10 đến 13 tháng Bảy năm 1939: Đấng Tối Cao và thác sinh...

Bà Wladislawa, cũng nhận được những lời cảm ơn chính thức của Brésil: không có Cách mạng thì không có Napoléon, không có Napoléon thì không có sự xâm lăng của Pháp vào Portugal, không có xâm lăng thì không có sự chạy trốn của triều đình Portugal đến Rio, nếu không có sự hiện diện đó ở Rio thì không có sự độc lập của

Brésil năm 1822... Và người ta nói rằng những nước nhiệt đới là không hợp lý!

Sau vài tuần lễ khó nhọc như vậy, ông Louis đã hơi mệt trước những sự tể nhị về Thermidoriens và Girondins, ông quyết định là thâu lại. Ông chỉ cần một tờ giấy thông cáo nhỏ dán vào một bức tường của Bộ giáo dục quốc gia ở phố Bellechasse, nơi người ta công bố những kết quả thi thạc sĩ. Hàng chục giáo sư trả lời và không phải chỉ là của các môn sử, toán, tiếng Pháp, thể dục... Tin rằng Cách mạng chỉ sinh động hơn trong giảng dạy. Họ giúp Louis để trả lời cho tất cả các thư từ ấy bằng chữ viết rất cảm động, những nét đậm, nét thanh, đây là những chỗ tựa thật sự của nền giáo dục của chúng ta. Họ có thể mong muốn làm hơn thế. Nhưng chính phủ không muốn biết gì đến việc đó. Người ta nói với tôi rằng không phải là lúc khơi dậy cuộc nội chiến giữa người Pháp với nhau, bà Wladislawa than phiền, bà ngồi buông mình xuống một chiếc ghế bành, sau một ngày đi vận động. Người ta thích dốc cả tâm sức cho sự phòng thủ và... Valmy? Và Arcole? Như thế là nước Pháp không phải đến từ đây sao? Và tất cả mọi người trên thế giới đang chờ đợi chúng ta.

Chỉ có một sự biểu dương đáng kể với tên đó, chính là ngày 14 tháng Bảy, trên đồi Trocadéro. Bà Wladislawa đã mua một chiếc máy ảnh: như vậy chúng ta có thể gửi các bức ảnh tặng bạn bè ngoại quốc. Than ôi, đêm lại tối quá và những ánh đèn ba màu không đủ sáng... Bà ghì cánh tay ông Louis. Khung cảnh hùng vĩ. Các con gà trống Gaulois và những hình ảnh dân gian trang trí hai mảnh tường của lâu đài. Ở giữa, ba cột lớn nhô cao đỡ phù hiệu tam tài.

Chiếm cứ những cầu thang là hàng nghìn trẻ em các trường đứng gác. Phía dưới là hai trung đoàn kỵ binh Bắc Phi, những lính canh cửa Đế quốc, hình như vừa ra khỏi khung gỗ của bể nước. Thoạt nhiên, những tia nước lớn màu xanh, trắng, đỏ, phun lên, rồi trùn lên tiếng phun của nước là những âm nhạc ngoại bốc lên, do sáu

đội nhạc uba chơi, những đội này đến từ các điểm chính của các thuộc địa Algérie và Đông Dương...

Và tất cả các nơi đều có loa phóng thanh. Dù người ta cố thay đổi vị trí và góc độ phối cảnh thì bao giờ cũng thấy mình ở giữa các bài diễn văn nói về: quốc gia duy nhất, theo gương người xưa, Cộng hòa vạn tuế... Những tiếng to tát đó đến rất gần tai chúng ta, sau những lời nhẩn nhủ của Lebrun, Reynaud, nước Pháp phát biểu. Đó là những tiếng xa xôi được ghi âm. Một người dân ở Alsace, một công nhân kim khí, một công nhân tơ lụa thành phố Lyon, một nhà trồng nho ở Angers rồi một ông quan An Nam, một đạo sĩ Sénégal, một thân hào Tunisie... Với một chút thời gian cả nước sẽ được giới thiệu.

Bà Wladislawa rùng mình: ông thấy chưa, nếu chính phủ đã muốn thì là bài học cho tất cả mọi người.

Khi đến lượt chiếc tàu biển Normandie, một sự truyền tin trực tiếp, suýt nữa thì hỏng. Quần chúng và âm nhạc im lặng. Ai nấy đều ngồi cho chắc, như để chống lại sự tròn trành. Tiếng gọi của ông thuyền trưởng bị át đi, và bị cắt nhát ngừng như bị gió tạt ngang. Người ta tưởng tượng một trận bão bắt đầu, các cửa sổ sáng đèn của một cuộc khiêu vũ cho khách hạng nhất, và đêm tối ở chung quanh. Tinh thần ngày 14 tháng Bảy vạn tuế, ông ta nói, và nước Pháp vạn tuế...

Trường đua xe đạp mùa đông

Thưa luật sư kính mến

Kháng chiến? Hợp tác với địch? Tôi chắc chắn rằng ông tha thiết muốn biết thái độ của Orsenna trong Đại chiến thế giới thứ hai. Tôi sẽ không lẩn tránh đâu. Orsenna Gabriel trước kia có phải người thuộc phái De Gaulle không? Tôi đã trả lời trong năm thông tri tương ứng với các phương tiện giao thông mà tôi đã dùng để tới gặp đại tướng. Sau đó tôi sẽ nói với ông về thành phố Londres (Khu Swiss Cottage) và ông sẽ biết hết mọi chuyện.

Thân mến

G.O

T.B: Ông đã gặp khách hàng nào cẩn thận như tôi bao giờ chưa?

T.B: Nếu con trai tôi có hỏi ông về vấn đề trên, xin ông hãy trả lời thận trọng. Có hai thứ bí mật có thể làm trẻ em ngượng đỏ mặt: những thói quen của bố nó khi ở trên giường và thái độ của ông ta từ 1939 đến 1945.

1. Tàu du lịch trên sông

Đại tướng sinh ở Lille, người cao lớn, ham đọc các tác phẩm của Chateaubriand. Gabriel sinh ở Levallois người nhỏ bé, thích đọc nhà văn Stendhal. Không có gì hướng tôi về đảng của De Gaulle cả. Chỉ có một điều là giống như tất cả mọi nẻo đường đều dẫn đến thành Rome, tất cả các buồng của khách sạn đều liên lạc với Londres.

Để có thể hiểu rõ chuyện xảy ra sau này, ta cần biết chút ít mưu mẹo của khách sạn về các phòng cho thuê hàng ngày. Khi bạn đến gặp người quản lý khách sạn trong tình trạng chân nam đá chân chiêu thì đây là trường hợp hiếm, rất hiếm, (trừ những khách sạn đặc biệt) bạn sẽ nhận được một cách ngẫu nhiên, chìa khóa của các phòng số 13, 14 hay 28...

Trong đa số trường hợp, những người quản lý vẫn muốn tách riêng hạt lúa tốt và cỏ dại, những cặp bất chính với những khách hàng. Có những người chỉ thích tầng trệt, vì ở đó kín đáo, ít bị dòm ngó. Khi mới bước chân vào khách sạn, người ta đẩy bạn vào một buồng xếp giữa bếp và cầu thang: đây là buồng của ông, ông không muốn bị ai dòm ngó, phải không?

Căn phòng như vậy, bề ngoài có vẻ hợp lý, nhưng lại có điều bất lợi; đó là tiếng ồn. Cặp người tình bất chính luôn nghe thấy tiếng ồn ào của cả khách sạn đang hoạt động (tiếng rửa bát loảng xoảng, tiếng lách cách ở bàn điện thoại, tiếng mắng chửi trong bếp). Ngược lại, khách sạn lại nghe thấy tiếng rên và tiếng rống lên của cặp người tình bất chính.

Như vậy, nhiều người thích những phòng ở sát mái nhà, dù rằng phải chịu phiền phức vì sự đi lại ở cầu thang. Tiếng động thường lên cao và tòa nhà vẫn yên tĩnh trong những cơn cuồng nhiệt tồi tệ nhất.

- Ở trên kia, các anh sẽ như những sinh viên, - ông chủ tiệm Vega, phố Mont – Tabor nói. À! À! Các vị có hành lý không? Chắc

hắn là không. Và nếu bạn muốn biến phòng thuê này thành phòng ở thực thụ thì hãy báo cho tôi biết, báo cả bữa sáng nữa đấy.

Mới hai giờ sáng, như thường lệ, Ann và Gabriel nhớ lại những kỷ niệm ở Washington và Albany, bắt đầu hành sự trong thang máy. Nhưng ở đó không thể được, nơi đó chỉ là một cái lồng có lưới, ai cũng nhìn qua được, và có trời biết được là các nữ hầu phòng xứ Breton có mắt tinh tường nhường nào.

Một cặp trai gái đang chờ ở nhà dưới. Người đàn ông luôn tay nắn bóp đôi găng tay, bồng quay đầu lại, giống như con chim vùng đồng lầy, sẵn sàng giấu mình khi cảm thấy nguy hiểm. Có lẽ từ khi anh ta bắt đầu cuộc sống hai mặt hàng ngày anh ta vẫn tập vận động các đốt xương ở gáy. Cô bạn gái anh ta, một phụ nữ tóc hung đỏ, nhìn chúng tôi chăm chăm, hết người nọ đến người kia.

Ann có cái tật là khi bước vào phòng khách sạn là đi mở cửa sổ ngay. Vì sao vậy? Để cầu trời hay để nhạo báng thần linh? Dù là lí do gì, Gabriel đứng giữ một khoảng cách: chẳng là anh thường hay bị cảm do và sự hiện diện của lưng một người đàn bà hơi cúi gập về phía trước, do đó, mong có dáng vẻ ân cần, nhưng chỉ vậy thôi.

Lần này, khi vừa thò mặt ra ngoài cửa sổ, Ann liền gọi:

- Gabriel, anh Gabriel, Paris đang cháy!

Ann vẫy tay ra hiệu, và không hề quay lại, Gabriel tiến lại gần, chậm chạp đi từng bước, mạch đập tới 140 và hai bàn tay lạnh ngắt (khoảng không vẫn làm anh hoảng sợ).

- Hãy nhìn kia!

Quả vậy. Ở đằng kia, một đám khói dày đặc đang bốc lên từ những mái nhà ở phố Rivoli, ở phía hàng cây phố Tuileries, ở phía bên kia sông Seine. Có lửa đốt trong hầu hết các lò sưởi. Một hiện tượng thật bất lịch sự vào giữa tháng Sáu này. Ann không biết nhiều

về Paris, Ann chỉ tay về phía các đám cháy lớn: chỗ kia là đâu? Có lẽ là Bộ Nội vụ. Còn ở xa hơn nữa về phía sông Seine? Viện dân biểu. Còn ở phía Tây? Để xem, đó là Quai d'Orsay.

- Đi thôi.

Gabriel cảm thấy có cái gì mềm mại và mát lạnh giữa các ngón tay: khi xuống thang gác mình phải thắt lại cravat.

- Có gì không ổn đấy? – Ông chủ khách sạn hỏi, (ông ta nhìn chúng tôi soi mói). – Trong phòng có gì không ổn à?

- Không có gì đâu, ổn cả, chúng tôi sẽ quay lại.

Gabriel ném cho ông ta chìa khóa và số tiền đãi thứ hai. Rồi chúng tôi chạy qua sông Seine.

Một đám đông vây quanh tòa thị chính, ở phố Grenelle. Họ đã tràn vào sân khấu, kêu gào, đòi hỏi tin tức mới, yêu cầu gặp nhà chức trách cho tới khi một bóng người xuất hiện ở tầng lầu thứ nhất, người đó còn mặc áo lót.

- Các phòng chỉ mở cửa lúc ba giờ, - bóng người nói.

Có tiếng chửi rủa. Bóng người đóng vội cửa sổ lại.

- Nước Pháp thế đấy!

- Theo ý ông thì phải phá những gì?

- Tôi có thể giữ lại huân chương chiến thắng của chồng tôi không?

- Theo ý ông thì tôi có nên giữ lại bộ sách của Romain Roland không?

- Tôi thì lại muốn vứt hết cả sách của tôi đi và phải xé tất cả những chỗ ghi tặng, chẳng ai thấy, chẳng ai biết.

- Chúng ta sẽ tới đâu trước?

- Ông nghĩ rằng chúng sẽ kiểm soát nhà chúng ta xem có gì có thể chống lại nước Đức hay sao?

Ồn ào như ong vỡ tổ, chỉ có các câu hỏi và chẳng ai trả lời.

Đến ba giờ 01, một người phụ tá xuất hiện ở đầu cầu thang, ông ta mang băng lụa màu như trong một hôn lễ.

- Thưa quý bà và quý ông. Thưa...

Chẳng ai nghe ông ta cả. Đám đông la hét hơn lúc nào hết, nhất là phụ nữ, những vị danh giá nhất lại la hét to nhất.

- Tìm mua xăng ở đâu nhỉ?

- Ông ta đã chuẩn bị xe buýt chưa?

- Trên sông Loa, cầu vẫn còn chứ?

Vị quan chức đeo băng tam tài lấp bắp:

- Tôi xin các vị, tôi xin các vị... Gabriel và Ann dùng khuỷu tay chen dũ đội mới thoát ra được khỏi địa ngục ấy.

Quận VII đang sơ tán.

Phố Bourgogne dày đặc xe cộ. Các xe đang chở khách, cửa sổ mở rộng. Người ta chất đầy lên xe nào là va li, bàn ghế, xe đạp thiếu nhi.

Một ông chủ hiệu tạp hóa béo tròn, tóc bù xù, mặc chiếc áo choàng xanh lơ không cài khuy, lần lượt đập vỡ trên hè phố những chai rượu vang xứ Alsace.

- Đồ chuột, đồ chuột. Người Pháp là đồ chuột, - một ông già khô gầy, dáng người hiệp sĩ lập bập.

- Thế chồng bà đâu? (Các bà ôm hôn nhau.) Ông ấy vẫn chưa tới à? Tốt hơn là ta chờ ông ấy.

- Bà chắc chắn như vậy à? Tôi đã yêu cầu bà dành một chỗ cho tôi và Hélène bé nhỏ của tôi.

- Xin bà hãy tin tôi, trong những trường hợp như thế này, không nên đặt kế hoạch gì mà không có chồng tham gia.

Đệm trải giường, cơ man là đệm trải giường được đưa ra khỏi nhà. Chúng được đặt lên nóc xe. Phố Bourgogne chỉ còn là một chiếc giường khổng lồ.

Ann kể:

“Khi đó Gabriel gần như phát điên -

“Anh ấy sẽ không bao giờ thú nhận điều đó, vì đó là một bí mật mà anh giữ kín ở nơi sâu thẳm nhất trong cơ thể bé nhỏ của anh. Nhưng luật sư lại cần biết những bí mật đó để lập những trường hợp giảm đáng, có phải thế không, thưa luật sư? Vì thế tôi đã viết cho ông. Tôi là Ann và tôi ở bên cạnh Gabriel khi anh ta gần như phát điên.”

“Khi nhìn thấy các nhà trống rỗng dần, những ông già tàn tật ngồi trên các ghế bành bằng mây đan, những cái đầy chứa đầy đồ bằng bạc, những phụ nữ tay nắm chặt tập thư buộc dải lụa hồng, những

đưa trẻ đòi bể cá vàng, những đồ vật gãy vỡ vì chen chúc, những chiếc sọt mây chứa đầy thuốc men, ống nhỏ rọt, những quả bơm cao su để rửa ruột, tất cả những vật linh tinh chứa ở đáy các ngăn kéo, bỗng nhiên bị vứt ra ngoài trời, không ai bảo vệ... Cảnh tượng ấy làm anh ấy rớt ruột lên.”

“Thoạt đầu, anh đứng nhìn, bất động, bàng hoàng.”

“Rồi anh ấy bắt đầu chạy ngược chạy xuôi, hỏi những người đang chạy trốn: anh có nhìn thấy bà ấy không? Rồi anh xô đẩy những người gác cổng, lao vào các cầu thang, vào hết nhà người này, người nọ, khi đó mọi nhà đều mở cửa. Anh lùng sục mọi nơi, thở hồng hộc: tôi chắc là mẹ tôi đã ở đây, tôi tin chắc như vậy, hôm nay tất cả đều rời khỏi nhà, vậy thì mẹ tôi cũng vậy, cũng vậy... “Tôi chạy theo sau anh ấy, tôi đã phải rất vất vả để trấn an anh. Anh ấy không nghe tôi nói và cũng không nhận ra tôi nữa.”

“- Nhưng cô là ai? – Anh hỏi. – Hãy để mặc tôi.”

“Cho đến khi ấy, tôi ít khi nói với anh, vì thế anh không nhận ra giọng nói của tôi, ông hiểu không?”

“Anh ấy chỉ trấn tĩnh lại khi dần dần, có lẽ sau ba, bốn giờ tìm kiếm. Tôi kéo anh đi về phía sông Seine: đề nghị anh kể hết mọi chuyện cho tôi, như vậy anh sẽ đỡ buồn bực, anh bắt đầu kể về những kỷ niệm rất rồi ren, một ca sinh nở, những sơ y tá đội mũ chóp trắng, một phụ nữ ra đi. Ta có thể coi như anh đã dốc ruột và cuộc đời của anh đã chảy ộc ra, một sự băng huyết của đời anh. Cô hãy thử ở địa vị tôi xem – có thể cầu cứu ai được trong trường hợp gay go đó? May thay, bỗng nhiên anh ngừng hẳn lại và nói:

- Ta hãy đến Bộ Ngoại giao đi!

Và tôi đã thấy lại một Gabriel béo tròn như tôi đã quen biết như het ngày trước, không còn ấu thơ và cũng chẳng có bí mật gì.”

Ở Quai d'Orsay, các viên chức đứng thành hàng dài. Một dãy liên tục những hòm hồ sơ đang được chuyển xuống các bậc thang tiền sảnh. Cũng giống như năm 19..., sau khi ký hiệp ước Versailles. Người ta có thể đọc thấy trên các nhãn Balkans, Dantzig, Sudète, Éthiopie. Những chiếc xe Citroen 11 mã lực chờ sẵn ở chân cầu thang.

- Đáng lẽ đoàn xe đã phải khởi hành rồi, - một thanh niên giậm chân nói, mặt anh ta tái mét, ngón tay chỉ trên mặt đồng hồ.

- Đi mà, sẽ đi mà, - một cô thư ký nhắc lại. – Nếu ông bộ trưởng cần đến cả trái đất này thì cũng không phải lỗi ở chúng ta.

- Khí đến Bordeaux, chớ có quên đấy, tất cả hồ sơ đều phải chuyển vào văn phòng của ông thị trưởng, xếp theo thứ tự a, b, c...

- Các anh hãy tổng cổ họ ra ngoài. Chiến tranh là một công tác ngoại giao, có đúng không?

Thật là một cảnh tượng lộn xộn mà chúng tôi đã chứng kiến.

Tất cả mọi văn phòng đều mở cửa, hàng đồng giấy tờ vút ở gần cửa ra vào, giống như những chiếc giày buổi tối ở những khách sạn lớn và có nhiều vị sang trọng đang chờ.

- Chiếc xe ba gác đã đến chưa?

- Vấn đề không phải là chiếc xe, thưa ngài cố vấn, mà là chỗ để đốt giấy tờ: chỉ những văn phòng ở góc nhà mới có lò sưởi... Tôi sẽ quay lại.

Rồi chúng tôi tới Bộ Chính trị, xem lướt qua. Một nhóm thanh niên, với những bộ comple bằng len mềm và đường ngôi chải thẳng tắp, đang quì gối chiến đấu với những que còi lửa.

- May mà không có gió, - ông giám đốc lẩm bẩm, ông đang đứng lùi về phía sau, khuỷu tay tựa lên tủ sách. – Anh không thể đoán được chiếc tủ đã bị đẩy lùi như thế nào đâu.

Trong phòng tiếp tân, một dãy dài các hộp hồ sơ kế tiếp nhau: Antilles, Dardanelles, Annam, Cận Đông... Ngoài trời không khí nặng nề, một buổi trưa trắng bạch. Nhiều dân Paris đi thơ thẩn như chúng tôi ở những nơi có công sở cao cấp: Palais – Bourbon, Quai d'Orsay, điện Matignon. Trong cơn hoạn nạn, người ta hỏi nhau về cái gì có thể đứng vững được, cái gì ta có thể bầu víu được. Những công sở cao cấp đều đang cháy từ bên trong, ở phía trên đều có những đám khói dày đặc, có lúc trắng như tuyết, có lúc đen ngòm.

- Còn những bức ảnh của Clara, ở biệt khu Do Thái ấy mà, anh biết không?

- Trong két sắt của tôi, ở văn phòng.

- Khẩn trương lên!

Công ty của Ann có trụ sở ở Champs – Élysées.

- Ô thưa bà! Hội sở của bà đã dọn đi rồi, - một nữ thư ký có vẻ mặt khắc khổ đáp lời.

- Không hề gì, bà Geneviève, bà có thể đi theo mà.

Do một sự trùng hợp kỳ lạ, những người đóng giày của *shtetl* được xếp cẩn thận vào hộp giày dép, cùng với các bạn họ, những học sinh của *Yeshiva*, những người bán hàng của *beigels*, khách qua đường nơi xưởng kẹo bọc giấy.

- Phải cất hồ sơ này vào nơi chắc chắn.

- Phải đấy, sao cho họ có thể tìm lại được khi quay về.

- Tôi có ý kiến này: ta hãy quay lại phía sông Seine.

Hai viên cảnh sát tới gần họ: các người cho xem giấy tờ... thật may, các người đều là người Pháp.

- Theo ông đã đến lúc rồi à?

Lúc nào nhỉ? Chúng tôi nắm tay nhau, giữa chúng tôi là hộp đựng giấy, Ann, con người thường xuyên chạy, bây giờ đã ngừng chạy, Ann đi theo bước đi của tôi, có lẽ còn chậm hơn. Ann quay nhìn tứ phía. Cô đang tìm chân trời để đi tiếp. Nhưng không còn chân trời nữa. Cô mặc bộ đồ bằng vải lanh màu xanh hồ thủy. Hai má cô ửng hồng, như một cô bé. Cô luôn dùng lưng bàn tay xoa trán và thái dương. Nhiều người đàn ông quay lại nhìn cô. Từ khi gặp Clara năm 1913, Gabriel chưa hề đi cạnh một phụ nữ, đi dạo hay đi thăm hỏi người quen. Paris phảng phất một không khí của hậu trường, các phong cảnh thay đổi liên tục, mùi bụi, tiếng rít của các ổ trục thiếu dầu mỡ.

- Cô có thích đi dạo một chút không?

Chúng tôi đã tới chân tháp Eiffel. Trước bến đợi các tàu du lịch bên sông. Một người trông như một sĩ quan hải quân, nhấc mũ cát kết lên.

- Các người có biết không, từ khi bắt đầu cuộc tấn công, chẳng còn ai nữa, nhưng thỉnh thoảng tôi vẫn nhổ neo, để khởi rít máy.

Chúng tôi đi xuôi dòng. Ở phía bên kia đường xe điện trên không, không thấy khói bốc lên từ các tòa nhà nữa. Quận XV không có hồ sơ phải đốt.

- Thật khôi hài, các đội quân xâm lược chỉ nghĩ đến việc rượt đuổi xuôi dòng. Hãy nhìn sông Marne xem.

Thuyền trưởng đã nói đúng. Sông Seine vắng lặng, không có một đội tuần tra nào, những tàu chữa cháy vẫn đứng đợi dọc theo cảng Javel, mặc dù vẫn có nhiều đám cháy.

- Ta sẽ vòng lại ở phía trước âu thuyền Suresnes. Bạn có muốn chạy trốn không? Bạn nên nhớ rằng từ đầu tháng Sáu, tôi đã từ chối mọi đề nghị chạy trốn. Có người đã nói với tôi về châu Mỹ. Làm như là tôi sinh ra cho biển cả!

Gabriel đã từ chối đề nghị của ông ta.

- Chúng tôi ư? Chúng tôi ở lại. Ông có thể cho đi nhờ tới Levallois không? Tôi muốn ôm hôn bà tôi.

-Ồ. Anh bạn vẫn còn bà ư?

Ngôi nhà trống vắng. Gabriel đã giấu những bức ảnh trong tủ sách, một tủ sách mới chưa ai biết, hoàn toàn của nước Italia mới. Người ta sẽ không bao giờ lại đi tìm hộp đựng giày ở đằng sau những tác phẩm của Mussolini. Khi quay về, Gabriel đã tạt qua Longchamp. Ta có thể nhận ra mái cái khán đài của công viên Saint - Cloud với nhiều tầng sỏi đá. Nếu đi với cô gái khác thì Gabriel đã nói về thời thơ ấu của anh. Nhưng với Ann, anh không dám. So sánh Levallois với Đông Âu làm sao được.

- Nếu họ động viên ba đợt nữa thì tôi trúng tuyển. Tôi sẽ vào bộ binh đấy!

Thuyền trưởng của chúng tôi còn nói một thôi dài nữa về việc chính quyền không biết phát hiện ra những người có khả năng.

Chiến tranh đã làm hai bờ sông trở nên hoang vắng. Bên phải, bên trái không có một bóng người.

Gabriel nghe thấy một giọng nói yếu ớt: chúng ta không về được ư? Ann đã mệt mỏi. Sắc mặt cô đã đổi màu từ trắng sang vàng.

- Tôi biết việc gì đã xảy ra rồi, ông hãy đưa bà ấy ngồi xuống ở chiếc ghế dưới kia, còn tôi thì không thể rời bánh lái vì sắp tới đảo Thiên Nga. Trong ngăn tủ bên phải, ông tìm sẽ thấy đường và còn bạc hà. Ca bin nong nặc mùi than, dầu và dây thừng ẩm ướt. Tôi đã ngửi thấy đúng mùi này trong chuyến vượt biển Manche vào tháng Chạp năm 1990.

- Anh có tin rằng sẽ tìm thấy bà ấy không? – Ann thì thầm với tôi, giọng bàng bạc yếu ớt, giọng nói của ai đó đi tìm em gái ở xa.

Ann bám chặt vào tay tôi. Tôi có cảm giác là đã làm cô yên tâm, cô đang đánh đu trong chân không, như người ta thường nói khi leo núi. Ngày hôm đó, nếu Gabriel buông tay ra thì tất cả gia đình Knight đã tan biến.

- Bà ấy đã đỡ chưa? Đừng tiết kiệm còn bạc hà làm gì! - Thuyền trưởng hét to.

Khi chúng tôi lên bờ, trời đã tối. Tôi tự hỏi không biết mất bao nhiêu thời gian chúng tôi mới vòng qua được đảo Thiên Nga.

- Hiện tượng ấy thường xảy ra, trong các chuyến đi, - thuyền trưởng nói. –Trong trường hợp như vậy, tôi không muốn vào bờ ngay, tốt hơn là chửa chạy trên mặt nước. Say sóng ở trên bờ lại còn tồi tệ hơn.

2. Để giày

Gabriel sẽ không nói đến những người Đức, ai cũng biết là chúng đã chiếm được Paris, vô số sách đã kể lại thời gian chúng chiếm đóng thành phố. Còn nhiều quyển sách sẽ kể tiếp. Đề tài này xem ra

hấp dẫn. Gabriel chỉ muốn nói đến nghề nghiệp của mình, giải thích vai trò của cao su trong một thành phố bị chiếm đóng. Dù rằng nó không được vẽ vang. Các bạn cần phải biết mọi khía cạnh lớn cũng như nhỏ, kể cả những điều tồi tệ của cái nguyên liệu đã đem lại biết bao lợi ích cho thế kỷ XX.

Ta hãy bắt đầu từ cái vô thường vô phạt, có thể là bác ái nữa.

Ông Louis từ bỏ mọi ý nghĩ về hưu.

- Ồ! Nếu bố có thể tìm được một nghề gì. – ông nhắc lại với con trai khi họ cùng ăn trưa. (Bữa ăn trưa, quả là một từ rất lớn đối với ai đã từng biết khẩu phần của một người trong năm 1941. Vì ngày hôm đó, giữa bố con ông có một cái bàn trải khăn bàn kẻ ô vuông, trên có hai chiếc cốc, hai đĩa, nhưng bộ đồ ăn, vì thế chúng ta chấp nhận từ “ăn trưa”).)

Như vậy, ông Louis nhai một mẫu thịt rắn như đinh. Từ đó nảy ra sự hình thành của một ý kiến thiên tài: thịt ® để giày ® Gabriel ® người chế tạo lốp xe ® để giày làm bằng lốp xe.

Gabriel dập tắt ngay những lời phản kháng ở trong đầu anh (người chẳng biết gì về nghề đóng giày cả, bà Wladislawa sẽ nói gì về người?) Và anh vỗ tay hoan hỉ:

- Hoan hô những đôi giày bằng gỗ, họ chẳng hợp ý nhau.

Làm một bất cứ gì còn hơn là một ông bố thất nghiệp.

Ông Louis thu xếp mọi việc đã thành công.

Bây giờ người ta đến mua giày ở hiệu sách, chẳng ai bực mình cả. Thời đó, cửa hàng bán hai thứ hàng là thường. Giới phụ nữ thượng lưu lấy làm thích thú.

- Bạn đã cất những đôi guốc tiền chiến ở đâu vậy?

Sau khi cắt, dán, nhuộm, sấy khô, người ta đã làm được hàng giả da. Chỉ có mỗi một khiếm khuyết có thể chê được: ảnh hưởng của tĩnh điện. Cao su là chất cách điện. Khi trời khô lạnh, các bà bị điện giật. Ông Louis đã trấn an họ:

- Đó là do chiến tranh. Bom đã phá hủy không khí. Các bà hãy chờ ngày hòa bình và lúc đó các bà hãy cho tôi biết tin nhé!

Thay đổi khách hàng, thay thế các công chức Bộ thuộc địa bằng những phụ nữ thường là trẻ và sẵn sàng mua giày, điều đó làm ông vui vẻ. Chưa bao giờ tôi thấy ông huyết sáo nhiều như trong những năm u tối ấy: nào là Trenet, Sablon, Chevalier (một nhà buôn cần phải vui vẻ, Gabriel ạ, đó là phép lịch sự tối thiểu)

Cộp, cộp, người ta nghe thấy họ đã tới với những đế giày bằng gỗ sến hay gỗ trần bì, tiếng guốc lộp cộp nghe như một cuộc nổi dậy của nông dân. Không, đó chỉ là một bà khách hàng:

- Xin mời bà cứ tự nhiên cho!

Một vài bà khách còn làm duyên làm dáng: sau khi đi dạo, tôi không còn ra hồn gì nữa, có lẽ bị sưng phòng.

- Ô, thưa bà, thưa bà...

Bà Wladislawa đã theo dõi ông rất sát sao mà không xong, tôi chắc chắn là không bao giờ ông chỉ dừng tay đến mắt cá chân. Tôi bắt chợt nghe được những tiếng rúc rích trong một số ngày và câu hỏi này là một bằng chứng: ông là người như thế nào, hờ ông thợ giày với những bàn tay mơn man đến thế?

Tôi cố đoán ra lý do gì khiến bà Wladislawa đi mất hút vài tuần sau đó. Chắc hẳn bà đã bắt gặp ông Louis đang say đắm với công việc của người thợ giày và bà đã không chịu đựng nổi ông. Liệu

những người Aragon có phải là thợ giày không, ông Louis, họ có phá vỡ mất tình yêu của họ như vậy không?

Tôi tưởng như nghe thấy những lời nói cuối cùng của bà, bà nói tiếng Pháp rất chuẩn như môi người phiên dịch tốt, những lời tan vỡ bắn tứ tung mỗi khi bà buồn bực, ông Louis, ông không xứng đáng với bất kỳ tình yêu nào, ông chỉ là một con người đơn độc, ông Louis, tôi đã biết quá muộn, tôi phải chịu trách nhiệm về cuộc đời bỏ đi của một người Ba Lan như tôi...

Bà không phải là hạng người bỏ đi thảm lặng.

Nhưng ông Louis đã không trả lời câu hỏi mà tôi định hỏi.

3. Những chiếc xe đạp

Từ năm 40, xe đạp đã lộ rõ bản chất xâm lược. Khi xe hơi nằm bất động vì thiếu xăng thì xe đạp tràn ngập thành phố. Xe đạp xuôi ngược phố lớn, phố nhỏ. Đại lộ, chất đông trước cửa ra vào, bịt kín các cửa hành lang, lên đến tận các phòng ở tầng lầu (vì người ta sợ mất trộm). Xe đạp là đầu đề của các câu chuyện (bạn thử đoán xem hôm nọ tôi bị nổ lốp ở đâu?), xe đạp xen lẫn cả vào giấc mơ (tôi mong ước kiếm được một cái tăng xích). Xe đạp làm người ta đau lưng. Nhắc nhở cho dân Paris chỉ là một dãy đồi, Montparnasse chỉ là một ngọn núi. Đại lộ Junot chỉ là một đoạn dốc đứng đáng ghét. Xe đạp làm phát sinh nhiều loại nước hoa, đi xe đạp người ta đổ mồ hôi mà, làm các phòng đợi sặc mùi phòng gửi áo ngoài. Yên xe làm nóng bộ phận sinh dục của phụ nữ, và chạm mạnh vào bộ phận đó của nam giới. Xe đạp khiến cho mọi người thích làm việc lật vật, làm cho ta hiểu được đặc tính kỳ quặc của những miếng cao su Rustines, chúng có tính chất gặm mòn dần săm và chúng muốn cuối cùng chỉ còn những miếng Rustines đủ lớn để giữ không khí trong săm. Rồi thì tiếng rào rào như ong vỡ tổ khi một nhóm người cùng đạp theo nhịp. Trên hè phố. Những người thích xe đạp nhắm mắt nghĩ đến những cuộc đua Sáu Ngày, Vòng quanh nước Pháp...

Vốn là một công cụ để đi chơi, xe đạp rất thích hợp với thời chiến, với kinh tế thời chiến, sự im lặng của thời chiến (sau những vụ nổ), với tất cả mọi thứ mà chiến tranh tạo ra, hệ thống D, điều kiện thể lực... Chính trong thời kỳ này Gabriel đã hiểu được liên minh giữa chiến tranh và xe đạp. Sau này, anh không hề ngạc nhiên về vai trò của xe hai bánh ở Điện Biên Phủ. Ông Giáp cũng sẽ công nhận điều đó.

Gabriel sẽ nói lại về chiến tranh Đông Dương, thừa luật sư, ông chớ ngại, anh sẽ nói lại, còn bây giờ, anh ta muốn nói cho ông biết ý nghĩ của anh: phải, xe đạp là những vật đáng lo ngại.

4. Xe buýt

Bây giờ ta có thể rằng Gabriel không bao giờ nên công nhận vụ đó. Tuy nhiên, Gabriel cũng đồng ý như vậy. Với một giọng mà tuổi già chưa hoàn toàn biến thành khăn đặc, anh kiên quyết nhắc lại: không bao giờ.

Người ta thường nói, bệnh ung thư không tránh cho người ta khỏi bị cảm cúm, tương tự như vậy, chiến tranh không thể ngăn cản người ta đi tìm việc làm. Ai cũng phải sống, phải trả tiền nhà (dù rằng ngôi nhà đêm nào cũng bị ném bom), trả tiền điện (dù thời gian mất điện nhiều hơn lúc có điện). Và khi người ta mượn anh yêu cầu đi giúp đỡ một khách hàng lớn trong vài tuần, anh không nhận sao được? Còn Gabriel thì đưa ra những trường hợp để giảm nhẹ tội: cho đến tháng Sáu năm 1942, Hãng vận tải dân lập Paris (RATP) vẫn là một hãng yên bình nhất, có ích nhất, nhân đạo nhất, chỉ làm dịch vụ giúp dân Paris đến nơi làm việc hay đến nơi hẹn hò được thuận tiện. Ta cũng không nên quên rằng có một số người khá đông không được phép đi xe đạp: người béo bệu, đau tim, vụng về, rút cục, Gabriel sẽ tâm sự với bạn: anh lấy làm hãnh diện đã là thành viên của Hãng dân lập này. Sau những điên rồ của tuổi trẻ về đua ô tô, anh đã một việc làm cần thiết.

Anh cũng sẽ nói điều tâm sự thứ hai: cho đến buổi sáng đáng xấu hổ đó, anh đã quan hệ tốt với ông tổng giám đốc. Nếu không phải là tình bạn thì ít nhất cũng là có cảm tình.

Ông L. là một cựu sĩ quan hải quân. Hơn nữa, ở thời kỳ ấy, Gabriel thấy rõ ràng khá nhiều thủy thủ giữ chức vụ quan trọng. Hoàn cảnh đó có vẻ như bất lịch sự khi ta nhớ đến lời của thống chế Petain: đất không bao giờ nói dối. Nhưng như vậy, ta sẽ quên mất phong tục và tính kỷ luật, nghĩa là óc bảo thủ của những người làm nghề đi biển.

Ông L. còn giữ những thói quen của nghề cũ, ông gọi đoàn xe buýt là hạm đội, cho sơn lại xe luôn, mỗi khi xe phải nằm lại trong kho (bến cảng), quá một ngày, hiện tượng này ngày càng hay xảy ra vì thiếu xăng. Ông L. vẫn ưa màu trắng, nhưng thời chiến lại buộc phải sơn màu tối là xanh sẫm, màu ghi chứ không thể là màu xanh tươi mát.

Mặc kệ, ông ta thích nhắc lại rằng: dù ở hải cảng, hạm đội vẫn phải tuyệt hảo. Điều đó làm cho thợ sơn hăng hái làm việc trong các nhà chứa xe.

Ông cho chúng tôi biết là ông mơ ước có một buổi lễ long trọng ở khán đài Invalides trước đoàn xe buýt, đội ngũ chỉnh tề, cờ xí đàng hoàng.

Gabriel không chịu trách nhiệm. Không chịu trách nhiệm.

Một hôm, vào tháng Bảy, người ra đề nghị anh kiểm tra loại lốp của các xe buýt. Tất cả các lốp xe. Tất cả!

Như vậy là anh đã kiểm tra và trình lên một bản báo cáo không tốt đẹp gì, mà bây giờ người ta vẫn còn giữ được ở Phòng lưu trữ của hãng, một bản tổng kết tai hại: chỗ nào chất nhựa cũng bong ra.

Ngày hôm sau, cũng một ngày thứ bảy, người ta đề nghị anh sửa nhanh và tốt hơn. Thời tiết chiến tranh mà, anh Orenna, anh hãy tìm mọi cách xoay xở. Hạm đội sẽ phải sẵn sàng đúng trước nửa đêm. Anh bắt tay vào việc. Với đầy đủ lương tâm. Anh quan tâm nhiều đến an toàn của hành khách! Anh vứt bỏ những bánh xe sắp hỏng. Anh sửa lại những bánh xe chấp nhận được. Muốn vậy, cần thiết phải biết chính xác đường đi của dự kiến. Người ta trả lời anh: bí mật. Anh gắng hỏi và giải thích: nếu rẽ bên phải nhiều, tôi sẽ đặt những lớp tốt hơn về bên trái thừa ông tổng giám đốc. Sau cùng, người ta đưa cho anh một mảnh giấy. Và kẻ ngốc, anh chàng Gabriel ngốc nghếch, đã từng biết rõ Paris, có tìm hiểu. Ngoài phố Rosiers, phố Temple, phố Écouffes, phố Tre1sor, (xe buýt làm sao đi được trong cái bát quái này, thừa ông tổng giám đốc?), ngoài khu Marais, các địa chỉ anh đọc thấy rất phân tán: 5 phố Villersexel (tầng ba), 78 phố Miromesnil (tầng bốn), 19 phố Alesia (mặt thứ hai). Một cung đường lập nên một cách ngẫu nhiên, chẳng giúp được gì cho người sửa chữa lớp xe hoàn thành nhiệm vụ.

- Vậy thì chỉ còn một giải pháp, - anh chàng Gabriel ngốc nghếch như thạo nghề, bèn phát biểu, -tôi sẽ đấu những lớp còn dùng được theo đường chéo góc. Bánh trái sau, bánh phải trước, sau – phải, trước - trái. Nhưng tôi lấy làm hổ thẹn vì tôi không đảm bảo gì hết.

Anh đã ra lệnh. Người ta bật đèn lên, đem đến tất cả những kích còn sử dụng được. Và vào đầu tháng Bảy, xác xe buýt được nâng lên nhẹ nhàng, rồi nghiêng sang một phía giống như chúng bị các làn sóng rất chậm nâng lên.

- Có thể nói rằng chúng đã thả neo, đúng không? - Viên thủy thủ già thì thầm, vẻ cảm động.

Gabriel nhớ lại lúc đó, anh ngửi thấy mùi nước mưa trên đất ẩm, mùi mốc bốc ra từ các phòng qua các cửa sổ mở toang, mùi hoa dẻ rụng trên hè phố, mùi của màu hè ở thành phố, mùi của tháng Bảy.

Như vậy, chúng tôi đứng nhìn hạm đội, trong giây lát, rồi ông tổng giám đốc bỗng nói: “Lạy Chúa tôi, còn những kho khác nữa?”. Chúng tôi lên chiếc xe Delahaye dùng đi công vụ và bon về Vaugirard. Cứ cách ba phút lại có một lính tuần tra giữ chúng tôi lại, chiếu đèn vào mặt chúng tôi, nòng súng như đe dọa, họ giật lấy giấy tờ, cổ đọc, rồi nhìn chúng tôi chằm chằm:

- Đi đi!

Và như vậy, đêm hôm đó, tất cả buýt trong thành phố đều chuyển động lắc lư như con tàu trên sóng, sau - trái, trước - phải, trước - trái, Đông - Bắc, Đông - Nam, Tây - Nam, Đông - Bắc. Phải tính toán nhiều mới tìm thấy hướng gió.

- Anh có tin rằng mọi việc sẽ ổn không? - Ông tổng giám đốc hỏi.

- Còn nhờ Trời phù hộ. Cái tôi tệ nhất là những cơn mưa bóng mây. Những lớp đã mòn không chịu đựng nổi.

- Chắc chắn là như vậy. Tốt hơn là nên chờ một thời tiết ổn định hơn, nhưng làm sao được, cả tôi và anh đều không có quyền quyết định, chúng ta làm việc của ta, có thể thôi.

Ông đã đưa tôi về nhà, những đêm mà tính lười nhác đã khiến tôi quay về Levallois hoặc là khi tôi muốn làm cho ông Louis tin rằng tôi đang muốn giải quyết sinh lý: buồng nhỏ, số 50 phố Sèrves.

Tôi rất thích làm việc với một kỹ sư nghiêm túc như anh: Chúng ta cùng một loại người, anh và tôi, sự tinh thông nghề nghiệp làm mọi người im lặng đó, phải không, anh Orsenna.

- Ông không đi ngủ à?

- Không, tôi phải ra lệnh khởi hành và tôi phải sẵn sàng. Bao giờ cũng có những sự cố bất ngờ. Còn anh, chúc anh ngủ ngon giấc, anh có quyền ngủ ít nhất là cho đến sáng.

Tôi cảm ơn ông ta, ông chìa tay cho tôi bắt. Tôi tiếc rằng hôm nay đã không có găng tay. Chiếc xe Delahaye đi về phía Grenelle. Tôi hình như thấy đèn xanh ở bên trái và đèn đỏ ở bên phải xe. Dù hoàn cảnh thế nào, tôi bao giờ cũng có khả năng hoàn thành công việc hàng ngày với những hình ảnh đẹp, điều đó giúp ta ngủ ngon.

Gabriel thức dậy muộn. Từ ít lâu nay, cảm giác cô độc làm anh ngủ được (một vũ trụ không có người thường yên tĩnh). Anh bèn tự hỏi xem những sự chuẩn bị ngày hôm rước có ý nghĩa gì? Chiến tranh lại bắt đầu chẳng? Cảnh tượng ngoài phố làm anh vững dạ. Phụ nữ mặc váy in hoa và dáng đi của họ uyển chuyển trong những ngày nóng bức. Ta chỉ tìm được chút ít mát mẻ dưới bóng cây dẻ. Tóm lại, đó là mùa hè.

Đến nhà xe, người ta phun nước rửa xe. Rửa cả trong và ngoài. Nhiều vũng nước lớn loang cả sân. Một người gốc Senegal đào rãnh thoát nước

- Đủ rồi, đủ rồi, - người phụ trách hét lên.

Nhưng nhân viên không muốn nghe, rửa trong rửa ngoài. Người ta nghe thấy tiếng nước chảy, tiếng bàn chải ken két.

- Đủ rồi, đủ rồi, dồn các xe lại!

Họ tiếp tục lau, cật lực sàn xe và các cửa kính. Người ta thấy rõ có nhiều vết trên kính, những vết ngón tay khá dài, hình như có ai đã bị ngã. Có cả những vết tròn, một thứ hơi nước dai dẳng khi người ta áp mũi khá mạnh vào kính. Khi đến giờ khởi hành, giờ mà anh phải hoàn thành công việc cần thiết, nhất thiết phải buộc những người rửa xe ngừng lại.

Thế đó, thừa luật sư, thế đó thừa các vị hội thẩm, đó là sự tham gia kỹ thuật của Gabriel vào cuộc vây ráp ở Vel'd Hiv. Khi anh ta

được ông chủ giao cho nhiệm vụ giúp đỡ kỹ thuật cho một khách hàng lớn. Hãng vận tải dân lập Paris.

Đó là các sự việc. Xin các vị thẩm phán xét xử. Nếu còn có luật về các vấn đề này.

5. Một chiếc thuyền buồm không buồm lái

Hành động anh hùng. Hồi I

Hai lính Đức kiểm tra giấy tờ ở cửa vào cảng. Hai bóng người mặc đồ xanh ghi, nện gót giày trên nền đá hoa cương màu hồng. Gabriel thấy điếc cả tai. Một điều kinh khủng với người có tuổi: tiếng động phát ra từ trong người. Tiêu hóa, hô hấp, các khớp xương. Ốc ách, rít lên, rạn vỡ ở bên trong. Và để kết thúc, đó là loạn nhịp tim. Gabriel tiến bước giữa những âm thanh hỗn độn ấy. May thay lại có tiếng kêu của hải âu. Người già cần phải sống với chim hải âu.

- Kỹ sư điện. *Ach!* Rất hữu ích. Thường hay bị hỏng điện ở phía bên kia.

Bọn lính chúc chuyến đi tốt đẹp.

Không khí có mùi I ốt, mùi cồn, chất lỏng màu nâu mà ta thường bôi vào đầu gối bị xước da.

Tôi sẽ không còn nằm dài ở đảo Brehat. Tôi biết là anh đang chờ Londres, cuộc hội kiến của tôi với đại tướng.

Anh nên biết rằng đảo này trước kia là nơi cấp cứu những người bị đắm tàu: bây giờ đã trở thành nơi an dưỡng.

Chính phủ Đức quốc xã đã gửi đến đây những thương binh để dưỡng bệnh. Bọn này hồi phục sức khỏe nhanh chóng, vì ở đây luôn luôn có gió lộng từ ngoài khơi, chúng lại được bồi dưỡng bằng

sữa bò vú đen, được thưởng thức hương thơm mật ong tỏa ra từ các cây thạch thảo. Quá nhanh. Khi chúng được chứng nhận là đã hồi phục, lập tức chúng bị điều đi: mặt trận phía Đông.

Như vậy, người ta hiểu được vì sao chúng cố kéo dài thời hạn, tìm cách nhiễm một bệnh nào đó phải chữa thật lâu và chúng hình như vẫn dùng một mẹo là nửa đêm đi tắm trong nước giá lạnh.

Người dân trên đảo rất thích xem cảnh tượng ấy. Đêm nào thích hợp (rất lạnh), họ nấp sau đám lau sậy chờ đợi để xem. Họ đã kể lại với tôi như sau: những kẻ xâm lược tới đây bí mật bằng những đường nhỏ khác nhau. Chúng cởi quần áo, chỉ giữ lại chiếc quần đùi trắng rồi đứng bất động, ngực hướng về phía gió.

Chúng đứng nghiêm rất đúng kiểu, chân ngâm trong bùn. Một lát sau, người ta đã nghe chúng ho, chúng đứng đợi cho đến lúc đã bị nhiễm lạnh. Một số bọn chúng đã bị viêm phế quản trong suốt cuộc chiến tranh, có khi bệnh này đã tiến gần biên giới của bệnh sưng phổi, nhưng nó dừng lại ở đây: vĩnh viễn chỉ ở 38.5. Một số khác, kém thận trọng, đã khắc ra máu. Chúng được chuyển đi, mặt xanh lợt. Bờ biển lại rất nguy hiểm với bệnh lao phổi cấp tính: các hốc trong phổi nhiễm ầm. Chúng chết và được mang đi như bởi sóng thủy triều.

Tôi ở khách sạn Rocs, đi lên dốc về phía trái. Một hàng ghế vải vượt Đại Tây Dương đang chờ khách ở hàng hiên, không biết từ bao giờ? Năm 39? Năm 40? Chúng có hình dáng kỳ lạ, vắn vẹo, méo mó. Chúng cũng bị thấp khớp!

Người ta thấy những vết ẩm ướt trên những bức tường kẻ hoa của phòng số bảy, còn những ghế bành thì thật đáng thương, chúng phải chịu đựng một mùi đông tàn khốc!

Sáng sáng, Gabriel lại mở cửa sổ, và mùa hè ủa vào. Mùa hè thật vô ích trong thời chiến này. Mặt biển vẫn hoang vắng, không một

cánh buồm, còn bầu trời thì vẫn xanh. Trong những ngôi nhà ở quanh vịnh, vườn tược trơ trụi: những luống hoa đã biến mất, cỏ dại len đầy vườn. Khi đó, một kế hoạch đã nảy ra trong đầu anh và bám riết anh như một điệp khúc: khi nào giải phóng, cần đến những người làm vườn là điên...

Thực ra, đấy mới chỉ là màn đầu của giấc mộng: đến lập nghiệp ở đây với vũ khí và hành trang. Với Ann và Clara (cô nào là vũ khí? Cô nào là hành trang?), ngay sau ngừng chiến.

Các hòn đảo được tạo nên dành cho một hạnh phúc ít êm ấm. Ai không thừa nhận nhận xét đầy lương tri này, xin mời đến thăm Brehat và lưu ý những chú chó ở địa phương. Chân khèo, mắt chột, lông màu cháo lòng, hình thù lai đủ mọi giống, nửa lai chó lùn nửa lai chó săn lông xù, một phần tư lai chó cốc, một phần tư lai chó bốcxe, một phần tư lai chó lông sục, một phần tư lai giống chó săn xpanhon thì chẳng phải hiếm. Ở đất liền, liệu các chú chó có kiếm nổi, dù chỉ một cô chó hứa hôn không? Còn ở đây chuyện tình của chúng là liên tục. Mỗi vụ trăng, một lần bạn.

Khi chiếc tàu cuối cùng đã rời bến, Gabriel sẽ được yên tâm lúc đêm xuống, không một phụ nữ nào, cả Ann nữa, lại bỏ rơi người đàn ông bằng cách bơi qua biển (còn Clara rất nhát gan nên không thể nghĩ đến chuyện đó được).

Tôi sẽ không kể cho bạn nghe những cái vụng về của tôi. Hôm đầu tiên tôi đến tiệm cà phê Chardon-bleu ở công viên Du Bourg, tôi đã làm tưởng là một người Pháp tự do, một anh chàng Breton thuộc phái độc lập. Những người thuộc phái này đã tin trong sáu năm ròng hoặc lâu hơn nữa, rằng bọn Đức có dòng máu celte và ngược lại.

Khi tôi hỏi thì hấn quát lên “cái gì”? Tôi đã kịp bỏ chạy, may không có việc gì.

Không, Gabriel sẽ không nằm ườn đâu. Chúng ta hãy làm quen với Remi, một người kháng chiến thực thụ, một thủy quân trẻ đã nghỉ việc, anh đã mất cả hàm răng (vì sâu răng? Hay vì bị cánh trực buồm va phải?) và đã thay thế nó bằng một hàm răng vàng mạ. Quả thật, anh là người dũng cảm: làm sao anh có thể hoạt động bí mật, khi phải phô bày hàm răng kim loại bóng loáng mỗi khi cười. Dù sao đi nữa, anh cũng phụ trách việc giúp tôi trốn đi và anh sẽ báo cho tôi biết khi thời cơ đến.

Ta hãy làm quen với Gilles, một dịch giả sống ở phía Bắc đảo. Chỗ anh ở nhiều mèo đến nỗi anh không thấy cả bọn Đức nữa.

- Những người dịch tiếng Anh phải học rất nhiều điều ở giống mèo, - anh nói.

Tôi nhất trí, mặc dù mùi hôi nồng ở chung quanh, mùi nước tiểu khai bốc lên từ các nhà vệ sinh công cộng và cả một đám lông mèo đủ màu, xám, hung, đen, trắng quần lầy chân.

Anh ta có một hoài bão. Bắt tay dịch cuốn *Finnegan's Wake* của nhà văn Joyce, người Ireland. Dịch giả chúng tôi coi đây là đỉnh núi Everest.

Trong khi chờ đợi, anh dịch một tác phẩm nhỏ *The Real Life of Sebastian Knight*. Sau đó sẽ là một tác giả sinh ở Saint - Pétersbourg, nhà văn đã từng viết tiếng Nga, Đức, Pháp và bây giờ là tiếng Anh.

Anh đưa tôi xem các trang đã dịch.

- Cho đến lúc này thì chưa khó lắm, nhà văn ít chơi trò tung hứng. Nhưng với một người biết nhiều thứ tiếng như anh, tôi không ngạc nhiên nếu anh cho ra đời một cuốn học búa hơn cả cuốn *Finnegan*.

Anh ta sửa lại cho tôi một ít tiếng Anh mà tôi đã quên từ bốn chục năm rồi.

Tôi nhắc lại cùng với anh.

Well be with you = Chào anh.

How does your honnour for this many a day = Anh có khỏe không?

Tôi ngờ rằng anh đã không dạy tôi những câu hỏi thông dụng nhất.

Những dịch giả là như thế đó. Tôi đã có những kỷ niệm về một thứ tiếng Anh đơn giản hơn. Nhưng, sau bốn chục năm, liệu ta có thể tin ở trí nhớ của mình được không? Cuối cùng, đã tới giờ rồi.

Hành động anh hùng. Hồi II

Bọn lính Đức vừa đi khám lại sức khỏe ở Saint Briecuc về, chúng ăn mừng vì được hoãn tái nhập ngũ: được thêm ba tháng không phải ra mặt trận phía Đông. Người ta nghe thấy chúng hát ở trong trại lính. Bờ biển sẽ không có mặt chúng.

Remi và Gilles tiến tới đến tận mặt biển. Một con thuyền đã đợi sẵn, nửa thân thuyền đã kéo trên đám rong biển.

- Anh chỉ cần để dòng nước đẩy đi. Điểm hẹn là chỗ phao nổi. Đừng lo gì về thuyền. Khi nước chảy ngược lại, nó sẽ tự quay về chỗ chúng tôi.

Chúng tôi ôm hôn nhau, cùng thì thầm: nước Pháp muôn năm. Anh Gilles, anh hãy tin tôi. Khi người ta đã biết sống với năm mươi hai con mèo, năm mươi ba chàng Gabriel, hãy tin tôi, người ta có thể làm được những chuyện khó hơn, có thể dịch mọi tác phẩm, kể cả *Finnegan's Wake*.

Và tôi bắt đầu rời khỏi bờ. Hình ảnh cuối cùng mà tôi nhìn thấy trên đất Pháp, trong đêm ấy, đó là một vệt sáng lấp lánh ở độ cao bằng đầu người, đó là nụ cười với hàm răng kim loại của Remi.

Gần chỗ phao nổi, một con tàu đang đợi sẵn. Lái tàu người Anh tên là David Birkin. Vì chính nghĩa, anh lại biển Manche nhiều lần, biển Manche với những cơn bão dữ dội có thể đánh bật những cối xay gió ở Guernesey, biển Manche với những đội tuần tra Đức rất nguy hiểm. Don Quichotte của biển Manche chính là David Brikin, người ta sẽ nhận ra anh, dù anh dùng biệt danh. Cũng vào khoảng thời gian này, anh đã chở anh Francois Mitterrand, Bộ trưởng Bộ Nội vụ của chúng ta hiện nay. Tôi chưa hề thấy mặt David Brikin, mà chỉ thấy dáng người gầy và cao của chàng hiệp sĩ biển Manche. Dáng đi nhảy nhót của tôi làm anh ghét: anh đưa tôi vào ca bin và nhốt tôi ở đó. Do một sự ngẫu nhiên, năm 47 hay 48, tôi biết tin là anh ta mới có một cháu gái tên là Jane. Tôi gửi lời chúc mừng anh, gửi về Navy. Tôi không nhận được thư trả lời, có lẽ địa chỉ ghi trên phong bì không chính xác?

Chuyến đi được vô sự, chỉ trừ lúc bị lắc mạnh, ở Roches Douvre. Tôi nằm dài trên giường, dán mắt vào cái hình trụ bằng giấy trên đó di động một chiếc kim dài, đặt trong lòng kính: đó là chiếc phong vũ biểu. Tôi nhớ lại câu cuối cùng mà anh chàng dịch giả đã dạy tôi.

The bald litte promter shuts his book, as the light fades gently.
(Người nhắc vở kịch, bé nhỏ và hói đầu, gấp sách lại, trong khi ánh đèn mờ tắt dần.)

Tôi tự hỏi không biết Londres có phải là thành phố ở đó người ta thường dùng câu này không? Có lẽ đây là câu văn khi từ biệt nhau, thay cho câu *Bye, bye*.

Swiss Cottage

I

Người Pháp tự do Orsenna, lúc cập bến Penzance, rất ngạc nhiên khi thấy có hai cảnh sát viên đã đợi sẵn.

-Xin mời ông theo chúng tôi!

Gabriel đứng không vững vì cảm thấy mặt đất ở nước Anh đập dềnh mạnh, nên anh đồng ý ngay.

Người ta dẫn anh lên xe hỏa, giam anh vào trong một toa tàu sặc mùi xì gà đã tắt và đưa anh đến tận Londres, ga Victoria.

- Xin mời ông theo chúng tôi, - những cảnh sát viên khác tới đề nghị.

Để có thiện chí của người Pháp tự do, anh chắt thuận ngay và thế là anh đã tới trường trung học Camberwell. Khu nhà này rộng rãi và có vẻ ảm đạm, nơi được đặt tên lại là Trường Ái Quốc, chung quanh có tường cao và có rất nhiều lính canh. Cục tình báo Anh có nhiệm vụ phân biệt hạt tốt và cỏ dại. Một bên là những người Pháp tự do thực và bên kia là những gián điệp. Gabriel phải đợi ba tuần mới được hỏi đến. Sáng nào anh cũng tìm gặp viên đội. Đó là một Irland, như vậy anh ta là một người thân Pháp.

- Rất tiếc, thưa ông. Năm 1940 thì mọi việc tiến hành nhanh hơn. Nhưng từ sau chiến thắng Stalingrad của chúng ta, nhiều người đã ulla đến. Như vậy, sự lựa chọn phải kéo dài. Thưa ông, toàn Châu Âu đến Londres để nhận lấy danh hiệu tự do.

- Người ta sẽ đối xử thế nào với bọn tự do trà trộn?

- Chúng sẽ bị bắn! Lạy Chúa!

Gabriel hàng ngày đi dạo trước lùm cây, trong bóng râm. Màu xanh nhạt thuận tiện cho anh tự xét lương tâm mình: sau hết, cuộc đời của ta đã được coi là của một người Pháp tự do chưa?

Cuối cùng, anh được dẫn vào trong một phòng học cũ. Anh ngồi xuống một bàn học sinh ở hàng đầu. Một lát sau, một người đàn ông trung niên bước vào. Ông ta cao lớn, lưng còng, tóc vàng hoặc nâu, mặc một chiếc áo giống như một cái váy: một áo dệt kim chui đầu, thùng ở khuỷu tay và dài đến tận đầu gối.

Tôi là George Cornwell, - miệng nói, tay ông kéo một chiếc ghế đến trước mặt Gabriel, rồi ông ta bắt đầu:

- Tên ông là Oresnna Gabriel?

-Vâng.

- Sinh ở Levallois –Perret?

- Vâng.

- Ông hãy kể tên hai hiệu bán nước hoa ở Levallois.

- Oriza, Cosmedor, hiệu bán xi đánh bóng Marcerou, hiệu bán nển Holstein...

- Ông chỉ được trả lời những câu hỏi của tôi thôi.

Georges Cornwell không nhìn Gabriel. Ông ta nhìn chằm chằm một điểm nào đó ở cuối lớp học, có lẽ là bức tường trần thiu trên có treo những bức chân dung một vài anh hùng của nước Anh, của Shakespeare, Lord Byron và một phu nhân ăn mặc theo kiểu cổ, có lẽ là Elizabeth I.

Thỉnh thoảng ông ta lại đứng lên xem một vài quyển sách đặt ở trên bàn phía sau ông ta: biên niên, Bottin, bản đồ, catalo các loại,

tất cả các cạm bẫy gián điệp.

- Năm 1893, Hội Trotting – Club đã tổ chức cuộc đua gì?
- Buffalo Bill độ sức với Meyer.
- Xưởng tàu biển tên gọi là gì?
- Cave.

Gabriel bỗng có một phản xạ ngu xuẩn (một kỷ niệm thời thơ ấu bỗng biến thành hành động), Gabriel muốn thử xem lọ mực đặt trong một lỗ hổng trên bàn, trước mặt anh, có đầy mực không. Lọ mực đầy. Do đó, anh phải vặn vẹo người để chùi ngón tay đầy mực tím vào một chỗ kín đáo của chiếc quần (ở sau đầu gối).

- Có gì không ổn đấy? - Vị quan tòa liền hỏi.
- Tất cả đều hoàn hảo, tất cả, - Gabriel đáp.

Cuộc thẩm vấn đầu tiên kết thúc khi trời bắt đầu tối. Người trung niên tỏ vẻ hài lòng: có một điều mà tôi có thể tin chắc, đó là anh sinh ra ở Levallios. Tôi có thể bám chắc vào điểm mấu chốt này.

Nhưng chính Gabriel là người vui sướng hơn. Anh tự bảo: đúng rồi, đúng rồi, cuộc đời tôi bắt đầu ở Levallois. Điều đó chứng tỏ là tôi đang tồn tại. Cách đây ít lâu, điều này đã không phải là chắc chắn. Cứ sau ít phút anh lại nhìn đồng hồ. Nhưng một đồng giờ phút chòng chát lên nhau cũng không làm thành một cuộc đời...

Những con người cùng phòng ái ngại cho anh:

- Cornwell, hắn là một thằng tồi tệ, hắn không thả anh ra đâu. – Cornwell, hắn không phải là quân nhân, hắn vừa được tuyển cho thời chiến, hắn thuộc bọn người tàn bạo nhất. Chúng muốn tỏ ra là có trình độ, anh hiểu không? - Cornwell ư? Hãy gượng nào. Tôi cho

hắn là một người trùng tu các tranh cổ. Không, hắn là thanh tra phòng thuế. Tóm lại, hắn là một tay tinh vi. Anh hãy cố kiên nhẫn. Hắn sẽ không tha thứ cho anh chút nào đâu. Tôi mong rằng lương tâm anh sẽ được thanh thản. – Có tuổi như anh thì phải cẩn thận đấy. Khi hắn thăm vấn anh lần nữa thì có lẽ anh đã chết rồi cũng nên. – Anh biết có bao nhiêu lính, trong một đội đi hành quyết không? – Không. – Mười hai, có hiểu tại sao không? – Không. – Vì mỗi tên gián điệp ít nhất cũng có mười hai đời sống, phải có mỗi viên đạn cho một đời. – Ha! Ha! Ha!

Thái độ không có chút thiện cảm của những người cùng bị giam ở Trường Ái Quốc. Những người anh hùng thực thì giậm chân sốt ruột. Những anh hùng trà trộn thì run sợ. Hầu hết bọn họ đều bắt đầu thấy tiếc là đã chọn nước Anh.

Nhưng Gabreil thì mặc cho những kẻ nhạo báng cứ việc nhạo báng. Càng ngày anh càng khen thầm những câu hỏi dò của tay Cornwell tóc vàng hay tóc nâu.

- Ông bầu nổi tiếng Knight, có một phụ nữ nào không? Cố nhiên, bà Elisabeth. – Xin ông hãy nghe đây. Tôi không nói một người vợ mà là một người phụ nữ. – Không, à, có lẽ có, bây giờ tôi nhớ ra rồi., ở rạp Washington và Albany, có một phụ nữ da nâu đỏ ngồi ở bàn bên cạnh, cô ấy luôn hỏi chúng tôi muối và đường. – Đúng đấy, tôi đã lo cho anh! Đó chính là người tình của ông ta, anh có thấy không? Cô ấy bao giờ cũng theo sát ông ta, nhưng không lộ mặt ra. Cô ấy đã cho xuất bản hồi ký ở Nhà xuất bản Scribner, ngay trước chiến tranh, A Discrete Love. Anh nên đọc quyển đó. Dẫu sao, quyển đó gần gũi với đời sống của anh hơn tôi. Bây giờ anh hãy cho tôi biết khi anh đến Portsmouth lần đầu, mặt biển cao hay thấp.

Trong khi Gabriel suy nghĩ, Cornwell giở lại quyển lịch thủy triều và thờ dãi vì bị đắm trong biết bao con số. Tôi không biết nữa. – Ông Orsenna, ông làm tôi phải lo ngại đấy! – Hãy gượng đã, à phải rồi, mặt biển rất thấp, phải đúng thế, thấp đến nỗi chiếc cầu đổ bộ trên tàu đã chống lên trời như một cái thang, tôi đã nhìn thấy ở phía trên tôi đôi tất trắng của Clara và có những đám mây đã bay qua, tôi

chưa từng thấy như thế bao giờ... - Xin ông hãy bỏ qua những cảm tưởng khiêu dâm. Cục tình báo muốn biết những sự việc. Ngày 18 tháng Chạp năm 1990. Mực nước thấp nhất là vào lúc mười bảy giờ. Thủy triều mức 114. Khi vào cửa biển Solent, nghiêng ngả dữ dội, có đúng là ngày hôm đó, thời tiết xấu không?

Khi đã qua một tuổi nào đấy, thì đời sống đầy lỗ hổng, giống những chiếc áo thun cũ. Cornwell đã buộc tôi phải tự vá lại, cảm ơn.

Chúng tôi ngừng lại để uống trà. Một người lính trẻ mang trà đến, anh ta lại có cái cầm rất đặc biệt, cái cầm sần sùi trứng cá, lại có lụa thưa vài lông màu hung, cứng như kim, có lẽ đó là những chiếc râu cầm đã bị những mụn trứng cá xóa tàn phá.

Trên khay, giữa chén trà và bình đường, có gài một mảnh giấy gấp đôi.

- Thư của ông, thưa ông, - tên lính mặt trứng cá cất giọng lên và rập gót giày.

Cornwell đọc và mỉm cười.

- Đại tá lại hỏi tôi một lần nữa xem khi nào thì tôi sẽ thẩm tra anh xong, ông ấy sốt ruột, có lẽ tôi là người phân loại chậm chạp nhất Trường Ái Quốc. Anh bạn Orsenna, anh thật đáng thương vì đã rơi vào tay tôi.

Chỉ những lúc ấy, và chỉ những lúc ấy thôi, anh ta mới nhìn tôi. Anh ta đã mỏi mệt! Rõ ràng là đã kiệt sức, tất cả những cuộc đời đang phải kiểm tra này làm anh ta chóng mặt. Anh ta thở dài hai lần và lấy ra ở dưới áo thun một chai rượu whisky nhỏ.

- Tôi mời ông uống được chứ? Cái này sẽ tốt cho ông. Nước trà không phải là thứ đồ uống làm người ta thích nói chuyện.

Và hẳn đã tâm sự với tôi:

- “Này anh Cornwell, vì anh là nhà xuất bản, anh phải thành thạo về lịch sử, về những cuộc phiêu lưu, về tâm lý, về mọi nghi lễ...” Cục tình báo đã nói với tôi như vậy năm 40. Anh thấy đấy, Orsenna, những tình cờ của cuộc sống!

Cornwell G. đã đến với Nhà xuất bản nhờ các bảng tra cứu. Nhà in Đại học Cambridge tìm một người để soạn phần phụ lục cho chọn bộ Dickens hai mốt tập. Người ta tìm mãi mà không được ai. Công việc khá đơn giản: lập danh sách tất cả các nhân vật của nhà văn theo thứ tự a, b, c cùng với ngày sinh và ngày mất và với những nét đặc trưng trong cuộc đời tưởng tượng của họ. Tối đa là mười dòng, một Who's who in Dickens' Land. Những trang đầu tiên thật thảm hại, nhiều thiếu sót, đầy những lỗi chính tả, nhầm lẫn về tuổi, sai lầm về địa lý, đánh giá sai “những nét đặc trưng”... Phải nói rằng, một công việc lớn lao đã thất bại.

Khi đó xuất hiện một Cornwell G. chẳng ai biết từ đâu đến và đến bằng cách nào.

“Tôi có thể làm bản tra cứu cho các ông”, ông ta nói với cô điện thoại viên, làm cô ta bàng hoàng. Chưa đủ thời gian để gọi Ban giám đốc (tầng thứ bốn) thì viên ngọc trai hiếm hoi đó đã biến mất.

Ba tháng sau, từ Bưu điện gửi đến một bọc lớn những tờ phiếu, toàn bộ hồ sơ về Dickens.

Sau đó, kế hoạch trên đã bị bỏ đi, nhưng anh thanh niên Cornwell G. trước đó là giám thị và phụ giáo tiếng Pháp ở trường Harrow đã được nhận ngay vào làm trợ lý cho Nhà xuất bản, rồi trở thành cố vấn văn học, phụ trách những tiểu thuyết lớn. Đối với anh thì không có những tiểu thuyết lớn. Đối với anh thì không có những tiểu thuyết nhỏ. Ít nhất, cuốn sách trong tay anh phải nặng gần một kilogram thì anh mới bắt đầu thấy hứng thú. Ngược lại, các bạn đồng nghiệp trong Nhà xuất bản của anh, khi trông thấy một tác phẩm lớn, là nghĩ ngay đến cái cặp của họ (phải mang tất cả trọng lượng này về nhà

đây) và họ tiến hành công việc bằng phương pháp thăm dò: mười trang ở đầu, mười trang ở giữa và mười trang ở cuối, họ thường phê “tán hảo”.

Cornwell G. thì chỉ bằng lòng từ ba trăm ngàn từ trở lên. Tất cả các nhà xuất bản tranh giành anh ta. Anh thử nghĩ xem, một người tự nguyện duyệt những truyện dài bất tận luôn luôn sẵn sàng đọc lại, và nêu bật được những đoạn không khớp giữa các trang 3 và 842,...

Gabriel biết những chuyện đó muộn hơn vào năm 1953 trong một cuộc hội thảo ngu ngốc của Francfort mà anh đi dự với Clara. Cô ấy muốn chụp ảnh những văn sĩ Đức (có phải vì sự hồ thẹn vì sự thiêu xác xuất hiện trên mặt họ?). Vấn đề là tương lai của cuốn sách Lên diễn đàn, một nhà xã hội học đã đưa ra định luật: đổi mới = nhanh chóng = sách loại nhỏ = chia nhau dễ dàng khi ly hôn (càng ngày càng xảy ra nhiều hơn, theo thống kê)...

- Như vậy là ông đã quen biết Cornwell ư? – Một người to béo – ông Rowohlt – hỏi tôi, ông ta là nhà xuất bản của các nhà xuất bản ở bên kia sông Rhin ... (Tôi không nhớ rõ là vì sao cái tên George Cornwell lại được đưa vào cuộc tranh luận. Tôi cho là trong bữa tiệc rượu tạm biệt nhau, mọi người đều vui vẻ, vì đã kết thúc được với những xã hội học, văn học xã hội, và họ lại được quay về với những quyển sách...) A phải, Cornwell rất hay, một cá tính rất hay, (Rowohlt hỏi, lẫn tiếng Pháp với tiếng Anh). Sau năm 1945, ông ta đã sáng lập ra một tôn giáo mới, ông có biết không? Phải, một tôn giáo của sự ham mê những cuốn sách lớn, những không gian lớn, những đám đông... Những tín đồ của ông ta viết thư cho nhau, gửi cho nhau những công trình nghiên cứu những điều chỉ dẫn, những cây phả hệ. Trước hết là trong nước Anh, rồi lan rộng ra từ đầu này sang đầu kia của hành tinh. Họ báo cho nhau biết những nhà viết tiểu thuyết Trung Quốc vô danh nhưng rất phong phú, đã để ra hàng nghìn nhân vật điển hình. Bây giờ vẫn còn những người như thế. Đối với họ, thế giới là một cuốn tiểu thuyết lớn và con người ta là, chỉ là những nhà văn quá lười nhác nên không thể viết toàn bộ được ... (thỉnh thoảng, Rowolt lại giơ chiếc cốc rỗng ra. Ông chủ khách

sạn, không nói không rằng, vừa tiếp rượu cho Rowolt vừa nhìn mặt) ... Đến cuối đời, Cornwell có một ước mơ: kết hợp tiểu thuyết với hiện pháp. Anh ta cho rằng, nền dân chủ xuất phát từ tiểu thuyết, từ lịch sử, từ sự đa dạng của các cuộc đời, từ sự cần thiết cho những người người rất khác nhau sống chung với nhau. Đó không phải là một ý kiến ngu ngốc đâu, ông nghĩ sao? Tại sao không có tiểu thuyết với khẩu hiệu quốc gia: tất cả cho một (một cuốn tiểu thuyết). Hay là: Tự do, Bình đẳng, Bác ái, Tiểu thuyết ... Nếu chỉ có tiểu thuyết chứ không có tiểu luận, thì sẽ không có nạn độc tài. Chế độ độc tài dựa trên những tư tưởng cứng rắn khi có nhiều nhân vật xuất hiện, người ta không thể xây dựng những gì là chắc chắn cả. Những tiểu luận chỉ được chấp nhận ở những xã hội già cỗi, đa nghi, được bảo vệ (nhưng sao có thể chắc chắn được?) khỏi sự cố chấp nguy hại. Ông có thấy vậy không?

Tất cả mọi người đều đã ra về từ lâu, chỉ còn lại hai chúng tôi, Rowohlt và Gabriel cộng với Clara, cô ấy đang ngủ trên chiếc ghế dài nhỏ màu da cam ở Francfort, màu da cam được ưa chuộng để trang trí cho các buồng tiếp tân ở khách sạn thêm phần vui tươi.

- Nói cho cùng, ông ta đã đưa ra một đề nghị rất lành mạnh cho thời hậu chiến. Ông ta yêu cầu các tác giả phải ra sức cố gắng. Theo ông ta, các nhà văn phải thay thế tất cả những người chết trong chiến tranh bằng những nhân vật trong tiểu thuyết. Một thứ babyboom văn học. Vậy là ông đã biết ông ta? Và ông ta đã thăm vấn ông? Như thế nghĩa là ông không phải cô đơn trong cuộc sống. Ông ta không bao giờ chịu mất thì giờ với những người sống cô đơn.

Một ngày đẹp trời, một ngày rất u buồn, cuộc thẩm tra đã kết thúc.

- Ông đã biết đã ở đâu chưa? – Cornwell hỏi. – Theo tôi thì chưa phải không? Người anh hùng không bao giờ bận tâm đến chỗ ở cả.

Người anh hùng Gabriel lấp bắp đáp là chưa, anh cũng như những người anh hùng khác, bạn đồng nghiệp của anh ...

- Tốt, tôi khuyên ông nên đến ở trọ trong một gia đình, có lẽ hơi xa trung tâm, phố Baker. Chủ ngôi nhà là một phụ nữ Ba Lan. Ở đó đảm bảo với ông là có rượu và yên tĩnh. Ông là hạng người tri thức cần được yên tĩnh để chiến thắng. Tôi nói có đúng không? Đây là địa chỉ: số 3 đường Adamson. Người phụ nữ Ba Lan tên là Hanna Lifshutz. Còn tên khu đó là: Swiss Cottage. Cả một chương trình đấy! Thôi, đến người tiếp theo.

- Tôi xin hỏi một điều, có được không? – Gabriel nói.

- Bây giờ là chiến tranh, chúng ta sống theo khẩu phần, ông chỉ được hỏi một câu thôi.

- Ở Londres có trường đua xe mùa đông hay không?

- Không chắc đã có. Gượng đã. Phải, không có đâu, ngay cả ở Crystal Palace. Chúc ông may mắn, ông Orsenna.

II

Swiss Cottage. Một ngôi nhà gỗ kiểu Thụy Sĩ được dựng lên ở trên đó, một địa điểm đẹp ở phía bắc Londres, một ngôi nhà với những bao lơn bằng gỗ chạm, với những cột nhiều màu sắc.

Chỉ còn thiếu vài chiếc thuyền nhỏ và hồ nước ở xa làm phong nền. Người phụ nữ Ba Lan ở cách đây có vài bước chân. Bà miễn cưỡng tiếp Gabriel.

- Lại một anh hùng nữa ư? Tốt lắm! Ông hãy lên phòng số 7, lầu 2. Đó là phòng cuối cùng của tôi đó. Tôi cũng không dặn dò gì thêm đâu. Những người anh hùng không bao giờ nghe những lời dặn dò đó.

Bà ngồi xuống, đôi mắt màu xám, tóc bạc, một khăn quàng mỏng trên vai. Bà to béo và hay càu nhàu. Ngồi trên ghế gấp trước cửa ra vào giữa đám chai sữa rỗng không, bà lại bắt đầu đan áo. Lúc thì bà nhìn vào áo, lúc thì nhìn trời. Bà đã chứng kiến trận chiến đấu giữa những phi cơ khu trục Anh và phi cơ phóng pháo Đức quốc xã và bây giờ bà không muốn vắng mặt trong cuộc chiến thứ hai này. Thực ra, bà Lifshutz, sau thất bại đắng cay của nước Ba Lan của bà, chỉ còn biết nhìn trời cả ngày bà chỉ chờ xem những trận không chiến, còn ban đêm, người ta thấy bà cầu nguyện, bà đọc từng chữ những bài Ave Maria bất tận chứ không đọc lướt nhanh như các nữ tu sĩ thường làm, bà nghĩ rằng nữ đồng trinh Czestochowa hoặc vì cao tuổi hoặc vì quy tiên quá nhanh nên đã thành ngẩn ngơ.

III

Tôi đã gặp Người.

Vào một buổi sáng tháng Chín năm 1942.

Sau hai tuần lễ chuẩn bị rất tỉ mỉ: rình ở trước cửa khách sạn Connaught để làm quen với dáng người đặc biệt của ông: thường xuyên đọc nhật báo France, nghe nhạc Maurice Schumann ở đài BBC, hỏi dò ông trưởng phòng FranCois Coulet. (-Ông ấy thích gì? – Ông thích những người giữ thư viện. Một hôm, ông ấy nói với tôi như sau: nhưng ông đừng nhắc lại cho ai biết nhé: nghề đẹp nhất trên thế giới này là “nghề giữ thư viện. Một thư viện của một thành phố nhỏ xứ Bretagne ... Đột nhiên, khi tới tuổi sáu mươi, người ta bắt đầu viết một cuốn chuyên khảo khoảng tám mươi trang ... Bà Sévigné trước kia có qua Pontivy không? Khi đó, người ta sẽ trở thành một người cuồng nhiệt, người ta gửi cho ông linh mục những bức thư cay độc, vì ông ta đã gây chuyện cãi cọ về một ngày tháng nào đó”.)

Lời tâm sự trên đã cho tôi can đảm để tiếp cận khu Carlton Gardens. Orsenna Marguerite là một người bán sách, Orsenna Louis cũng bán sách. Khi những người bán sách kiếm tiền cũng ít ỏi như họ hàng Orsenna thì ta có thể coi họ như những người giữ thư viện. Tôi đã xây dựng một chương trình đàm đạo và tôi tự nhẩm lại khi leo lên thang gác. Mở đầu. Nước Pháp. Phần hai: vai trò của Gabriel Orsenna đấu tranh cho nước Pháp. Kết luận: tranh luận sôi nổi về văn học; nhưng không khi nào, không khi nào được nhắc đến tên Paul Morand.

Gabriel bấm chuông và đẩy cửa vào. Gabriel không phải chỉ có một mình. Một đám đông những người Pháp tự do đang chờ trong phòng lớn. Họ càu nhàu. Họ nhìn đồng hồ và nằn nì với người gác cửa: tôi có giấy hẹn lúc mười hai giờ trưa. Tất cả mọi người đều có

giấy hẹn lúc giữa trưa. Nếu ông muốn gặp Người riêng một mình, thì ông phải đến từ năm 40, một cô thư ký nói khi đi ngang qua.

Sau cùng Người xuất hiện ở đầu cầu thang và đi xuống. Ngược lại với định luật thông thường về tam giác lượng. Người càng xuống thì lại càng lớn lên. Viên sĩ quan hầu cận đi sau Người. Những người Pháp tự do lần lượt ra mắt Người. Rồi đến lượt Gabriel:

- Tôi là Orsenna Gabriel tức Gabriel Orsenna, - anh vừa nói, mắt ngược lên trời.

- Orsenna, Orsenna có phải nguồn gốc Italia không?

- Nguồn gốc Mexique, thừa đại tướng.

- Ông Orsenna sản xuất vật liệu cao su, - người sĩ quan hậu cần (tức là người đã thông tin cho tôi) nói thêm.

- Không có nghề nào là tồi cả, - đại tướng bình luận trước khi hỏi đến người đứng tiếp sau.

Những người mờ ám, nếu nghe câu nói đó và vào lúc này, hẳn là đã đứng về phe chống De Gaulle. Nhưng Gabriel thì không. Anh chỉ thấy câu đó biểu hiện sự e dè của dân xứ Litte cộng với kiểu nói lái của người Anh understatement (tiếng Pháp là không có nghề nào tồi cả) có nghĩa là “đó là nghề đẹp nhất trên đời này”, ex aequo, ngang với nghề giữ thư viện.

Thế rồi Gabriel ra khỏi tòa nhà Carlton Gardens, lòng xao xuyến như nghe tiếng trống hành quân, đến nỗi cảnh đàn vịt trên ao Saint - James cũng không làm anh trấn tĩnh được: cảnh tượng này làm anh liên tưởng đến cuộc đổ bộ sắp tới.

IV

Trong suốt cuộc chiến tranh thế giới Gabriel luôn ở bên máy điện thoại. International Rubber Fund có trụ sở ở trong thành, lầu ba, số 8 Friday Street, ngay trung tâm của khu tài chính. Chúng tôi phần nào xâm nhập không khí của những chủ ngân hàng danh tiếng hơn chúng tôi nhiều. Họ hơn chúng tôi, những người buôn bán, vì họ mặc áo sơ mi kẻ nhạt hơn, và có cái bụng béo tròn hơn. Tuy vậy, chúng tôi cùng một nghề. Tiền bạc chỉ là nguyên liệu, không nên quên điều đó. Phải, cho đến cuối chiến tranh, tôi trực điện thoại trong một phòng rộng, từ đó ta không nhìn thấy gì ở ngoài hết, dù chỉ là một khúc rất nhỏ của sông Tamise... Tuy nhiên, chỉ cần nhắm mắt lại và đồng tai lên là ta có thể du lịch đây đó, chúng tôi coi thế giới là bất kỳ chỗ nào có trồng cây cao su.

- Ông có nhựa cao su không? Bao nhiêu? Chất lượng thế nào?

Chúng tôi chẳng xem đến bản đồ nữa. Chúng tôi học thuộc nhanh tên các thành phố và các làng.

Hàng tuần, nhiều vị đại tướng đến thăm chúng tôi, có vị giận dữ, có vị nản nỉ:

- Này các chàng trai các cậu không thể tích cực hơn hay sao, quân đội đang chờ đợi.

Một số khác thì hét lên:

- Các anh phải chịu trách nhiệm về chiến sự kéo dài, về số người chết. Chính anh, chính anh (họ giơ chiếc gậy nhỏ chỉ vào chúng tôi, họ vút lên bàn hàng chồng ảnh chụp những xe cộ, những cánh đồng đầy máy bay, xe jeep, xe tải chở bánh, bánh xe cắm vào đất: những thứ đã hóa đá.)

- Thế nào, đã sắp có lớp chưa? Các anh muốn cho bọn quốc xã thắng trận hay sao đấy?

Họ dọa chúng tôi đủ điều (họ dọa cả mi đấy, mi là người Pháp nên càng gay: tòa án quân sự với tội phá hoại). Nhưng, những vị cao cấp ấy cũng chẳng làm gì được chúng tôi, điện thoại là một kỹ thuật riêng biệt và cao su là cả một vũ trụ. Những bức ảnh đó đã làm cho các bạn đồng nghiệp trẻ của tôi hiểu được tầm quan trọng của việc chúng tôi làm. Thoạt đầu, họ không nhận thấy điều đó. Họ truyền lệnh đi cũng như họ mua bất cứ thứ gì: đồng, tungsten, ... nhưng khi được nhìn thấy những đoàn quân bất động, không còn sinh lực, nằm liệt, họ đã ý thức được rằng chính cao su là động lực, là nguyên nhân chuyển động, nó là nguyên liệu cách ly với đất và đồng thời nối liền với đất.

Họ lắc đầu, những anh chàng John, James, Mark, Peter bé nhỏ. Họ nhắc lại: đúng thật, đúng thật, cao su mới quý làm sao, vai trò của nó quan trọng biết bao! Họ hỏi tôi như những đứa trẻ. Gabriel giải đáp như một người đàn ông. Anh lợi dụng những lúc rỗi rãi để giảng cho họ về kỹ thuật lớp cao su và nhắc lại những kỷ niệm xa xưa. Tất cả những lần liên lạc với Brésil (Alô Manaus, Santarem, Alô Porto Velho) anh đều có cảm tưởng như nói chuyện với thời niên thiếu của mình, với Clara người vợ trẻ của anh (em không rời anh đâu Gabriel...), với ông chủ khách sạn Pháp ở Belem, một chuyên gia ái tình, các bạn thân của anh ở Sở địa chính, những khách hàng quen ở quán cà phê Byron...

Tôi đã nhớ lại họ, từng người một; ở Brésil, con trai thường trùng tên với bố. Tôi rất quen biết xứ ấy. Ba mươi năm sau, hình như chẳng có gì thay đổi, rừng vẫn giữ nguyên, cả con người và vật.

Alô Aristiles, alô Eugenio, các bạn có khỏe không? Các bạn có nhớ tôi không? Tôi gọi từ Mỹ đây (tôi nói dối, vì những người vùng nhiệt đới vẫn mơ tới nước Mỹ hơn nước Anh). Họ nhắc lại: Mỹ, nước Mỹ. Họ tưởng như biết tôi từ lâu.

- Phải, phải, alô, nói to lên!

- Tôi là Gabriel Orsenna, ông biết không, tôi là người đã bị vợ bỏ và đang buồn lắm.

- Phải! Bố tôi đã nói với tôi điều đó.

- Bây giờ ông làm gì?

- Buôn bán...

Ở những vùng này, không dùng tiền. Vậy mà tiền vẫn lưu chuyển. Đây là điều kỳ diệu của vùng nhiệt đới, là viên đá triết học của họ: trao đổi càng nhanh, tiền càng nhiều. Đó là cách lấy lửa của người da đỏ.

- Ông có cao su không?

Phải hét lên trong máy, đường dây rất xấu. Lại phải gây ra một vài tiếng ồn làm nền: bật mở radiô rất to, mở máy quay đĩa, thỉnh thoảng lại thêm mấy từ “bóng chày”, “Coca-Cola” ... Chúng tôi đã làm như đang ở nước Mỹ. Và tất cả bọn họ đã bị lừa, cả những người dân Brésil, thận trọng nhất, đa nghi nhất.

Cuộc trao đổi có khi kéo dài mấy ngày liền:

- Phải, đường dây đã bị cắt. Thế nào, có cao su không?

- Thưa ngài Gabriel, Ngài biết đấy, cao su đã chết. Châu Á đã giết chết chúng tôi.

- Nhưng cây cao su thì vẫn còn chứ?

- Cố nhiên, cố nhiên.

- Hãy bắt đầu lại, bắt đầu lại. Người Nhật đã trả thù cho các anh. Họ đã xâm lược Châu Á. Châu Âu đang thiếu mủ cao su. Chúc may mắn, chúc may mắn. Tôi mua tất. Tôi sẽ gọi lại vào tháng tới. Phải, cũng vào giờ này. Brésil muôn năm! Chúng ta sẽ thu xếp việc chuyên chở.

Người đối thoại hạ giọng:

- Ông có chắc không? Có chắc không?

Ta hãy hình dung người dân xứ Amazone đang rung rẩy áp tai vào ống nghe, mắt đảo quanh xem có ai nhìn thấy không, có ai đoán ra và đánh cắp của anh cái tin tốt lành từ đầu thế kỷ đến nay mới có.

Anh ta thì thâm và thương lượng:

- Một tháng thì nhanh quá. Phải có thời gian, thưa ông Gabriel... phải mướn công nhân, phải tìm lại những con đường cũ. Tất cả đã chết, ông biết đấy ...

- Quân đội đồng minh không chờ được.

- Hãy tin ở tôi, tôi sẽ xoay sở được. Nhưng thưa ông, vì tình cảm nồng hậu của bố tôi đối với ông, xin ông cho tôi được độc quyền cho vùng...

Thế rồi chỉ còn tiếng thì thầm. Một số người quên cả đặt máy xuống. Ta nghe thấy cả tiếng họ chạy trên sàn và cả những câu hỏi của phụ nữ: Ai đó? Không, chẳng có ai hết ...

Chỉ cần bốn, năm cú điện thoại đi Belem, Santarem, là cơn sốt lại bắt đầu như bốn chục năm trước đây. Gabriel Orsenna có thể khẳng định điều đó một cách bình thản: anh đã làm xứ Amazon sống lại. Hàng ngàn, hàng trăm ngàn livro đã được tung ra trong chiến tranh 1939-1945. Giai đoạn này đáng kể đây chứ?

Tôi rất thích khi phiên tôi trực máy, đúng vào ngày Chủ Nhật hay buổi tối, tôi đứng giữa đám máy. Mỗi lần có người gọi, tôi lại thấy mình ở dưới đám cây, như trước kia, trên bờ sông màu vàng đỏ. Nhiều đồng nghiệp của tôi không thể hiểu được, dù có nghe tôi nói nhiều lần, vì họ không có kỷ niệm nào cả... Tôi không biết bây giờ họ phải làm gì, có lẽ không bao giờ họ dám thú nhận với con cái họ về cách họ đã tham gia chiến tranh trong ngành cao su...

Chúng tôi điều tra tất cả mọi nơi. Một cách ngẫu nhiên thôi. Chúng tôi bị thôi thúc bởi nhu cầu ngày càng cấp bách. Người ta đang chuẩn bị một cuộc đổ bộ. Làm sao mà đổ bộ được khi thiếu lốp xe.

Vậy là tôi đã gọi Trinidad.

Một vị rất lịch sự, đáp lời tôi với giọng người da đỏ. Ông ta tưởng nhầm là tôi hỏi về ngày hội hóa trang.

- Không còn phòng nào cả. Một cái đệm cũng không có, ông có thể ngủ ở ghế sau xe hơi. Xe De Soto? Hay xe Pontiac? Dù sao thì ông cũng sẽ không ngủ được đâu...

Tôi nghe thấy tiếng ông ta hét trong máy: xin các vị hãy yên lặng cho, tôi đang nói chuyện với nước Mỹ.

Có một dàn nhạc đang chơi. Một thứ âm nhạc đinh tai nhức óc, nó có thể làm người bại liệt phải cử động, nó có thể dùng thử xem ai đó đã chết hẳn chưa, còn tốt hơn chiếc gương nhỏ đặt trước mũi. Khi con người không còn phản ứng gì với nhịp điệu đó thì người ấy đã chết. Khi nhìn thấy tôi đánh nhịp, uốn éo, các đồng nghiệp trẻ của tôi bèn giật lấy ống nghe rồi họ cũng uốn éo, dù có tiếng lép bép trong máy, dù có tiếng các cô điện thoại viên hét lên: các anh đã nói xong chưa? Đã xong chưa? Có lẽ chúng tôi sẽ đứng nhảy múa suốt đêm hội hóa trang, xúm quanh bàn điện thoại như một đám đông cầu thủ bóng bầu dục bỗng nhiên bị những nhịp đập Caraïbes lôi cuốn... Nhưng nhiều máy điện thoại khác đang réo chuông. Quân đội đồng minh đang đợi chúng tôi. Gabriel buộc phải ngừng buổi hòa nhạc và

sau đó phải nghiêm trị mỗi khi anh nhận thấy ở một cộng tác viên nào đó, một cái nhìn mơ màng, một cái uốn mình, một nụ cười sảng khoái; tất cả dấu hiệu của một người môi giới đang nửa tỉnh nửa mê.

- John?

- Vâng, thưa thủ trưởng...

Và John ngắt máy rồi thở dài. Tôi đi vòng quanh họ, tôi đồng tay nghe: cấm các anh, hiểu chưa? Cấm gọi Trinidad. Nghe tiếng nhạc là tôi trừng phạt liền. Chúng ta đang chiến tranh. Họ hứa chấp hành, nhưng không giữ được. Rồi lần lượt họ thoái chí, Trinidad, Sainte-Lucie, Saint-Vincent ở đó, hội hóa trang kéo dài.

Phải kể thêm cả những ngày chuẩn bị, ngày diễn tập, bốn ngày hội và sau đó là sức ỳ, rồi những ngón tay, cứ tiếp tục chơi đàn trong hàng tuần, sau đó mới bắt đầu dĩ phải dừng lại...

Trong các hòn đảo, không ai còn nghĩ đến cao su...

- Các ông hãy gọi lại sau, - họ nói. – Vào tháng sáu hay tháng Bảy.

Gabriel chỉ cho phép giải trí sau những lúc báo động, sau những giờ chờ đợi ở ga xe điện ngầm, trên các bến tàu hay trên thang máy, trong khi ở trước mặt bom nổ và nhà sụp. Khi các cộng sự trẻ của anh ra đến ngoài trời thì lập tức họ chạy đến Friday Street, leo bốn bậc thang một, tranh nhau máy điện thoại, và gọi Grenade hay Saint – Barthélemy.

- Các anh có cây cao su không?

- Có việc gì đấy? Các anh muốn gì? – Người đối thoại trả lời, giọng lại rất lạ lùng.

Màu trắng của cát làm chói mắt, màu xanh của biển êm dịu, một con thuyền đáy phẳng kéo lên bờ biển, tiếng sóng vỗ ầm ầm trên các tảng san hô. Trong những lúc đó có thể nghĩ đến chiến tranh được không? Và cảm giác đó (coi như cuộc chiến tranh không có thực) giống như một ngày nghỉ, một buổi sang ngủ muộn.

Gabriel đã lấy mỗi tình song đôi và vô vọng của mình mà thề rằng; máy điện thoại đều sặc mùi rượu rum vì đã liên lạc với vùng ấy quá nhiều.

Tôi có ý định gửi một tặng phẩm sau chiến tranh. Tôi sẽ mời ông Loius hay bà Marguerite đến Londres. Tôi sẽ đưa họ xuống xe điện ngầm vào ban ngày ở ga Leicester Square hay Baker Street. Tôi sẽ nói với họ: vì các người yêu mến Đế quốc Anh, các người hãy xem đi.

Tôi hiểu biết họ. Họ sẽ mở to mắt. Họ sẽ nói: Này Gabriel, thật quá đáng, anh đã phóng đại. Nhưng họ sẽ vui thích và ngạc nhiên như những đứa trẻ trước cây Noel. Họ sẽ vỗ tay, dù đã nhiều tuổi. Tôi sẽ mượn một nhà chuyên môn để phục vụ họ, một cựu dân thuộc địa, anh này sẽ giúp họ đi tìm những người Tamoul hay Sikh, hay Mau-Mau, hay Zoulou. Phải sống trọn đời ở vùng nhiệt đới mới phân biệt được các dân tộc có màu da màu xám, thí dụ, phân biệt một người da đỏ ở Madras với một người da đỏ ở West Indies...

Hàng ngày, tôi đã gặp tất cả bọn họ, cả nam và nữ, có đủ màu da. Họ đứng bất động trên bến cảng và chờ đợi một con tàu nào đó. Hoặc là người ta thấy họ bị mang đi, bị lèn chặt, bị cánh cửa dè bẹp, đứng ngây người sau tấm kính. Họ thuộc đủ loại người, đủ các cỡ, họ giống như một bó người, một thứ bị đóng hộp, sẵn sàng để chuyển đi như một lô hàng.

Trong những năm 43-44, tôi đã ở trong xe điện ngầm Londres, những thời gian dài bất tận. Tôi nghe thấy những kẻ thù của Gabriel nhạo báng: ồ, ồ! Hắn ta chui tọt xuống đất, hắn run sợ trước những trận ném bom. Chẳng đúng chút nào! Bỗng nhiên, Gabriel có ý định

đi theo một người da đen to lớn, đi theo bước chân anh ta trong các hành lang, đổi xe ở Green Park, ở Charing Cross và đi theo anh ta xuống Colliers Wood, Gabriel chỉ dừng lại ở bậc thang cuối cùng trước khi ra ngoài trời. Khi đó, anh da đen to lớn bỏ đi ngay về với xứ sở của anh và Gabriel đã hiểu: Colliers Wood chỉ là một tên quy ước do những nhân viên phản gián đặt ra. Ở phía trên của ga Colliers Wood là Kenya. Tương tự như trên, Trinidad (có tên quy ước là Ealing Broadway), Belize (West Ruislip), Rangoom là Dagenham East, làm như một thứ để đảm bảo cho trật tự chung...

Vì vậy, ở Londres các cung đường giữa hai chỗ đỗ đều khá dài, dấu sao cũng cần phải mất thời gian.

Nhờ có xe điện ngầm, Londres vẫn là trọng tâm của thế giới. Đề phòng mọi hiểm họa, nước Anh đã đào những đường hầm dài như thế đó. Một đất nước biết lo xa và cương nghị như vậy có thể nào lại thua trận?

Phải cảm ơn cô Fitzpatrick; theo lời cô nói thì cô là người da nâu, theo giọng nói thì cô khoảng ba mươi tuổi. Cô là điện thoại viên ở bưu điện trung ương, phụ trách đường dây dài, rất duyên dáng và có đủ loại huân chương trên ngực.

Nếu không có cô thì không thể liên lạc với bốn phương trời cao su của Châu Mỹ nhiệt đới. Khi phải chờ đợi hàng ngày hàng giờ để nhận hàng thì nhầm lẫn là thường xuyên. Có lúc nhầm ông bán thịt ở Sacramento với nhà buôn ở Santarem. Lại mất biết bao thời gian để sửa chữa những nhầm lẫn. Lại còn những nhiễu loạn của đường dây, và những lần cắt điện đột ngột vào lúc quan trọng nhất. Nếu như không có cô thì làm sao có thể ghi được ngày giao hàng, tên cảng, cò của tàu chở hàng (người ta thay cò từng tháng một để đánh lạc hướng quân địch)? Biết làm sao?

- Cô có thể cho tôi số 8 ở Obidos?

- Xin đừng bỏ máy.

Tính nết cô ấy cũng giống như đoàn xe mô tô đi mở đường cho đoàn xe đón rước. Cô thích mở đường trong những trường hợp ách tắc tồi tệ nhất. Khi nhiệm vụ đã xong, người ta nghe thấy cô đuổi khéo những đối thủ của chúng tôi: ông nói dài dòng quá, xin gọi lại ngày mai, còn ông thì hãy gượng đã, đường dây đang bị ách tắc, bây giờ không thể liên hệ với nước ngoài được, thời buổi chiến tranh mà, thưa ông... xin ông khiếu nại với số 1004... Và cô cũng thường nặng lời với các đồng nghiệp xứ nhiệt đới!

- Ông có biết rằng không trả lời nước Anh vĩ đại là thế nào không? Tôi biết tên ông, tôi sẽ báo cho Tổ chức quốc tế biết.

- Ấy chớ, tôi xin cô, - người đối thoại bị đe dọa năn nỉ, - ông Pereira chắc đang ở bờ sông, tôi sẽ đi tìm ông ấy.

- Có thể chứ, ông hãy chạy nhanh lên, khối thịnh vượng chung còn nhiều việc phải làm.

Tôi lợi dụng những phút phải chờ đợi để làm quen với cô Fitzpatrick.

- Ông thấy đấy, - cô nói, - tôi đã chọn nghề này để giao tiếp.

Cô nói nhỏ để các đồng nghiệp không nghe thấy. Tôi cũng nói nhỏ vì có những anh chàng bảnh bao đứng gần.

- Cô chưa lập gia đình ư?

- Một điện thoại viên chính cống thì không có thời gian biểu.

Tôi muốn nghe cô ấy nói về cuộc đời của cô, về sự hăng say nghề nghiệp của cô (bạn biết đấy, Gabriel là một người thích sưu tầm những thiên hướng). Cô kể cho tôi nghe về chiếc máy đầu tiên của cô, một máy treo tường, có tay quay màu đen ở ngôi nhà của bố mẹ cô (Buxton, Derbyshire), có khi cô đang thỏ thẻ với tôi: "tôi không

biết là có cần phải kể với ông điều ấy không” thì ông Pereira đã từ sông Amazona quay về, ông thở hắt hắt:

- Tôi đã nói cho ông số 8 ở Orbidos.

Tôi nghe tiếng tắt máy.

Cô Fitzpatrick là nữ điện thoại viên duy nhất trên thế giới này không hề nghe lỗi. Tôi ngủ rất ít, cô nói, vì đã phải nghe quá nhiều. Tôi tưởng tượng ra phòng ở nhỏ bé của cô ở Paddington, với vô số những vật mỏng manh đặt trên những chiếc thảm nhỏ... các đồ vật cũng giống như những giọng nói, nhưng được thuần hóa cũng giống như chó mèo... cô ấy không bao giờ muốn tin những chuyện cao su của tôi.

- Ông là người rất ngây thơ, ông Orsenna ạ...

Cô Fitzpatrick là người lãng mạn. Cô ấy tin rằng tôi đang tìm người vợ chưa cưới đang chạy trốn và tôi đã đi từ đảo này sang đảo khác, từ rừng này sang rừng khác. Sau cùng, cô khuyên tôi nên gọi điện cho Carthagène hay Curacao, vì cô bạn của ông có thể đã tới chỗ đó. Tôi biết rằng những nơi này không hề có cao su, nhưng tôi cũng làm theo lời gợi ý ấy vì tôi không muốn làm phật lòng một tâm hồn đẹp đẽ. Do đó, tôi đã gọi tất cả các số từ Bắc chí Nam, từ Đông sang Tây, từ Miami đến Sao Luis Maranho, từ Carthagène đến Baton-Rouge.

- Ông sẽ tìm thấy cô ấy đấy, ông Orsenna ạ. Một tình yêu mãnh liệt như ông, cuối cùng sẽ thắng.

Ngày đổ bộ, tôi đề nghị với cô đi với chúng tôi, tôi mang theo hai chai leoville. Cô đã không đến, chúng tôi đã tính đến việc chờ cô ở lối ra nhà bưu điện trung ương nhưng làm sao mà nhận ra cô được? Các nữ điện thoại viên đi ra hàng chục cô một lúc. Khi đó, đang là mốt tóc màu nâu đỏ. Trong các phố Londres cứ hai phụ nữ thì một người có màu tóc không hung, không nâu và cũng không đỏ.

V

Dù có chiến tranh, công việc vẫn là công việc, và Ann vẫn phải qua lại Londres. Cô gọi điện cho Gabriel. Không, tôi không có cao su, thưa ông. Ông vẫn buôn bán đấy chứ? Chúng ta cùng làm một nghề. Vâng, thưa ông! Tôi sẽ đợi ông hồi mười bảy giờ ở chỗ cũ, thưa ông!

Trong đại sảnh của khách sạn, họ ôm hôn nhau, rồi rời nhau ra, rồi nhìn nhau, mặt đối mặt. Thân thể họ đã mất vẻ kiêu căng và sự ham muốn, chúng đã trở nên nhút nhát và không dám làm gì cả. Họ chỉ dám đề nghị với nhau một cuộc đi dạo.

Ở Londres vào tháng Mười, người ta chỉ nhìn thấy lá cây. Lá cây tràn đầy hè phố, vào cả trong nhà. Mùa thu là mùa dễ thấy nhất ở đây, hơn tất cả mọi nơi khác. Người ta đi trong mùa thu, trượt đi trên mùa thu. Bạn có thấy là thu đã tới không. Mùa thu nhắc nhở.

Trẻ em chạy trong các phố, cải trang thành ma cà rồng, thành bộ xương hay phù thủy. Chúng hát những câu ca như sau:

On may Jack O'lantern

I will put great eyes

they will be so big and round

he'll look very wise^[22].

- Có chuyện gì thế? Ann hỏi. Chẳng có gì hết. Cuộc sống tiếp tục. Trẻ em vui hội Halloween, hội hóa trang nho nhỏ của tháng Mười Một.

Khi đó Ann đặt tay lên cánh tay Gabriel. Cô nắm chặt. Và Gabriel nói: phải Clara, chúc em một ngày thu đẹp, một ngày tốt đẹp nhất, Clara, *have a good Halloween*^[23], dù em đang ở đâu.

VI

Gabriel lấy làm hổ thẹn.

Không bao giờ anh còn dám trở lại nước Anh nữa. Bây giờ, mỗi khi gặp một người Anh, chẳng biết họ có đang ở Côte d'Azur không, là Gabriel chuyển ngay sang hè phố bên kia và cúi gằm mặt.

Gabriel đã cư xử không tốt với nước Anh.

Chính nước này, sau khi kiểm tra sơ lược lý lịch của anh, đã đón tiếp anh, đã mở rộng những tửu quán, đã cung cấp cho anh kho lưu trữ rượu vang boócđô, xe điện ngầm, để anh sống ẩn ở đó những buổi chiều đông bão, mở rộng những vườn hoa cho anh đi dạo giải sầu. Đó là một nước đã đứng vững, mặc dù những trận mưa bom. Trong khi đó, ở nước Pháp, khi mới chỉ có vài mảnh sắt làm rụng ít lá ở vùng Ardennes là chúng ta đã chạy qua sông Loire. Đó là một nước đã tin cậy anh, đã giao cho anh những trọng trách, có tính toàn cầu nữa, còn anh, Gabriel, ngược lại, anh đã cư xử như thế nào?

Khó mà thú nhận được.

Phải chăng anh đã phản bội, anh đã có tư tưởng nhân Đức?

Không, về lãnh vực này thì Gabriel đã rất nghiêm túc, không chê trách được.

Như vậy, có lẽ anh đã buôn bán chợ đen, anh định làm cho nước Anh nhiễm thói quen buôn bán chợ đen của các nước Latinh?

Cũng không phải.

“Vì tôi phải nói sự thực với công lý của nước tôi nên tôi xin thú nhận đó là chuyện riêng tư.”

Gabriel đã tự buộc tội. Anh sẽ kể ra đây những sự việc, và các bạn sẽ xét xem tội lỗi của anh có được giảm nhẹ chăng.

Tất cả các thành phố lớn đều tàn nhẫn đối với những người độc thân. Nhưng Londres thì lại tàn nhẫn một cách đặc biệt.

Mọi nhà đều thấp, chỉ có hai hay ba tầng, rèm cửa thường vén lên để đón nguồn sáng yếu ớt ở nước Anh. Như vậy, khi ta đi bộ ngoài phố, ta phải nhắm mắt lại để khỏi trông thấy cảnh gia đình sum họp sau cửa chớp có cánh sập. Người sống cô độc cảm thấy đau xót khi nhìn thấy cảnh sống gia đình theo phong tục người Anh: mấy đứa trẻ đội mũ cát kết xanh đang ăn cháo yến mạch, người cha che khuất sau tờ nhật báo, người mẹ mặc chiếc áo ngủ màu xanh nhạt chạy lăng xăng, người con gái lớn đẩy cửa vào phòng, mắt còn ngái ngủ chum miệng như hờn dỗi. Lại còn những ghế bành rộng bọc vải hoa, cùng thứ vải với các chụp đèn. Lại còn những khung cửa, những cửa ra vào, cùng một màu sơn trắng, dù ở quận nào cũng vậy...

Ta có thể nói rằng, đó làm một tủ kính phô bày ra đời sống gia đình cho tất cả những kẻ lưu vong, những người tuy có một cái giường ở Londres, nhưng không hề có *home*^[24], như Gabriel chẳng hạn.

Tuy vậy, đau buồn nhất lại là lúc chiều tà, khi các cửa sổ lần lượt bị tấm rèm che khuất. Londres dần dần chìm vào đêm tối, mịt mù. Gabriel tiến bước giữa hai dãy mặt nhà mù lòa, cuộc sống hàng ngày đã biến mất, Gabriel làm bạn với chính mình.

Anh chỉ còn biết ngẩng mặt lên trời. Đèn pha bật sáng, từ từ quét bầu trời. Gabriel không hề chống lại phòng thủ thụ động, cũng như pháo phòng không. Có điều là, hệ thống pháo phòng không chưa

bao giờ thay thế được cuộc sống hàng ngày. Và Gabriel tự nhủ rằng anh sẽ sống như vậy. Không có cả cuộc sống hàng ngày.

Cố nhiên là anh có thể gia nhập một số hội ái hữu ở Anh, hoặc một trong ba trăm nhà thờ Tin Lành, hoặc hội những người nuôi chó săn, hoặc những tín đồ của Swedenborg. Nhưng anh cảm thấy bị theo dõi. Nếu phạm phải một chuyện điên rồ nào đó thì lập tức ông bạn quý Cornwell sẽ đưa anh ra giữa biển Manche, trên một con tàu không có mái chèo... chỉ có mỗi một lần, anh đã suýt nữa gia nhập một hội. Đó là lần anh đọc trên một tờ thông báo dán ở cửa kính một cửa hàng bán sách cũ ở Westbourne Grove:

The

EPHEMERA Society's

Picadilly Special

Britain's Greatest

Ephemera Fair

featuring

printed papers of every description

prints, maps, posters, pamphlets,

greeting cards, old catalogues,

Share certificates

Park Lane Hotel

22nd February 1943

6PM

Anh tới địa chỉ ghi ở trên, nhưng muộn một ngày, hôm 23 tháng Hai, và đúng như tên của nó^[25], công ty trên đã không còn nữa.

Rồi đến các món ăn Ấn Độ: nếu không có nó thì Gabriel đã chẳng đến nổi xa đọa như thế.

Lần đầu, Gabriel đi ăn không có chút nghi ngờ gì và rất nghiêm túc. Anh gọi các món ăn. Một bạn đồng nghiệp cũng bắt chước anh khi anh ta kỷ niệm ngày sinh. Và đây là thực đơn, tôi kể lại nguyên văn để mọi người rút kinh nghiệm.

Peshawari Murg Tikha (thịt gà tắm nước chấm và gia vị, bỏ lò).

Karahi Goshat (thịt cừu non ngâm trong dầu và gia vị Punjab, ăn với tương ớt Ceylan).

Batter – e – Khas (đặc sản của Uttar – Pradesh: chim cút đun tái trong cary.)

Malai Kofta (mướp rán với kem tươi và sốt cà chua).

Chutney Podina (kem bạc hà, nước chanh vắt, các loại hạt và muối sấy khô).

Tôi rất muốn mời hai người bạn thân là bà Marguerite và ông Louis, những người yêu mến Đế quốc: thăm Nothing Hill Gate trong một tuần. Bữa trưa cũng như bữa tối, chúng tôi sẽ tới tất cả các hiệu ăn Ấn Độ, thưởng thức tất cả các món, tất cả các đặc sản ở khắp các tỉnh. Họ sẽ biết thế nào là ngon đến tê cả lưỡi. Một miếng nóng như lửa, một miếng mát như kem, một miếng chói như mặt trời, một miếng lạnh như tuyết...

Mùa hè đến với Gabriel gần như cùng một lúc với chim cúc ở Uttar – Pradesh. Một tiết đầu hè ở miền biển. Tôi cảm thấy nóng rát vòm

miệng, ở cổ họng, đó là những sự báo hiệu. Nhưng khi mùa hè đã đến thì ta không còn bị đau gì nữa. Người ta quen đi với cái nóng. Gabriel thấy nóng. Bụng, mồm, tay và bộ phận sinh dục đều nóng.

Trời nóng đến nỗi Gabriel không thể tiếp tục bữa ăn tối với các đồng nghiệp một cách yên tĩnh được. Anh đứng dậy, cảm ơn, chúc ngày sinh nhật tốt lành, chào rất lễ độ, và rời khỏi nhà hàng Bombay Tandoori. Anh hỏi thăm đường đến Soho, và anh chỉ đi một mình trong cái đêm hè lạ lùng này. Anh rẽ phải sang Wardour Street và ngẩng đầu lên tìm nhà. Tới ánh sáng đỏ đầu tiên (số 17), anh lên tầng hai. Cô ấy tên là Marie Françoise, ít nhất đó cũng là tên khi cô đi làm. Sinh ở Meaux (Seine-et-Marne), giao thiệp rộng, sẵn sàng tiếp đón ông, thưa ông Gabriel.

Từ cuối những năm hai mươi, từ cái thời điên loạn mà các cô phóng túng thấy khoái các chàng béo, chưa bao giờ Gabriel lại hủ hóa mãnh liệt và trầm trọng như vậy.

- Cô có bạn gái nào không?

- Cho tối nay à?

- Phải, tối nay.

Marie Françoise bàng hoàng, lắp bắp nói tên cô Bernadette, gốc Ireland, ở cách đây hai bước, số 38 Greek Street.

Đêm đầu tiên trụy lạc của người Pháp tự do, Gabriel, như thế đó, nó đã phát sinh từ mùa hè, mùa hè với các món ăn Ấn Độ.

Nhiều đêm khác tiếp theo đêm ấy. Những đêm trụy lạc lại làm phát sinh những đêm trụy lạc khác. Đến bốn giờ sáng, anh về, Swiss Cottage đang yên ngủ. Anh mệt lả, tra chìa khóa vào ổ, nhẹ nhàng quay và tự hứa là sẽ không bao giờ tái diễn, nhưng ngay chiều hôm ấy anh lại đi. Mặc dù đã có tuổi (sáu mươi), mặc dù mỗi một (chỉ ngủ được có hai tiếng rưỡi), mặc dù những tiếng rít trong

tai (suốt ngày nghe điện thoại), anh lại bắt đầu tấn công sau một thời gian ngắn dừng lại ở Ấn Độ.

Bây giờ, Gabriel như bị ma quỷ ám ảnh, những ma quỷ miền Nam hiếu thắng nhất: hủ hóa với tất cả các phụ nữ, có kế hoạch hản hoi, bắt đầu từ những cô làm việc ở gần ga (Victoria, Waterloo) hay gần các hải cảng (White Chapel, Surrey Docks...)

Bỗng một khối kinh hoàng xâm chiếm anh, có thể là do lão suy: nếu cuộc đổ bộ lại được giao phó cho phụ nữ? Và nếu một ngày đẹp trời nào đó, tất cả phụ nữ đều chạy sang nước Pháp? Và nếu ở Anh chỉ còn nam giới? Hoảng sợ, Gabriel tiếp tục hành trình: chào em thân yêu, em lên với anh chứ? Cố nhiên rồi!

Chẳng bao lâu, mọi người trong khu đều biết tiếng anh. Người ta hoan hô anh mỗi khi anh lại ngựa quen đường cũ...

Đó là những phụ nữ nhẹ nhàng, Gabriel cần đến những phụ nữ nhẹ nhàng. Tôi không nói đến thể chất. Họ có thể to nặng, phốp pháp, mông, đùi phốp pháp... Nhưng trong ký ức của tôi thì họ mới nhẹ làm sao, vừa chia tay nhau xong là tôi đã quên ngay, ngược lại với hai chị em nhà Knight, hai phụ nữ ăn bám của tôi, ngược lại với hai chị em đã khắc sâu vào đời tôi.

Họ cho ta một ví dụ về sự nhẹ nhàng: tạm biệt ông anh, thế là xong. Họ gọi Gabriel là ông anh, đó là một cách gọi tế nhị, có phải thế không các nàng Knight của tôi? Họ gần như không tồn tại, vì quá nhẹ nhàng: những mùa hè nho nhỏ, ngắn ngủi, ngay cả với những nàng to béo nhất. Họ cũng chẳng cần đi vào những kỷ niệm của tôi, họ khép chiếc áo choàng màu tím nhạt lại và: tạm biệt ông anh, thế thôi. Giống như những ngày nghỉ, giống như đuổi bắt bướm, những con bướm thơm phức tan biến trong bóng đêm...

Một số kẻ đạo đức, thân cận với đại tướng, đã nổi giận khi biết hiện tượng truy lạc đáng buồn của Gabriel ở Anh quốc.

- Cần phải trừng phạt! – Massigli, một người trong bọn họ đã nói.

Nhưng về tội gì? Một người Pháp tự do, phải được tự do, miễn là anh ta chi trả các phụ nữ ấy một cách thoải mái (như Gabriel vẫn làm) và họ vẫn tỏ ra lịch sử với anh chàng bệu ấy, dù rằng anh ta luôn vội vã.

Carlton Gardens chỉ bắt buộc phải can thiệp mãi tận sau này, vào tháng Năm năm 1944.

Mùa xuân năm ấy, Gabriel đã đi quá xa.

Trước hết là anh mắc bệnh phong tình. Vì thường xuyên đến lâu xanh nên Gabriel đã mắc bệnh hoa liễu nhẹ (những bệnh khác còn nguy hại hơn nhiều), ở Anh, người ta hay gọi là *blennoraghia* hay *french disease*^[26]. Đến lúc đó, chưa có gì đáng sợ, Gabriel chỉ cần đến khoa chuyên môn nổi tiếng ở bệnh viện Charing Cross và chịu đựng những mũi tiêm có muối bạc đau buốt và ngừng đi chơi đêm. Than ôi! Do tác dụng đồng thời của ba yếu tố: thuốc tiêm, các món ăn Ấn Độ (mà anh vẫn tăng dần khẩu phần để giữ nhiệt tình) và với tin tức về ngày đổ bộ sắp đến (người ta chỉ nói đến Người, ngay cả trong xe điện ngầm), sự cuồng nhiệt của Gabriel tăng lên bội phần. Những nơi truy hoan dân dã cũ, đối với anh vẫn chưa đủ, anh đã tấn công vào khách hàng của Petit Club Pháp rất lịch sự, chủ nhân là một gái già nổi tiếng Alwin Vanghan. Tại đây, vào một buổi chiều, người ta có thể gặp, chẳng hạn, Joseph Kessel, Romain Gary và hai “người hùng” nhảy dù, Bourgoïn, ông đại tá cắt một tay và Boissoudy, người cắt một chân... Một buổi chiều êm ả, sau khi đã uống thỏa chí, trong cơn hưng phấn bốc lửa, Gabriel đã quyến rũ được cô Kathy, một người chị em họ xa của Claude Dauphin, gốc xứ Galle, sau ba ngày chung đụng, cô gái xứ Galle nhận thấy mối nguy hại, đã lớn tiếng công khai cảm ơn Gabriel về *gift, so typical of those filthy French, sons of a bitch*^[27], và cô ta đã đập vỡ một chai bia trên đầu anh.

Carlton Gardens vẫn còn chưa quyết định trừng phạt.

Thực ra thì Gabriel không phải là người Pháp tự do đầu tiên đã phải chịu cảnh ngộ đau lòng ấy: truyền bệnh hoa liễu và bị trừng phạt.

Giới hạn thứ hai và cuối cùng của hành vi của anh là cuộc phôi bày. Ông Louis sẽ cảm thấy là mình phải chịu trách nhiệm. Ông Louis phải tự nén lòng. Nhưng ông chẳng có trách nhiệm gì. Khi đó, giữa Gabriel và bố anh chỉ có biển Manche, biển không rộng, nhưng luôn nổi sóng. Có phải lỗi ở người bố không, nếu con trai ông ta đã đưa tình yêu đến một hình thức biếm họa? Từ khi bắt đầu mắc bệnh phong tình, Gabriel luôn luôn nhìn bộ phận sinh dục của mình. Khi đi từ nhà đến nơi làm việc, anh tạt vào bất cứ tiệm ăn nào, hỏi phòng vệ sinh? Anh vào cả những công sở Fleet Street, lên thang máy đến tận lầu cao nhất, quay lưng ra phía cửa, anh vạch quần và chăm chú nhìn một cách trêu mến khúc thịt nhỏ đang phun ra một dòng chất lỏng trắng đục, anh đã vô ý quên cài khuy quần. Cho đến đây thì luật sư có thể cãi cho anh vô tội. Nhưng một hôm, ngay giữa phòng đặt máy điện thoại, trong khi ngót một chục chuông điện thoại réo vang, hòa lẫn vào những tiếng hò hét quen thuộc tên các thành phố và trọng tài: Rio Branco 5000, Letitia 10000, bỗng nhiên, Gabriel xuất hiện với vẻ mặt rạng rỡ. Một nụ cười bất hủ tỏa sáng trên gương mặt anh. Anh nhảy phốc lên mặt bàn, làm nát những bản liệt kê, làm đổ hai chén trà. Với một tốc độ phi thường, anh cởi quần áo rồi chỉ vào bộ phận sinh dục, anh hét lên:

- Tôi là cây cao su, tôi là cây cao su, tôi chảy nhựa như một cây cao su!

Sau giây phút bàng hoàng, các đồng nghiệp đến gần anh. Họ biết rằng những trận ném bom lâu dần đã hủy hoại thần kinh. Họ muốn trấn an Gabriel, họ vỗ vai anh:

- Mọi sự sẽ tốt lành, anh bạn ạ! Sắp sửa hòa bình rồi!

Nhưng Gabriel đã bút ra. Trong khoảng hơn một giờ, có lẽ thế (tôi không nhớ nữa), anh nhảy lên các bàn, các ghế bành và nhắc đi nhắc lại điệp khúc: tôi là cây cao su, tôi là cây cao su. Khi đó, các bạn đồng nghiệp vừa xấu hổ, vừa mệt mỏi (còn các chủ ngân hàng, ở bên kia Friday Street thì còn chạy ra cửa để xem *show*^[28] đáng tiếc đó) bèn quyết định gọi *poli-cemen*^[29] đang đứng gác ở dưới nhà. Những người này, nắm được tình hình, bèn báo cáo lên cấp trên và người ta báo động cho Carlton Gardens.

Vài phút sau, một toán lính thủy đánh bộ gồm những tay to khỏe của nhóm Savary, tuy hiền nhưng rất kiên quyết, tới và dùng áo mưa che cuốn ông béo này, rồi lẳng lặng đưa đi. Họ đưa anh vào một trong xe Hotchkiss và dẫn đến một tòa nhà ở khu Lake, đó là nơi chuyên chữa bệnh thần kinh. Ta không nên quên rằng khi đó Vương quốc thống nhất là một Đế quốc hùng cường: người ta không hoảng sợ trước căn bệnh điên khùng mà bọn người ở thuộc địa đột nhiên mắc phải. Người ta đã biết cách chữa. Với những con người khốn khổ này, cần cho họ rất nhiều màu xanh, đồng cỏ, vườn cây, bãi cỏ xanh chơi golf, phun nước nóng lên mặt nếu có thể và làm liên tục. Và nhất là không được nuôi con vật nào mà hình dạng và tiếng kêu giống như những con vật ở nơi cũ.

Sau hai tháng chữa bệnh bằng màu xanh, Gabriel được coi là đã khỏi và lại đi làm. Anh không hề bị các bạn đồng nghiệp phê phán hay nhạo báng bao giờ cả.

Hoan hô những người Anh, họ biết rằng rồi cũng có lúc bệnh điên đến thăm hỏi chúng ta, không trừ ai!

Gabriel ngỏ lời xin lỗi nhân dân vùng Balkans. Nếu anh đã mua được nhiều cao su hơn thì có lẽ quân đội đồng minh đã tiến nhanh hơn và đã đưa được Đông Đức, Tiệp Khắc... ra ngoài khỏi cộng sản..., có thể ngay cả Hungari và Nam Tư. Nhưng anh thề rằng anh đã làm hết mình. Anh đã thu gom được tất cả lượng nhựa cao su có thể mua được. Những nhà chế tạo lốp ô tô sẽ chứng nhận điều đó.

Tin chiến thắng ập đến, khi Gabriel đang ngủ giữa máy điện thoại, anh đã quá mệt. Trước khi ra ga xe lửa Victoria, anh đã đến thăm Carlton Gardens lần cuối cùng, nhà số 4, Duke Street số 10, trụ sở cơ quan mật vụ, rồi Petit Club của Alwin Vanghan, nơi mà anh đã bị một phụ nữ trừng phạt. Về tội gì nhỉ? Anh không nhớ nữa. Các cơ quan cao cấp đều trống không. Gabriel là người Pháp tự do cuối cùng còn ở lại Londres. Khi tới Dieppe, không hề có đội kèn ra đón anh. Anh ngập ngừng hồi lâu, rồi mới xuống bến. Ta đã sáu mươi hai tuổi, ta có còn ở cái tuổi nhảy nhót không?

Sau này, vào tháng Một năm 1946, khi người ta thông báo là danh sách những chiến sĩ giải phóng đã làm xong, anh vội đến điện Matignon đòi xem tài liệu chính thức. Anh đọc bản danh sách, tìm đập mạnh, như một thí sinh thi tú tài, một thí sinh già tham gia kỳ thi vĩ đại.

Anh đọc đi đọc lại, đưa ra mọi giả thuyết: có lẽ đại tướng đã nhầm một chữ *h* hoặc tưởng rằng Orsenna là tên đệm... Nhưng không phải. 1030 nam, mười sáu đơn vị chiến đấu, sáu nữ, năm thành phố, (đảo Sein, Grenoble, Nantes, Paris, Vasieux – en – Vercors) nhưng không có tên Orsenna Gabriel.

Một lần, Orsenna Gabriel đứng chờ người trước nhà số 4 phố Varenne, anh tự hỏi tại sao, tại sao anh lại bị loại ra:

- Xin hãy đi cho! – Một nhân viên cảnh vệ nói.

Thế rồi Gabriel lấy ở túi ra một quả cầu mút đỏ, một quả cầu rất cũ, đã bạc phếch. Rồi anh đi về phía Tây, về phía Đại lộ Invalides, đi rất nhẹ nhàng để khỏi phải nhảy.

Viên cảnh vệ nhìn theo anh, rồi hỏi người bạn đồng nghiệp. Anh này lắc đầu. Không có luật lệ nào cấm đi nhún nhảy ở phố Varenne.

Đại chiến thế giới thứ hai kết thúc.

PHẦN BA

Đã có cuộc Giải phóng, đình chiến và căn bệnh hy vọng.

Đã có rất nhiều người chết mất xác.

Đã có đảo Jatte và Châu Mỹ, khách sạn Lutétia và bức ảnh, đảo Seguin và xe Renault bốn mã lực.

Đã có buổi hòa nhạc ban đêm ở ga phía Đông.

Đã có cao su.

Đã có Vùng Đất Đỏ.

Đã có những xe đạp ở Sài Gòn, những tín đồ đạo Cao Đài tôn sùng Hugo, Cố đô Huế, sân bay ở Hà Nội.

Đã có Bảo Đại.

Đã có chiếc khóa Sông Cửu Long.

Đã có cuộc Triển lãm thuộc địa với trường đua xe đạp mùa hè, ở biên giới Lào: đó là Điện Biên Phủ.

Đã có tái hiện thân.

Đã có liên hoan ở Cannes (hàng năm vào mùa xuân).

Đã có Châu Mỹ (*bis*).

Bệnh hy vọng

Có phải đó là ngày hai mươi năm tháng Tám năm 1944 không? Ông Louis đã kể lại với tôi. Người dân Paris yêu lịch sử nước Pháp và những bữa ăn bên bờ sông. Hôm ấy, đảo Jatte không nhận khách. Vào buổi chiều tà, người ta thấy xuất hiện nhiều bàn ăn ở trong các vườn, trong khi Leclerc và quân đoàn của ông đang đi ngang qua Boulogne ở phía Nam thành phố! Rồi thì xuất hiện những chiếc ghế, những khăn trải bàn, những chai nước Vichy hồng và xanh lơ, những chiếc cốc không đồng bộ, những bộ đồ ăn bằng bạc lần đầu tiên được bày ra sau những hôn lễ từ trước chiến tranh và những chai rượu ngon để dành trong ngày... Và ngày đó đã đến, trời vẫn sáng, dù đã muộn. Người ta đem từ hầm rượu lên những chai rượu quý, người ta vội bỏ chúng, cả những chai rượu boócđô lâu đời nhất, vào trong những sọt đánh cá, rồi người ta hạ thủy xuống sông bằng dây, người ta rất cần có chất mát. Hai bờ sông Seine trở thành một khách sạn, khách sạn dài nhất thế giới, với những tiếng cười đùa không dứt, tiếng hát, tiếng rúc rích, tiếng kèn, tiếng trẻ em hò hét. Tất cả hòa hợp lại như âm thanh của vô vàn đám cưới, lẫn lộn với nhau...

- Có chỗ nào không? – Những người tới chậm hỏi.
- Lẽ ra phải đến sớm hơn chứ!
- Dễ thường chúng tôi không có việc gì khác nữa sao?

Họ cho xem những băng FFI, FTP đeo ở cánh tay.

- Được rồi, chúng ta chịu khó ngồi chật một tý vậy.
- Tôi thích vậy, - các vị anh hùng đáp.

Ông Louis đã phải vất vả lắm mới đem ra được chiếc bàn một chân kiểu Mexique. Bà Marguerite đi theo ông. Bà mặc váy xanh nhạt có chấm trắng, có vòng đăng tên ở quanh cổ, bà bê một chồng đĩa.

Cặp vợ chồng chủ quán ăn *Les pieds dans l'eau*, một quán ăn đặc sản rất được những người sành ăn hâm mộ, phục vụ tích cực. Người ta nhìn họ và bình phẩm. Ông Marcel, một kẻ thảm hại trong năm năm trời vừa qua và vợ ông, người có biệt danh là Da-Sơn-Dương, đã phải bận rộn quá mức. Để thỏa mãn khách hàng, họ tăng khẩu phần gấp đôi. Họ luôn mồm xin lỗi.

- Thưa bà Orsenna, xin bà cho phép đặt vài chiếc bàn ở ngoài hiên của bà?

- Gì cơ? – Bà Marguerite hét to, bà giả ngễnh ngãng. – Xin nhắc lại? Bà hãy nói to hơn, bọn Đức đã cắt rồi mà.

Một cô gái rất nghiêm túc và hơi xấu, thay đĩa hát và quay máy quay đĩa. Những bài hát trên đài truyền thanh lại được phát lại âm ỉ, Sablon, Trenet, Chevalier. “Thưa cô Emily, nàng tiên yêu dấu. Ôi! Tôi ham muốn biết bao.”

Thỉnh thoảng, có một lúc, âm nhạc và chuyện trò đều dừng lại cùng một lúc.

Người ta chỉ nghe thấy tiếng nước chảy rì rầm: cuộc giải phóng Paris không hề gây tiếng động.

Vào nửa đêm, những người Mỹ đầu tiên xuất hiện cùng với thuốc lá và những đĩa hát mới. Bà Marguerite đã ôm hôn tất cả bọn họ, cả những người da đen, giữa tiếng hoan hô của mọi người. Từ ngày đó bộ, bà lại thấy yêu nước Mỹ. Bọn Đức đã làm bà thất vọng: chúng liên tiếp thua trận. Chúng lại coi khinh các nước nhiệt đới, chúng chỉ quan tâm đến Châu Âu. Chúng tưởng rằng những đế quốc có thể thực sự hình thành mà không cần thuộc địa!

Màn đêm chưa hoàn toàn buông xuống mà bà Marguerite đã cảm thấy mệt mỏi, khi người ta đã nhiều tuổi, da thịt chẳng còn được bao nhiêu, thì rượu đã mau lẹ áp đặt theo sở thích của nó.

Bà nhắc đi nhắc lại: Nước Mỹ muôn năm, nước Mỹ muôn năm!

Sau đó, trong khi những tiếng cười đùa vui vẻ từ lâu một đội xuống (bà có thể cho tôi mượn một hoặc hai phòng riêng cho đêm nay được không? Ông chủ quán *Pied dans l'eau* đề nghị), thì bà Marguerite có vẻ nghiêm nghị và lo ngại.

- Im nào Louis, anh có nhận thấy gì dưới chân anh không?

- Không. Bà có nghĩ rằng phải đi nằm không?

- Đảo Jatte.. . Đảo Jatte đã rung chuyển...

Chúng ta xuống phía biển đi! Louis, hãy mang cho tôi chiếc áo len... người ta nói rằng ở ngoài khơi trời lạnh.

Thế rồi bà ngủ ngay, con có biết không, Gabriel, đàn bà gục ngay vào giữa chiếc đĩa đựng dâu tằm đường.

Từ ngày trở về, Gabriel đã nối lại quan hệ với những người quen biết cũ ở Londres. Ông vây quanh các quan chức Mỹ ở Ritz hay ở phố Sait – Florentin. Ông giữ dáng điệu tươi tắn và cực kỳ lịch sự.

- Bà tôi rất muốn được chết ở đất nước các bạn!

Chiều nào bà cũng hỏi tin tức.

- Họ đã làm hết sức mình, - Gabriel đáp. – Họ nói chắc chắn rằng chỉ vài tuần lễ nữa...

- Nhanh hơn nữa, nhanh hơn nữa, người ta thấy rõ là ông chưa già đâu.

Các nhà báo của Washington tới Đảo Jatte chụp ảnh, Marguerite bà già Pháp trăm tuổi, người di cư già nhất của chúng tôi v.v... Đôi vợ chồng chủ quán *Pieds dans l'eau* lợi dụng điều đó để đề cao mình, tăng cường thăm hỏi những người quen và thường quan tâm một cách tế nhị đến sức khỏe của Roosevelt...

Bà Marguerite đã đi chuyến tàu biển đầu tiên. Bà chỉ ôm hôn chúng tôi một lần ở ga Saint-Lazare. Tạm biệt Louis, lần này thì anh nên cưới vợ nhé. Tạm biệt Gabriel, hãy cố gắng có một đứa con, dù là với cô nào trong hai cô cũng được. Trong ba giờ trên xe lửa, bà không trả lời câu hỏi nào của chúng tôi cả. Bà mỉm cười với một cái gì đó không thuộc về chúng tôi. Một ban đón tiếp ôm hoa đứng đợi bà ở sân ga.

Bà đã đi qua phòng thuế quan như một ngôi sao điện ảnh, dưới những chớp sáng của máy ảnh và không hề quay lại.

Chúng tôi nhìn thấy bà leo nhanh lên thang tàu rồi biến mất trong chiếc tàu *Liberty Ship*. Hình ảnh cuối cùng của bà Marguerite mà chúng tôi nhìn thấy, một dáng người nhỏ nhắn màu xanh nhạt, bao quanh là những thanh niên lực lưỡng mặc đồ xanh nước biển.

Ngày hôm trước, bà đã cho chúng tôi biết:

- Từ giờ trở đi, tôi là công dân Mỹ.

II

Sau đó ít lâu, hai cuốn sách được xuất bản, đó là hai cuốn sách sinh đôi đẹp đẽ, một cuốn tiếng Italia và một cuốn tiếng Pháp: một sa mạc (của người Tartare), một bờ biển (của người Syrtes). Hai quyển sách này (quyển nào trước? Điều này không quan trọng chút nào), kể lại chuyện một thanh niên chờ đợi kẻ thù và kẻ thù lại không đến. Và cuộc đời anh ta run rẩy như những cô gái tân. Trời ơi, hắn có đến không? Chân trời đã run lên. Cái nóng nẩy báo hiệu một điều gì đó, không nghi ngờ gì nữa. Sau biết bao thảm kịch, đến ngày Giải phóng, thật là kỳ lạ khi ta lại thấy cần phải hoảng sợ, phải tự nhủ: “Nó sắp tới, tuy rằng Nó vừa mới qua đi”, phải run sợ, phải thất vọng trước nỗi hãi hùng đã bị gián đoạn...

III

Thưa các bà và các ông hội thẩm, con trai thân yêu, trước mặt các người là một chuyên viên thuộc hãng Bon-Marché.

Ông đã đi bách bộ dọc theo tất cả các lối đi, ông đi thăm tất cả các quầy hàng, với những giá bày hàng nghèo nàn của năm 45, với cửa hàng văn phòng phẩm không có bút chì màu, cửa hàng chụp ảnh không có phim ảnh, giao bán xúc vật chỉ có nhiều dây xích chó nhưng lại không có bể cá, những lọ nước hoa rẻ tiền, những đôi giày đế gỗ, những chiếc nịt vú không đồng bộ, những bút tất dài không có dây chun. Ông đã lòng sục ở tất cả các tầng lầu, và đã làm tất cả các cô bán hàng phát điên lên, xin ông đừng đùa nghịch với quả bóng đỏ của ông nữa, ông làm rung động cả miếng kính và làm bắn thảm trải sàn. Ông đã gặp gỡ rất nhiều nhà tu hành, nam và nữ (cửa hàng Bon – Marché là nơi cung cấp hàng ưa thích của các giáo hội). Khi gặp họ, ông nghiêng đầu kính cẩn và người ta ban phước cho ông. Ông đã theo dõi nhiều sơ đội mũ trắng của nhà đạo, những cô có vẻ nhỏ bé nhưng lại mua những quần lót khổng lồ. Ông đã cố thuyết phục (nhưng không có kết quả) một cô gái có đôi mắt mênh mông, cô ta ngày nào cũng đến hỏi mua bột màu.

- Than ôi, cô Catherine, - người bán hàng đáp, - chúng tôi chưa có hàng.

Gabriel hiểu nỗi buồn của cô gái: với những con mắt ấy thì phải vẽ. Nếu không, chúng sẽ thu hẹp lại. Ông thích thú với những bí mật nhỏ bé ấy, ông đắm mình vào những chuyện riêng tư. Đã hai lần, ông nấp trong phòng thử áo, và thăm thì gọi Clara, Clara; Clara không trả lời, ông lại đi tuần. Những chốn này hơn hẳn những quán cà phê là ở chỗ yên tĩnh. Người ta có thể suốt ngày ở đó mà chẳng phải ăn uống gì.

Buổi chiều, trước khi đóng cửa hàng, ông lên tầng lầu cao nhất và cúi gập người xuống, bụng đè lên bao lơn, đầu chúc xuống dưới. Ông vừa thở vừa ngắm nhìn các đồ vật, tất cả các hàng len, tất cả quần áo và những vật gia dụng hàng ngày. Bản danh mục dài lê thê này dành cho một đám cưới, bản danh mục cho ngày Trở về. Ông tự nhủ rằng tất cả những đồ vật cần thiết đó là một chứng cứ, một chứng cứ nhạy bén, không thể khai thác được, một chứng cứ chắc chắn là họ sẽ trở về: Clara, ông Markus và bà Élisabeth. Sự tin tưởng ấy đã giúp ông ngủ được.

Bây giờ Gabriel vẫn còn muốn công khai cảm ơn cửa hàng Bon – Marché vì đã nhận ông vào làm trong những lúc khó khăn đó.

Gabriel và Ann chờ đợi, đã đợi rất lâu trước cửa khách sạn Lutétia và đã không chịu nổi những lời phát biểu của đám đông:

- Chắc là phải yết danh sách ra.
- Đây không phải là kết quả kỳ thi tú tài.
- Chính quyền phải viết thư cho chúng ta chứ.
- Nhưng làm sao họ biết địa chỉ của ta?
- Cửa sổ khách sạn sao lại đóng thế kia?
- Có lẽ họ đang nghỉ.
- Những người đang bị đi đày không nên nhắm mắt. Họ cần phải thức và thưa các ông, cần phải nuôi dưỡng họ bằng những khẩu phần nhỏ nhoi.
- Và phải cho họ uống.
- Rất ít thôi.

- Ngược lại.

- Xin lỗi, nhưng tôi là thầy thuốc mà!

Vì thế nên để khỏi phải bị tai, Ann và Gabriel thích ẩn nấp ở cửa hàng Bon – Marché ngay gần đó. Ann đã chinh phục được ông bạn Michel, gian hàng trưởng gian đồ thủy tinh, và cô đã mượn được của ông này máy điện thoại. Điện thoại là ô xy của những người buôn bán. Ông Michel lại đi mượn một cái đồng hồ ở gian hàng đồng hồ và ông ta kiểm tra, cũng chẳng để làm gì, thời gian bất tận của những cuộc trao đổi bằng điện thoại.

IV

- Một con người không có hình hài thì gọi là gì?
- Một cái hồn.
- Cảm ơn.

Trước mặt Gabriel là hồn của Clara, một cái hồn với đôi mắt không mi. Một cái hồn hay giật nảy lên mỗi khi ta tới gần hay ta có một cử động hơi mạnh. Một hồn người mảnh mai và nóng bỏng, một cơn gió có thể làm tắt, một con người không có hình hài: thật khủng khiếp. Còn hình hài thì không có ở đây. Hình hài của Clara vẫn không muốn quay về. Thay đổi bác sĩ và thay đổi chế độ cũng chẳng đem lại kết quả gì. Cả âm nhạc của Bach cũng vậy. Suốt ngày ông ngồi bên Clara, thề với Clara rằng tất cả đã kết thúc, thế giới đã thay đổi, bầy chó dữ không còn cắn xé ai nữa, những tiếng ken két sau cánh cửa chỉ là của thang máy, rằng Clara có thể về nhà. Clara chỉ nhìn ông rất dịu dàng, rất hoảng sợ, rất rầu rĩ làm ông đau khổ; Clara quay đầu bên phải, rồi bên trái và không nói gì, Clara muốn để lại hình hài mình ở cõi xa xăm...

Chính Ann, một chuyên viên chính công về các mối quan hệ với hiện thực, đã có sáng kiến đi kiếm một cái máy ảnh Leica cũ. Thoạt đầu phải giúp Clara: cầm máy cho Clara, ấn lên ngón tay Clara vì ngón tay Clara quá yếu không đủ sức bấm máy, che mắt cho Clara khi ánh sáng quá mạnh.

Sau đó, Clara đã tự mình chụp ảnh được. Clara đã chụp tất cả. Tất cả những gì mà Clara trông thấy từ giường nằm; cây hạt dẻ ngoài sân, hai chiếc ghế bành, ghế của Ann và ghế của Gabriel, mọi thứ thuốt ở trên tủ, bức họa nhỏ của Chagall, chiếc máy thu thanh với con mắt màu xanh, đèn chùm thời Đế chế, những dải vén màn cửa, tay nắm cửa gỗ, và các chi tiết nhỏ nhặt khác. Mỗi khi Clara

chụp xong một cuộn phim là chúng tôi đưa rửa ngay ở phố Villersexel.

- Xin lỗi, - vì tôi không kín đáo, - người thợ ảnh nói, - có phải đây là kiểm kê tài sản không?

Clara giải ra khắp giường các tấm ảnh. Clara cầm lên, đặt xuống từng cái một, ngắm nghía, sắp xếp, phát hiện những chỗ giống nhau, chia ra từng loại. Tôi tin rằng Clara đã bình tâm trở lại. Dù sao thì hình hài Clara đã trở lại.

Trước hết là bàn tay, sau đến đôi má, và phần còn lại. Clara không còn là màu xám ảm đạm, Clara đã có màu sắc. Chuyển quay về này đã phải mất hai năm.

Hai năm trời đằng đẵng. Thời gian ấy đủ để chúng tôi tin rằng bà Élisabeth và ông Markus không còn nữa.

Không có nghi lễ tôn giáo, vì chẳng ai biết ông Markus theo đạo nào, còn bà Élisabeth thì chỉ tin vào một Chúa trời duy nhất (ông Markus), và lòng tin ấy không thể coi là tôn giáo.

Đêm hôm ấy, chỉ có một cuộc hòa nhạc.

Đầu tiên, chiếc đàn dương cầm được đưa tới, trong một chiếc xe tải Calberson màu vàng.

Đó là chiếc đàn Steinway đen giống như chiếc đàn cách đây đã ba mươi năm, tại thành phố New York tàn ác, đã vang lên các nốt nhạc dưới mấy ngón tay của ông Markus, người muốn tỏ tình yêu.

Chiếc đàn Steinway đen phải đi theo một hành trình phức tạp, vì phải đi vòng các cầu thang gác. Người ta nghe thấy nó di chuyển và không thể trông thấy các bánh xe nhỏ rít lên ở các hành lang. Sau cùng, nó đã hiện ra, một hình khối to lù lù, bóng loáng như một con cá voi. Chúng tôi đứng chờ đằng kia, dưới bảng giờ tàu, trước

những đường sắt vắng tanh, chỉ có một gia đình bé nhỏ: Clara, Ann và Gabriel.

- Đường nào? – Trưởng nhóm khuôn vác hỏi.

- Đường số 3, - Ann đáp.

Đó là đường Varsovie – Berlin – Cologne, chỗ tàu đến. Đoàn người nhỏ bé tiến lên. Trước hết là chiếc đàn Steinway và đoàn tùy tùng Calberson. Rồi đến gia đình nhỏ bé.

Chúng tôi đi về phía Đông, đi tới chỗ xa nhất có thể được, ít nhất là ba trăm mét, đi dọc các quầy bán bánh mì kẹp thịt đã đóng cửa, đến tận nơi cùng đường trải nhựa và bắt đầu có đường tàu.

Samson Francois trước đây là học trò trẻ tuổi của ông Markus, bây giờ đã nổi tiếng, anh để chúng tôi phải đợi không quá nửa giờ. Anh chạy đến gặp chúng tôi, một dáng người dài và tối, với chiếc khăn quàng trắng quanh cổ.

Dẫn sao, anh ta cũng tạ tội: Xin thứ lỗi, vì tôi đã phải dạo lại lần thứ hai ở Gaveau.

Hình như anh ta vẫn còn xúc động vì sự cổ vũ vừa qua. Nhưng khi anh ngồi xuống ghế, ta có thể nói rằng anh đã cắt đứt mọi liên lạc với mọi người. Anh đắm chìm vào kỷ niệm. Anh ta bắt đầu khóc.

Anh đã chơi bản nhạc *Carnaval* của Schumann, không được hay lắm, vì chơi mạnh quá. Anh muốn rằng phương Đông cũng nghe thấy.

Liền sau đó, anh tạm biệt chúng tôi:

- Rạng sáng mai, tôi sẽ đi Madrid bằng máy bay.

Chiếc đèn Steinway đem đi theo anh ta, do ba chàng lực sĩ Calberson chuyên chở.

Chỉ còn lại chúng tôi đứng nhìn những đoàn tàu chằng chịt, lấp lánh. Ở xa, nhiều ánh sáng di động, đỏ và trắng, chúng cho ta cảm giác là có vật gì đó tiến lại gần. Có lẽ đó là những xe đang qua cầu ở phố Lafayette.

Giấc mơ

Họ trở về, bà Élisabeth và ông Markus.

Gabriel đứng một mình ở ga phía Đông để đón họ. Ông đứng đó giữa đêm khuya với bó hoa, dưới tấm bảng tàu ngày hôm sau.

Họ trở về, bà Élisabeth và ông Markus, theo sau là tất cả những người khác, sáu triệu người.

- Chúng ta đi ăn thôi, - Gabriel nói.

Thế rồi, ông đã mở cửa tất cả các nhà hàng ăn ở Paris, lớn cũng như nhỏ, các tiệm: *la Tour d'argent, les Chez Georges, Chez Germaine, Au rendez-vous des pêcheurs*, tất cả. Không biết ở Paris có đủ chỗ ngồi, có đủ đĩa, giỏ bánh mì và bộ đồ ăn cho sáu triệu người không?

Gabriel đi đi lại lại từ bàn nọ sang bàn kia, kiểm lại xem có thiếu gì không. Ông thì thầm: đây là bữa ăn đẹp nhất và lớn nhất thế giới. Ông cũng muốn nhảy. Ông hãnh diện về thành phố của ông. Ông đã quên chuyện Vel d'Hiv. Chỉ có một mình ông nói. Tiếng động, giữa sự im lặng của sáu triệu người, đã lay ông thức tỉnh.

V

Ông Louis đã mắc phải cái bệnh của thời đại.

Người ta có thể thay đổi cuộc đời. Những bất hạnh của con người không phải là vĩnh cửu. Một ngày nào đó, một cuộc cách mạng sẽ thay đổi cuộc đời. Và ngày đó đã chờ sẵn ở đằng kia, ngay sau đường chân trời. Chỉ cần phá đi những cản trở cuối cùng, cắt bỏ những dây chằng là các ngày ấy sẽ hiện lên như một khinh khí cầu rực sáng, một mặt trời nhân tạo, nó có thể thay đổi cuộc đời, thôi, Gabriel, đừng có nhạo báng nữa. Ông Louis nói vậy, cũng như nhiều người khác ở thời buổi ấy.

Đó là một bệnh ác tính với những cơn nóng đột ngột, sự ham muốn ôm hôn khách qua đường, với sự triu mến tàn nhẫn đối với bầu trời sáng và sương mù buổi sáng (nếu họ biết rằng chúng sẽ tan biến đi vĩnh viễn, nhường chỗ cho ngày đẹp trời...), với sự căm thù những ai còn luyến tiếc dĩ vãng và những ai không dám chuẩn bị hành lý khi cuộc đời đã ở kề bên. Người ta nghe thấy tiếng nước sông chảy! Này, Gabriel, chắc chắn là ông đã điếc rồi, ông không cảm thấy gì sao, ông không cảm thấy là chúng ta đang tiến lên phía trước sao? Hãy đến gặp tôi trên chuyến tàu của Lịch Sử.

Đó là căn bệnh của thời đại ấy, bệnh hy vọng. Một bệnh mà ai cũng muốn mắc: thanh niên mắc vì họ phải kiếm sống trong nhiều năm tháng ở phía trước họ, những người già mắc vì họ phải lấp lỗ hổng phía trước. Chưa bao giờ, kể từ năm 1789, căn bệnh này lại tác động mạnh đến thế. Chưa bao giờ bệnh dịch này lại lan tràn đến thế.

Thoạt đầu Gabriel cũng thử chữa cho ông Louis bằng thuốc an thần. Nhưng ông Louis không nghe Gabriel nói. Tất cả mọi lập luận (cuộc sống không thay đổi như vậy đâu, ông Louis, cuộc sống nặng nề lắm, Louis ạ), tất cả lý thuyết ấy, chỉ là một thứ củi để nuôi ngọn

lửa hy vọng. Gabriel không nói gì, ông đứng ở bên bờ và nhìn căn bệnh nảy nở. Căn bệnh không phải do vi trùng này, ngày một nặng thêm, căn bệnh giữa con người với nhau này đã đột nhiên xuất hiện, được con người duy trì, làm cho gay gắt hơn và đưa đến giới hạn (đến chỗ chết) và bỗng nhiên bị con người chặn đứng lại. Con người có lợi thế hơn vì khuôn ở chỗ con người nhìn thấy họ bằng mắt thường và họ hay tán chuyện: muốn biết ý định của họ, ta chỉ cần đồng tai nghe.

Đó là một căn bệnh đã tạo ra một việc làm:

- *Những người đãi vàng*: họ lọc thời gian và ngày tháng trôi qua, họ chỉ giữ lại những hạt nhỏ, những cái mà Billancourt mong muốn;

- *Những người mạ vàng*: họ phủ vàng lên mọi thứ nhạt nhẽo. Họ giống như những người thợ sơn trong xây dựng. Thí dụ như Eluard và Aragon, những thợ mạ vàng đứng hàng đầu. Eluard ca tụng tự do và sự trong suốt của không khí, còn Aragon thì muốn tất cả nhân loại đều ký vào một hợp đồng thân ái. Một tình yêu nếu không điên rồ thì ít ra cũng thủy chung hoặc là điên rồ vì quá thủy chung.

- *Những người thổi lửa*: họ đi lang thang khắp thành phố, má họ giãn ra vì họ đã thổi lên mọi người để sưởi ấm họ, một thứ âm nhạc kinh khủng mà không cần nhạc cụ;

- *Những người khai trừ*: họ đã lấy mất hy vọng của những người bị nghi ngờ, có vấn đề...

Rồi ông Louis hỏi con trai ông.

- Thế nào Gabriel?

Và Gabriel cũng muốn thử để dòng nước cuốn đi, và cũng muốn đắm chìm vào niềm hy vọng. Nhưng cái anh giữ lại chính là cái nhún nhảy của những cuộc diễu hành, giống như những miếng quặng trên tấm thảm quay.

Dẫu sao, ông Louis cũng không lán tới. Ông biết là con ông có mắc mứu.

- Ta hiểu nỗi buồn của con, Gabriel. Ta hiểu, Gabriel, bệnh tưởng về cao su. Nhưng con sẽ thấy, một ngày nào đó, con sẽ cảm thấy sự vận động.

Và Gabriel thấy rằng *bệnh hy vọng* là nghịch cảnh của *bệnh cao su*. Không có hy vọng gì ở cao su mà chỉ có nỗi sợ làm đứt, có chăng người ta chỉ ưa thích những hình thái ban đầu. Cũng như vậy, không có hy vọng gì ở nền dân chủ. Một con người vẫn là một con người, ở nước nào cũng vậy. Người ta có thể kéo giãn, làm phình to, nhưng nước Pháp vẫn trở lại kích thước ban đầu: không phải một Đế quốc mà là một hình lục giác đơn giản, một cường quốc trung bình.

Hy vọng là một bệnh nhiệt đới, còn cao su là *một bệnh ôn đới*.

Đó là một thứ hy vọng rất rắn chắc, đã đến giới hạn của sự xác thực. Không khí đã biến mất, không phải nhẹ hơn hay tự do hơn mà là chẳng chịt đường ray và khung sắt. Đi lượn và tán hão đều bị cấm. Không khí dắt anh đi đến tương lai ở đầu đường đằng kia. Ông Louis cũng chưa gia nhập vào chủ nghĩa cộng sản, ông mới chỉ đứng ở *vùng ven đô*. Đảng còn cảnh giác với nhiệt tình của ông và trước hết là những xu hướng muốn phô trương của ông. Vì ông Louis vẫn chưa thay đổi. Ông vẫn muốn tổ chức những cuộc triển lãm: chủ nghĩa cộng sản toàn cầu (tất cả mọi nước, mỗi nước đều giác ngộ chân lý và sẽ có những ngày mai tươi sáng), tiểu sử mẫu mực của Staline (xây dựng từng gia đoạn, cho một tương lai rực rỡ).

- Các bạn sẽ thấy rằng bài học của một cuộc triển lãm tốt sẽ thấm vào máu, và sẽ làm cho các gia đình gia nhập hàng loạt.

Nhưng Đảng muốn rằng niềm hy vọng phải bị phần nào che đậy. Đảng cũng cảnh giác với những dẫn chứng có tính triết học "Comte"

mà ông Louis thường đưa vào các diễn thuyết.

- Những người theo chủ nghĩa chứng thực chỉ cần đi cạnh chúng ta. Chúng ta cũng cần có những người bạn ở ngoài Đảng.

Như vậy ông Louis thuộc vào hạng người hỗn tạp: *Những người bạn đường*.

Còn Gabriel, ông được liệt vào một thế giới khác, thế giới của những “đồng minh đối tượng”. Chỉ vì cao su. Chiếc xe hơi bình dân đang được sản xuất cần đến những bánh xe nhỏ, đòi hỏi những chiếc lốp thích hợp.

- Gabriel Orsenna, người đã tham gia vào sản xuất chiếc xe bốn mã lực, không thể bị coi là kẻ thù của thợ thuyền.

Người ta coi ông ta cùng loại với thợ thuyền Léon Blum, nhà tư sản xả hội chủ nghĩa lớn, người sáng tạo ra những ngày nghỉ, dù rằng ông đã bị vô vàn nhục nhã. Gabriel Orsenna cho phép những cuộc di chuyển. Người ta thứ lỗi cho ông, dù chán ghét ông.

Chiều thứ Bảy, ông Louis nghỉ việc. Ông đến gặp đối thủ của tôi là Dekaerkove, người vạch ra đường đưa xe đạp Vòng Quanh nước Pháp, tại ngoài hiên tiệm *Grand Zine* Đại lộ Poissonnnière.

Họ gọi hai chai bia và ngắm cảnh tượng sau chiến tranh.

Vẫn các đám đông như hồi trước năm bốn mươi, đi tản bộ không mục đích, vẫn những đôi nghiêm nghị, vẫn những nhóm đùa cợt, vẫn những cô gái da nâu, những người bán hàng lậu thuế, vẫn những cái cà vạt có hình đàn bà khỏa thân với những chiếc dù mở rộng, vẫn những đồng hồ có chân kính trên những cánh tay xăm hình. Các cửa hàng lại mở cửa. Những chủ nhân cũ và mới xuất hiện ở bậc cửa ra vào, nụ cười trên môi, một thứ xã giao của nhà buôn. Cần phải tìm lại chỗ đứng. Rồi, những người mà ta tưởng là đã mất lại thấy hiện ra.

- Kia Edmond, - Dekarkove gọi to, - hãy đến xem này!

Trong khi Edmond tiến lại gần thì người vạch ra đường đưa Vòng Quanh nước Pháp cung cấp cho ông Louis những thông tin cần thiết về Edmond, con người trước kia xếp chữ cho một tờ nhật báo, độc thân và là người kháng chiến.

- Trước đây anh ở đâu?

- Tổ chức FTP, ông bạn già ạ. Tôi vừa xuất ngũ. Thật là kỳ phải không, sống mà không cầm súng.

Rồi chiều chiều, họ chuyện trò với Edmond, Marcel, René... Những người ló ra từ cuộc kháng chiến hay từ những trần giả ngỗ Panoramas, ở đó, một số người này đã sống ẩn. Thí dụ như Élie, một người thuộc da lông thú ở phố Bergère. Ông ta bị đau tai vì đã phải lắng nghe mọi tiếng động một thời gian khá dài.

Còn những người khác nữa, những liên lạc viên ở các quán rượu, hay quán Sáu Ngày, họ đã biến đi đằng nào mất. Ông Louis và đối thủ của Gabriel cố gắng nhớ lại tên họ. Tính xem những ai vắng mặt quả là một việc khó khăn. Họ nói về thể thao, về báo chí.

Luận thuyết của Dekarkove thật đơn giản: thời hậu chiến là thời đại vàng của báo chí thể thao.

- Sau ngày đình chiến, nhân dân lại buồn chán. Nhưng hãy thận trọng Louis, khách hàng bây giờ khó tính hơn. Người ta cho họ cái thói quen thưởng thức những cuộc thi hồi hộp, những chỗ ngoặt bất ngờ: Stalingrad, Monte Cassino, El Alamein. Bây giờ họ không còn thích thú với một nước rút nho nhỏ ở cuối cuộc đua Paris – Vimoutiers.

Ông Louis lắc đầu.

- Anh nói có lý. Chúng ta hãy sáng tạo thêm. Báo chí thể thao là cái bổ sung cần thiết cho chủ nghĩa cộng sản. Trong khi chờ đợi các buổi chiều vĩ đại ấy, mỗi sáng, người ta vẫn còn cần rất nhiều sự việc. Rồi hai người bạn đòi hỏi những khăn trải bàn bằng giấy.

- Thưa các ông, nếu các ông muốn ăn tối, xin mời đến quán bia.

- Tối nay, ông này và tôi chỉ ăn khăn trải bàn thôi, có phải không Louis?

Và họ vẽ ra trên bàn, khoảng cách giữa các cốc, những hành trình như trước kia, chỉ có tên là đổi khác: Cuộc đua giải phóng dân vệ (trước kia có tên là Cuộc đua vòng quanh Đế quốc), Chiến tích giải phóng (cuộc đua ô tô Paris – Tamanrasset – Tombouctou – Dakar, trước kia giải thưởng René – Caillé).

- Thưa các ông, đến giờ đóng cửa hàng rồi.

Họ ôm hôn từ biệt nhau, trong xe điện ngầm, ngay sau lưng người bán vé.

- Ngày mai vào chín giờ ở Longchamp, như mọi khi nhé!

- Hẹn đến mai.

Dekaerkove đi về phía cửa Italia, đổi xe ở République, còn bố tôi thì về Levallois, đi ngang qua Havre – Caumartin. Gabriel, như những kẻ thích ganh đua, xem lại các kế hoạch và vẽ lại các hành trình.

Trong hai người, ai là người nghĩ đến Á Châu trước, một ý nghĩ rất sai lầm?

VI

- Phải. Một ngày nào đó ta phải nghĩ đến cái chết. Gabriel, anh nghĩ sao?

- Bố sợ ư?

- Phải.

Từ sau cuộc chiến, những thói quen của hai bố con Orsenna đã thay đổi. Thí dụ *những bữa ăn trưa thực tế* không cần đổi địa điểm nữa. Tiệm La Coupole là nơi họ ăn thường xuyên và cố định, vì ở đó có một anh chàng da đen to lớn đội mũ sesia đỏ, chuyên pha cà phê trong một quả cầu trong suốt mà Louis tin rằng nó làm bằng pha lê. “Khi ta thấy hắn, là thấy có một cảm giác kỳ lạ, Gabriel. Chắc chắn, một ngày đẹp trời nào đó, hắn sẽ nói cho ta biết tương lai sẽ ra sao và đồng thời hắn gợi cho ta nhớ lại thời đại hoàng kim, anh có nhớ không?”

Một điều mới lạ nữa là hai bố con không chỉ nói đến phụ nữ. Chắc chắn họ sẽ đến ngồi ở bàn chúng ta, lần lượt từng người một, cô tóc nâu cũng như cô tóc hung, những bóng ma của thời xưa, những người vợ chưa cưới của nhà Levallois, cô dâu Alésia và cô Nathalie tóc nâu, người đã thử nuôi cá trê trong thời chiến... Họ ngồi kia, hơi thẹn thùng, mỗi người một mùi nước hoa, một kiểu cách gỡ tóc, một kiểu quần áo, có người muốn tỏ ra vui vẻ, có người ngược lại, ăn mặc theo một mùa thu. Nhớ tới những kỷ niệm đó, họ như cảm thấy những cánh bướm đủ màu, và hai bố con thật là sướng khoái. Nhưng chuyện trò về phụ nữ nhạt dần. Một nhân vật khác đã tới và dần dần chiếm lĩnh trận địa.

- Anh nghĩ sao về cái chết, Gabriel?

- Sống thì tốt biết bao Gabriel, nhưng cho đến nay, chúng ta đã quên mất cái chết.

- Anh hãy nói đi, Gabriel, chúng ta sẽ giải quyết vấn đề ấy như thế nào?

- Hãy bỏ cái dáng vẻ thoải mái ấy đi, Gabriel. Ở tuổi anh, cái chết đe dọa như đối với ta, có lẽ còn hơn nữa kia. Ta còn có Longchamp để rèn luyện sức khỏe.

Rồi thì bố con Orsenna, với một cách có hệ thống (họ là những người thích hệ thống), điếm qua những cách chết dịu dàng, sự trợ giúp của mỗi tôn giáo, sự dũng cảm của người không tôn giáo, thí dụ của Jean Moulin, của Pierre Brossolette, những say mê của Bach... Họ không tìm thấy biện pháp nào hữu hiệu. Tốt thôi. Bản tổng kết *những buổi ăn trưa thực tế* là: anh vẫn sợ chết chứ? Còn ta cũng thế.

Những buổi chiều ấy, sau khi từ giả ông Louis, Gabriel không thể ngủ được.

Trước hết, phải lấy lại sức, vì mọi giấc ngủ đều là một cuộc du lịch.

Gabriel lấy ở túi ra quả bóng nhỏ và nhờ có nó ông dần dần lấy lại sức.

Những cái bật nảy ấy đều gây tiếng động.

Người ở buồng dưới hẳn là tức giận. Ông ta có một nghề bình thường, có thể là danh giá nữa (nghề xuất bản những tiểu thuyết không có cốt truyện, không có nhân vật. Tóm lại là, *không có cái gì bật nảy cả*).

Nhưng ông không nổi giận, Nhà xuất bản kỳ lạ đã dùng chổi quét trần, phần để quét chứ không phải là phần cán, theo cách hung

hăng như hầu hết mọi người thường làm, gõ trần nhà mình (sàn nhà tôi). Và sáng hôm sau, khi gặp tôi ở cầu thang, không hề có lời chua chát, ông ta chào lẩm bầm, và tiếp tục theo kế hoạch kỳ lạ: những tiểu thuyết không có tính tiểu thuyết.

Gabriel lẽ ra phải đoán ra ông Louis nói càng ngày càng nhiều về Viễn Đông, về sự đầu thai, về thuyết luân hồi, và nhất là về sự say mê của ông đối với giống nấm, theo ông giải thích thì giống này chỉ có mùa là nảy sinh và cứ mỗi khi thu đến lại tái sinh, giống nấm chứng tỏ là đạo Phật đã thấm nhuần trong thiên nhiên...

Gabriel đón nhận những thuyết trên một cách rầu rĩ (có lẽ cha ta đã trở thành gàn dở?) và theo ông Louis đi bộ trong rừng Rambouillet chỉ vì buồn phận, và không thích thú, mắt Gabriel luôn nhìn đồng hồ và tỏ ra miễn cưỡng (khi người ta đã biết rừng Amazone, Belem, Manaus thì Saint – Arnoult, Rochefort – en – Yveline chẳng có nghĩa lý gì?)

Xuống xe, họ đi vào rừng, và lập tức ta thấy ông Louis cúi gập người xuống và đối với ông, khi đó chỉ còn tồn tại các loại nấm...

Ông đã mặc bộ trang phục rất thích hợp, từ đầu tới chân ta thấy: mũ hình quả chuông màu đỏ gạch như của những người đánh cá trên tàu thủy, áo gile màu nâu đen có rất nhiều túi, quần nhung to sọc màu vàng hung có vá da ở đầu gối, giày cao cổ, giỏ mây có đáy phẳng, kính lúp, dao Opinel có ba cỡ khác nhau và cuốn sách hướng dẫn của Hachette về các loại nấm ở Châu Âu.

Nếu Gabriel thông minh thì ông đã đoán ra được là những ngày cuối cùng đã tới và ông cũng sẽ cùng với bố đổ bộ vào cõi hư ảo cuối cùng là đạo Phật trong thế giới thực vật. Sau hết, phải chăng cao su cũng là một thứ vật chất thay hình đổi dạng nhưng không chết?

Nhưng, dù Gabriel đã dùng quả bóng đỏ để tăng sinh lực, Gabriel vẫn cảm thấy mệt mỏi, già nua, và không có đủ sức để chuẩn bị hành lý đi phiêu lưu cùng với bố. Lần này, Gabriel đã giống như tất cả những đứa con trai trên thế giới, ông là một đứa con tồi. Ông đã lười biếng, ông tin hoặc giả tưởng như tin rằng ông Louis đã trở thành một đứa trẻ thơ. Gabriel để mặc ông vui đùa, còn Gabriel tìm một chiếc ghế ngồi ở giữa khu rừng.

- Bố sẽ tìm thấy con chứ?

- Cố nhiên rồi, Gabriel!

- Vậy thì bố cứ việc vui chơi thỏa thích.

Và trong khi ông Louis miệt mài với các bạn mới muôn màu của ông (các loại nấm) thì con trai ông vùi đầu vào một cuốn truyện tiếng Anh của Elizabeth Goudge, Daphné du Maurier hay Aldous Huxley. Gabriel giống như một người mẹ trong gia đình, vì quá mệt mỏi nên không thể chịu đựng nổi những trẻ sơ sinh được nữa.

Đúng lúc đó, ông Louis đột nhiên vui mừng, cái vui cuối cùng của đời ông. Orsenna bước đi chậm chạp như một con tàu trắng đi dọc theo cảng.

Gabriel đã để nó đi qua, con tàu trắng ấy, Gabriel không có ý nhảy lên tàu, không hề mỉm cười, không hề vẫy khăn tay. Có lẽ sau này, khá lâu sau đó, khi đã quá muộn.

- Này Gabriel hãy tới đây xem này!

Ông Louis kêu lên, ông Louis líu cả lưỡi.

Con trai ông luyện tiếc rồi khỏi quyền truyện tiếng Anh.

Đó là một thứ nắm không lồ, vươn mình trên đám rêu, hướng thẳng lên trời, thân màu tím hơi xoắn lại, với chiếc mũ trong nước màu nhạt hơn.

Louis cười khoái chí.

- Hãy nhìn xem (ông ta nắc lên), đây là thời niên thiếu của chúng ta...

Gabriel nhún vai. Ông Louis khốn khổ, ông già Louis khốn khổ đã lẩm cẩm rồi, tuổi già của bố mẹ quả là một gánh nặng: những tư tưởng đó quay cuồng trong đầu óc Gabriel, một lô những suy nghĩ nhạt nhẽo và xấu xa của đứa con nhạt nhẽo, xấu xa... Thế rồi Gabriel quay lại, chiếc ghế dài với cuốn truyện của Daphné du Maurier (Rebecca), một nữ văn sĩ có năng lực xua đuổi được những tư tưởng rối ren. Sau đó, ông Louis tới chỗ Gabriel.

- Gabriel, anh hãy nhắm mắt lại và đếm tới một trăm.

- Đồng ý thôi. Nhưng bố đừng có đi quá xa. Chúng ta sắp phải về rồi.

Gabriel đã chấp nhận đề nghị trên và cũng chẳng ngược nhìn bố nữa. Gabriel bắt đầu đếm to: một, hai, ba, bố sẽ thích khi nghe mình đếm, mười tám, mười chín, hai mươi. Nhưng ông già không phải chỉ nghĩ đến tình dục, họ còn có những ý ngông cuồng... Chín chín, một trăm.

Khi Gabriel bỏ tay xuống, và mở mắt ra, khi những đom đóm mắt đã hết, vì sau khi mắt bị bịt chặt, Gabriel chỉ thấy có một mình. Người con mắt bố kêu to, tìm kiếm, chạy cùng đường, khắp chốn, hỏi thăm những khách vắng lại, người coi rừng. Không có kết quả gì. Cả ngày hôm sau cũng thế. Ngày hôm sau nữa, Gabriel phải nhờ đến sở dịch vụ tìm kiếm thân nhân.

- Người trẻ cũng chẳng có cách tìm kiếm hướng chi người già...

- Dụ gái làm dĩ thì có đấy, ông bạn ạ, nhưng dụ dỗ người già thì có thể tin được không?

Hai ngày sau, Gabriel nhận được một bức thư đóng dấu ở phố Louvre.

Cảm ơn anh đã đếm THỰC SỰ đến một trăm

Ta không thích những lời vĩnh biệt

Thế này thì tốt hơn

Hoan hô *Cortinarius Violaceus!*

Thế là bố tôi, ông Louis đã biến mất.

Thế là cuộc sống chung của chúng tôi trong bảy chục năm trời đã chấm dứt.

- Bình tĩnh nào, Ann nhắc lại. Bình tĩnh đi, anh, em biết ông Louis hiện đang ở đâu: ông ấy sang Đông Dương buôn xe đạp cùng với bạn là ông Dekerkove. Anh sẽ thấy họ trong văn phòng của em, họ mặc quần áo đua xe đạp, họ nắm tay nhau rụt rè và run rẩy, anh thử tưởng tượng xem, họ mặc quần đùi màu hạt dẻ, bít tất đỏ, như hai anh em sinh đôi, họ từ Longchamp trở về; anh có nhìn thấy đầu những cộng sự của em không? Thôi đi Gabriel, đừng rầu rĩ nữa. Không phải trên đời này chỉ có ông Louis. Nỗi buồn của anh không làm bọn em hài lòng đâu. Hãy để ông Louis được yên. Ông ấy muốn ra đi trước khi tàu đắm, cũng giống như E Élisabeth. Ta phải tôn trọng những hành động ấy. Hãy ôm hôn em đi, Gabriel!

Ông Orsenna Gabriel.

Sản xuất lớp xe

Clermont

Auvergue

Levallois

Đảo Jatte

Seino

13 Đường Western Wemys

Cannes – la – Bocca

Bức thư dán tem Pháp, có dấu của Quận XII, có ghi ba địa chỉ, nhưng gạch đi hai, mảnh giấy trắng hình chữ nhật bướng bình này đã đến nơi vào ngày 30 tháng Ba năm 1954 cùng với chiếc xe tải của những người dọn nhà thuê. Gabriel giật bức thư từ tay người đưa thư (“đồ sàm sỡ”, cái ông này, ở tuổi ông mà còn yêu đương à?) Và chạy vào một góc vườn để đọc thư ngấu nghiêng sau những bụi cây mỡ hạc. Cũng lúc đó, ở trong nhà vang lên tiếng Ann ra lệnh, tiếng bàn ghế kéo lê trên nền gạch, tiếng Clara thở dài, tiếng gõ giày của bà L., bà quản gia khó tính: gõ giày là cách của bà ta để phản đối những người bắt lực.

Ngày 1 tháng Một năm 1953

Những chủ ngân thương mại là những bà hoàng Victoria. Họ còn mạnh hơn nữa kia, Gabriel. Nhà ở của họ kín đáo như một nhà chứa..

Một sự giống nhau rất bình thường: ở cả hai nơi đó, người ta đều đến để thực hiện những giấc mơ.

Như vậy là bố đã đi cùng với ông bạn là Dekærkove đến địa chỉ đã cho ở không xa chợ Saint – Honoré (món ăn đặc sản Italia, đậu xanh mùa nào cũng có, muỗm má đào...).

Đúng là người ta đã đợi ta. Khi chúng ta vừa bước qua cửa, một tiếp đãi viên đã tiến tới nghiêng mình và chào ông Orsenna với giọng một chủ nhà băng, ngân rất dịu dàng, thì thầm, nhưng không nịnh bợ quá, Gabriel ạ, một giọng nói mà người ta hiểu ngay rằng nó có thể đè bẹp một kẻ làm đường khó chịu đã vô tình xâm nhập vào câu lạc bộ: Xin ông hãy theo tôi. Anh ta vừa đi vừa dang tay, và chúng ta đã gặp những thanh niên cao tếu, rất hốc hác và con cũng sẽ như họ trong cuộc đời sau, Gabriel ạ. Cố nhiên là vì hy vọng vào nền tài chính nên dù vội vã, họ vẫn kính cẩn chào ta. Sau cùng, chúng ta vào một gian nhà có mái kính, rộng như một nhà ga nhưng không có chiếc xe lửa nào, không có một nhân viên đường sắt nào. Anh hãy hình dung, một gian nhà màu vàng, yên tĩnh và sạch sẽ như thành phố Florence, một khu vườn mùa đông, rộng lớn, phủ thảm xám và ở bốn góc có trồng cam.

Chính ở đó, Gabriel, bố đã đứng đợi dưới bóng một cây cam, và suy tưởng đến cuộc đời sau này của chúng ta, của bố và của con.

Vài phút sau.

Một cánh cửa mở ra và một phụ nữ lịch sự tiến đến. Trong khi bà ta tiến bước, bố thấy phòng đợi sao mà rộng thế, Gabriel, bố biết rằng bà ấy đi tới gặp bố, dù rằng bố không muốn tin vào điều đó. Bố đã đoán đúng, điều đó chứng tỏ rằng, dù không có hiểu biết gì, bố vẫn có linh tính nhà băng.

Khi tới một khoảng cách xã giao giữa con người, bà ấy mỉm cười với bố. Bà khoảng ngũ tuần, mang coóc xê lụa, váy bằng vải len mỏng, làm chủ tuyệt đối thần kinh mình, ngay cả những khi hành kinh, bố có thể cam đoan như thế. Những nữ thư ký của Haute Banque đều như thế.

Sau một cuộc tản bộ, vừa đi vừa nói chuyện, vì các nữ thư ký ở trình độ ấy thích tán chuyện, chú ý tới anh, tóm lại, tiếp đón anh trong khoảng thời gian chỉ đủ cho người ta thấy được những bức tranh trên tường là của nước Anh, tranh về săn bắn, đi thuyền... thì những cánh cửa hé mở. Giữa tiếng cọt kẹt của sàn gác (một thứ âm nhạc thú vị giống như tiếng lửa cháy trong lò sưởi), Ann đứng dậy, đi vòng quanh bàn làm việc và ngồi vào chiếc ghế bành Ai Cập (chỗ đặt tay có chạm đầu sư tử), rồi mời ta ngồi vào chiếc ghế đôi.

- Tôi rất sung sướng được tiếp ông, thưa ông Orsenna. Và nhiệt liệt đón chào bạn ông? Ông Dekærkove? Một cái tên Bỉ rất đẹp. Chúng tôi có những mối quan hệ rất tốt với nước Bỉ.

- Vậy chính ông là ông Louis Orsenna. Tại sao con trai ông lại giấu ông?

Chúng ta đã nói rất nhiều về anh, Gabriel ạ. Cô ấy cũng như bố, không hiểu được vì sao anh lại chọn nghề cao su. Tiền bạc thì mềm dẻo hơn, mạnh hơn và cho phép nảy lên nhiều hơn biết bao nhiêu.

Bố không bịa thêm gì hết, cô ấy đã dùng những từ như vậy đó: “tiền bạc là nguyên liệu đầu tiên, chớ quên điều đó. Nó trên con thuyền của mình, đã không cần phải chở những súc vật nặng nề mà chỉ cần đem theo một văn tự nọ là đủ...”.

Về điểm cuối cùng này, có lẽ cô ấy đã đi quá xa. Nhưng đó là hậu quả của sự say sưa. Anh đã có một cô em dâu khá đấy, Gabriel, cô ấy nói có lý! Tại sao lại chọn nghề cao su?

Có lẽ, chúng ta đã ngồi đến tận chiều để nói chuyện về con ở nơi tuyệt vời này nếu không có tiếng chuông lanh canh phát ra từ những tượng thần Hermès với đôi chân nhẹ nhàng và những tượng tiều thần bắn cung^[30]. Trên chiếc đồng hồ của nhà băng, một tác phẩm chạm trổ thần thoại.

- Lạy Chúa, đã bốn giờ rồi. – Ann nói.

Để khỏi lãng phí thời giờ của nữ hoàng Victoria, bố đã đề cập lý do cuộc viếng thăm, những công việc làm ăn. Bố đã nói nhanh gọn. Đó là nhịp điệu mà những nhân vật cỡ lớn ưa thích, có phải thế không?

Kế hoạch làm cô ta thích thú. Nhưng cô ấy đã giải thích nhẹ nhàng là cái chết chưa phải là món hàng có thị trường. Không phải cô chê bai để ăn trên, ngược lại là khác.

- Tôi sẽ trình bày đề án này tới một khách hàng của chúng tôi, một nhà sản xuất lều bạt ở xung quanh Địa Trung Hải. Có lẽ, sau kỳ nghỉ, ông ta sẽ quan tâm đến cái chết. Đó là một viễn tưởng có tính cách mạng. Phải đấy, nếu ta có thể tổ chức cho người ta chết ở Á Châu, ở nơi có thể đầu thai trở lại. Trong vài năm nữa, tôi tin rằng sản phẩm này sẽ tìm được thị trường. Nhưng bây giờ thì không, thưa ông Orsenna, ông không nên quên rằng những kế hoạch tốt nếu tung ra quá sớm sẽ đưa đến những thất bại thảm hại nhất. Không, quả thực tôi không thể đưa nhà băng của chúng tôi tham gia vào kế hoạch tang ma đó.

Cô ấy còn buồn hơn bố, vì đã phải từ chối, con hãy tin điều đó. Cô ấy tìm cách an ủi bố. Cô ấy đảo mắt nhìn từ trần nhà xuống đến cổ tay mình, cổ tay không có đồng hồ và đồ trang sức. Khi đó Dekarkove, người còn nhút nhát hơn bố đã đưa ra ý đồ về xe đạp, đầu tư vào xe đạp.

- Tuyệt vời! Người ta cho tôi biết là người Việt Nam đang điên lên vì xe đạp. Các ông hãy tới đấy xem có đúng không. Nếu đúng thì tôi sẽ tham gia đóng góp phần vốn lớn nhất trong Manufrance. Cố nhiên là ta sẽ quan tâm đến thị trường Trung Quốc.

Cô ấy bấm nút chuông.

Cô thư ký thanh tao đã quay trở lại.

- Geneviève, cô thu xếp các ông Orsenna và Dekarkove đi công vụ điều tra tình hình ở Đông Dương.

- Thưa bà, vâng ạ.

Cô ấy quay sang tôi nói:

- Nghề nhà băng của tôi là thế đó. Năm lấy thời cơ, đóng những cây cột trên đó sẽ xây dựng tương lai...

Lúc đó, cô ấy có cái nhìn của nữ hoàng Victoria. Chỉ cái nhìn là giống thôi. Phần còn lại thì khác: hồng hào, cao dong dỏng... Cô ấy bao nhiêu tuổi, Gabriel? Năm mươi? Hay hơn? Những cô da hồng hào hẳn là đã có với thời gian một hợp đồng nào đó nên thời gian đã bỏ quên các cô. Ta rất muốn biết. Ta run sợ.

Rồi chúng ta ôm hôn nhau, rất đơn giản trong phòng khách sạn sang trọng này, chính ở đây cuộc hôn nhân giữa Bonaparte và Joséphine đã được bàn tính, ký kết. Bỗng nhiên, cô ấy quên cả công việc và nhìn bố buồn rầu nói: Thế nào, ông Orsenna, ông nghĩ gì trong đầu thế? Ông hãy nhanh chóng từ bỏ những chuyện về cái chết! Ông hãy thử kinh doanh xe đạp. Không có gì tốt hơn cho sức khỏe.

Bố đã mỉm cười với cô ấy, đã cảm ơn cô ấy về chuyến công tác, đã hôn tay cô ấy. Bố đã làm những gì một người có giáo dục phải làm, tiếc thay là anh không phải lúc nào cũng làm thế. Trong cuộc đời tương lai, bố sẽ nghiêm túc hơn về mặt xã giao. Và bố đoán rằng dựa vào một số biểu hiện (hẳn là con đã nhận rõ sự am hiểu của bố về chuyện đó, đúng không? Một sự am hiểu vô ích ở độ tuổi của bố), bố nhận thấy là cô ấy là hạng phụ nữ làm tình đứng. Bố có nhầm không đấy?

Những cảm giác về nhà băng diễn hình nhất mà bố nhận thấy là lúc những cửa ra vào bằng da đỏ đóng lại sau lưng bố.

Người đón tiếp đứng thẳng dậy. Một viên chức trẻ của nhà băng đi ngang qua đúng lúc đó, trông thấy bố đi ra từ phòng thánh của các bậc thánh thì gần như đứng khựng lại và cố dồn hết mọi tình cảm vào ánh mắt nhìn bố (tôi – là – người – vui – tính – nhưng – khi – cần – thiết – tôi – rất – nghiêm – chỉnh – và – là – người – khỏe – mạnh – trung – thành – tôi – chẳng – thể – có – được – người – bố – mà – tôi – thấy – xứng – đáng – và – tôi – là – một – người – thường – có – mặt – trong – các – buổi – tiệc – đứng – Opéra – cuộc – đua – và – thuộc – lòng – các – khuôn – mặt – để – tránh – các – vị – có – thể – lực – giấu – tên – bắt – gặp – chẳng – hiểu – sao – tôi – lại – không – biết – ông). Thế là những viên chức đầy triển vọng của nhà băng, hình như được báo động nhờ giác quan thứ sáu (một bạn đồng nghiệp của họ, một kẻ thù không đội trời chung, đang có cuộc gặp gỡ có thể là rất hay), bước ra khỏi văn phòng của họ, một cánh tay cặp chông hồ sơ, họ cố ý gặp ta ở hành lang, và ta hiểu điều họ muốn nói: chúng tôi cũng rất có khả năng giúp ông một cách hữu hiệu trong những việc bí mật, xin ông nhớ cho điều đó.

Như vậy, bố anh đã rời khỏi tòa nhà đầy quyền lực trong một cảnh tượng đi lại lộn xộn ít thấy ở nơi đó. Phải thú nhận rằng, ta đã ra vào ba lần, giả tảng là có điều cần hỏi người tiếp đón, nhưng lại quên mất, rồi lại nhớ ra, có thể là người đón tiếp sẽ đánh giá thấp hơn, nhưng lại được những người qua lại nhìn bằng con mắt thèm muốn khi thấy bố bước ra từ một tòa nhà đầy quyền lực.

Nhà băng vạn tuế!

Lần này thì chắc chắn bố ra đi. Tạm biệt Gabriel!

Những người bố, không có con trai, đều là văn sĩ: ngay sau khi chúng ta chia tay nhau, bố đã cầm bút rồi. Bố muốn nói đến từ ngữ. Những đứa con trai không bố là những kẻ mồ côi. Nhưng những

người bố không con trai thì gọi là gì? Chỉ có thể “nhà văn”, hay từ gì khác?

Gabriel gấp thư lại, chậm rãi quay về phòng mình.

Người ta nghe thấy tiếng nói của chủ nhà vọng ra từ cánh trái ngôi nhà. Một cuộc tranh luận qua điện thoại, chuyện làm ăn về giấy, bao giờ cũng là giấy.

- ... Ông hãy thú nhận rằng, những người Thụy Điển có thể cố gắng trả tiền đúng hạn. Hai mươi nghìn cân giấy bao bì duplex, không phải là vô nghĩa đâu!

- ...

- Hãy cẩn thận, cẩn thận... Kormas – Marma làm căng quá đấy!

Ông chủ nhà im lặng khá lâu rồi lại nói tiếp (có lẽ vì những lập luận của Kornas – Marma).

- ... Còn món giấy lụa của ông thì bao giờ tới? Có đúng như người ta nói: bền, dai, ít thấm không khí ẩm, láng mặt rất tốt bằng máy cán không?

Giọng nói của chủ nhà yếu dần, những từ ông dùng ngày càng chuyên môn hơn. Gabriel cũng muốn giúp ông trong cuộc đấu trí về giấy này, nhưng ông giúp được gì? Cao su và giấy là hai ngành khác hẳn nhau.

Đại hội liên hoan ở Cannes

Sự ra đời của Hiệp hội Than và Thép của Châu Âu, sự khai trương Nhà hát nhân dân quốc gia, chiến tranh Triều Tiên, thành công của nhóm Casque d'or (Jacques Becker)... Còn Gabriel, ông sống với hai chị em Clara. Giống như nhà triết học Freud. Ông cũng rất muốn tranh luận với nhà bác học lớn này của thành Vienne về sự phiêu lưu đó. Trong lĩnh vực này thì Freud là bậc thầy: bốn mươi ba năm sống chung với hai cô Bernays, Martha (lấy làm vợ) và cô em là Minna mà ông thỉnh thoảng dẫn đi thăm thành Rome hay đi tắm suối nóng ở Bad Gastein, cô này mỗi khi về phòng mình đều phải đi qua phòng của hai vợ chồng Freud. Con người này phải có nhiều điều để nói về những chỗ giống nhau. Về những tiếng vang mà ta tìm kiếm, về cái gia đình đã nuôi và áp ủ ta, về cái tình cảm nhọn sắc và sâu xa hơn tất cả là sự loạn luân. Than ôi! Freud đã chết! Đáng tiếc, thật đáng tiếc, con người của thành Vienne không những chỉ yêu hai chị em cô gái mà còn yêu cả các giống nầm nữa. Có gì chứng tỏ điều đó không? Bức thư sau đây từ năm 1899 mà Gabriel đã phát hiện ra trong những đêm mất ngủ, đọc sách liên miên.

“Ngày nào chúng tôi cũng hái nấm. Ngày mưa đầu mùa tới, tôi sẽ đi bộ, đến tận nhà ông bạn quý Salzbourg, ở đó tôi đã tìm thấy những đồ cổ Ai Cập, lần thăm trước... Những vật này làm tôi vui và cho tôi biết về những đất nước và thời đại xa xưa.”

Chắc chắn là ngoài Ai Cập ra, Freud còn có nhiều khía cạnh khác nữa, Orsenna ạ.

Các cô ở đằng kia.

Ban ngày, các cô biến mất theo nghề nghiệp của họ, một cô thì với tiền bạc (Monaco, Genève, thiên đường thuế, chương trình bất động sản), một cô thì chụp ảnh (Saint-Paul-de-Vence dưới mọi khía cạnh hay họa sĩ Nicolas de Stael ngoài hàng hiên ở Antibes chụp phản quang), nhưng Ann và Clara có mặt ở đây để ăn tối, rồi đêm xuống, rồi buổi sang, Ann và Clara cho Gabriel điều mà ông mong

đời từ bao lâu: đó là cuộc sống hàng ngày, nghĩa là một cái gì tự nhiên, lười biếng trôi theo dòng nước chứ không phải cảnh tượng săn bắn, hoặc một đồng giờ phút chồng chất sống vô vị, hoặc cái thú vui của phần son cứ chiều tối lại xâm chiếm lấy ông khi tắt đèn, và còn đeo đuổi khá lâu trong đêm tối.

Ta đã thắng, ta đã thắng. Gabriel ngậy thơ nhắc đi nhắc lại và thỉnh thoảng lại thay nụ cười vĩnh cửu của ông bằng vẻ mặt nghiêm nghị (hãy coi chừng, hãy coi chừng những kẻ thanh thản làm phụ nữ phải chạy trốn) và Gabriel cũng phải kìm lại không vỗ tay cổ vũ mỗi phút trôi qua (người ta nói rằng, vỗ tay liên tiếp làm xuất hiện những đốm đen ở tay: hãy xem những người mê nhạc).

Những mưu mẹo đó không lừa được ai. Clara hơi bức tức (Mặc xác anh, Gabriel) còn Ann thì hơi cảm động (Im đi Clara, tôi lại thấy anh ấy khá hơn sau tất cả những gì chúng ta đã làm cho anh...)

Nhưng người chú ý tới Gabriel lại là bà quản gia. Buổi trưa, khi Gabriel có một mình, ở trong vườn vào mùa hè và ở thư viện vào mùa đông, Gabriel ngủ, và khi bắt đầu thiu thiu thì hình như cả ngôi nhà Wester Wemys vắng lặng. Quả vậy, tiếng gót giày của bà L. đã im bật: nấp sau cửa sổ, hay cái chụp đèn, dù có việc gì khẩn cấp đến đâu, bà ấy cũng không bỏ qua một cảnh tượng: một người nhỏ bé, già nua, sung sướng.

Mỗi Chủ Nhật vào bữa ăn trưa, Ann lại hỏi:

- Anh không hỏi tôi về tin tức của ông Louis à?

- Cố nhiên là có, nhưng anh không muốn cả hai em đều bị làm phiền. Thế ông Louis sống ra sao?

- Có điều chắc chắn là bố anh không phải là người thạo việc làm ăn. Anh thứ lỗi cho em vì đã nói điều đó chứ, Gabriel? Em đã tưởng

rằng xe đạp có thể bán cả ở Á Châu. Còn những chuyện khác thì đều tốt. Hình như thế.

Hãy coi chừng, chúng ta không hoảng hốt, chúng ta không nên lãng phí thời giờ để nhìn nhau. Không, không, chúng ta có cam đầu, chúng ta nói chuyện về tình hình thế giới và chúng ta nói về con, nói nhiều về con, con trai của chúng ta, đứa con muộn mắn.

- Liệu có còn hy vọng không, ở độ tuổi của chúng ta? – Ann và Clara đều hỏi như vậy.

Gabriel hết sức vấn an họ, tranh thủ lúc rỗi rãi để tra cứu sách y học và nhất là tìm hiểu về vấn đề hiếm con: Gabriel đã phát hiện được trường hợp bà Ruth Kistler ở Portland (Oregon) đã sinh cháu Susan ở lứa tuổi năm mươi tám...

- Có đúng vậy không, Garbriel, anh hãy thề đi?

Gabriel đưa quyển sách ra. Hai chị em cúi đầu xuống và hỏi nhau nhiều lần: Liệu một phụ nữ đứng tuổi có thể có một đứa con bình thường không? Còn tôi, với những đèn nháy của máy ảnh thì sao?

Tất cả những cái đó làm cho con hiểu một điều: con không phải thuộc hạng những đứa trẻ ra đời một cách ngẫu nhiên. Có lẽ không có đứa trẻ nào lại được mong đợi hơn con. Có lẽ thế, Gabriel muốn tự kìm chế, vì chưa có máy nào để đo sự ham thích cả.

Thỉnh thoảng khi cảm giác về một điều kỳ diệu về bầu trời xanh mùa hè, về sự mỏng manh, làm Gabriel lo sợ và giày vò trái tim ông thì ông lại tỏ ra vui vẻ, thoải mái và đề nghị: chúng ta đi chứ?

Thất bại.

Cả hai chị em lần nào cũng trả lời như sau: Gabriel đáng thương của em, những người đàn ông bé nhỏ như anh mà lại đề nghị đưa chúng tôi, những phụ nữ đầy đà, đi chơi bờ biển ư? Cứ làm như ở bờ biển chúng tôi làm anh đỡ sợ. Nhưng Gabriel đáng thương ời, anh hãy nhìn vào bản đồ, xem vị trí của Cannes-la-Boca, chúng ta đang ở bờ biển đấy thôi. Cần gì phải đi đâu, chúng ta đang ở bờ biển mà...

Đó là điều chứng tỏ họ vẫn chưa phục tùng, họ vẫn chưa hề mất đi cung cách của những nữ hoàng.

Con biết thành phố Cannes, con trai của ta, Gabriel, không cần phải làm con nhớ lại: một ngôi nhà rộng lớn cho người nghỉ hưu, với tất cả những tiện nghi cần thiết cho người về hưu: thầy thuốc tim mạch, người chăm sóc chó bông, thợ giày để nối rộng những chiếc giày làm đau chân, những chủ khách sạn dối trá sẵn sàng thề rằng thứ xộp bầu dục với rượu vang này rất rẻ, những nhân viên du lịch mùa đông... Một thành phố hơi tẻ, êm ả quá và không có con tàu thật nào ở bến.

Nhưng đến mùa xuân, không khí thay đổi hẳn, đoàn người trên chiếc tàu sân bay *Cinématographe* đổ bộ lên Croisette, tràn vào thành phố Antibes, lan ra tận Suquet: áo hở cổ, xì gà, chụp ảnh, xe du lịch mui trần, tiếng nước ngoài.

Lúc đó, những người nghỉ hưu ở Cannes, về đêm, trần trọc trên giường, họ như thấy lại những gương mặt trẻ trung, tiếng cười rộn rã, họ cảm thấy một nỗi buồn dâng lên trong lòng và họ tự nhủ: có thật cần thiết tổ chức một đại hội liên hoan trong một nhà nghỉ hưu không?

Tốt thôi.

Đại lộ Wester Wemys cũng không được miễn trừ. Hàng năm, nhà kinh doanh giấy vẫn cho thuê một cánh cửa ngôi nhà. Ông giải thích là không phải vì vấn đề tiền mà chính là để đánh thức dậy những ngôi nhà cổ của những gia đình cổ. Muốn đánh thức một ngôi nhà thì không có gì tốt bằng một đoàn làm phim.

- Ông Gabriel, xin ông hãy lịch sự, ông nên nhường cho họ một khoảnh nhỏ ở vườn, trong thời gian đại hội, không lâu đâu...

Như vậy là Gabriel, Ann và Clara bị nhốt trong nhà suốt mười lăm ngày, đến tận ngày phát phần thưởng. Bà L. kín đáo mang đến cho họ thực phẩm và từ sáng đến chiều qua cửa sổ, họ đứng nhìn những người thuê buồng, họ mỗi năm mỗi khác. Những người Italia trong phim *Sự huyền diệu của Milan* không giống chút nào với những người đến sau họ, những người Mexique giả trong phim *Viva Zapata*: cảnh tượng mỗi lần lại thay đổi, cảnh nào cũng có tác dụng đánh thức ngôi nhà cổ.

Gabriel không phải là kẻ hay tán gẫu. Ông sẽ không kể tên ai cả, cũng không tả lại những cảnh nhìn thấy ở phía bên kia sông. Để tôn trọng sự thật và để phục vụ cho lịch sử phim ảnh, Gabriel sẽ chỉ phát biểu đơn giản là, ngày hội do Alf Sjoberg tổ chức rất sôi động, thật là mới mẻ cái mà người ta có thể làm được ba người, khi đã quá nửa đêm, để ăn mừng huy hiệu cảnh cọ vàng. Hai năm sau, ta hãy hỏi Gisèle Pascal, người đã nắm tay Gary Cooper, xem cái gì đã làm cô đổ mặt tối hôm ấy. Những chuyên viên kỹ thuật của phim *Đồng lương khấp khiếp* có phải là hôm ấy, ăn mặc rất điệu, đã xoay quanh Ann Baxter bên cạnh một bồn sen cạn lớn? Còn Ann và Clara thì tôi thấy họ run rẩy, giậm chân ở cạnh tôi và cũng như tôi, họ đang mong ước được đổi buồng sang phía bên kia để được đi dạo trong vườn một cách vô tình và được người ta mời. May thay, liên hoan phim chỉ tiến hành trong gần hai tuần lễ, và hội hè thực sự thì chỉ bắt đầu vào phút chót!

Thế đó, thế đó, Gabriel dừng lại, chẳng ai biết gì hơn nữa. Cần phải giữ lấy sự thần diệu của nền điện ảnh lớn.

- Đừng dọn dẹp gì hết – nhà kinh doanh giấy ở Paris, người bạn ngày càng thắm thiết của Gabriel, điện về như vậy.

Và khi các công việc cho phép, ông ta đến Cannes gõ cửa buồng tôi:

- Tất cả tốt chứ? Ông cùng tôi, chúng ta đi dạo một vòng quanh nhà?

Gabriel và nhà kinh doanh giấy, cùng nhau đi tản bộ trong các phòng bị xáo trộn, thở hít không khí, thì thào bình luận: cái gương ở đằng kia, cạnh cái chậu rửa đĩa, không biết họ còn có gì sáng tạo hơn nữa không, các nhà điện ảnh này?

Nhà buôn giấy hớn hờ: ông cũng thích những ngày hội này chứ, có đúng không? Đồng ý là nhà của tôi cũng hơi bị hư hại, nhưng nó đã được đánh thức dậy, rất tuyệt. Ông có thấy là nó đã thức dậy không, Gabriel?

Những chiếc xe đạp của Hồ Chí Minh

Những chiếc xe đạp xuất xưởng Peugeot hay Saint-Étienne là các
tắc xi của chúng tôi ở de Marme.

Giáp.

Lần này, Ann không đợi ngày Chủ Nhật. Ann từ Monaco quay về vào đúng giữa trưa và hét toáng lên ngay khi vẫn còn ở ngoài phố:

- Ông Louis đã biến mất, biến mất tăm, chắc là những người cộng sản...

Clara ở ngay bên tôi, nằm dài trên bức tường đá nhỏ khô ráo, Clara đang mãi chụp một chi tiết của Tạo Hóa (một côn trùng? Một chồi cây keo?). Clara không chồm dậy mà vẫn tiếp tục áp ủ mục tiêu của mình, chốc chốc lại bấm chiếc nút bạc. Mãi sau Clara mới lên tiếng:

- Như vậy có nghĩa là anh sẽ ra đi, đúng không, anh Gabriel? Em rất thông cảm với anh, nhưng, rất tiếc, em bắt đầu thấy thích nghi với cuộc sống hàng ngày. Những ngôi nhà ở Cannes-la-Boca, khiếp sợ sự trống vắng, chắc anh cũng nhận thấy vậy? Chúc anh lên đường may mắn, Gabriel!

I

Sài Gòn

Những bữa ăn tối nhiệt đới không thay đổi: màu trắng của các khăn trải bàn, áo dài, áo vét ngắn, hoa, bàn ghế trong vườn, gan ngỗng của Pháp, xa lát Pháp, vịt Trung Quốc, pho mát Pháp, món sặc lốt kiểu Pháp (ông có biết, ở đây chúng tôi có dẫu ngon tuyệt?). Còn về các câu chuyện, sự pha trộn này khá đặc biệt của các câu chuyện ở nước ngoài: những ý kiến toàn cầu và những lời đồn đại ở địa phương, chủ nghĩa cộng sản và tín ngưỡng, sự suy tàn của phương Tây và bệnh amíp... Vừa đặt chân tới nơi, Gabriel đã được các chủ đồn điền chấp nhận.

- Ông, ông là người của chúng tôi rồi đây! – Nhựa cao su là một đại gia đình, đúng không? – Ông đi thăm Miền Đất Đỏ vui chứ? – Cuối cùng, một nhà sấm lớp học, một người đích thực. Chúng tôi xin đổi mấy ông thứ trưởng!

Đâu đâu cũng mời đón Gabriel.

- Ông đến Sài Gòn lần đầu thật à? – Sau khi đã dành cả cuộc đời cho cao su à?

Các bà thì không dứt ra được. Họ ngạc nhiên rúc rích cười, í ới gọi các bà khác.

- Chị biết không, lần đầu tiên đây.

Trước những lời nói vây, làm sao tránh khỏi đỏ mặt? Gabriel mỉm cười, vẻ ngượng ngùng. Ông lại thấy trong lòng rộn lên những rạo rức đã lãng quên, nổi thẹn đến đỏ mặt, tuổi thành niên, những bàn tay xâm xấp...

Hơn nữa, Sài Gòn gọi ta nhớ lại thời thanh niên. Giai đoạn cuối một mùa, một tháng Tám dài lê thê, một mùa hè bất tận. Khi khép lại các cánh cửa chớp thì sao? Chẳng bao giờ có mùa đông, mùa mưa chỉ ập tới vào đúng thu. Tại mỗi nơi nghỉ mát, bao giờ cũng thấy có người cố nấn ná lưu lại đến tận cuối tháng Chín – những người tin rằng có chuyện gì đó sẽ có thể xảy ra, người ấp ủ cái thời hoàng kim, những thuộc địa.

Ở Sài Gòn vào tháng Giêng năm 1954, ông Gabriel, ông Gabriel thân yêu được cả thành phố mến. Ông đâu phải là người danh tiếng. Ông chỉ là người đem tới các sự kiện: người ta giành nhau. Một kẻ mới tới, còn giá trị hơn một tờ báo mới. Người ta chọn cách đơn giản, chỉ cần nêu lên những câu hỏi.

- Thế nào, tối mai, mời ông lại chơi chỗ tôi nhé?

- Xin lỗi ông ấy bận rồi. – Ông nên có một cuốn sổ ghi lại các buổi hẹn.

Gabriel hờ hững ghi những buổi hẹn trên những tờ giấy gửi cho ông, mấy tấm bìa nhỏ in sơ đồ bày bàn. Người ta vẫn lố bịch đinh ninh rằng đó là cuốn sổ nhật ký vừa lấy ra từ trong bộ quần áo mỏng nhẹ.

Mới cuối buổi tiệc đầu tiên, Gabriel đã làm quen khắp mọi người. Danh sách khách mời không thay đổi. Vẫn những vị khách đó, đại loại như trong cùng một nhóm, như cùng đi nghỉ. Đúng hệt như các kỳ nghỉ. Vẫn những con người đó. Chỉ có các bà chủ nhà thay đổi phía. Hôm thì họ ở phía bên trái ông, hôm sau, họ ở phía bên phải. Ở các thuộc địa, người ta học được cách thỏa mãn trước điều mới lạ chút xíu.

- Tôi hy vọng rằng hôm qua ông đã ngắm kỹ tôi rồi, ngồi ở phía này, trông tôi ghê quá.

Ba nét trội nổi khác trong cuộc sống nhiệt đới:

1) Người ta nói to, do tiếng động của quạt máy và do những người bồi chẳng hiểu gì cả. Nhưng, các đức lang quân nghe tất.

2) Tinh thần Paris. Guitry, Achard, rất được mến chuộng: luôn luôn mang nặng nỗi nuối tiếc Cộng Hòa III (ở chỗ chúng tôi cũng vậy, người ta biết cách cười!)

3) Nỗi cay đắng.

- Nước Pháp thế nào, bỏ rơi chúng tôi đến là tệ?

Ông thấy hài lòng về buổi chiều đái tối nay chứ? Ông thấy đấy, chúng tôi biết cách tiếp đón, chúng tôi không có đầu óc hiểm thù.

Các bà chủ nhà thờ dài, họ chỉ cho tôi xem những cửa sổ của họ, cửa nào cũng có lưới sắt. Thế đấy, ông Orsenna, đã có trường hợp những người Việt Nam thú vị từ ngoài đường phố ném lựu đạn vào chúng tôi...

Mãi sau, vào giờ hút xì gà, các chủ đồn điền nắm tay tôi và kéo ra một chỗ yên tĩnh, nghĩa là một chỗ không có cả phụ nữ lẫn những người đàn ông thuộc hạ.

- Thật lòng mà nói, ông có con mắt nhìn nhận mới. Ông đánh giá tình hình thế nào?

- Edmond có lý. Chúng ta phải có trách nhiệm tỉnh táo. Đã đến lúc phải bán sạch cả chưa?

- Tôi đã trả lời theo khả năng của tôi. Các chủ đồn điền lắc đầu.

- Ông bạn thân mến, theo ông, tại sao cộng sản lại quan tâm đến Đông Dương như vậy?

- Edmond có lý, đây là cốt lõi của vấn đề. Liệu có phải ngẫu nhiên là do nhu cầu về sẫm lớp không? Cần một khối lượng khổng lồ về sẫm lớp để xâm chiếm thế giới tự do? Đây chính là lý do chúng ta phải kháng cự. Chúng ta là cửa ngõ cuối cùng...

Các chủ đồn điền sôi nổi hẳn lên.

Lúc đó, giữa những làn sóng màu xanh phớt nước biển, khói tuôn ra từ những điệu xì gà Havana, ông Gabriel mới nêu câu hỏi của ông, một câu hỏi khiêm tốn, một câu hỏi của con trẻ, giọng rất lễ độ, ông xin các vị khách đó thứ lỗi vì đã quấy quả.

- Các vị có gặp bố tôi đâu không?

- Bố ông, ông bạn thân mến, nhưng để xem khi nào nhỉ?

- Cách đây một hay hai tháng.

Họ cau mày, tìm lục , tự hỏi xem bố một nhà sẫm lớp phải như thế nào. Liệu ông ấy có phải loại người có thể giao du được với các chủ đồn điền không?

- Không, ông bạn già ạ, quả thực tôi đã lục kỹ trong đầu, nhưng không thấy người như ông nói. Thôi nhé, hẹn gặp lại ông ngày mai, ở câu lạc bộ của Franchini được chứ?

Sài Gòn có những đợt nước triều sạch, sự phân chia nước.

Hàng ngày, để dùng hai bữa, bữa buổi trưa và tối, các nhân viên có cương vị, những thương gia, các nhà tài chính, những chủ đồn điền, ngoài ra còn có cả một đám phụ nữ pha trộn đủ loại, đi xuôi xuống khu nhà thờ hoặc đi ngược ra cảng và hội tụ về phố Catinat, nơi ngự trị khách sạn Continental, với phần ngoài hiên và hương vị của chính quốc, rượu anit và Martini đỏ.

Cuộc hẹn gặp mặt ngày hai lần này cho phép tranh thủ được thời gian. Chỉ cần đưa mắt lướt qua các bàn là có thể nhận biết ngay ai đang ở Sài Gòn. Kết quả cho thấy sự hiện diện của ông Louis Orsenna không làm vẻ vang cho thủ đô của Nam Bộ.

Chính tại ngoài hiên này, ông Garriel đã gặp người trợ lý có trọng trách của cảnh sát, một ông đầu hói, lông mày rất rậm và đen. Ông ta nhìn cốc rượu của mình, về mặt mỗi:

- Ông thấy màu của loại rượu tôi đang uống đây. Một ruộng lúa... Rượu Pernod có màu sắc một cánh đồng lúa... Tất nhiên, bố ông có một tấm phiếu, như mọi người. Tóm lại, như mọi người da trắng. Ở thuộc địa thì người da trắng nào có thể giữ bí mật được? Đây là công việc của tôi, cái gọi là bí mật ấy mà. Tóm lại, ông hãy ghé qua văn phòng tôi... Hình như ông có bè bạn ở nhà băng thì phải? Điều đó có giá trị ngang với lời giới thiệu rồi.

Một mỗi.

Một viên chức.

Một viên chức người Pháp.

Một viên chức người Pháp có lương tâm.

Một viên chức người Pháp có lương tâm ở xứ nhiệt đới.

Không người nào thấy lòng mệt mỗi trước cảnh sống hàng ngày hơn một viên chức người Pháp có lương tâm sống ở xứ nhiệt đới.

Từ nơi lầu chót của ông ta, trên nóc có cấm lá cờ xanh trắng đỏ, vị đại diện của nhà nước Cộng Hòa đã chỉ có ông Gabriel thấy đại lộ Bonard.

Ngày nào, giờ nào, liên tục, lúc nào cũng đông ních người như vậy đấy. Làm sao có thể lập phiếu cho cả một khối người vô danh như thế? Ông, ông có cách à? Không địa chỉ, không sổ nhà, xe ô tô bốn mã lực không có biển số, không có dấu hiệu đặc trưng... Những người ấy không có nốt ruồi và ít hói đầu... Không có những vụ bê bối tình dục, không có thói quen thường lệ, không 421 vào buổi tối giữa các bạn đồng nghiệp, không dắt chó dạo chơi, không đi câu cá vào sáng Chủ Nhật ở gần cầu đường sắt... Làm sao có thể lập hồ sơ với những người Châu Á?

Viên chức người Pháp có lương tâm buồn bã nói, giọng hơi trầm thiết.

- Ta ngồi xuống đi. Nhưng tôi xin báo ngay với ông là ngồi hay đứng thì vẫn nóng thế thôi...

Chính trong trường hợp này, ông Gabriel được biết rằng màu sắc thực sự của nước Cộng Hòa không phải là những màu xanh nước biển trắng đỏ, mà là màu xanh lá cây sẫm, màu ẩm đậm của những bàn làm việc bằng kim loại kia, màu của những chiếc ghế bành đúng quy chế, giả da ở phần lưng và phần mông của khách lui tới, giả inox ở phần cánh tay.

Quạt bị hỏng. Hay là mất điện, chiếc áo sơ mi của viên trợ lý dính vào da, từng mảng, những vùng ẩm ướt và trong suốt... Để lộ cả lớp lông đen.

- Tôi mặc đồ nilon. Một sai lầm. Hàng bông. Hàng bông và vải lanh, lẽ ra phải mặc những loại ấy!

Ông ta lúc thì tập trung vào công việc, lúc thì vào đóng phiếu. René Coty đưa mắt nhìn chúng tôi, tay đặt trên một cuốn sách lớn bọc da.

- Nào, bố của ông...

Ông ta không buồn đứng dậy, với tay mở một ngăn kéo lôi ra một tờ Briton dài và rồi trở lại trạng thái mệt mỏi, trước tấm kính lót tay.

Như tôi đã nói với ông hôm qua. Tất cả những người da trắng đều có lập phiếu, chẳng có ích gì mấy đâu. Còn với người da vàng, tôi chỉ có những tấm ảnh vô tích sự, hoặc ảnh giả, hoặc ảnh chụp người trông giống, rất giống, giống như bất kỳ một người da vàng vào... Thôi được rồi. Orsenna Louis tới ngày 1 tháng Chạp năm 1950, đi tàu *Pasteur*. Thuê phòng ở Continental, như mọi người, phòng số 17, một căn phòng ồn ào. Bố ông ngủ được chứ? Tuyệt! Hai tháng sau, mở một cửa hiệu bán xe đạp, do Haute Banque cấp vốn. Cả hai Orsenna đều có quan hệ mật thiết với nhà băng, tuyệt, tuyệt. Người cộng tác:

Dekaerkove Élie, tức Izoard, cũng là người chính quốc, một nhà đã từng vạch các tuyến đường cho cuộc Đua Vòng quanh nước Pháp. Hai người ở chung một căn buồng trên tàu thủy. Ông biết ông Dekaerkove chứ? Tốt rồi. Chúng ta sẽ rút ngắn được thời gian. Tôi đã cho theo dõi con chim này chặt chẽ hơn bố ông, theo dõi suốt một thời gian dài. Nhưng rất thận trọng, ông ta nguyên là một nhà báo mà. Hơn nữa, ông ta vẫn là đại diện chính thức của tờ *Équipe* ở Đông Dương. Công việc chẳng có mấy. Suốt từ hồi đầu chiến tranh đến nay, chẳng có gì ở đây cả, về thể thao ấy mà, chẳng đua xe đạp lẫn thi chạy marathon. Ông Dekaerkove cố chịu đựng. Ông ta rất muốn tờ *Équipe* phổ biến rộng rãi quan điểm của nó về hoạt động thể dục. Theo ông ta, chiến tranh là một môn thể thao, môn kinh khủng nhất, nhưng hấp dẫn nhất trong tất cả các môn thể thao. Tại sao tờ *Équipe* lại không công bố kết quả? Đây là một trong hai ý nghĩ cố định của ông ta, ý định phát triển không ngừng là Suze.

- Tại sao là la Suze?

- Xem ra ông chẳng hiểu gì về xe đạp. Suze = cây long đờm = núi = cuộc Đua Vòng quanh nước Pháp. La Suze là nước uống của những người đua xe đạp giỏi lên dốc, như họ vẫn thường nói với nhau. Hoặc: một chai Suze, không có bọt!

- Khôi hài thật!

- Đúng vậy!

Ông ta nghiêng người về phía tôi, giọng mỗi lúc một thấp, một thân thiết, đôi lúc bốc lên vui nhộn. Do nắm tình hình không chắc, viên trợ lý Calet đầy trọng trách đi vào kể tiểu sử.

- Còn một vấn đề nữa. Có lẽ còn một vấn đề nữa. Đôi lúc, sau khi uống vài chai Suze, chú chim của chúng ta tiên đoán: Việt Minh sẽ thắng trận, nhờ xe đạp. Anh im đi, bố ông bảo, tôi van anh, anh im đi! Nhưng ông Dekarkove vẫn kể tiếp. Đây là ý nghĩ cố định thứ hai của ông ta. Theo ý ông ta, người da vàng hiểu rõ khả năng của xe đạp hơn người da trắng. Họ biết rằng xe đạp, mỗi chiếc có thể chở hai trăm kilo vũ khí và bí mật di chuyển dưới lùm cây mà không bị phát hiện... Có lẽ ông Dekarkove có lý.. Tôi kể lại chuyện đó với đám bè bạn của tôi trong quân đội. Họ cười rú lên. Ông biết không, theo cách của họ, mạnh mẽ, một bàn tay đập vào vai, thôi đi, ông bạn Francois thân mến, thôi đi, tin tức rục cả lên đầu anh... Nhưng, nếu tôi làm trọn đầy đủ cái nghề của mình thì tôi sẽ phải trình báo lên chính phủ về việc nhập khẩu xe đạp của chúng ta (xe Manufrance và Peugeot) rồi đếm tất cả những xe đạp hai bánh thấy được ở Đông Dương. Trừ những rò rỉ, những xe đạp do du kích sử dụng. Và bắt giam người có tên là Izoad, về tội hai năm rõ mười là đang buôn bán với kẻ địch. Ông ta làm vậy không phải

Do niềm tin về mặt tư tưởng. Không: chỉ vì muốn có được niềm vinh quang lớn nhất cho xe đạp. Lúc nào ông ta cũng lái nhải về Vel d'Hiv, sau là Suze. Một câu chuyện điển hình của la Suze. Chú ý, chú ý, tôi không kết án đâu đấy nhé! Tôi xây dựng những giả thiết. Có vậy thôi. Muốn kết án, phải có bằng chứng. Và cả nhân sự nữa. Không có nhân sự, không có điều tra. Không điều tra, bói đâu ra bằng chứng...

- Thế còn bố tôi?

- Orsenna Louis, đây là chuyện khác. Còn phức tạp hơn. Cộng sản, đúng không, hay thân cận? Nhưng, thêm vào đó, theo nguồn tin của những người của tôi cung cấp, ông ta quan tâm tới các giáo phái và giáo phái là những đồng minh của chúng tôi chống lại bọn Việt, và Sài Gòn là thủ đô toàn cầu các giáo phái. Một cuốn catalog Manufrance thực sự về các tín ngưỡng.

- Lúc nào cũng Manufrance?

- Lúc nào cũng là nó. Manufrance là con thuyền Noé của chúng tôi. Đừng làm đứt mạch của tôi. Tôi nói tới đâu rồi nhỉ? À! Phải rồi, các giáo phái. Chúng tôi có tới hàng tá. Đủ mọi sắc thái. Loại cướp, loại hải tặc, loại nửa lương thiện, người Hoa, người Annam, một số truyền giáo ở đồng bằng sông Mê Kông, như Hòa Hảo, số khác ở bình nguyên bãi bắc như Bình Xuyên, những người thế tục, những người theo chủ nghĩa dân tộc, những người theo đạo Phật, những người theo đạo Khổng. Tôi cần có một thùng tương, chỉ để chứa tên các giáo phái. À này, khi nào ông quay về Pháp, tôi muốn phiền ông một việc được không?

- Xin sẵn sàng.

- Nhờ ông hỏi hộ, hỏi ai tôi cũng chẳng rõ, Bộ Thuộc địa, Trường trung cấp Pháp, Trường Mỏ, cử sang đây cho tôi một nhà khoa học, một con người tử mĩ, loại người thất vọng chủ nghĩa Trotsky, ông hiểu rõ điều tôi muốn nói, để giúp tôi tìm ra bản thân giữa khu rừng rậm này. Bố ông đã chọn những kẻ điên rồ nhất: những người theo đạo Cao Đài. Họ pha trộn tất. Với họ, Đức Phật, Đức Chúa Jésus, Đức Mahomet, Đức Khổng Tử chỉ là các bậc tiên tri. Cao Đài là đáng tối cao linh. Họ đã tàn sát bọn ta suốt cả mùa hè năm 1945. Chúng ta đã cho họ quay lật lại. Hiện nay, họ tàn sát bọn đồ. Bố ông đã rất vui khi gặp họ. Họ đã cùng nhau ăn uống no say tại Continental, Izoad và bố ông, để mừng tin mới. Tôi đã gài được một người ngồi cạnh bàn họ. Anh ta đã ghi lại được tất. Nhờ la Suze, họ ăn nói rất to, ghi lại chẳng khó khăn gì. Anh ta rất thạo việc này. Tô

có bản đó. Ông muốn đọc không? Dẫu sao, đây cũng liên quan tới bố ông và ông đã có được lời gửi gắm của Haute Banque...

- Tôi chẳng thích đâu.

- Ông nói đúng đấy. Tình bạn giữa mấy ông lão, chán chết đi được. Cứ nhắc đi nhắc lại ý kiến cố hữu, người thì về xe đạp, người kia về cái – chết – không – đến – nổi – khủng – khiếp – như – vậy. Phần tiếp theo là độc thoại. Chẳng ai nghe ai. Con ngựa cho Alexandre, những tắc xi cho Foch, cuộc đi bộ cho Mao, những chiếc xe tăng cho Patton, bây giờ đã đến thời của xe đạp, Izoad bảo. Cũng giống như tôi, bố ông chộp luôn: trong giáo lý Cơ Đốc, phải chờ không làm gì ngày tận thế để được phục sinh. Nhờ Phật Giáo, ít ra, người ta được hóa kiếp. Giống như tôi, động tác nảy sinh khi cưỡi xe đạp đi thẳng bằng. Cũng giống như tôi, Chiếc Xe Lớn... v.v... Cũng như giống như tôi, cũng giống như tôi, tôi tặc, xin ông thứ lỗi cho lời này. Tôi tặc. Phải dìu bố ông về phòng 17. Người già như những con hàu, ai biết phận người ấy.

- Tôi thấy hình như triệu chứng này cũng có cả ở những người trẻ
- ông Gabriel dè dặt nhận xét.

- Họ có lý. Họ tập dượt cho sau này.

Viên trợ lý có trọng trách ngồi im không nói gì nữa. Rèm ngoài hiên lay động. Lần đầu tiên, suốt từ sáng đến giờ, không trung bình nhưng lại trở thành một chất có sức sống, một vật chất khác chứ chẳng còn là cơn mưa ẩm ướt, vô hình và bất động.

- Ưu điểm của ni lông là khô nhanh – viên cảnh sát nói.

Ông ta chỉ cho tôi xem chiếc áo ông ta đang mặc. Nó vẫn là màu xám và vàng, nhưng những hằn lông đen đã không còn nữa.

- Tôi phải mời ông ra khỏi đây thôi. Hàng ngày, vào đúng năm giờ, chúng tôi có một cuộc trao đổi về tình hình an ninh. Nhưng, ông nên

nhớ một điều: người da trắng không nhiều, và hơn nữa, họ đang chết, chết thực sự. Người da vàng nhiều vô kể và ngoài ra, họ đang hóa kiếp. Ông không nhận thấy rằng, không biết nên diễn đạt ra sao nhỉ, hơi bất công ư? Và đáng sợ? Còn về bố ông và con chim Dekarkove, tôi xin tóm tắt như sau: họ đã đóng cửa hiệu, cách đây một tháng, và cả hai đi về phía Bắc rồi. Tôi hoàn toàn chẳng rõ họ đi về đâu. Với tình trạng thiếu nhân sự thế này thì tôi làm sao có thể khác được? Tôi chẳng thể gài mỗi tai cho từng cốc la Suze được. Nhưng, theo tôi được biết về Izoad thì tôi có thể cho ông biết rằng ông ta ở Huế. Thủ hiến Giao rất mê xe đạp, ông ta đã cho xây dựng một đường đua và bản thân luôn tham gia các cuộc đua theo kiểu Mỹ. Tất nhiên là gian lận. Ông ta luôn giành thắng lợi. Dekarkove rất khoái điều đó. Chuyện ấy gọi ông ta nhớ lại Vel d'Hiv. Mỗi lần, ông ta lại gọi điện, chu đáo, kết quả phố Faubourg-Montmartre. Nhưng, tờ *Équipe* không thuật lại. Chẳng bao giờ cả.

Viên trợ lý có trọng trách nhãn mặt. Cứ như thể phố Faubourg-Montmartre mắc ở cổ họng ông ta, như một

Chiếc xương cá, xương cá buồn nhớ quê hương.

- Không ổn – Gabriel hỏi – tôi có thể giúp ông được không?

- Tạm biệt, ông Orsenna con. Tạm biệt...

Và ông ta quay trở về bên những chiếc thùng to của ông ta, màu xanh lá cây của nước Cộng Hòa Pháp.

II

Tây Ninh

Dọc theo con đường ra Bắc là các ngôi nhà thờ với các cổng treo, với các cửa vòm Gô-tích hay là La Mã cũng bằng tre, với các tháp chuông, các cửa sổ tròn lắp kính màu hay các bàn thờ Chúa ngoài trời có các tượng Đức Bà màu trắng và xanh, xung quanh hoa vàng cắm trong các bình đựng sữa chua và các cây nến gắn trên miệng chai bia Brasserie và Glacière của Đông Dương. Có những đám người ê a đọc kinh ở trước mỗi tượng Đức Mẹ Đồng Trinh. Đường ra Bắc chính là con đường đi của ông Louis, bố tôi. Có thể là hơi quá thiên về Thiên Chúa giáo, nhưng lại rất tin vào cội âm, đó là cái chính đối với một con đường và cũng cả đối với một người bố luôn sợ hãi. Ông cảm đã nói đúng. Bố tôi đã lựa chọn đúng. Việt Nam là xứ lý tưởng để chết. Cũng như Thụy Sĩ là nơi để làm ăn về tài chính hay Italia là để yêu thương.

Chiếc xe khách đầy ắp người lẫn súc vật, bò chậm

Chạp trên con đường đầy ổ gà sũng nước. Trên xe, ông Gabriel có dịp học hỏi thêm, nhờ ông nhà giáo đã ngồi đề lên đùi trái của ông khi xe khởi hành; tôi xin tự giới thiệu, tôi là Lê Thanh Bình, giáo học và theo đạo Cao Đài, mong ông thứ lỗi, hết chỗ mất rồi, tôi không khi nào ăn bữa tối trước hôm lên đường, nên tôi nghĩ là không đề quá nặng lên ông, ông có biết về đạo Cao Đài không, thưa ông?

Tôi không được biết – bị đề, nên đến nỗi ông Gabriel tưởng như không thể mở miệng được (may mà người Việt Nam cũng nhỏ bé như ông. Chứ dân Châu Á mà toàn những loại to con như dân Thụy Điển hay Phần Lan thì không biết sẽ khủng khiếp đến thế nào!)

Ông Lê Thanh Bình, vị khách mời bên đùi trái, bắt đầu bài giảng của mình:

Khoảng từ năm 1914 đến năm 1918, tất cả các vị thần anh minh đều đổ dồn vào Đông Dương: Châu Âu lúc đó đang xâu xé nhau, các vị thần linh lại có thần kinh yếu ớt nên chẳng ưa gì tiếng đại bác. Còn dân Bắc Mỹ và Nam Mỹ thì đã diệt mất dân da đỏ của mình làm cho các vị thần linh vốn chưa tha thiết với quyền lợi của người sống cũng như người chết, không thể tha thứ được. Tàu và Nga lúc ấy đang lo làm cách mạng, nhưng các thần thì lại bảo thủ. Xứ Phù Tang chìm đắm trong công nghiệp hiện đại, điều mà các thần muốn ói mửa. Còn Châu Phi cũng có các vị thần linh của mình, nhưng

Các vị thần văn minh lại rất xem khinh ...

Vậy là, các vị thần ít nhiều khả kính đã chọn Đông Dương làm nơi trú ngụ và chỉ cần lướt qua gần một cái bàn là cũng đủ làm nó xoay đợ. Nhà thơ Lý Thái Bạch thế kỷ VIII, Phật Bà Quan Âm, Jeanne d'Arc, Camille Flammarion và Victor Hugo là những người bẻm mép nhất.

Không vừa lòng với cái khí hậu đặc biệt, ông nghị của đảo Phú Quốc là Ngô Văn Chiêu lại muốn trèo lên bậc danh vọng cao hơn: người đứng đầu giáo quyền, vị thần tuyệt đối. Vây quanh ông ta là những đồng cậu đồng cô, họ đã báo mộng cho ông và ngày một chính xác hơn. Và, vào năm 1919, khi hòa ước Rethondes^[31] được ký, bỗng thấy xuất hiện vị thần của các vị thần: Cao Đài.

Ngài Ngô Văn Chiêu rời hòn đảo của mình và mang tin trọng đại này lên Sài Gòn, nơi có hàng đàn hàng đồng cánh!

- Tâm hồn của các người luôn luôn ở bên các người, đó chính là các bậc thần linh Cao Đài... - ông ta tuyên bố.

Nhưng ông Chiêu đã không biết giữ lấy ngôi “đài cao” của mình. Ông đã bị hạ bệ bởi một người tên là Lê Văn Trung và bị đày về

chốn cũ.

Ông Grabiell phải nhắc:

- Xin ông giáo nói chậm chậm cho một chút. Các tên tuổi làm tôi bị rối lên rồi.

- Dạ.

Thế rồi nhà giáo ta lại tiếp tục câu chuyện với nhịp độ như cũ.

Tức là cái ông Lê Văn Trung ấy, ủy viên Hội đồng Thuộc địa, người tổ chức chính của vụ bắt cóc, đã xưng giáo chủ. Chính ông ta đã cho xây cất thánh địa Tây Ninh, cái nơi ta sắp tới ấy, và cả Tòa thánh to lớn cao tới một trăm linh bảy mét để làm nơi cầu nguyện cho tất cả các vị thánh. Đến đó, ông có thể gặp cả Victor Hugo trong bộ y phục viện sĩ...

Thú thực là sau đó, sự chăm chú của Gabriel cứ giảm dần. Ông chỉ còn nhớ cái cốt yếu: chính Cao Đài đã sáng lập ra năm ngành: Khổng Giáo, Thần Giáo, Thiên Chúa Giáo, Đạo Giáo và Phật Giáo...

Các cuộc tiếp xúc với Cao Đài và các bậc tiên tri của đạo giáo này được thực hiện qua cái giỏ có mỏ. Đó là một cái giỏ lật ngược có bồi giấy. Có một cái que xuyên qua nó và do các ông đồng nắm lấy trong tay. Đầu que là một cái đầu phượng hoàng có ghi lại các lời phán truyền của cõi bên kia.

Giọng của ông giáo trở nên khản kháng, chậm rãi, tự nhiên lại mất đi các thanh điệu của tiếng Việt.

- Một ngày nào đó, nếu Chúa ưng thuận, ông sẽ quy theo đạo. Khi ấy, ông sẽ được dâng hoa, rượu và chè, bởi lẽ, hoa tượng trưng cho tinh trùng, còn rượu là sức sống và chè là hình ảnh của tinh thần, làm sao tinh trùng phải biến thành chè qua con đường do rượu dẫn...

Sau đó, ông Gabriel đã chìm vào giấc ngủ với cái ý nghĩa rõ rệt là ở cái xứ nhiệt đới, các tôn giáo phát triển mạnh hơn, cũng như cây cao su vậy. Chứ đạo Thiên Chúa thì vẫn còn hơi ôn hòa.

Chiếc xe khách dừng lại ở một bãi đất rộng, không xa một tòa nhà kiến trúc khá đồ sộ (cao đến một trăm linh bảy mét chẳng?). Vây lấy chúng tôi là một đám đông, vẻ đe dọa, gồm những người Việt, mà với những ai không phải là người Việt thì trông họ giống nhau tuốt. Họ, người thì mặt áo lễ trắng, kẻ thì mũ choàng xanh thẫm thâm rùng, chim, rùa. Khoảng chục lính lê dương ngăn không cho họ lại gần chúng tôi. Một viên đội chỉ tay về phía Bắc, đi đi, đi tiếp đi, đừng có dừng lại!

- Có chuyện gì thế? – Ông hành khách da trắng ngồi cạnh lái xe, hỏi. Đó là người duy nhất có một chỗ ngồi nghiêm chỉnh không bị người khác ngồi lên đùi.

- Dân đạo Cao Đài đang nộ khí lên đây. Cách đây hai hay ba hôm, có kẻ đã xúc phạm đến các giáo chủ của họ. Họ đã phát hiện ra có chữ viết và hình vẽ trên tường nhà thờ. Không thể biết được điều gì sẽ xảy ra đâu. Thôi, đi đi, lúc này đừng có ỳ ra nữa.

Mình đã đi đúng đường đây, ông Gabriel tự bảo khi chiếc xe ca lại nặng nề lăn bánh. Bố đã qua đây, bố Louis, ông Dekerkove và có lẽ cả rệu la Suze nữa.

Louis, bố mình luôn căm ghét Victor Hugo, kiểu như anh bán sách ghét anh nhà văn: làm sao mà một thằng bé xấu xí hơn ta lại có thể hôn được nhiều hơn ta như thế?

Tất nhiên là Gabriel đã thu tóm lại. Thu tóm và giản lược đi. Nhưng ông có thể đánh cược^[32] rằng nguyên cơ của mối hận thù Hugo vừa dữ dội vừa trẻ con là ở đâu đó dưới váy của Léonie Biard d'Aunet, Alice Ozy, Sylvanie Plassy, Joséphin Faville, bà Roger des

Genettes, Hélène Gaussin, Louise Colet, Laure Guimont... Tôi đoán chắc ông Louis thuộc lâu bản danh sách các người tình của Victor Hugo và thỉnh thoảng đọc lại để mà sôi tiết lên.

Ông giáo đã biến đầu mất, không biết pháp thuật nào của đạo Cao Đài đã lôi nổi ông ta ra khỏi cái khối hành khách bị ép chặt vào nhau ấy.

Gabriel lại ngủ tiếp. Trên môi như nở một nụ cười, một nụ cười gượng ép, một nụ cười vẻ chịu thua (Louis, bố mình chơi đùa đây. Louis đã không chọn mình cho chuyến đi cuối cùng của ông), nhưng là một nụ cười: tốt cả thôi. Nhờ có Dekarkove và rượu la Suze, bố mình vẫn còn giữ được sự trẻ trung.

III

Huế

Mong những người bạn Cố đô Huế (Hiệp hội được thành lập theo Đạo luật 1901) lượng thứ cho, vì đến Huế, ông Gabriel đã đi ngay tới trường đua xe đạp. Vào các buổi tối thứ Bảy thì đây là cách tốt nhất để gặp ngài thủ hiến.

Đường đua không lớn lắm, có tám đèn, không đủ chiếu sáng và độ nghiêng thì hơi nguy hiểm ở những chỗ vòng lượn. Người xem vỗ tay không ngớt. Thật ra, chẳng có gì đặc biệt cả. Một tốp áo quần đủ màu sắc đang đua tài, nhưng rõ là chẳng mấy gắng sức. Một tay đua áo đỏ đang cố rượt theo. Đúng là ngài thủ hiến rồi, Ngài mang trên lưng con số 1 to tướng.

Gabriel đi về chỗ khán đài dành cho các ký giả, một khu vực khá lịch sự, có ghế bành và cứ hai ghế lại có một ngọn đèn nhỏ. Một viên cảnh sát khẽ hỏi:

- Ông ở báo nào đây?

- *France-Soi*, - Gabriel đáp và theo phản xạ, tuân tiếp luôn: - phố Réaumur.

Viên cảnh sát như bật nhảy khỏi giường, mắt giương to, lúng búng xin lỗi ông, mời ông ký giả theo tôi. Và anh ta yêu cầu hai người bản địa, đang cầm bút bi trên tay, nhường chỗ. Ngồi đây coi như ông đang ở đúng ngay vạch đích. Anh ta dùng mũ phủ bụi ở gờ bê tông dùng làm bàn viết, xem lại đèn đóm, chúc một buổi tối tốt đẹp và xin mạn phép, mong ông viết cho một bài báo và ông thủ hiến, ngài rất thích các bài báo...

Ngài đã vượt lên đầu, nhưng không còn giữ được nhịp độ nữa. Khi Ngài đạp xe qua, người ta nghe rõ tiếng Ngài thở như một con cá voi lúc tuyệt vọng. Người đồng đội gọi với: thưa Ngài thủ hiến, xin để tôi lên tiếp sức. Nhưng Ngài chẳng muốn biết gì hết, không còn nghe gì nữa, cứ tiếp tục đạp. Bên khán đài đối diện, lính lê dương không chịu ngồi yên nữa. Họ cười âm ỉ, tung mũ lưỡi trai trắng lên trời: Kẻ nào đề lên giường nặng quá thì hà... hà... lấy sức đâu mà đề lên bàn đạp được. Ngài thủ hiến như sắp đứt hơi. Các tay đua khác cố gắng để không vượt lên trước nhưng không phải lúc nào cũng làm được như thế: xe đua đường vòng không có phanh. Họ đành cho xe leo lên cao ở chỗ đường lượn để hãm bớt đà, cứ tình bơ mà bám vào lan can để dừng lại...

- Tôi có mấy lần thưa với ông ta là rút ngắn bớt các cuộc đua tiếp sức của ông ta lại... Thưa, tôi xin tự giới thiệu: Jean – Christian Bérard, chủ tịch Câu lạc bộ đua xe đạp.

Gabriel quay lại. Đó là một giọng người Pháp. Hay đúng hơn là giọng của một quan chức, vì trông các quan chức thể thao là nhận được ra ngay, dù họ là người nước nào đi chăng nữa: áo vét màu, phù hiệu, quần flanen, đồng hồ Rolex, tóc chải bóng, rẽ ngôi giữa và không có tí dấu vết mồ hôi nào, dù là khi trời nóng.

- Hân hạnh!

- Xin lỗi ông, ông là đặc phái viên hay là phóng viên thường trú mới tới?

Tiếng chuông báo vang lên. Vòng cuối, vòng nước rút, tuy gà gật nhưng cũng làm tốc đua xao động chút ít. Ngài thủ hiến giơ tay lên trời. Đám đông reo hò mạnh hơn. Cánh lê dương đứng hẳn dậy. Họ quẳng vỏ chai bia lên đường đua và huýt sáo đúng kiểu đàn ông, nửa bàn tay ngập vào trong mồm.

- Xứng đáng có một bài báo ra hồn đấy, ông cũng thấy thế chứ? – Ông quan chức hỏi.

- Vâng.

- Theo tôi, báo giới Thể thao Pháp vẫn chưa biết ngài thủ hiến Giao. Tay đua xe Giao cũng có thể sánh ngang với tay bóng bầu dục Chaban – Delmas hay tay đánh đôi môn ten nít Chaban – Delmas...

Ngài thủ hiến đạp xe tiến lại phía chúng tôi rồi xuống xe. Người ta khoác lên Ngài chiếc áo choàng màu tím ở phía lưng áo có in chữ *Giao – Thủ hiến* sáng lấp lánh như kiểu võ sĩ đấm bốc. Ông quan chức đứng thẳng dậy, hoan hô thủ hiến lại thắng thêm một cuộc đua tiếp sức nữa!

- Nay ông Jean – Christin, mọi người chỉ còn đợi ông thôi đấy! – Ngài thủ hiến nói.

- Xin lỗi ông nhé, tôi phải ra chỗ đó. Mong ông hãy xử đẹp với ông Giao. Tôi không làm chính trị, nhưng từ *Équipe* đã làm ông ta thất vọng, trong lúc mà ta hãy còn quá ít đồng minh ở xứ này.

Ông mặc áo vét có đính phù hiệu bước vội xuống. Tôi tới đây. Tôi tới đây.

Ngài thủ hiến và người đồng đội trèo lên bục. Ông quan chức nói to:

- Tôi xin trao cho người chiến thắng ở Giải tưởng niệm Francis Garnier, giải tiếp sức hai lần vòng, chiếc cúp do Xí nghiệp Công – Lâm nghiệp Biên Hòa tặng.

Và từ loa phóng thanh người ta nghe thấy tiếng xẹt xẹt của kim máy rồi nổi lên bài *La Masellaise*.

Sáng hôm sau, Gabriel đã bị đánh thức dậy vì những tiếng vuốt nhẹ, nghe như tiếng sột soạt nơi cửa. Cái cách gõ cửa kiểu Đông

Dương.

- Thưa ông ký giả, tôi là giám đốc Amaury, xin ông thứ lỗi, ngài Jean – Christian Bérard đợi ông ở phòng điểm tâm.

Ông quan chức vận một bộ đồ kiểu vận động viên: quần trắng, áo trắng, khăn quàng nhỏ quanh cổ.

- Xin lỗi là đã quấy rầy ông, nhưng xin báo để ông rõ. Chính là Cộng đồng người Pháp ở Huế đã cử tôi đến đây. Ông thủ hiến Giao tuy rất điềm đạm nhưng sự kiên nhẫn của ông ta cũng có mức độ thôi. Mong ông hãy đọc cái tin độc nhất mà tờ *Équipe* đã đăng. Ông đọc này, suốt cả sáu năm trời:

“3 tháng Tư 1952, Hôm qua ở Huế (Annam), trên trường đua xe đạp của ông thủ hiến Annam, ông thủ hiến Annam đã giành được chiếc cúp, chiếc cúp Mỹ, của ông thủ hiến Annam trong cuộc đua tiếp sức hai mươi năm vòng”.

- Quả thật là quá nghèo nàn.

- Vì thế, chúng tôi trông chờ ở ông.

- Tôi sẽ làm theo khả năng của mình. Nhưng phải đợi đến ngày thứ Hai thì mục thể thao mới chiếm hai trang báo.

- Ông thủ hiến sẵn lòng đợi đến ngày thứ Hai. Thật là công toi. Ông đã biết chúng tôi đã tiếp đón anh ta như thế nào chứ, cái anh phái viên của tờ *Équipe* ấy! Như là đón một ông vua. Thế mà chẳng được gì cả. Vài cái dòng ấy. Chúng tôi đã tự hỏi không biết gã có chủ bụng chọc thối vào mối bang giao giữa chúng tôi với ông thủ hiến không. Vì rằng điều ấy sẽ lý giải mọi sự. một điệp viên của Maxcova! Ông cho rằng tờ *Équipe* đứng về một phái nào không? Ông ạ, mấy hôm trước, khi quay lại đây, gã ta không nán lại lâu. Cả cái ông bạn đáng ngờ của gã nữa. *Loại không được mời mà đến*. Họ được dẫn trở lại ga tức khắc. Để ra Hà Nội (ông quan chức hăng hái

hắn lên. Làn da hung hung của ông ta điểm các vết đỏ). Thể thao là một gia đình và gia đình là điều duy nhất còn chống chọi lại được chủ nghĩa cộng sản. Giá mà Coubertin còn sống, ông sẽ cứu được Đông Dương chúng ta. Chúc ông một ngày tốt lành và xin lỗi đã quấy rầy.

Ông ta quay gót và rải dài bước, miệng lẩm bẩm những tiếng tiếc quá, tiếc quá, rồi ông ném chiếc vợt của mình xuống sàn. Nó bật lên, cứ như là một quả bóng vậy.

Còn lại một mình Gabriel trong phòng điểm tâm. Những người hầu bàn đang đứng đợi sau các cây cao su. Ông trông thấy những chiếc áo vét trắng của họ động đậy sau những chiếc lá rộng và lấp loáng. Ông còn nghe thấy tiếng họ thì thầm, bật cười rồi lại im thinh như là trong một lớp học khi đã xếp hàng sau hồi trống. Qua các cánh cửa chớp, từ phía vườn vọng lại tiếng cào cỏ, tiếng xào xạt của sỏi, tiếng nước phun, tiếng kéo cắt cành đánh gọn...

Grand Hotel chắc là đã mua sắm tách chén của Wagons-Lits: cũng cầm nặng tay như thế, cũng tròn trịa như thế, cũng những chữ màu xanh. Chỉ có điều khác là thay cho chữ Cook là chữ Huế. Uống những ngụm cà phê kem sau cùng ta cứ có cảm như uống si rô. Nhân vật của chúng ta lại đi rót thêm sữa vào là điều chẳng hay gì, vì sữa vào buổi sáng không chỉ có mùi nồng nặng mà còn làm cho đường như ngọt sắc hơn và tẻ hơn là...

Gabriel tiến đến bên chỗ tiếp tân.

- Cô làm ơn cho tôi biết giờ tàu đi Hà Nội.

Bố Louis không còn ở Huế nữa rồi, mình phải vượt theo càn súng càn hay.

Cô gái vừa được hỏi như hoảng lên. Ấy xin ông chờ cho một lát, một lát thôi. Để tôi còn báo với ông Amaury. Cánh cửa BAN GIÁM ĐỐC – PHÒNG RIÊNG bật mở và đứng trước mặt tôi là ông Aumary, một con người dễ ợt (cùng khổ người như tôi và cũng tròn như tôi). Ông ta xoa xoa tay theo nhịp nhanh dần và chớp chớp mắt như chực muốn khóc.

- Người ta cho tôi biết tin gì vậy? Xin thứ lỗi vì hơi thọc mạch, nhưng ông định ra đi mà không thăm Cố đô Huế à? Vâng, tôi thật không phải, nhưng dù sao. Cố đô Huế...

- Cố đô Huế, có gì ghê gớm đến thế?

- Ấy, ấy, Cẩm Cung. Chưa kể đến Thành Nội và các Lăng Tẩm, Hoàng Cung, những lăng tẩm đẹp nhất thế giới...

Người con trai của Louis không cưỡng lại được các lý do cuối vừa được nêu ra.

- Đúng, các lăng tẩm thì thật tuyệt.

- Có thể chứ!

Ông sẽ không lấy làm tiếc đâu. Từ khi có cuộc chiến, có lẽ chẳng còn ai có thì giờ viếng thăm Cố đô Huế và các lăng tẩm thì càng hiếm hơn. Thật là không phải. Các lăng tẩm... Ngay như tôi, thường là vào các chiều Chủ Nhật...

- Tuyệt! Ông thu xếp hộ tôi một cuộc du ngoạn nhé. Nhưng tôi phải về cho kịp chuyến tàu...

- Xin xong ngay.

Ông ta vỗ vỗ tay.

Từ giữa một tốp sáu, bảy người Việt đang ngồi xem các tờ *Paris – Match* cũ, một thanh niên còn rất trẻ^[33] đứng lên.

- Đúng đấy. Cần có một hướng dẫn viên. Xứ Châu Á thật là rắc rối. Nhất là các lăng tẩm. Đi xem mà không hiểu gì thì thật là hoài. Xin giới thiệu anh Nguyễn, ông có thể tin tưởng hoàn toàn nơi anh ấy. Hiểu biết về lịch sử bảo đảm Ở đây chúng tôi đã tiếp đón nhiều chuyên gia, có cả thạc sĩ nữa. Chưa có ai phát hiện ra một sai sót nhỏ nào. Hơn nữa, tất cả hướng dẫn viên của chúng tôi đều là hội viên của Hội những người bạn ở Cố đô Huế...

Ông Gabriel không còn cách nào rút lui. Ông Amaury đã rời quầy và nắm chắc cánh tay tôi.

- ... Và họ đã chọn ngôi nhà của tôi làm trụ sở của Hội, nơi đã có tên tuổi trên thế giới. Hội đã tuân thủ triệt để mọi điều chi tiết nhất của Đạo Luật 1901. Chính tôi đã xem xét. Tôi đã chẳng thể đầu đơn kiện...

Cuối cùng, thấy hiện ra một chiếc Citroen mười một mã lực, một chiếc xe quảng cáo, đầu đen, đuôi đen, nhưng hai bên sườn khoác hai tấm biển: “Hãng phim và chiếu bóng Đông Dương, 32 phố Boissy d’Anglas, Paris”, “Hãng sản xuất vũ khí Pháp Manufacture và Hãng xe đạp Saint – Étienne (Loire) thỏa mãn mọi yêu cầu của khách hàng thuộc địa”.

- Có, tôi có biết. Ở chỗ lăng tẩm thì như thế có hơi chướng. Nhưng tôi đã được Hội của những người bạn ở Cố đô Huế chính thức đồng ý. Một phần thu được dành cho việc trùng tu, mà cái việc này thì tốn kém lắm, ở nơi có khí hậu như thế này. Xin chúc ông một chuyến đi thưởng ngoạn tốt đẹp. tôi vẫn giữ phòng cho ông. Không phải trả gì thêm, nếu như...

Cám ơn bố Louis. Một lần nữa, con lại nhận được năng khiếu sự phạm của bố.

Nhờ có bố, con đã tới thăm các lăng tẩm đã làm rạng danh cho giống người chúng ta.

Và con đã hỏi thẹn khi anh chàng Nguyễn hỏi: thưa ông, bên Pháp các ông có những lăng mộ nào? Tôi kể cho ông nghe: Điện Panthéon, Nhà thờ lớn Saint – Denis. Nhưng anh ta lại nhăn mặt: có phải những lăng mộ chung không? Tôi phải thừa nhận: đúng, mộ chung. Rồi anh ta, với một giọng đứt khúc: trong cái chết cần có một điều sâu kín nhất định. Làm sao vãn nỗi anh ta? Theo anh ta thì chỉ có Invalides^[34] là đẹp: Napoleon quả là may mắn: xung quanh là những người tàn tật, bên cạnh là bảo tàng, bên trên là vòm vàng. Anh ta rất muốn được tới thăm. Tôi đã hứa sẽ hết sức mình. nếu nước Pháp tỉnh hơn và bớt keo kiệt thì nên cho các trí thức trẻ này đi du lịch còn hơn là khinh miệt họ, vì như thế là đẩy họ vào tay cộng sản...

Cảm ơn bố Louis. Bố đã có lý.

Nền văn hóa và lễ tang của ta nghèo nàn quá. Vẫn chỉ là cái nghĩa địa Père – Lachaise ấy thôi mà người ta đã dùng theo mọi kiểu. Thưa ông, cần coi việc đưa lại cho người Pháp cái tham vọng về lễ tang, đó là một việc lớn. Tôi cho là không thể chần chừ đối với một nước lớn đang suy yếu. Nhưng tôi nói cho vui thế thôi. Ra tòa là nhất định tôi không nói theo kiểu ấy rồi. Xin ông yên tâm. Hơn nữa, nước Pháp đâu có suy yếu. Theo người ta nói, tổng sản phẩm quốc dân năm ngoái đã tăng 5% mà. Cuộc sống muôn năm! Nước Pháp muôn năm! Ông dùng thêm chút vang boócđô Lynch nhé?

Anh chàng trí thức trẻ luôn tươi cười biến mất một lúc và khi quay trở lại thì trên tay lĩnh kính những cặp.

- Các thứ này để làm gì vậy? – Gabriel hỏi, vẻ lo lắng về sự chu đáo lo xa của những người dưới quyền.

- Có những khách muốn kiểm tra qua sách vở.

Rồi chiếc xe quảng cáo – tang lễ chồm lên.

Sau khi lăng bánh được vài vòng, lúc qua ngã ba, chàng trí thức cho dừng xe lại. Chúng tôi đã đi qua nhà ga. Trước mặt là làn nước xanh của con sông Hương đang trôi lơ lờ giữa hàng phượng vĩ và xoan. Bờ bên kia, Hoàng Cung đang chờ đợi – Ông muốn qua thăm không ạ? Gabriel hình dung: sơn son thếp vàng, khảm trai, lọ sứ thượng hạng. Ông lắc đầu.

Chàng trí thức lộ vẻ nhẹ hẫng người.

Sau này tôi mới hiểu điều đó: Ở Hội những người bạn của Cố đô Huế có hai bộ phận, những chuyên gia về phố phường và những người sành sỏi về lăng tẩm. Những người loại đầu thấy lo khi một du khách lôi họ đi giữa các lăng tẩm còn loại sau phát rầu khi đi giữa những cung điện.

Con đường leo cao dần. Đó là một ngọn núi mà theo ý tôi, chẳng có vực ở bên phải cũng chẳng có tuyệt ở bên trái. Một ngọn núi nhỏ nhưng mang dáng vẻ ngạo nghễ, có trồng nhiều loại cây chứ không phải độc một loại thông cổ hữu như ở ta. Hàng loạt các tên mới lạ làm yên lòng ta, như khi ta mở một quyển sách dày vào đầu kỳ nghỉ hè. Các dòng nước cũng chảy từ trên cao xuống như vẫn thường thấy, nhưng không có tiếng ầm ầm của tàu hỏa trên đường sắt như ta vẫn thường nghe thấy ở những dòng thác nhỏ nhất của nước Pháp, ta vẫn gọi là ôn hòa. Hậu quả của những dòng nước này: các lớp rêu đã phủ kín mặt đất. Các cây cao su thì che khuất bầu trời, còn các khoảng thưa thì níu bóng tối lại^[35]. Từ lúc rời Huế, chúng tôi không gặp một ai cả. Chỉ riêng có chúng tôi. Quả là một đặc huệ hiếm hoi ở cái xứ Châu Á này.

Cuối cùng, chúng tôi tới được một đỉnh. Ở bên tôi, chàng trí thức đã dốc hết cặp ra và vội vội vàng vàng lật giở kho tư liệu của mình. Gabriel thấy mình nhẹ bồng, bồng bênh. Được thoát khỏi sự căng

thẳng trên đời. cảm ơn bố Louis đã dẫn con đến cái nơi huyền ảo của Vương quốc này.

Gabriel của chúng ta nhảy ra khỏi xe một cách vừa mềm mại lại vừa mạnh mẽ như còn ở tuổi thanh niên. Nhưng vừa kịp ngửa mặt lên trời nhìn ngắm phong cảnh (thoạt tiên đã thấy tuyệt vời) thì đã phải lại cúi xuống: chàng trai đã giơ ra một quyển sổ rộng:

- Cửa cha cố Cardière, quyển đầy đủ nhất về vùng lãng tâm.

“Tất cả đều kêu gọi lòng thán phục: vẻ đẹp của phong cảnh, sự hài hòa của các lớp cảnh phía trước, vẻ hùng tráng hoang dã ở phía xa, những cánh rừng lớn soi bóng bên làn nước trong, dáng thanh lịch của những bức tường ồ rêu, những ngôi đền đầy bí ẩn, những chòi, vọng lâu sắp đặt có cân nhắc, những dấu ấn xưa phảng phất khắp nơi, vẻ uy nghiêm của cái chết”.

Và giống như là ở các bài văn giáo khoa chán ngắt, cứ dưới monet lại gần tấm ảnh sông Seine “thật”, dưới Sézanno lại có ngọn Sainte – Victorie “thật”, Gabriel bị bó buộc vào làm cái việc so sánh. Nhìn vào văn bản, nhìn vào cảnh. Tập thể dục mắt đến bã ra. Quả thật là cha cố R. P. Cardière nói không sai, đúng là vẻ uy nghiêm của cái chết.

- Xin cảm ơn nhiều. Anh có thể thu xếp sách lại. Xếp tất cả lại. Tôi không cần đến nữa đâu.

Ông Gabriel khép mi mắt lại và chỉ mở ra sau khi nghe tiếng đóng sập của cặp.

Gabriel Orsenna, một người đã chai sạn với các loại cảm giác khác nhau, có thể nói đã chán chường, lúc này mắt ngẩn lẹ. Lần đầu tiên trong đời, kể từ khi ở Brésil, ông cảm nhận được *xúc cảm địa dư*.

Như là một tia sáng xanh, càng hiếm hoi, nhưng không tắt ngay, một tia sáng cứ trải rộng ra và còn sáng dài lâu. Như một nụ hôn lên đôi mắt. Như những câu kiểu “cậu có muốn làm bạn tớ không” thường được nói trong sân trường vào giờ ra chơi. Sự tròn lẳn của những cánh tay rộng mở. Một làn sóng của lá và mây kéo dài, im lìm.

Nhiều phút như vậy trôi qua, trong yên lặng hoàn toàn. Bởi vì người lái xe không nhai kẹo cao su, cái các-te của chiếc Citroen mười một mã lực không bị rung lên lớp sỏi đá và chàng trí thức thì tôn trọng những xúc cảm địa dư. Cuối cùng, anh ta cũng phá tan bầu im lặng:

- Thưa ông, xin ông cẩn thận kẻo bị nắng. Theo tôi, đầu tiên ta nên đi thăm các lăng tẩm để còn kịp thăm hết trước khi trời tối.

- Ừ, ta đi thôi, - Gabriel nói thật to, rồi nhỏ hơn: - Bố Louis ời, chúng con đã đến đây rồi.

Thẹn thay cho nghĩa địa Père-Laichaise!

Lăng tẩm nào ở đây cũng gồm năm phần:

1) Sân tang lễ với các tượng quan văn, quan võ quay mặt vào nhau, xung quanh là ngựa và voi.

2) Tòa đặt bia đá.

3) Đền đặt bài vị.

4) Đình tạ thưởng ngoạn.

5) Ngôi mộ vô hình được cất giấu trong một tòa nhà riêng biệt mà chính nó lại được đặt khuất trong rừng.

Ngoài ra còn có những bức tường bao quanh, những hào sâu để bảo vệ, những hồ đầy sen nở đem đến sự thư thái cho người đã khuất, và những con đường thẳng hàng ngay lối len lỏi giữa các cây xoài và cây đại là để dành cho khách đến thăm.

Suốt hôm đó, tôi đã tìm kiếm bố Louis. Lăng Tự Đức. Không thấy. Lăng Đồng Khánh. Không thấy. Bên phải. Lăng của hoàng tử Kiên Thái Vương. Không thấy. Xa hơn. Lăng Thiệu Trị. Minh Mạng. Lăng lớn nhất, Gia Long. Lăng trang nghiêm nhất, Khải Định. Lăng hiện đại nhất mà bố có thể đã chọn lựa. Nhưng cũng không, vẫn không thấy. Anh chàng trí thức theo sau tôi tưởng như đứt hơi luôn. Tôi hỏi anh ta dồn dập.

- Vâng, đúng vậy. Đúng là có tập quán đến ngự ở lăng tẩm của mình trước khi tạ thế...

Chúng tôi đã trở lại ngôi vọng lâu, không có bố Louis đi cùng. Tôi nhìn lại một lần cuối. Tôi không còn hiểu bố tôi nữa. Còn ở đâu để chờ đón cái chết tốt hơn ở Huế?

- Nếu ông muốn kịp chuyển tàu thì... - anh chàng trí thức nói với tôi.

Màn đêm buông xuống. ^[36]

....

Hãy tưởng tượng một con người khá già nua, vào lúc năm giờ chiều, khó nhọc mới thức giấc được vì giấc ngủ trưa chính là giấc ngủ đêm của ông ta: ánh sáng làm ông ta yên lòng, còn cái nóng làm ông ta dịu đi. Trong khi ấy, cái đêm đen thực sự lại làm cho ông ta quá sợ và không ngủ được nữa.

Hãy tưởng tượng ông ta lúc đang nhắm mắt và nghe thấy tiếng cười ầm ĩ, tiếng thì thầm, tiếng mở cửa, tiếng xê dịch các quyền

sách, tiếng chìa khóa kèn kẹt và một cuộc trao đổi đứt quãng:

- Này anh ấy có thể cất cái ấy ở đâu nhỉ?

- Hay là anh ấy đã chuyển trực tiếp cho ông luật sư?

- Có thể tại một nhà băng ở Cannes. Có thể thuê bao các hòm để cất giữ...

Trời nóng hầm hập, Gabriel mong muốn biết bao được quay trở lại với giấc mơ mà theo ký ức, không khí nơi ấy, tuy là ở Việt Nam, nhưng lại rất mát mẻ. Nhưng quá muộn rồi. Giấc ngủ đã qua mất rồi, Đành phải hé mắt ra.

Ann, Clara và người bán giấy đang lục lọi. Khá náo nhiệt. Thiếu cả lịch sự với đồ đạc. Sau này tôi phải mất hàng giờ để sắp xếp lại như cũ. Vì ông chủ thạo việc của mình mà...Tốp ấy vừa rời khỏi phòng làm việc của tôi, nơi tôi vẫn nói chuyện với con trai hoặc chuẩn bị cho vụ kiện, hai thứ việc mà có vẻ như ngày càng chẳng có gì khác nhau lắm. Họ chẳng kiếm được gì. Tất nhiên thôi. Chẳng đến nỗi ngu dốt lắm đâu, Gabriel ạ, nhưng họ cũng đã biến rồi. Tôi không còn trông thấy họ. Chắc là họ đang lần theo cái thang kỳ quái dẫn đến phòng sách. Cẩn thận. Họ lạnh lẽo như trong giấc mộng của tôi. Nhưng họ đang nóng lên đấy.

Thật là những giây phút thích thú: hãy cứ hình dung việc họ lần mò không kết quả để tìm kiếm cái phần của tôi. Chỉ một chút nữa là tôi có thể cảm nhận được bàn tay của họ lần đây đó trên da thịt tôi. Của Ann và Clara, nói cho đúng hơn. Cái ông bán giấy mê sảng kháu (đến giờ thì tôi đã biết được niềm đam mê của ông ta, nó chất đầy trong bộ quần áo rộng thùng thình của ông ta), ở chỗ làm việc thì lại không nắn nỏ như thế. Ông ta lúng túng. Lẽ đương nhiên vì là bạn tôi mà. Ông ta cứ nhắc đi nhắc lại. Các bà tin là ta được phép chứ? Các bà cho là ông ấy không có quyền giữ kín những việc riêng à?

- Với tôi thì không – Ann đã trả lời như thế.

- Anh ấy thì biết rõ mọi chuyện của chúng tôi – Clara nó thêm.

- Có đi có lại, tình ta có đi có lại – Ann hát khe khẽ.

- Nếu vậy thì...

Ông bạn của tôi chịu thua. Tôi không thể trách ông ta quá được.

Và họ chẳng tìm thấy gì, cũng chẳng thể tìm thấy gì được nếu không có bà xem bói chữ, bà Hélène ấy giúp vào. Nghề nghiệp đã làm cho bà ta nhận thấy rõ các chi tiết. Bà ta yêu cầu im lặng. Chỉ trong hai phút. Bà ta đã phát hiện ở lớp bụi trên mặt một giá sách có một dấu vết nhỏ. Tôi đã có sơ xuất. Về bụi bặm, bao giờ người ta cũng có sơ xuất. Tôi cứ nghĩ chẳng khi nào có người lại nảy ra ý định lục lọi ở đó, nơi ưa thích của tôi trong phòng khách, cứ một khi họ để tôi được một mình là tôi lại lao luôn vào phòng ấy. Cả một kho báu trên một đoạn dài một thước, những tác phẩm và giấy tờ đã bị quên lãng hoàn toàn, những kỷ niệm có thể sờ mó được của thời đã qua: bảng thực đơn, chương trình hòa nhạc, chuyên khảo về các tác giả. Schiaparelli của Alain de Rédé. Cảm phục phu nhân Mendl, năm bức họa của Drian, nhờ có sự đóng góp to lớn của Paul-Louis Weiler.

Chính là nhờ ở nơi đó tôi đã cất giấu một chương đoạn khá lý thú về chuyến đi của tôi. Một vài pha ở Cố đô Huế. Bà xem bói chữ đã tìm thấy nó ở đấy. Không một lời mời quá mức. Với vẻ yên lặng của một nhà khoa học. ba tờ giấy nhỏ gấp tư trong cuốn Các cuộc vũ hội hóa trang của chúng ta, tác giả là ông bà Fauchier-Magnan.

Bốn người thân mến của tôi nhẩy bỏ ra vườn. Chắc là họ ngồi quanh chiếc bàn đá. Tôi chỉ còn nghe thấy tiếng của Ann, có lẽ là đang đọc. Từng lúc, ông bạn bán giấy của tôi lại thốt lên:

- Ấy này này, ông già Gabriel này...

- *Suyt!* – bà bói toán cảnh báo - Ông làm ông ấy thức dậy đấy.

IV

Ông Giám đốc khách sạn Grand Hotel đang đợi các du khách ở phòng đại sảnh.

- Thưa ông Magny, cuộc dạo chơi trên biển thế nào ạ? Và thưa quý bà Dunan, quý bà có được hài lòng ở Đà Lạt không ạ? À, ông Orsenna, ông là người cuối cùng đấy. Vừa tròn một vòng. Có thể nói rằng quả là lần đầu tiên. Ông cảm thấy hứng thú. Thật là tuyệt! cũng may là tôi đã giữ lại phòng cho ông, vì đã quá giờ tàu lâu rồi. Ôi, cố đô Huế, khi mà nó đã thu hồn bạn... Hội những người bạn có một văn phòng ở Paris. Tôi sẽ cho địa chỉ, gần Nhà hát Lớn thì phải. Mời ông uống chút khai vị nhé? À, tôi nhớ ra rồi, phố Vaugirard. Để mừng sự kiện này, rượu Cinzano ướp lạnh nhé? Tuyệt, tuyệt! Ông đừng lo. Ngày nào cũng có chuyến tàu. Ngày mai, ngày kia. Chưa thể nói được. Đến với Cố đô tôi đã thấy có những người ở lại hàng tháng. Anh Lộc này, báo lên lâu đi. Hãy chuẩn bị nước tắm cho ông Orsenna. Mười hai giờ với lãng tắm, cần phải ngâm mình cho lại sức. Xin ông thứ lỗi. Xin chào ông Charret. Căn phòng có được vừa ý không? Tôi là tôi ưa phòng số 17 nhất. Thỉnh thoảng tôi vẫn ngủ ở phòng ấy. Vào mùa vắng, đó là đặc quyền của chủ khách sạn. Thay đổi bài trí ạ? Xin vâng, xin vâng...

Sau khi tắm xong, tôi mặc quần áo, thật ra chỉ vì lý do duy nhất: đó là thói quen ở thuộc địa. Tôi vừa mới ngồi vào bàn ăn, tay mở bảng thực đơn (phàm ăn như cá) thì người đầu bếp niềm kiêu hãnh của ông chủ, người phó có hạng ở nhà hàng *Flo*, người lưu vong ở hải ngoại vì những lý do riêng), nghiêng mình về phía tôi: Các quý ông quý bà có lời mời ông lại bên quầy rượu với họ.

Có thể nào chối từ được chuyện trò với đồng bào của mình giữa lòng một đất nước đang có chiến sự?

- *Đồ đạo đức giả - Clara nói.*

- Im đi nào, để em đọc tiếp – Ann bảo.

Nhất là nhóm đó chẳng có vẻ gì là đưa đám cả. Những lời giới thiệu mặn mà, tự nhiên. Năm cái bắt tay, không có bàn tay nào nhom nhóp. Thật là hiếm. Nhất là ở xứ nhiệt đới. Ba đàn ông. Victor và Max, cùng một hạng người trạc ngũ tuần, công việc làm ăn suông sẻ, Bob, trẻ và hói hơn. Và hai phụ nữ, một có tóc vàng tên là Irène, cao và gầy, phong cách mạnh mẽ, đôi vú nhọn. Người kia là Jacqueline, à không, Nina, tóc hung, người béo tròn, thích bông đùa. Và cả năm, mắt long lanh, toát lên vẻ ham sống giữa lãng mộ này.

- Chuyện là thế này: chúng tôi định làm một chuyến đi chơi đêm. Mời ông cùng đi với chúng tôi nhé? Victor, người nhiều tuổi hơn cả nói vậy (người này tóc đen mượt, ở ve chỗ khuyết cài nơ bị nhàu, còn nơ thì đã được bỏ ra: đáng lẽ tôi phải để ý đến điều này).

- Ô, ông nên đồng ý đi thôi! – Người đàn bà tóc hung nói rồi cười khúc khích.

Ông giám đốc tiến đến bên họ.

- Xin lỗi vì đã tò mò. Nhưng nếu ở địa vị tôi... Vào ban đêm, các tượng ở Thành phố Huế có dáng vẻ riêng của nó...

- Hoan hô ông giám đốc!

- Đúng quá đi rồi, ông giám đốc của Huế thật xứng danh.

- Hãy nhập bọn với chúng tôi – anh chàng hói nói.

- Không phải chỉ có chúng ta đâu. Còn có thêm các trí thức nữa. họ sẽ giảng giải cho chúng ta.

- Ta có thể trách anh ấy điều này điều nọ, nhưng mà Georges, ôi, xin lỗi, Victor quả là tay biết tổ chức đấy.

- Vậy là ông nhận lời rồi chứ?

Thế là Gabriel quá ngây thơ được đưa lên xe hòm toàn nam giới. Phụ nữ đi xe sau, cùng hai cô trí thức, loại thứ thiệt.

Ngồi cạnh anh tài xế người Việt, một người được coi là chuyên gia, Victor bảo:

- Như thế này hay hơn. Các bà với nhau dễ thu xếp hơn.

Các cành cây lướt qua, được đèn pha chiếu sáng lên một thoáng rồi lại bị nuốt chửng vào bóng đêm.

- Ta đi đâu bây giờ?

- Bí mật...

- Họ lạc quan lắm, Bob, - anh chàng hỏi ngồi cạnh tôi nói.

- Ai thế?

- Các nàng chứ còn ai nữa. Tôi thấy họ rất lạc quan. Tôi phải cảm ơn cái chủ nghĩa lạc quan ấy. Chính vì nó mà ta mới có mặt ở đây đấy.

Gabriel vẫn không thể hiểu được.

- Anh thấy cái mũi của tôi đấy, - Victor nói. – Cỡ cũng khá phải không nào? Một dấu hiệu cho biết cái bộ phận kia cũng khá, các bà ấy bảo thế đấy. Tôi gọi đây là tính lạc quan. Còn anh, nói anh đừng giận, anh không thuộc loại to con. Điều này cho biết cái kia sẽ bù trừ. Ngay dù ở tuổi của anh, họ trông chờ những điều huyền diệu ấy. Ta phải tỏ ra xứng đáng.

Victor im bặt và nhìn vào con đường.

- Ta đến nơi rồi.

Đèn pha chiếu sáng một hàng hiên. Một mặt tiền màu đỏ như bị khoét rỗng, không ra cửa và phía sau cũng chẳng thấy nhà.

- Anh đã biết rồi chứ?

Đó là lối đi vào lăng thứ nhất.

- Bọn mình sẽ nghỉ ở khu nhà tắm của hoàng gia, có đình tạ quay ra hồ. Không phản đối chứ? Bọn tôi sẽ cần anh giúp đấy. Nếu không có gì phiền, nhờ anh xách giùm một giỏ đồ ăn. À, các bà đây rồi. Không sớm quá đâu...

Cứ theo tình hình của các sự kiện thì lẽ ra Gabriel đã phải từ chối. Từ chối đi xa hơn. Bảo họ đưa trở lại Huế. Nhưng chuyến đi chơi này phải chăng là cơ may huyền diệu và cuối cùng để có thể tìm được ông Louis?

- *Huyền diệu, đúng thế, - Clara cất giọng.*

- *Tôi sẽ ngừng đọc đấy, nếu chị cứ ngắt lời tôi mãi như thế, - giọng Ann nổi lên.*

Rồi chúng tôi đã đi vào phía trong men theo vệ đường, giữ tục lệ để phần đường dành cho Nhà Vua băng hà. Chúng tôi nối đuôi nhau và tự nhiên, mọi người im lặng. nghe rõ tiếng nan của làn kêu cọt két và cả tiếng cành cây nữa. Một làn gió đã nổi lên từ chiều.

- Chúng ta đang ở sát biển mà: giọng phụ nữ, chắc là của Irène.

Cô ta có giọng nói tao nhã. Tôi nhớ lại là như thế. Cô ấy hay nhấn rõ và các phụ âm bật qua răng.

Lúc sắp đến nơi, tôi cảm thấy có bàn tay đặt lên vai. Nhẹ nhàng.

- Nói thật, ông ạ, ở thuộc địa phải biết kiếm một thứ tiêu khiển.

Đó là giọng của cái người chưa nói lời nào, nhà kinh doanh thứ hai, trông cứ như là anh em sinh đôi với Victor. Rồi anh ta phát lệnh ăn: “Anh đói rồi chứ. Càng tốt. Thôi, còn đợi gì nữa!”

- Các quý bà, - Victor nói – Đừng ngại! Xin cứ thoải mái. Lãng tâm là nơi rất an toàn.

Rất nhanh, các quý bà đã bỏ mặc chúng tôi.

Họ như thể được gặp lại nhau sau một chuyến đi xa. Một người, cao lớn, tóc hung, lúc nào cũng thấy khát, môi cứ nhấp nhấp suốt. Người kia thì cứ như muốn mơn trớn người ta, phải nói rằng làn da của cô trắng như sữa. Cái cô hay khát vẫn mặc nguyên quần áo. Ta vẫn có thể ăn mặc đàng hoàng mà uống. Cô kia thì trên người đã chẳng còn mảnh vải. Cô ưỡn người và hất tóc ra phía sau. Mỗi cử động ấy thôi. Nhẹ nhàng, không có tiếng động. Các con sóng cứ lăn tăn đến chỗ cô, đến mọi chỗ trên người cô. Chốc chốc lại thấy Irène, cô hay khát, ngoi lên mặt nước, lấy lại hơi, tìm trong khí trời một ít dưỡng khí, một chỗ dựa nho nhỏ. Nina, Nina, cậu vẫn ở đấy chứ? Cô ta hỏi mà không đoán chắc lắm, ánh mắt hốt hoảng, rồi lại ngụp xuống. Tóm lại, cứ như là một cuộc tình, cuộc tình chính hiệu. Một cuộc tình lớn đơn phương và chúng tôi thì bị bỏ quên.

Victor để hai cô trí thức ngồi lên đầu gối, tay vuốt tóc họ và miệng lẩm bẩm các cô em ơi, các cô em xinh xắn của tôi ơi, các em có biết đọc không? Hoặc là điều gì na ná như thế.

Người anh em sinh đôi ăn nói ngắn gọn thì cứ nhìn đắm đắm vào chiếc cốc trên tay.

Ông trí thức – lái xe – đầu bếp thì buộc một sợi dây quanh cổ chai sâm banh và thả chậm chậm xuống ao đang nở đầy hoa sen.

Còn chúng tôi, Bob chàng hói và tôi, chúng tôi chẳng buồn chuyện trò. Chúng tôi trao đổi với nhau những nụ cười mỉm. Chúng tôi cảm thấy mình thừa.

Còn điều ấy sau này mới xảy ra.

Bất chợt, nina, cô gái tóc hung nước da trắng như sữa đứng dậy. Cô lùa ngón tay vào mái tóc, xoa tay lên da thịt. Cô vỗ nhẹ mu bàn tay như thể phủ bụi. Còn cô bạn thì cứ gọi Nina, Nina.

Các cô ấy đi xa dần trong tiếng gót chân giậm lên đất. Goerges, à không, Victor chúa ghét gan bàn chân, Irène bảo vậy. Các cô đang ty khuỷu tay lên thành lan can bên hồ. Bọn tôi nghe tiếng họ nói. Câu chuyện của họ vang trên mặt nước. Đang đầy hoa sen. Họ nói về chuyện phơi nắng. Nina muốn giữ nước da trắng. Thật trắng. Irène thì không. Cô rất thích ánh nắng ở Vũng Tàu. Nhưng tôi đã đoán ra lý do. Lý do thật xúc động. Thỉnh thoảng Nina quay lại nhìn chúng tôi, chỉ mỉm cười chứ không nói gì.

- Đến lúc rồi đấy – chàng hói nói.

Chúng tôi tiến lại gần.

Tiếp theo đó, sự việc vô vị tiếp theo người ta vẫn nói, nhất là tối thứ bảy, Gabriel chỉ còn nhớ có hai điều.

Nina đã tiếp nhận như nuốt chửng lấy từng cử động, từng nhịp hăm hở nhỏ nhất, rồi thì mồ hôi xâm xấp, nhịp vỗ về. Cứ như là để tích lũy cho cả một mùa đông bất tận.

Rồi cô ta lại nhận ngay ra được, này Bob hoặc là lại ông đấy ư, cô gọi tôi bằng ông, cái ông xứ Huế. Chưa lần nào cô làm.

Sau đó, Irène cũng bắt chước theo, dù đã làm ra vẻ đau thực sự, thì uốn éo, chạy vòng, nhịp điệu thay đổi.

Tôi đã muốn tỏ thiện cảm của mình với cô.

Nhưng vì hoàn cảnh, thật là khó.

Hai cô trí thức là những người đầu tiên đã lắng tai nghe ngóng. Các cô chỉ tay về phía rừng sâu: ở đằng kia kìa, Trời ơi, ở đằng kia kìa, và các cô còn thốt lên những từ địa phương khác nữa với vẻ lo lắng.

Bọn chúng tôi sững sờ có lẽ đến một giây. Và chính là bức tranh sống động ấy đã được Gabriel, người mỗi ngày mỗi già trông thấy, giữ lại trong tâm khảm, cái tia sáng cuối cùng còn sót lại của một thời trai trẻ đã chết.

- Tử tế với chúng ta nhỉ!

- Này Clara, tôi thề là tôi sẽ ngừng đọc đấy.

Cái anh chàng được gọi là Victor dang cánh tay về phía các cô nàng được gọi là trí thức.

Người anh em sinh đôi của ta vẫn ngồi yên bên cốc rượu. Nàng Irène giả, nàng Nina giả thì đứng cúi người xuống mặt hồ nở đầy sen, còn hai người đàn ông trong đó có tôi thì đứng sau họ; thân mình cong lại, nhưng đầu ngẩng lên với vẻ dò hỏi. Các xa một chút, một chàng trai người Việt chịu khó ngồi chờ trên một chiếc va li da.

Gabriel đã chấp thuận. Cuộc lui quân không lấy gì làm vinh quang lắm. Mặc quần áo, kéo các phéc-mô-tuya. Tiếng nước nổ. Tiếng bát đĩa vỡ, do ác ý đẩy, em đã bảo anh rồi mà. Lệnh: hãy vứt các giỏ đi. Lộn xộn. Hỗn hển. Ngã nhào. Hãy tháo giày cao gót ra. Tội đã phạm thánh thượng. Mạnh ai nấy vượt qua hàng hiên thờ. Xô lẫn nhau vào xe. Thật là phúc, xe nổ được máy.

Trong chiếc Citroen đang lao nhanh, nhóm những người bạn của Huế dần dần lấy lại được tinh thần. Người thì cầu nhàu, kẻ thì kéo lại tất, kẻ khác thì lằn do cài khuya cúc áo. Riêng anh chàng sinh đôi từ đầu đến giờ cứ câm như hến thì lại bắt đầu mở miệng. Nóu và nói. Kể lể chi tiết những khổ hình mà bọn tôi vừa thoát khỏi. Chẳng hạn về một trăm vết thương. Tiếng Việt là Ba dao. Thôi im đi Maxime. Không làm thế nào được. Anh ta cứ tiếp tục. Tên đao phủ thứ nhất tóm lấy ruột. Tên thứ hai chặt. Tên thứ ba thì đếm các vết thương. Tên thứ tư ghi lấy các con số. Nhất định rồi, nước Pháp đã chọn đúng cho mình các thuộc địa.

Các cô vừa mới hoàn hồn lại bị nổi gai ốc.

- Cám ơn Maxime. Kết quả là như vậy đấy, - anh chàng có tên là Victor nói.

Nhưng người phải cảm ơn cái anh chàng Maxime lại chính là Gabriel.

Cho đến tận lúc này, con người hùng thánh thiện của chúng ta cứ tin là muốn tạo ra cảm xúc có tính quyết định ở người đàn bà thì phải làm cho họ yên lòng. Cứ là phải làm yên lòng họ.

Thế ra là phương pháp trái ngược hẳn đã chứng tỏ hiệu quả của nó.

Cô Irène giả hiệu đã lao vào anh chàng Maxim và hôn anh ta tới tấp. Đừng nói nữa. Ôi! Anh ơi, đừng nói nữa.

Có thể là thật lòng, cũng có thể là gian lắm. Làm sao mà biết được khi giờ đây các diễn viên của buổi tối đó đã mỗi người mỗi ngả? Dù sao Irène thì khi ngã người sang phải để ôm hôn thì cùng lúc này lại phô bày các bộ phận tròn trịa sang cho người bên trái là Gabriel.

Gabriel đã định cưỡng lại. tôi xin thề là như vậy. Ông ta thu mình lại ép sát vào cửa xe. Khốn nhưng Irène càng nghiêng sang mạn phải thì cô nàng càng éo mạnh ông ở bên mạn trái.

Và những tư tưởng mà ông tưởng rằng đã chết vì sự hoảng sợ vừa qua, những tư tưởng thời thanh niên, bỗng nhiên trỗi dậy, chìa chiếc mũi nhọn hoắt, làm ông ta như sống lại.

Gabriel nhắm mắt lại. Đó là một ý định đáng khen. Ông muốn chống lại sự cám dỗ.

Một sai lầm ghê gớm.

Tất cả những kẻ làm lỗi đều sẽ khẳng định với ông rằng: chính lúc nhắm mắt lại là lúc tốt nhất để làm nảy nở những kế hoạch khó chống đỡ nhất.

Gabriel phải công nhận điều đó. Khi bóng tối tràn ngập trong đầu thì ông nhìn thấy rõ ràng như nhìn một tấm ảnh chụp, làn da không phơi nắng đã làm ông run động trước đây.

Rồi sự việc đã xảy ra.

Và hành động của Gabriel đã thành công.

Và Irène đã chấp nhận dễ dãi.

Mười lăm phút sau, khi liếc nhìn về phía ghế ngồi đằng sau, khi chúng tôi tiến vào huế thì người tên Victor không thể kìm được một tiếng kêu. Anh ta ra lệnh cho người lái xe đi chậm lại.

- Để cho mọi người có thể trở lại văn minh – anh nói một cách ý nhị.

Như vậy, hai chiếc xe Citroen mười một mã lực đã tiến đến bậc cửa của Grand Hotel.

Không có lời vĩnh biệt, chỉ có những lời tạm biệt thì thầm. Người gác vẫn chưa thức dậy. Ai nấy về phòng mình trong bóng tối. Thật đáng tiếc, Gabriel muốn ôm hôn tất cả bọn họ: Bob, người đồng lõa với anh, Max người đã giữ yên lặng, một chuyên gia của hình phạt, Irène và Nina, một cô thì tin vào sự phôi nắn và một cô thì không...

Khi bước vào phòng mình, nhân vật của chúng ta, nghe thấy phía sau lưng ông, trong đêm tối, giọng nói trầm vang của Victor:

- Cầm lấy mũ, ông bạn già... ở tuổi của ông... Người ta muốn nói gì thì nói, mẫu quốc vẫn giữ được vẻ quắc thước.

Gabriel rất lâu mới ngủ được. Hoạt động sinh lý thần kỳ đã làm ông kiệt sức. Ông không còn một tý sức nào, dù là một chút ít để đi vào giấc ngủ.

Sáng sớm hôm sau, những tiếng nói ồn ào ở nhà dưới đã làm ông tỉnh dậy:

- Cô Geneviève, in chớ lè mề nữa. hôm nay đường dài đấy.
- Tôi đến bay giờ đây, Georges, tôi ôm hôn Nicole và tôi ra ngay.

Nhóm người phân tán đi mỗi người một ngả. Họ đã từ bỏ cái tên thời chiến của họ. Khi ra đi, ông giám đốc ôm hôn ông Gabriel (ông cho phép, chúng ta là đồng bào, và với tình hình hiện nay!) Ông tặng Gabriel một tặng phẩm: một cái gạt tàn thuốc lá có trang trí hoa văn. Hình như ông không hút thuốc lá, như vậy thì ông sẽ không đốt cháy bản đồ thành phố. Ông xem đây, tất cả ở đây: Thành Nội, Cung Vua, Cầu Hành Quyết, Nhượng Địa Pháp, có cả một số lăng tẩm, những cái gần đây nhất... Người ta có thể nói rằng ông đã không chiếm đoạt lấy kỷ niệm này. Chắc chắn là ông đã có thiện cảm với Cố đô Huế. Thôi, tạm biệt ông. Ông hãy sớm quay lại. Cố đô Huế có thể sẽ

biến đi cùng với những lẳng tằm. Chiến tranh không kiên nhẫn gì các lẳng tằm. Thôi, xin chào ông. Tôi gửi lời thăm bố ông.

Ông ta vẫy tay. Ông ta bé nhỏ dần, ở phía cửa sau xe, nhỏ hơn cả Gabriel. Rồi ông ta biến mất sau hàng cây phượng vĩ.

Còn ông Amaury, thành viên tích cực nhất của Hội những người bạn của Cố đô Huế, bây giờ thì sao? Những Grand Hotel là những nơi dễ bị tấn công nhất trong chiến tranh.

Và thế là nhân vật cao tuổi của chúng ta đi về Hà Nội bằng chuyến tàu hỏa quân sự buồn tẻ. Ông có vẻ già và oai vệ, già và xông xáo, ông cảm thấy hãnh diện và mệt mỏi, ông tưởng tượng rằng mọi người nhìn ông và hoan hô ông, ông huýt sáo và giữ một dáng vẻ nhanh nhẹn. thoải mái.

Sau những lời nói cuối cùng của Ann, khu vườn lại chìm trong im lặng. Sự yên tĩnh của một khu vườn. Tiếng đàn ông vo ve. Tiếng xúc đất ở bên cạnh. Ở xa hơn là có tiếng trẻ con la hét. Một lá cờ bay phàn phật như vô cờ bị gói và mặt trời kích động... Nhà buôn giấy là người đầy tiên tĩnh lại.

- Này, có phải ông ta giấu tung tích không? Ông ấy khỏe làm sao?

- Trông chữ viết của ông ta cũng biết – bà xem sự dạng nói – nếu tôi xem được sớm hơn thì...

- Đồ rác rưởi – Clara nói.

- Chị đã quên quá khứ của chị rồi – Ann nói – Chẳng hạn con tàu biển đẹp đẽ...

- Im đi!

- Nhưng tôi thấy là ông ta có lý. Chúng ta đã cho ông ta thấy nhiều.

- Tôi căm ghét những người hay trả thù.

Hai chị em rời khỏi vườn, vừa đi vừa cãi nhau. Tôi chỉ còn đủ thì giờ để về buồng mình, nhảy vào giường một cách êm ả (trước đây tôi đã biết cái giường này khó rõ, nên có thể phân biệt được những cái lò xo nào không gây tiếng động).

Ngáp đến tận sáu giờ, tôi giả vờ như vẫn tỉnh.

Đến tối, Gabriel mặc quần áo cẩn thận để đi ăn. Ông đã dầm quần chiếc khăn quàng đỏ, nó có thể làm ông trông nhỏ bé như lúc ban ngày, vì nó đã làm nổi bật ranh giới giữa ngực và bụng (một cách vô ích). Nhưng buổi tối, người không thấy rõ dáng vóc. Ông xuống nhà dưới, khe khẽ hát một điệu nhạc, như khi ở ga Huế. Một ông già nhợt nhợt, đôi khi vui vẻ. Ông thấy người ta nhìn ông với vẻ khang khác: âm mưu, thân thiện, tức giận, lọc lừa, tùy theo từng người. Một bữa tối của ngày hội. Một bữa tối đẹp đẽ, vui vẻ. Tôi chúc cho các đồng nghiệp lớn tuổi của tôi có được những bữa ăn như vậy.

V

Hà Nội

Ông bấm chuông, không nghe thấy tiếng động nào cả. Một anh bồi ló mặt ra. Ông giải thích với anh ta. Anh bồi biến đi, rồi lại ló ra: Xin mời, ông theo tôi. Người ta bao giờ cũng tiếp Gabriel, hầu hết mọi lần ông đến, vì có bức thư giới thiệu. Bức thư do ông P. Franchini đánh máy chữ ở khách sạn Continental, Sài Gòn. Bức thư có chữ ký của ông Chủ tịch Nghiệp đoàn các chủ đồn điền ở Nam Kỳ.

“Bạn thân mến, xin giới thiệu một bạn đồng nghiệp của chúng tôi, ông Orsenna Gabriel...”

Vì đã dùng quá nhiều lần, bức thư không còn cái vẻ bề ngoài lịch sự nữa. Người ta nhìn rõ các vết tay cái, có khi chỉ nhìn thấy chúng, ở hai bên chữ bạn thân mến và ở phía dưới, gần chữ ký. Tuy vậy, bức thư vẫn có khả năng mở được nhiều cửa.

- Tôi chỉ còn ít thời giờ thôi, với tình hình hiện nay... - người bạn thân mến nói – ông hãy thứ lỗi cho những thứ tiếng động này. Có những vật rất nặng được kéo lê trên sàn gạch. Rồi đến tiếng xé giấy lụa, rồi đến một giọng nói phụ nữ. Hãy cẩn thận, anh Bình, nếu anh làm vỡ cái lọ này, tôi sẽ chết mất. Có lẽ, đó chưa phải là dọn nhà, nhưng là sự chuẩn bị. Một sự lựa chọn đầu tiên giữa những đồ vật mang đi và những đồ vật phải bỏ lại, một sự phân chia khá đau lòng. Thình thoảng, người bạn thân mến lại chạy ra, tức giận, quát mọi người im lặng, rồi quay vào; người ta nghĩ gì về cảnh tượng này ở mẫu quốc nhỉ?

Gabriel càng muốn nói ngắn gọn thì lại càng giải thích rối ren. Sau đó, ông kể lại câu chuyện của ông, chuyện về một ông già tên là Louis, cò rất khỏe, ông ấy là nhà thể thao, ông hiểu không?... Người

bạn thân mến đã hiểu: nhờ có thể thao, nhất là xe đạp, người ta đỡ mau già, nhưng ở các xứ thuộc địa, với cái khí hậu này thì làm sao mà chơi thể thao được? Chúng ta đang nói gì nhỉ? À phải, ông già bị lạc. Chẳng may rồi, Không có dấu vết gì của ông già tên Louis cả, mà tôi đã hỏi nhiều người. Người ta nói rằng, với tình hình hiện nay thì những kẻ lỳ như gấu cũng phải ra khỏi hang. Tôi không nói điều đó đối với người mà ông đang tìm đâu. Cố nhiên. Cố nhiên rồi. Những người tốt nhất trong số những người bạn thân mến còn thêm được vài nhận xét về cuộc đua ô tô: Ông biết Fangio chứ? À phải, ông không biết, đó là trước chiến tranh. Không còn nghi ngờ gì nữa, buổi hội đàm kết thúc. Gabriel đứng dậy. Ông cũng không quay lại để chào tạm biệt hoặc cảm ơn nữa. Vì người bạn thân mến thường là nhún vai khi thấy kẻ quấy nhiễu ra về. Và cái kiểu nhún vai ấy đã làm hỏng hoàn toàn những ngày đã lắm ưu phiền vì vắng bóng người bố, và vì cơn mưa phùn lạnh giá ở Hà Nội, cái mưa phùn giống như ở Saint – Briec hay Lannion.

Có khi ông gõ cửa một văn phòng. Cô thư ký không trả lời, nhưng ông lại nghe thấy tiếng cô đi đi lại lại và tiếng nói ở điện thoại. Ông bước vào phòng và tức thì đưa ngay ra dưới mũi cô thư giới thiệu với chữ ký đầy hiệu lực, Nghiệp đoàn những chủ đồn điền, vết các ngón tay...

- Để tôi xem – cô ta nói – tôi sẽ phát điên lên mất, lúc nào tôi cũng bị quấy nhiễu.

Nhiều hộp giấy các tông xếp chồng xung quanh bàn giấy, và cạnh chiếc gọt bút chì là một chồng đầy những nhãn hiệu trắng viền màu nâu nhạt, màu của bì các tông.

- Tiếc thay, ông bạn thân mến, với tình hình như hiện nay...

Thời tiết giống như ở xứ Bretagne: trời màu xám, sương mù, mưa phùn lại xuất hiện vào lúc mười giờ. Khi đó người ta nghe thấy tiếng

máy bay.

Gabriel nghỉ tại khách sạn Vịnh Hạ Long, không xa trung tâm bao nhiêu, một khách sạn hai tầng giản dị. Người ta vừa mới thêm một tầng thứ ba gọi là tầng mái che, buồng của ông ở đó.

Các chủ khách sạn không còn quan tâm đến khách hàng nữa. Họ nghe radiô, rồi chuẩn bị hành lý, lại nghe radiô, rồi lại chuẩn bị hành lý vội vã hơn. Khách sạn vắng dần. Một hôm, những bức họa treo ở hành lang, những bức phù điêu kiểu Nhật Bản, của Đài Loan đã biến mất. Ngày hôm sau, đến lượt các rèm cửa... Các chủ nhân đảm đang này đã rất chiều chuộng vị khách mới đến. Từ khi còn trẻ, Gabriel đã có thói quen là gây cảm tình với các chủ khách sạn. Các vị này thì lại có thiên tính gia đình, có lẽ, vì họ là chủ của hàng tá các căn buồng. Họ chắc đoán ra được là Gabriel mồ côi mẹ và ông có cái tính ưa lang thang của bố ông. Khi họ thấy ông trở về, người bơ phờ, lạnh cóng và chắc chắn là hồng việc, họ bèn mời ông ăn tối. Cơm còn ấm, cá kho và rượu chua của Rennes. Rượu đỏ của chúng tôi ngon đấy chứ? Họ làm như xứ Bretagne không có nho không bằng! Họ trình bày với Gabriel công việc của họ:

- Nhờ có người Trung Quốc, bây giờ chúng tôi đã có va li. Ông biết không, từ khi Điện Biên Phủ bị bao vây, một ngày lại có nhiều thuyền buôn chở đầy va li rỗng từ Hồng Kông tới. Đó không phải là một điều lành, tuy nhiên những người Trung Quốc này đã tới là may cho chúng tôi, Ở địa vị chúng tôi thì ông sẽ làm gì? Hai mươi giường, mỗi giường hai bộ, như vậy là tám mươi đệm trải giường. Nếu là ông thì ông có gửi ngay những cái đó về Pháp không. Một khách sạn mà không có đệm trải giường thì sẽ bị cuống cấp và chúng tôi không thích những đồ cặn bã, có phải không, Annette?

- Phải, ta sẽ đi cùng với các đệm trải giường.

- Dẫu sao, chúng tôi cũng bị kẹt lại một tuần lễ vì cái tuần trăng mật này (tiếp theo cái tuần trước).

- Anh nói có lý đấy. Tôi quên mất. Tuần trăng mật thì phải có đêm giường. Ông cho phép tôi gọi ông là Gabriel chứ, với tình hình này...

- Tôi cảm thấy rằng hai vợ chồng mới cưới sẽ hòa hợp với ông Gabriel. Họ từ Sài Gòn ra, họ là nhân viên Bưu điện, và cũng đã lớn tuổi. Người ta nói rằng, họ đã hợp lý hóa quan hệ, nhưng họ là những người rất có lễ độ.

Ông chủ khách sạn vừa nói vừa húp píp. Sau mỗi câu, lại nhả khói thuốc. Khói thuốc lúc nào cũng quần trong phòng. Cặp mới cưới này có ý nghĩa kỳ cục là ra thăm miền Bắc của chúng tôi. Đặc biệt là thăm những kỳ quan về địa chất, những núi đá ở vùng Vịnh. Họ say mê môn địa lý, đó là điều bình thường ở những người làm Bưu điện, ông sẽ trò chuyện được với họ, cao su dẫu sao cũng là địa lý đấy.

Những buổi tối ở Hà Nội buồn đến chết được. Rượu vang xứ Rennes cứ hết cốc nọ đến cốc kia. Gabriel chuếch choáng lên phòng mình. Ông mơ thấy gặp lại Louis ở trên cầu lớn Paul-Doumer.

Ông Louis đề nghị chơi trò ú tim. Gabriel đứng dựa vào thành cầu hoen rỉ và đếm đến một trăm. Rồi Gabriel phải đi lòng sục khắp cả Vịnh Hạ Long mà không tìm thấy ông ta đâu. Sau đó, Gabriel đã mời hai vị chỉ huy của hai tàu sân bay giúp đỡ, dĩ nhiên là phải hứa với họ một số tiền thưởng. Hai vị chỉ huy nổi giận. Họ đâu có thì giờ để đi tìm ông Louis! Cuộc thủy chiến đang diễn ra ở phía Tây, ở phía nước Lào, một cuộc chiến ác liệt giữa tàu sân bay và đội quân xe đạp. Đến cuối giấc mơ, các vị chỉ huy đã bắt Gabriel vì tội hối lộ viên chức nhà nước. Khi đó xuất hiện hai nữ hoàng, một da hồng là Ann và một da nâu là Clara, họ mặc áo dài đen kiểu Trung Quốc. Họ lắc đầu, anh đáng bị kết tội. Họ nói tiếng Anh rất quý tộc và không hề mỉm cười. Đội hành quyết đã đứng thành hàng. Đó là những người lính tỵ hon mang theo cái đầu mèo xiêm. Gabriel hét lên và tỉnh dậy. Các nhân viên khách sạn ở nhà dưới nên không nghe thấy. Thật là may.

Ông đã vô tình tới phi trường Bạch Mai.

Vì ông đã đi một chiếc xe buýt và chiếc xe này đã bị một toán lính trưng dụng, vì họ muốn đến phi trường quân sự ngay lập tức. Trên một chiếc xe buýt bị trưng dụng đang phóng hết tốc lực thì không thể xuống được, trừ khi liều nhảy. Đó là việc làm quá liều lĩnh và vô trách nhiệm. Khi người ta có một gánh nặng gia đình đông đảo như Gabriel: nào là bố Louis, Ann, Clara và biết bao kỷ niệm về ông Markus, bà Élisabeth, và bà Marguerite, công dân Mỹ.

Phi trường Bạch Mai.

Chỉ vài tháng sau là mọi người đã làm ra vẻ quên mất phi trường này. Còn có một số người dám thề rằng chưa bao giờ nghe thấy cái tên ấy. Nhưng trong tháng Ba, tháng Tư và đầu tháng Năm vừa qua, đây là nơi người ta lui tới nhiều nhất. Một đám đông tràn ngập phi trường như ở nghĩa địa ngày thăm mộ. Nhiều gia đình đến hỏi tin tức. Nhiều nhà báo đến vì những tin đồn. Những lính nhảy dù đến để đi làm nhiệm vụ. Những phi công mệt lử đến để ngủ. Những trung úy tầm cỡ Hoàng đế Jean de Lattre đã mất, đến để nhắc đi nhắc lại câu cửa miệng “bề bộn làm sao!”. Những nhà khí tượng đến để quan sát bầu trời. Lính Mỹ đánh thuê đến để bay bằng những chiếc máy bay Pháp. Lính lê dương đến để nói tiếng Đức. Rồi có những kẻ đã nghĩ ra kế hoạch màu nhiệm để thắng cộng sản trong một tuần lễ, cứ như là dùng một thứ thuốc diệt cỏ vậy. Có những người đến đòi gặp ngay tướng chỉ huy. Có những kẻ bị đuổi khéo, lại trở về Hà Nội bằng xe buýt, luôn mồm chửi bới cộng sản. Họ là người biết ơn các kế hoạch gia. Những nhà buôn đã phải trả giá đắt. Những phu khuân vác lưu động, những người sống dựa vào khách thập phương mọi nơi tràn đến. Có cả những nhà du lịch đã tính nhầm địa điểm, họ đang tìm đến để đăng ký vé đi Sài Gòn, Paris, Salzbourg, San-Francisco, những chuyến bay thường kỳ với những hành lý quá tiêu chuẩn...

Đó là chưa kể đến đặc điểm của Á Đông: một khoảng đất nhỏ cũng có thể trở nên đông đúc.

Cũng không nên quên rằng những phi trường quân sự chỉ có những phòng đợi chật hẹp. Như vậy là chúng tôi chen chúc nhau. Nhưng Gabriel không tới đây để nói về sự thoải mái của mình. Cái đặc sắc của Bạch Mai là ở chỗ khác, đó là cảnh tượng giống như cái boomeran: các máy bay cất cánh từ Bạch Mai lại trở về hạ cánh ở Bạch Mai sau hai hoặc ba giờ bay. Không phải là những phi công, mê tín hoặc có thói quen như vậy, nhưng đó là vì pháo binh địch đã chơi khăm, phá hủy nơi họ phải hạ cánh.

Tiếng Việt: Điện Biên Phủ.

Tiếng Pháp: thị trấn của chính quyền nơi biên giới.

Từ cuối tháng Ba, không máy bay nào hạ cánh xuống đó được nữa: đường bay đã bị phá hủy hoàn toàn.

Tôi tự hào về tôi. Còn Gabriel thì tự hào về ông ta. Ông đã hành động có phương pháp.

Ông đã tìm tòi trong chính bản thân mình. Ông đã rút kinh nghiệm từ những Giải Thưởng Lớn ở Monaco, người duy nhất biết tất cả mọi việc, bất lý lúc nào, thí dụ như chiếc khăn quàng đỏ chấm trắng của Chiron ở chỗ nào, cô Gladys người Mỹ, người mà Nuvolari yêu thích đã rời khỏi phòng cô mang theo va li hay không, người duy nhất là ông Christophe, người chủ quán rượu ở khách sạn Paris, một người Do Thái, gốc Hà Lan, cũng như Spinoza, cũng có lòng nhân ái nhưng không hề đăng trí.

Không trừ trừ, Gabriel tiến về phía ba chiếc bàn căng tin đặt ngất ngưỡng trên các thùng gạo dùng làm quầy rượu. Họ chuyên việc mở nút bia hơn là phục vụ cho một quầy rượu (người bán rượu: đó là nhà khoa học đang tìm thứ rượu triết học có thể biến đổi cuộc đời

này thành hiện thực) nhưng công vụ tạo ta con người và nhà bán rượu được nhà nước chiếu cố.

Khi Gabriel vừa nói đến Dekarkove, người dẫn đầu cuộc Đua Vòng Quanh nước Pháp, hai anh chàng bán rượu “dởm” đã đánh rơi chai bia.

- Đó là một tay đua không thể bám sát được. Người ta đã thử cả một đêm... thế mà tôi cũng từng đăng ký ở VC XII, rồi đấy nhé.

- Gặp được một nhà chuyên môn là tốt lắm, ông bố già hãy tin bọn tôi. Một lần không khí thực sự của Paris! Còn ở đây, họ chỉ làm ra vẻ hiểu biết để tranh thủ cảm tình của bọn tôi, thực ra thì họ mù tịt.

- Anh còn quên tay Georges to lớn, người yêu của bà Stern ấy à.

Gabriel tự hỏi bà Stern xinh đẹp ấy có thể là ai nhỉ? Người đã lưu lạc sang Việt Nam? Hay còn ở bên Pháp? Ông đành nhủ thầm: có lẽ đó là người vợ chưa cưới cuối cùng của bố Louis cũng nên.

Anh bồi rượu đứng ở phía trái rất khoái chí, Dekarkove, VC XII,... Anh ta làm ra vẻ kính phục, say mê...

- Phải, tôi có thể nói chắc chắn là ông Dekarkove làm một tay đua không ai bám sát được. Ông ấy muốn tới Điện Biên Phủ như mọi người khác. Đó là một mà. Vì thế, người ta đã mách cho ông ta đúng cửa để chạy. Bộ trưởng Plevin vừa mới tới. Ông có thể tưởng tượng bộ trưởng ở bờ bể với bộ tịch như sau: mũ Panama, bộ đồ trắng, giày môcát xanh có đục lỗ... Việt Minh chắc là phải cười bò khi nhìn qua ống nhòm thấy bộ trưởng lên bờ. Phải, tôi biết họ, những vị bộ trưởng đi thị sát. Ta chỉ cần nói lên quê quán của họ là họ xử nhũn liền. Quê quán của bộ trưởng Plevin ở đâu nhỉ? Saint-Méen, một nơi khỉ ho cò gáy... Vậy thì, ông Dekarkove chỉ cần nói lên một từ là lập tức ông bộ trưởng sẽ cho đi thăm lòng chảo Điện Biên Phủ ngay... Không biết tại sao tôi lại kể cho ông nghe chuyện này nhỉ?

Rồi cả hai anh lại tiếp tục lau, rửa và vẫn còn bấu môi.

- ... Dẫu sao, họ cũng đã từ chối, ông ta và bạn ông ta, một ông cũng già khụ, xin cứ xem trên bảng thì biết. Họ muốn đến lòng chảo bằng phương tiện của họ. Họ cần đến một cái bản đồ... Bố già xích lại gần đây, đây chẳng phải là một điều bí mật, cả hai chúng tôi đã gửi cho họ một tấm bản đồ Bắc Kỳ tỷ lệ 1/2000000... mong rằng điều này ông không kể ra ngoài, vì tình hình hiện nay... Bố già có họ hàng với họ à? Bố già cũng là tay đua xe đạp đấy chứ?

Thế rồi tay đua của VC XII đã bỏ rơi bạn anh ta cùng khăn lau chùi và đi theo tôi.

- Tôi sẽ chỉ cho bố, không biết bố thế nào chứ, chính đảng của tôi là xe đạp.

Chúng tôi lặng lẽ bước bên nhau. Người ta nghe thấy tiếng động cơ chổi tay, và xa hơn là tiếng ồn ào của một đám đông đang ra khỏi phi trường. Anh ta chỉ cho tôi con đường ở bên phải.

- Cả hai vị ấy đã đi về phía đằng kia, phía Tây. Ông Dekarkove đi trước, ông kia theo sau. Nhưng bố già có họ với ông nào? Tôi biết ngay hai người ấy là hạng người nào. Không phải là những nhà thể thao trong phòng đấu, đó là những tay đua thực thụ đấy, dù họ đã cao tuổi, nhưng tôi biết họ là những tay đua điểm hình của LongChamp. Và họ cũng tính toán ra trò: họ dùng xe Manufrance, khung hơi nặng nhưng chắc chắn, và tuyệt hảo đối với miền đó. Ông có biết là ông Dekarkove gọi Điện Biên Phủ là gì không? Một lòng chảo, xe đạp của Việt Minh chạy chung quanh, chỉ còn thiếu những đường vòng có mặt nghiêng về phía trong. Không hiểu Việt Minh sẽ có tiếp đón họ không? Còn bố già chắc cũng lo lắng về điều đó chứ? Việt Minh có thật là thích xe đạp không? Tất cả vấn đề là ở đó...

Chúng tôi quay về quầy rượu tạm bợ của anh ta. Anh ta không muốn vắng mặt lâu, sợ lại bị đuổi về nơi đồng ruộng khi phạm phải một điều ngu ngốc nào. Anh ta nói, nói và nói không ngừng với

giọng của dân Paris. Ta chỉ cần nhắm mắt lại và tưởng như mình đang ở Grenelle vào những buổi chiều thả ngựa.

Con đã hỏi thăm tin tức của bố, bố Louis ạ. Không có kết quả gì. Lúc nào cũng chỉ nghe nói đến ông Dekaerkove, một con người rất uyên bác và rất có cảm tình. Còn bố thì có lẽ bố đã tỏ ra hơi kiêu. Con đã phải nói với anh ta rằng ông Dakaerkove chính là bố của con để anh ta vui lòng. Không biết anh ta có tin không: thỉnh thoảng anh ta lại nhìn con một cách lạ lùng.

- Có điều gì đó mách bảo với tôi rằng ông ta là cộng sản, cái ông cùng đi với nhà vạch đường đua ấy mà. Tôi tự hỏi không biết tôi đưa cho ông ta chiếc bản đồ là đúng hay sai.

- Ông ấy mà là cộng sản ư? Tôi tin chắc là không, tôi cũng biết ông ta ít nhiều.

- Dù sao, ông ta cũng đã lập danh sách những dân tộc có mặt ở Điện Biên Phủ, ba mươi bảy tất cả: dân xứ Maroc, Sénégal, Thái, Campuchia, Malgache... Tôi đã quên các màu da, nhưng tôi nhớ kỹ con số ba mươi bảy. Ông ta nói Điện Biên Phủ là cuộc triển lãm thuộc địa cuối cùng. “Cuộc Triển lãm thuộc địa”, có phải là ngôn từ của cộng sản không. Còn tôi, thì những người cộng sản...

Anh ta giơ hai tay đầy bột lên khỏi chậu rửa bát và làm nước bắn tung tóe.

- Thôi mà, - người đồng nghiệp của anh nói.

Không cần ngẩng đầu lên nhìn, qua lỗ tai người ta vẫn có thể nhận ngay ra họ.

Dựa vào chuyện họ nói với nhau, chẳng có đầu đề, chỉ có điệp khúc: tôi muốn nhảy dù xuống Điện Biên.

Buổi sáng, họ tới từng đợt một. Không phải chỉ có quân nhân. Có cả một vài phụ nữ, họ chỉ đem theo những thứ thật cần thiết trong một chiếc ví nhỏ xách tay. Khi nhảy dù thì không thể mang nặng.

Bộ Tham mưu cũng không muốn khoe khoang điều đó, nhưng họ đã phải mở một phòng đón tiếp. Những người tình nguyện xếp hàng đôi, trại lính dựng bằng đồ lắp ghép. Một bàn gỗ trắng, ngồi sau là viên đội nhất. Trên tường treo ảnh của Vincent Auriol, Đông Dương còn thiếu Coty.

- Thế nào?
- Tôi muốn nhảy dù xuống Điện Biên Phủ.
- Tại sao?
- Để cùng chiến đấu với họ.
- Anh cũng là lính dù à?
- Không.
- Cảm ơn. Người tiếp theo.

Nhưng, những người tình nguyện vẫn đứng đó, họ mỉm cười với viên đội mũ nồi đỏ. Vì báo chí đã diên rồ đăng những thống kê kiểu Mỹ. Khi nhảy dù, người lính mới cũng không bị nguy hiểm hơn người lính kỳ cựu. Đó là cái may của sự trong trắng. Đến lần nhảy dù thứ hai thì bắt đầu tai hại. Nhưng ở Điện Biên Phủ, người ta chỉ nhảy có một lần có phải không, thưa xếp? Thế nào, xếp, ông ghi tên tôi vào danh sách chứ?

Người xếp giữ thái độ lịch thiệp. Anh ta hứa hẹn suông.

- Tốt thôi, tôi sẽ ghi sổ. Anh hãy để lại địa chỉ. Chúng tôi sẽ thành lập những phi đội mới. Người ta sẽ báo cho anh đến dự lớp huấn

luyện. Người tiếp theo.

Sau đó, đoàn người xếp hàng mới giải tán, nhưng họ vẫn còn quanh quẩn ở Bạch Mai.

Gabriel chỉ quay lại khách sạn Hạ Long có ba lần. Để ngủ và tắm. Chủ khách sạn tỏ vẻ lầy lăm tiếc.

- Ông đã không gặp được cặp vợ chồng mới cưới rồi. Họ rất tuyệt và rất kín đáo. Giống như ông vậy. Hẳn là do yêu mến môn địa lý. Còn phòng? Và giường, đệm của ông thì thế nào đây?

- Ông hãy giữ lại cho tôi.

- Ông ăn tối với chúng tôi chứ?

- Không được. Nếu bố tôi quay về thì...

-Ồ, bố ông quả thật là có phúc. Chẳng như các con chúng tôi đối với chúng tôi.

Gabriel tưởng tượng ra những con người ấy, họ bán đồ sắt ở Pommerit - le - Vitcomte hay làm người phụ coi ga ra ô tô ở Lanvollon. Những người dân Breton, ở những thế hệ trước, xung vào hải quân để xuôi ngược trên các biển nhiệt đới. Bây giờ, người dân các miền bờ biển phương Bắc không còn mơ tưởng đến Trung Quốc và Đông Dương nữa.

Gabriel lại tới phi trường quân sự, túi nhét đầy bánh Traou Mad. Theo lời chủ khách sạn thì bơ phết trong bánh có thể thay cho thịt và làm ta tỉnh táo.

Thỉnh thoảng, một dáng người, đầu mờ lem luốc, dừng chân đẩy nhẹ cửa (để khỏi bần cửa) vào lay một người đang nằm dài:

- Xe tắc xi đang đợi, thưa trung úy.

Viên trung úy vung tay:

- Có chắc không, có thật chắc không?

Ở quán rượu, những người thợ máy kể lại chiến công của họ: họ đã sửa chữa tất cả chỉ bằng những sợi dây thép, những ghim cài tóc, Myriam đã khấn khoản đề nghị đặt ba chiếc ghim riêng của cô trong chiếc Morane^[37]. Được rồi, chúng được dùng để đóng kẹt cửa sổ bên trái. Myriam đã muốn gửi một chút gì của cô ấy đến mặt trận, cậu hiểu không...

Những cô khác thì gửi mớ tóc, ảnh, sáp môi, bông tai, hoa khô.

Anh hãy dán tất cả lên bảng buồng lái. Các máy bay đã dần dần trở thành nhà bán đồ cổ? Bỗng nhiên, một trận ẩu đả nổ ra giữa không quân và không quân thủy chiến. Thường thì vẫn xảy ra như vậy, và thường được dàn hòa bởi những lính đánh thuê Mỹ, bọn người được Bộ Tham mưu ưu đãi. Trước khi đâm nhau, họ thường dùng những lập luận bí truyền để cãi nhau.

- Chắc chắn là các máy bay săn lùng hoạt động kém ở độ cao dưới 8000 bộ.

- Anh đã thấy chiếc Bearcat chỉ luẩn quẩn trong mây, đúng không?

Cũng có cả những cuộc nổi loạn nữa. Nhiều người như Gabriel muốn nhảy dù, nhưng họ không hiểu vì sao họ lại bị từ chối, trong khi ở mặt trận những anh hùng ở chiến hào đang chiến đấu một chơi năm. Họ nêu những lý lẽ nghe khá lọt tai: tôi là nhà vô tuyến nghiệp dư, tôi là thầy thuốc, tôi là thợ máy... Tôi muốn đến giúp bè bạn tôi...

Các viên đội không biết trả lời ra sao. Hoặc là họ nói giống như ở Hãng hàng không Air Fance vào dịp nghỉ hè: các anh đến quá muộn, không còn chỗ nữa. Các người tình nguyện liền đối đáp: ở Đông Dương, máy bay không bao giờ chờ đầy, bao giờ cũng có thể nhét thêm một người phụ, một con lợn thay vào chỗ bình chữa cháy...

- Nói khế thôi, khế thôi, - hai viên đội hét toáng lên.

Họ chỉ tay về phía bên kia hàng rào, những phi công đang nằm co trên ghế dài nhỏ hoặc nằm dưới đất, hai tay dang ra, đầu ngửa về phía sau, mồm há hốc. Họ không có thời giờ để về Hà Nội nữa. Sự quay vòng quá nhanh. Báo động thường xuyên. Bất thành linh, một người trong bọn họ đứng phắt dậy, mắt lơ dờ. Họ bị cơn thiếu ngủ hành hạ.

- Đến giờ rồi à, cậu có chắc không?

Hoặc là người ta thấy họ ngồi lì ở quầy rượu và nói chuyện về gió.

- Với gió tạt thế này thì làm sao thả xuống cho ổn được.

- Còn nơi đóng quân thì càng ngày càng bị thu hẹp. Gabrielle, Béatrice, Anne - Marie... đều đã thất thủ.

Thời đó, mọi người đều nắm được vị trí các ngọn đồi mang những tên phụ nữ. Hai ngôi sao của tướng phong cấp hàm cho tướng de Castries đều rơi xuống vùng địch. Những chiếc loa phóng thanh của Việt Minh không ngừng cảm ơn, có vẻ như thế, về những thứ từ trên trời rơi xuống, hành chục huân chương. Họ muốn chứng tỏ rằng họ mong nhận được lương thực hơn.

- Cần phải có Trái Bom, - các phi công nhắc đi nhắc lại với nhau.

- Người Mỹ đang chuẩn bị nó cho chúng ta. Nhiều người tình nguyện đang nhảy dù tiếp tục đến. Bằng xe hỏa hoặc xe hơi. Họ đến

từ khắp mọi miền ở Đông Dương. Họ thấy cần làm một cái gì đó, cần không thể tưởng được. Họ cần có tình bạn, hành động anh hùng, một chút ít sợ hãi. Nhưng cái chết là chắc chắn. Sự cần thiết thuộc về một cái gì. Người ta có cảm tưởng rằng có thể đi sâu vào các góc ngách của con người, mở hết các buồng, mở xẻ, phân tích những đêm tối, những cái bụng, những lo âu lúc bốn giờ sáng, tất cả những gì mà người ta rất ít gặp, sự trần trụi...

Bỗng nhiên ngừng ồn ào.

Ngừng bật.

Khi giờ khởi hành được loan báo, đoàn người tình nguyện thật, những người sắp sửa nhảy dù, rùng rùng chuyển động, họ ôm chặt trong lòng gói dù trắng, giống như một chiếc gối lớn, mặt họ tái nhợt.

Chỉ lúc đó mới thật yên lặng.

Người ta chỉ nghe thấy có tiếng bước chân đi xa dần, sau đó, tiếng động của người chơi bóng bàn rất chậm ở trại bên cạnh, giống như tiếng nước dò rỉ từ một cái vòi.

Nhảy dù là một sự bất nảy, Gabriel tự nhủ. Tôi cũng là một người nhảy dù với quả bóng đỏ của tôi. Một người nhảy dù hay mơ mộng, ở trong mây, rất hèn nhát, dễ bị chóng mặt, nhưng là người nhảy dù.

Mỗi ngày hai lần, các nhà báo ập đến. Họ nhảy từ tắc xi xuống như từ một xe Jeesp vậy. Họ nhả lại bài báo của họ, họ tỏ ra thức thòi. Họ bắn thỉu, thô lỗ, say rượu và tuyệt vọng.

- Thế nào rồi? – Họ hỏi.

Họ đánh thức những người đang ngủ:

- Thế nào rồi?

Không ai có thể trả lời: bí mật quân sự! Chẳng có gì quan trọng, các nhà báo đã biết câu trả lời.

- Huguette thế nào rồi? Thất thủ rồi à?

Các nhà báo tấn công những người ngồi xổm ở các góc phòng. Đó là thông tin viên của những thông tin viên, những người Việt Nam được đặc phái thường trực ở các phòng đợi.

- Thế nào rồi?

- Chẳng có gì hết.

- Đã một tuần nay, cậu chẳng cho mình được tin tức gì. Tớ cũng chẳng cho cậu được gì. Thế là hòa.

Rồi họ lại đi lùng sục ở chỗ khác, để thông báo cho toàn cầu.

Khi đi tản bộ gần chiếc máy bay, Gabriel đã tình cờ biết được sự kết thúc của tình hình. Một người thợ máy đang sửa một bảng điều khiển trong buồng lái của chiếc máy bay Invader 326. Anh ta bị lút đến cổ. Tiếng giày của tôi vang lên trên đường băng. Anh ta đã tưởng tôi là một đồng nghiệp. Thường người ta vẫn hay nhầm tôi là một đồng nghiệp.

Tôi nghe thấy tiếng cầu nhàu:

- Thôi đừng tản bộ nữa, hãy giúp tớ một tay. Nào cầm lấy cái dây này.

Tôi leo lên buồng lái. Tai tôi chạm vào các ống nghe.

Và như vậy là Gabriel đã nghe được cuộc đối thoại lịch sử.

Anh tưởng rằng các tướng nói với nhau bằng những từ quý ước. Nhưng không, họ vẫn dùng những từ thông thường hàng ngày.

“... Những gì ông đã làm cho đến nay, đều tuyệt đẹp. Không nên làm hỏng tất cả bằng cách kéo cò trắng. Các anh đang bị tràn ngập, nhưng không được đầu hàng. Không được kéo cò trắng”.

Người thợ máy đứng lên, đập đầu vào cần lái. Chúng tôi chạm đầu nhau. Sau một lúc im lặng, một giọng khác nói tiếp.

“- Tốt thôi, thưa đại tướng. Tôi chỉ muốn cứu các thương binh...”

- Phải, tôi biết. Ông hãy cố gắng làm cái đó thật tốt... Những gì ông đã làm đều rất đẹp, nên ông hãy làm việc đó đi. Ông hiểu tôi chứ, ông bạn già?

- Vâng, thưa đại tướng.

- Thôi, chào ông bạn, hẹn sẽ gặp lại”.

Người thợ máy đã đánh rơi chiếc kìm.

- Bây giờ thì chẳng cần chữa làm gì nữa, phải không anh bạn. Anh nghĩ sao? Ồ, anh đang làm gì đấy?

Câu chuyện tiếp theo diễn biến khẩn trương.

Đến Hà Nội. Gabriel thấy cửa khách sạn Hạ Long đã đóng. Trên tấm biển trắng men có dòng chữ

Tiền nghi đầy đủ

Không có buồng cho khách thuê trong ngày

Món ăn lịch sự

Đặc sản của miền biển

Có một bức thư nhỏ dán bằng băng dính. Tôi nhìn kỹ. “Gửi Gabriel”. Một thứ chữ của học sinh tốt nghiệp cấp I với những nét đậm và nhạt.

“Vì tình hình, chúng tôi ra đi. Chúng tôi chúc các ông sức khỏe tốt, ông và bố ông. Hãy tin ở những lời chúc tốt đẹp nhất của chúng tôi. Ký tên: ông, bà Leguillou.

T.B.: khi quay về, chúng tôi phải chi nhiều, vì vậy chúng tôi xin gửi kèm theo thư phiếu thanh toán tiền.

Ông, bà Leguillou, 7 Bis Quảng Trường Martray, Paimpol”.

Ở ga, người ta đang đánh nhau.

Chuyến xe lửa xuyên Đông Dương chật cứng. Chật cứng hành khách, như tất cả những chuyến xe lửa khác ở Á Đông. Người thì đứng trên nóc tàu, người thì ngồi xổm ở bậc lên xuống, có những gia đình đông đủ, người bố đội mũ, người mẹ với bộ cánh, và trẻ con đang khóc. Người bố đội mũ giơ vé tàu lên vẫy, và chỉ vào toa tàu đã chật cứng, ông ta kêu lên, đi toa này vé đã đặt chỗ rồi. Vợ ông ta rầu rĩ: ông hãy làm gì đi chứ, ông hãy nói cho họ biết ông là ai đi. Người chồng giơ chiếc ô lên.

Chất thành đống trên sân ga hành lý của một thành phố đang di tản: tủ lạnh, tủ áo xứ Lorain, tủ sách, ngựa gỗ bập bênh, bàn đồ, rồi đến các hòm lớn, đệm trải giường cuộn lại, một xe đạp máy... Bốn nhân viên đường sắt đang quay tròn quanh các núi đồ đạc ấy, họ giơ tay lên trời. Các người muốn gì nào? Tất cả những thứ này thì đã có tàu biển. Rồi một chiếc xe tải Citroën kiểu trước chiến tranh

tiến đến. Người lái và người đi xe, một người trẻ tuổi lịch sự có râu cằm, họ yêu cầu giúp đỡ để khuân hàng xuống.

- Còn gì nữa thế này, - người xếp ga quát lên.
- Công ty Địa lý, đây là hồ sơ của chúng tôi.
- Các anh phải đợi.

Những hồ sơ rất nặng. Các người khuân vác chỉ xê dịch được từng xăngtimét. Một hòm rơi xuống, vỡ toang trên nền xi măng, loảng xoảng tiếng gương vỡ. Nhà địa lý vội chạy đến, anh bới tìm trong đồng kính vỡ, anh rơm rớm nước mắt. Anh lẩm bẩm: “Các ông thấy đấy, tất cả xứ Đông Dương ở thế kỷ XIX là ở trong đồng kính này!”. Tay anh ta đầy máu. Ở thời ấy, các tấm ảnh đều chụp trên kính. Anh ta gần như phát điên, anh chạy dọc theo đoàn tàu đang bắt đầu chuyển bánh. Anh đưa cho một số hành khách đi tàu, những tấm kính còn nguyên vẹn: “Xin nhờ ông giữ cẩn thận và chuyển hộ tới phố Saint – Jacques ở Paris...”.

Trong hai ngày đêm đi trên tàu, Gabriel phải giữ một tấm hình cảm động (bà Verneville và ông tổng thanh tra Verrier đang ngồi trên mình voi chuẩn bị đi săn hổ), góc dưới bên phải nhon hoắt của tấm kính đâm vào xương ức của ông. Bây giờ, ông hãy còn giữ dấu vết của nó. Khi nghe ông kể đến lần thứ mười nguyên nhân của vết xước đó, Clara đã kêu lên: Anh nói dối, đây là do một phụ nữ gây ra. Có lẽ Clara đã nói thế để cho ông vui.)

Mỗi khi đoàn tàu dừng lại tại một ga. Chính quyền ở các địa phương lại đưa đến nhiều hòm đồ nữa, lại những trái núi nữa:

- Chúng tôi đã chuẩn bị xong. Ông hãy đọc chỉ thị của bộ. Tất cả đều phải chuyển đi Sài Gòn. Đây là một số tài liệu của Sở Điền thổ, Sở thuế, hồ sơ của nhân viên di tản, những học bạ...

- Không thể được! Không thể được!

- ... Còn đây là sổ sách về tài chính, hồ sơ về cải tổ chính quyền, ông hãy đọc tờ thông tư...

Sau khi huýt còi, ông trưởng ga tìm cách lĩnh đi, chạy theo ông là chính quyền địa phương; họ tức giận và dọa dẫm ông khi con tàu dần dần tăng tốc; trong khi đó, vẫn còn nhiều người tiếp tục leo lên tàu...

Đến ga cuối cùng, người ta không còn nhận ra đầu tàu và các toa khách nữa. Đoàn tàu xuyên Đông Dương chỉ là một khối đông đặc những đầu, những tay, những va li đang di chuyển trên đường ray, theo sau một đám khói.

VI

Sài Gòn (bis)

Khi Gabriel nhớ lại thời gian ông ta ở lại Sài Gòn, ông không khỏi lên án nền giáo dục thực chứng của ông. Chủ nghĩa thực chứng với ba mặt: thần học, siêu hình và khoa học, mới được tách riêng ra, không phù hợp lắm với miền Đông thâm trầm. Ngay cả đạo Thiên Chúa dù có Tam Thánh, có bốn bộ kinh và có mười hai linh mục, vẫn chỉ là một tôn giáo đơn giản, rất sơ lược so với những cái vô cùng phức tạp của sự luân hồi.

Khi từ trên tàu bước xuống, ông mệt lử và lúc đó, ông đã lập luận theo kiểu Carter:

- a) có rất nhiều khả năng là ông Louis đã chết,
- b) nhưng nguyên tắc sống của ông vẫn tồn tại, vẫn còn đang tìm một hình thức tạm bợ nào đó,
- c) những nguyên tắc sống thường được ưa thích ở những chỗ nào? Chỗ ôi thiu, chỗ mà những cuộc đời được tăng tốc (như bây giờ người ta nói về sự tăng tốc của các hạt cơ bản), chỗ mà các chất gây ra quá trình thoái rữa, và như vậy cả sự tái sinh (có thể do khí hậu),
- d) vào mùa xuân năm 1954 này thì *thủ đô của sự thoái rữa* là ở đâu, trên đất nước này? Xin trả lời: Sài Gòn, Phố Catinat, ở hàng hiên khách sạn Continental. Chính ở hàng hiên khách sạn này mà Gabriel đã chờ bố từ nhiều tuần nay. Ông đã nhanh chóng được coi là khách quen ở cái nơi cao cấp này. Nhân viên ở đây, chiều chuộng ông như là một mẫu mực cho khách hàng.

- Thừa các bà và các ông, các vị thấy đấy, - ông chủ khách sạn Continental nói. - Ông Gabriel Orsenna không hề sợ hãi, ông ấy đã chọn Đông Dương đúng lúc mọi người ở đây chỉ nghĩ đến chạy trốn.

Nhiều người, cả phụ nữ lẫn nam giới, đã đến bắt tay ông, dù ông đang rầu rĩ.

- Xin cảm ơn ông. Phía Nam Vĩ tuyến 17 đang cần những người như ông.

Đó là những lời lẽ quý tộc, những lời giả dối, tung ra bởi những chủ nhân Cửa hàng bách hóa Catinat, Nhà máy bia và nước đá Đông Dương, Hãng Randon, Công ty Descours Cabaud, Hiệu sách Portail, Nhà hàng Charner. Họ đang muốn bán cơ sở của họ nhưng không có người mua vì thời cuộc. (Người ta nói là bán, nhưng thực ra là bán tống bán tháo).

Ngay cả ông chủ khách sạn, vào một số buổi chiều, cũng thỉnh thoảng cảm thấy mệt mỏi. Ông lại gần Gabriel.

- Khách sạn Continental thật là nặng nề, ông Orsenna ạ, từ nhiều năm nay. Lại còn khách sạn phụ La Perruche, biết bao nhiêu buồng, bao nhiêu là đệm, bao nhiêu bộ đồ ăn, tất cả đè nặng lên vai một người.

- Ở chung quanh nơi đây, người ta đều nói một giọng như vậy.

- Bây giờ đến lượt những người khác thay thế, chúng tôi đã tặng cho thế giới tự do quá nhiều.

Gabriel chẳng buồn nghe nữa, ông luôn luôn chú ý theo dõi. Như một người cần ăn ở Wimbledon, ông không ngừng quay đầu lúc sang phải, lúc sang trái. Ông cũng chẳng thèm để ý đến nhận xét của những khách hàng ngồi cạnh. Họ tưởng là ông sợ.

- Ông đừng sợ. Từ năm 1949, người ta không còn ném lựu đạn vào các hàng hiên nữa. Hơn nữa, ông cũng chớ quên Hiệp định Genève. Điện Biên Phủ dấu sao cũng không phải là hoàn toàn bất lợi.

Nhưng Gabriel có sợ đâu. Ông một mình chờ đợi bố ông. Ông theo dõi tất cả mọi người, tất cả mọi sinh vật, những người đi qua, những chó, mèo nuôi trong nhà, chim chóc trên cành, chim ưng trên trời.

Ông chờ một dấu hiệu. Ông tự giận mình vì đã quá gần hết cuộc đời mà vẫn chưa học được một điều quan trọng nhất: nhận biết được người bị lạc trong số đông những người đang đi kia.

Một đêm, ông bị mất ngủ, giống như những đêm ông bị Ann và Clara giày vò (không biết bây giờ họ đang làm gì nhỉ?). Ông nghe thấy nhiều tiếng động, tiếng hét, tiếng cười. Ông mặc quần áo và xuống nhà dưới. Ông muốn có một khái niệm về Sài Gòn ở một thời buổi mà ông chưa từng biết đến. Biết đâu, ông Louis lại chẳng tìm được một tay ăn chơi nào đó để tạm trú một thời gian? Phải, biết đâu đấy!

Ông chủ khách sạn cắn móng tay, khi thấy Gabriel.

- Không phải là tôi tán thành họ, thưa ông Orsenna, nhưng tôi hiểu.

- Có gì xảy ra thế?

- Các ông bà đây (ông ta chỉ một cái cửa của một phòng khách đã đóng chặt), họ đang ăn mừng ngày nhượng lại Nhà hàng Charner, cho một người Mỹ. Tôi đã bảo họ nên giữ yên lặng một chút, khách hàng của tôi đang ngủ.

Ngày hôm sau, người ta thay phiên nhau đến chúc mừng những người may mắn bán được cửa hàng ở bàn của họ. Họ lộ rõ vẻ vui

mừng. Ngày mai, họ sẽ lên tàu.

- Ông có biết rằng người Mỹ, họ sẽ dùng cửa hàng của chúng tôi làm gì không? Xây dựng một trường đại học, để xây dựng tương lai cho Đông Dương. Còn tôi và vợ tôi, chúng tôi rất vui là khi ra đi, được nghe thấy nói về tương lai.

Còn những người đang tìm cách bán cơ sở của họ thì nghiêng rằng: ăn mừng âm ỉ lên như thế chỉ tổ làm cho giá cả càng hạ thêm.

Từ ngày hôm đó, Gabriel chú ý nhiều hơn đến các du khách người Mỹ, mỗi tuần lại đông thêm. Họ đã liều đến tận hàng hiên của Khách sạn Continental. Người ta phải xô đẩy nhau vì họ, nhường chỗ cho cái mỉm cười tuyệt đối của họ, chịu đựng những cái áo sơ mi hoa, đầy lạc quan của họ.

- Nếu bỏ ta lại...? - Gabriel tự hỏi.

Những ý nghĩ đó chỉ bám bên ngoài như một con nhặng, một cái gì thường trực, kích thích và nguy hiểm.

Nhưng ông cũng có những lý do về sự tái hiện thân theo kiểu Mỹ của ông Louis: Marguerite đã chẳng cho ông một ví dụ là gì? Trong nửa thiên niên kỷ thứ hai này, bất kỳ ai còn ngưỡng mộ đế chế, đều hy vọng nhập tịch vào Mỹ.

Thế là Gabriel đã quên cả lễ giáo, ông lại gần và đi theo chân những anh chàng to lớn và vui nhộn ấy. Ông quan sát họ, đánh hơi thấy họ, chờ đợi một cái nháy mắt hoặc cử chỉ nào đó. Ông như muốn nói: "Chính tôi là Gabriel đây. Anh đừng có lo, tôi sẽ phục hồi sức khỏe theo kiểu Mỹ và tôi sẽ quay về Pháp".

Những cách nhập đề, những kiểu làm thân này cũng gây ra vài sự hiểu lầm (nhưng tuổi tác của ông đã bảo vệ ông), và nhất là những buổi tối bất tận, những buổi đối thoại tay đôi ở khách sạn, những

cuộc trò chuyện buồn thiu giữa nam giới với nhau, lại còn phải nghe trong hàng giờ liền những chi tiết về một chương trình (kế hoạch) cải cách toàn diện miền nhiệt đới.

- Ông có biết ông Thomas Joseph Corcovan không?

- Không.

- Đó là vị lãnh sự mới của chúng tôi ở Hà Nội. Rồi ông sẽ thấy, ông ta sẽ lập lại trật tự ở Đông Dương.

Ngày tháng trôi qua, những chiếc áo sơ mi hoa mỗi lúc một nhiều thêm, còn ông Louis thì ngày lại xa dần. “Anh đã không cố gắng, Gabriel, cũng chẳng hề gì! Anh đã không yêu bố anh. Thôi, ta quyết định ra đi đây...”

Máy bay cất cánh ở Tân Sơn Nhất, không gặp trở ngại gì, Những miếng bánh Traou Mad có phết bơ, hai tấm kính ảnh của Sở Địa lý quốc gia, một hóa đơn chưa thanh toán ở khách sạn Hạ Long, một bản đồ của Cố đô Huế, mùi rượu Hôi ở hàng hiên Khách sạn Continental, một câu pha trò đã làm ông Franchini lăn ra cười “Sang thế giới bên kia, tôi vẫn thích rượu vang ở đây”. Hình ảnh những chiếc sơ mi hoa vẫn hiện ra khi ta nhắm mắt, tiếng vo vo của một đoàn người phóng xe đạp Manufrance trên đường rừng, cái khôi hài của một vị bộ trưởng, ăn mặc như người câu tôm, một quản gia nghiệp dư, những cô gái Mỹ, một cuộc triển lãm thuộc địa ngu ngốc, những thảm trải giường gửi cấp tốc về Saint - Brieuc, một tên người: Louis, tất cả những cái đó, không phải là thứ hành lý thừa.

Công lý ở nước tôi

Sau giai đoạn cuối cùng, lịch sử phi nước đại.

Khi trở về Paris trước khi trở lại Cannes, Gabriel tạt qua phố Drouot.

Có một điều gì đấy làm ông nghĩ rằng bố ông có thể ở đó, hay là đã để lại đó đôi chút vết tích, vì mọi chuyện thường vẫn kết thúc ở nhà bán đồ. Nhưng, đó là một ngày rỗng tuếch, ông chỉ thấy những bộ sưu tầm đồ tráng men, đồ gỗ cổ của Tây Ban Nha, bộ tem nước Anh, chẳng có cái gì là đồ của ông Louis cả, dù là trong cuộc đời riêng tư bí mật của ông. Và cũng chẳng có chút gì giống nhau giữa ông Louis và những người chơi đồ cổ đang gí mũi vào một đồ vật họ ham thích hoặc vào bản catalô.

Nhưng Gabriel chưa mất hết hy vọng, ông sẽ còn trở lại đây.

Phải chờ thôi. Nhà hàng Drouot là một cái lưới chằng ra, hãy kiên nhẫn.

Khi tàu dừng ở ga Lyon, nhân vật của chúng ta bắt đầu run, ông biết rằng với tuổi đã cao, ông không còn cơ may nữa: sau nhiều lần tìm kiếm vô hiệu, như vậy là mỗi người đi một ngã và ông sẽ sống cô đơn cho đến hết đời. Ông định sẽ ngồi ở toa cuối cùng và sẽ là người cuối cùng xuống tàu. Ông tính toán rằng Ann và Clara sẽ nhận ra ông từ xa, và không thể nhầm ông với hành khách khác được. Họ sẽ thấy ngay vóc dáng thấp lùn của ông; rất quen thuộc với họ.

Ông thực hiện nghiêm túc ý định đó và vì vậy, ông đã phải chuyển chỗ vài lần ở dọc đường, ở Valence, một phần của con tàu phải cắt ở lại ga, còn ở Marseille, người ta dọn thêm các giường ngủ (những chiếc giường ban ngày đã bị gấp lại), nhưng ông đã quen rồi.

Chỉ những người đẹp mới có thể tỏ ra thư thái.

Tới Cannes, như đã định trước, ông là người cuối cùng rời khỏi toa tàu cuối cùng. Nhiều quân nhân cưỡi ngựa rời khỏi ga, nhiều gia đình ôm hôn nhau trong đường ngầm rồi biến đi. Thế rồi, sân ga lại vắng tanh.

Họ đã không tới.

Chỉ có một bóng người to lớn ở dưới cột đồng hồ. Bóng người mặc quần len mỏng màu nhạt và một chiếc áo vét khá dài. Bóng người có dáng một người chơi thuyền buồm đi nghỉ hè, và vào giờ này thì chẳng còn tiệc rượu ở Câu lạc bộ thuyền buồm. Bóng người không thềm nhỏ neo, bóng người là một người chơi thuyền buồm trên đất liền. Lại gần thì thấy trên mặt có những vết nhăn dài (điều đó chứng tỏ là những ông to lớn cũng có nhiều lo nghĩ) và bóng người có cái cười rộng toác (có thể nuốt gọn cả nhà ga ở Cannes).

Bóng người rút tay khỏi túi áo vét:

- Gabriel Orsenna phải không? Ông đừng lo ngại. Tôi cũng đã nhiều lần ly hôn. Tôi cam đoan với ông rằng các bà ấy đang chờ ông ở nhà.

- Nhưng, nhưng sao ông nhận ra tôi?

- Người ta đã báo cho tôi biết trước.

- Về vấn đề gì?

- Ông hãy đoán xem.

Chúng tôi cùng cười cho đến khi nhà số 13 Đường Western Wemys (tuy với cái tên mỹ miều ấy, trên đường có một đoạn dốc đứng).

- Ông tin tưởng những chiếc phanh tay chứ? - Người chơi thuyền hỏi. - Tôi thì không tin.

Chúng tôi chèn những viên đá lớn ở dưới các bánh xe sau, không phải bằng chân như những người miền núi, nhưng bằng tay, tìm cẩn thận những chỗ thích hợp, phải gí sát mũi vào ống sả.

- Phải, mọi người cho rằng chúng tôi ly hôn nhiều lần, - Gabriel nói.

Người chơi thuyền buồm ấy đẩy một cái cửa nhỏ.

Có mùi hoa trúc đào, mùi đá bị nung nóng, mùi sen cạn, cái mùi đã luôn bám lấy tôi làm tôi nhớ lại mỗi khi ngồi ở chiếc bàn này, phía trên mảnh vườn, cái mùi đó đã thấm vào đời tôi.

Họ ở đằng kia.

Cả ba chúng tôi cùng ăn tối trong thư viện. Người chơi thuyền buồm đã biến mất.

- Người chơi thuyền buồm là một nhà buôn giấy, - Clara nói.

- Ông ấy có một vợ, - Ann nói. - Họ sống ở Paris và thỉnh thoảng lắm họ mới về đây, khi công việc làm ăn cho phép.

Tôi nhìn họ, từ Clara đến Ann rồi từ Ann sang Clara. Tôi mở mắt ra rồi nhắm mắt lại.

- Anh làm sao thế? Anh khó chịu à? - Clara lo lắng hỏi - Bụi than bay vào mắt chẳng? Anh đưa xem nào?

Gabriel lắc đầu, nhiều lần. Ông chỉ thấy có nhiệm vụ cần thiết là phải công nhận giá trị của hai miếng da bé nhỏ đó của cơ thể, từ trước đến nay vẫn bị ngộ nhận: các mí mắt có một vai trò rất quan trọng. Đó là những cánh cửa không ngừng được mở ra. Chúng đã có tác dụng đưa những phụ nữ vào đời một người đàn ông.

Sau đó là những bức thư.

Sáng sớm hôm sau, hai bức thư tình bình thường và một phong bì nâu nhạt được gửi tới. Đó là những bức thư bình thường, vì trên đó có một dãy dài địa chỉ, nhưng hầu hết bị gạch, chỉ còn lại một.

Đảo Jatte, Levallois

Khách sạn Continental, Sài Gòn

Grand Hôtel, Huế

Khách sạn Hạ Long, Hà Nội

Đảo Jatte, Levallois

Đường Wester Wemys, Cannes - la - Bocca

Người ta có thể so sánh chúng với những dãy huân chương bất tận của những anh hùng, kéo dài xuống tận thất lực.

Ann đã thông báo, coi tôi như người làm ăn, không dài dòng, không văn chương. Chỉ dùng một công thức khô khan:

TÊN NGƯỜI GỬI: Knight

NGÀY GỌI: 14 tháng Tư năm 1954

GIỜ GỌI: 09-17

NỘI DUNG: Clara. Báo động đỏ. Ở đây, Liên hoan, Đoàn làm phim của ông Ripois ở trọ nhà ta. Không đứng đắn. Phụ trách quay

phim rất cảm động, không ngừng tranh luận với chị tôi về ánh sáng.
Tóm lại. Báo động đỏ

SẼ GỌI:

NGƯỜI GỌI:

HỦY VIỆC VN:

KHÁC: Về ngay

Trước khi bóc thư thứ hai, tôi ngẩng đầu lên và thấy ông Louis đến chào tôi. Đó là hồn ma của ông thoáng qua nhờ ngọn gió. Con đừng mất công, Gabriel, bố chỉ đi ngang qua đây thôi. Liên hoan ở Cannes vẫn làm ông nuối tiếc, chúng ta phải nghĩ đến Liên hoan ở Cannes, đó là hình thức mới nhất của cuộc triển lãm quốc tế. Con hãy còn trẻ, Gabriel, con không thể xin gia nhập Liên hoan ở Cannes được ư?

TÊN NGƯỜI GỬI: Ann

NGÀY GỌI: 2 tháng Năm năm 1954

CHỜ GỌI: 08-05

NỘI DUNG: Clara. Sáng nay không thấy ở giường ngủ. Đã đi cùng với phụ trách quay phim của ông *Ripois*. Đúng như dự đoán. Mặc xác anh đấy. Trong đời này không phải chỉ có bố anh.

SẼ GỌI:

NGƯỜI GỌI:

HỦY VIỆC VN:

KHÁC: Dù sao anh cũng nên về. Em và nhà sản xuất lớp xe bị bỏ rơi phải là đồng minh với nhau.

Gabriel nhìn qua cửa sổ. Mặt trời vừa ló ở phía trên mái nhà. Clara đã xuống đường và đi chụp ảnh. Clara mặc áo ngủ màu xanh nhạt, đang cúi xem hoa. Người phụ trách quay phim của ông *Pipois* chắc là hút thuốc ở giường ngủ, hoặc làm cái gì đó mà Clara không ưa. Gabriel không còn có ảo tưởng: Clara đang muốn chinh phục, tiếp tục chinh phục và chinh phục đến cùng. Gabriel không bao giờ được nghỉ.

Phong bì cuối cùng (màu nâu) là một giấy gọi của Sở hiến binh ở Nice. Việc có liên quan đến ông, ngày mai, mùng 1 tháng Sáu năm 1954, mười giờ, nếu ông đi vắng thì đến ngay khi trở về.

Thành phố Nice

Tôi xuống ga và theo Đại lộ Gambetta. Dân chúng có vẻ như đang tản bộ. Có lẽ tôi làm chẳng? Khi mặc quần áo màu nhạt, người ta có vẻ như đang đi nghỉ. Đó là giờ giao hàng. Có mùi hành, mùi hoa mới cắt, mùi hộp các tông mới. Một người đem từ trên xe tải nhỏ xuống một bó hoa rất lớn. Người ta chỉ nhìn thấy hai bắp tay tròn trĩnh ôm lấy bó hoa và một cái đầu hói nhô lên trên những bông hoa cắm chượng đỏ. Người ta đã xếp thành một hàng dài trước cửa quỹ hưu trí. Một nhân viên cảnh sát, tay mang găng trắng, đang ngồi trên một ghế dài.

Ở phía dưới kia, một nhóm người lau cửa kính đang ngấm mặt tiền ngôi nhà Negresco. Họ đã đặt dựa vào một cái ghế dài, giữa hai bồn hoa, những cái chỗi dài với những cái thang đặc biệt, đầu thang bọc vải. Họ đếm số cửa sổ và họ thấy hoảng.

Sở hiến binh

Chậm trễ cũng vô ích. Lý lịch đã khai xong. Cấp trên gọi. Được gọi vào một văn phòng trắng rất cũ kỹ. Mùi thuốc lá. Một tờ giấy 21 x 27 được lắp vào máy đánh chữ một cách khó khăn. Hai giờ thẩm vấn. Kết thúc. (“Tất cả việc này đều phức tạp”!) Ký tên vào một bản án kết luận sơ lược. “Lính gác, hãy đưa ông ấy đến tòa án”. Chấm dứt được giai đoạn hiến binh.

Tòa án

Thẩm phán là bà. Thật ra là cô Lublin. Cô có mái tóc màu ghi, cắt theo kiểu cái bát. Cô có vẻ có cảm tình, nhưng lại hút thuốc lá. Còn Gabriel ngồi trước mặt cô, ông nghĩ rằng những người bị đem ra xử phải được quyền chọn thẩm phán hút thuốc hoặc không hút thuốc. Một can phạm có thể bị xử phạt tiền, bị tù hoặc còn có thể bị xử tử.

Không có điều luật nào trong bộ Luật Hình sự lại nói đến bệnh viêm phổi mãn tính hay ung thư phổi. Ý nghĩ này làm ông thêm can đảm trong lần thẩm vấn thứ nhất.

Luật sư

Khi ra khỏi tòa án, rượu cô nhắc ở tiệm cà phê cùng tên (Tòa án). Bây giờ Gabriel mới hiểu rằng, người trẻ tuổi nhạy cảm kia xanh (ông xanh lợt, có lẽ không được khỏe?) không phải vô tình mà đến đây.

Những nhà đồn đám ma thường đến các bệnh viện. Những bia kỷ niệm bằng thạch cao thường bán ở cửa nghĩa địa. Luật sư Félix A. tìm khách hàng ở tiệm cà phê “Tòa án”.

Đêm tối

Thường thường, vào giữa đêm, nếu một trong ba chúng tôi: Clara, Ann hay tôi, hoảng sợ thì hai người kia sẽ đến thăm hỏi ngay. Chúng tôi bật tất cả đèn lên.

Clara chụp ảnh mọi vật, rất nhiều thứ linh tinh: chân tử, bóng đèn cháy, một chiếc giày... Clara rửa phim ngay. Cuối cùng, trời sáng.

- Anh Gabriel, một người hiền lành và nhát như anh mà lại là can phạm ư? Kỳ cục thật!

- Khi bị truy tố, liệu họ có mở xem tất cả hòm xiềng không, Gabriel?

- Anh sẽ nói đến chúng tôi chứ?

- Chúng tôi sẽ trả lại, cảm ơn anh Gabriel, cảm ơn vụ kiện cáo của anh.

- Cốt nhất là anh đừng nói dối, Gabriel.

Ann và Clara sẽ giúp đỡ hết sức cho nền công lý của đất nước họ.

Như vậy, bà làm nghề bói chữ viết, buổi sáng hôm đó khi mở cửa sổ, đã thấy ba người đang nói chuyện trên chiếc giường lớn. Bà thử nhớ lại chữ viết của Gabriel. Bà tự hỏi không biết nét chữ của một người đàn ông có gì chứng tỏ sở thích của anh ta với hai chị em.

Bức thư của Louis

Sân bay Bạch Mai - Hà Nội.

“Gabriel,

Con có thể giúp bố việc cuối cùng này không?

Con sẽ đồng ý công việc bố giao chứ?

Con thấy không, một người sắp chết cần phải được nhẹ nhàng, không hành trang, nếu muốn có cơ may sang được kiếp khác.

Con hãy đọc kinh Phật, Gabriel. Những người nặng kiếp. Họ sẽ không được luân hồi. Họ sẽ nằm lại trong lòng đất.

Con muốn bố con cũng phải như thế sao? Những con giò, bộ xương? Con muốn bố con không còn được du hành nữa sao?

Ta hiểu con.

Chắc là con chấp nhận. Cảm ơn.

Bố sẽ thành thật, Gabriel. Bố già của con sẽ bắt con phải chịu đựng vài sự phiền toái, nhưng đây là lần cuối cùng, bố thề với con như vậy. Người ta sẽ làm phiền con, thậm chí còn. Bố bắt buộc phải dồn gánh nặng lên lưng con, những điều mà người ta có thể lên án bố, con hiểu chứ? Đó là việc buôn bán xe đạp, cùng với ông Dekarkove. Họ sẽ hỏi con về cái đó, chắc chắn vậy. Con sẽ bắt buộc phải thanh minh. Đối với con thì cũng tốt thôi, người ta cần phải làm sáng tỏ cuộc đời mình. Không nên giữ riêng nó cho mình như con làm. Mỗi cuộc đời lại có nét riêng biệt, mỗi chi tiết đều có cái đẹp. Ta phải biến cuộc đời ta thành một cuộc triển lãm quốc tế. Một ngày nào đó, con sẽ có con trai, và nó sẽ muốn biết bố nó là người như thế nào. Hãy tin bố, ta chỉ biết rằng bố của ta là người Mexique, có thể thôi! Nhờ có bố, vấn đề của con sẽ làm giàu cho di sản tư pháp của chúng ta. Sau này sẽ có hồ sơ Orsenna ở nơi lưu trữ: đó là một vật bất tử chẳng thua kém gì các vật khác.

Con cũng sẽ không thất vọng vì cử tọa của con: một người phụ nữ không bao giờ chịu chú ý nghe như một hội thẩm. Cả Clara, cô chụp ảnh. Cả Ann, người thường không bao giờ chịu nghe cũng vậy.

Và nếu công việc này nặng nhọc quá hoặc có chiều hướng xấu thì con hãy đưa bức thư này ra. Bố sẽ thú nhận là đã giúp những người cộng sản Việt Nam. Con cũng vậy, nếu con không gặp hai chị em ấy, thì thật đáng trách vì họ đã làm con mất ý niệm về lịch sử. Bố không trách gì con, vì không phải lỗi của con. Làm sao ta có thể tin ở tiến bộ khi người ta còn say đắm một mối tình vô vọng (yêu cả hai chị em?). Bố tin rằng con không phải mắc xit. Con trai của bố không hề có kế hoạch gì lớn cho loài người, anh ta chỉ có hai tham vọng (hai chị em) và một phương pháp (không phải phép biện chứng, mà sự bất nảy). Con trai ta hiền lành, yêu thực vật, hèn nhát và dân chủ.

Nhưng con hãy giữ kín lời thú tội trên đây của bố càng lâu càng tốt. Chỉ nên nói ra ở phút chót mà thôi. Hãy để cho bố có thời giờ chuẩn bị cho cuộc đời mới. Động lực của sự tái sinh không có liên quan gì đến đấu tranh giai cấp. Khi đã yên vị, có lẽ bố sẽ quay về với chủ nghĩa cộng sản. Nhưng con hãy để cho bố được nhẹ nhàng chuyển kiếp, cho bố được thanh thản. Bố không muốn nhân viên

cảnh sát đến lục lọi giấy tờ của bố, hay rình mò ngôi mộ của bố. Con hãy tiếp nhận họ thay bố. Cảm ơn con về việc này. Và sau này, ta sẽ gặp lại nhau ở Jérusalem, như những người Do Thái thường nói.

Bố ôm hôn con, người bố thanh thản của con. Bố thật thanh thản, nhờ có con.”

Đó là bức thư tưởng tượng,

Ông Louis chưa hề viết.

Dĩ nhiên là Gabriel cũng chưa hề nhận được.

Như vậy thì ai đã tố cáo tôi? Có lẽ, một quan chức ở Sài Gòn đã thấy được vai trò của xe đạp trong cuộc thất thủ ở Điện Biên Phủ. Hay là Ann, hay Clara đã đùa một chút, để nhớ lại những kỷ niệm.

Gabriel đã không đọc những lời khuyên của ông Louis: tất cả cuộc đời của Gabriel đã được kể lại trong tập hồ sơ gồm tám trăm tờ giấy kia, một câu chuyện có thật và được viết cẩn thận. Vì tình yêu vô vọng (với hai chị em), nên ông có nhiều thời giờ để viết. Ông đã viết xong cuộc đời ấy cho những ai muốn đọc, viết cho đứa con trai muốn mang, viết cho vị thẩm phán. Còn về phía bà thẩm phán, bà muốn gì ở tôi nào?

Bà thẩm phán và Gabriel không quan tâm đến cùng một vấn đề. Khi nhân vật của chúng ta gọi lại Levallois, Auguste Comte, Belem do Para (Brésil), Washington, Albany thì bà Lublin bèn xua tay.

- Ông đừng có dìm chết cá dưới nước, ông Orsenna. Chúng ta đang nói về Đông Dương. Việt Minh đã thanh toán tiền xe đạp với ông như thế nào?

Dìm chết cá dưới nước, bà ấy nói hay thật! Tôi đâu phải con cá mà cuộc đời tôi đã dìm chết nó dưới nước?

Con đã làm hết sức mình, bố Louis ạ, con xin thề. Con đã mở đầu rất nhẹ nhàng và dần dần để làm vừa lòng họ, con đã bịa ra những con đường, những chi tiết kỳ dị, có thể là đúng sự thật. Lẽ ra, bố cũng phải cung cấp cho con một ít thông tin về việc chuyển xe đạp đến miền rừng núi Việt Nam như thế nào, có phải là từ Trung Quốc, từ Quảng Đông, Vân Nam rồi qua Lào Cai, thung lũng sông Hồng? Con không nhầm chứ, bố công nhận là đúng chứ? Nhưng họ đã không tin con, cả vị thẩm phán, cả luật sư Félix đẹp trai. Họ nhìn con, và nhiều lúc lại tỏ ra thương hại: tại sao con người nhỏ bé này tự làm khổ mình như vậy? Không bao giờ người ta lại tin rằng con là một phần tử tích cực.

Gabriel có cảm giác là ông đã làm mọi người thất vọng, thật khủng khiếp quá, ông đang thấy cần được yêu mến.

“Tôi đã tưởng rằng đây là một vụ hay ho!” Bà thẩm phán nghĩ vậy. Bà thở dài sau mỗi lần nhả khói thuốc.

“Tôi thì lại mơ tưởng đến một vụ kiện chính trị thực sự cơ đấy!” Viên luật sư của tôi nhăn mặt, buồn bã nhìn đồng hồ.

Thế rồi, Gabriel im bật. Ông chào lễ phép và đứng lên. Ông không bị hiến binh giữ lại. Thật hổ thẹn!

Sau đó ít phút, trên hè đường, trước tiệm cà phê “Tòa án”, viên luật sư của tôi lớn tiếng bảo:

- Tiền thù lao ư? Tại sao lại lấy tiền thù lao? Nhiều người trong tiệm quay lại nhìn chúng tôi. Ông muốn bị kết tội ư, có phải thế không? Ông muốn rằng tôi giúp ông chìm xuống phải không. Ông bạn bé nhỏ thân mến của tôi ơi, tôi không muốn bị gạch tên. Một luật sư chỉ giúp cho người ta được thả ra chứ không giúp cho họ bị giam cầm. Ông hãy đến hỏi ông trưởng đoàn luật sư xem có đúng thế không. Phải, ông hãy viết cho ông ấy.

Thế rồi ông ta bỏ đi, không nói thêm lời nào, không bắt tay, đầu cúi xuống như có vẻ muốn chờ đợi một điều gì. Nhưng mà là cái gì? Không khí ở Nice chẳng?

Xin lỗi, bố Louis, con đã không giữ được vai trò của mình, con mong rằng thất bại này sẽ không làm cho bố bị cản trở mọi kế hoạch và bố sẽ được đầu thai trở lại. Thật là khủng khiếp khi về cuối đời, ta không cảm thấy gì hết, ngay cả đến việc phạm tội nữa.

Gabriel thường nghĩ đến cô Lublin. Cô đã tuyên án là anh được miễn tố, một cách miễn cưỡng. Hôm ấy, cô buồn trông thấy, cử chỉ đột ngột, mắt nhìn xa vắng, hút nhiều thuốc lá hơn bình thường. Một nỗi buồn dễ hiểu.

Cuộc đời một thẩm phán không vui vẻ gì: bàn giấy màu xám, nhiều hồ sơ màu xám, hơn kẻ thù số một. Do đó, trường hợp màu mỡ: một nhà thực vật học và bác sĩ, một kẻ loạn luân nhưng hiểu thảo thì người ta bám riết lấy, đó là thường tình. Người ta đã phải kết thúc phiên toàn một cách luyến tiếc rằng, con người bé nhỏ kia, nhà thực vật Orsenna Gabriel, không có gì chứng tỏ là một kẻ phá hoại cả, dù ông ta nói gì chẳng nữa. Ồ! Tại sao những sự việc hay ho thế này mà lại vô can? Lẽ ra, tôi không nên chọn nghề này mới phải, cô Lublin chắc phải tự nhủ vậy.

Thỉnh thoảng, Gabriel ấp ủ dự định muốn gửi tặng cô một bó hoa hồng. Họ sẽ dần hòa với nhau, sẽ thỉnh thoảng ăn trưa với nhau ở bên cạnh cũ. Họ sẽ nói với nhau về cuộc sống, sẽ trao đổi quan điểm với nhau. Quan điểm của thẩm phán và của nhà sản xuất lốp xe. Cô sẽ thở thở : Ồ, tôi không quen dùng rượu, nhưng cô lại vẫn cứ uống.

Chưa bao giờ Gabriel thực hiện kế hoạch ấy. Ông giận cô Lublin. Càng ngày ông càng giận nhiều hơn, vì với năm tháng, ông càng khó “giết” thời gian hơn. Có một số vị thẩm phán, những người yêu

nhân loại, đã thu xếp để kéo dài những vụ kiện của người già. Họ biết rằng, một vụ kiện dù là rối rắm đối với người già cũng là những việc bận rộn đáng quý, có thể còn hơn nữa: đó là sự hồi xuân của họ.

Cô Lublin đã không có hảo tâm đó.

PHẦN KẾT

Và giờ đây.

Chúng tôi lại ngồi bên nhau, vào buổi chiều.

Clara và Gabriel.

Ông Louis đã đi mất. Bà Élisabeth cũng vậy. Ông Markus cũng vậy. Bà Marguerite đã đi Mỹ.

Ann vì có công việc ở Monaco, nên sẽ về muộn hơn.

Và thế là cả ba chúng tôi đã thoát chết.

Ngoài những hoài bão lớn, gia đình Orsenna và Knight đều có cái đặc biệt giống nhau là sự tan biến. Họ mất đi mà không để lại thân xác. Vì vậy, Gabriel không rời mắt khỏi Ann và Clara. Ông thấy họ đẹp và họ có thể biến đi như những người khác.

Chúng tôi ngồi ở hàng hiên quán cà phê, ngay đầu phố Antibes. Chỗ đó rất khó chịu trong thời gian Liên hoan, nhưng bây giờ lại rất yên tĩnh, rất đáng yêu.

Chúng tôi vừa uống rượu khai vị vừa đưa mắt nhìn những người đánh cá trở về.

Đó là giờ mà Bảo Đại đi dạo hàng ngày. Hai tay bảo vệ của ông, bảo đảm cho hành tung bí mật của ông, vì người ta chỉ chú ý đến hai tay này. Chúng to tiếng, chúng cãi nhau, chúng chửi nhau bằng tên những con ngựa. Chúng ngày nào cũng đi Cagnes-sur-Mer trong khi cựu hoàng để ngủ trưa. Đó là thời gian lý tưởng cho một cuộc ám sát. Nhưng ám sát một cựu hoàng để để làm gì?

Một vài lần, tôi nghĩ là Côte d'Azur cũng giống như Đông Dương. Đó là chuyện bình thường, vì phần lớn số giấy bạc kiếm được ở

đằng kia, lại được đầu tư vào vùng này. Và tất cả mọi người đều đợi cái chết đến, ở đây cũng như ở đằng kia.

Thế đó.

Tập hồ sơ đang ở trước mặt chúng tôi. Gabriel luôn giữ nó bên mình. Đi đâu ông cũng mang theo trong chiếc cặp học sinh. Ông mong rằng một ngày nào đó, cuộc thẩm tra lại nổi tiếp và ông sẽ lại được nói về bản thân mình, về cuộc đời mình trước một ban hội thẩm, vì Ann và Clara thì không chịu nghe ông nói như ông mong muốn. Trong bức thư tưởng tượng, ông Louis cũng đã đoán trước được sự vô tình đó.

Những thủy thủ, chắc hẳn là họ rồi, đang sơn lại các con tàu cho mùa hè.

Người ta đã dùng hết bao nhiêu sơn trắng mỗi năm, trước khi mùa hè tới? Những câu hỏi như vậy vẫn thường đến với tôi. Khi vừa mới nghĩ ra lời giải đáp thì một câu hỏi khác đã lại xuất hiện... Vì vậy, các bà ấy thấy tôi luôn im lặng.

Clara trân trọng chiếc cặp học sinh, cái cặp giữ tám trăm tờ giấy của Gabriel, Clara đưa mắt nhìn Gabriel.

Một cậu thiếu niên tóc vàng, đang chơi bóng đá dưới lùm cây phong. Cậu chạy theo quả bóng, cậu đang dẫn bóng. Cậu để hết tâm trí vào đó. Nhưng người ta thấy ngay rằng nước da của cậu đã không chịu nổi sự gắng sức. Một nước da trắng nhợt bỗng trở nên đỏ bừng. Gabriel có thể đoán trước sự gì sẽ xảy ra với cậu bé. Một buổi chiều thứ Năm, huấn luyện viên của cậu bé sẽ gọi cậu đến một góc sân, đặt tay lên vai cậu và nói rằng cậu phải nhường lại chân cánh phải của đội bóng I cho người khác và em - hãy - hứa - với - tôi - rằng - em - sẽ - tiếp - tục - chơi - thể - thao - nhé - thể - thao - rất - tốt - cho - sức - khỏe - đấy.

- Có lẽ là cậu bé này chẳng? – Gabriel nói.

- Phải.

Bố mẹ cậu bé đang gọi cậu từ chiếc thuyền máy Ford trắng.

- Chúng ta có thể tặng cho cậu bé cái tên của chúng ta, Orsenna là một tên hay, - Clara nói.

- Và cho cả cuộc đời chúng ta nữa, cậu bé có thể sẽ tìm thấy hạnh phúc trong đó, - Gabriel nói.

- Anh nói có lý, - Clara nói, - đôi khi người ta cũng cần đến một bí danh.

- Và cả cuộc đời gắn liền với nó.

Họ không nhìn thấy bố mẹ cậu bé. Nhưng nghe giọng nói, người ta đoán ra rằng ông bố và bà mẹ hay hốt hoảng. Họ luôn sợ có chuyện gì đó xảy ra. Họ thuộc hạng người luôn nhắc nhở con: Con không được nhận bất kỳ cái gì của một người lạ, con rõ chứ!

- Anh hãy thử xem, - Clara nói. - Anh hãy đem cho cậu bé tập hồ sơ của chúng ta, rồi ta sẽ biết. Anh muốn em đi cùng với anh phải không? Người ta ít nghi kỵ khi ta đi hai người.

Theo thường lệ, sau bữa rượu khai vị, chúng tôi quay về Đường Wester Wemys, men theo con đường dưới thấp, giữa bức tường và đường sắt. Đó là đoạn đường mà tôi thích: chúng tôi cảm thấy an toàn hơn. Chúng tôi cầm tay nhau, tôi đi giữa, Ann ở phía trái, phía biển Địa Trung Hải, Clara ở bên phải, phía đường sắt. Gabriel liếc nhìn họ, hoan hỉ. Họ ở ngay bên ông; họ cao lớn biết bao, họ hơn ông hẳn một cái đầu. Thỉnh thoảng họ lại muốn đùa nghịch; họ nhắc bồng ông lên và đu đưa cứ như ông là một đứa trẻ, dù tóc ông đã

bạc trắng. Họ cười đùa. Cả ba chúng tôi đều làm vui nhộn khách qua đường.

Gabriel không ưa những lúc đó, nhưng ông không nói gì. Ông biết rằng phụ nữ không ai làm mất cuộc vui của họ. Vì vậy, ông im lặng chịu đựng và mỗi lần bị nhắc bổng lên, ông lại hô: Nước Pháp muôn năm, điều đó càng làm cho Ann và Clara thêm vui vẻ. Ông cố gắng hạ xuống đất nhẹ nhàng và lấy lại hơi thở trước khi lại bị nhắc bổng và lại hô: Nước Pháp muôn năm, thôi, hãy dừng lại, nước Pháp muôn năm, nước Pháp muôn năm...

[1] Nhà quý tộc (Tiếng Tây Ban Nha N.D.)

[2] Pho mát *ricotta* của Italia (N.D.)

[3] Trong nội thành. (Tiếng Latin trong nguyên bản. N.D.).

[4] Thung Lũng Tình Yêu hoặc Cảnh Nho Vàng. (N.D.)

[5] Bảy tuổi. (N.D.)

[6] Chia đôi. (Tiếng Anh trong nguyên bản. N.D.)

[7] Gabriel lảng mạn. Em đã nhìn kỹ, ngay cả vào mùa hè, khi anh ngủ và chẳng thấy vết sẹo nào. (Chú thích của Ann).

[8] Vòng đai trắng (Tiếng Anh trong nguyên bản, N.D.)

[9] Hy vọng là như vậy. (Chú thích của Clara.)

[10] Một sự kiêu hãnh ngu xuẩn của đàn ông (chú thích của Ann)

[11] Thảo nguyên ở Nam Mỹ. (N.D.)

[12] Chó săn thỏ cái (N.D.)

[13] Con bỏ quá cho Lloyds về sự thiếu chính xác này: thực tế chúng tôi đã từ chối lời mời đó (tôi còn gửi làm kỷ niệm tám thiệp mời bằng giấy Bristol cũ có in nổi hình cá heo, kèm theo lời chỉ dẫn bằng tiếng Latin mờ...)

[14] Tên một kiệt tác của đại văn hào Pháp Marcel Proust. (N.D.)

[15] Tiền Bò Đào Nha và Braxin. (ND)

[16] Liệu có thể gọi những cây cối chỉ do Thượng đế trồng là “đồn điền” không?

[17] “Chấp nhận tha thứ. Rất vui về danh tiếng nhiệt đới của anh. Xin lỗi, xích đạo. Ký tên: Clara”

[18] “Khi nghĩ tới điều này, em thấy hối tiếc. Vì chúng nói lên rất rõ nỗi sợ của chúng ta, những nỗi sợ mà chúng ta đã trải qua dạo ấy, và nếu không có những bức thư thì thật khó hồi tưởng lại những nỗi sợ, những nỗi sợ thật dễ quên biết bao, em rất hối tiếc, nhưng em hiểu rõ. Ký tên: Clara”

[19] Vợ của Orphée, là một nhạc sĩ nổi tiếng trong thần thoại Hy Lạp. (N.D.)

[20] Học sinh nam sang học sinh nữ. (Tiếng Anh trong nguyên bản.)

[21] Người bị người Do Thái coi là ngoại đạo. (N.D.)

[22] Tiếng Anh trong nguyên bản:

Trên cái đèn của tôi

Tôi sẽ dán những con mắt to

chúng sẽ rất to và tròn

cái đèn sẽ ngộ nghĩnh biết bao.

[23] Tiếng Anh trong nguyên bản: chúc em ngày hội Halloween vui vẻ. (N.D.)

[24] Tiếng Anh trong nguyên bản: nhà. (N.D.)

[25] EPHEMERA nghĩa là tạm thời. (N.D.)

[26] Tiếng Anh trong nguyên bản: bệnh lậu hay bệnh của người Pháp. (N.D.)

[27] Tiếng Anh trong nguyên bản: món quà tặng đặc sắc của tên người Pháp ô trọc, con của đồ lẳng lơ dâm đảng. (N.D.)

[28] Tiếng Anh nguyên bản: cuộc trình diễn. (N.D.)

[29] Tiếng Anh nguyên bản: đám cảnh sát. (N.D.)

[30] Chỉ là một chiếc đồng hồ của một nhà băng. (Chú thích của Ann.)

[31] Hòa ước kết thúc Thế Chiến I (1918). (N.D.)

[32] Anh thấy cần phải nêu ra điều dung tục này ư? (Chú thích của Clara).

[33] Một thanh niên còn rất trẻ, thật khó tin! (Chú thích của Clara) – Thật mà, đến tận ngày nay em vẫn tin là anh nói thật đấy (Chú thích của Ann).

[34] Tiếng Pháp, có nghĩa là thương binh (N.D.)

[35] - Chưa bao giờ thấy anh chàng Gabriel của chúng ta lại thơ mộng như vậy. Những mối tình dễ tiệt nhạt phai của mấy ông già. (Clara)

- Em van chị (Ann).

[36] Rõ rồi, ông già bị ám ảnh này chẳng còn tự hào về phần tiếp nối (Clara.)

[37] Trong kháng chiến chống Pháp, chúng ta thường quen gọi là *máy bay bà già*. (N.D.)

Table of Contents

[GIỚI THIỆU TÁC GIẢ](#)

[GIỚI THIỆU TÁC PHẨM](#)

[TẬP 1](#)

[PHẦN MỘT](#)

[TẬP 2](#)

[PHẦN HAI](#)

[PHẦN BA](#)

[PHẦN KẾT](#)

[\[1\]](#)

[\[2\]](#)

[\[3\]](#)

[\[4\]](#)

[\[5\]](#)

[\[6\]](#)

[\[7\]](#)

[\[8\]](#)

[\[9\]](#)

[\[10\]](#)

[\[11\]](#)

[\[12\]](#)

[\[13\]](#)

[\[14\]](#)

[\[15\]](#)

[\[16\]](#)

[\[17\]](#)

[\[18\]](#)

[\[19\]](#)

[\[20\]](#)

[\[21\]](#)

[\[22\]](#)

[\[23\]](#)

[\[24\]](#)

[\[25\]](#)

[\[26\]](#)

[\[27\]](#)

[\[28\]](#)

[\[29\]](#)

[\[30\]](#)

[\[31\]](#)

[\[32\]](#)

[\[33\]](#)

[\[34\]](#)

[\[35\]](#)

[\[36\]](#)

[\[37\]](#)